



CÔNG TY CỔ PHẦN MISA

**GIÁO TRÌNH
KẾ TOÁN MÁY
KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**

(Dùng cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế, Kế toán tại các trường ĐH, CĐ, THCN)

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
HÀ NỘI – 2020**

M U C L U C

MỤC LỤC.....	2
LỜI MỞ ĐẦU.....	8
QUY ƯỚC VỀ KÝ HIỆU SỬ DỤNG TRONG CÁC SƠ ĐỒ MÔ HÌNH HÓA HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN	10
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	11
CHƯƠNG 1.....	12
TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM KẾ TOÁN.....	12
1. Khái niệm phần mềm kế toán.....	13
2. Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán	13
3. Tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công.....	15
4. Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán	16
5. Phân loại phần mềm kế toán	17
6. Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán	20
7. Quy định của Bộ Tài chính về hình thức kế toán máy.....	22
8. Làm thế nào để đưa phần mềm kế toán vào ứng dụng?	23
9. Các tiêu chuẩn giúp lựa chọn phần mềm kế toán tốt nhất.....	23
10. Ưu, nhược điểm của phần mềm trong nước và phần mềm nước ngoài. ..	30
11. Câu hỏi ôn tập	34
CHƯƠNG 2.....	35
CÀI ĐẶT PHẦN MỀM VÀ MỞ SỔ KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP BẰNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA SME.NET	35
1. Giới thiệu tổng quan về phần mềm MISA SME.NET	36
2. Hướng dẫn cài đặt	36
3. Các bước tiến hành mở sổ kế toán	45
4. Phân công công việc và quyền hạn trong phòng kế toán	49
5. Thiết lập thông tin ban đầu.....	54
6. Nhập số dư ban đầu.....	57

7. Một số chức năng khác.....	78
8. Câu hỏi ôn tập	91
9. Bài tập thực hành.....	92
CHƯƠNG 3	98
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	98
1. Nguyên tắc hạch toán	99
2. Mô hình hóa hoạt động thu chi tiền mặt.....	99
3. Mô hình hóa hoạt động thu chi tiền gửi	100
4. Thực hành trên phần mềm kế toán	102
5. Câu hỏi ôn tập	130
6. Bài tập thực hành.....	131
CHƯƠNG 4	133
QUẢN LÝ PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN	133
1. Quy trình thủ tục hành chính để một doanh nghiệp áp dụng hình thức hóa đơn tự in.....	134
2. Mô hình hóa hoạt động quản lý phát hành hóa đơn	134
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	135
4. Câu hỏi ôn tập	146
5. Bài tập thực hành.....	147
CHƯƠNG 5	148
KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ.....	148
1. Nguyên tắc hạch toán	149
2. Mô hình hóa hoạt động mua hàng và công nợ phải trả	149
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	149
4. Câu hỏi ôn tập	177
5. Bài tập thực hành.....	177
CHƯƠNG 6	180
KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU	180

1. Nguyên tắc hạch toán	181
2. Mô hình hóa hoạt động bán hàng và công nợ phải thu	181
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	182
4. Câu hỏi ôn tập	220
5. Bài tập thực hành.....	221
CHƯƠNG 7	223
KẾ TOÁN KHO	223
1. Nguyên tắc hạch toán	224
2. Mô hình hóa hoạt động nhập, xuất kho.....	224
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	225
4. Câu hỏi ôn tập	244
5. Bài tập thực hành.....	244
CHƯƠNG 8	246
KẾ TOÁN CÔNG CỤ DỤNG CỤ	246
1. Nguyên tắc hạch toán	247
2. Mô hình hóa hoạt động quản lý công cụ dụng cụ	247
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	248
4. Câu hỏi ôn tập	268
5. Bài tập thực hành.....	268
CHƯƠNG 9	269
KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.....	269
1. Nguyên tắc hạch toán	270
2. Mô hình hóa hoạt động tăng, giảm tài sản cố định	270
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	271
4. Câu hỏi ôn tập	296
5. Bài tập thực hành.....	296
CHƯƠNG 10	298
KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG.....	298

1. Nguyên tắc hạch toán	299
2. Mô hình hóa hoạt động tiền lương và các khoản trích theo lương.....	299
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	300
4. Câu hỏi ôn tập	328
5. Bài tập thực hành.....	328
CHƯƠNG 11	329
KẾ TOÁN GIÁ THÀNH.....	329
1. Nguyên tắc hạch toán	330
2. Mô hình hóa hoạt động kế toán giá thành.....	330
3. Các phương pháp tính giá thành	331
4. Phân biệt chi phí và giá thành	334
5. Thực hành trên phần mềm kế toán	335
6. Câu hỏi ôn tập	367
7. Bài tập thực hành.....	367
CHƯƠNG 12	370
KẾ TOÁN THUẾ.....	370
1. Các khái niệm.....	371
2. Nguyên tắc hạch toán	373
3. Mô hình hóa hoạt động kế toán thuế.....	374
4. Thực hành trên phần mềm kế toán	375
5. Câu hỏi ôn tập	401
6. Bài tập thực hành.....	401
CHƯƠNG 13	402
KẾ TOÁN TỔNG HỢP VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	402
1. Nhiệm vụ kế toán tổng hợp	403
2. Mô hình hóa hoạt động kế toán tổng hợp.....	403
3. Thực hành trên phần mềm kế toán	404
4. Câu hỏi ôn tập	429

5. Bài tập thực hành – Bài tập tổng hợp	429
CHƯƠNG 14.....	440
MỘT SỐ CHỨC NĂNG HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA DOANH	
NGHIỆP.....	440
1. Quản lý hợp đồng	441
2. Phân tích tài chính	452
3. Ngân sách	459
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐÃ ĐƯA MISA VÀO GIẢNG DẠY TRÊN	
TOÀN QUỐC	464
TÀI LIỆU THAM KHẢO	476

LỜI MỞ ĐẦU

Trong các hoạt động kinh tế, chất lượng hệ thống thông tin kế toán có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Vì thế một hệ thống quản lý tài chính kế toán nhanh, mạnh, cung cấp một cách chính xác và kịp thời thông tin, làm cơ sở cho nhà lãnh đạo ra các quyết định quản trị một cách nhanh chóng, hiệu quả là vô cùng cần thiết. Ngày nay, do tính đa dạng và phức tạp của các hoạt động kinh doanh, cùng với sự phát triển không ngừng của Công nghệ Thông tin, các phần mềm kế toán đang trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả và chính xác nhất. Các phần mềm kế toán giúp các doanh nghiệp xử lý thông tin nhanh, an toàn; cung cấp các báo cáo kế toán kịp thời, hiệu quả.

Kế thừa những nội dung cơ bản của Giáo trình Kế toán máy doanh nghiệp 2010, bộ Giáo trình này được biên soạn nhằm giúp người đọc có cái nhìn cụ thể hơn về phần mềm kế toán MISA, hướng dẫn cách thức sử dụng phần mềm MISA SME.NET. Đối tượng của Giáo trình kế toán máy doanh nghiệp là các sinh viên đã và đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp chuyên ngành kế toán tài chính và các chuyên ngành về kinh tế khác, đã có kiến thức sơ đẳng về nguyên lý kế toán. Mục tiêu chính của giáo trình là:

- Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hệ thống phần mềm kế toán, tiêu chuẩn lựa chọn và đánh giá phần mềm, các loại phần mềm và các nhà cung cấp phần mềm trên thị trường.
- Cung cấp cho sinh viên quy trình xử lý của phần mềm kế toán nói chung và phần mềm kế toán MISA SME.NET nói riêng; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tiếp cận nhanh với phần mềm MISA cũng như các phần mềm kế toán khác sẵn có tại doanh nghiệp. Từ đó, họ có thể làm việc một cách hiệu quả nhất, mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp mình.

Nội dung Giáo trình gồm 14 chương:

Chương 1: Trình bày tổng quan về phần mềm kế toán. Với chương này, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về phần mềm kế toán, các loại phần mềm kế toán trên thị trường và cách lựa chọn phần mềm phù hợp.

Chương 2: Giới thiệu về phần mềm kế toán MISA SME.NET. Hướng dẫn cách cài đặt, mở sổ kế toán của doanh nghiệp bằng phần mềm kế toán MISA SME.NET, một số chức năng khác của phần mềm.




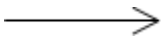
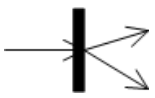
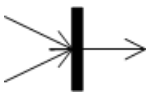


Từ chương 3 đến chương 12: Mỗi chương là một phần hành kế toán cụ thể, hướng dẫn người học từ các nguyên tắc hạch toán chung, quy trình hóa hoạt động của phần hành đó, cho đến việc thực hành trên phần mềm MISA SME.NET. Cuối mỗi chương đều có câu hỏi ôn tập và bài tập thực hành giúp người học hoàn thiện kiến thức của mình.

Chương 13: Hướng dẫn thực hiện các nghiệp vụ kế toán khác và các nghiệp vụ cần thực hiện cuối kỳ kế toán trước khi xác định kết quả kinh doanh và cách thiết lập các báo cáo tài chính.

Chương 14: Giới thiệu một số chức năng hỗ trợ công tác quản lý của doanh nghiệp như: quản lý hợp đồng, phân tích tài chính, ngân sách

Tuy tác giả đã có nhiều cố gắng song giáo trình không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Tập thể tác giả rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp chân thành của các đồng nghiệp và bạn đọc gần xa để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về: bizdev@misa.com.vn

QUY ƯỚC VỀ KÝ HIỆU SỬ DỤNG TRONG CÁC SƠ ĐỒ MÔ HÌNH HÓA HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN

Ký hiệu	Ý nghĩa
	Initial - Điểm bắt đầu một luồng sự kiện
	Final - Điểm kết thúc luồng sự kiện
	Action - Diễn tả một hành động nhỏ nhất trong đặc tả hành vi. Có nhiều đầu vào, đầu ra hoặc không có
	Control Flow - Diễn tả việc bắt đầu một hoạt động sau một hoạt động đã hoàn thành => giúp mô hình hóa chuỗi hoạt động không liên quan đến đối tượng cụ thể
	Fork - Diễn tả hoạt động có nhiều luồng ra và các luồng đồng thời xảy ra
	Join - Diễn tả hoạt động có nhiều đầu vào và các đầu vào xảy ra đồng thời
	Decision - Diễn tả hoạt động có một đầu vào và nhiều đầu ra. Sử dụng cho chọn lựa kiểu đúng, sai
	Note - Ghi chú

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Ý nghĩa
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
CCDC	Công cụ dụng cụ
BH	Bán hàng
CĐKT	Cân đối kế toán
CĐTK	Cân đối tài khoản
ĐGCT	Đơn giá chưa thuế
GTGT	Giá trị gia tăng
HMLK	Hao mòn lũy kế
KQHĐKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
NSD	Người sử dụng
NVL	Nguyên vật liệu
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
THCP	Tập hợp chi phí
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TSCĐ	Tài sản cố định
XDCB	Xây dựng cơ bản
NLĐ	Người lao động

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM KẾ TOÁN

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

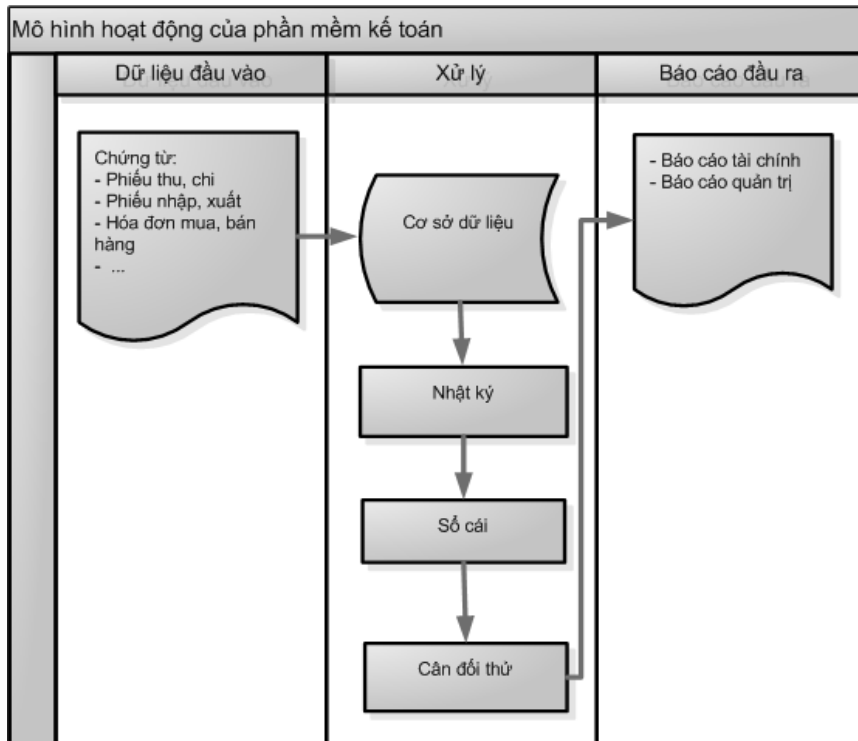
- Khái niệm phần mềm kế toán
- Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán
- Tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công
- Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán
- Phân loại phần mềm kế toán
- Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán
- Quy định của Bộ Tài chính về hình thức kế toán máy
- Làm thế nào để đưa phần mềm kế toán vào ứng dụng
- Các tiêu chuẩn giúp lựa chọn phần mềm kế toán tốt nhất
- Ưu, nhược điểm của phần mềm trong nước và phần mềm nước ngoài

Khái niệm phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán: Là hệ thống các chương trình máy tính dùng để tự động xử lý các thông tin kế toán trên máy vi tính, bắt đầu từ khâu lập chứng từ gốc, phân loại chứng từ, ghi chép sổ sách, xử lý thông tin trên các chứng từ, sổ sách theo quy định của chế độ kế toán đến khâu in ra sổ kế toán và báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị và các báo cáo thống kê phân tích tài chính khác. Tóm lại:

- Phần mềm kế toán đơn thuần là một công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán, tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc.
- Quá trình xử lý phải tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ ban hành.
- Độ chính xác của đầu ra báo cáo phụ thuộc vào yếu tố con người như kế toán thủ công.

Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán



Thông thường hoạt động của một phần mềm kế toán được chia làm 3 công đoạn:

Công đoạn 1: Nhận dữ liệu đầu vào

- Trong công đoạn này NSD phải tự phân loại các chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh tế sau đó nhập bằng tay vào hệ thống tùy theo đặc điểm của từng phần mềm cụ thể.
- Các chứng từ sau khi được nhập vào phần mềm sẽ được lưu trữ vào trong máy tính dưới dạng một hoặc nhiều tệp dữ liệu.

Công đoạn 2: Xử lý

- Công đoạn này thực hiện việc lưu trữ, tổ chức thông tin, tính toán các thông tin tài chính kế toán dựa trên thông tin của các chứng từ đã nhập trong công đoạn 1 để làm căn cứ kết xuất báo cáo, sổ sách, thống kê trong công đoạn sau.
- Trong công đoạn này sau khi NSD quyết định ghi thông tin chứng từ đã nhập vào nhật ký (đưa chứng từ vào hạch toán) phần mềm sẽ tiến hành trích lọc các thông tin cốt lõi trên chứng từ để ghi vào các nhật ký, sổ chi tiết liên quan, đồng thời ghi các bút toán hạch toán lên sổ cái và tính toán, lưu giữ kết quả cân đối của từng tài khoản.

Công đoạn 3: Kết xuất dữ liệu đầu ra

- Căn cứ trên kết quả xử lý dữ liệu kế toán trong công đoạn 2, phần mềm tự động kết xuất báo cáo tài chính, báo cáo thuế, sổ chi tiết, báo cáo thống kê, phân tích,... Từ đó, NSD có thể xem, lưu trữ, in ấn hoặc xuất khẩu dữ liệu,... để phục vụ cho các mục đích phân tích, thống kê, quản trị hoặc kết nối với các hệ thống phần mềm khác.
- Tùy theo nhu cầu của NSD thực tế cũng như khả năng của từng phần mềm kế toán, NSD có thể thêm, bớt hoặc chỉnh sửa các báo cáo nhằm đáp ứng được yêu cầu quản trị của đơn vị.

Tóm lại, mô hình hoạt động trên cho thấy các chứng từ mặc dù có thể được nhập vào hệ thống nhưng có được đưa vào hạch toán hay không hoàn toàn là do con người quyết định. Điều này dường như đã mô phỏng lại được khá sát với quy trình ghi chép của kế toán thủ công.

Tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công

1.1. Tính chính xác

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính, quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày, thậm chí tới một tuần để hoàn thành; thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm, NSD có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút.

Do dữ liệu tính toán kết xuất ra báo cáo đều căn cứ vào một nguồn duy nhất là các chứng từ gốc được nhập vào nên dữ liệu được cung cấp bằng phần mềm kế toán mang tính nhất quán cao. Trong khi đó, với công tác kế toán thủ công, thông tin trên một chứng từ có thể do nhiều kế toán viên ghi chép trên nhiều sổ sách theo bản chất nghiệp vụ mà mình phụ trách, nên dễ dẫn tới tình trạng sai lệch dữ liệu trên các sổ khi tổng hợp, kéo theo công tác kế toán tổng hợp bị sai lệch.

1.2. Tính hiệu quả

Trong xã hội cạnh tranh hiện nay thông tin chính là sức mạnh, ai có thông tin nhanh hơn thì người đó có khả năng chiến thắng nhanh hơn. Với khả năng cung cấp thông tin tài chính và quản trị một cách đa chiều và nhanh chóng, phần mềm kế toán giúp cho chủ doanh nghiệp ra quyết định nhanh hơn, chính xác hơn và hiệu quả hơn.

Mặt khác, công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán. Trong khi phần mềm kế toán, do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

1.3. Tính chuyên nghiệp

Bằng việc sử dụng phần mềm kế toán, toàn bộ hệ thống sổ sách của doanh nghiệp được in ấn sạch sẽ (không bị tẩy xóa), đẹp và nhất quán theo các chuẩn mực quy định. Điều này giúp doanh nghiệp thể hiện được tính chuyên nghiệp của mình với các khách hàng, đối tác và đặc biệt là các nhà tài chính, kiểm toán và đầu tư. Đây là một yếu tố có giá trị khi xây dựng một thương hiệu cho riêng mình.

1.4. Tính cộng tác

Các phần mềm kế toán ngày nay đều cung cấp đầy đủ các phân hành kế toán từ mua hàng, bán hàng,... cho tới lương, tài sản cố định và cho phép nhiều người làm kế toán cùng làm việc với nhau trên cùng một dữ liệu kế toán. Như vậy, trong môi trường làm việc này số liệu đầu ra của người này có thể là số liệu đầu vào của người khác và toàn bộ hệ thống tích hợp chặt chẽ với nhau tạo ra một môi trường làm việc cộng tác và cũng biến đổi cả văn hóa làm việc của doanh nghiệp theo chiều hướng chuyên nghiệp và tích cực hơn.

Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán

Đối với doanh nghiệp

- Đối với kế toán viên
 - Không phải thực hiện việc tính toán bằng tay.
 - Không yêu cầu phải nắm vững từng nghiệp vụ chi tiết mà chỉ cần nắm vững được quy trình hạch toán, vẫn có thể cho ra được báo cáo chính xác. Điều này rất hữu ích đối với các kế toán viên mới ra trường chưa có kinh nghiệm về nghiệp vụ.
- Đối với kế toán trưởng
 - Tiết kiệm thời gian trong việc tổng hợp, đối chiếu các sổ sách, báo cáo
 - Cung cấp tức thì được bất kỳ số liệu kế toán nào, tại bất kỳ thời điểm nào cho người quản lý khi được yêu cầu.

- Đối với giám đốc tài chính
 - Cung cấp các phân tích về hoạt động tài chính của doanh nghiệp theo nhiều chiều khác nhau một cách nhanh chóng.
 - Hoạch định và điều chỉnh các kế hoạch hoạt động tài chính của doanh nghiệp một cách chính xác và nhanh chóng.
- Đối với giám đốc điều hành
 - Có được đầy đủ thông tin tài chính kế toán của doanh nghiệp khi cần thiết để phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư, điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.
 - Tiết kiệm được nhân lực, chi phí và tăng cường được tính chuyên nghiệp của đội ngũ, làm gia tăng giá trị thương hiệu trong con mắt của đối tác, khách hàng và nhà đầu tư.

Đối với cơ quan thuế và kiểm toán

- Dễ dàng trong công tác kiểm tra chứng từ kế toán tại doanh nghiệp.

Phân loại phần mềm kế toán

1.5. Phân loại theo bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1.5.1. Phần mềm kế toán bán lẻ

Phần mềm kế toán bán lẻ (còn gọi là hệ thống POS - Point Of Sales hoặc hệ thống kế toán giao dịch trực tiếp với khách hàng - Front Office Accounting) là các phần mềm hỗ trợ cho công tác lập hóa đơn, biên lai kiêm phiếu xuất bán và giao hàng cho khách hàng. Tùy từng lĩnh vực và phần mềm cụ thể mà phần mềm này có thể hỗ trợ thêm phần kiểm tra hàng tồn kho. Nhìn chung phần mềm này có tính năng đơn giản và các báo cáo do phần mềm cung cấp chỉ là các báo cáo tổng hợp tình hình bán hàng và báo cáo tồn kho.

Loại phần mềm này chủ yếu phục vụ cho các doanh nghiệp có siêu thị, nhà hàng hoặc kinh doanh trực tuyến trên Internet. Kết quả đầu ra của phần mềm này sẽ là đầu vào cho phần mềm kế toán tài chính quản trị.

1.5.2. Phần mềm kế toán tài chính quản trị

Phần mềm kế toán tài chính quản trị (hay phần mềm kế toán phía sau văn phòng - Back Office Accounting) dùng để nhập các chứng từ kế toán, lưu trữ, tìm kiếm, xử lý và kết xuất báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và báo cáo phân tích thống kê tài chính.

1.6. Phân loại theo hình thức sản phẩm

1.6.1. Phần mềm đóng gói

Phần mềm đóng gói là các phần mềm được nhà cung cấp thiết kế sẵn, đóng gói thành các hộp sản phẩm với đầy đủ tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng và bộ đĩa cài phần mềm. Loại phần mềm kế toán này thường được bán rộng rãi và phổ biến trên thị trường.

Ưu điểm

- **Giá thành rẻ:** Do được bán và sử dụng rộng rãi cho nhiều doanh nghiệp nên chi phí phát triển được chia đều cho số lượng người dùng.
- **Tính ổn định của phần mềm cao**
- **Nâng cấp, cập nhật nhanh chóng:** Do nhà cung cấp phần mềm đóng gói chỉ quản lý một bộ mã nguồn duy nhất nên việc cập nhật sửa lỗi hoặc cập nhật, nâng cấp khi có sự thay đổi của chế độ kế toán sẽ rất nhanh chóng và đồng loạt cho các công ty đang sử dụng tại một thời điểm.
- **Chi phí triển khai rẻ:** Phần mềm đóng gói bao giờ cũng có đầy đủ tài liệu hướng dẫn, tài liệu giảng dạy và rất nhiều các tài liệu khác kèm theo giúp người dùng có thể tự cài đặt và đưa vào sử dụng mà không cần phải qua đào tạo từ phía nhà cung cấp, nên sẽ giảm thiểu được chi phí triển khai cho NSD.
- **Thời gian triển khai ngắn và dễ dàng**

Nhược điểm

Do được phát triển với mục đích sử dụng cho nhiều doanh nghiệp hoạt động trong nhiều loại hình khác nhau mà vẫn bảo đảm được tính đơn giản, nhỏ gọn và dễ sử dụng nên một số các yêu cầu nhỏ đặc thù của doanh nghiệp sẽ không có trong phần mềm.

1.6.2. Phần mềm đặt hàng

Phần mềm kế toán đặt hàng là phần mềm được nhà cung cấp phần mềm thiết kế riêng biệt cho một doanh nghiệp hoặc một số nhỏ các doanh nghiệp trong cùng một tập đoàn theo đơn đặt hàng, dựa trên các yêu cầu cụ thể. Đặc điểm chung của loại phần mềm này là không phổ biến và có giá thành rất cao.

Ưu điểm

- Đáp ứng được yêu cầu đặc thù, cụ thể của doanh nghiệp.

Nhược điểm

- **Chi phí cao:** Do toàn bộ chi phí đầu tư và phát triển phần mềm đều đổ dồn vào một doanh nghiệp nên giá thành của phần mềm sẽ rất cao. Ngoài chi phí lớn đầu tư ban đầu, loại phần mềm này còn phải chịu thêm các chi phí khác như chi phí bảo hành, bảo trì, nâng cấp phát triển sau này.
- **Khó cập nhật và nâng cấp:** Khi chế độ kế toán thay đổi, do nhà cung cấp phần mềm theo đơn đặt hàng phải tiến hành cập nhật nâng cấp cho hàng trăm và thậm chí cả ngàn khách hàng một cách tuần tự, lần lượt, nên doanh nghiệp đầu tư sử dụng phần mềm đặt hàng phải chờ đợi rất lâu mới tới mình.
- **Tính ổn định của phần mềm kém**
- **Tính rủi ro cao:** Không thể kiểm chứng được lịch sử về uy tín chất lượng đối với các sản phẩm phần mềm kế toán theo đơn đặt hàng một cách dễ dàng, nên rất có thể là sau khi nhận bàn giao không như ý. Không thể đưa vào sử dụng hoặc đưa vào sử dụng nhưng không hiệu quả.

Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán

Phần này trích yếu một số nội dung thông tin cốt lõi của Thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính ký ngày 24 tháng 11 năm 2005 về việc "Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán".

1.7. Tiêu chuẩn của phần mềm kế toán

- Phần mềm kế toán phải hỗ trợ cho NSD tuân thủ các quy định của Nhà nước về kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán không làm thay đổi bản chất, nguyên tắc và phương pháp kế toán được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về kế toán.
- Phần mềm kế toán phải có khả năng nâng cấp, có thể sửa đổi, bổ sung phù hợp với những thay đổi nhất định của chế độ kế toán và chính sách tài chính mà không ảnh hưởng đến dữ liệu đã có.
- Phần mềm kế toán phải tự động xử lý và đảm bảo sự chính xác về số liệu kế toán.
- Phần mềm kế toán phải đảm bảo tính bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu.

1.8. Điều kiện của phần mềm kế toán

- Phần mềm kế toán trước khi đưa vào sử dụng phải được đặt tên, thuyết minh rõ xuất xứ, tính năng kỹ thuật, mức độ đạt các tiêu chuẩn hướng dẫn tại Thông tư 103/2005/TT-BTC và các quy định hiện hành về kế toán.
- Phần mềm kế toán khi đưa vào sử dụng phải có tài liệu hướng dẫn cụ thể kèm theo để giúp NSD vận hành an toàn, có khả năng xử lý các sự cố đơn giản.
- Phần mềm kế toán do tổ chức, cá nhân ngoài đơn vị kế toán cung cấp phải được bảo hành trong thời hạn do hai bên thỏa thuận, ít nhất phải hoàn thành công việc kế toán của một năm tài chính.

1.9. Điều kiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán

Đảm bảo điều kiện kỹ thuật

- Lựa chọn phần mềm phù hợp với hoạt động kinh doanh sản xuất của doanh nghiệp.
- Trang bị hệ thống thiết bị về tin học phù hợp với yêu cầu, trình độ quản lý, trình độ tin học của cán bộ quản lý, đội ngũ nhân viên kế toán.
- Sử dụng thử nghiệm phần mềm mới. Sau quá trình thử nghiệm, nếu phần mềm đáp ứng được tiêu chuẩn của phần mềm kế toán và yêu cầu kế toán của đơn vị thì đơn vị mới triển khai áp dụng chính thức.
- Xây dựng quy chế sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính như: quản lý máy chủ (nếu có); quản lý dữ liệu; kiểm tra, kiểm soát việc đưa thông tin từ ngoài vào hệ thống; thực hiện công việc sao lưu dữ liệu định kỳ; phân quyền đối với các máy nhập và xử lý số liệu...
- Tổ chức trang bị và sử dụng các thiết bị lưu trữ an toàn cho hệ thống, bố trí và vận hành theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Đảm bảo điều kiện về con người và tổ chức bộ máy kế toán

- Lựa chọn hoặc tổ chức đào tạo cán bộ kế toán có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán và tin học.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khâu công việc: lập chứng từ vào máy; kiểm tra việc nhập số liệu vào máy; thực hiện các thao tác trên máy theo yêu cầu của phần mềm kế toán; phân tích các số liệu trên sổ kế toán và báo cáo tài chính, quản trị mạng và quản trị thông tin kế toán.
- Quy định rõ trách nhiệm, yêu cầu bảo mật dữ liệu trên máy tính; chức năng, nhiệm vụ của từng NSD trong hệ thống; ban hành quy chế quản lý dữ liệu, quy định chức năng, quyền hạn của từng nhân viên; quy định danh mục thông tin không được phép lưu chuyên.

Đảm bảo tính thống nhất trong công tác kế toán

Đối với các đơn vị kế toán có các đơn vị kế toán trực thuộc (Tổng Công ty, Công ty mẹ,...) phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất, thì cần chỉ đạo cho các đơn vị kế toán trực thuộc sử dụng phần mềm kế toán sao cho thuận tiện trong việc kết nối thông tin, số liệu báo cáo.

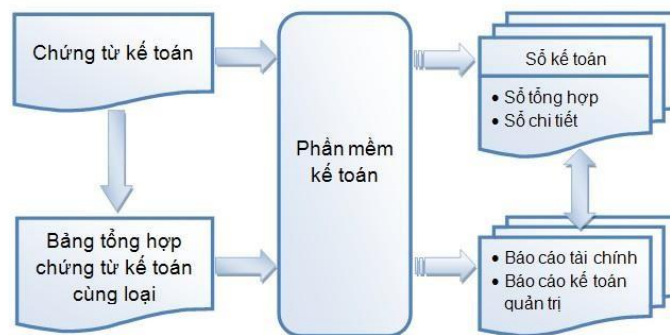
Quy định của Bộ Tài chính về hình thức kế toán máy

1.10. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy

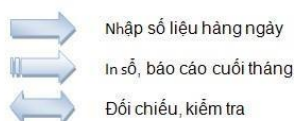
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán theo quy định của Bộ Tài chính hoặc kết hợp các hình thức kế toán đó với nhau. Phần mềm kế toán phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.11. Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy



Chú thích:



Làm thế nào để đưa phần mềm kế toán vào ứng dụng?

Bước 1: Đặt mua phần mềm

Bước 2: Cài đặt phần mềm vào hệ thống máy tính

Bước 3: Tiến hành khởi tạo hệ thống

- Tạo dữ liệu kế toán
- Thiết lập một số thông tin ban đầu như: chế độ sổ, hình thức ghi sổ, phương pháp tính giá xuất kho,...
- Lập danh mục khách hàng, nhà cung cấp, vật tư hàng hóa, tài sản,...
- Tiến hành thiết lập chế độ an ninh cho hệ thống, khai báo người dùng phần mềm và định nghĩa các quyền hạn cho người dùng hoặc nhóm người dùng,...
- Nhập số dư đầu năm cho các tài khoản, các đối tượng như khách hàng, nhà cung cấp, vật tư hàng hóa, tài sản....

Bước 4: Thực hiện hạch toán, ghi chép nghiệp vụ phát sinh trên phần mềm

Bước 5: An toàn và an ninh dữ liệu

Thực hiện chế độ sao lưu dữ liệu hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và chế độ bảo hành, bảo trì hệ thống theo yêu cầu của nhà cung cấp phần mềm và nhu cầu của đơn vị.

Bước 6: Bảo trì hệ thống

Các tiêu chuẩn giúp lựa chọn phần mềm kế toán tốt nhất

1.12. Nguồn gốc xuất xứ

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều các phần mềm kế toán khác nhau. Chúng có thể được viết ra bởi một nhóm lập trình viên trong nước, một công ty trong nước hay một công ty nước ngoài. Mỗi một phần mềm có thể đáp ứng cho một số doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau có quy mô từ thấp đến cao. Tuy nhiên, dù có xuất xứ từ đâu thì khi chọn mua một phần mềm kế toán, NSD nên hướng tới những sản

phẩm đã có thương hiệu với xuất xứ rõ ràng, điều này rất có ích cho NSD trong suốt quá trình sử dụng, cũng như nâng cấp và bảo trì sản phẩm.

1.13. Các vấn đề liên quan tới quá trình sử dụng

Các khoản chi phí đầu tư liên quan

Chi phí cho giấy phép sử dụng: Là chi phí phải trả ban đầu cho quyền được sử dụng phần mềm. Chi phí này thường được tính dựa trên căn cứ của số mô đun sử dụng trong phần mềm, hoặc số lượng NSD phần mềm đồng thời tại công ty khách hàng. Thông thường, các phần mềm đóng gói rẻ hơn nhiều so với các phần mềm thiết kế theo đơn đặt hàng, bởi vì chi phí phát triển phần mềm có thể được san sẻ cho hàng trăm hoặc hàng ngàn NSD.

Chi phí triển khai: Là chi phí phải trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ, nhà phân phối để thực hiện công tác cài đặt hệ thống và đào tạo hướng dẫn sử dụng. Đối với các dự án phức tạp, chi phí triển khai có thể cao gấp 5 lần chi phí cho giấy phép sử dụng.

Chi phí tư vấn: Trong quá trình sử dụng phần mềm, NSD không thể tránh khỏi những sai lầm, khi đó họ sẽ cần tới dịch vụ tư vấn của các công ty phần mềm, giúp chỉ cho họ những sai lầm, cách khắc phục và phòng tránh trong quá trình sử dụng. Khi chọn mua phần mềm nước ngoài, chi phí tư vấn thường chiếm từ 20% đến 70% trên chi phí cho giấy phép sử dụng.

Chi phí bảo trì: Là chi phí cập nhật các thay đổi nhỏ về biểu mẫu và chế độ theo Bộ Tài chính. Chi phí bảo trì hàng năm thường nằm trong khoảng từ 8% đến 20% của chi phí giấy phép sử dụng, mức tiêu biểu là 20%.

Chi phí nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT: Là các chi phí phải trả cho việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của công ty như: nâng cấp phần cứng, cấu hình máy, máy trạm, máy chủ,... Các chi phí này tùy thuộc vào nhu cầu của công ty và tình trạng hạ tầng hiện có.

Tính dễ sử dụng

Các phần mềm kế toán thường cung cấp sẵn các thông tin về số tài khoản và một số nghiệp vụ hạch toán điển hình. Mặt khác các quy trình ghi chép và hạch toán kế toán trong phần mềm thường được mô phỏng thông qua hình ảnh, để không chỉ những người làm kế toán mà cả những người quản lý cũng có thể dễ dàng biết được rằng các công việc ghi chép sẽ bắt đầu ở đâu và kết thúc ở đâu. Vì vậy việc học và sử dụng một phần mềm kế toán rất dễ dàng và không tốn nhiều thời gian.

Khả năng cảnh báo

Một số phần mềm kế toán hiệu quả hơn những phần mềm khác trong việc cảnh báo người dùng các lỗi có thể phát sinh do việc nhập dữ liệu sai.

Tài liệu dành cho NSD

Chất lượng và sự đầy đủ của các tài liệu hỗ trợ là một công cụ rất quan trọng đối với NSD, nó giúp họ có thể sử dụng phần mềm một cách hiệu quả. Có thể có các tài liệu sau:

- Hướng dẫn cài đặt phần mềm.
- Hướng dẫn sử dụng phần mềm.
- Hướng dẫn tác nghiệp thông qua bài tập thực hành.
- Tài liệu trợ giúp trực tuyến.
- Phim hướng dẫn sử dụng dùng để tự học cài đặt, tự học sử dụng.

Bản địa hóa

Một số phần mềm nước ngoài chỉ có bản tiếng Anh và đây có thể là một vấn đề khó khăn cho một số công ty.

Một thuận lợi của các phần mềm kế toán trong nước nằm ở chỗ các phần mềm này được thiết kế phù hợp với các quy định và hệ thống kế toán Việt Nam và có thể sử dụng bằng tiếng Việt. Các chương trình này có thể được cập nhật thường xuyên khi các quy định và tiêu chuẩn có liên quan thay đổi.

1.14. Các chức năng liên quan tới hoạt động kinh doanh

Khả năng thích ứng với quy trình kinh doanh của phần mềm

Với các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau thì quy trình sản xuất kinh doanh cũng khác nhau, trong khi đó một phần mềm kế toán thông thường chỉ đáp ứng được một số lĩnh vực nhất định. Chẳng hạn như một số phần mềm phù hợp với ngành công nghiệp dệt may trong khi một số khác lại phù hợp với ngành sản xuất dược phẩm hơn,... Vì vậy để đánh giá tốt một phần mềm, NSD có thể căn cứ vào khả năng đáp ứng của phần mềm với những lĩnh vực hoạt động, tìm hiểu xem có bao nhiêu công ty cùng ngành đã sử dụng phần mềm và nói chuyện với nhân viên của các đơn vị đó về mức độ hài lòng của họ khi sử dụng các phần mềm này.

Khả năng phân tích tài chính và báo cáo

Thông thường các phần mềm kế toán thường được xây dựng dựa trên các hoạt động kế toán như: kế toán tiền mặt, tiền gửi, vật tư hàng hóa, mua hàng, bán hàng, tiền lương, tài sản cố định,... Việc phân chia theo các hoạt động sẽ giúp cho NSD trong quá trình nhập liệu và kiểm soát chứng từ đầu vào cũng như việc kiểm tra đối chiếu sổ sách báo cáo đầu ra theo từng hoạt động. Việc này rất thuận tiện cho NSD, nó giúp giảm thiểu thời gian cho công tác kế toán cũng như hoạt động quản trị của các nhà quản trị doanh nghiệp. Chỉ cần xem các báo cáo tài chính cuối kỳ NSD có thể nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ như: doanh thu, lợi nhuận đạt được,...

1.15. Những vấn đề cần quan tâm trong công tác triển khai và kỹ thuật

Thời gian và sự dễ dàng trong triển khai

Người mua cần xem xét phần mềm có thể được cài đặt một cách nhanh chóng và dễ dàng như thế nào. Thông thường các phần mềm có thể sử dụng ngay sau khi cài đặt, tuy nhiên cũng có những phần mềm cài đặt xong không sử dụng được ngay hoặc không dùng được. Việc triển khai

các phần mềm đóng gói thường diễn ra nhanh hơn so với các phần mềm theo đơn đặt hàng. Vì so với các phần mềm đóng gói, các phần mềm đặt hàng cần có nhiều thời gian để hoàn chỉnh cho phù hợp với quy trình hoạt động của đơn vị đặt hàng. Mặt khác, chi phí cho việc triển khai các phần mềm đóng gói thường thấp hơn so với phần mềm theo đơn đặt hàng. Các phần mềm thiết kế theo đơn đặt hàng cũng cần nhiều thời gian hơn để hoàn chỉnh hay dễ bị chậm trễ ngoài dự kiến và tăng chi phí viết phần mềm.

Mặt khác, so với các phần mềm nước ngoài thì phần mềm trong nước có thời gian triển khai nhanh hơn, vì những phần mềm được cung cấp từ nước ngoài thường phức tạp hơn.

Khả năng tùy biến theo yêu cầu của khách hàng

Khi lựa chọn phần mềm, NSD nên xem xét đến khả năng tùy biến theo yêu cầu của các phần mềm có thể dễ dàng được đáp ứng hay không. Khả năng tùy biến cho phép NSD có thể tùy chỉnh phần mềm với những thay đổi đơn giản mà hệ thống có thể cho phép. Khả năng tùy biến có thể thực hiện trong những trường hợp như sau:

- Cho phép ẩn hiện một số thông tin nhập liệu.
- Triển khai những thay đổi cho một người hay một nhóm NSD hoặc cho tất cả NSD.
- Di chuyển một số trường nhằm tạo chỗ trống cho các trường mới, hoặc cung cấp cách bố trí giống với tài liệu gốc hơn nhằm làm tăng năng suất nhập dữ liệu.
- Thêm một số trường vào màn hình nhập dữ liệu.
- Thiết lập và thay đổi giá trị mặc định cho một số trường trong hệ thống.
- Tạo ra hoặc chỉnh sửa cho những mục như số điện thoại, mã số thuế.
- Chỉ cho phép một số người có quyền bảo mật thích hợp được phép sử dụng chức năng tùy biến này.

Thiết kế và cấu trúc của phần mềm

Khi lựa chọn phần mềm, NSD cũng nên xem xét đến khả năng phần mềm đó có thể phân tích được quy trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không, cũng như hỗ trợ được quy trình đó theo cách thức dễ dàng nhất thông qua thiết kế và chức năng của phần mềm hay không.

Mặt khác, cấu trúc của một phần mềm thường là khung sườn cho việc tổ chức một hệ thống, bao gồm: cấu trúc các phân hệ, cơ sở dữ liệu, giao diện, ngôn ngữ lập trình, cấu trúc cơ sở dữ liệu,... Để có được một cấu trúc hoàn chỉnh, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng của người dùng thì các nhà cung cấp phải luôn cập nhật các công nghệ mới nhất phục vụ cho quá trình lập trình của mình.

Lỗi lập trình

Không thể nói có một phần mềm nào hoàn thiện 100% mà không có bất cứ lỗi nào. Các phần mềm vẫn có thể có lỗi, nhưng NSD nên lựa chọn những phần mềm mà nhà cung cấp có khả năng khắc phục sửa chữa lỗi một cách kịp thời, nhanh chóng và chính xác. Nói chung, phần mềm nào càng nhiều NSD thì càng dễ phát hiện lỗi và sửa chữa chúng.

Thông thường các nhà cung cấp phần mềm nước ngoài có những tiêu chuẩn kiểm soát sản phẩm trước khi phát hành cao hơn rất nhiều so với các đơn vị phát triển phần mềm trong nước. Điều này cũng có nghĩa là các nhà cung cấp phần mềm nước ngoài có khả năng phát hiện lỗi trước khi đưa sản phẩm ra thị trường, và có khả năng có một quy trình được tổ chức tốt để theo dõi và sửa chữa các lỗi lập trình do khách hàng thông báo.

1.16. Khả năng hỗ trợ thích hợp cho các cải tiến trong tương lai

Khả năng phát triển

Khả năng phát triển có nghĩa là phần mềm có thể được phát triển một cách dễ dàng, cả về số lượng dữ liệu và số NSD khi một công ty phát

triển. Phần mềm có thể hỗ trợ nhiều NSD cùng lúc thường dễ mở rộng hơn các phần mềm khác.

Thiết kế và khả năng nâng cấp

Thực tế các phần mềm thiết kế theo đơn đặt hàng thường gặp khó khăn trong việc nâng cấp so với các phần mềm đóng gói. Bởi vì rất có nhiều khả năng là mã nguồn không được lưu giữ theo tiêu chuẩn quốc tế, và những nhân viên trước đây thiết kế phần mềm không còn công tác tại công ty nữa hoặc không còn làm việc sau một vài năm. Do đó, việc nâng cấp các phần mềm thiết kế theo đơn đặt hàng thường gây ra nhiều gián đoạn đáng kể và chi phí cao cho công ty.

Khả năng kết nối với các phần mềm khác

Doanh nghiệp nên xem xét liệu phần mềm mà mình lựa chọn có thể kết nối với một phần mềm khác hay không. Ví dụ như nhiều phần mềm kế toán có khả năng kết nối với các phần mềm tạo báo cáo khác như Crystal Reports hoặc FRX,...

1.17. Các yếu tố về bảo mật

Khi lựa chọn phần mềm, NSD nên chú ý đến tính bảo mật của sản phẩm. Có thể căn cứ vào vào các tiêu thức sau:

- **Khả năng phân quyền sử dụng cho người dùng:** Phần mềm nên có chức năng cho phép những NSD khác nhau chỉ được truy cập những chức năng cụ thể hoặc những thông tin cần thiết cho công việc của mình.
- **Nhật ký sử dụng:** Cho phép nhà quản trị cao nhất có thể theo dõi được các hoạt động của NSD một cách chi tiết. Có thể biết được hoạt động chỉnh sửa số liệu của NSD tại đâu, tại thời điểm nào. Ngoài người quản lý hệ thống ra, NSD không được phép sửa đổi những thông tin về nhật ký này.

- **Mã hóa dữ liệu sử dụng:** Phần mềm nên hỗ trợ các dữ liệu có thể được lưu giữ dưới dạng mã hóa để các chương trình khác không thể truy cập được những dữ liệu đó.
- **Ngăn chặn truy cập từ bên ngoài:** Một phần mềm tốt nên thiết lập một hệ thống bảo vệ tốt để có khả năng ngăn chặn việc truy cập trái phép từ bên ngoài vào cơ sở dữ liệu trong phần mềm. Bởi việc truy cập đó có thể phá hoại dữ liệu hoặc lộ ra ngoài những thông tin tuyệt mật.
- **Bản sao dự phòng:** Nên có một hệ thống lưu trữ tất cả tập tin vào những ổ đĩa cứng dự phòng hoặc những cách thức lưu trữ khác nhằm bảo vệ khỏi việc mất dữ liệu do hư ổ cứng, trộm máy vi tính, hoặc những tai họa không lường trước được như lũ lụt hoặc hỏa hoạn. Cũng nên giữ một bản sao dự phòng ở một nơi khác văn phòng công ty.

Ưu, nhược điểm của phần mềm trong nước và phần mềm nước ngoài.

1.18. Phần mềm nước ngoài

- Ưu điểm: Chất lượng tốt, mang tính chuyên nghiệp, công nghệ hiện đại.
- Nhược điểm:
 - Giá thành cao: Không thể cạnh tranh về giá với các phần mềm nội địa.
 - Bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật gặp nhiều khó khăn: Do một số công ty sản xuất phần mềm nước ngoài không có trụ sở tại Việt Nam.
 - Vấn đề địa phương hóa:
 - Ngôn ngữ: Giao diện, tài liệu hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài (phần lớn là tiếng Anh) gây nhiều khó khăn cho người Việt Nam chưa thông thạo ngoại ngữ sử dụng. Việc dịch ngôn ngữ phần mềm và các tài liệu gặp nhiều khó khăn.
 - Hệ thống kế toán Việt Nam: Chưa theo hệ thống kế toán chuẩn quốc tế, trong khi các phần mềm nước ngoài được xây dựng trên các chuẩn

quốc tế. Điều này dẫn đến việc có nhiều thông tin không phù hợp, gây khó khăn cho NSD là những người đang theo hệ thống Kế toán Việt Nam.

- Hệ thống máy tính: Phần mềm nước ngoài thường đòi hỏi hệ thống máy tính có cấu hình cao, nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa thể đáp ứng.

MYOB (website: <http://myob.com>): là một trong những nhà cung cấp hàng

- Một số phần mềm nước ngoài:
đầu thế giới về phần mềm, dịch vụ, hỗ trợ các giải pháp kế toán - tài chính - quản trị doanh nghiệp. Đối tượng MYOB chủ yếu nhắm đến là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

QuickBooks (website: <http://quickbooks.intuit.com>): là phần mềm kế toán của Tập đoàn Intuit của Mỹ. Phần mềm này có nhiều gói khác nhau phù hợp với quy mô doanh nghiệp theo giai đoạn phát triển của doanh nghiệp (giá từ khoảng 100\$ - 1000\$).

PeachTree (website: <http://www.peachtree.com>): là dòng sản phẩm phần mềm kế toán của tập đoàn phần mềm Sage – Anh. PeachTree có các sản phẩm phù hợp với từng quy mô của doanh nghiệp từ lúc khởi nghiệp cho đến khi doanh nghiệp lớn mạnh: Basic, Standard, Advanced, Premium.

Sage AccPac (website: www.sageaccpac.com): là một trong các sản phẩm phần mềm quản trị doanh nghiệp của tập đoàn phần mềm Sage dành cho đối tượng các doanh nghiệp lớn.

1.19. Phần mềm trong nước

- Ưu điểm
 - Giá thành thấp.
 - Bảo hành, bảo trì nhanh chóng, kịp thời.
 - Phù hợp với doanh nghiệp Việt Nam: Do được xây dựng theo hệ thống kế toán Việt Nam; ngôn ngữ tiếng Việt, dễ hiểu đối với người Việt Nam; và yêu cầu cấu hình của hệ thống máy tính không cao.

- Nhược điểm: Cấu trúc và công nghệ thường lạc hậu hơn so với các phần mềm nước ngoài.
- Một số phần mềm trong nước

Theo cuộc khảo sát BITCup 2011, giải pháp phần mềm kế toán được doanh nghiệp nhỏ và vừa lựa chọn nhiều nhất là: ACSoft, Bravo, Effect, ESoft, Fast, MISA, Vacom, Vic,... Trong đó, MISA-SME của MISA được người dùng đặc biệt đánh giá cao tiện ích sử dụng: thân thiện, thao tác đơn giản, có cảnh báo khi nhập sai số liệu nằm ngoài phạm vi cho phép. MISA-SME cũng được đánh giá cao về giải pháp kỹ thuật (dễ nâng cấp, thích ứng với hệ điều hành hiện tại,...).

Công ty Cổ phần MISA (website: <http://www.misa.com.vn>): Được thành lập từ năm 1994, hiện là một trong những thương hiệu mạnh nhất trên thị trường phần mềm Việt Nam về các giải pháp phần mềm quản lý trong doanh nghiệp. Các dòng sản phẩm của MISA đều là các phần mềm đóng gói, mang tính phổ biến, phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa với chi phí thấp. Ưu điểm của các dòng sản phẩm phần mềm MISA nói chung là đơn giản, dễ học, dễ sử dụng, hình ảnh giao diện thân thiện. MISA-SME có nhiều gói sản phẩm khác nhau, đáp ứng tối đa nhu cầu của các doanh nghiệp mà vẫn tiết kiệm được chi phí. Đặc biệt, MISA-SME có gói Express miễn phí giúp cho các doanh nghiệp mới thành lập tiết kiệm chi phí ban đầu. Hơn nữa, gói sản phẩm này cũng rất phù hợp với các bạn sinh viên hoặc bất cứ ai muốn tự học, thực hành phần mềm kế toán ở nhà. Các bạn sinh viên có thể download miễn phí phần mềm MISA-SME Express cùng các tài liệu tự học tại website: <http://www.misa.com.vn>

Công ty Cổ phần Phần mềm EFFECT (website: <http://www.effectvn.com>): Là một trong những nhà cung cấp có thương hiệu tại Việt Nam về giải pháp phần mềm quản lý doanh nghiệp với các sản phẩm về Phần mềm kế toán và Hệ thống quản lý tổng thể Effect- ERP. Các sản phẩm của công ty được viết theo đơn đặt hàng nên có mức

giá khá cao so với những phần mềm kế toán khác phụ thuộc vào quy mô doanh nghiệp, số phần hành áp dụng và độ phức tạp trong quản lý.

Công ty Cổ phần Phần mềm kế toán BRAVO (website: <http://www.bravo.com.vn>): Được thành lập từ năm 1999, chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất phần mềm và cung cấp các giải pháp về hệ thống Quản trị - Tài chính - Kế toán. Hiện BRAVO có sản phẩm Phần mềm quản trị tài chính BRAVO. Đây là phần mềm thuộc nhóm phần mềm "may đo" theo đặt hàng (customize). Từ phần mềm cơ bản của BRAVO, tùy theo nhu cầu của doanh nghiệp, nhà cung cấp sẽ xây dựng chương trình riêng. Do đây là phần mềm viết riêng cho từng doanh nghiệp nên chi phí cao hơn rất nhiều so với việc mua sản phẩm đóng gói. Hiện tại giá phần mềm này có thể dao động từ vài ngàn đến vài chục ngàn đô la Mỹ.

Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST (website: <http://fast.com.vn>): Thành lập từ năm 1997, là một trong những thương hiệu mạnh trên thị trường Việt Nam. Phần mềm kế toán của Fast được xây dựng trên cơ sở Visual Foxpro và đều thuộc phần mềm đóng gói.

Công ty Cổ phần Tin học Lạc Việt (website: <http://www.lacviet.com.vn>): Thành lập từ năm 1994, là một trong những thương hiệu mạnh trên thị trường Việt Nam. AccNet là phần mềm kế toán quản trị tài chính doanh nghiệp thuộc nhóm phần mềm đóng gói, nhắm đến đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Công ty Cổ phần SIS Việt Nam (website: <http://sisvn.com>): SIS Việt Nam là công ty chuyên sâu trong lĩnh vực cung cấp giải pháp kế toán, tài chính, quản trị doanh nghiệp. Các phần mềm của SIS thuộc nhóm phần mềm đóng gói. Hiện nay SIS có 2 phần mềm kế toán quản trị doanh nghiệp là SAS INNOVA và SAS ERP.

Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày khái niệm và mô hình hoạt động của phần mềm kế toán?
2. Trình bày tính ưu việt của phần mềm kế toán?
3. Trình bày lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán?
4. Phân loại phần mềm kế toán? Nêu rõ ưu nhược điểm của phần mềm đóng gói và phần mềm đặt hàng?
5. Trình bày các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán?
6. Trình bày quy định của Bộ Tài chính về hình thức kế toán máy?
7. Quy trình ứng dụng một phần mềm kế toán?
8. Trình bày các tiêu chuẩn để lựa chọn một phần mềm kế toán?
9. Trình bày ưu nhược điểm của các phần mềm kế toán trong nước và phần mềm kế toán nước ngoài?

CHƯƠNG 2

CÀI ĐẶT PHẦN MỀM VÀ MỞ SỔ KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP BẰNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA SME.NET

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Giới thiệu tổng quan về phần mềm MISA SME.NET
- Hướng dẫn cài đặt
- Các bước tiến hành mở sổ kế toán
- Cách nhập số dư ban đầu
- Cách phân công công việc và quyền hạn trong phòng kế toán
- Việc lưu trữ và bảo quản sổ kế toán trên máy vi tính
- Phương thức trao đổi chứng từ kế toán giữa các bộ phận
- Quy trình cập nhật phần mềm theo thông báo của nhà cung cấp

Giới thiệu tổng quan về phần mềm MISA SME.NET

MISA SME.NET là phần mềm kế toán được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, gồm 16 phân hệ chính liên quan đến các hoạt động kế toán của doanh nghiệp, đó là các phân hệ nghiệp vụ như: ngân sách, quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định...

Phần mềm kế toán làm việc được trên cả mạng nội bộ LAN và mạng diện rộng WAN hay Internet. Với hàng loạt các tính năng ưu việt, MISA SME.NET giúp tự động hóa hầu hết các nghiệp vụ kế toán hàng ngày của kế toán viên, trở thành công cụ đắc lực cho công tác quản lý doanh nghiệp.

Với quy trình hạch toán bằng hình ảnh, MISA SME.NET giúp người dùng dễ dàng nắm bắt được trình tự công việc cần làm, phù hợp với sự đa dạng về trình độ kế toán của người dùng.

Hướng dẫn cài đặt

Để có thể sử dụng phần mềm MISA SME.NET, hệ thống máy tính người dùng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Máy tính: Bộ vi xử lý Intel Dual Core CPU 1.0 GHz hoặc cao hơn
- Bộ nhớ trong (RAM): 1GB trở lên.
- Đĩa cứng: 5 GB đĩa trống hoặc nhiều hơn.
- Màn hình: Độ phân giải 1024x768 hoặc cao hơn.
- Hệ điều hành: Windows 7 SP1 trở lên; Windows 8/8.1; Windows 10; Windows Server 2008 SP2; Windows Server 2008R2; Windows Server 2012; Windows Server 2012 R2.
- Thiết bị khác: Sound card, loa (để xem phim hướng dẫn).
- Máy in: khổ A4.

1.20. Chuẩn bị cài đặt

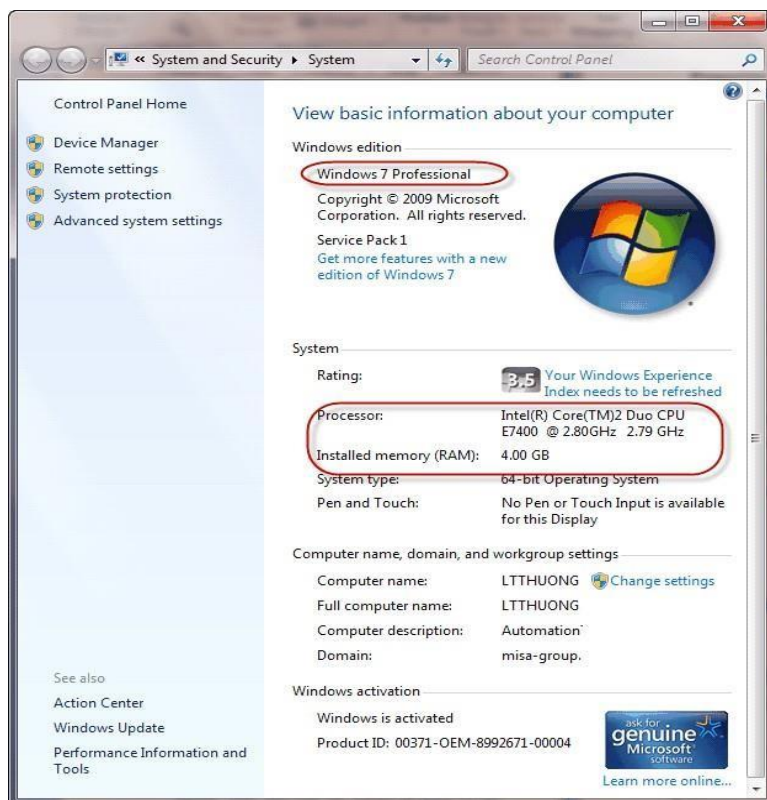
Trước khi tiến hành cài đặt MISA SME.NET, NSD cần kiểm tra

cấu hình máy tính của mình có đáp ứng yêu cầu về hệ thống không?

Sau đây là cách kiểm tra một số yêu cầu thiết yếu:

- **Kiểm tra hệ điều hành và máy tính:**

- Kích chuột phải vào biểu tượng **My Computer** trên màn hình Desktop, chọn **Properties**.

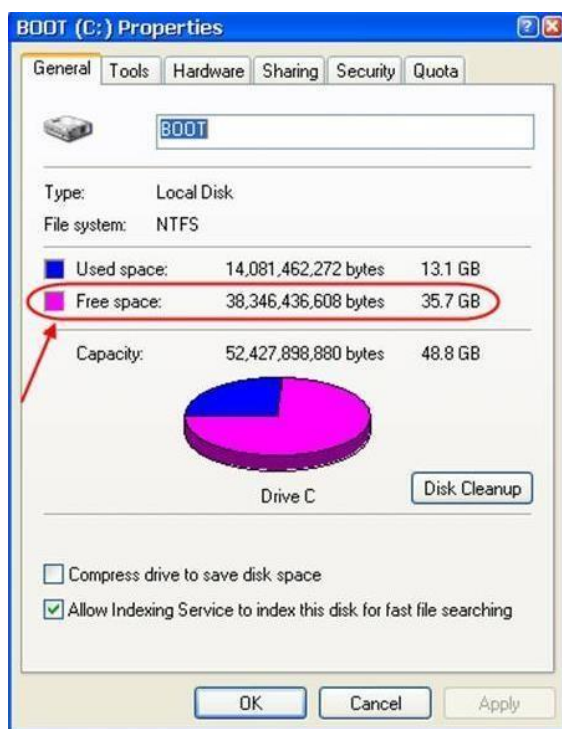


- Tại mục **System**: Kiểm tra xem có phải là một trong các hệ điều hành được liệt kê ở trên hay không. Trong trường hợp là hệ điều hành Windows XP thì có phải là Service Pack 2 trở lên hay không, nếu là Service Pack 1 thì người sử dụng cần nâng cấp lên Service Pack 2 hoặc Service Pack 3.
- Tại mục **Computer**:
 - + Kiểm tra bộ vi xử lý có phải là Intel Dual Core trở lên hay không. Nếu nhỏ hơn thì máy tính không đủ đáp ứng yêu cầu để cài đặt được phần mềm này.

- + Kiểm tra bộ nhớ trong (RAM) có \geq 1GB hay không. Nếu nhỏ hơn thì người sử dụng có thể lắp thêm RAM để đạt được yêu cầu này. Trong hình trên là RAM 4GB.

- **Kiểm tra ổ đĩa cứng:**

- Kích chuột phải vào biểu tượng **My Computer** trên màn hình Desktop, chọn **Open**.
- Kích chuột phải vào biểu tượng ổ C: (Ổ cài hệ điều hành của máy tính), chọn **Properties**.



- Kiểm tra dung lượng được thống kê tại mục Free space có \geq 3GB hay không. Nếu nhỏ hơn thì NSD cần làm trống ổ đĩa trước khi cài đặt phần mềm MISA SME.NET.

Sau khi chắc chắn máy tính đáp ứng được yêu cầu về hệ thống trước khi cài đặt, NSD đóng tất cả các ứng dụng đang mở để chuyển sang thao tác cài đặt.

1.21. Thực hiện cài đặt

Để cài đặt phần mềm MISA SME.NET, cần phải có bộ cài của phần mềm. Có hai cách để có được bộ cài: Tải bộ cài từ forum MISA hoặc chép bộ cài từ USB vào máy tính để cài.

1.21.1. Download bộ cài từ forum MISA

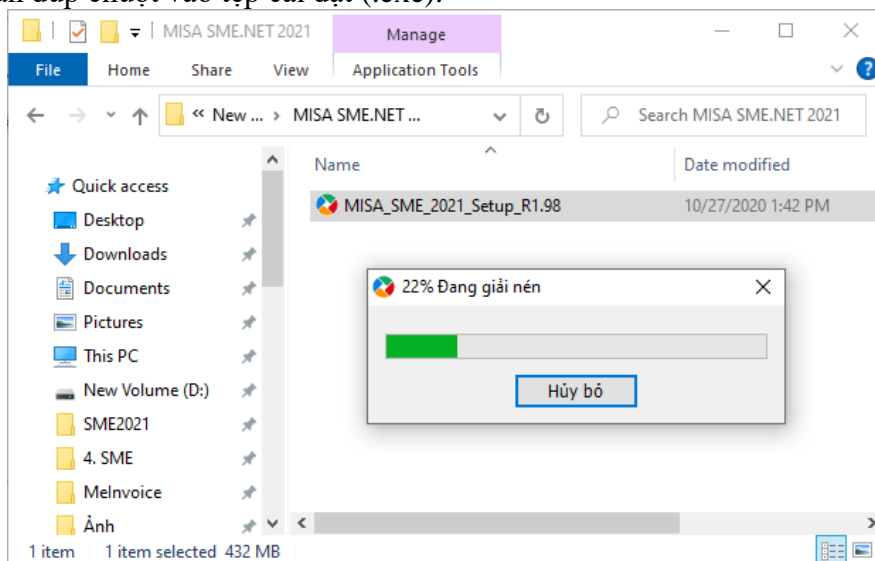
Tải bộ cài phần mềm [tại đây](#):

1.21.2. Chép bộ cài từ USB để cài

- Người dùng cắm USB vào máy tính, vào My Computer, chọn ổ đĩa chứa USB.
- Copy tệp nén của bộ cài (thường là tệp có đuôi .RAR hay .ZIP), hay thư mục chứa bộ cài (Thường là thư mục màu vàng, có tên MISA SME.NET...) vào ổ D, ổ E trên máy tính.

1.21.3. Thực hiện cài đặt phần mềm MISA SME.NET

- Sao chép (copy) bộ cài phần mềm vào ổ đĩa của máy tính hoặc download bộ cài phần mềm từ trên mạng xuống.
- Nhấn đúp chuột vào tệp cài đặt (.exe).



- Sau khi chương trình chạy được 100% thì hệ thống sẽ hiển thị hộp thoại

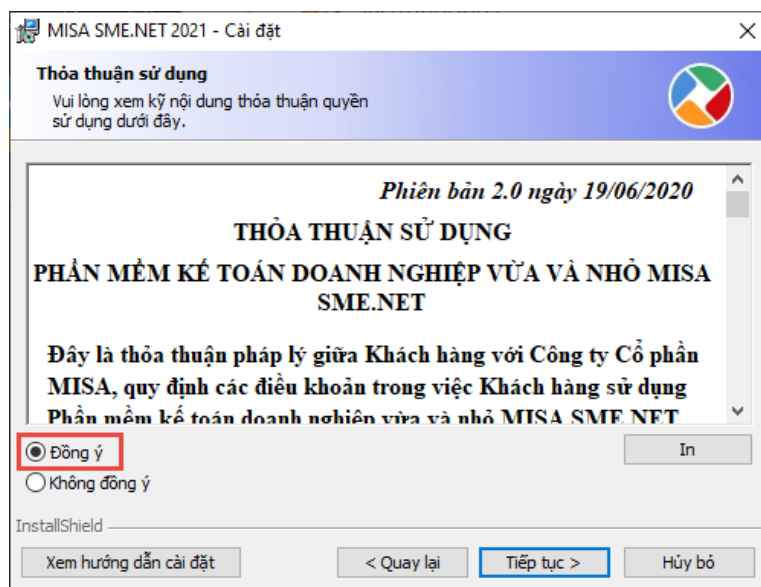
Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

chuẩn bị cài đặt.

- Sau khi chạy xong phần chuẩn bị cài đặt, hệ thống sẽ hiển thị hộp thoại sau.

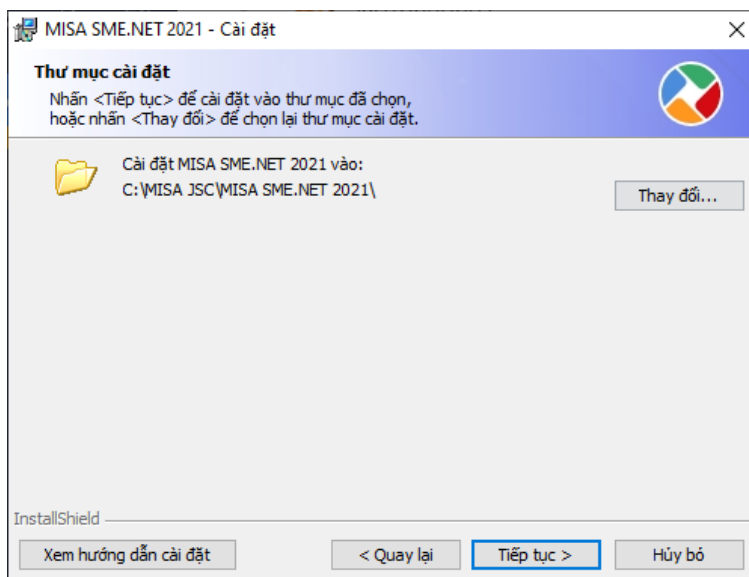


- Nhấn **Tiếp tục**, để chuyển sang bước Thỏa thuận sử dụng.
- Người sử dụng đọc kỹ thỏa thuận, sau đó tích chọn **Đồng ý**.
- Nhấn **Tiếp tục**, để chuyển sang bước lựa chọn **Thư mục cài đặt**.

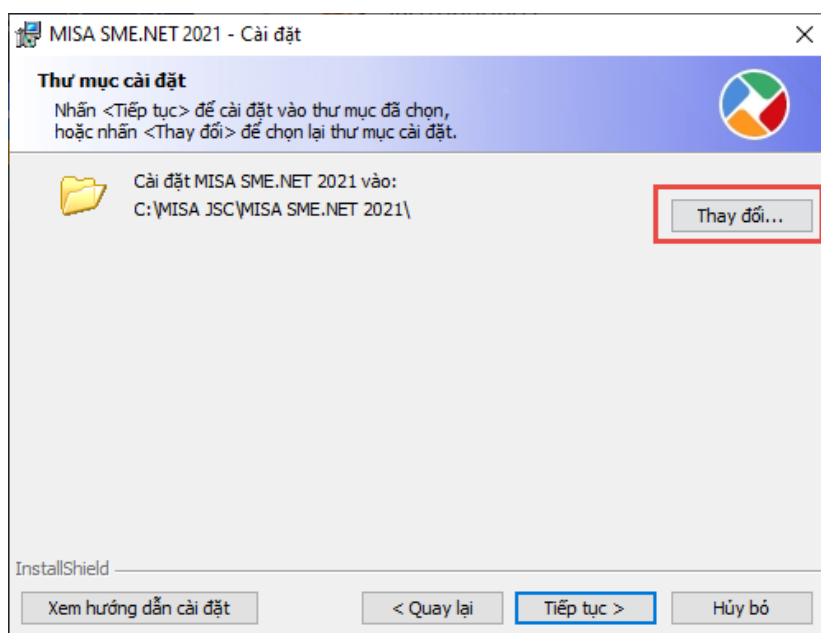


- Nếu chọn **Tiếp tục** thì chương trình sẽ mặc định cài đặt vào thư mục mặc

định, nếu chọn **Thay đổi** chương trình cho phép chọn lại thư mục cài đặt.



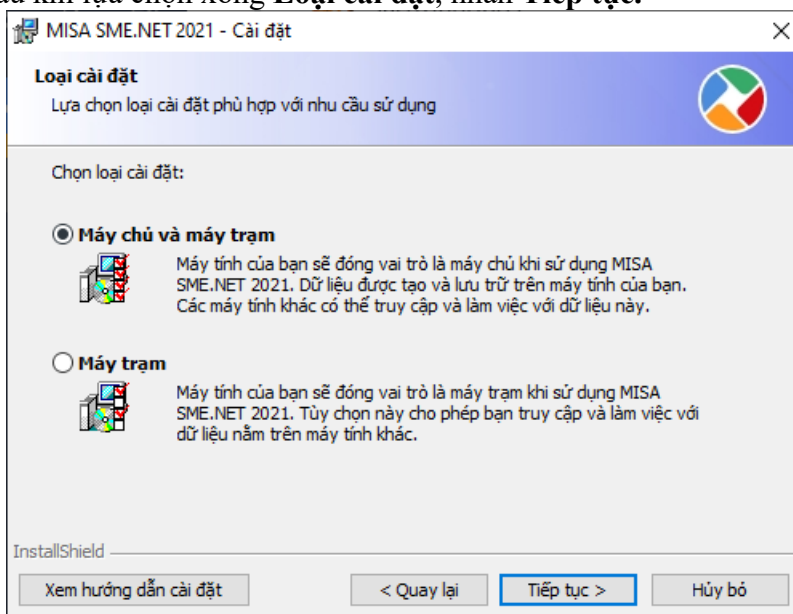
- Sau khi chọn xong thư mục cài đặt, nhấn **Tiếp tục** để chuyển sang bước lựa chọn **Loại cài đặt**.



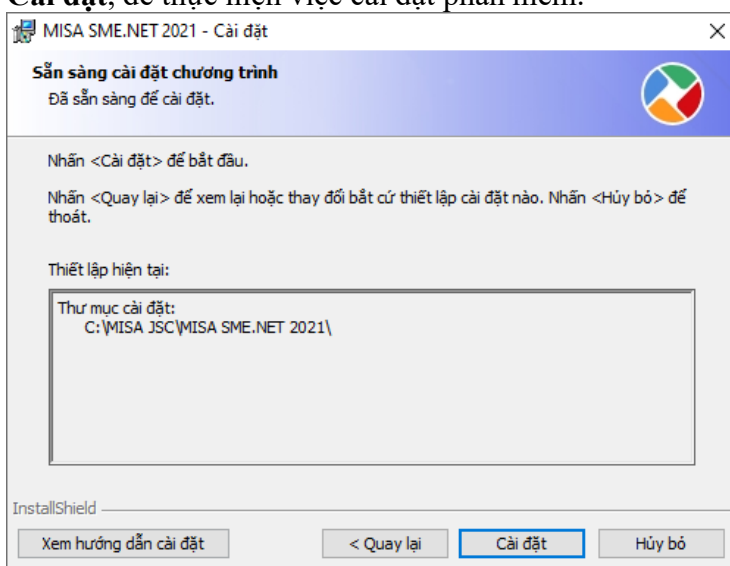
- Tùy theo hình thức sử dụng tích chọn loại hình cài đặt tương ứng. Nếu máy tính vừa dùng để lưu trữ dữ liệu kế toán đồng thời chạy phần mềm thì chọn **Máy chủ và máy trạm**. Nếu máy tính chỉ để truy cập và làm việc với dữ

liệu nằm trên máy tính khác thì chọn **Máy trạm**.

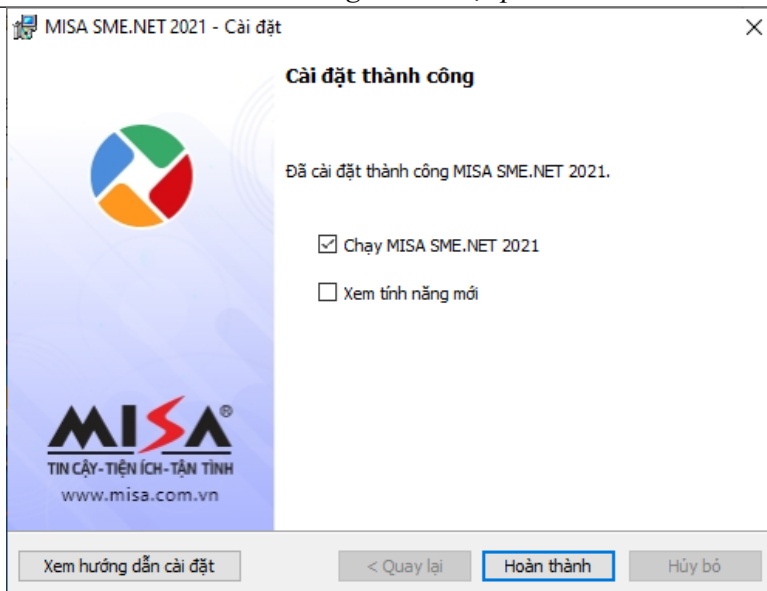
- Sau khi lựa chọn xong **Loại cài đặt**, nhấn **Tiếp tục**.



- Nhấn **Cài đặt**, để thực hiện việc cài đặt phần mềm.

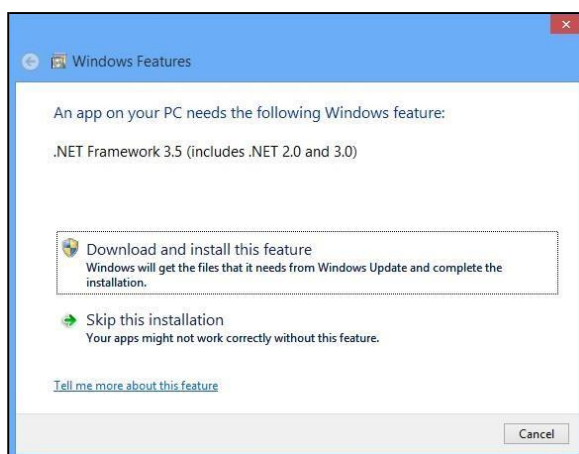


- Khi quá trình cài đặt hoàn thành, xuất hiện màn hình thông báo:



- Nếu tích chọn **Chạy MISA SME.NET**, hệ thống sẽ tự khởi động phần mềm sau khi nhấn **Hoàn thành**.
- Nếu tích chọn **Xem tính năng mới**, hệ thống sẽ hiển thị các tính năng mới của phiên bản vừa mới cài đặt sau khi nhấn **Hoàn thành**.

Lưu ý: Nếu người dùng cài mới trên Windows 8 hoặc Windows 10, tại bước cài đặt chương trình sẽ xuất hiện hộp thoại sau:



- Nếu máy tính có kết nối Internet thì chọn vào mục **Download and install this feature** khi đó hệ thống sẽ tự động download .NET Framework 3.5 về máy để cài đặt, khi đó chương trình vẫn tiếp tục cài đặt phần mềm song song với cài đặt Framework 3.5

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

- Nếu máy tính không kết nối Internet thì chọn vào mục **Skip this installation**, khi đó chương trình vẫn tiếp tục cài đặt phần mềm MISA SME.NET

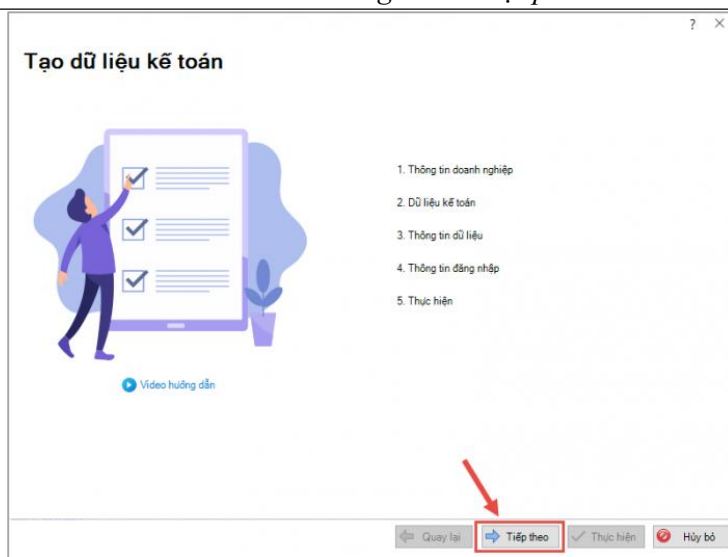
Các bước tiến hành mở sổ kế toán

Thông thường đối với một doanh nghiệp mới thành lập hoặc một doanh nghiệp đã hoạt động lâu năm nhưng bắt đầu một năm tài chính mới thì phải tiến hành mở sổ kế toán mới tương ứng với năm tài chính đó. Việc mở sổ kế toán (hay còn gọi là tạo dữ liệu kế toán) được thực hiện ngay lần đầu tiên khi NSD bắt đầu sử dụng phần mềm.

Để bắt đầu tạo dữ liệu kế toán mới, NSD tiến hành như sau:

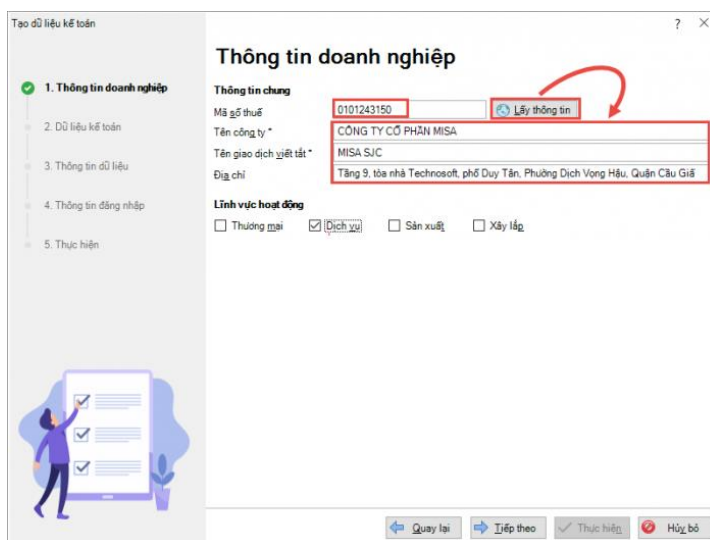
- Sau khi khởi động MISA SME.NET, tại hộp thoại **Đăng nhập**, nhấn <<**Hủy bỏ**>>.
- Tại màn hình gồm các chức năng như Xem dữ liệu kế toán mẫu, Tạo mới dữ liệu kế toán và Mở dữ liệu kế toán, nhấn **Tạo mới dữ liệu kế toán**, xuất hiện hộp hội thoại:





• Tại bước **1. Thông tin doanh nghiệp:**

- Nhập **Mã số thuế** của đơn vị sau đó nhấn **Lấy thông tin**, nếu có mạng internet, chương trình sẽ tự động điền thông tin theo dữ liệu của cơ quan thuế (hoặc có thể tự khai báo các thông tin này nếu muốn).
- Chọn **Lĩnh vực hoạt động** của doanh nghiệp.



- Nhấn **Tiếp theo**.
- Tại bước **2. Dữ liệu kế toán**: Khai báo thông tin năm tài chính, tên dữ liệu kế toán. Nhấn **Tiếp theo**.

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

Tạo dữ liệu kế toán

Dữ liệu kế toán

Năm tài chính

Năm bắt đầu: 2020 Từ ngày: 01/01/2020 Đến ngày: 31/12/2020

Ngày bắt đầu hạch toán trên phần mềm: 01/01/2020

Đặt tên dữ liệu

Tên dữ liệu: MISA JSC2020

Tên dữ liệu không được chứa ký tự đặc biệt: \ / : * ? " < > |
Khuyến nghị tên dữ liệu viết liền, không dấu (Ví dụ: KETOAN2021)

▶ Thông tin máy chủ và lưu trữ

Quay lại Tiếp theo Thực hiện Hủy bỏ

- Tại bước **3. Thông tin dữ liệu**: Khai báo các thông tin về Chế độ kế toán, Đồng tiền hạch toán, phương pháp tính giá xuất kho/thuế GTGT.

Tạo dữ liệu kế toán

Thông tin dữ liệu

Chế độ kế toán

Thống tư 133/2016/TT-BTC - Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thống tư 200/2014/TT-BTC - Chế độ kế toán doanh nghiệp

Đồng tiền hạch toán

VND Có phát sinh nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ

Phương pháp tính giá xuất kho

Bình quân cuối kỳ Nhập trước xuất trước

Bình quân tức thời Dich danh

Phương pháp tính thuế GTGT

Phương pháp khấu trừ Phương pháp trực tiếp trên doanh thu

Quay lại Tiếp theo Thực hiện Hủy bỏ

- Tại bước **4. Thông tin đăng nhập**: Khai báo **thông tin người dùng quản trị dữ liệu** của đơn vị (Đây là người dùng có toàn quyền với dữ liệu được tạo và có thể phân quyền cho người dùng khác vào sử dụng phần mềm). Nhấn **Tiếp theo**.

The screenshot shows a window titled 'Tạo dữ liệu kế toán' (Create Accounting Data) with a progress bar on the left. The progress bar has five steps: 1. Thông tin doanh nghiệp (checked), 2. Dữ liệu kế toán (checked), 3. Thông tin dữ liệu (checked), 4. Thông tin đăng nhập (checked), and 5. Thực hiện (unchecked). The main area is titled 'Thông tin đăng nhập' and contains the following fields:

Họ và tên *	Phạm Minh	Tâm
Số điện thoại *	0975123451	
Chức danh	Kế toán trưởng	
Email	pmtam@software.misa.com.vn	

At the bottom, there are four buttons: 'Quay lại' (Back), 'Tiếp theo' (Next), 'Thực hiện' (Execute), and 'Hủy bỏ' (Cancel).

- Kiểm tra lại các thông tin về dữ liệu đã khai báo, Nhấn **Thực hiện**.

The screenshot shows the 'Thực hiện' step in the 'Tạo dữ liệu kế toán' window. The progress bar on the left now has all five steps checked. The main area is titled 'Thực hiện' and contains the following information:

Bạn vui lòng kiểm tra lại thông tin và nhấn Thực hiện để tạo dữ liệu kế toán:

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN MISA
Địa chỉ	Tầng 9, tòa nhà Technosoft, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế	0101243150
Ngành nghề kinh doanh chính	Dịch vụ cung ứng phần mềm
Năm tài chính bắt đầu	2020 (từ ngày: 01/01/2020 đến ngày: 31/12/2020)
Ngày hạch toán	01/01/2020
Tên dữ liệu kế toán	MISA JSC2020
Tên đăng nhập	PMTAM
Chế độ kế toán	Thông tư 200/2014/TT-BTC - Chế độ kế toán doanh nghiệp
Đồng tiền hạch toán	VND
Phương pháp tính giá	Bình quân cuối kỳ
Phương pháp tính thuế GTGT	Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

A red arrow points to the 'Thực hiện' button at the bottom.

- Nhấn **Đồng ý**, để đăng nhập vào dữ liệu kế toán vừa tạo mới.



Chào mừng bạn đến với phần mềm
MISA SME.NET 2021

MISA SME.NET 2021
PHẦN MỀM KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Dữ liệu kế toán
MISA SJC2020

Tên đăng nhập
0975123451

Mật khẩu

Nhớ mật khẩu [Mở rộng](#)

Đồng ý **Hủy bỏ**

[Quên mật khẩu?](#)

Phân công công việc và quyền hạn trong phòng kế toán

Trong một doanh nghiệp phòng kế toán thường phân công thành nhiều vai trò và đảm nhận công việc khác nhau. Ví dụ: vai trò kế toán thuế thường đảm nhận công việc liên quan đến công tác báo cáo thuế, không quản lý các chứng từ sổ sách liên quan đến phần hành kế toán khác. Vì vậy, việc phân quyền cho các vai trò là điều rất cần thiết, đảm bảo các vai trò có thể thực hiện được các chức năng trong quyền hạn của mình và không thực hiện được các chức năng khác ngoài quyền hạn, ngăn chặn sai sót trong quá trình hoạt động.

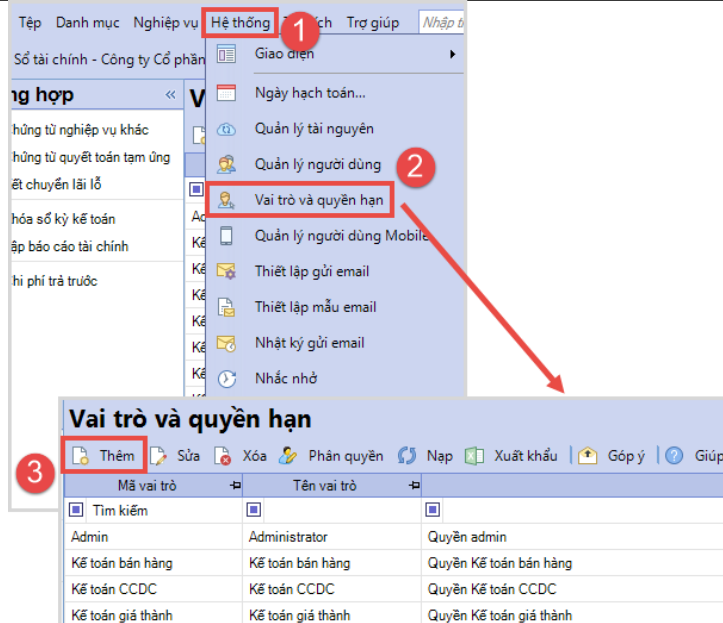
1.22. Vai trò quyền hạn

➤ Mục đích: Cho phép thiết lập các vai trò của người dùng trong hệ thống, và phân quyền cho vai trò đó. VD: vai trò Kế toán trưởng thì có toàn quyền với tất cả các phân hệ, vai trò là kế toán Kho thì chỉ được sử dụng phân hệ kho và báo cáo kho chứ không được dùng các phân hệ khác

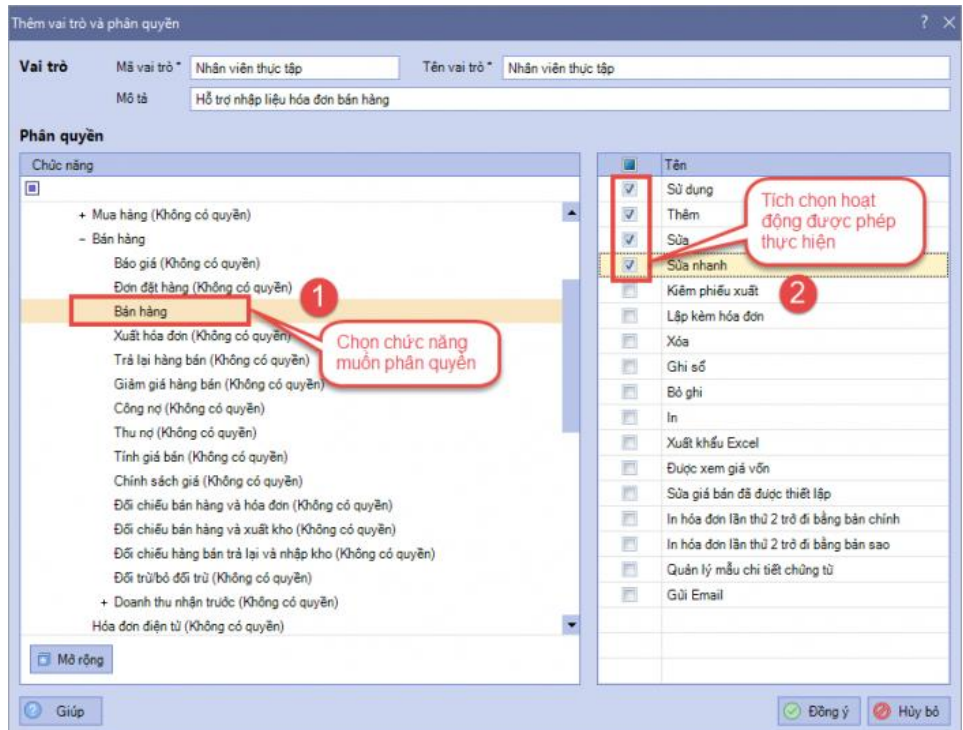
➤ Cách thực hiện

- Vào **Hệ thống Vai trò và quyền hạn**:

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán



- Khai báo các vai trò trong doanh nghiệp



Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

Khái niệm	Giải thích
Chức năng	Hiển thị tất cả các chức năng, nghiệp vụ trên phần mềm và thể hiện quyền truy cập hiện tại tới các chức năng đó.
Tên	Là danh sách các thao tác tương ứng với từng chức năng được chọn trên cây chức năng. Mỗi vai trò có thể có quyền sử dụng một hoặc nhiều trong các hoạt động sử dụng, thêm, sửa, xóa, in hoặc kết hợp nhiều chức năng hay tất cả các chức năng tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp

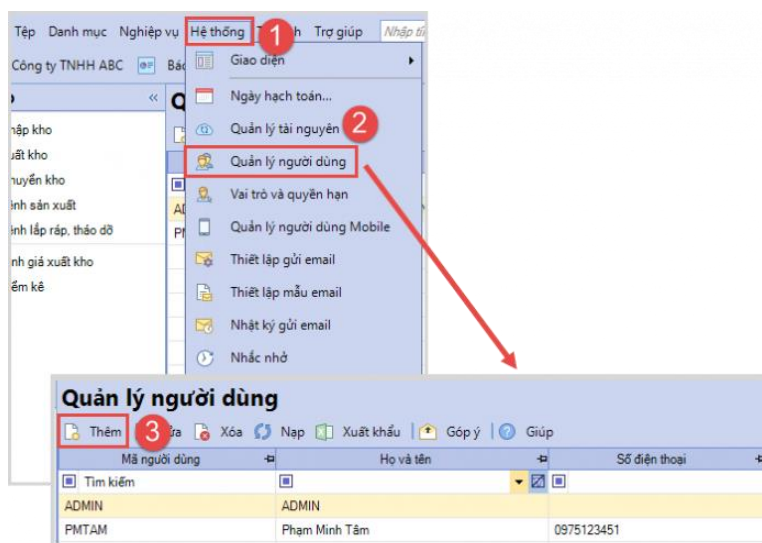
- Trên cây chức năng, kích chọn chức năng cần phân quyền.
- Trong danh sách tên, tích chọn những hoạt động cho phép thực hiện.
- Nhấn **Đồng ý** áp dụng việc phân quyền.

1.23. Quản lý người dùng

➤ Mục đích: Cho phép thiết lập và quản lý danh sách người dùng truy cập và thao tác với dữ liệu kế toán của doanh nghiệp.

➤ Cách thực hiện

- Vào menu **Hệ thống Quản lý người dùng**



- Nhấn <<**Thêm**>> trên thanh công cụ để thêm người dùng.

Thêm Người dùng

Tên đăng nhập *
NVANH

Họ tên đệm *
Nguyễn Văn

Tên *
Anh

Số điện thoại
0975123453

Email *
nvanh@software.misa.com.vn

Chức danh
Kế toán

Vai trò và quyền hạn
Kế toán tiền gửi

Làm việc với sổ quản trị
 Làm việc với sổ tài chính

Người dùng đăng nhập vào phần mềm bằng **tên đăng nhập, số điện thoại và email**.
Người dùng mới thêm sẽ có **mật khẩu để trống**. Lần đầu đăng nhập người dùng sẽ phải thực hiện thiết lập mật khẩu cho tài khoản.

Đồng ý Hủy bỏ

- Người dùng đăng nhập lần đầu tiên vào phần mềm: Sử dụng **Tên đăng nhập** là **Số điện thoại** và để trống mật khẩu.

Thêm Người dùng

Tên đăng nhập *
NVANH

Họ tên đệm *
Nguyễn Văn

Tên *
Anh

Số điện thoại
0975123453

Email *
nvanh@software.misa.com.vn

Chức danh
Kế toán

Vai trò và c
Kế toán t
 Làm vi
 (Làm vi

Chào mừng bạn đến với phần mềm
MISA SME.NET 2021

MISA SME.NET 2021
PHẦN MỀM KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Dữ liệu kế toán
KETOAN2020

Tên đăng nhập
NVANH

Mật khẩu

(Nhớ mật khẩu) Mã riêng

Đồng ý Hủy bỏ

Quên mật khẩu?

- Sau khi đăng nhập vào phần mềm, xuất hiện giao diện **Xác thực thông tin tài khoản**.
- Khai báo các thông tin theo yêu cầu. (Trong đó **Email** sẽ được dùng để nhận mã kích hoạt)

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán



Xác thực thông tin tài khoản

Đây là lần đầu tiên bạn đăng nhập vào dữ liệu, để đảm bảo AN TOÀN - BẢO MẬT tài khoản vui lòng xác nhận thông tin tài khoản của bạn.

Nhập chính xác số điện thoại và email để nhận mã xác thực và lấy lại mật khẩu khi cần.

Ho và tên *

Email *

Số điện thoại *

- Nếu cả **Email** và **SĐT** chưa có tài khoản MISA: Nhập **Mã xác thực** (được gửi đến **Email** của người dùng) và nhập **Mật khẩu** (làm mật khẩu đăng nhập phần mềm MISA SME.NET)

=> Từ lần đăng nhập sau Người dùng sử dụng tài khoản: **Tên đăng nhập** (khai báo khi **Tạo mới dữ liệu kế toán** hoặc **Thêm người dùng**) và **Mật khẩu**: Là mật khẩu người dùng nhập ở trên.



Xác thực thông tin tài khoản

Một mã xác thực gồm 6 chữ số đã gửi đến email **pmtam5@software.misa.com.vn** của bạn. Hãy kiểm tra tin nhắn và nhập vào ô dưới đây để hoàn tất.

5	2	6	4	5	3
---	---	---	---	---	---

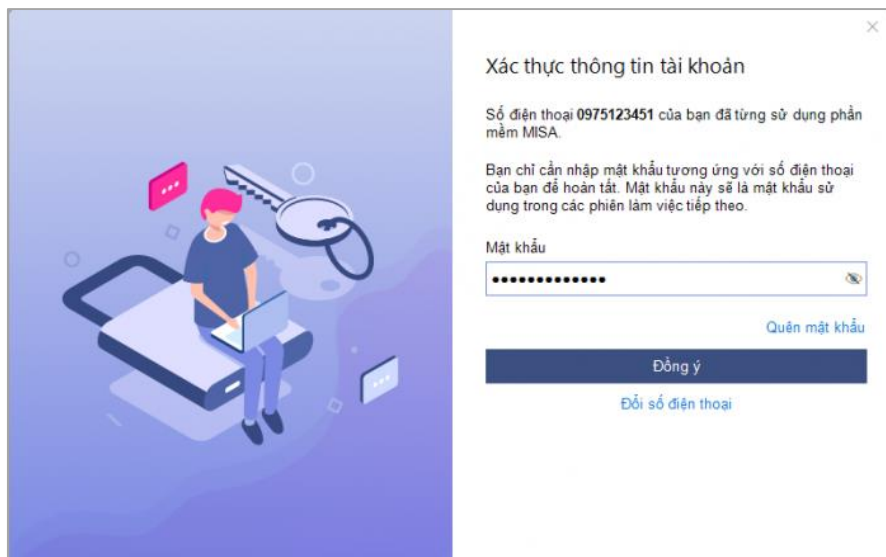
Không nhận được mã xác thực?
Gửi lại mã sau 27 | [Thay đổi email](#)

Hãy nhập mật khẩu cho lần đăng nhập tiếp theo

Xác thực qua số điện thoại 0975123453

- Nếu **Email** hoặc **SĐT** đã có tài khoản MISA: Nhập **Mật khẩu** tài khoản MISA của Email/SĐT.

=> Từ lần đăng nhập sau Người dùng sử dụng tài khoản MISA ID đã có thể đăng nhập vào MISA SME.NET



Thiết lập thông tin ban đầu

Đây là bước cần thiết để doanh nghiệp xác định các thông tin ban đầu, các thông tin có ảnh hưởng chung đến toàn bộ hệ thống kế toán trong suốt quá trình làm việc của NSD. Việc thiết lập các thông tin này sẽ giúp cho NSD thực hiện các công việc kế toán một cách thuận lợi hơn.

Một số thông tin ban đầu cần được thiết lập:

- Danh mục hệ thống tài khoản.
- Một số các tùy chọn chung khác.

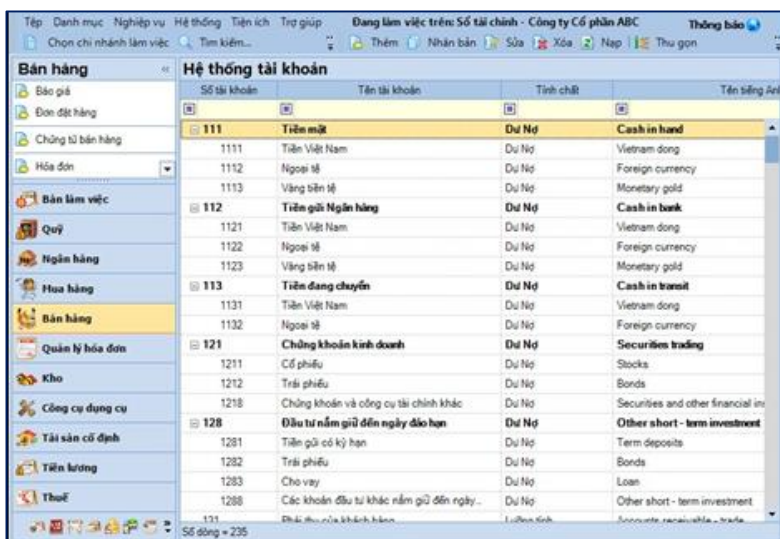
1.24. Danh mục Hệ thống tài khoản

➤ Mục đích: Danh mục Hệ thống tài khoản được sử dụng để quản lý hệ thống các tài khoản, vì hầu hết mọi thông tin kế toán đều được phản ánh trên tài khoản. Thông thường các phần mềm kế toán đã thiết lập sẵn hệ thống tài khoản chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, với mỗi doanh nghiệp lại có một đặc thù sản xuất kinh doanh riêng vì thế mà yêu cầu quản lý các tiết khoản trên cơ sở hệ thống tài khoản cũng khác nhau. Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép NSD mở thêm các tiết khoản

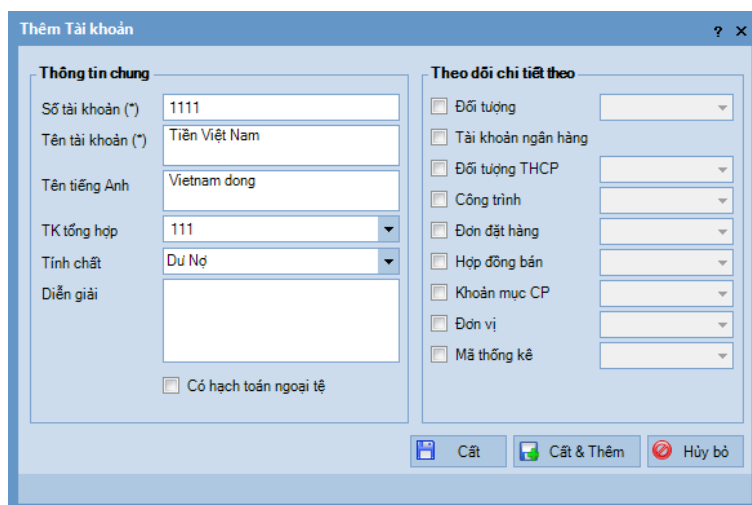
Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán trên cơ sở hệ thống tài khoản chuẩn. Hệ thống tài khoản này sẽ được sử dụng trong các bút toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

➤ Cách thực hiện

- Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thêm mới hoặc chi tiết thêm tài khoản cho phù hợp với yêu cầu quản lý, NSD vào mục **Danh mục\Tài khoản\Hệ thống tài khoản**:



- Chọn **Thêm** trên thanh công cụ (hoặc kích chuột phải chọn **Thêm**):



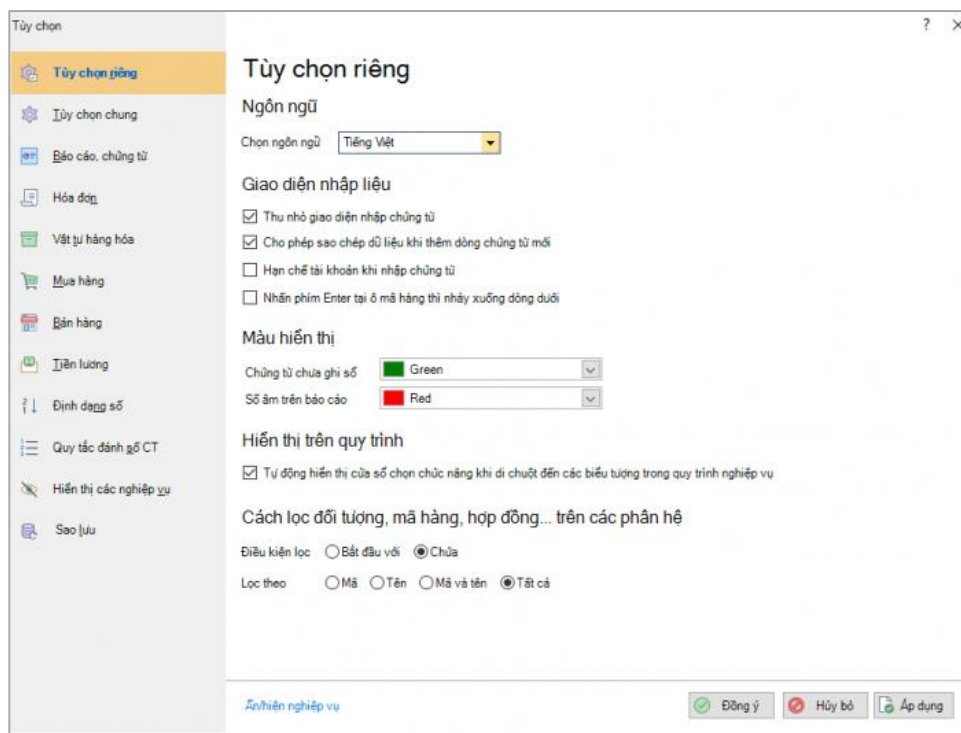
Các tùy chọn **“Theo dõi chi tiết theo”** cho phép NSD có thể theo dõi tài khoản chi tiết theo các tiêu chí khác nhau mà không cần phải mở nhiều tiết khoản. VD: Để theo dõi TK131 theo công nợ của từng khách hàng, kế toán chỉ cần tích chi tiết theo Đối tượng là khách hàng, mà không phải mở TK131 chi tiết cho từng khách hàng.

Với các thông tin chi tiết cần theo dõi như: Đối tượng THCP, Công trình, Đơn đặt hàng, Hợp đồng bán, Khoản mục CP, Đơn vị và Mã thống kê, kế toán có thể lựa chọn một trong hai giá trị sau:

- **Chỉ cảnh báo** => nếu hạch toán chứng từ mà không chọn giá trị, khi ghi sổ chứng từ hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo nhưng vẫn cho ghi sổ
 - **Bắt buộc nhập** => nếu hạch toán chứng từ mà không chọn giá trị, khi ghi sổ chứng từ hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo và không cho ghi sổ
-

1.25. Một số các tùy chọn chung khác

- Mục đích: MISA SME.NET có chức năng tùy chọn hệ thống cho phép thiết lập một số tùy chọn có tính ngầm định trong chương trình khi nhập liệu hoặc khi xem báo cáo kế toán như: Tùy chọn riêng, Tùy chọn chung, Vật tư hàng hóa, Định dạng số, Sao lưu....
- Cách thực hiện
 - Để thiết lập các thông tin về hệ thống, NSD vào mục **Hệ thống** **Tùy chọn**.
 - Tùy thuộc vào đặc thù mỗi doanh nghiệp mà NSD tích chọn các thông tin sao cho phù hợp với doanh nghiệp mình.



Nhập số dư ban đầu

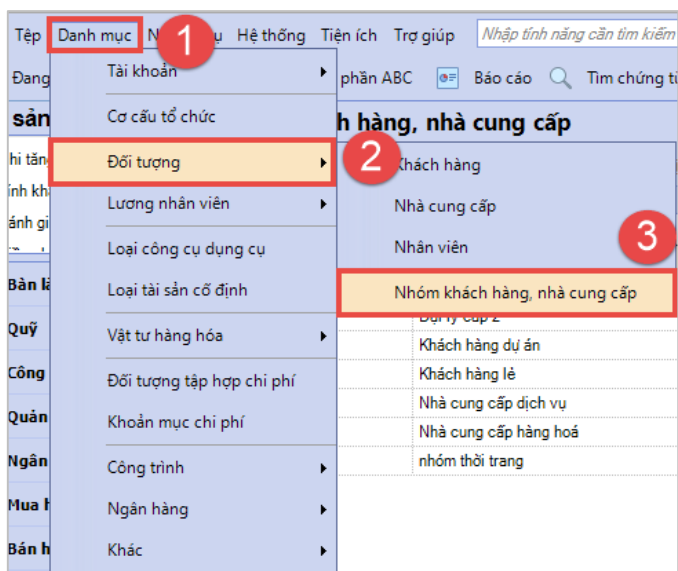
1.26. Khai báo danh mục

Sau khi tiến hành mở sổ kế toán, để nhập được số dư ban đầu và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên phần mềm kế toán trước hết kế toán phải khai báo một số danh mục liên quan. Các danh mục cần khai báo trước khi nhập số dư ban đầu như:

1.26.1. Danh mục Nhóm khách hàng, nhà cung cấp

NSD khai báo danh mục Nhóm Khách hàng, Nhà cung cấp để thiết lập các khách hàng, nhà cung cấp khác nhau nhưng có cùng một tính chất vào cùng 1 nhóm như: cùng địa bàn hoạt động, cùng cung cấp một mặt hàng, nhóm mặt hàng,... tiện cho công tác quản lý các đối tượng của đơn vị. Phương pháp đặt mã hiệu sẽ được trình bày rõ hơn ở phần Danh mục Khách hàng, Nhà cung cấp.

NSD vào menu **Danh mục\Nhóm khách hàng nhà cung cấp** để tiến hành khai báo các thông tin liên quan.



1.26.2. Danh mục Khách hàng, Nhà cung cấp

Danh mục này được NSD khai báo nhằm quản lý thống kê mua, bán hàng hóa và theo dõi công nợ chi tiết đến từng khách hàng, nhà cung cấp. Mỗi khách hàng, nhà cung cấp sẽ được nhận diện bằng mã khác nhau gọi là mã khách hàng, nhà cung cấp. Mã này thông thường sẽ do NSD đặt sao cho phù hợp với mô hình hoạt động và quản lý của doanh nghiệp. Có rất nhiều phương pháp đặt mã khác nhau, các phương pháp này phụ thuộc vào yêu cầu tổ chức quản lý đối tượng và phụ thuộc vào tính chất của từng đối tượng cụ thể.

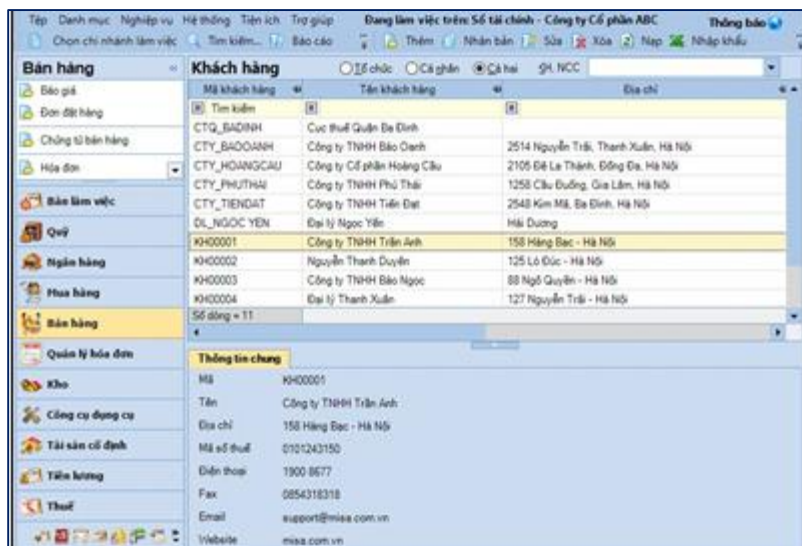
Một số điểm lưu ý khi thiết lập mã khách hàng, nhà cung cấp trong các phần mềm kế toán:

- Mỗi khách hàng hoặc nhà cung cấp phải được đặt một mã khác nhau.
- Không nên đưa ra một mã mà thành phần thông tin trong mã đó lại là của một mã khác. VD: Mã 1: CTY_NHATQUANG (Công ty Nhật Quang), mã 2: CTY_NHAT (Công ty Nhật)

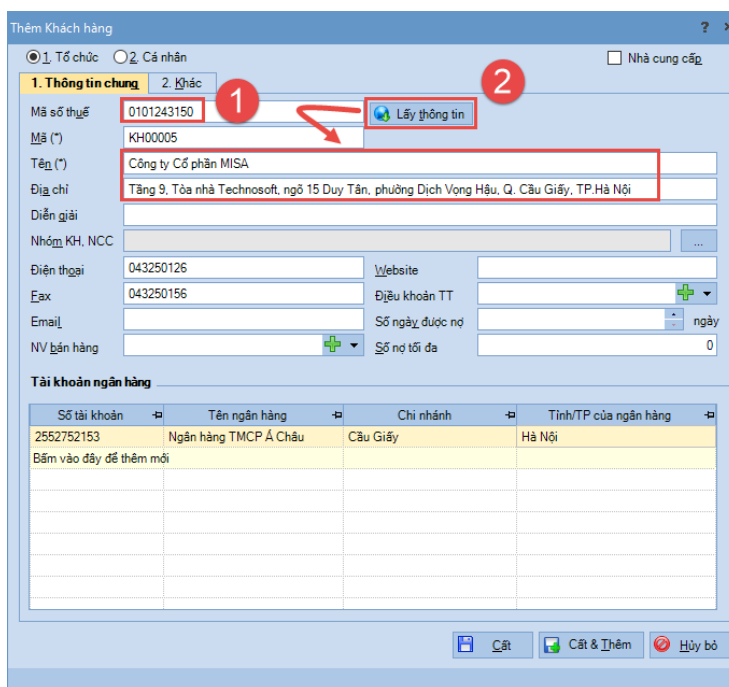
Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

Để khai báo danh mục KH, NCC, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Đối tượng\Khách hàng**



- Chọn **Thêm** trên thanh công cụ để thêm mới khách hàng:



- Khai báo các thông tin liên quan về khách hàng sau đó nhấn **“Cất”** để lưu chứng từ vừa nhập.
- Thực hiện khai báo Nhà cung cấp tương tự.
- Tích chọn thông tin “Nhà cung cấp” nếu khách hàng nào vừa là khách hàng, vừa là nhà cung cấp.

Mỗi khách hàng, nhà cung cấp có thể liên quan đến mọi TK công nợ. Vì vậy, thông qua mã khách hàng, nhà cung cấp NSD có thể xem được các báo cáo công nợ không chỉ liên quan đến một TK công nợ mà liên quan đến mọi TK công nợ của khách hàng, nhà cung cấp đó. Phần mềm sẽ tự động cộng gộp theo danh mục khách hàng, nhà cung cấp các phát sinh, số dư TK để có các sổ tổng hợp phát sinh, số dư các TK công nợ theo từng đối tượng.

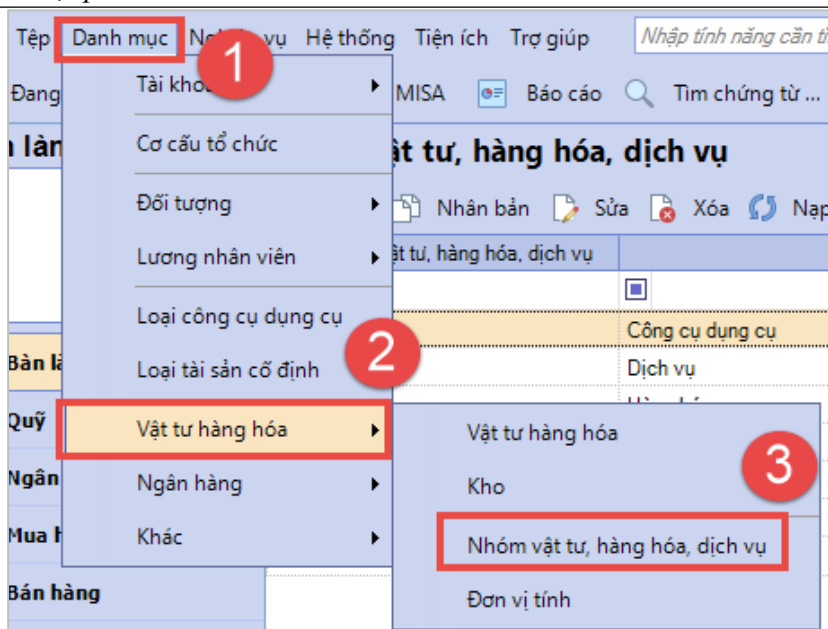
1.26.3. Danh mục Nhóm vật tư hàng hóa dịch vụ và danh mục Vật tư hàng hóa dịch vụ.

Danh mục nhóm vật tư hàng hóa, dịch vụ cho phép NSD thiết lập VTHH, dịch vụ khác nhau nhưng có cùng 1 tính chất, 1 tiêu chí quản lý để phục vụ cho công tác quản lý VTHH của doanh nghiệp. Ví dụ: Công ty kinh doanh quần áo có thể chia nhóm quần áo trẻ em, nhóm quần áo phụ nữ hoặc Siêu thị chia hàng thành nhóm thực phẩm tươi sống, nhóm hàng gia dụng... tùy vào đặc thù sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

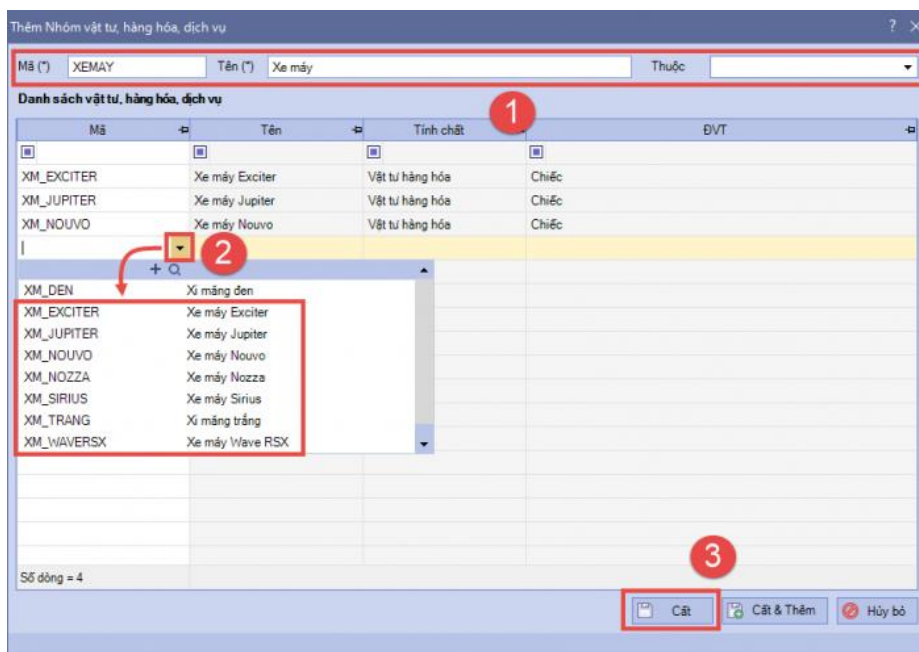
Để khai báo danh mục nhóm VTHH, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Nhóm vật tư, hàng hóa, dịch vụ**

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán



- Nhấn **Thêm** trên thanh công cụ để thêm mới nhóm vật tư hàng hóa



- Chọn các VTHH thuộc nhóm VTHH đang khởi tạo, sau đó nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ vừa nhập

Danh mục VTHH dùng để quản lý tình hình nhập, xuất, tồn của các VTHH.

Mỗi vật tư, hàng hóa sẽ mang một mã riêng. Việc đặt mã hiệu cho VTHH cũng giống như đặt mã hiệu cho đối tượng khách hàng, nhà cung cấp, nó do NSD tự đặt sao cho thuận tiện nhất và dễ nhớ nhất phù hợp với công tác quản lý vật tư, hàng hóa tại doanh nghiệp. Thông thường các doanh nghiệp hay lựa chọn cách đặt mã theo tên của VTHH. Trong trường hợp cùng một vật tư nhưng có nhiều loại khác nhau thì NSD có thể bổ sung thêm đặc trưng của VTHH đó.

Việc đặt mã cho vật tư, hàng hóa trong bảng mã vật tư, hàng hóa tương ứng với việc mở thẻ (sổ) chi tiết để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vật tư, hàng hóa, thành phẩm trong kế toán thủ công.

Để khai báo danh mục Vật tư hàng hóa, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Vật tư hàng hóa**, chọn chức năng **Thêm**

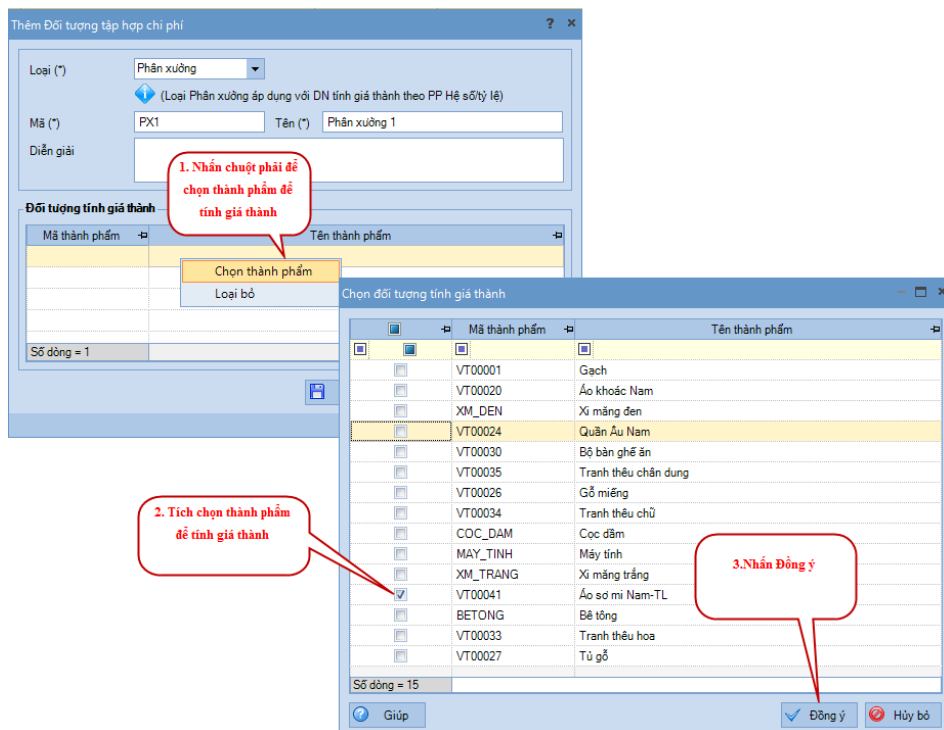
- NSD khai báo các thông tin liên quan đến Vật tư hàng hóa sau đó nhấn <<Cất > để lưu chứng từ vừa nhập

1.26.4. Danh mục Đối tượng tập hợp chi phí

Đối tượng tập hợp chi phí là phạm vi, giới hạn mà các chi phí phát sinh được tập hợp theo phạm vi, giới hạn đó. Danh mục Đối tượng tập hợp chi phí được thiết lập để tập hợp các yếu tố chi phí theo từng đối tượng tính giá thành khi phát sinh các chi phí liên quan trực tiếp đến đối tượng đó, đối với các chi phí chung sẽ được tập hợp chung và cuối kỳ phân bổ cho từng đối tượng tập hợp chi phí theo từng tiêu thức nhất định.

Để khai báo danh mục đối tượng tập hợp chi phí, NSD tiến hành như sau:

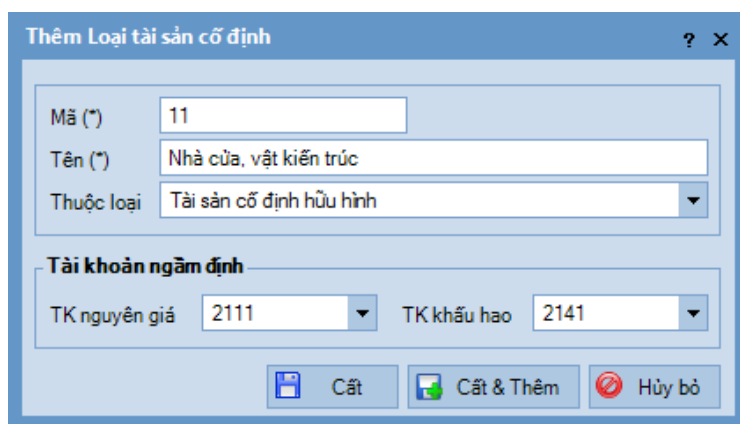
- Vào menu **Danh mục\Đối tượng tập hợp chi phí**
- Nhấn **Thêm** trên thanh công cụ để thêm mới đối tượng tập hợp chi phí



- Khai báo các thông tin liên quan đến Đối tượng tập hợp chi phí sau đó nhấn <<Cất để lưu chứng từ vừa nhập.
- Đối tượng tập hợp chi phí như phân xưởng, thành phẩm, quy trình sản xuất hay công đoạn phục vụ cho các đơn vị tính giá thành theo phương pháp sản xuất liên tục - gián đoạn; phương pháp hệ số-tỷ lệ, phương pháp tính giá thành phân bước.

1.26.5. Danh mục loại Tài sản cố định

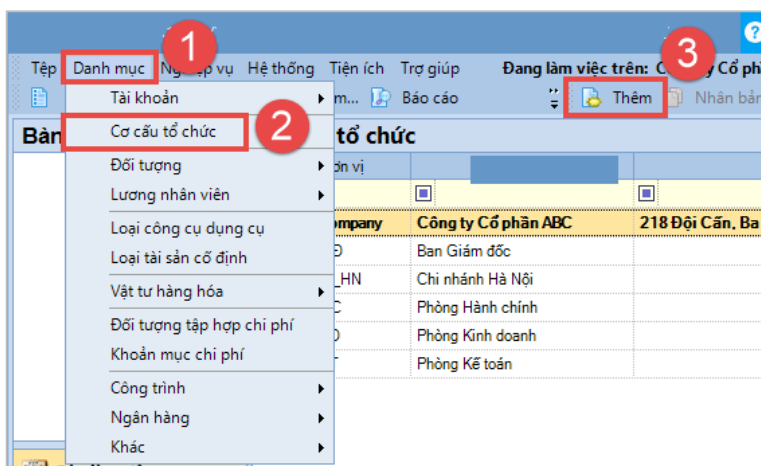
Danh mục loại Tài sản cố định cho phép thiết lập danh mục loại TSCĐ được sử dụng cho doanh nghiệp, phục vụ cho công tác hạch toán và trích khấu hao TSCĐ. Hệ thống đã cập nhật sẵn một danh mục TSCĐ theo thống kê danh mục TSCĐ của Bộ Tài chính tại menu **Danh mục\Loại tài sản cố định**. Tuy nhiên, NSD có thể thêm hoặc sửa đổi danh mục này cho phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp



1.26.6. Danh mục Cơ cấu tổ chức

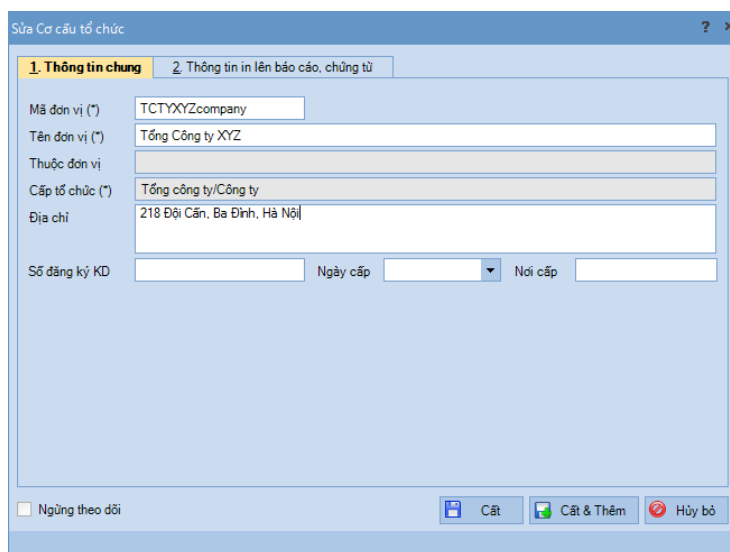
Danh mục Cơ cấu tổ chức cho phép NSD thiết lập danh sách toàn bộ quản lý cơ cấu chi nhánh, phòng ban, bộ phận trong doanh nghiệp. Danh mục phòng ban không chỉ phục vụ cho công việc tính lương nhân viên mà còn sử dụng cho công việc theo dõi toàn bộ chi phí, TSCĐ, CCDC...theo phòng ban, đơn vị. Để tiến hành khai báo danh mục Cơ cấu tổ chức, NSD tiến hành như sau:

Vào menu **Danh mục**\Cơ cấu tổ chức.

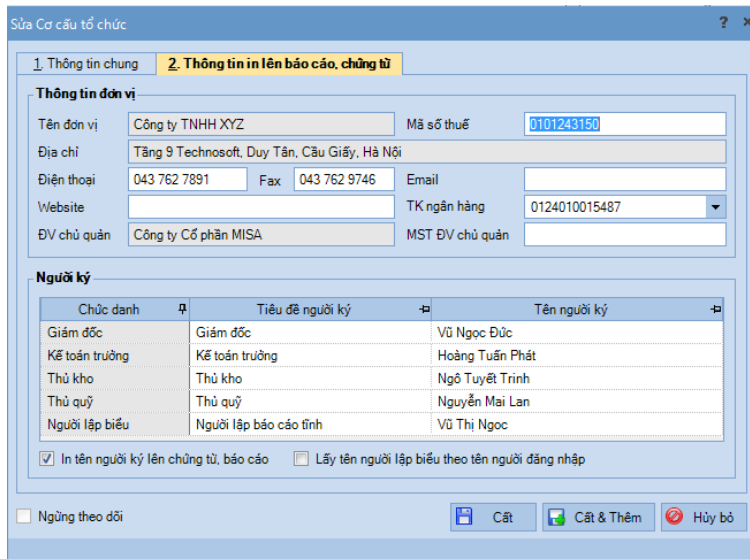


- Mỗi doanh nghiệp sẽ chỉ có một cơ cấu với cấp tổ chức là **Tổng công ty/Công ty** => cơ cấu này sẽ được phần mềm tự động sinh ra khi kế toán thực hiện tạo một dữ liệu kế toán mới và nó tương đương với cấp tổ chức lớn nhất của doanh nghiệp. Với trường hợp này kế toán sẽ chọn chức năng **Sửa** trên thanh công cụ, nếu muốn bổ sung, thay đổi thông tin về doanh nghiệp:

+ Tab **Thông tin chung** cho phép khai báo các thông tin về doanh nghiệp



- + Tab **Thông tin lên báo cáo, chứng từ** cho phép khai báo các thông tin về đơn vị và người ký sẽ hiển thị các chứng từ hoặc báo cáo được in ra:



Sửa Cơ cấu tổ chức

1. Thông tin chung 2. Thông tin lên báo cáo, chứng từ

Thông tin đơn vị

Tên đơn vị: Công ty TNHH XYZ Mã số thuế: 0101243150

Địa chỉ: Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 043 762 7891 Fax: 043 762 9746 Email: []

Website: [] TK ngân hàng: 0124010015487

ĐV chủ quản: Công ty Cổ phần MISA MST ĐV chủ quản: []

Người ký

Chức danh	Tiêu đề người ký	Tên người ký
Giám đốc	Giám đốc	Vũ Ngọc Đức
Kế toán trưởng	Kế toán trưởng	Hoàng Tuấn Phát
Thủ kho	Thủ kho	Ngô Tuyết Trinh
Thủ quỹ	Thủ quỹ	Nguyễn Mai Lan
Người lập biểu	Người lập báo cáo tính	Vũ Thị Ngọc

In tên người ký lên chứng từ, báo cáo Lấy tên người lập biểu theo tên người đăng nhập

Ngừng theo dõi

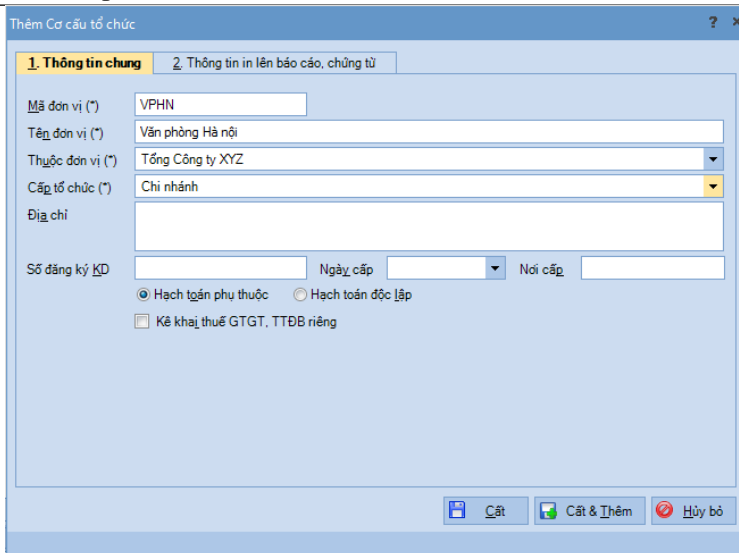
Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

- **Khai báo cơ cấu có cấp tổ chức là Chi nhánh:** Chỉ có công ty Đa chi nhánh và khi tạo dữ liệu chọn có chi nhánh (hoặc trên **Hệ thống\Tuỳ chọn\Tuỳ chọn** chung có tích chọn thông tin **Có chi nhánh**) là mới thực hiện khai báo Chi nhánh. Để khai báo chi nhánh mới nhấn **Thêm** trên thanh công cụ.

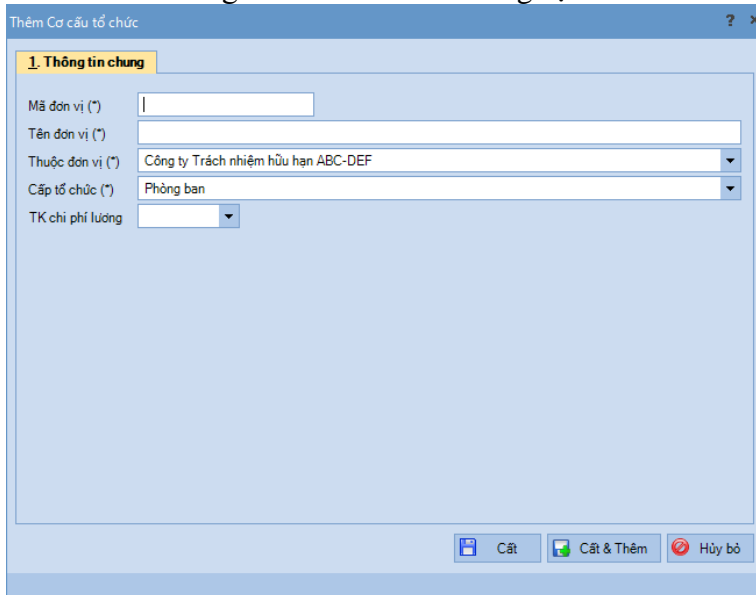
- + Tab **Thông tin chung** cho phép khai báo các thông tin về chi nhánh

⇒ Với các thông tin có ký hiệu (*) kế toán sẽ bắt buộc phải khai báo:

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán



- Khai báo cơ cấu có cấp tổ chức là: Văn phòng/Trung tâm, Phòng ban, Phân xưởng, Nhóm/Tổ/Đội
- + Nhấn chức năng **Thêm** trên thanh công cụ:



- + Nhập mã, tên phòng ban
- + Nhập tài khoản hạch toán chi phí lương tương ứng với phòng ban
- + Nhấn **Cắt** để lưu thông tin vừa khai báo.

1.26.7. Danh mục Nhân viên

Cho phép khai báo các thông tin liên quan đến nhân viên trong doanh nghiệp phục vụ cho việc quản lý và trả lương. Để khai báo danh mục nhân viên, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Đối tượng\Nhân viên**
- Nhấn **Thêm** để tiến hành khai báo mới nhân viên

Thêm Nhân viên

Là khách hàng Là nhà cung cấp

1. Thông tin chung 2. Khác

Mã (*) HNMAI Chức danh Nhân viên
Tên (*) Hoàng Ngọc Mai Đơn vị (*) Phòng Kinh doanh
Giới tính Nam Nữ Mã số thuế
Ngày sinh Ngày sinh Lương thỏa thuận 5.600.000
Số CMND Hệ số lương
Ngày cấp Ngày cấp Lương đóng BH 3.000.000
Nơi cấp Nơi cấp Số người phụ thuộc 0
Nhóm KH, NCC

Tài khoản ngân hàng

Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh	Tỉnh/TP của ngân hàng
2151000612969	Ngân hàng BIDV	Đống Đa	Hà Nội
1252536988255	Ngân hàng Vietcombank	Cầu Giấy	Hà Nội
Bấm vào đây để thêm mới			

Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

- Nhập đầy đủ các thông tin liên quan.
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.

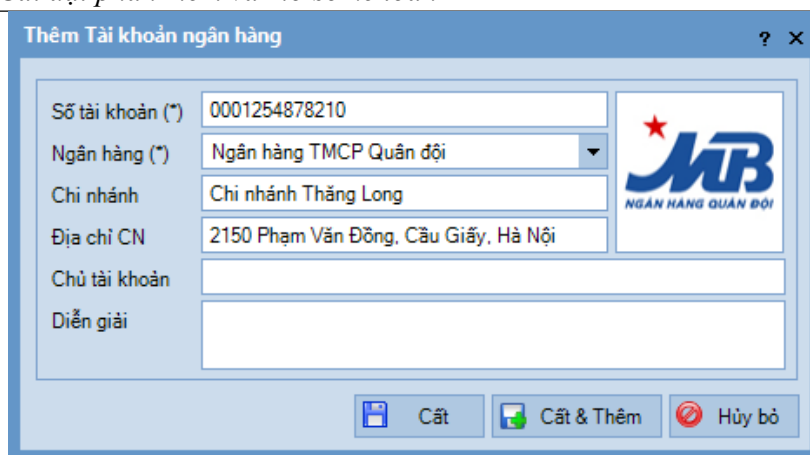
1.26.8. Danh mục Ngân hàng và tài khoản ngân hàng

Danh mục ngân hàng dùng để khai báo thông tin về các ngân hàng mà doanh nghiệp mở nhằm phục vụ cho việc giao dịch với ngân hàng, thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp qua tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Danh mục tài khoản ngân hàng dùng để khai báo các tài khoản ngân hàng để lấy thông tin về các tài khoản này lên các chứng từ giao dịch liên quan như Nộp tiền vào tài khoản, Séc/ y nhiệm chi...

Để khai báo danh mục loại Tài khoản ngân hàng, NSD tiến hành như sau:

- Vào menu **Danh mục\Tài khoản ngân hàng**
- Nhấn **Thêm** trên thanh công cụ để thêm mới Tài khoản ngân hàng



Thêm Tài khoản ngân hàng

Số tài khoản (*) 0001254878210

Ngân hàng (*) Ngân hàng TMCP Quân đội

Chi nhánh Chi nhánh Thăng Long

Địa chỉ CN 2150 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội

Chủ tài khoản

Diễn giải

Cất Cất & Thêm Hủy bỏ

- Khai báo các thông tin liên quan đến Tài khoản ngân hàng sau đó nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ vừa nhập

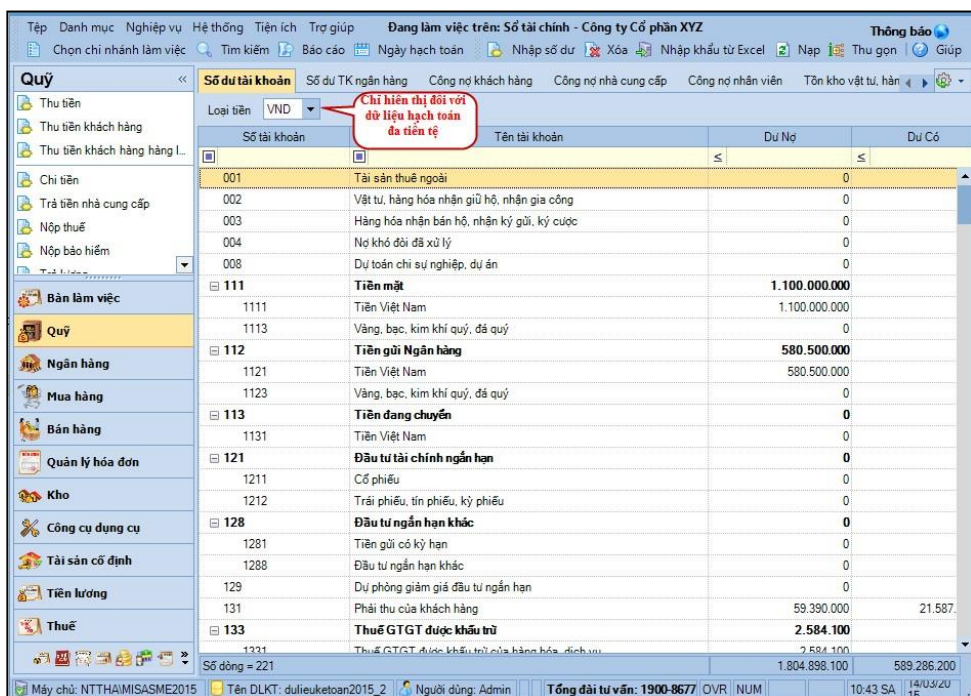
Ngoài ra, NSD còn có thể khai báo các danh mục khác như: kho, định mức nguyên vật liệu, cố đông... Việc khai báo các danh mục được thao tác tương tự các danh mục trên.

1.27. Nhập số dư ban đầu

Sau khi khai báo xong danh mục như khách hàng, nhà cung cấp, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định,... NSD sẽ tiến hành nhập số dư ban đầu cho các tài khoản. Số dư ở đây có thể là dư Nợ hoặc dư Có, là VND hay ngoại tệ. Việc nhập số dư được thực hiện sau khi khai báo xong các danh mục ban đầu và trước khi hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

□ Hướng dẫn chung

- Để nhập số dư của các tài khoản, NSD vào menu **Nghiệp vụ\Nhập số dư ban đầu**



- Tại màn hình nhập số dư ban đầu, NSD kích đúp chuột vào các tài khoản cần nhập số dư, hoặc chọn tài khoản cần nhập, sau đó nhấn vào biểu tượng **Nhập** trên thanh công cụ hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl+N**.
- **Một số trường hợp đặc biệt cần theo dõi chi tiết:**

Đối với một số tài khoản có nhiều tài khoản chi tiết như 131, 331, 334, 141... doanh nghiệp có thể theo dõi theo từng đối tượng; TK 112 số dư chi tiết theo từng tài khoản ngân hàng, quản lý số tồn VTHH theo từng kho; chi phí dở dang đầu kỳ của từng ĐTTHCP, công trình, đơn đặt hàng, hợp đồng bán.

 - **Nhập số dư ban đầu cho các TK chi tiết theo đối tượng:**
 - Các tài khoản thuộc nhóm cần theo dõi theo đối tượng như: 131, 138, 141, 331, 334, 338... NSD kích chọn chi tiết theo đối tượng cụ thể là khách hàng, nhà cung cấp hay là nhân viên.

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

Sửa Tài khoản

Thông tin chung

Số tài khoản (*) 131

Tên tài khoản (*) Phải thu của khách hàng

Tên tiếng Anh Accounts receivable - trade

TK tổng hợp

Tính chất Lương tính

Diễn giải

Có hạch toán ngoại tệ

Ngừng theo dõi

Theo dõi chi tiết theo

Đối tượng Khách hàng

Tài khoản ngân hàng

Đối tượng THCP

Công trình

Đơn đặt hàng

Hợp đồng bán

Khoản mục CP

Đơn vị

Mã thống kê

Cất Cất & Thêm Hủy bỏ

- Khi nhập số dư ban đầu, tại tab Số dư tài khoản NSD kích đúp vào TK131, 331...hoặc chọn tab Công nợ khách hàng, công nợ Nhà cung cấp, Công nợ nhân viên kích chuột vào chức năng **Nhập số dư** trên thanh công cụ.

Nhập số dư công nợ khách hàng

Số tài khoản 131

Số dư trên số: **Tài chính**

Mã khách hàng	Tên khách hàng	Dư Nợ	Dư Có	Chi tiết công nợ
CTY_BAOANH	Công ty TNHH Bảo An	32.514.000,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
CTY_HOANGCAU	Công ty Cổ phần Hoàng Cầu	0,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
CTY_PHUTHAI	Công ty TNHH Phú Thái	0,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
CTY_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	0,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ
DL_NGOC YEN	Đại lý Ngọc Yến	0,00	0,00	Nhập chi tiết công nợ

Số dòng = 5

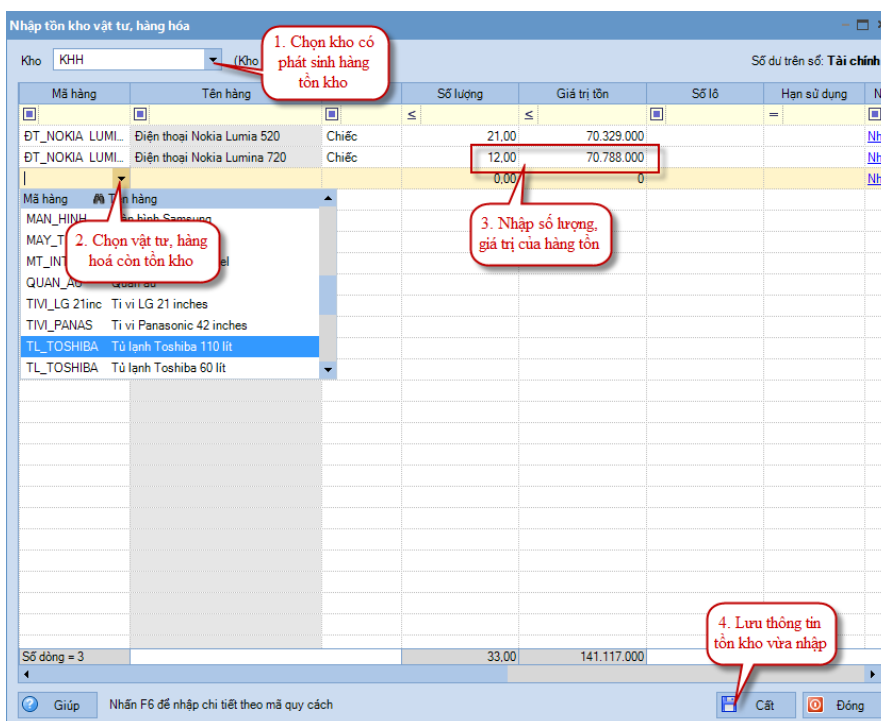
Giúp Nhập F6 để nhập chi tiết công nợ khách hàng Cất Đóng

1. Chọn tài khoản phát sinh công nợ khách hàng

2. Nhập tổng số dư công nợ của khách hàng

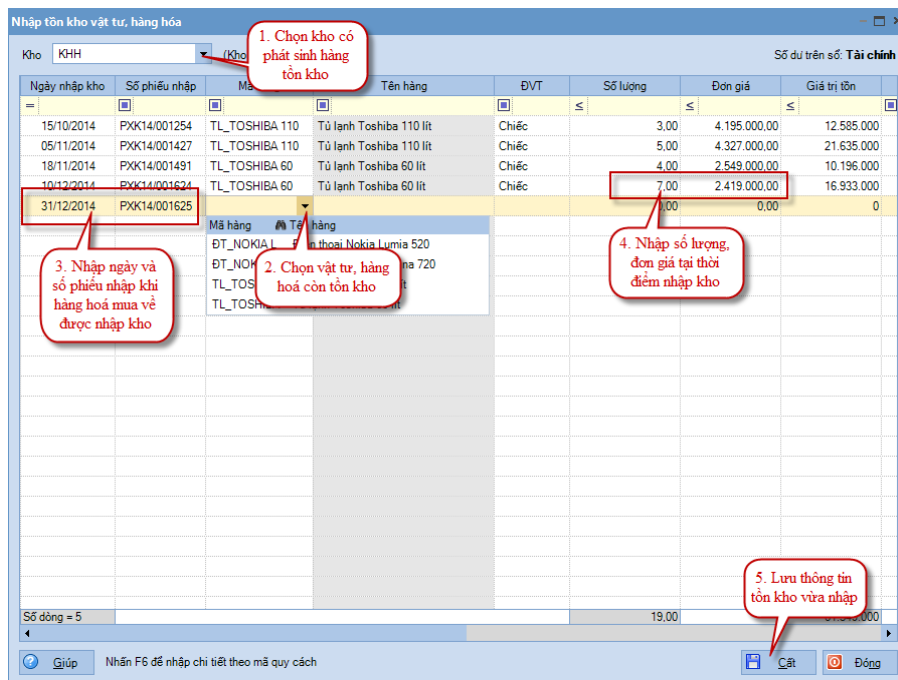
3. Lưu thông tin số dư vừa nhập

- Để quản lý chi tiết số dư công nợ của hóa đơn nào thì NSD nhấn “*Nhập chi tiết công nợ*” để nhập số dư chi tiết từng hóa đơn hoặc NSD có thể nhập khẩu từ Excel.
- **Nhập số dư Tồn kho Vật tư, hàng hóa.**
- Số dư tồn kho vật tư, hàng hóa giúp kế toán quản lý được số lượng, giá trị tồn trên từng kho của Vật tư, hàng hóa đầu kỳ là bao nhiêu.
- NSD vào phần **Nghiệp vụ\Nhập số dư ban đầu**, tại tab **Tồn kho vật tư, hàng hoá**, NSD chọn chức năng **Nhập tồn kho** trên thanh công cụ hoặc **Nhập khẩu từ excel** theo mẫu ngầm định phần mềm (nếu có sẵn số liệu từ Excel).
- **Với vật tư, hàng hoá áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là Bình quân cuối kỳ hoặc Bình quân t c thời**

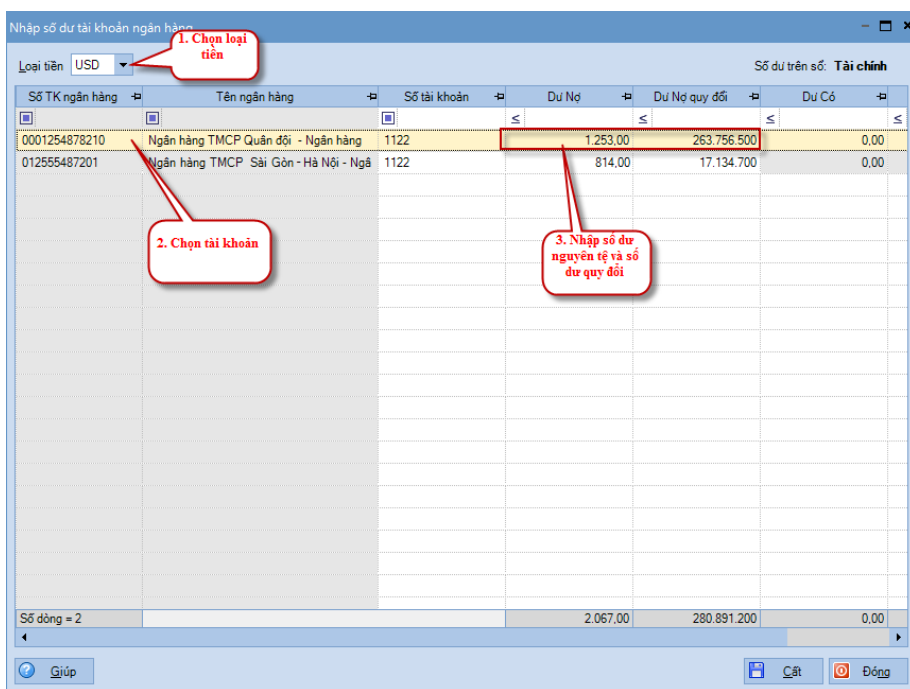


- **Với vật tư, hàng hoá áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là Đích giá hoặc Nhập trước xuất trước**

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán



- + Chọn kho phát sinh hàng tồn và chọn vật tư hàng hoá còn tồn kho đầu kỳ.
- + Nhập ngày nhập kho, số phiếu nhập, số lượng, đơn giá cho từng lần nhập kho đã phát sinh của vật tư hàng hoá và các thông tin khác (nếu có) như: số lô, hạn sử dụng, nhập mã quy cách, số lượng theo đơn vị chính
- + Sau khi khai báo xong tồn kho vật tư, hàng hoá, nhấn <<Cất>>.
- **Nhập số dư TK ngân hàng**
- Vào menu **Nghiệp vụ\Nhập số dư ban đầu**, tại tab **Số dư tài khoản** kích đúp vào tài khoản 112 hoặc tại tab **Số dư tài khoản ngân hàng**, chọn chức năng **Nhập số dư** trên thanh công cụ



- + Chọn loại tiền ngoại tệ có phát sinh số dư cần nhập.
- + Chọn tài khoản và nhập số dư cho các tài khoản ngân hàng có phát sinh số dư ban đầu.
- + Sau khi nhập xong, nhấn <<Cất>>.
- **Nhập Chi phí dở dang**
 - Vào menu **Nghiệp vụ\Nhập số dư ban đầu**, chọn Tab **Chi phí dở dang**, NSD chọn nhập dở dang đầu kỳ cho Đối tượng tập hợp chi phí, cho công trình, đơn đặt hàng hay hợp đồng, sau đó chọn chức năng **Nhập chi phí** trên thanh công cụ.

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

Đang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Cổ phần XYZ

Chọn chi nhánh làm việc: Tìm kiếm: Báo cáo: Ngày hạch toán: Nhập chi phí: Khoa: Nhập khẩu từ Excel: Nạp: Giúp

Quỹ: Công nợ khách hàng, Công nợ nhà cung cấp, Công nợ nhân viên, Tài kho vật tư, hàng hóa, **Chi phí dở dang**, Thông báo

Mã đối tượng THCP: Tên đối tượng THCP: Loại đối tượng THCP: NVL trực tiếp: Nhân công trực tiếp: Chi

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	NVL trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Chi
ASM_NL	áo mi NamNL	Phần xưởng	0	0	0
COC_DAM	ốc dằm	Sản phẩm	0	0	0
CPGAN	Giày tập hợp Chi phí quần Áo Nam	Phần xưởng	0	0	0
PX_COC_DAM	Phần xưởng sản xuất ốc dằm	Phần xưởng	28.514.000	31.585.000	0
QT_S	Quy trình sản xuất áo	Quy trình sản xuất	0	0	0
QTSX_XI_MANG	Quy trình sản xuất xi măng	Quy trình sản xuất	59.000.000	108.900.000	0
NGHIE_NDA	Giai đoạn nghiền đá	Công đoạn	59.000.000	108.900.000	0
QTSX_GO	Quy trình sản xuất gỗ	Quy trình sản xuất	0	0	0
CBSXGM	Công đoạn sản xuất Gỗ miếng	Công đoạn	0	0	0
CBSXTG	Công đoạn sản xuất gỗ	Công đoạn	0	0	0
V700020	Áo khoác Nam	Sản phẩm	120	22	0
XM_DEN	Xi măng đen	Sản phẩm	0	0	0
XM_TRANG	Xi măng trắng	Sản phẩm	0	0	0

Số đồng = 13 87.514.120 140.485.022

Máy chủ: NTTHAMISASME2015 Tên DLKT: dulieuketoon2015_2 Người dùng: Admin Tổng đài tư vấn: 1900-8677 OVR NUM 9:23 SA 15/11/2015

- + Nhập chi phí dở dang của từng khoản mục chi phí, tương ứng với từng đối tượng tập hợp chi phí.
- + Trường hợp muốn nhập chi phí dở dang chi tiết theo từng yếu tố chi phí, kế toán tích chọn vào thông tin **Nhập chi tiết theo các yếu tố chi phí**:

Khai báo chi phí dở dang đầu kỳ cho đối tượng THCP

Nhập chi tiết theo các yếu tố chi phí

1. Tích chọn

CP: Tên đối tượng THCP: Loại đối tượng THCP: NVL trực tiếp: Nhân công trực tiếp: NVL gián tiếp: Nhân công gián tiếp: Khấu hao: Chi phí mua ngoài: Chi phí khác: Tổng chi phí

CP	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	NVL trực tiếp	Nhân công trực tiếp	NVL gián tiếp	Nhân công gián tiếp	Khấu hao	Chi phí mua ngoài	Chi phí khác	Tổng chi phí
COC_DAM	Ốc dằm	Sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
PX_COC_DAM	Phần xưởng sản xuất: Ốc dằm	Phần xưởng	28.514.000	31.585.000	0	0	0	0	0	0
QTSX_XI_MANG	Quy trình sản xuất xi măng	Quy trình sản xuất	59.000.000	108.900.000	0	0	0	0	0	0
NGHIE_NDA	Giai đoạn nghiền đá	Công đoạn	59.000.000	108.900.000	0	0	0	0	0	0
XM_DEN	Xi măng đen	Sản phẩm	0	0	0	0	0	0	20.514.000	80.613.000
XM_TRANG	Xi măng trắng	Sản phẩm	0	0	0	0	0	0	67.820.000	235.720.000

Số đồng = 6 87.514.000 140.485.000 0 0 0 0 0 88.334.000 316.333.000

2. Nhập chi phí dở dang theo từng yếu tố chi phí

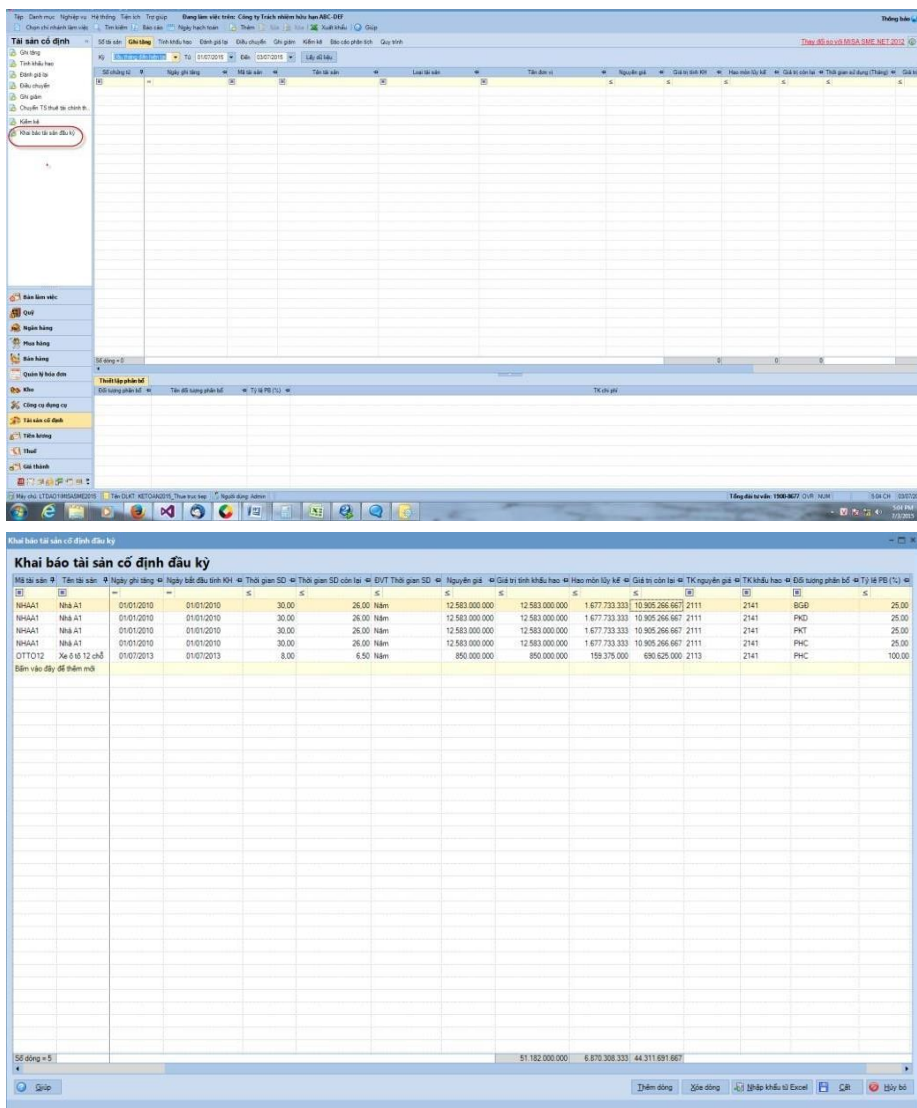
Tự động chuyển dữ liệu từ khoản mục Chi phí chung sang yếu tố Chi phí khác

Giúp: Nhập khẩu từ Excel: Cất: Hủy bỏ

+ Sau khi khai báo xong, nhấn <<Cất>>.

NSD có thể thực hiện nhập khẩu từ Excel nếu có sẵn số liệu trên file Excel.

- Khai báo Tài sản cố định đầu kỳ.
 - Tại phân hệ Tài sản cố định, chọn chức năng Khai báo tài sản đầu kỳ bên thanh tác nghiệp (hoặc vào menu Nghiệp vụ\Tài sản cố định\Khai báo tài sản đầu kỳ).



- Nhập các thông tin chi tiết cho tài sản cố định năm trước như: Mã tài

sản, Tên tài sản, Ngày ghi tăng, Ngày bắt đầu sử dụng, Nguyên giá, Giá trị tính khấu hao...

Khai báo CCDC đầu kỳ tại phân hệ CCDC tương tự TSCĐ.

Một số chức năng khác

MISA SME.NET còn cung cấp một số tiện ích quản trị như: lưu trữ bảo quản dữ liệu, phục hồi dữ liệu, cập nhật phần mềm... giúp kế toán làm việc một cách hiệu quả nhất, đảm bảo an toàn về dữ liệu.

1.28. Lưu trữ, bảo quản sổ kế toán

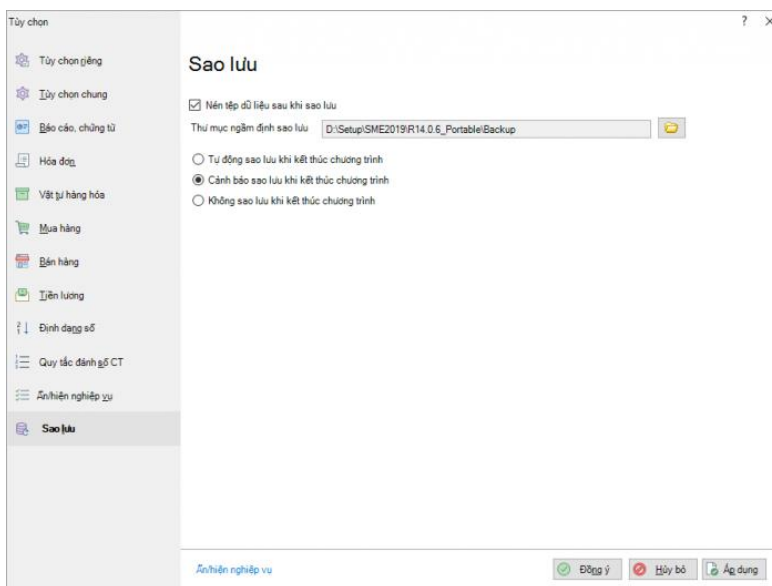
➤ Mục đích

Kế toán thường phải lập các bản sao lưu, dự phòng khi theo dõi sổ kế toán trên máy vi tính nhằm đảm bảo an toàn cho các chứng từ, sổ sách, báo cáo trong trường hợp gặp sự cố bất thường xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Việc lập các bản sao này có thể diễn ra định kỳ hoặc không định kỳ tùy thuộc vào thiết lập ban đầu của NSD.

Trong phần mềm kế toán, thao tác sao lưu sẽ tạo ra một bản sao toàn bộ các chứng từ, sổ sách hoàn toàn giống so với bản gốc, làm giảm tối đa hậu quả khi có sự cố. Các bản sao lưu này nên được cất giữ ở vị trí an toàn như: ổ cứng, băng từ...

➤ Cách thực hiện

- Trên giao diện phần mềm, vào menu **Hệ thống\Tùy chọn\Sao lưu**, NSD tùy chọn sử dụng các thao tác



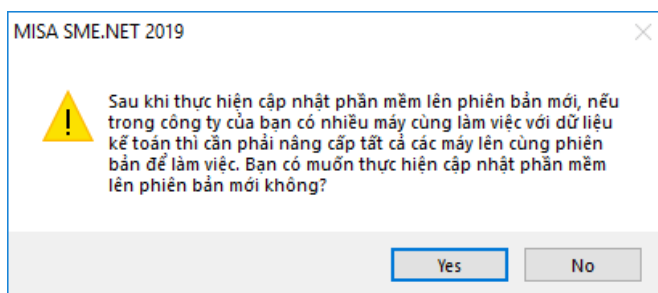
- NSD nên tích chọn “**Nén tệp dữ liệu sau khi giao lưu**”.

1.29. Cập nhật phần mềm theo thông báo của nhà cung cấp

➤ Mục đích: Cho phép tự động cập nhật các phiên bản mới nhất của MISA SME.NET mà không cần cài đặt lại từ đĩa DVD hay download bộ cài về. Tuy nhiên tính năng này đòi hỏi máy tính phải được kết nối internet.

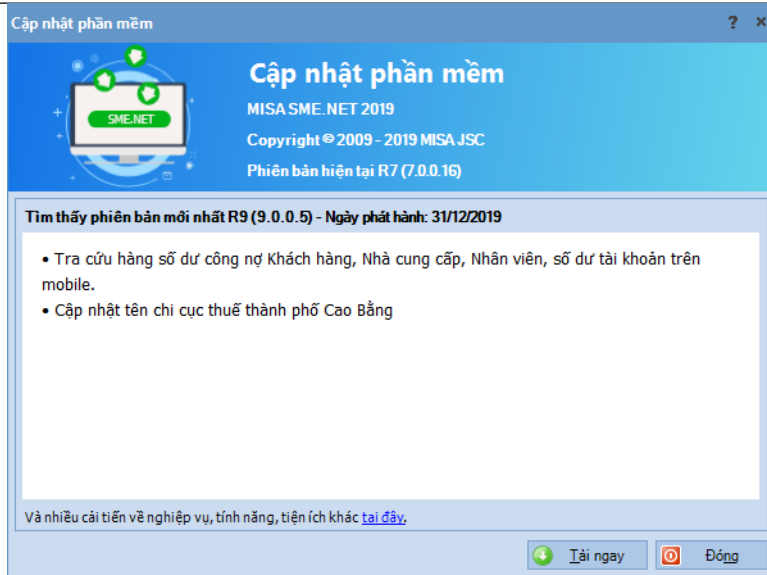
➤ Cách thực hiện.

- Trên giao diện phần mềm, vào menu **Trợ giúp\Tự động cập nhật**.
- Nhấn **Yes** trên câu cảnh báo để bắt đầu thực hiện việc cập nhật lên phiên bản mới.



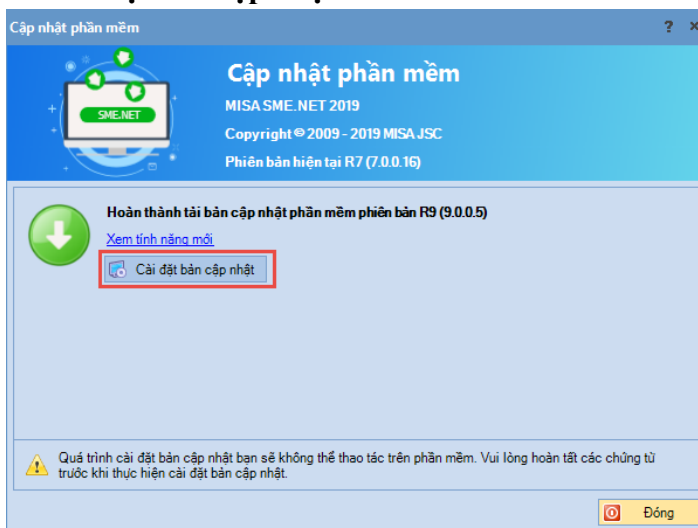
- Nhấn **Tải ngay** để tải bản cập nhật mới nhất về máy.

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

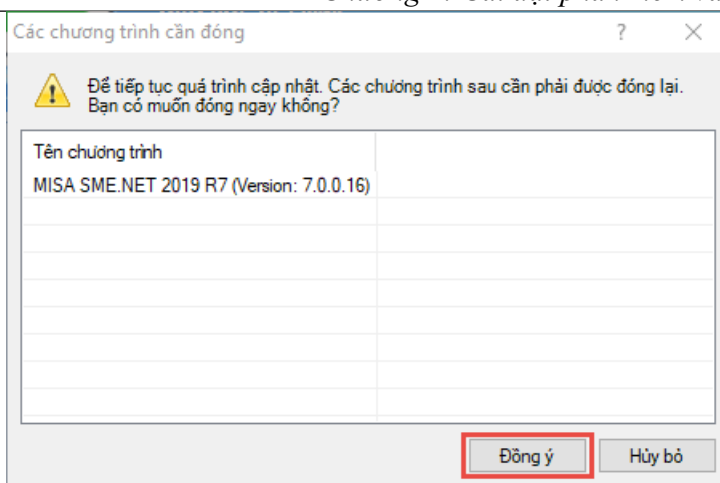


Lưu ý: Trong quá trình tải bản cập nhật, Kế toán có thể đóng cửa sổ cập nhật phần mềm để tiếp tục làm việc bình thường (nhưng không được đóng phần mềm)

- Nhấn **Cài đặt bản cập nhật**.



- Nhấn **Đồng ý**, để đóng các chương trình liên quan khi cài đặt phần mềm. Chương trình sẽ tự động cài đặt nâng cấp phần mềm lên phiên bản mới.



Trong trường hợp lỗi đường truyền không tự động cập nhật được, NSD có thể Download bộ cài mới nhất tại trang web: www.misa.com.vn. NSD tiến hành Download và cài đặt tương tự phần “2.2.1. Download bộ cài”.

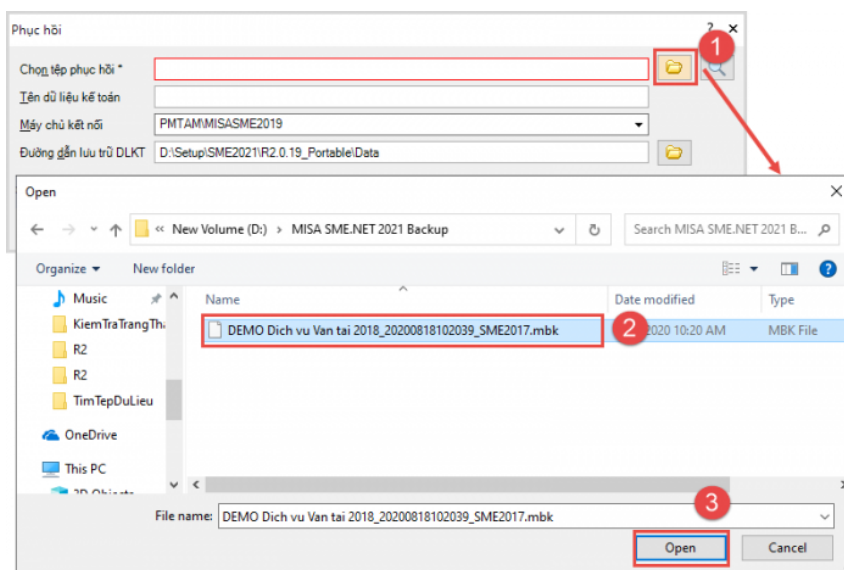
1.30. Phục hồi dữ liệu kế toán

- Mục đích: Trong quá trình hạch toán, sử dụng các phần mềm kế toán, NSD có thể bị mất các chứng từ, sổ sách, báo cáo đã lập do nhiều nguyên nhân khác nhau. Khi đó nếu NSD đã từng lập các bản sao dự phòng thì có thể tiến hành phục hồi lại các bản sao đó, sau đó in lại sổ sách, báo cáo bị mất.
- Cách thực hiện
 - Việc phục hồi dữ liệu kế toán được tiến hành như sau: Tại màn hình đăng nhập, nhấn **Hủy bỏ**.
 - Nhấn **Phục hồi dữ liệu..**

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

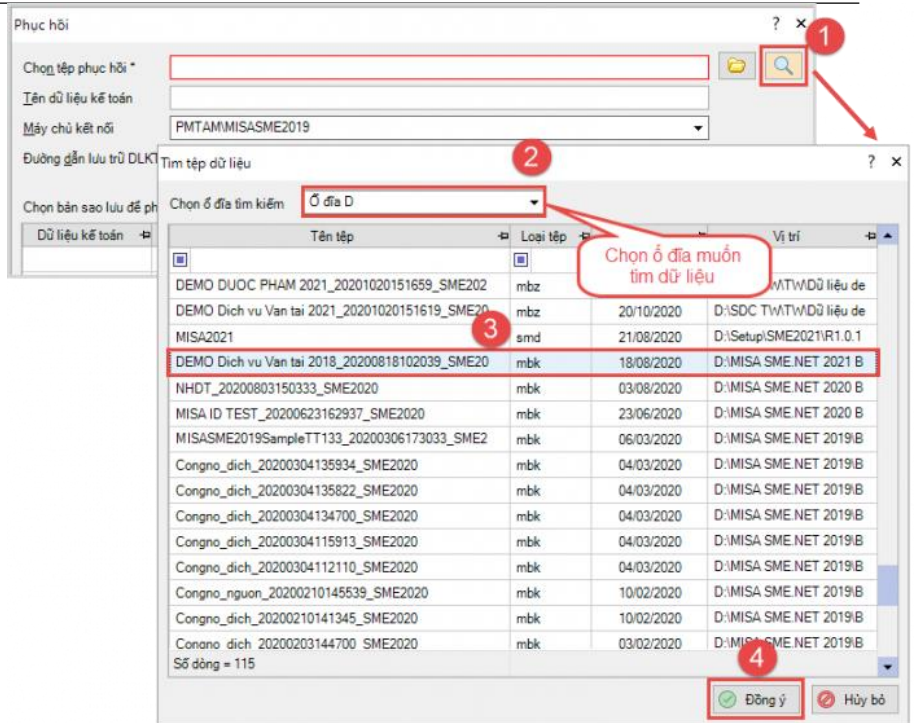


- Chọn dữ liệu cần phục hồi:
 - Tại mục **Chọn tệp phục hồi**: Chọn tệp dữ liệu cần phục hồi (là các tệp sao lưu có định dạng **.mbk**, **.mbz**, **.zip**)

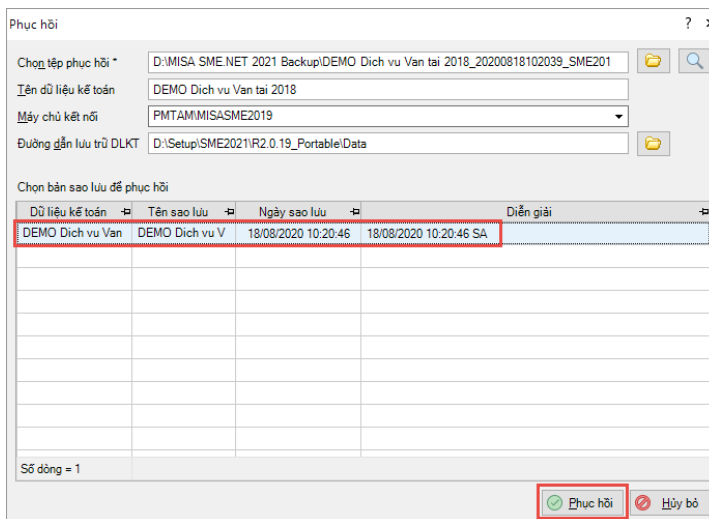


- Trường hợp không nhớ đường dẫn lưu tệp phục hồi, có thể tìm kiếm nhanh tệp phục hồi:

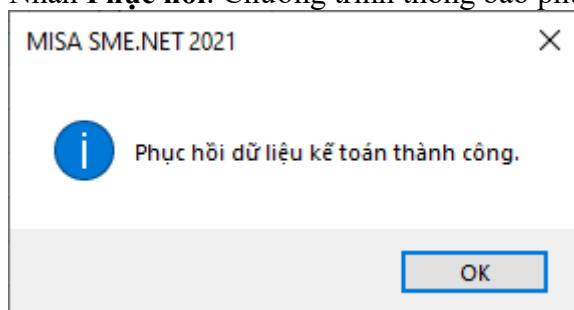
Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán



- Tại mục **Tên dữ liệu kế toán**: đặt lại tên của dữ liệu sẽ được phục hồi (nếu muốn).
- Tại mục **Máy chủ kết nối**: Chọn máy chủ để phục hồi dữ liệu lên máy chủ đó.
- Tại mục **Đường dẫn lưu trữ DLKT**: Chọn nơi lưu tệp dữ liệu sau khi được phục hồi xong. => Nên lưu dữ liệu được phục hồi tại ổ khác ổ cài đặt windows phòng trường hợp bị mất dữ liệu khi cài lại máy tính.



- Nhấn **Phục hồi**. Chương trình thông báo phục hồi dữ liệu thành công.



1.31. Các phím tắt trên phần mềm

Để NSD làm việc một cách nhanh chóng, hiệu quả, phần mềm kế toán MISA SME.NET có chức năng sử dụng các phím tắt nhằm tiết kiệm thời gian, giảm các thao tác khi làm việc.

STT	Tên phân hệ/chức năng	Phím tắt
<i>I Phím tắt áp dụng tại mọi nơi trong phần mềm</i>		
1	Xem hướng dẫn trực tuyến trên màn hình	F1
2	Nạp	F5
3	Sử dụng công cụ máy tính của Windows	F12
<i>II Phím tắt áp dụng tại màn hình ch ng từ danh mục</i>		
1	Thêm mới chứng từ/danh mục	Ctrl + N
2	Xem hoặc sửa chứng từ/danh mục	Ctrl + E
3	Xóa chứng từ/danh mục	Ctrl + D
4	Cắt chứng từ	Ctrl + S
5	Hoãn thao tác với chứng từ	Ctrl + U
6	Ghi sổ chứng từ	Ctrl + G
7	Bỏ ghi chứng từ	Ctrl + B
8	Mở Tiện ích trong chứng từ	Ctrl + T
9	Mở chức năng quản lý mẫu của chứng từ	Ctrl + M
10	In chứng từ	Ctrl + P
11	Đóng chứng từ	Ctrl + F4
12	Xem chứng từ ngay trước	F7

13	Xem chứng từ ngay sau	F8
III Một số phím tắt đặc biệt		
1	Xem số tồn vật tư trên các giao diện Mua hàng, Bán hàng, Nhập kho, Xuất kho...	Ctrl + F2
2	Tìm kiếm nhanh danh mục trong các giao diện nhập liệu (VD: Tìm kiếm Khách hàng, Nhà cung cấp...)	F3
3	Tại các giao diện như nhập kho, xuất kho, mua hàng, bán hàng,... có theo dõi mã quy cách của vật tư, hàng hóa, nhấn phím F6 để nhập chi tiết theo mã quy cách	F6
4	Chọn chứng từ nhập khi thực hiện xuất kho đối với dữ liệu sử dụng phương pháp tính giá đích danh	F8
5	Thêm nhanh danh mục trong giao diện nhập liệu (VD: Thêm nhanh Khách hàng, Nhà cung cấp...)	F9
6	Chuyển sang tab liền sau trên màn hình danh sách của các phân hệ	Ctrl + Tab

1.32. Mô hình công ty đa chi nhánh

Hiện nay nhiều doanh nghiệp không chỉ có một trụ sở kinh doanh duy nhất mà có thể có 2 hoặc nhiều chi nhánh. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của DN, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của DN kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành nghề kinh doanh của DN. Chi nhánh có mã số thuế riêng gồm 2 phần: phần 1 là mã số thuế của DN và phần 2 là mã số của chi nhánh

Trong trường hợp các chi nhánh khác nhau hạch toán độc lập với tổng công ty, thì cuối kỳ kế toán các chi nhánh chỉ cần gửi các báo cáo tài chính cho tổng công ty. Còn trường hợp các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, các kế toán hạch toán thủ công phải mang toàn bộ chứng từ, sổ sách từ chi nhánh về trụ sở chính để hạch toán.

Để giúp cho công tác này của kế toán được đơn giản, NSD có thể sử dụng chức năng làm việc với mô hình đa chi nhánh trên phần mềm kế toán MISA

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

SME.NET. Với chức năng này dữ liệu đặt tại một nơi và các chi nhánh có thể cùng làm việc trên 1 dữ liệu, tổng công ty có thể kiểm soát số liệu, báo cáo của các chi nhánh trực tuyến tại bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào thông qua Internet.

- Đối với Công ty đa chi nhánh thì ngay từ khi tạo dữ liệu tại bước 2: Thông tin doanh nghiệp, NSD tích chọn “Có chi nhánh”
- Trường hợp NSD chưa chọn khi tạo dữ liệu thì có thể thay đổi bằng cách: Tại hộp hội thoại **Hệ thống\Tùy chọn\Tùy chọn chung**, tích chọn **Có chi nhánh**, phần mềm sẽ tự mặc định 1 cơ cấu có cấp tổ chức là Tổng công ty/Công ty.

Tùy chọn

Tùy chọn riêng

Tùy chọn chung

Báo cáo, chứng từ

Hóa đơn

Vật tư hàng hóa

Mua hàng

Bán hàng

Tiền lương

Định dạng số

Quy tắc đánh số CT

Hiện nghiệp vụ

Sao lưu

Tùy chọn chung

Chi nhánh

Không có chi nhánh Có chi nhánh

Chế độ ghi sổ

Cắt đồng thời ghi sổ Cắt không ghi sổ

Sử dụng thêm hệ thống số quản trị

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu: 2020 Từ ngày: 01/01/2020 Đến ngày: 31/12/2020

Tiền tệ

Cách đọc số 0 ở hàng chục: Linh (VD: 105 đọc là: một trăm linh năm đồng)

Cách đọc số tiền ở hàng nghìn: Nghìn (VD: 7200 đọc là: bảy nghìn hai trăm đồng)

Hiện thị từ "chẵn" khi đọc số tiền (VD: 100 đọc là: một trăm đồng chẵn)

Có phát sinh nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ

Phương pháp tính tỷ giá xuất quỹ: **Bình quân cuối kỳ**

Tài khoản xử lý chênh lệch tỷ giá xuất quỹ **TK xử lý chênh lệch tỷ giá thu tiền KH/trả tiền NCC**

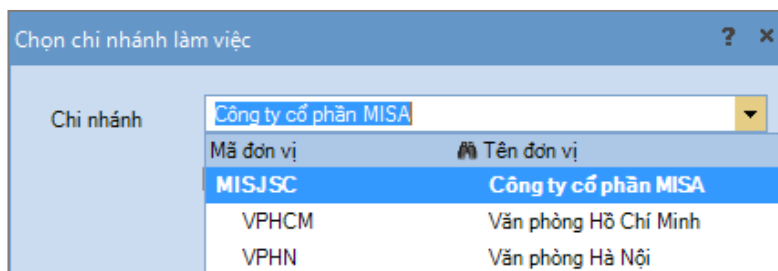
TK xử lý lãi: 515 TK xử lý lỗ: 635 TK xử lý lãi: 515 TK xử lý lỗ: 635

Khác

Cảnh báo khi chi quá số tiền tiền mặt hoặc tiền gửi

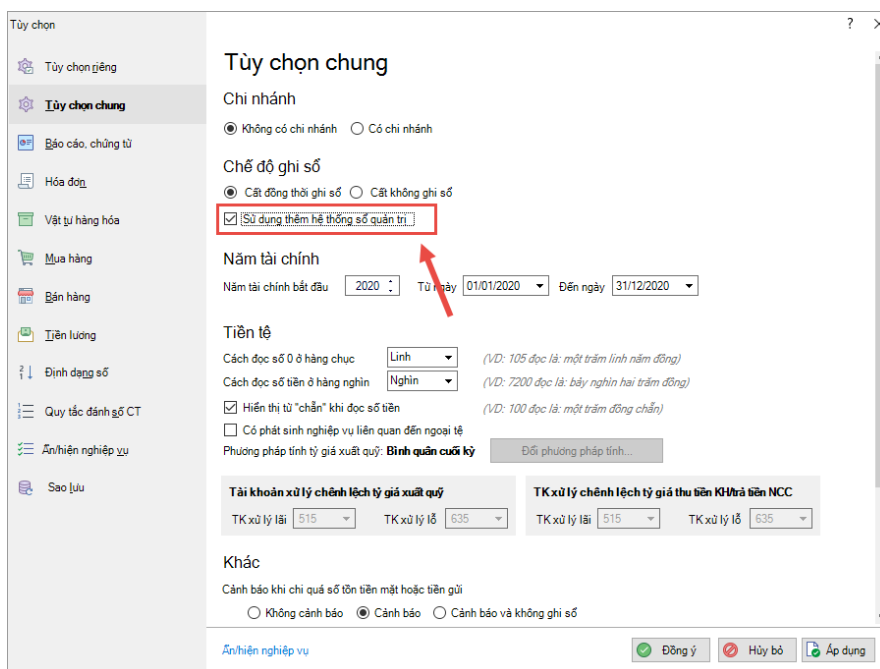
Không cảnh báo Cảnh báo Cảnh báo và không ghi số

- NSD có thể thêm chi nhánh bằng cách vào menu **Danh mục\Cơ cấu tổ chức** để khai báo tương tự mục **6.1.6** hướng dẫn về **Danh mục Cơ cấu tổ chức** (trang 63).
- Khi vào dữ liệu làm việc, NSD có thể chọn làm việc với chi nhánh nào được phân quyền.



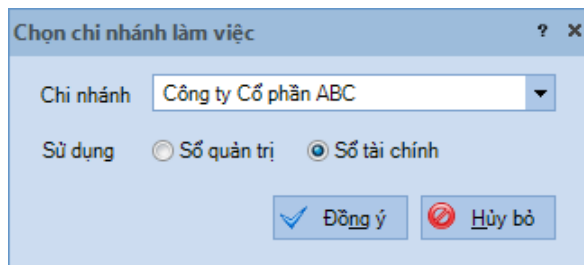
1.33. Quản lý hệ thống Sổ quản trị hoặc Sổ tài chính:

Thông thường mỗi đơn vị đều có nhu cầu theo dõi công tác kế toán trên 2 sổ là sổ quản trị (phục vụ cho công tác kế toán nội bộ) và Sổ tài chính (phục vụ cho công tác kế toán thuế). Chính vì vậy, MISA SME.NET hỗ trợ công tác kế toán của đơn vị có thể dễ dàng quản lý được 2 sổ nhanh chóng, chính xác, không mất nhiều thao tác



- Với mỗi dữ liệu được tạo, hệ thống luôn ngầm định sử dụng hệ thống Sổ tài chính, nếu kế toán muốn sử dụng thêm hệ thống Sổ quản trị: Vào menu **Hệ thống**\Tùy chọn\Tùy chọn chung, tích chọn thông tin **Sử dụng thêm hệ thống sổ quản trị** thuộc phần **Chế độ ghi sổ**.
- Để chọn làm việc trên Sổ tài chính hay Sổ quản trị, NSD vào phần

Chọn chi nhánh làm việc trên thanh công cụ:



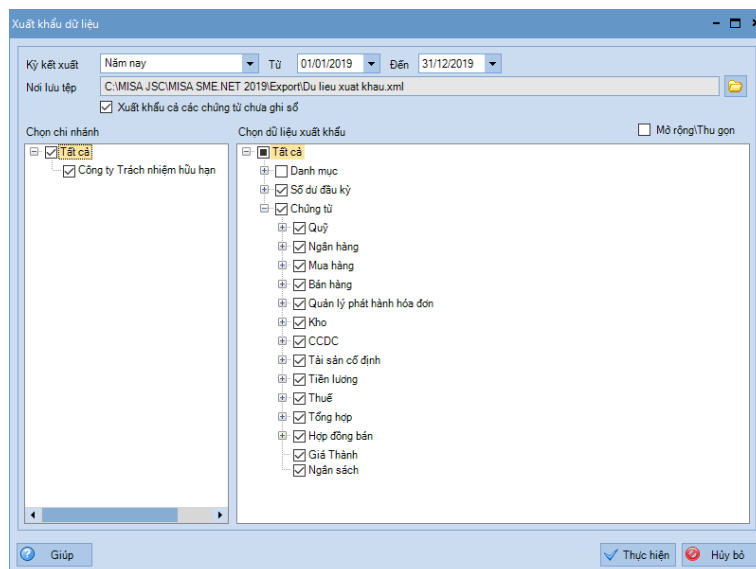
- Khi lập chứng từ mới, phần mềm cho phép NSD lựa chọn chứng từ hiển thị trên sổ đang sử dụng hay hiển thị trên cả 2 sổ.

1.34. Xuất khẩu và nhập khẩu dữ liệu

1.34.1. Xuất khẩu dữ liệu

➤ Mục đích: Trong trường hợp để thuận tiện cho việc quản lý, doanh nghiệp có thể có nhu cầu xuất dữ liệu từ phần mềm ra và nhập vào dữ liệu khác. Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép xuất khẩu các danh mục đã khai báo và các chứng từ phát sinh trong kỳ cần kết xuất, đồng thời cho phép xuất khẩu cả sổ dư ban đầu.

➤ Cách thực hiện



- NSD vào menu **Tệp\Xuất khẩu dữ liệu**
- NSD chọn các thông tin cần xuất khẩu, sau đó nhấn nút <<**Thực**

hiện>> để tiến hành việc xuất khẩu.

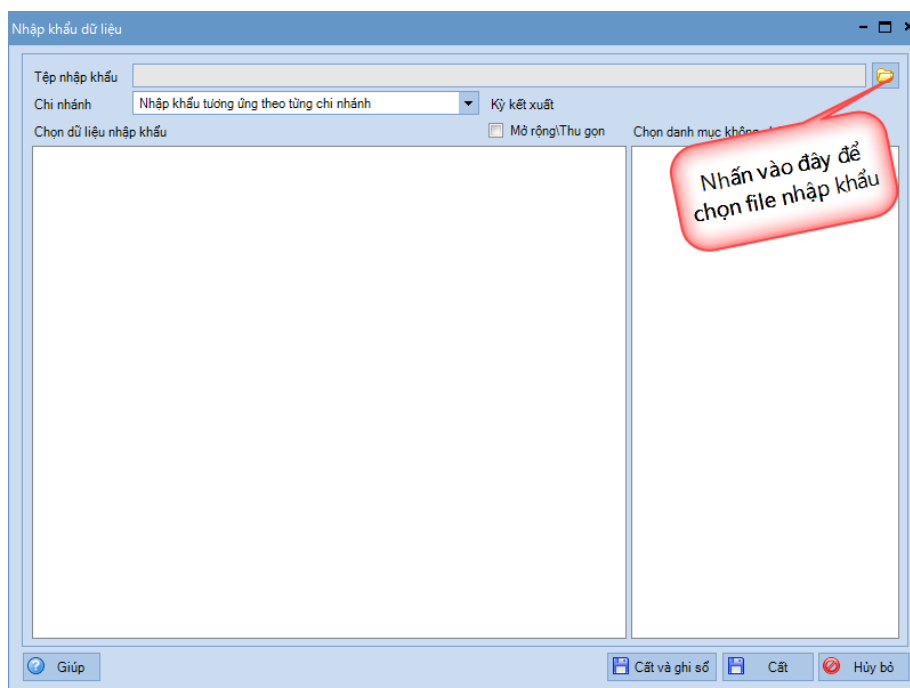
1.34.2. Nhập khẩu dữ liệu; nhập khẩu từ Excel

➤ Mục đích

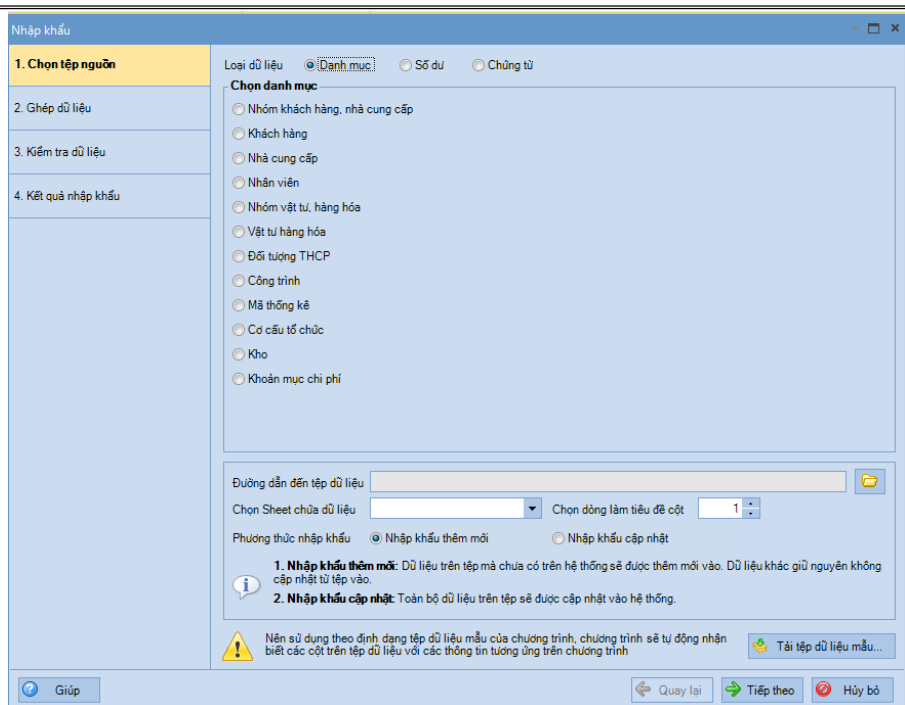
- Nhập khẩu dữ liệu khác file đã thực hiện xuất khẩu theo mục 7.6.1
- Nhập khẩu các Danh mục, số dư, chứng từ từ Excel: Trường hợp NSD có sẵn số liệu từ Excel có thể nhập khẩu vào phần mềm.

➤ Cách thực hiện

- Để nhập khẩu dữ liệu từ file đã xuất khẩu NSD vào menu **Tệp\Nhập khẩu dữ liệu**:



- Để nhập khẩu dữ liệu từ excel NSD vào menu **Tệp\Nhập khẩu từ excel**: NSD lựa chọn nhập Danh mục, số dư hay chứng từ và có thể **Tải tệp dữ liệu mẫu** về để điền số liệu theo file excel mẫu.



Câu hỏi ôn tập

1. Để cài đặt được phần mềm MISA SME.NET máy tính của người dùng phải đáp ứng được những yêu cầu nào?
2. Tác dụng của việc phân công quyền hạn trong phần mềm kế toán?
3. Khi cập nhật tự động phiên bản mới của phần mềm, nếu đường truyền bị lỗi thì NSD phải xử lý như thế nào?
4. Tác dụng của việc lưu trữ và bảo quản sổ kế toán trên máy vi tính?

Bài tập thực hành

Công ty TNHH ABC (đây là một công ty ví dụ, không phải là số liệu cụ thể của bất kỳ công ty nào) bắt đầu sử dụng phần mềm MISA SME.NET từ ngày 01/01/2020 có các thông tin sau:

Ngày bắt đầu hạch toán	01/01/2020
Tháng đầu tiên của năm tài chính	Tháng 01
Đồng tiền hạch toán	VNĐ
Chế độ kế toán	Áp dụng theo TT200/2014/TT-BTC
Lĩnh vực hoạt động	Sản xuất; thương mại, dịch vụ
Chế độ ghi sổ	Cát đồng thời ghi sổ
Phương pháp tính giá xuất kho	Bình quân cuối kỳ
Phương pháp tính thuế GTGT	Phương pháp khấu trừ
Giám đốc công ty	Nguyễn Mạnh Hùng
Số đăng ký kinh doanh	0125256893
Chi cục thuế quản lý	Chi cục thuế Cầu Giấy

Danh mục Tài khoản ngân hàng

STT	Số tài khoản	Tên ngân hàng
1	0540111197032	Ngân hàng BIDV
2	711A16175235	Ngân hàng Công thương Việt Nam

Danh mục Khách hàng

STT	Mã KH	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	1756 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
2	TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	2689 Cô Nhuê, Từ Liêm, Hà Nội
3	TRAANH	Công ty TNHH Trà Anh	7533 Cầu Giấy, Hà Nội
4	PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thế	5211 Cầu Đuống, Hà Nội
5	HOAANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh	1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

6	HUEHOA	Công ty Cổ phần Huệ Hoa	1399 Lê Lai, Hà Nội
7	HOANAM	Công ty Cổ phần Hoa Nam	831 Kim Ngưu, Hà Nội
8	THAILAN	Công ty Cổ phần Thái Lan	599 Thanh Nhàn, Hà Nội

Danh mục Nhà cung cấp

STT	Mã NCC	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ
1	LANTAN	Công ty TNHH Lan Tân	1633 Lê Lai, Ba Đình, Hà Nội
2	HALIEN	Công ty TNHH Hà Liên	513 Gò Vấp, Hà Nội
3	HONGHA	Công ty TNHH Hồng Hà	9241 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội
4	HATHAN H	Công ty Cổ phần Hà Thành	7212 Trần Cung, Từ Liêm, Hà Nội.
5	TANVAN	Công ty Cổ phần Tân Văn	9556 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
6	PHUTHAI	Công ty Cổ phần Phú Thái	8935 Hoàng Mai, Hà Nội
7	NUOC	Công ty nước sạch Hà Nội	1256 Phạm Hùng, Hà Nội
8	DIENLUC	Công ty điện lực Hà Nội	3689 Xuân Thủy, Hà Nội

Danh mục Vật tư, thành phẩm

TT	Mã VT, HH	Tên VT, HH	Tính chất VT, HH	VAT	Đơn vị	Kho ngầm định	TK kho
1	KAKI 1,5	Vải kaki khổ 1,5m	Vật tư hàng hóa	10	m	152	152
2	KAKI 1,4	Vải kaki khổ 1,4m	Vật tư hàng hóa	10	m	152	152
3	LON_TRANG	Vải lon trắng	Vật tư hàng hóa	10	m	152	152
4	LON_KE	Vải lon kẻ	Vật tư hàng hóa	10	m	152	152
5	KHOA	Khóa 20 cm	Vật tư hàng hóa	10	Cái	152	152
6	CUC	Cúc hộp 500	Vật tư hàng hóa	10	Hộp	152	152
7	CHI	Chỉ khâu 500m	Vật tư hàng hóa	10	Cuộn	152	152
8	QUAN_NAM	Quần nam	Thành phẩm	10	Cái	155	155
9	QUAN_NU	Quần nữ	Thành phẩm	10	Cái	155	155

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

TT	Mã VT, HH	Tên VT, HH	Tính chất VT, HH	VAT	Đơn vị	Kho ngầm định	TK kho
10	SOMI_NAM	Áo sơ mi nam	Thành phẩm	10	Cái	155	155
	SOMI_NU	Áo sơ mi nữ	Thành phẩm	10	Cái	155	155

Danh mục Cơ cấu tổ chức

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
1	PGĐ	Phòng Giám đốc	Phòng ban
2	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban
3	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
4	PKD	Phòng kinh doanh	Phòng ban
5	PX1	Phân xưởng 1	Phân xưởng
6	PX2	Phân xưởng 2	Phân xưởng

Danh mục Đối tượng tập hợp chi phí

STT	Mã Đối tượng tập hợp chi phí	Tên Đối tượng tập hợp chi phí	Tên thành phẩm
1	PX1	Phân xưởng 1	Quần nam Quần nữ
2	PX2	Phân xưởng 2	Áo sơ mi nam Áo sơ mi nữ

Danh mục Tài sản cố định

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Phòng ban	Ngày tính khấu hao	Thời gian sử dụng (năm)	Nguyên giá	HMLK
NX1	Nhà xưởng 1	PX1	01/01/2015	15	450.000.000	150.000.000
NX2	Nhà xưởng 2	PX2	01/01/2015	10	200.000.000	100.000.000
MM1	Máy may 1	PX1	01/01/2018	3	30.000.000	20.000.000
MM2	Máy may 2	PX2	01/01/2019	4	40.000.000	10.000.000
MM3	Máy may 3	PX1	01/01/2019	4	40.000.000	10.000.000
MM4	Máy may 4	PX2	01/01/2019	4	40.000.000	10.000.000
Tổng cộng					800.000.00	300.000.000

Danh sách nhân viên

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

STT	Mã nhân viên	Họ và tên	Phòng ban	Lương	Số người phụ thuộc
1	NMHUNG	Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc	25.000.000	2
2	TNPHUONG	Tạ Nguyệt Phương	P.Giám đốc	22.000.000	2
3	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Kinh doanh	10.000.000	1
4	LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	Kinh doanh	12.000.000	1
5	TDCHI	Trần Đức Chi	Phân xưởng 1	5.000.000	
6	NVBINH	Nguyễn Văn Bình	Phân xưởng 2	6.000.000	
7	PVMINH	Phạm Văn Minh	Kế toán	7.000.000	
8	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Kế toán	9.000.000	1

Khai báo số dư đầu năm

Số hiệu Tài khoản		Tên Tài khoản	Đầu kỳ	
Cấp	Cấp 2		Nợ	Có
111		Tiền mặt	36.000.000	
	1111	Tiền Việt Nam	36.000.000	
112		Tiền gửi NH	500.000.000	
	1121	Tiền Việt Nam	500.000.000	
	Chi tiết	Tại Ngân hàng BIDV	100.000.000	
		Tại Ngân hàng Công thương	400.000.000	
131		Phải thu của khách hàng	145.000.000	
	Chi tiết	Công ty TNHH Tân Hòa	60.000.000	
		Công ty Cổ phần Huệ Hoa	85.000.000	
152		Nguyên liệu, vật liệu	404.500.000	
154	154	Chi phí SXKD dở dang	57.500.000	
211		Tài sản cố định	800.000.000	
	2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	650.000.000	
	2112	Máy móc, thiết bị	150.000.000	
214		Hao mòn TSCĐ		300.000.000

Chương 2: Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán

	2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		300.000.000
242		Chi phí trả trước (ngắn hạn)	60.800.000	
331		Phải trả cho người bán		181.100.000
	Chi tiết	Công ty TNHH Hồng Hà		100.200.000
		Công ty TNHH Hà Liên		80.900.000
3411		Các khoản đi vay (ngắn hạn)		320.000.000
333		Thuế và các khoản phải nộp		2.700.000
	33311	Thuế GTGT đầu ra phải nộp		2.700.000
411		Nguồn vốn kinh doanh		1.200.000.000
	4111	Vốn đầu tư của CSH		1.200.000.000

Vật tư, hàng hóa tồn đầu kỳ

STT	Mã VT, HH	Tên VT, HH	Số hiệu TK	Đơn vị	Số lượng	Thành tiền
1	KAKI1.5	Vải kaki khổ 1,5 m	152	m	1.500	97.500.000
2	KAKI1.4	Vải Kaki khổ 1,4 m	152	m	1.000	60.000.000
3	LON_TRAN	Vải lon trắng	152	m	3.600	108.000.000
4	LON_KE	Vải lon kẻ	152	m	3.500	122.500.000
5	KHOA	Khóa 20 cm	152	Cái	500	1.500.000
6	CUC	Cúc hộp 500	152	Hộp	20	5.000.000
7	CHI	Chỉ khâu 500m	152	Cuộn	500	10.000.000
Cộng						404.500.000

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ

Tên Đối tượng tập hợp chi phí	Giá trị
Phân xưởng 1	27.500.000
Phân xưởng 2	30.000.000
Cộng	57.500.000

Yêu cầu:

- Tạo cơ sở dữ liệu cho Công ty ABC theo những thông tin đã có.

- Khai báo danh mục khách hàng, nhà cung cấp, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, nhân viên, cơ cấu tổ chức.
- Nhập số dư ban đầu.

CHƯƠNG 3

KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

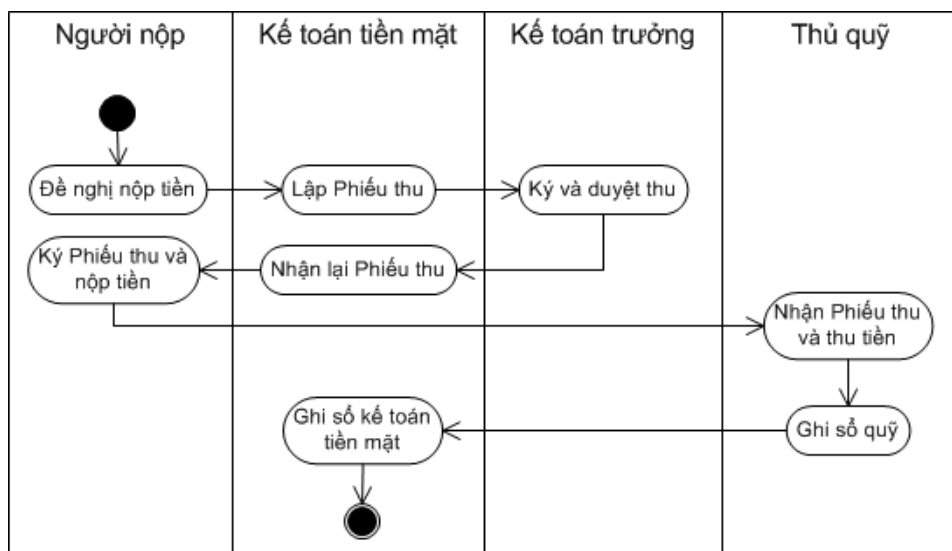
- Nguyên tắc hạch toán
- Mô hình hoạt động thu chi tiền mặt, tiền gửi
- Sơ đồ hạch toán kế toán vốn bằng tiền
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nguyên tắc hạch toán

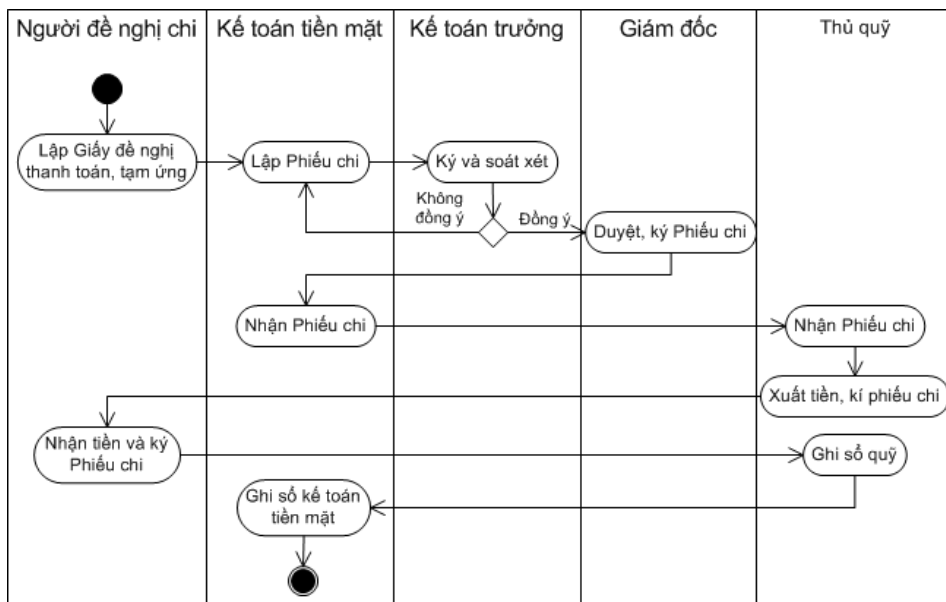
- Doanh nghiệp phải sử dụng thống nhất đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam. Muốn sử dụng đồng tiền ngoại tệ để ghi sổ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Tài chính.
- Nếu sử dụng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ở TK tiền mặt phải tính ra tiền theo giá thực tế tại thời điểm phát sinh, phải theo dõi chi tiết số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất từng loại và không áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.
- Vào cuối mỗi kỳ, kế toán phải điều chỉnh lại các ngoại tệ theo tỷ giá thực tế.

Mô hình hóa hoạt động thu chi tiền mặt

1.35. Thu tiền mặt

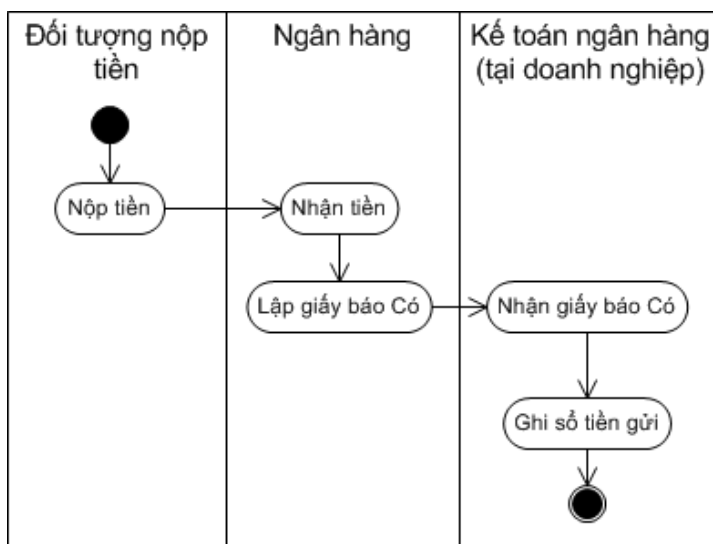


1.36. Chi tiền mặt

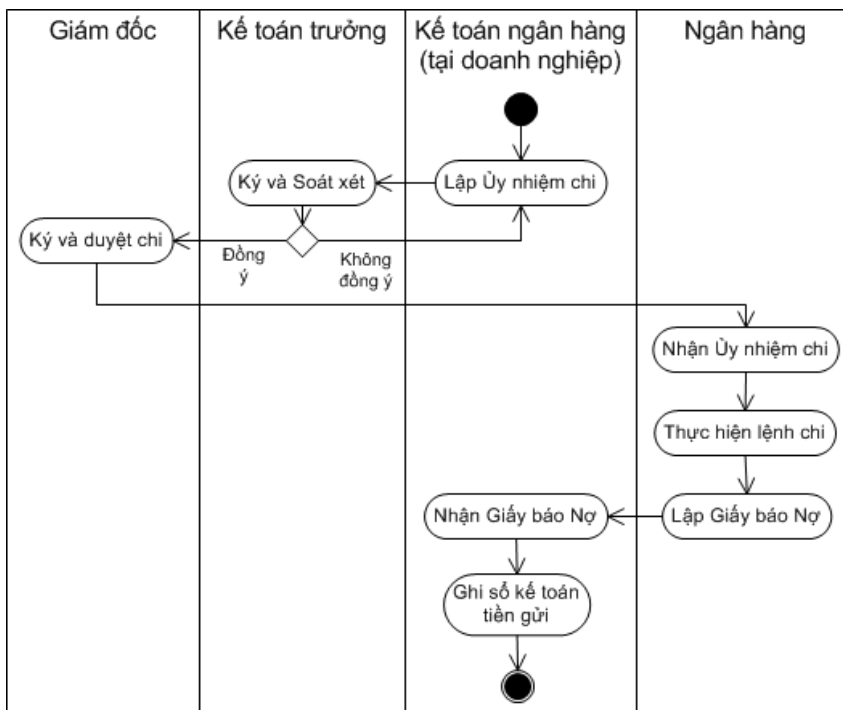


Mô hình hóa hoạt động thu chi tiền gửi

1.37. Thu tiền gửi

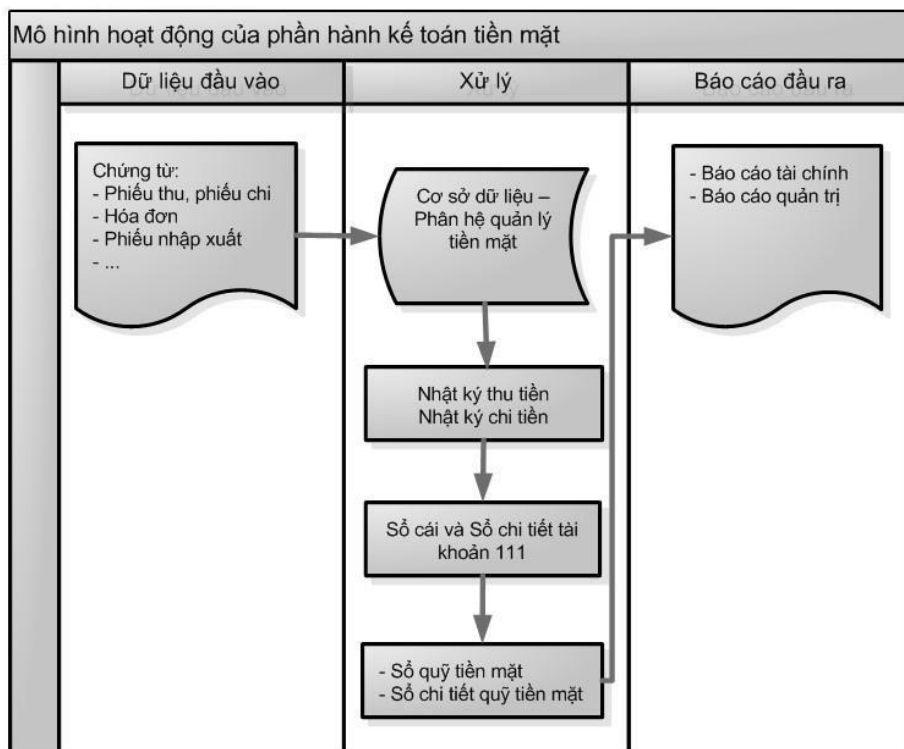


1.38. Chi tiền gửi



Thực hành trên phần mềm kế toán

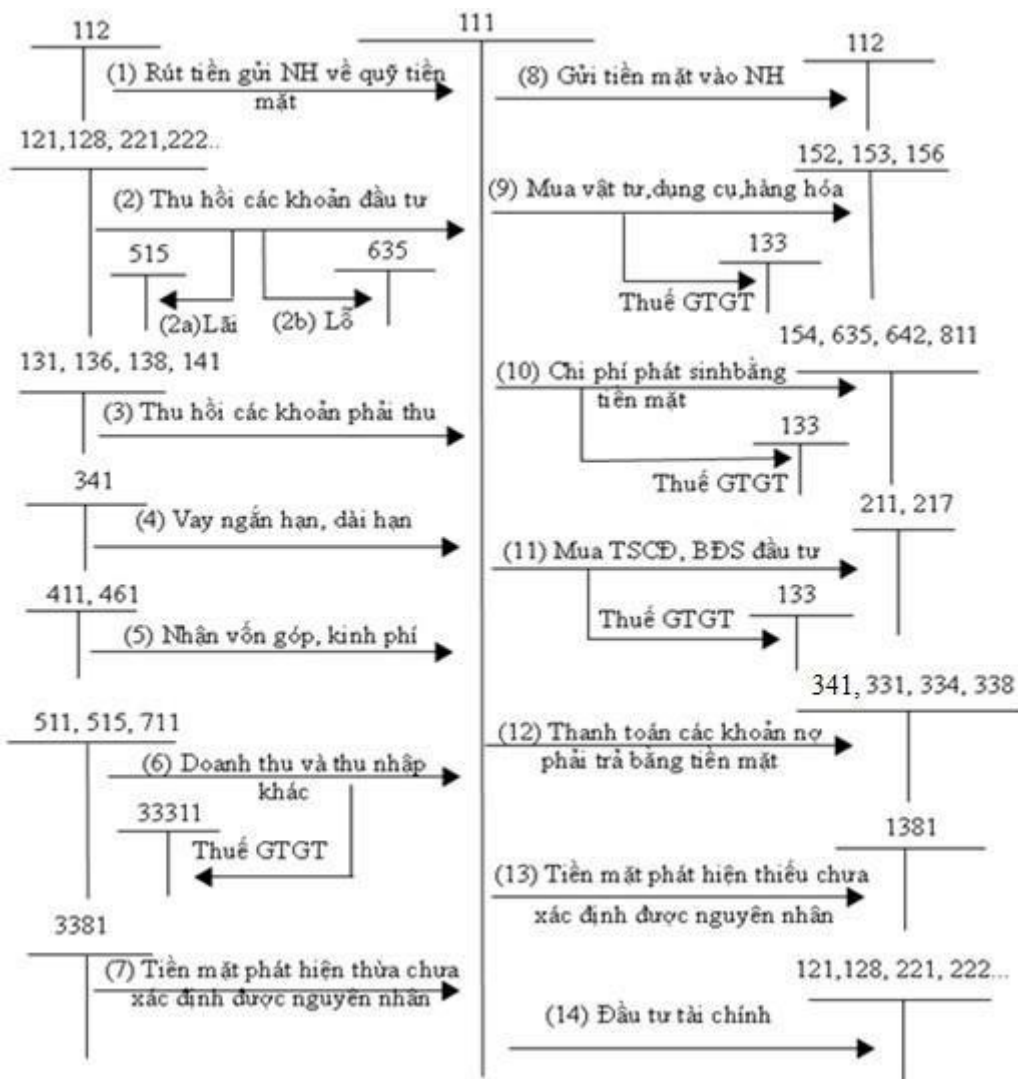
1.39. Quy trình xử lý trên phần mềm



Đối với mô hình hoạt động của phần hành kế toán tiền gửi tương tự với phần hành kế toán tiền mặt.

1.40. Kế toán tiền mặt tại quỹ

1.40.1. Sơ đồ hạch toán



1.40.2. Các chứng từ đầu vào liên quan

- Các chứng từ gốc liên quan đến việc thu chi tiền mặt: Phiếu thu, Phiếu chi, Bảng kiểm kê quỹ, Giấy đề nghị tạm ứng...
- Các chứng từ gốc liên quan đến việc thanh toán: Hóa đơn bán hàng, Phiếu nhập...

Một số mẫu chứng từ điển hình:

Chương 3: Kế toán vốn bằng tiền

□ Mẫu phiếu thu

Công ty TNHH XYZ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Mẫu số: 01 - TT <i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>			
PHIẾU THU Ngày 19 tháng 01 năm 2015				
Quyển số.....				
Số: PT00005				
Nợ: 1111				
Có: 711				
Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Loan				
Địa chỉ: 2548 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội				
Lý do nộp: Thu từ việc thanh lý TSCĐ				
Số tiền: 2.517.000 VND				
Viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng chẵn.				
Kèm theo: chứng từ gốc				
Ngày... tháng ... năm...				
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>
Vũ Ngọc Đức	Hoàng Tuấn Phát	Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Mai Lan	
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng chẵn.				

□ Mẫu phiếu chi

Công ty TNHH XYZ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Mẫu số: 02 - TT <i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>			
PHIẾU CHI Ngày 31 tháng 3 năm 2015				
Quyển số:				
Số: PC00022				
Nợ: 331				
Có: 1111				
Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Hồng Hà				
Địa chỉ: 1078 Phố Huế, Hoàn Kiếm, Hà Nội				
Lý do chi: Trả tiền nhà cung cấp				
Số tiền: 25.000.000 VND				
Viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng chẵn.				
Kèm theo: Chứng từ gốc				
Ngày.....tháng.....năm.....				
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(Ký, họ tên)</i>
Vũ Ngọc Đức	Hoàng Tuấn Phát	Nguyễn Mai Lan		
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi lăm triệu đồng chẵn.				

1.40.3. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

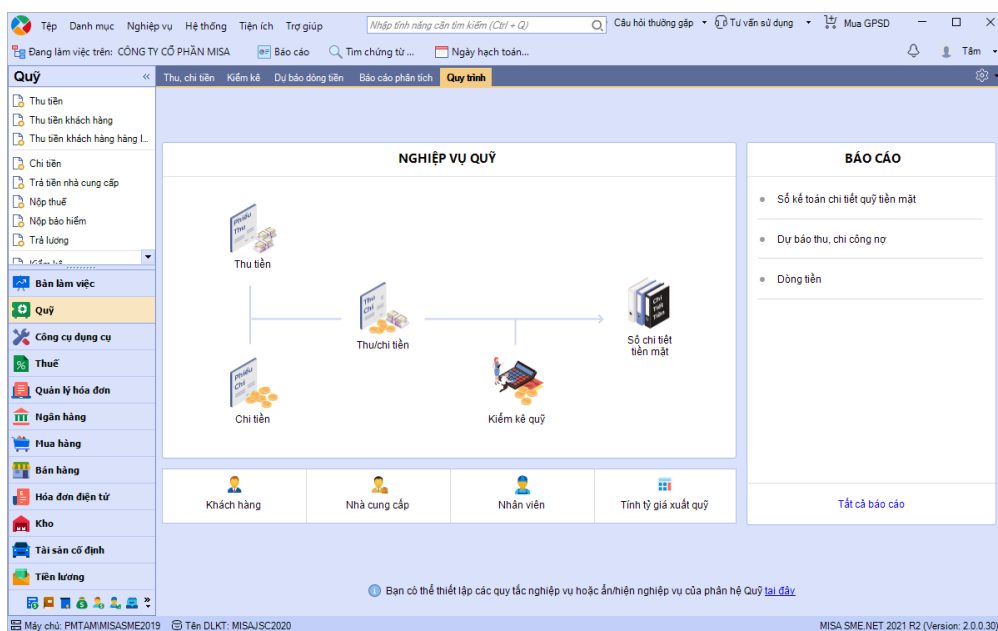
Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thu tiền/chi tiền kế toán tiền mặt cần phải viết các phiếu thu/phiếu chi, đồng thời hạch toán các bút toán liên quan và lên sổ kế toán tiền mặt. Để kế toán tiền mặt thực hiện các công việc này, phần mềm MISA SME.NET hỗ trợ kế toán lập Phiếu thu/Phiếu chi và sẽ tự động lên sổ sách, báo cáo có liên quan.

Bên cạnh đó, phần mềm cũng hỗ trợ công tác thu/chi, kiểm soát tiền tại quỹ của thủ quỹ, thông qua việc tự động lấy các phiếu thu/chi đã được kế toán lập sang các sổ sách, báo cáo liên quan của thủ quỹ.

Nhập chứng từ trên phần mềm

Với vai trò kế toán tiền mặt

- Bước 1: Chọn đến phân hệ **Quỹ**.



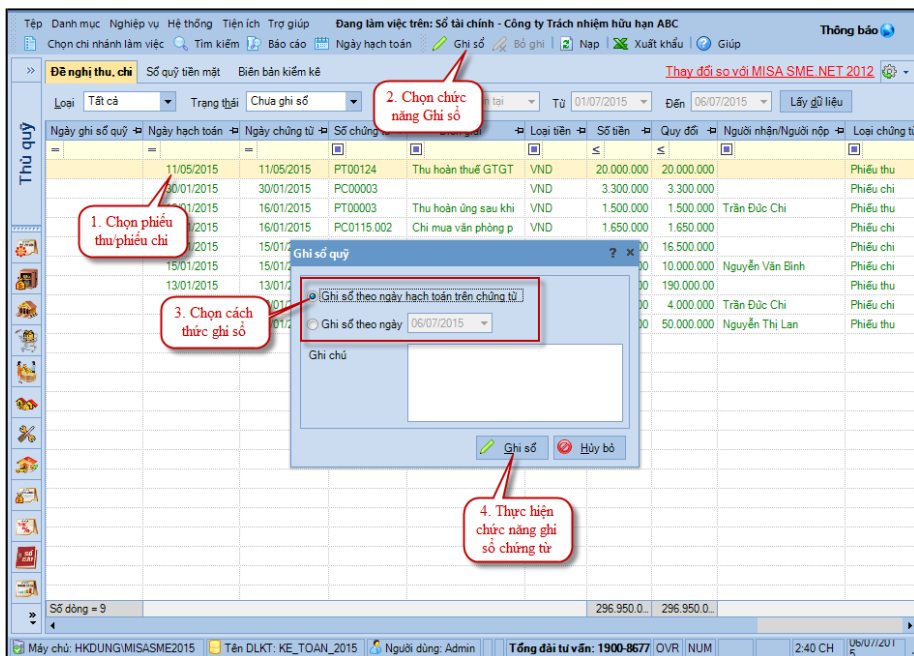
- Bước 2: Chọn loại chứng từ cần lập: Phiếu thu hoặc Phiếu chi.

- Bước 3: Lập chứng từ theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Một số thông tin chung cho các nghiệp vụ:
- Lý do thu/chi: Mô tả nội dung của nghiệp vụ phát sinh.
- Ngày chứng từ: Là ngày phát sinh của chứng từ, ngày này phải nằm trong năm làm việc hiện thời và lớn hơn ngày khóa sổ kế toán kỳ kế toán trước.
- Ngày hạch toán: Là ngày ghi sổ chứng từ => thông thường, ngày hạch toán trùng với ngày chứng từ.
- Số chứng từ: Do NSD tự đặt, thông thường số chứng từ thường gắn với loại chứng từ (Ví dụ: Phiếu thu - PT000..., Phiếu chi - PC000...). Trong phần mềm số chứng từ thường được đánh tăng dần căn cứ vào số chứng từ đặt đầu tiên. Tuy nhiên, NSD vẫn có thể sửa lại số chứng từ của các chứng từ đã hạch toán nếu muốn.

Trong quá trình nhập chứng từ phát sinh, với những đối tượng không có trong các danh mục khai báo trước đó, phần mềm MISA SME.NET sẽ cho phép NSD thêm nhanh các đối tượng này ngay trên màn hình nhập liệu chứng từ tại tất cả các phân hệ như: thêm mới nhân viên; thêm mới khách hàng, nhà cung cấp; thêm mới vật tư; tài sản cố định; ... bằng cách kích chuột vào biểu tượng thêm nhanh ở ngay ô đối tượng.

Với vai trò thủ quỹ

- Bước 1: Chọn đến phân hệ **Thủ quỹ**.
- Bước 2: Sau khi thủ quỹ thực hiện thu, chi tiền thì tiến hành ghi sổ chứng từ thu/chi tiền mặt. Phần mềm sẽ cho phép thủ quỹ xem được Sổ quỹ để quản lý số tồn tại quỹ trên sổ sách và đối chiếu với số tồn thực tế.



Một số nghiệp vụ cụ thể

- Nghiệp vụ 1: Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt.

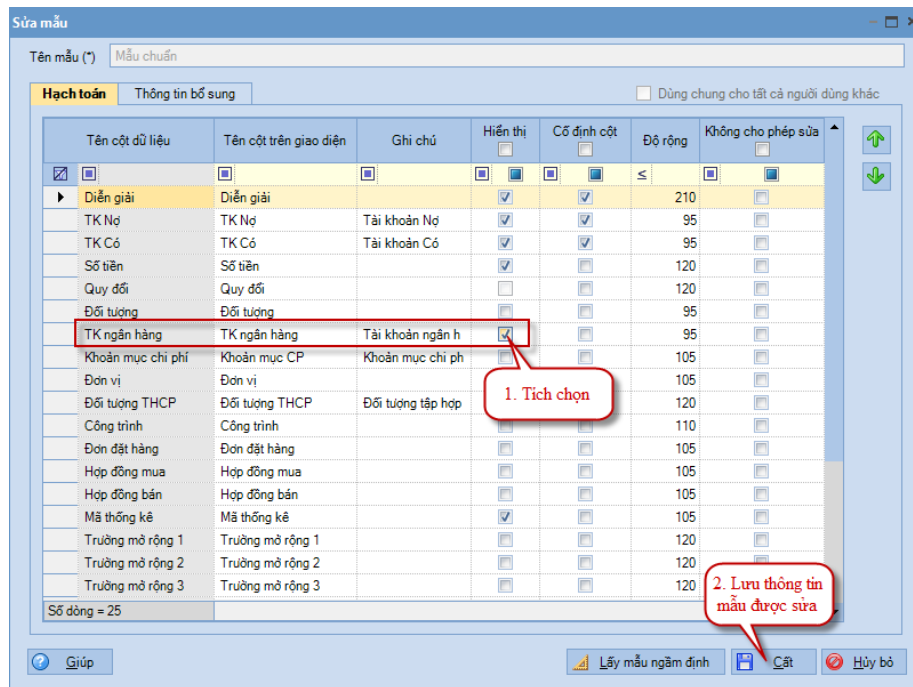
VD: Ngày 05/01/2020 nhân viên Nguyễn Thị Lan rút 50.000.000 VND tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) về nhập quỹ.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**, hoặc dùng phím **tắt Ctrl+N**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

The screenshot shows the 'Phiếu thu' (Receipt) form in the MISA JSC software. The form is titled 'Phiếu thu - Công ty Cổ phần ABC'. It has a menu bar with options like 'Trước', 'Sau', 'Sửa', 'Sửa nhanh', 'Cắt', 'Xóa', 'Hoàn', 'Ghi số', 'Nap', 'Tiện ích', 'Mẫu', 'In', 'Giúp', and 'Đóng'. The main form area is divided into two sections: 'Thông tin chung' (General Information) and 'Chứng từ' (Voucher).
 In the 'Thông tin chung' section, there are fields for:
 - 'Đối tượng' (NTLAN) with a dropdown arrow and the name 'Nguyễn Thị Lan'.
 - 'Người nộp' (Nguyễn Thị Lan).
 - 'Địa chỉ' (empty field).
 - 'Lý do nộp' (Rút tiền gửi về nộp quỹ) with a dropdown arrow and the text 'Rút tiền gửi về nộp quỹ'.
 - 'Kèm theo' (empty field) and a 'chứng từ gốc' (original voucher) button.
 - 'Tham chiếu' (empty field).
 In the 'Chứng từ' section, there are fields for:
 - 'Ngày hạch toán' (05/01/2020) with a dropdown arrow.
 - 'Ngày chứng từ' (05/01/2020) with a dropdown arrow.
 - 'Số chứng từ' (PT00022).
 Below the form is a table for '1. Hạch toán' (Accounting). The table has columns: 'Diễn giải', 'TK Nợ', 'TK Có', 'Số tiền', 'TK ngân hàng', 'Mục thu/chi', and 'Mã thống kê'. The table contains one entry:
 - 'Diễn giải': Rút tiền gửi về nộp quỹ
 - 'TK Nợ': 1111
 - 'TK Có': 1121
 - 'Số tiền': 50.000.000
 - 'TK ngân hàng': 0124010015487
 - 'Mục thu/chi':
 - 'Mã thống kê':
 At the bottom of the table, it says 'Số dòng = 1' and '50.000.000'.
 The status bar at the bottom says 'F9 - Thêm nhanh, F3 - Tìm nhanh'.

- **Hiện thị trên sổ:** Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).
- **Đối tượng:** Chọn nhân viên là Nguyễn Thị Lan => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiện thị ở mục tên nhân viên và tên người nộp.
- **Lý do nộp:** Chọn lý do là “Rút tiền gửi về nộp quỹ” từ trong danh sách. Với các trường hợp lý do nộp không giống như trong danh sách, NSD chọn là “Thu khác”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh
- Ngày chứng từ: 05/01/2020
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ 1111/Có TK 1121 (Phần mềm đã tự mặc định)
- Số tiền: 50.000.000 VND
- TK Ngân Hàng: Chọn chi tiết TK ngân hàng BIDV.
- Nhấn <<Cắt>> để lưu phiếu thu vừa nhập.

Trường hợp trên phiếu thu không xuất hiện cột TK Ngân hàng. NSD chọn chức năng **Mẫu\Quản lý mẫu** trên thanh công cụ, sau đó chọn chức năng <<**Sửa**>>, xuất hiện hộp hội thoại sửa mẫu:



Sau khi sửa mẫu xong, tại hộp thoại **Quản lý mẫu**, NSD chọn chức năng <<**Áp dụng**>>, chương trình sẽ xuất hiện thêm cột chọn tài khoản ngân hàng trên màn hình nhập liệu chứng từ.

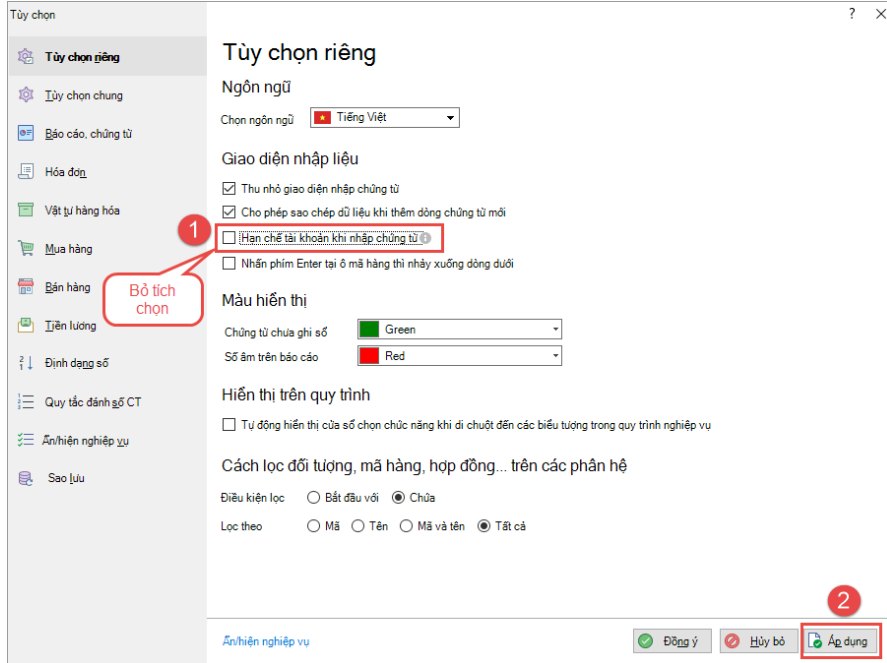
□ Nghiệp vụ 2: Thu hồi các khoản đầu tư.

VD: (Giả sử, ngày 06/01/2020 mua cổ phiếu của công ty Hà Thành, giá mua là 200.000.000 VND. Chưa thanh toán) Ngày 13/01/2020 bán cổ phiếu đầu tư, giá bán: 190.000.000 VND, đã thu bằng tiền mặt. Như vậy, doanh nghiệp bị lỗ 10.000.000 VND

NSD tiến hành nhập liệu nghiệp vụ bán cổ phiếu như sau => Tại phân hệ **Quý**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

- **Hiện thị trên sổ:** Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).
- **Lý do nộp:** Chọn lý do nộp là “*Thu khác*” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 13/01/2020
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: TK 1111 (Phần mềm tự mặc định)/TK Có: chọn TK 1211 và nhập số tiền tương ứng là 190.000.000 VND
- Vì có phát sinh lỗ, thêm dòng và nhập vào phần diễn giải: Lỗ phát sinh và nhập Nợ TK635/Có TK1211 và nhập số tiền tương ứng là 10.000.000 VND
- TK Ngân Hàng: Chọn chi tiết TK ngân hàng phát sinh nghiệp vụ bán cổ phiếu.
- Nhấn <<**Cắt**>> để lưu phiếu thu vừa nhập.

Trong một số trường hợp nhập TK Nợ khác với TK1111, phần mềm báo lỗi. NSD vào menu **Hệ thống\Tùy chọn\Tùy chọn riêng**



□ Nghiệp vụ 3: Thu hồi các khoản phải thu

- Đối với khoản phải thu từ công nợ của khách hàng => xem chi tiết hướng dẫn tại Kế toán bán hàng và công nợ phải thu trang 203
- Đối với các khoản phải thu còn lại sẽ được thực hiện trên phiếu thu của phân hệ **Quỹ**, nhưng riêng khoản thu từ tạm ứng của nhân viên, kế toán còn phải thực hiện thêm chức năng quyết toán tạm ứng trên phân hệ **Tổng hợp**.

VD: (Giá sử ngày 12/01/2020 Trần Đức Chi tạm ứng 4.000.000 VND để đi công tác). Ngày 16/01/2020 Trần Đức Chi thanh toán khoản tạm ứng, số tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp là 2.500.000 VND. Số còn thừa là 1.500.000 VND, Trần Đức Chi đã nộp hoàn ứng bằng tiền mặt.

NSD tiến hành nhập liệu nghiệp vụ trên như sau:

- Hạch toán nghiệp vụ quyết toán tạm ứng của nhân viên sau khi đi công tác về trên phân hệ **Tổng hợp**:
- Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ quyết toán tạm ứng** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ quyết toán tạm ứng**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải thuế	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
Quyết toán tạm ứng cho Hoàng Ngọc M	6427	141	2.500.000	Thuế giá trị gia tăng		
Số dòng = 1			2.500.000			

- **Hiện thị trên sổ:** Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).
- **Diễn giải:** Nhập là “*Thanh toán tiền tạm ứng*”.
- **Ngày chứng từ:** 16/01/2020
- **Chọn loại tiền hạch toán:** VND
- **Nợ TK 6427/Có TK 141, số tiền 2.500.000 VND**
- **Tại cột Đối tượng có:** chọn nhân viên là Phạm Minh Quang.
- **Nhấn <<Cắt>>** để lưu chứng từ vừa nhập.

- Hạch toán nghiệp vụ thu hồi khoản tạm ứng không chi hết của nhân viên trên phân hệ **Quý**:

- Tại phân hệ **Quý**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).
- Đối tượng: Chọn nhân viên là Trần Đức Chi => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên nhân, tên người nộp và cột Đối tượng.
- Lý do nộp: Chọn lý do là “*Thu hoàn ứng*”, hệ thống sẽ tự động hiển thị nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 16/01/2020
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ 1111/Có TK 141 (Phần mềm đã tự mặc định)
- Số tiền 1.500.000 VND

- Nhấn <<**Cắt**>> để lưu phiếu thu vừa nhập.
- Nghiệp vụ 6: Đối với doanh thu từ hoạt động bán hàng => xem chi tiết tại nghiệp vụ 1 - Bán hàng thu tiền ngay thuộc chương Kế toán bán hàng và công nợ phải thu (trang 193). Đối với thu nhập khác từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ => xem chi tiết tại nghiệp vụ 8 thuộc chương Tài sản cố định (trang 285).
- Nghiệp vụ 8: Gửi tiền mặt vào ngân hàng.

VD: Ngày 15/01/2020 nhân viên Nguyễn Thị Lan xuất quỹ tiền mặt gửi 10.000.000 VND vào tài khoản tại ngân hàng BIDV.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Chi tiền**, hoặc nhấn phím tắt **Ctrl + I**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	TK ngân hàng	Mục thu/chi	Mã thống kê
Gửi tiền vào ngân hàng	1121	1111	10.000.000	0124010015487		
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			10.000.000			

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).

- Đối tượng: Chọn nhân viên là Nguyễn Văn Bình => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên nhân viên và tên người nhận.
 - Lý do chi: Chọn lý do là “Gửi tiền vào ngân hàng” từ trong danh sách. Với các trường hợp lý do chi không giống như trong danh sách, NSD chọn là “Chi khác”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh
 - Ngày chứng từ: 15/01/2020
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - Nợ 1121/Có TK 1111 (Phần mềm đã tự mặc định)
 - Số tiền: 10.000.000 VND
 - TK Ngân Hàng: Chọn chi tiết TK ngân hàng BIDV.
 - Nhấn <<Cất để lưu phiếu chi vừa nhập.
- Nghiệp vụ 9: Mua vật tư, dụng cụ, hàng hoá => xem chi tiết tại nghiệp vụ 2 - Kế toán mua hàng, thuộc chương Kế toán mua hàng và công nợ phải trả (trang 160).
- Nghiệp vụ 10: Chi phí phát sinh bằng tiền mặt
- VD: Ngày 30/01/2020: Thanh toán tiền điện tháng 1 cho công ty Điện lực, số tiền chưa thuế là 3.000.000 VND (Tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp 2.000.000 VND, tính vào chi phí bán hàng là 1.000.000 VND). Thuế GTGT 10%, hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0012745, ký hiệu AB/15T.
- NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:
- Hiển thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).
 - Đối tượng: Chọn đối tượng là Công ty Điện lực => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.

- Lý do chi: Chọn lý do là “Chi khác”, hệ thống sẽ tự động hiển thị nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 30/01/2020
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 6427/Có TK 1111 và nhập số tiền tương ứng là 2.000.000 VND
- Nợ TK 6417/Có TK 1111 và nhập số tiền tương ứng số tiền là 1.000.000 VND
- Thêm dòng phản ánh thuế GTGT: Nợ TK 1331/Có TK 1111 và số tiền là 300.000 VND

The screenshot displays the 'Phiếu chi' (Check) form in the MISA JSC software. The form is titled 'Phiếu chi - Công ty Cổ phần ABC'. It includes a menu bar with options like 'Trước', 'Sau', 'Thêm', 'Sửa', 'Sửa nhanh', 'Cắt', 'Xóa', 'Hoàn', 'Ghi sổ', 'Nạp', 'Trộn ích', 'Mẫu', 'In', 'Giúp', and 'Đóng'. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung:** Fields for 'Đối tượng' (CTY DIENLUC), 'Người nhận', 'Địa chỉ' (1078 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội), 'Lý do chi' (Chi khác), and 'Nhân viên'.
- Chứng từ:** Fields for 'Ngày hạch toán' (30/01/2020), 'Ngày chứng từ' (30/01/2020), and 'Số chứng từ' (PC00040).
- Table of Transactions:** A table with columns for 'Diễn giải', 'TK Nợ', 'TK Có', 'Số tiền', 'Đối tượng', 'Tên đối tượng', and 'TK ngân hàng'. The table contains three rows of transactions:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng	TK ngân hàng
Thanh toán tiền điện tháng 01	6427	1111	2.000.000	CTY DIENLUC	Công ty điện lực Hà Nội	0124010015487
Thanh toán tiền điện tháng 01	6417	1111	1.000.000	CTY DIENLUC	Công ty điện lực Hà Nội	0124010015487
Thuế GTGT	1331	1111	300.000	CTY DIENLUC	Công ty điện lực Hà Nội	0124010015487

The total amount is 3,000,000 VND. The form also includes a 'Số dòng = 3' indicator and a 'Lỗi tiền' field set to 'VND' with a 'Tỷ giá' of 1.00.

- Ở phần **Thuế**, nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế. NSD nhập các thông tin về hóa đơn như: ký hiệu hóa đơn AB/15T, số 0012745. Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1

Phiếu chi - Công ty Cổ phần ABC

Hiện thị trên giấy:

Thông tin chung

Đối tượng: CTY DIENLUC + Công ty điện lực Hà Nội

Người nhận: _____

Địa chỉ: 1078 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Lý do chi: Chi khác Thanh toán tiền điện tháng 01

Nhân viên: _____ Kèm theo _____ chứng từ gốc

Chứng từ

Ngày hạch toán: 30/01/2020

Ngày chứng từ: 30/01/2020

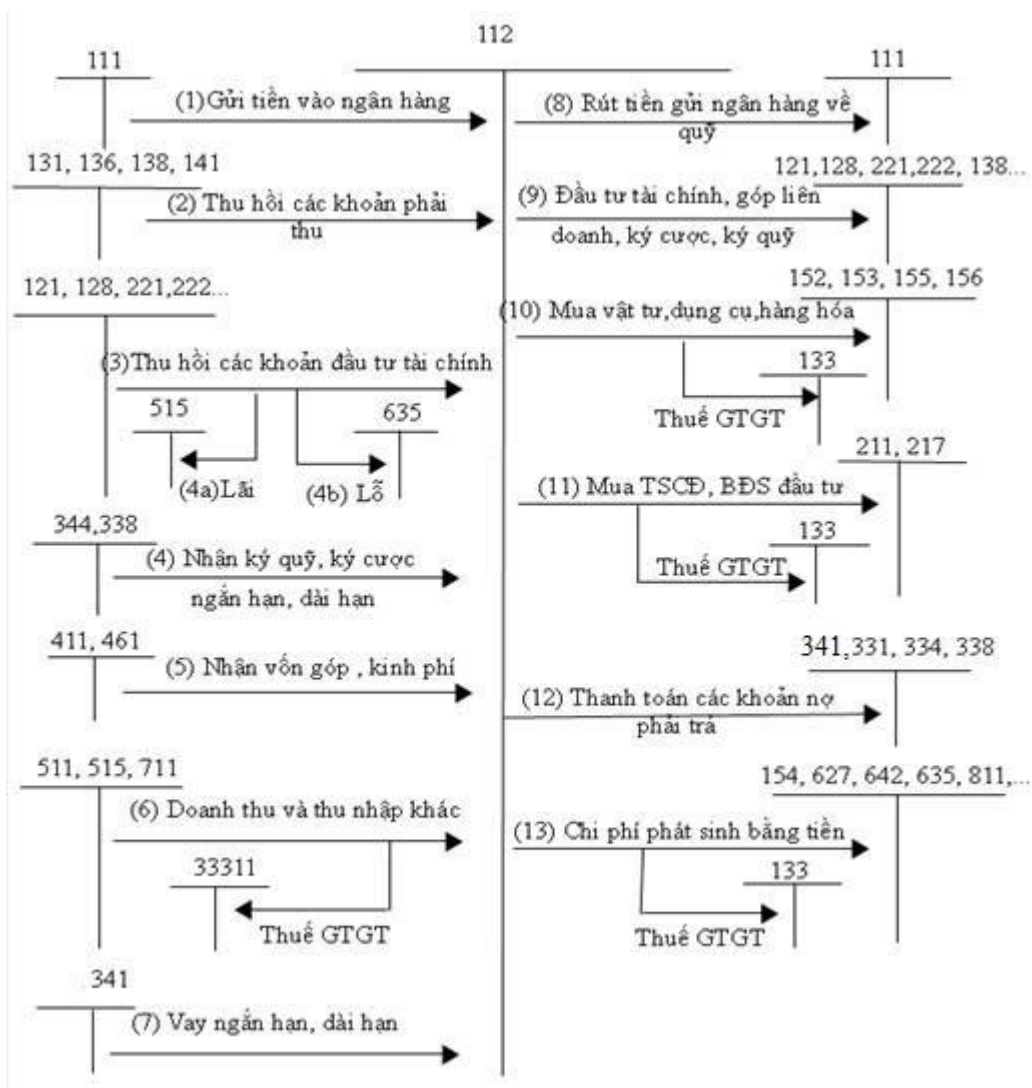
Số chứng từ: PC00040

Diễn giải	TK thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	% thuế GTGT	Giá trị HHĐV chưa thuế	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn
Thuế giá trị gia tăng	1331	300.000	10%	3.000.000	30/01/2020	0012745
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1		300.000		3.000.000		

- Nhấn <<Cắt>> để lưu phiếu chi vừa nhập.
- Nghiệp vụ 11: Đối với nghiệp vụ mua TSCĐ thanh toán bằng tiền mặt => xem chi tiết tại nghiệp vụ 2, thuộc chương Tài sản cố định (trang 274).
- Nghiệp vụ 12: Đối với công nợ phải trả cho nhà cung cấp => xem chi tiết tại nghiệp vụ 1- Kế toán công nợ, thuộc chương Kế toán mua hàng và công nợ phải trả trang 168).
- Các nghiệp vụ khác hạch toán tương tự.

1.41. Kế toán tiền gửi

1.41.1. Sơ đồ hạch toán



1.41.2. Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh về tiền gửi ngân hàng bao gồm: Giấy báo Có; Giấy báo Nợ; Bản sao kê của ngân hàng; ủy nhiệm chi; Séc chuyển khoản;... Một số mẫu chứng từ điển hình:


□ Giấy báo Có

Ngân Hàng A Châu Chi nhánh: ACB - CN CHUA HA	GIAY BAO CO Ngày: 02-03-2010	Ma GDV: Ma KH: 44048 So GD :
Kính gọi: CTY CP MISA Ma so thue: 0101243150		
Hom nay, chung toi xin bao da ghi CO tai khoan cua quy khách hàng voi noi dung nhu sau:		
So tai khoan ghi CO:	21137519	
So tien bang so:	4,500,523.00	
So tien bang chu:	BON TRIEU NAM TRAM NGAN NAM TRAM HAI MUOI BA DONG CHAN	
Noi dung:	Lai nhap von	
Giao dich vien		Kiem soat

□ Giấy báo Nợ

Ngân Hàng A Châu Chi nhánh: ACB - CN CHUA HA	GIAY BAO NO Ngày: 02-03-2010	Ma GDV: NGUYEN THU HANG Ma KH: 44048 So GD: 13
Kính gọi: CTY CP MISA Ma so thue: 0101243150		
Hom nay, chung toi xin bao da ghi NO tai khoan cua quy khách hàng voi noi dung nhu sau:		
So tai khoan ghi NO:	21137519	
So tien bang so:	4,000,000,000.00	
So tien bang chu:	BON TY DONG CHAN	
Noi dung:	CK GUI KY HAN: DAU TU LINH HOAT 12 THANG -KY NHAN LAI HANG 1 THANG	
Giao dich vien		Kiem soat

□ y nhiệm chi

	ỦY NHIỆM CHI/ PAYMENT ORDER	Số/ No: UNC00002
Ngày/ Date: 15/01/2011		
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ APPLICANT		
Tên tài khoản/ Acct's Name: Công ty TNHH ABC		
Số tài khoản/ Acct No: 900011110010		Tại ngân hàng Á Châu/ Chi nhánh/ At ACB_Branch:
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY		
Đơn vị thụ hưởng/ Beneficiary: Đại lý Ô tô Long Biên		
<input type="checkbox"/> Số tài khoản/ Acct No: <input type="checkbox"/> CMND/Hộ chiếu/ ID Card/PP No: Ngày cấp/ Date: Nơi cấp/ Place: Tại ngân hàng/ Beneficiary's Bank: Tỉnh, TP/ Province, City:		
Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn.		Bằng số/ In figures: 550.000.000
Nội dung/ Details: Ghi tăng TSCĐ		
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ Applicant Kế toán trưởng/ Chủ tài khoản Chief Accountant Account Holder	NGÂN HÀNG Á CHÂU/ ACB Ghi số ngày/ Post Date: ... / ... / Giao dịch viên/ Trưởng đơn vị Teller Manager	NGÂN HÀNG B/ B Bank Ghi số ngày/ Post Date: ... / ... / Giao dịch viên/ Trưởng đơn vị Teller Manager

Nhập chứng từ trên phần mềm kế toán

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến phân hệ **Ngân hàng** trong phần mềm kế toán MISA SME.NET, NSD thực hiện như sau:

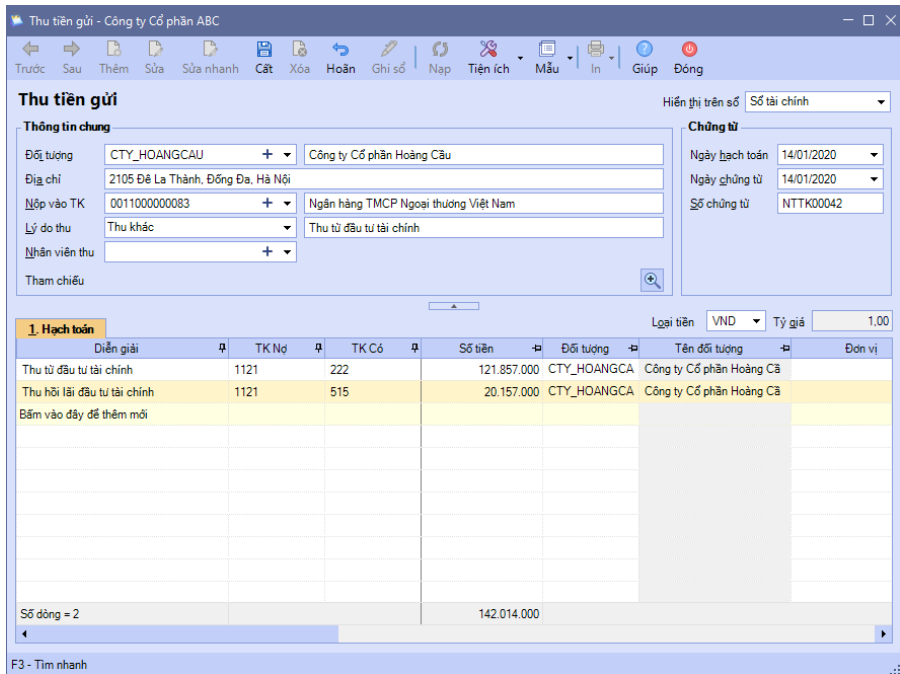
□ Nghiệp vụ 1, 8: Xem chi tiết tại phân hệ tiền mặt trang 107

Các nghiệp vụ này nếu có phát sinh, NSD nên thực hiện trên phân hệ Quỹ (không thực hiện trên phân hệ Ngân hàng), để phục vụ cho việc lấy dữ liệu lên sổ quỹ của Thủ quỹ.

□ Nghiệp vụ 3: Thu hồi các khoản đầu tư tài chính

VD: Ngày 14/01/2020, kế toán nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản đầu tư tài chính được thu hồi từ Công ty TNHH Hoàng Cầu với số tiền là 121.857.000 VND. Lãi thu được từ đầu tư là 20.157.000 VND.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:



- **Hiện thị trên sổ:** Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).
- **Đối tượng:** Chọn đối tượng là công ty Hoàng Cầu => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiện thị ở mục tên đối tượng.
- **Nộp vào TK:** Chọn TK ngân hàng BIDV
- **Lý do thu:** Chọn lý do là “*Thu khác*”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- **Ngày chứng từ:** 14/01/2020
- **Chọn loại tiền hạch toán:** VND
- **Nợ TK 1121/Có TK 222 và nhập số tiền là 121.857.000 VND**
- **Nợ TK 1121/Có TK 515 và nhập số tiền là 20.157.000 VND**
- **Nhấn <<Cắt** để lưu chứng từ vừa nhập.

□ Nghiệp vụ 7: Vay nợ dài hạn

VD: Ngày 23/01/2020, kế toán nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản vay dài hạn từ Công ty TNHH Bảo Oanh với số tiền vay là 750.000.000 VND.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

The screenshot shows the 'Thu tiền gửi' (Deposit) form in the MISA JSC software. The form is divided into several sections:

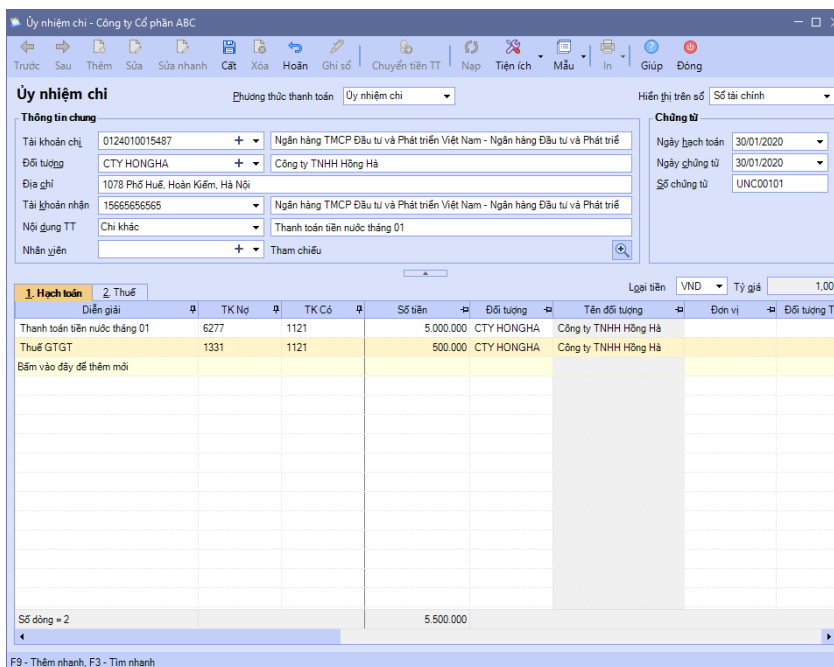
- Thông tin chung (General Information):**
 - Đối tượng (Counterparty): CTY_BAOOANH (Công ty TNHH Bảo Oanh)
 - Địa chỉ (Address): 2514 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
 - Nhập vào TK (Debit Account): 001100000083 (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)
 - Lý do thu (Reason for receipt): Vay nợ (Vay tiền của công ty Bảo Oanh)
- Thông tin chi tiết (Detailed Information):**
 - Ngày hạch toán (Accounting Date): 23/01/2020
 - Ngày chứng từ (Document Date): 23/01/2020
 - Số chứng từ (Document Number): NTTK00042
- 1. Hạch toán (Journal Entry):**

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Tên đối tượng	Mục thu/chi
Vay tiền của công ty Bảo Oanh	1121	3411	750.000.000	CTY_BAOOANH	Công ty TNHH Bảo Oanh	
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			750.000.000			

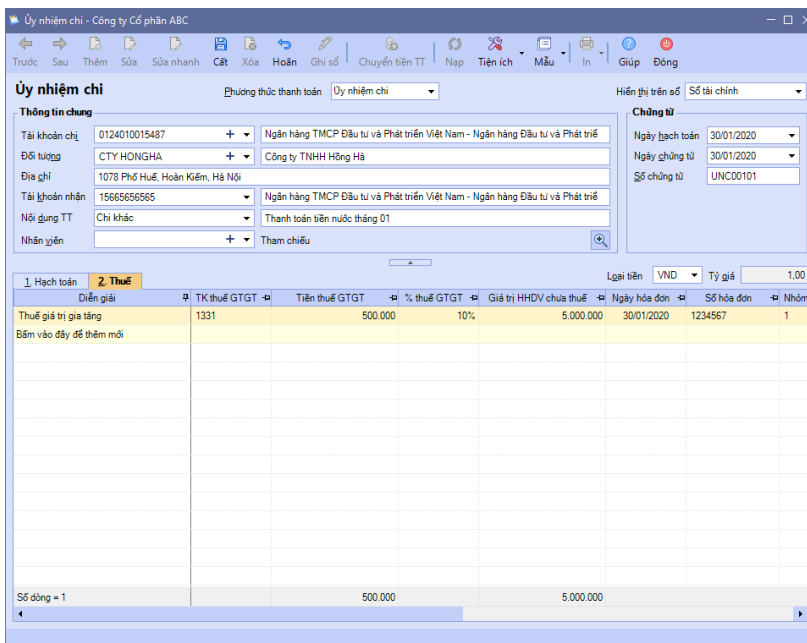
- **Hiện thị trên sổ:** Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).
- **Đối tượng:** Chọn đối tượng là công ty Bảo Oanh => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.
- **Nộp vào TK:** Chọn TK ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- **Lý do thu:** Chọn lý do là “Vay nợ” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- **Ngày chứng từ:** 23/01/2020
- **Chọn loại tiền hạch toán:** VND

- Nợ 1121/Có TK 3411 (Phần mềm đã tự mặc định)
 - Số tiền: 750.000.000 VND
 - Nhân <<**Cất**>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- Nghiệp vụ 13: Chi phí phát sinh bằng tiền.
- VD: Ngày 30/01/2020 thanh toán tiền nước tháng 1/2020 cho phân xưởng sản xuất bằng y nhiệm chi của ngân hàng BIDV cho công ty nước sạch Hà Nội số tiền chưa thuế là 5.000.000 VND, VAT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT/001, số 1234567 ký hiệu AA/15T.
- NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:
- Phương thức thanh toán: Chọn phương thức là lập *Ủy nhiệm chi*
 - Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 87).
 - Đối tượng: Chọn đối tượng là Công ty TNHH Hồng Hà => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.
 - Nội dung TT: Chọn lý do là “*Chi khác*”, hệ thống sẽ tự động hiển thị nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
 - Ngày chứng từ: 30/01/2020
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - Nợ TK 6277/Có TK 1121 và nhập số tiền tương ứng là 5.000.000 VND
 - Thêm dòng phản ánh thuế GTGT: Nợ TK 1331/Có TK 1121 và số tiền là 500.000 VND

Chương 3: Kế toán vốn bằng tiền



- Ở phần **Thuế**, nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế. NSD nhập các thông tin về hóa đơn như: ký hiệu hóa đơn AA/15T, số 1234567. Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1



- Nhấn <<**Cất**>> để lưu chứng từ vừa nhập.
 - ▶ Các nghiệp vụ còn lại thực hiện tương tự phần kế toán tiền mặt (xem trang <https://helpsme2021.misa.vn/kb/nganhang/>).

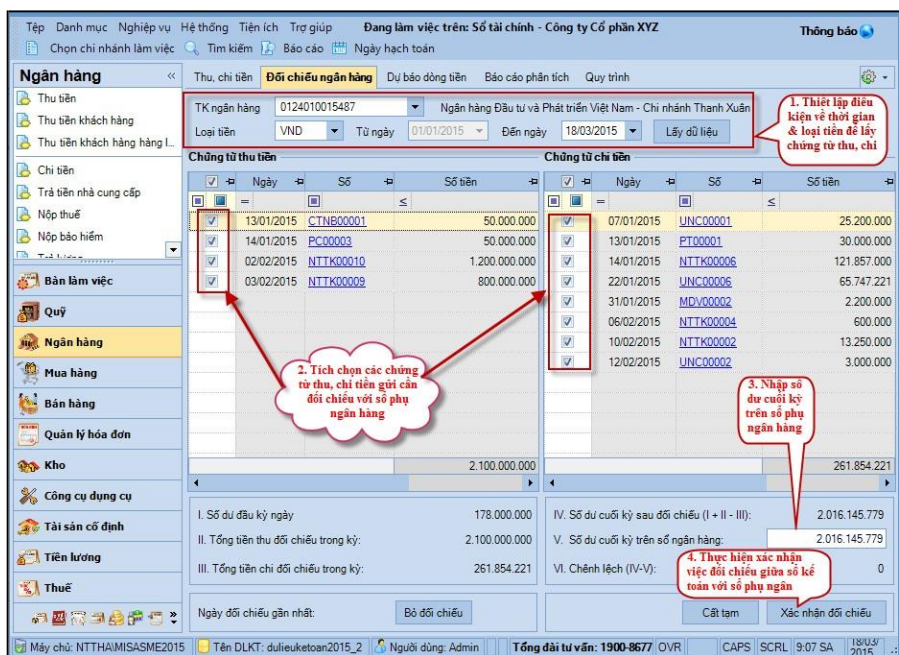
Một số chức năng bổ sung trên phần mềm kế toán

▶ Chức năng Đối chiếu với Ngân hàng

Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép NSD đối chiếu giữa số dư của ngân hàng với sổ kế toán của doanh nghiệp để kịp thời phát hiện ra chênh lệch và tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch. Nguyên nhân sự sai lệch có thể do: Có những phát sinh đã được kế toán ghi sổ nhưng ngân hàng vẫn chưa thực hiện hoặc ngược lại ngân hàng đã thực hiện nhưng kế toán chưa ghi chép... Việc đối chiếu này nhằm đảm bảo số liệu gửi vào, rút ra và tồn cuối kỳ trên sổ kế toán của doanh nghiệp khớp đúng số liệu ngân hàng quản lý.

Để thực hiện việc đối chiếu, NSD tiến hành như sau:

- Tại phân hệ **Ngân hàng**, NSD chọn tab **Đối chiếu ngân hàng**.
- Chọn tài khoản ngân hàng cần đối chiếu
- Nhập ngày đối chiếu, chọn loại tiền cần đối chiếu và nhấn <<**Lấy dữ liệu**>> để các chứng từ thu chi tiền gửi lên phần danh sách Chứng từ thu tiền và danh sách Chứng từ chi tiền.
- Tích chọn các chứng từ thu và chi tiền gửi với các giao dịch trên sổ phụ ngân hàng.
- Nhập số dư cuối kỳ trên sổ ngân hàng (Số dư tại ngày đối chiếu).
- Căn cứ vào Số dư đầu kỳ ngày, các chứng từ thu chi đã đối chiếu, phần mềm sẽ tính ra số Số dư cuối kỳ sau đối chiếu.
- Khi Chênh lệch = 0 (So giữa Số dư cuối kỳ sau đối chiếu và Số dư cuối kỳ trên sổ ngân hàng), nhấn nút <<**Xác nhận đối chiếu**>> để hoàn tất việc đối chiếu.



1.42 Xem và in báo cáo

1.42.1 Xem và in báo cáo tiền mặt tại quỹ

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến tiền mặt tại quỹ, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo tiền mặt tại quỹ.

Báo cáo trên phần mềm MISA SME.NET gồm có 2 loại là báo cáo động và báo cáo tĩnh. Báo cáo tĩnh là sẽ view và xem theo mẫu sẵn có. Mẫu báo cáo động ngoài những cột nhìn thấy trên báo cáo NSD có thể sửa mẫu và bổ sung, sửa đổi, loại bỏ cột không cần... trên báo cáo, lọc và xem theo nhiều tiêu chí khác nhau, mang lại nhiều tiện ích vượt trội, hỗ trợ kế toán cung cấp số liệu nhanh chóng và tiện dụng hơn.

► Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

- Tại phân hệ **Quỹ**, chọn tab **Sổ chi tiết tiền mặt** (hoặc vào **Báo cáo\Quỹ** chọn báo cáo cần xem).
- Nhấn <<**Chọn tham số**>>, sau đó khai báo các tham số báo cáo như: tài khoản in, loại tiền, khoảng thời gian:

Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

Tham số

Tài khoản: 1111 Loại tiền: VND

Kỳ báo cáo: Tháng 1

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015

Công gộp các bút toán giống nhau

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Tệp Danh mục Nghiệp vụ Hệ thống Tiện ích Trợ giúp Đang làm việc trên: **Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC** Thông báo

Chọn chi nhánh làm việc Tìm kiếm Báo cáo Ngày hạch toán Nạp Mẫu Báo cáo đã gửi Thu gọn Xuất khẩu In Group

Thu, chi tiền Kiểm kê **Sổ chi tiết tiền mặt** Dự báo dòng tiền Quy trình [Thay đổi sơ với MISA SME.NET 2012](#)

Chọn tham số ...

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT
Tài khoản: 1111; Loại tiền: VND; Tháng 01 năm 2015

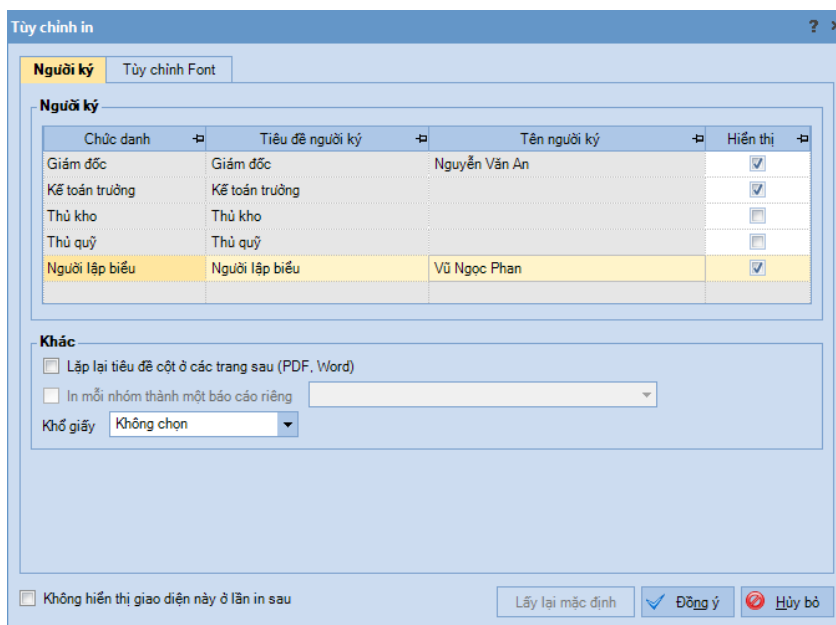
Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số phiếu thu	Số phiếu chi	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
						Nợ	≤
				Số tồn đầu kỳ			0
05/01/2015	05/01/2015	PT00001		Rút tiền gửi về nộp quỹ	1121	50.000.000	
12/01/2015	12/01/2015		PC00001	Tạm ứng cho nhân viên	141		0
13/01/2015	13/01/2015	PT00002		Bán cổ phiếu đầu tư	1121	190.000.000	
15/01/2015	15/01/2015		PC00002	Gửi tiền vào ngân hàng	1121		0
15/01/2015	15/01/2015		PC0115.001	Chi mua máy tính cho phòng kế toán	242		0
15/01/2015	15/01/2015		PC0115.001	Chi mua máy tính cho phòng kế toán	1331		0
16/01/2015	16/01/2015	PT00003		Thu hoàn ứng sau khi quyết toán tạm ứ	141	1.500.000	
16/01/2015	16/01/2015		PC0115.002	Chi mua văn phòng phẩm sử dụng cho	6417		0
16/01/2015	16/01/2015		PC0115.002	Chi mua văn phòng phẩm sử dụng cho	1331		0
30/01/2015	30/01/2015		PC00003	Thanh toán tiền điện tháng 1	6427		0
30/01/2015	30/01/2015		PC00003	Thanh toán tiền điện tháng 1	6417		0
30/01/2015	30/01/2015		PC00003	Thuế GTGT	1331		0
Số dòng = 13						241.500.000	

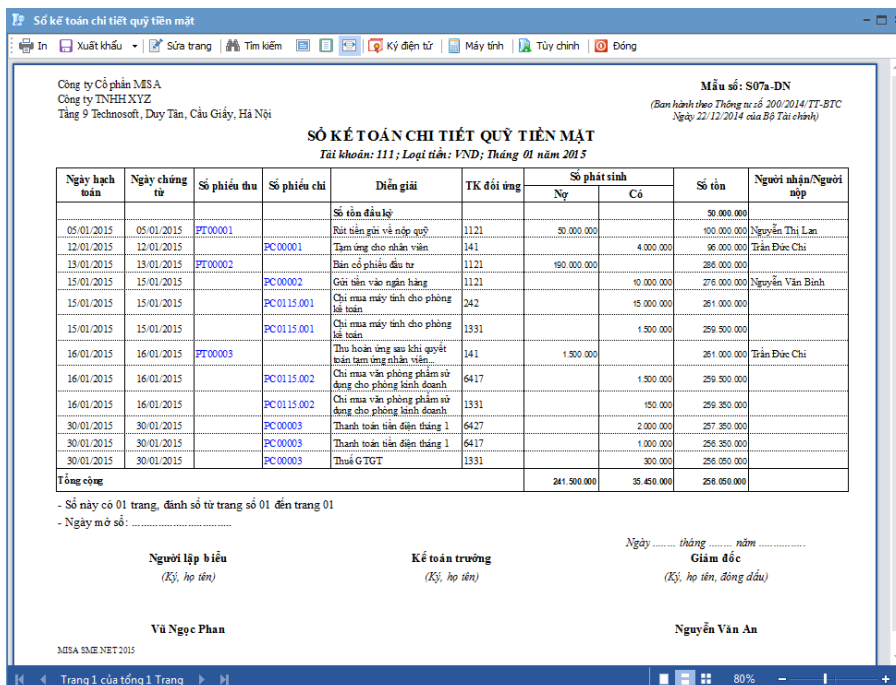
Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 Tên DLKT: KE_TOAN_2015 Người dùng: Admin Tổng đài tư vấn: 1900-8677 OVR NUM 10:00 SA 1/1/2015

- In báo cáo tiền mặt tại quỹ:
 - Tại giao diện báo cáo cần in, chọn chức năng **In**, xuất hiện hộp thoại **Tùy chỉnh in**:
 - Tab **Người ký** cho phép khai báo thông tin chân chữ ký của báo cáo
 - Tab **Tùy chỉnh font** cho phép thiết lập font, size chữ trên báo cáo:

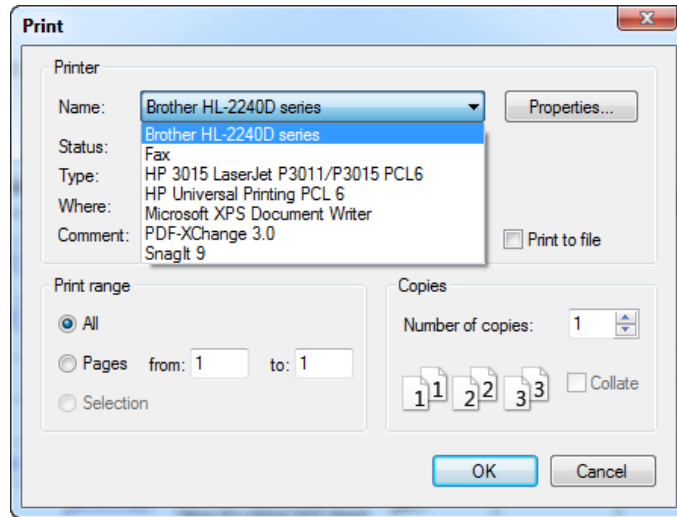
Chương 3: Kế toán vốn bằng tiền



- Nhấn <<Đồng ý>> để thực hiện chức năng in



- Chọn chức năng **In**, phần mềm sẽ hiển thị cửa sổ cho phép NSD lựa chọn máy in, và các thông số phù hợp.



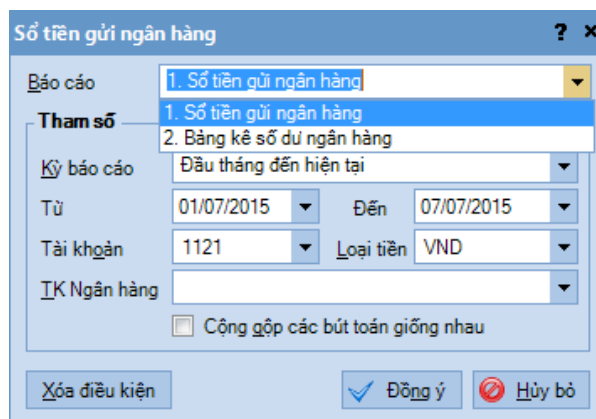
- Nhấn <<OK>> để hoàn tất việc in báo cáo

1.42.2 Xem và in báo cáo tiền gửi ngân hàng

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến tiền gửi ngân hàng, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo tiền gửi ngân hàng.

► Sổ tiền gửi ngân hàng:

- Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Ngân hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<Chọn tham số>>.
- Chọn báo cáo cần xem, sau đó khai báo các tham số báo cáo như: khoảng thời gian, tài khoản in, loại tiền, tài khoản ngân hàng...:



- Xem báo cáo:

Chương 3: Kế toán vốn bằng tiền

SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
Tài khoản: 1121; Loại tiền: VND; TK Ngân hàng: 05401111970032 - Ngân hàng TMCP Đầu...

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Thu	Chi	Tồn
05/01/2015	05/01/2015	PT00001	Rút tiền gửi về nộp quỹ	1111	0	50.000.000	(50.000.000)
14/01/2015	14/01/2015	NTTK00001	Thu lãi đầu từ tài chính ...	515	121.857.000	0	71.857.000
15/01/2015	15/01/2015	PC00002	Gửi tiền vào ngân hàng	1111	10.000.000	0	81.857.000
30/01/2015	30/01/2015	UNC00001	Thuế GTGT	1331	0	500.000	81.357.000
30/01/2015	30/01/2015	UNC00001	Thanh toán tiền điện nước tháng 1	6277	0	5.000.000	76.357.000
Số dòng = 5					131.857.000	55.500.000	

Câu hỏi ôn tập

1. Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ theo các nguyên tắc và chế độ quản lý tiền tệ của Nhà nước như thế nào?
2. Hãy trình bày mô hình hóa hoạt động thu chi tiền mặt, tiền gửi?
3. Các danh mục cần phải khai báo khi hạch toán các chứng từ liên quan đến tiền mặt, tiền gửi?
4. Đối với nghiệp vụ gửi tiền mặt vào ngân hàng và nghiệp vụ rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ thì nên ưu tiên làm ở phân hệ nào? Tại sao?
5. Liệt kê một số chứng từ được sử dụng cho việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt, tiền gửi?

Bài tập thực hành

1.42.3 Kế toán tiền mặt tại quỹ

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền mặt như sau:

1. Ngày 15/01/2020, chi tiền tạm ứng công tác phí cho nhân viên Nguyễn Văn Nam, số tiền: 1.500.000 VND.
2. Ngày 19/01/2020, chi tiếp khách tại nhà hàng Sunflower số tiền 2.100.000 VND.
3. Ngày 24/01/2020, Phạm Văn Minh thanh toán tiền điện tháng 01/2020 (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 1.500.000 VND (VAT 10%). Hóa đơn tiền điện mẫu số 01GTKT2/001 số 0051245, ký hiệu AA/15P, ngày 22/01/2020.
4. Ngày 25/01/2020, thu nợ của công ty cổ phần Huệ Hoa, số tiền: 15.486.250 VND.
5. Ngày 26/01/2020, Nguyễn Thị Lan chi thanh toán tiền nước tháng 01/2020 (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 1.000.000 VND (VAT 5%). Hóa đơn mẫu số 01GTKT2/001 số 0032471, ký hiệu AB/15P, ngày 24/01/2020.
6. Ngày 27/01/2020, Nguyễn Thị Lan chi mua văn phòng phẩm (tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp), Số tiền chưa thuế là 2.000.000 VND (VAT 10%). Hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001 số 0021689, ký hiệu AA/15P, ngày 27/01/2020.

►► Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 và khai báo thêm danh mục (nếu cần).
- Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm.
- In Sổ quỹ tiền mặt; Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt.

1.42.4 Kế toán tiền gửi ngân hàng

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền gửi như sau:

1. Ngày 08/01/2020, công ty TNHH Tân Hòa thanh toán nợ kỳ trước, số tiền: 60.510.000 VND theo giấy báo Có của ngân hàng Công thương.
2. Ngày 12/01/2020, chuyển tiền nộp thuế GTGT tháng 12/2020 bằng Ủy nhiệm chi, số tiền: 12.834.091 theo giấy báo Nợ của Ngân hàng BIDV.
3. Ngày 16/01/2020, chuyển tiền gửi ngân hàng BIDV trả tiền còn nợ cho công ty Hồng Hà 11.000.000 VND.
4. Ngày 25/01/2020, chuyển tiền gửi ngân hàng Công thương trả tiền vay ngắn hạn Vietcombank, số tiền: 60.000.000 VND (đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng).
5. Ngày 29/01/2020, chuyển tiền gửi ngân hàng Công thương sang ngân hàng BIDV, số tiền: 12.000.000 VND (Đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng Công thương, chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng BIDV).

►► Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 và khai báo thêm danh mục (nếu cần).
- Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm.
- In Sổ tiền gửi ngân hàng.

CHƯƠNG 4

QUẢN LÝ PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Quy trình thủ tục hành chính để một doanh nghiệp áp dụng hình thức hóa đơn tự in
- Mô hình hoạt động quản lý phát hành hóa đơn
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

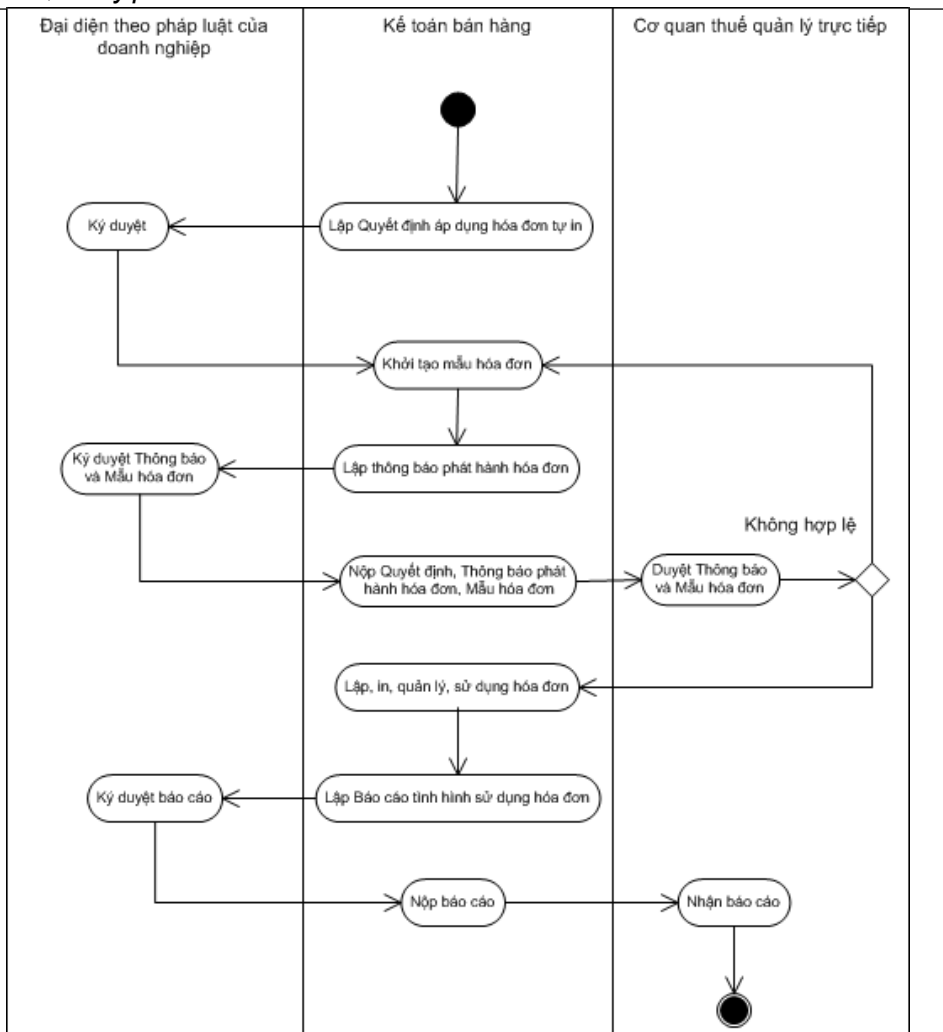
Quy trình thủ tục hành chính để một doanh nghiệp áp dụng hình thức hóa đơn tự in

Theo quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ - CP và thông tư 39/2014/TT-BTC thì các doanh nghiệp có thể tự in hóa đơn và chủ động trong việc quản lý sử dụng hóa đơn của mình. Thủ tục hành chính để một doanh nghiệp áp dụng hình thức hóa đơn tự in gồm các bước sau:

- Bước 1: Lập quyết định về việc áp dụng hóa đơn tự in để gửi cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp (chỉ áp dụng với hình thức hóa đơn tự in).
- Bước 2: Khởi tạo mẫu hóa đơn sẽ sử dụng cho mục đích bán hàng và cung cấp dịch vụ theo đặc thù của doanh nghiệp.
- Bước 3: Lập Thông báo phát hành hóa đơn để gửi cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp cùng với Hóa đơn mẫu trước khi sử dụng các mẫu hóa đơn.
- Bước 4: Lập và in hóa đơn. Sau khi đã làm đầy đủ các thủ tục Quyết định áp dụng hóa đơn tự in, Khởi tạo hóa đơn, Thông báo phát hành hóa đơn gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp, các doanh nghiệp có thể lập và in hóa đơn theo đúng mẫu đã thông báo phát hành.

Mô hình hóa hoạt động quản lý phát hành hóa đơn

Chương 4: Quản lý phát hành hoá đơn

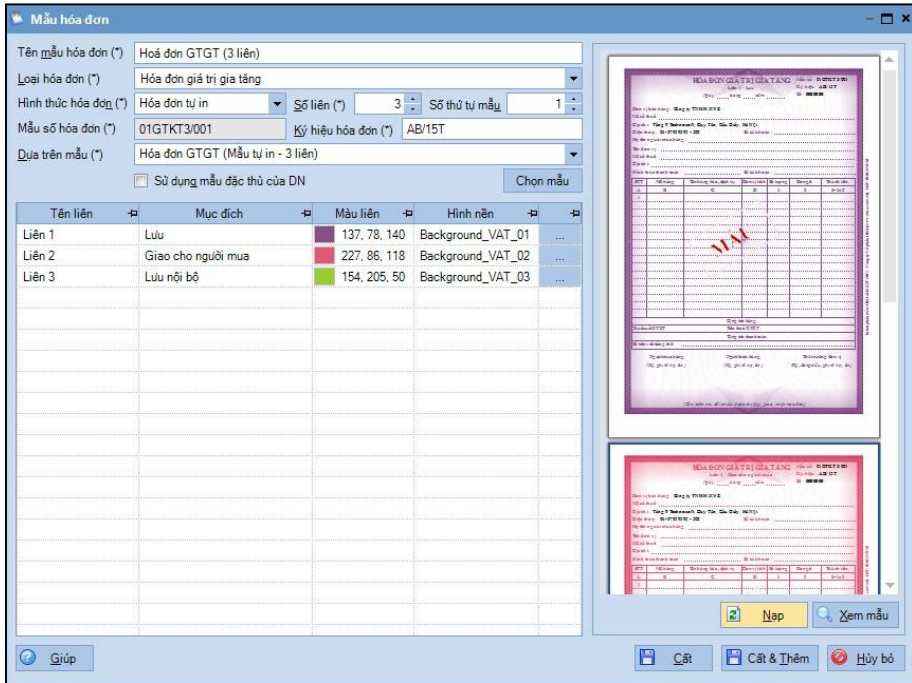


Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.5 Khởi tạo mẫu hóa đơn

- ▶▶ Nội dung: Trước khi sử dụng hóa đơn để bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ doanh nghiệp phải tạo ra mẫu hóa đơn riêng của doanh nghiệp đó và đăng ký mẫu với cơ quan thuế. Chức năng này cho phép NSD tạo các mẫu hóa đơn theo đặc thù của từng doanh nghiệp.
- ▶▶ VD: Khởi tạo mẫu hóa đơn có các nội dung sau:
 - Tên mẫu hóa đơn: Hóa đơn giá trị gia tăng 3 liên

- Loại hóa đơn: Giá trị gia tăng
 - Mẫu số hóa đơn: 01GTKT3/001
 - Ký hiệu hóa đơn: AB/15T
- ▶ Cách thực hiện: Tại phân hệ **Quản lý hoá đơn**, chọn chức năng **Khởi tạo mẫu hoá đơn** (hoặc trên tab **Mẫu hoá đơn** chọn chức năng **Thêm**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:



- Nhập Tên mẫu hóa đơn và chọn Loại hóa đơn, Hình thức hoá đơn.
- Nhập Số liên, Số thứ tự mẫu và Ký hiệu hoá đơn.
- Chọn tạo mẫu dựa trên một mẫu hoá đơn nào tại mục **“Dựa trên mẫu”**
=> mẫu có thể do phần mềm cung cấp hay mẫu đặc thù của doanh nghiệp:
 - + Nếu sử dụng theo mẫu do phần mềm cung cấp, NSD chỉ cần chọn mẫu từ danh sách do phần mềm cung cấp (danh sách mẫu sẽ thay đổi tùy thuộc vào loại hoá đơn và hình thức hoá đơn đã chọn ở trên).

- + Nếu sử dụng theo mẫu đặc thù của doanh nghiệp, NSD tích chọn vào thông tin **Sử dụng mẫu đặc thù của doanh nghiệp**, sau đó nhấn chức năng <<**Chọn mẫu**>> để đính kèm mẫu đặc thù của doanh nghiệp vào phần mềm.
- Để chỉnh sửa mẫu hoá đơn, NSD nhấn chọn <<**Xem mẫu**>>, sau đó chọn chức năng <<**Sửa mẫu**>> trên thanh công cụ. Sau khi chỉnh sửa mẫu hoá đơn xong, NSD có thể lưu lại, đồng thời in ra để mang đi đăng ký với cơ quan thuế.
- Sau khi khai báo xong mẫu hoá đơn, nhấn <<**Cất**>>.

Ký hiệu hóa đơn có 06 ký tự đối với hóa đơn của các tổ chức, cá nhân tự in, đặt in và 08 ký tự đối với hoá đơn do Cục Thuế phát hành:

+ 02 ký tự đầu để phân biệt các ký hiệu hóa đơn (ký tự phân biệt là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt.

+ Ký tự thứ 3 là dấu "/".

+ 03 ký tự cuối cùng thể hiện năm thông báo phát hành hoá đơn và hình thức hoá đơn (năm thông báo phát hành hoá đơn được thể hiện bằng hai số cuối của năm thông báo phát hành)

+ Ký hiệu của hình thức hoá đơn: sử dụng 03 ký hiệu (E: hóa đơn điện tử, T: hóa đơn tự in, P: hóa đơn đặt in)

+ Hóa đơn do Cục Thuế in, phát hành có thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hóa đơn do Cục Thuế in, phát hành)

1.42.6 Lập thông báo phát hành hóa đơn

- ▶▶ Nội dung: Trước khi sử dụng hóa đơn để bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, doanh nghiệp cần phải gửi Thông báo phát hành cho cơ quan thuế quản lý về mẫu hóa đơn, số hóa đơn sẽ phát hành trong kỳ. Chức năng này cho phép NSD lập và in thông báo phát hành hóa đơn theo quy định.
- ▶▶ VD: Thông báo phát hành mẫu hóa đơn sau:
 - Mẫu hóa đơn giá trị gia tăng 3 liên

- Mẫu số hóa đơn: 01GTKT3/001, Ký hiệu: AB/15T
 - Từ số: 0000001, Đến số: 0001000
 - Thời gian bắt đầu sử dụng: 02/01/2015
- Cách thực hiện: Tại phân hệ **Quản lý hoá đơn**, chọn chức năng **Thông báo phát hành hoá đơn** (hoặc trên tab **Thông báo phát hành hoá đơn** chọn chức năng **Thêm**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

<input checked="" type="checkbox"/>	Loại hoá đơn	Mẫu số hoá đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số lượng	Từ số	Đến số	Ngày bắt đầu sử dụng
<input checked="" type="checkbox"/>	Hóa đơn GTGT	01GTKT3/001	AB/15T	1000	0000001	0001000	02/01/2015
Số dòng = 1				1000			

- Nhập ngày lập thông báo, tên cơ quan thuế tiếp nhận thông báo.
- Tích chọn mẫu hoá đơn cần thông báo phát hành, sau đó nhập các thông tin về hóa đơn như: số lượng mẫu phát hành, ngày bắt đầu sử dụng mẫu (ngày bắt đầu sử dụng phải sau ngày lập thông báo 5 ngày trở lên). Trường hợp sử dụng hóa đơn đặt in, NSD nhập thêm thông tin về doanh nghiệp in, hợp đồng đặt in.
- Nhấn <<Cất>> để lưu thông báo phát hành vừa khai báo, sau đó nhấn <<In>> để in thông báo phát hành hoá đơn.

1.42.7 Lập và in hóa đơn trên phần mềm

- ▶ Nội dung: Kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn doanh nghiệp có thể lập và in hóa đơn theo mẫu đã thông báo phát hành.
- ▶ VD: Ngày 16/01/2015 bán hàng cho công ty Công ty Hòa Anh: 3 tủ lạnh TOSHIBA 110 lít với đơn giá chưa thuế là 5.000.000 VND và 4 tủ lạnh TOSHIBA 150 lít giá chưa thuế 6.500.000 VND. Thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, mẫu số AB/15T, số 0000001 (chưa thu tiền).
- ▶ Cách thực hiện:
 - Chọn mục **Bán hàng chưa thu tiền** tại phân hệ **Bán hàng**, tiến hành thêm mới chứng từ Bán hàng chưa thu tiền và nhập chứng từ theo hướng dẫn chi tiết tại Nghiệp vụ 1 thuộc chương Kế toán bán hàng và công nợ phải thu.

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước Kiểm phiếu xuất kh Hiện thị trên số
Nhập số đơn hàng Chưa thu tiền Thu tiền ngay Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ | Phiếu xuất | **Hóa đơn**

Thông tin chung

Khách hàng: CTY_HOA ANH Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ: 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
Mã số thuế: 0101243150 TK ngân hàng: |
Người mua hàng: | Hình thức TT: TM/CK
Tạm chiểu: BH00001 ...

Hoá đơn

Mẫu số HD: 01GTKT3/001
Ký hiệu HD: AB/15T
Số hóa đơn: 0000001
Ngày hóa đơn: 16/01/2015

Điều khoản TT: | Số ngày được nợ: | (ngày) Hạn thanh toán: |

Mã hàng	Tên hàng	Diễn giải thuế	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT
TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	Thuế giá trị gia tăng	10%	1.500.000	33311
TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 150 lít	Thuế giá trị gia tăng	10%	2.600.000	33311
Số đóng = 2				4.100.000	

Phân bổ chiết khấu: | **Tổng tiền hàng** 41.000.000 | **Tiền thuế GTGT** 4.100.000
Tiền chiết khấu 0 | **Tổng tiền thanh toán** 45.100.000

- Thực hiện in hóa đơn trên phần mềm: NSD nhấn <<In>> trên thanh công cụ, chọn in mẫu Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu tự in-3 liên):

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 1: Lưu
Số: 0000001

Ngày 16 tháng 01 năm 2015

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH XYZ
Mã số thuế: _____
Địa chỉ: Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04-37959595 - 502 Số tài khoản: _____
Họ tên người mua hàng: _____
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Mã số thuế: 0101243150
Địa chỉ: 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản: _____

STT	Mã hàng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3 = 1 x 2
1	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	Chiếc	3,00	5.000.000,00	15.000.000
2	TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 150 lít	Chiếc	4,00	6.500.000,00	26.000.000
Tổng cộng bán hàng hóa, dịch vụ:						41.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi một triệu đồng chẵn.</i>						
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)</i>		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>						

In bởi phần mềm MISA SME.NET 2015 - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

1.42.8 Các chức năng quản lý phát hành hóa đơn khác

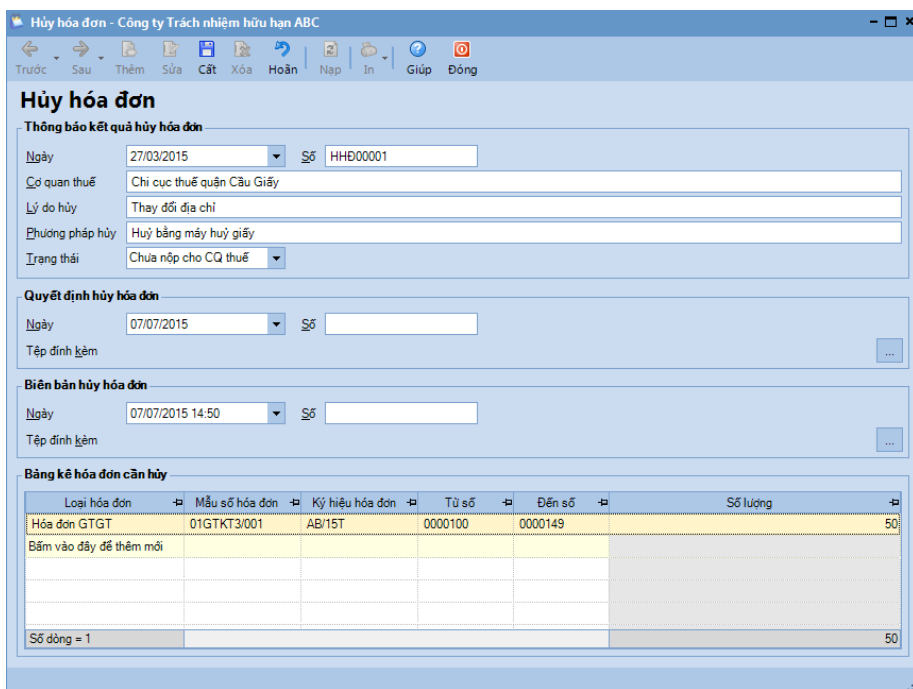
1.42.8.1 Lập thông báo kết quả hủy hóa đơn

- ▶▶ Nội dung: Trong trường hợp các hóa đơn đặt in in sai, in trùng, in thừa hoặc hóa đơn đã thông báo phát hành nhưng vì một số lý do như thay đổi địa chỉ, thay đổi mẫu và không sử dụng mẫu hóa đơn đã phát hành nữa thì cần phải hủy các hóa đơn đó. Chức năng này cho phép khai báo các hoá đơn bị hủy đồng thời lập Thông báo kết quả hủy hóa đơn.

- ▶▶ VD: Lập thông báo kết quả hủy hóa đơn

Chương 4: Quản lý phát hành hoá đơn

- Ngày lập: 27/03/2015
 - Đối tượng nhận thông báo: Chi cục thuế Cầu Giấy
 - Tên loại hóa đơn: Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Mẫu số hóa đơn: 01GTKT3/001, Ký hiệu hóa đơn: AB/15T
 - Từ số: 0000100, Đến số: 0000149
- Cách thực hiện: Tại phân hệ **Quản lý hoá đơn**, chọn chức năng **Hủy hóa đơn** (hoặc trên tab **Hủy hóa đơn** chọn chức năng **Thêm**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:



Loại hóa đơn	Mẫu số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Từ số	Đến số	Số lượng
Hóa đơn GTGT	01GTKT3/001	AB/15T	0000100	0000149	50
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 1					

- Nhập các thông tin chung về việc huỷ hoá đơn như: Ngày huỷ hoá đơn, Cơ quan thuế được thông báo, Lý do huỷ, Phương thức huỷ, Quyết định huỷ, Biên bản huỷ.
- Chọn loại hoá đơn bị huỷ và nhập số hoá đơn bị huỷ.
- Sau khi khai báo xong nhấn <<Cắt>> để thông tin huỷ hoá đơn.
- Chọn <<In>> để in thông báo kết quả huỷ hoá đơn.

1.42.8.2 Lập thông báo mất, cháy, hỏng hóa đơn

- ▶ Nội dung: Cho phép khai báo hóa đơn bị mất, cháy, hỏng đồng thời lập báo cáo mất, cháy hỏng hóa đơn để nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp
- Đối với hình thức hóa đơn tự in thì chỉ có trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập.
- Đối với hóa đơn đặt in thì có thể báo mất hóa đơn đã lập hoặc chưa lập.
 - ▶ VD: Ngày 26/01/2015, công ty TNHH Bảo Ngọc liên hệ với doanh nghiệp và phản ánh bị mất hóa đơn của lô hàng mua ngày 21/01/2015. Công ty TNHH Bảo Ngọc lập yêu cầu gửi doanh nghiệp nhờ cấp lại bản sao hóa đơn. Chi tiết hóa đơn bị mất: Hóa đơn giá trị gia tăng, Mẫu số 01GTKT3/001, Ký hiệu AB/15T, Số hóa đơn: 0000059.
 - ▶ Cách thực hiện: Tại phân hệ **Quản lý hoá đơn**, chọn chức năng **Mất, cháy, hỏng hóa đơn** (hoặc trên tab **Mất, cháy, hỏng hóa đơn** chọn chức năng **Thêm**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

The screenshot shows the following data in the 'Báo cáo mất, cháy, hỏng hoá đơn' section:

Ngày	26/01/2017	Số	MHD00001
Cơ quan thuế	Chi cục thuế quận Cầu Giấy		
Trạng thái	Chưa nộp cho CQ thuế		

The 'Biên bản mất, cháy, hỏng hoá đơn' section contains:

Ngày	23/01/2017 15:06	Số	BEMCH0001
Về việc	Bị mất hoá đơn của lô hàng ngày 21/01/2017		
Tệp đính kèm	[...]		


The 'Bảng kê hoá đơn mất, cháy, hỏng' section shows a table with the following columns: Loại hoá đơn, Mẫu số hoá đơn, Ký hiệu hoá đơn, Từ số, Đến số, Số lượng, Liên hoá đơn. The table is currently empty, with a 'Số dòng = 0' at the bottom.

- NSD lần lượt nhập các thông tin chung về báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn: Ngày lập, Cơ quan thuế và thông tin về Biên bản mất, cháy, hỏng hoá đơn: Ngày, nội dung chi tiết...
- Nhập thông tin về các loại hóa đơn bị mất, cháy hỏng:
 - + Trường hợp hóa đơn bị mất, cháy hỏng là các hóa đơn đã lập, NSD nhấn <<**Chọn hóa đơn**>>. Tại màn hình Chọn hóa đơn, NSD chọn thời gian lập hóa đơn, loại hóa đơn, mẫu số hóa đơn và nhấn <<**Lấy dữ liệu**>>. Tích chọn hóa đơn báo mất, cháy, hỏng và nhấn <<**Đồng ý**>>.
 - + Trường hợp hóa đơn bị mất, cháy, hỏng là các hóa đơn chưa lập (áp dụng với trường hợp hóa đơn đặt in), NSD sẽ khai báo trực tiếp thông tin về hóa đơn bị mất, cháy, hỏng như: Loại hóa đơn, Mẫu số, Ký hiệu, Từ số, Đến số...
- Nhấn <<**Cất**>> để lưu báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn.
- Để in báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn, nhấn chọn <<**In**>> trên thanh công cụ.

1.42.8.3 Khai báo xóa hóa đơn

- ▶▶ Nội dung: Chức năng Xóa hóa đơn cho phép khai báo các hóa đơn đã lập trong các trường hợp hóa đơn bị sai một hoặc một số thông tin trên hóa đơn như tên địa chỉ người mua, sai đơn giá, thuế suất... cần phải xóa bỏ để lập hóa đơn mới. Hóa đơn bị ghi nhận là đã xóa bỏ thì vẫn được lưu dữ để đối chiếu.
- ▶▶ VD: Khai báo xóa hóa đơn sau
 - Ngày lập khai báo: 17/01/2015
 - Lý do xóa: Ghi sai thông tin hoá đơn
 - Hóa đơn GTGT, Mẫu số 01GTKT3/001, Ký hiệu AB/15T, số hóa đơn 0000002 ngày 17/01/2015. Bán 10 tủ lạnh TOSHIBA 110 lít cho công ty Tiến Đạt. Đơn giá chưa thuế: 6.250.000 VND/Cái, VAT 10%. Chưa thu tiền.

- Cách thực hiện: Tại phân hệ **Quản lý hoá đơn**, chọn chức năng **Xóa hóa đơn** (hoặc trên tab **Xóa hóa đơn** chọn chức năng **Thêm**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

- Nhập các thông tin trên Xóa hóa đơn: Ngày lập; lý do xóa hóa đơn
- Nhấn vào biểu tượng  tại mục Số hoá đơn để chọn hoá đơn bị xoá:

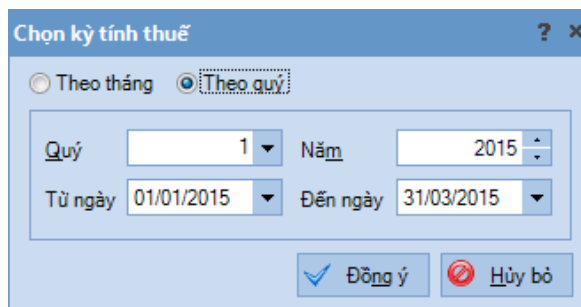
Loại hóa đơn	Mẫu số hóa đơn	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày hoá đơn	Đối tượng	Số tiền
Hóa đơn GTGT	01GTTK3/001	AB/15T	0000002	17/01/2015	Công ty TNHH Tiến Đạt	68.750.000
Hóa đơn GTGT	01GTTK3/001	AB/15T	0000001	16/01/2015	Công ty Cổ phần Hòa A...	45.100.000

Chương 4: Quản lý phát hành hoá đơn

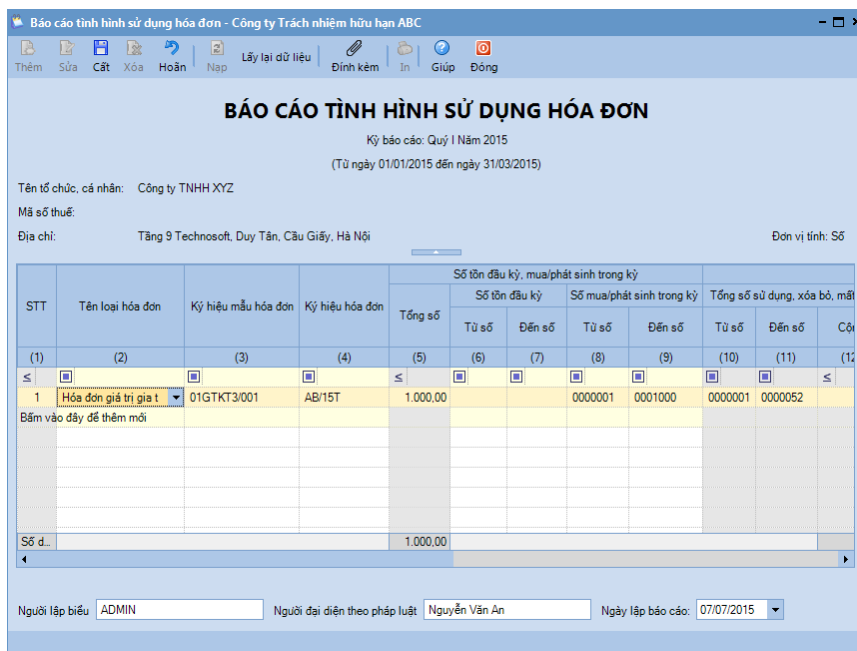
- Tại màn hình Chọn hóa đơn, NSD chọn thời gian lập hóa đơn, loại hóa đơn, mẫu số hóa đơn và nhấn <<Lấy dữ liệu>>. Kích chọn hóa đơn cần xóa bỏ, sau đó nhấn <<Đồng ý>>.
- Nhấn <<Cắt>> để lưu thông tin về hóa đơn được xóa bỏ.

1.42.8.4 Xem và in chứng từ, sổ sách báo cáo liên quan

Để xem và in Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo đúng mẫu của Thông tư 39/2014/TT-BTC, NSD chọn **Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn** trên phân hệ **Quản lý hoá đơn**:




- Chọn tham số báo cáo: thống kê theo tháng/theo quý, và khoảng thời gian cần thống kê, sau đó nhấn <<Đồng ý>>



STT	Tên loại hóa đơn	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số tiền đầu kỳ, mua/phát sinh trong kỳ							Tổng số sử dụng, xóa bỏ, mất	
				Tổng số	Số tiền đầu kỳ		Số mua/phát sinh trong kỳ		Tổng số sử dụng, xóa bỏ, mất		Cột	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	(12)	
1	Hóa đơn giá trị gia t	01GTKT3/001	AB/15T	1.000,00			0000001	0001000	0000001	0000052		
Số d...				1.000,00								

- Nhấn <<Cất>> để lưu báo cáo, sau đó chọn <<In>> để in báo cáo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÓA ĐƠN
Quý I Năm 2015

Mẫu: BC 26/AC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC
ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính)

Tên tổ chức (cá nhân): Công ty TNHH XYZ
Mã số thuế: _____
Địa chỉ: Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Đơn vị tính: Số

STT	Tên loại hóa đơn	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số tồn đầu kỳ, mua/phát hành trong kỳ						Số sử dụng, xóa bỏ, mất, hủy trong kỳ										Tồn cuối kỳ		
				Tổng số	Số tồn đầu kỳ		Số mua/phát hành trong kỳ		Tổng số sử dụng, xóa bỏ, mất, hủy			Trong đó				Tồn cuối kỳ						
					Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Cộng	Số lượng đã sử dụng	Xóa bỏ		Mất				Hủy			
													Số lượng	Số	Số	Số lượng	Số	Số lượng	Số	Từ số	Đến số	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Hóa đơn GTGT	01GTKT3.001	AB/15T	1.000			0000001	0001000	0000001	0000001	0000003	3	1	1	2			1	1-1	0000004	0001000	997

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ADMIN

.....Ngày 7 tháng 7 năm 2015
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn An

Câu hỏi ôn tập

1. Theo quy định tại nghị định 51/2010/NĐ - CP và thông tư 39/2014/TT-BTC thì các doanh nghiệp được lập các loại hóa đơn nào và theo các hình thức nào?
2. Quy trình thủ tục hành chính để các doanh nghiệp áp dụng hình thức hóa đơn tự in?
3. Doanh nghiệp tiến hành hủy hóa đơn trong các trường hợp nào? Hồ sơ hủy hóa đơn bao gồm những giấy tờ gì?

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hóa đơn như sau:

1. Ngày 01/01/2020 lập Quyết định áp dụng hóa đơn tự in:
 - Ngày áp dụng tự in: 01/01/2020
 - Ngày QĐ có hiệu lực: 01/01/2020
 - Loại hóa đơn: Hóa đơn GTGT
 - Mẫu số hóa đơn : 01GTKT3/001
 - Mục đích sử dụng: Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ
2. Thực hiện khởi tạo các mẫu hóa đơn sau:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng 3 liên
 - Mẫu số hóa đơn: 01GTKT3/001
 - Ký hiệu hóa đơn: AB/17T
 - Dựa trên mẫu: Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu tự in – 3 liên)
3. Ngày 02/01/2020 lập Thông báo phát hành hóa đơn:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng 3 liên: Mẫu số 01GTKT3/001, Ký hiệu: AB/17T.
 - Từ số 0000001 đến số 0000200.
 - Ngày bắt đầu sử dụng: 07/01/2020
4. Thực hiện lập một số hóa đơn ở phân hệ bán hàng.
5. Ngày 15/03/2020 lập thông báo mất, cháy, hỏng hóa đơn:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng 3 liên: Mẫu số 01GTKT3/001, Ký hiệu: AB/17T, số 0000005.
 - Ngày 28/03/2020 lập thông báo kết quả hủy hóa đơn do thay đổi mẫu:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng: Mẫu số 01GTKT3/001, Ký hiệu: AB/17T, Từ số 0000150 đến số 0000200.
6. Ngày 31/03/2020 thực hiện xem và in báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn tại doanh nghiệp.

CHƯƠNG 5

KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

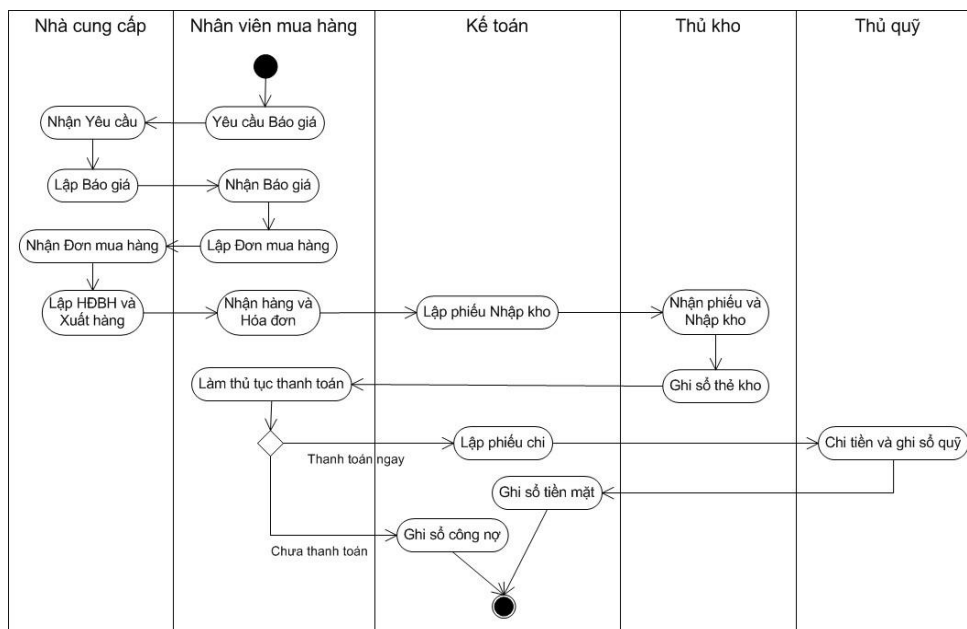
Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Nguyên tắc hạch toán
- Mô hình hoạt động mua hàng, công nợ phải trả
- Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng, công nợ phải trả
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nguyên tắc hạch toán

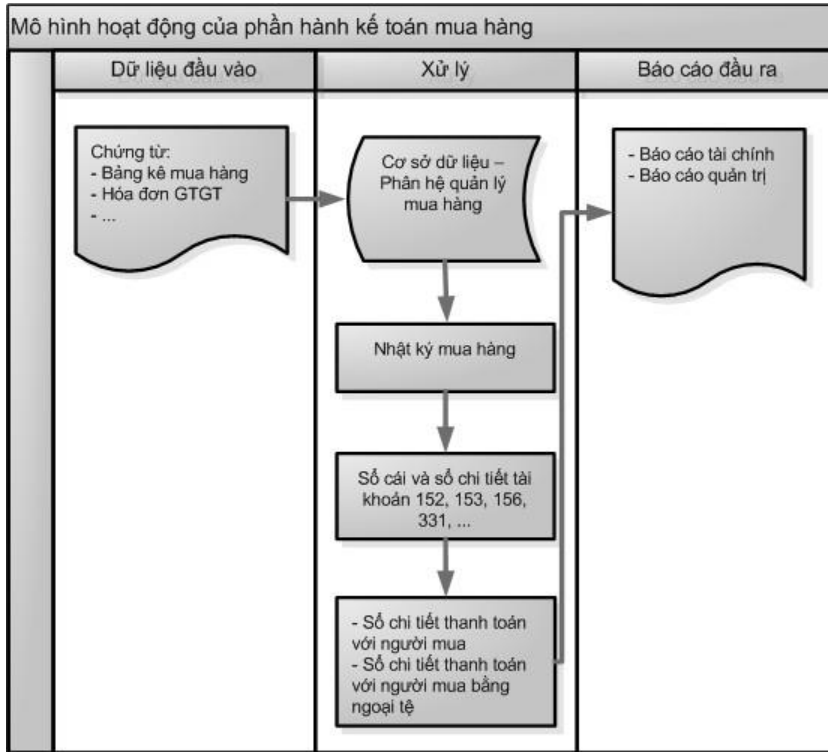
- Giá gốc của hàng hóa mua vào được tính theo nguồn nhập và phải theo dõi, phản ánh riêng biệt trị giá mua và chi phí thu mua hàng hóa.
- Chi phí thu mua hàng hóa trong kỳ được tính cho hàng hóa tiêu thụ trong kỳ và hàng hóa tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí thu mua hàng hóa tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.
- Kế toán chi tiết hàng hóa phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm hàng hóa.

Mô hình hóa hoạt động mua hàng và công nợ phải trả



Thực hành trên phần mềm kế toán

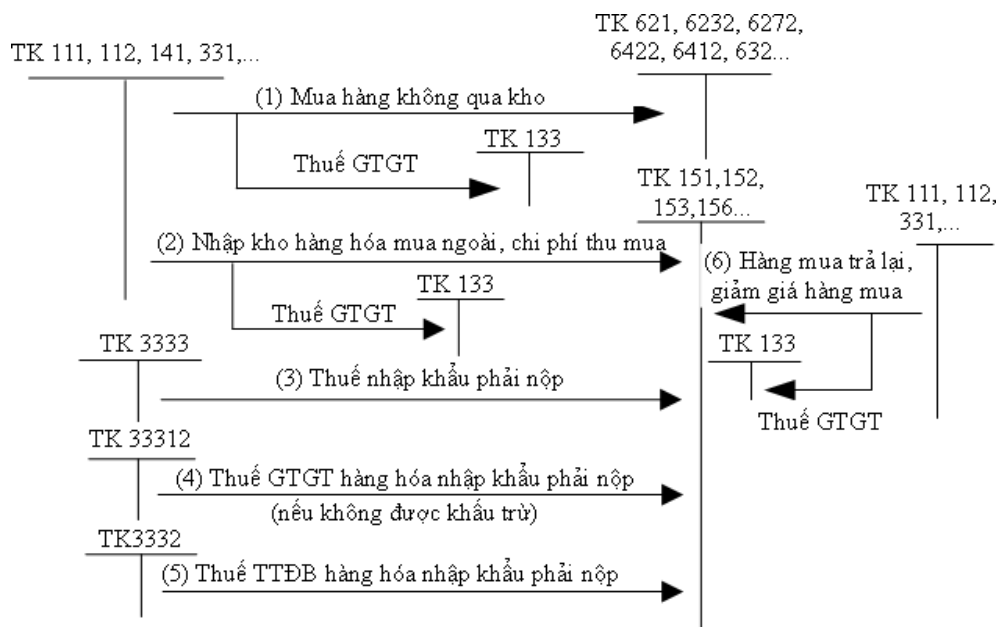
1.42.9 Quy trình xử lý trên phần mềm



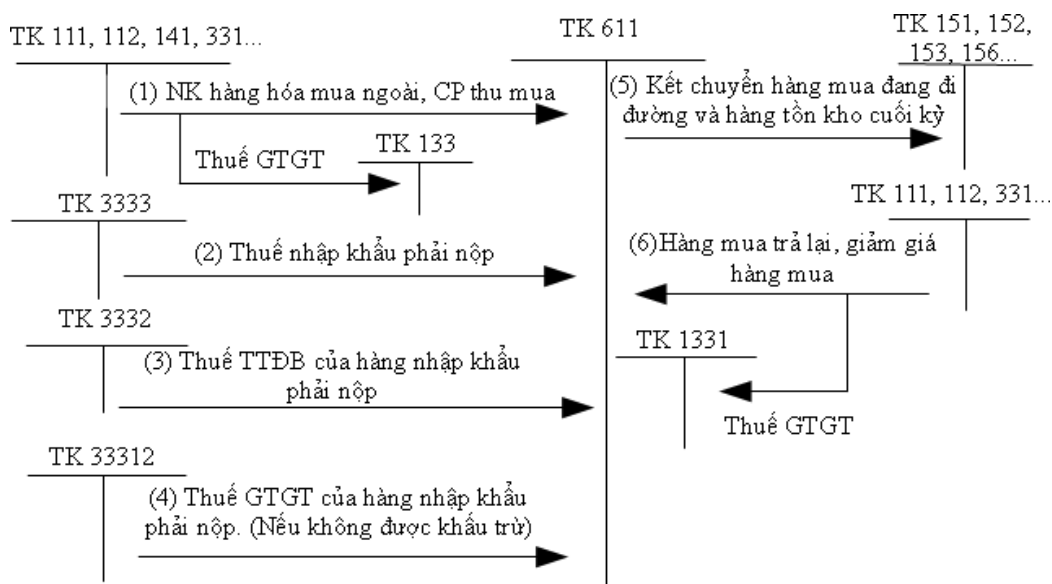
1.42.10 Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng và công nợ phải trả

1.42.10.1 Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng

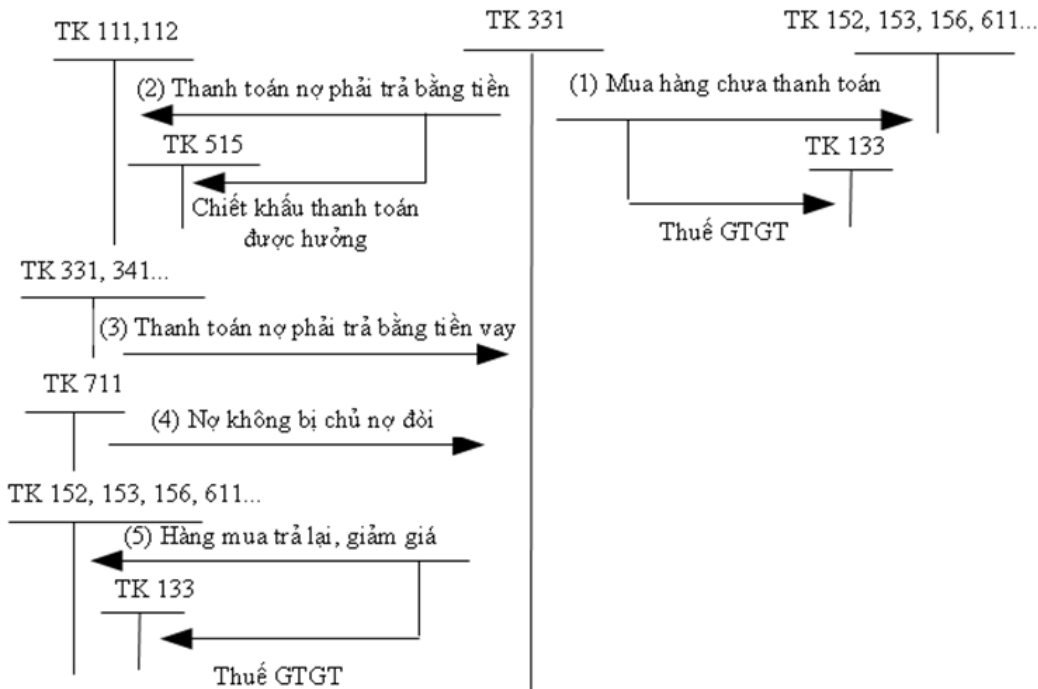
Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.42.10.2 Sơ đồ hạch toán kế toán công nợ phải trả



1.42.11 Hướng dẫn nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh




1.42.11.1 Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán mua hàng bao gồm:

- Hóa đơn GTGT do nhà cung cấp lập
- Bảng kê mua hàng do nhân viên lập
- Phiếu nhập kho
- Các chứng từ phản ánh thanh toán công nợ

Một số mẫu chứng từ điển hình:

►► Bảng kê mua hàng

Đơn vị: Công ty TNHH ABC Bộ phận: Phòng kế toán		Mẫu số: 06-VT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ trưởng BTC)				
BẢNG KÊ MUA HÀNG Ngày 02 tháng 03 năm 2010			Quyển số: 02 Số: BKMH 102/2010			
- Họ tên người mua: Đỗ Thị Xuân		Nợ: 153				
- Bộ phận (Phòng, ban): Phòng Kế toán		Có: 111				
STT	Tên, quy cách, phẩm chất hàng hóa (vật tư, công cụ...)	Tên người bán hoặc địa chỉ mua hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Bàn vi tính	Cửa hàng Hoàng Thanh	Chiếc	10	500.000	5.000.000
2	Ghế làm việc	Cửa hàng Hoàng Thanh	Chiếc	10	300.000	3.000.000
	Cộng	x	x	x	x	8.000.000
Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu đồng chẵn						
* Ghi chú:						
Người mua (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Người duyệt mua (Ký, họ tên)		
 Đỗ Thị Xuân		 Hoàng Thị Thanh Tú		 Nguyễn Hải Yến		

► Hóa đơn GTGT do nhà cung cấp lập

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 25 Tháng 02 Năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AB/11T
Số: 0000005

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ABC
Mã số thuế:
Địa chỉ: 218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Số tài khoản:
Điện thoại: 04-762 7891
Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty TNHH XYZ
Mã số thuế:
Địa chỉ: 1756 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Điện thoại SAMSUNG E8		6,00	6.000.000,00	36.000.000
2	Điện thoại NOKIA N6		5,00	6.200.000,00	31.000.000
Cộng tiền hàng:					67.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		6.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					73.700.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In bởi Phần mềm MISA LAWEE.NET 2012 - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn)

1.42.11.2 Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

Kế toán mua hàng

Khi phát sinh yêu cầu cần mua hàng, doanh nghiệp vị có thể thực hiện đặt hàng nhà cung cấp bằng cách lập Đơn mua hàng và gửi đến nhà cung cấp. Đơn mua hàng có thể được lập và in ra ngay trên phần mềm kế toán

MISA SME.NET. Đồng thời, NSD cũng dễ dàng quản lý được danh sách các Đơn mua hàng đã lập.

- ▶ **Lập Đơn mua hàng:** Khi phát sinh yêu cầu cần mua hàng, đơn vị có thể thực hiện đặt hàng nhà cung cấp bằng cách lập Đơn mua hàng và gửi đến nhà cung cấp.

VD: Ngày 05/01/2015, đặt hàng công ty Hà Thành: 10 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 4.200.000 VND và 15 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.000.000 VND, thuế GTGT 10%.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ Mua hàng, chọn chức năng Đơn mua hàng (hoặc trên tab Đơn mua hàng chọn chức năng Thêm), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Số lượng nhận	Đơn giá	Thành tiền	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	10,00	0,00	4.200.000,00	42.000.000	10%	4.200.000
ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9	Chiếc	15,00	0,00	4.000.000,00	60.000.000	10%	6.000.000
Số dòng = 2			25,00	0,00		102.000.000		10.200.000
Tổng tiền hàng						102.000.000		10.200.000
Tiền chiết khấu					0			
						Tổng tiền thanh toán		112.200.000

- **Nhà cung cấp:** Chọn mã nhà cung cấp tương ứng với công ty Hà Thành, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- **Diễn giải:** Đặt mua hàng.
- **Ngày đặt hàng:** 05/01/2015

- Chọn mã hàng tương ứng với điện thoại NOKIA N7 và SAMSUNG D9, phần mềm tự động hiển thị các thông tin tương ứng
- NSD nhập số lượng và đơn giá tương ứng.
- Nhấn <<Cất>> để lưu đơn mua hàng vừa nhập.

▶▶ Nghiệp vụ 1: Mua hàng không qua kho.

VD: Ngày 12/01/2015 mua 10 cuộn chỉ khâu của công ty Hồng Hà sử dụng trực tiếp cho sản xuất ở phân xưởng 1. Đơn giá chưa thuế: 50.000VND, VAT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0012745, ký hiệu AB/15P. Chưa thanh toán.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Chứng từ mua hàng hoá** (hoặc trên tab **Mua hàng hoá, dịch vụ** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ mua hàng hoá**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ mua hàng là “*Mua hàng trong nước không qua kho*”.
- Hiển thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Chưa thanh toán*”.
- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp tương ứng với công ty Hồng Hà, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan..
- Ngày chứng từ: 12/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Tab Hàng tiền: Chọn mã hàng tương ứng là Chỉ, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan. Nhập số lượng: 10 và đơn giá: 50.000 VND

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Mua hàng trong nước không qua kho chưa thanh toán - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi sổ Nhận HĐ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ mua hàng

2. Mua hàng trong nước không qua kho Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

Chứng thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ Hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HONG HA Công ty TNHH Hồng Hà

Diễn giải: Mua chỉ dùng cho phân xưởng sản xuất

NV mua hàng: Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 12/01/2015

Ngày chứng từ: 12/01/2015

Số chứng từ: MH00001

Điều khoản TT: Số ngày được nợ (ngày) Hạn thanh toán

1. Hàng tiền										Loại tiền VND		Tỷ giá 1,00	
Mã hàng	Tên hàng	TK chi phí	TK công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền						
CHI	Chi khâu 500m	621	331	Cuốn	10,00	50.000,00	500.000						
Bấm vào đây để thêm mới													
Số dòng = 1					10,00		500.000						
Phân bổ chiết khấu...							Tổng tiền hàng	500.000	Tiền thuế GTGT	50.000			
							Tiền chiết khấu	0	Tổng tiền thanh toán	550.000			

- Tab **Thuế**: nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế và chọn Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1

Mua hàng trong nước không qua kho chưa thanh toán - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi sổ Nhận HĐ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ mua hàng

2. Mua hàng trong nước không qua kho Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

Chứng thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ Hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HONG HA Công ty TNHH Hồng Hà

Địa chỉ: 9241 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội

Mã số thuế: Tham chiếu

Hóa đơn

Mẫu số HĐ: 01GKT3/001

Ký hiệu HĐ: AB/15P

Số hóa đơn: 0012745

Ngày hóa đơn: 12/01/2015

Điều khoản TT: Số ngày được nợ (ngày) Hạn thanh toán

1. Hàng tiền										Loại tiền VND		Tỷ giá 1,00	
Mã hàng	Tên hàng	Diễn giải thuế	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHDV mua v							
CHI	Chi khâu 500m	Thuế giá trị gia tăng	10%	50.000	1331	1							
Bấm vào đây để thêm mới													
Số dòng = 1					50.000								
Phân bổ chiết khấu...							Tổng tiền hàng	500.000	Tiền thuế GTGT	50.000			
							Tiền chiết khấu	0	Tổng tiền thanh toán	550.000			

- Tab **Thông kê**: chọn đối tượng tập hợp chi phí tương ứng với Phân xưởng 1.
- Nhấn <<**Cất**>> để lưu chứng từ mua hàng vừa nhập.

*Với chứng từ mua hàng trong nước đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp, khi khai báo NSD sẽ tích chọn thông tin **Nhận kèm hoá đơn** và khai báo thêm thông tin về mẫu số, số hoá đơn và ký hiệu hoá đơn trên tab **Hoá đơn**.*

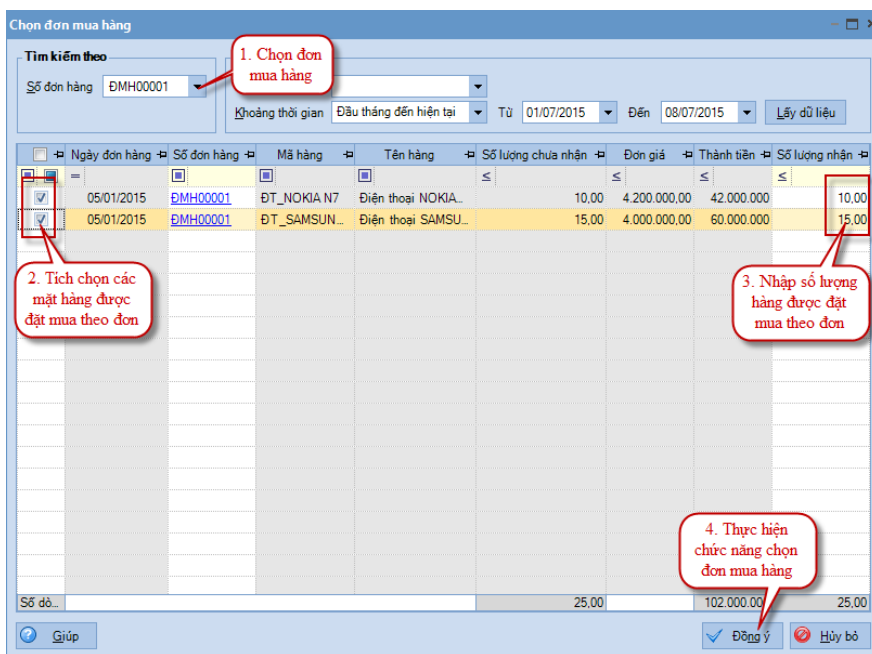
►► **Nghiệp vụ 2: Mua hàng về nhập kho.**

VD: Ngày 16/01/2015 mua hàng của công ty Hà Thành theo đơn đặt hàng ngày 05/01/2015: 10 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 4.200.000 VND và 15 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.000.000 VND. VAT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 số 0067850, ký hiệu hóa đơn AA/15T. Thanh toán bằng tiền mặt.

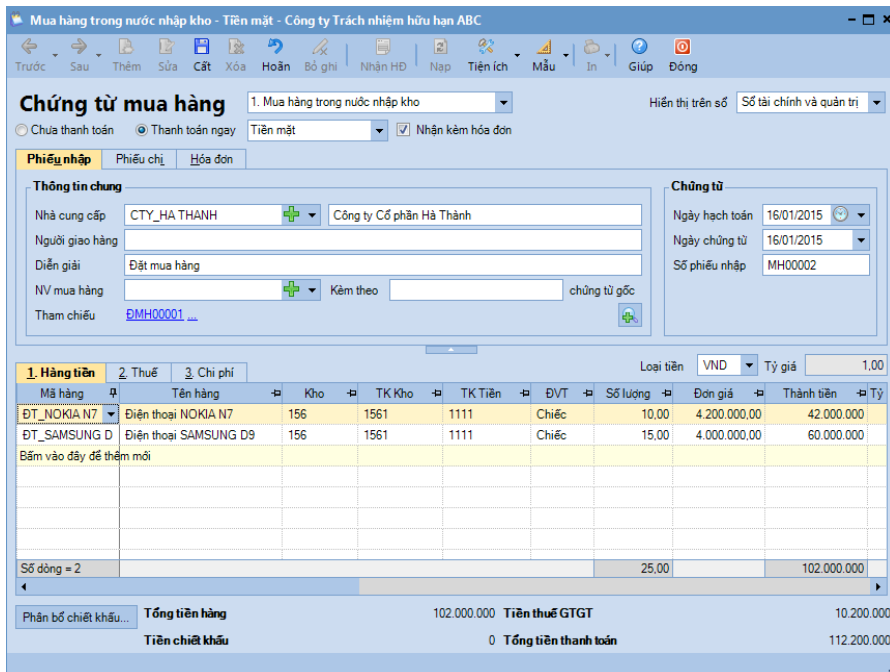
NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Chứng từ mua hàng hoá** (hoặc trên tab **Mua hàng hoá, dịch vụ** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ mua hàng hoá**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ mua hàng là “*Mua hàng trong nước nhập kho*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Thanh toán ngay\Tiền mặt*”.
- Chọn chức năng **Tiện ích\Lập từ Đơn mua hàng** trên thanh công cụ:

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả



- Sau khi chọn xong đơn mua hàng, hệ thống sẽ tự động lấy thông tin sang chứng từ mua hàng:



- Ngày chứng từ: 12/01/2015

- Trường hợp hàng về kèm hoá đơn, NSD tích chọn thông tin **Nhận kèm hoá đơn**, sau đó khai báo các thông tin về hoá đơn trên tab **Hoá đơn** như: mẫu số 01GTKT3/001 số 0067850, ký hiệu hóa đơn AA/15T
- Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ mua hàng vừa nhập.

▶ Đối với các nghiệp vụ mua hàng có phát sinh chi phí thu mua:

VD: Trường hợp ví dụ ở nghiệp vụ 2 phát sinh thêm chi phí vận chuyển là 2.200.000 VND (VAT 10%), theo hóa đơn GTGT mẫu số 01/GTKT3/001, ký hiệu AA/15P, số 0012345. Đã thanh toán cho công ty Hà Thành bằng tiền mặt. Giả sử công ty phân bổ chi chi phí mua hàng theo số lượng.

NSD tiến hành nhập liệu theo các bước sau:

- Lập chứng từ hạch toán chi phí vận chuyển của công ty Hà Thành => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Chứng từ mua dịch vụ** (hoặc trên tab **Mua hàng hoá, dịch vụ** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ mua dịch vụ**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Chứng từ mua dịch vụ

Hiện thị trên sổ: Số tài chính và quản trị

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Là chi phí mua hàng

Phiếu chi

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HÀ THANH Công ty Cổ phần Hà Thành

Người nhận:

Địa chỉ: 1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Lý do chi: Chi tiền mua hàng

NV mua hàng: Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 16/01/2015

Ngày ghi sổ: 16/01/2015

Số chứng từ: PC00005

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK chi phí/TK kho	TK tiền	Đối tượng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
CPMH	Chi phí mua hàng	1561	1111	CTY_HÀ THANH		1,00	2.000.000,00	2.000.000,00
Bấm vào đây để thêm mới								
Số dòng = 1						1,00		2.000.000,00

Phân bổ chiết khấu...

Tiền dịch vụ	2.000.000	Tiền thuế GTGT	200.000
Tiền chiết khấu	0	Tổng tiền thanh toán	2.200.000

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
 - Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Thanh toán ngay\Tiền mặt*”.
 - Do chứng từ mua dịch vụ hạch toán chi phí mua hàng, nên NSD tích chọn “*Là chi phí mua hàng*”.
 - Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp tương ứng với công ty Hà Thành, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
 - Ngày chứng từ: 16/01/2015
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - Tab Hàng tiền: Chọn mã dịch vụ đã được khai báo trên danh mục vật tư, hàng hoá, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan. Nhập đơn giá: 2.000.000 VND
 - Tab Hoá đơn: Khai báo các thông tin về hoá đơn như: mẫu số 01GTKT3/001 số 0067850, ký hiệu hóa đơn AA/15T
 - Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ mua dịch vụ vừa lập.
- Phân bổ chi phí mua hàng vào chứng từ mua hàng hoá => Mở chứng từ mua hàng hoá, dịch vụ đã được lập ở nghiệp vụ 2. Nhấn <<Sửa>>, sau đó thực hiện theo hướng dẫn sau:
 - Trên tab **Chi phí**, nhấn <<Chọn>>:

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Chọn chứng từ chi phí

Nhà cung cấp: CTY_HA THANH | Công ty Cổ phần Hà Thành

Khoảng thời gian: Tháng 1 | Từ ngày: 01/01/2015 | Đến ngày: 31/01/2015 | Lấy dữ liệu

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Nhà cung cấp	Tổng chi phí	Số phân bổ lần này
16/01/2015	16/01/2015	PC00005	Chi tiền mua hàng	Công ty Cổ phần Hà Thành	2.000.000	2.000.000

Số dư: 2.000.000

Giúp | Đồng ý | Hủy bỏ

1. Chọn đơn nhà cung cấp

2. Chọn thời gian để tìm kiếm chứng từ

3. Tìm kiếm chứng từ

4. Tích chọn chứng từ hạch toán chi phí mua hàng

5. Nhập số tiền chi phí được phân bổ cho chứng từ mua hàng

6. Thực hiện chức năng chọn chứng từ

- Sau khi chọn xong chứng từ mua dịch vụ, NSD nhấn <<**Phân bổ**>>:

Phân bổ chi phí mua hàng

Tổng chi phí mua hàng: 2.000.000,0000 | Phương thức phân bổ: Tỷ lệ % theo số lượng | Phân bổ

Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Thành tiền	Tỷ lệ phân bổ	Chi phí mua hàng
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	10,00	42.000.000	40,0000000000	800.000
ĐT_SAMSUNG...	Điện thoại SAMSUNG D9	15,00	60.000.000	60,0000000000	1.200.000

Số dòng = 2 | 25,00 | 102.000.000 | 100,0000000000 | 2.000.000

Đồng ý | Hủy bỏ

1. Chọn phương thức phân bổ

2. Thực hiện phân bổ chi phí mua hàng theo số lượng hàng được mua

- Nhấn <<**Đồng ý**>>, thông tin phân bổ sẽ được tự động lấy ra chứng từ mua hàng:

Chứng từ mua hàng 1. Mua hàng trong nước nhập kho

Hiện thị tiền số: Số tài chính và quản trị

Chưa thanh toán Thanh toán ngay

Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn **ĐĂNG NHẬP HÓA ĐƠN**

Phiếu nhập | Phiếu chi | **Hóa đơn**

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HA THANH | Công ty Cổ phần Hà Thành

Địa chỉ: 1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Mã số thuế: | Tham chiếu: DMH00001

Hóa đơn

Mẫu số HD: 01GTRKT3/001

Ký hiệu HD: AA/15T

Số hóa đơn: 0067850

Ngày hóa đơn: 16/01/2015

Mã hàng	TK Tiền	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)	Tiền chiết khấu	Chi phí mua hàng
ĐT_NOKIA N7	1111	Chiếc	10,00	4.200.000,00	42.000.000	0,00	0	800.000
ĐT_SAMSUNG D	1111	Chiếc	15,00	4.000.000,00	60.000.000	0,00	0	1.200.000
Bấm vào đây để thêm mới								
Số đóng = 2			25,00		102.000.000		0	2.000.000

Phân bổ chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 102.000.000 **Tiền thuế GTGT** 10.200.000

Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 112.200.000

- Nhấn <<Cắt>> để lưu thông tin chi phí mua hàng vừa được khai báo bổ sung trên chứng từ mua hàng hoá, dịch vụ.

►► Nghiệp vụ 3, 4, 5: Mua hàng hóa nhập khẩu, chịu thuế TTĐB

VD: Ngày 20/01/2015, nhập khẩu hàng của công ty FUJI (chưa thanh toán tiền): 4000 lit Bia, Đơn giá chưa thuế: 1 USD/lit. Thuế nhập khẩu: 30%, thuế TTĐB: 45%, thuế GTGT: 10% theo tờ khai hải quan số 4590 ngày 20/01/2015. Tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng ngày 20/01/2015 là 20.700 VND/USD (Doanh nghiệp chưa nộp thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT theo tờ khai hải quan. Giá hải quan áp để tính thuế bằng với giá của hàng hóa doanh nghiệp đã khai trên tờ khai hải quan).

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Chứng từ mua hàng hoá** (hoặc trên tab **Mua hàng hoá, dịch vụ** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ mua hàng hoá**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ mua hàng là “*Mua hàng nhập khẩu nhập kho*”.

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “Chưa thanh toán”.
- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp tương ứng với công ty FUJI, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan..
- Ngày chứng từ: 20/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: USD và nhập tỷ giá là 20.700 VND
- Tab Hàng tiền: Chọn mã hàng tương ứng là Bia, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan. Nhập số lượng: 4.000 và đơn giá: 1 USD => phần mềm tự động tính ra thành tiền và tiền quy đổi.

Chứng từ mua hàng 3. Mua hàng nhập khẩu nhập kho Hiển thị trên sổ Số tài chính và quản trị

Chứng thanh toán Thanh toán ngay

Phiếu nhập

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_FUJI Công ty FUJI

Người giao hàng:

Điểm giải: Mua hàng nhập khẩu

NV mua hàng: chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 20/01/2015

Ngày chứng từ: 20/01/2015

Số phiếu nhập: MH00003

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

Loại tiền: USD Tỷ giá: 20.700,00

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK kho	TK công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền quy đổi
BIA	Bia hơi	156	1561	331	Lit	4.000,00	1,00	4.000,00	82.800.000
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 1						4.000,00		4.000,00	82.800.000
Tổng tiền hàng						4.000,00		82.800.000	Thuế NK 24.840.000
Tiền chiết khấu						0,00		0	Thuế TTĐB 48.438.000
Tổng tiền thanh toán						4.000,00		82.800.000	Tiền thuế GTGT 15.607.800

- Tab **Thuế**: nhập các thông tin về thuế gồm:
 - Nhập % thuế NK: 30%, phần mềm tự tính ra số tiền thuế tương ứng.
 - Nhập % thuế TTĐB: 45%, phần mềm tự tính ra số tiền thuế tương ứng

- Nhập % thuế GTGT: 10%, phần mềm tự tính ra số tiền thuế tương ứng => đồng thời
- TK đối ứng thuế GTGT: 1388 (Nếu doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu thì TK đối ứng là 1331)

- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ mua hàng vừa nhập.

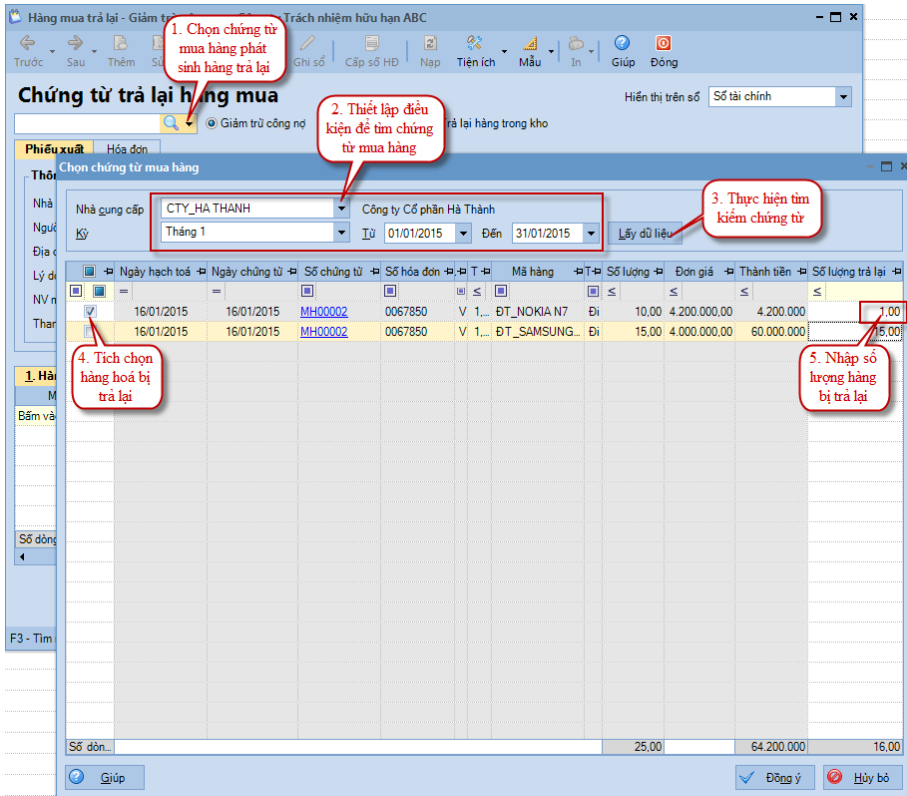
▶▶ Nghiệp vụ 6: Lập chứng từ hàng mua trả lại, giảm giá.

VD: Ngày 17/01/2015 trả lại 01 điện thoại Nokia N7 do có hư hỏng nặng mua ngày 16/01/2015 của công ty Hà Thành, theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 số 0000003, ký hiệu hóa đơn AB/15T ngày 17/01/2015.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Trả lại hàng mua** (hoặc trên tab **Trả lại hàng mua** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Hiện thị trên số: Chọn chế độ số kế toán làm việc.
- Lựa chọn phương thức giảm trừ cho chứng từ trả lại hàng là “Thu tiền mặt”.

- Tích chọn *Trả lại hàng trong kho*:
- Chọn chứng từ mua hàng có phát sinh hàng mua bị trả lại:



- Nhấn <<**Đồng ý**>>, thông tin hàng bị trả lại sẽ được tự động lấy lên chứng từ trả lại hàng mua:
- Ngày chứng từ: 17/01/2015

Chứng từ trả lại hàng mua

Hiện thị trên số: Số tài chính

Nhập số CT mua hàng: Giảm trừ công nợ Thu tiền mặt Trả lại hàng trong kho

Phiếu xuất | Phiếu thu | Hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp: CTY_HA THANH | Công ty Cổ phần Hà Thành

Người nhận hàng:

Địa chỉ: 1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Lý do xuất:

NV mua hàng: | Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu: MH00002 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 17/01/2015

Ngày ghi sổ: 17/01/2015

Số phiếu xuất: XK0119.001

1. Hàng tiền | 2. Khác

Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1,00

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK tiền	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	156	1111	1561	Chiếc	1,00	4.200.000,00	4.200.000
Bấm vào đây để thêm mới								
Số dòng = 1						1,00		4.200.000
Tổng tiền hàng						4.200.000		
Tiền thuế GTGT						420.000		
Tổng tiền thanh toán							4.620.000	

- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ trả lại hàng mua vừa lập.
- Chọn chức năng **Cấp số hoá đơn** trên thanh công cụ:

Cấp số hóa đơn

Đã cấp đến số hóa đơn <0000002>, cấp đến ngày 17/01/2015.

Thông tin hóa đơn

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu HĐ: AB/15T

Số hoá đơn: 0000003

Ngày hoá đơn: 17/01/2015

- Nhấn <<Đồng ý>>, thông tin hoá đơn sẽ được tự động cập nhật lên tab Hoá đơn của chứng từ trả lại hàng mua vừa lập.

Hàng mua trả lại - Tiền mặt - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Cấp số HĐ Nạp Tiễn ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ trả lại hàng mua Hiện thị trên số Số tài chính

Nhập số CT mua hàng Giảm trừ công nợ Thu tiền mặt Trả lại hàng trong kho **ĐÃ CẤP SỐ HÓA ĐƠN**

Phiếu xuất Phiếu thu **Hóa đơn**

Thông tin chung

Nhà cung cấp CTY_HA THANH Công ty Cổ phần Hà Thành

Địa chỉ 1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Mã số thuế TK ngân hàng

Hình thức TT TM/CK

Tram chiếu XK0119.001 ...

Hóa đơn

Mẫu số HĐ 01GTKT3/001

Ký hiệu HĐ AB/15T

Số hóa đơn 0000003

Ngày hóa đơn 17/01/2015

1. Hàng tiền 2. Khác Loại tiền VND Tỷ giá 1,00

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK tiền	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	156	1111	1561	Chiếc	1,00	4.200.000,00	4.200.000
Số dòng = 1						1,00		4.200.000
Tổng tiền hàng								4.200.000
Tiền thuế GTGT								420.000
Tổng tiền thanh toán								4.620.000

Kế toán công nợ phải trả

Đối với nghiệp vụ trả tiền cho nhà cung cấp, NSD có thể thực hiện trên phân hệ Quỹ, Ngân hàng hoặc Mua hàng. Tuy nhiên, để thuận tiện cho công tác theo dõi, quản lý chi tiết công nợ theo từng hóa đơn NSD nên hạch toán các nghiệp vụ này tại mục **Trả tiền nhà cung cấp**, phân hệ **Mua hàng**

►► Nghiệp vụ 1: Thanh toán nợ phải trả.

VD: Ngày 26/01/2015 thanh toán nợ của công ty Hồng Hà cho hàng mua ngày 12/01/2015 bằng séc chuyển khoản của Ngân hàng BIDV.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Trả tiền nhà cung cấp** (hoặc vào **Nghiệp vụ\Mua hàng\Trả tiền nhà cung cấp**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Trả tiền nhà cung cấp

Phương thức thanh toán: Séc chuyển khoản | Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1,00

Nhà cung cấp: CTY_HONG HA | Ngày trả tiền: 26/01/2015 | NV mua hàng: | Lấy dữ liệu

Số tiền: 550.000

Chứng từ công nợ

Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Hạn thanh toán	Tổng nợ	Số còn nợ	Số trả	TK p
12/01/2015	MH00001	0012745	=	550.000	550.000	550.000	331
				550.000	550.000	550.000	

Giúp | Trả tiền | Hủy bỏ

- Phương thức thanh toán: Chọn là Séc chuyển khoản
- Chọn loại tiền thanh toán: VND
- Nhà cung cấp: Chọn nhà cung cấp là công ty Hồng Hà
- Ngày trả tiền: 26/01/2015
- Nhấn <<Lấy dữ liệu>>, hệ thống sẽ tự động liệt kê các chứng từ mua hàng chưa thanh toán đối với công ty Hồng Hà trên tab **Chứng từ công nợ**.
- Tích chọn chứng từ mua hàng cần trả tiền và nhập số tiền 550.000 VND vào cột Số trả.
- Nhấn <<Trả tiền>>, hệ thống tự động sinh chứng từ Séc chuyển khoản trả tiền nhà cung cấp:

Séc chuyển khoản trả tiền nhà cung cấp

Thông tin chung

Tài khoản chi: 05401111970032 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Nội dung TT: Trả tiền nhà cung cấp

Nhà cung cấp: CTY_HONG HA Công ty TNHH Hồng Hà

Địa chỉ: 9241 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội

Tài khoản nhận: 012548663778 Ngân hàng MB Bank

Nhân viên: Tham chiếu: MH00001

Chương tử

Ngày hạch toán: 26/01/2015

Ngày ghi sổ: 26/01/2015

Số chứng từ: SCK00001

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đơn vị	Công trình
Trả tiền nhà cung cấp	331	1121	550.000			
Số đồng = 1			550.000			

- Tài khoản chi: Chọn tài khoản của Ngân hàng BIDV
- Tài khoản nhận: Nhập tài khoản của nhà cung cấp tại MB Bank.
- Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ trả tiền nhà cung cấp vừa lập.

*Để tìm lại chứng từ trả tiền nhà cung cấp đã lập, NSD chọn sang tab **Thu, chi tiền** của phân hệ **Quỹ** hoặc **Ngân hàng** tùy thuộc vào phương thức thanh toán đã chọn.*

►► Các nghiệp vụ khác thực hiện tương tự.

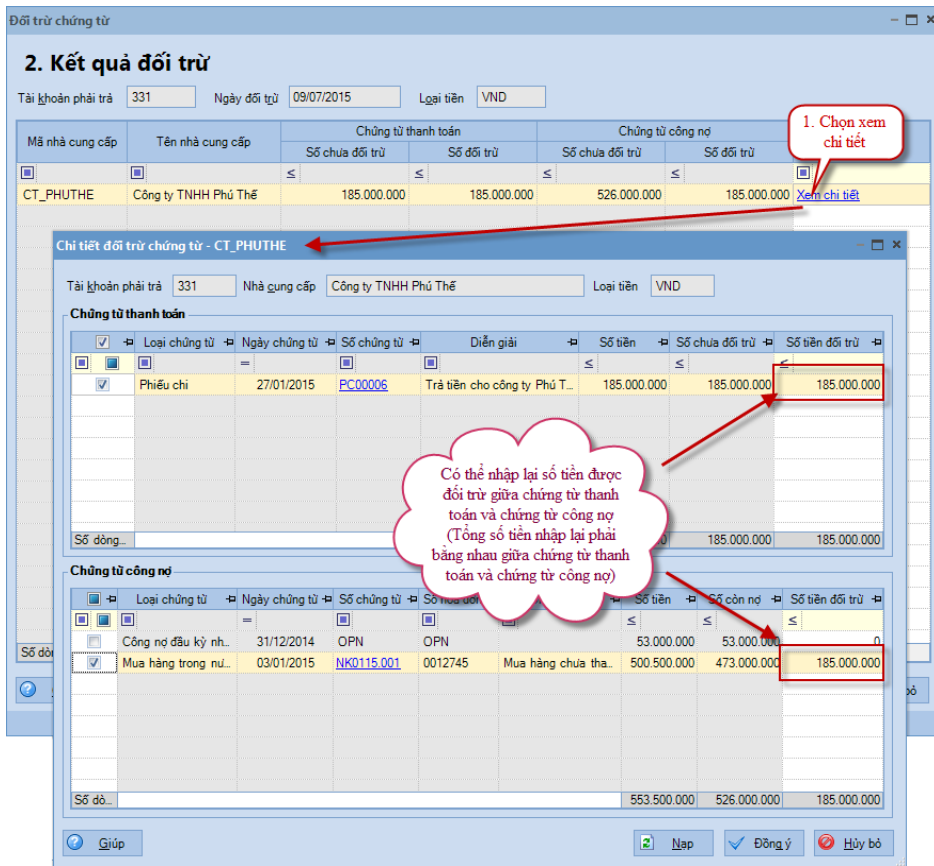
1.42.11.3 Đối trừ chứng từ

Trong quá trình hạch toán, phát sinh nghĩa vụ trả tiền nhà cung cấp, kế toán lập Phiếu chi hoặc Séc, Ủy nhiệm chi nhưng không theo dõi chi tiết trả cho hóa đơn nào. Tuy nhiên vào một thời điểm bất kỳ sau đó (hoặc đến cuối kỳ), kế toán lại có nhu cầu theo dõi chi tiết công nợ theo hóa đơn. Để đáp ứng được nhu cầu này, trong phần mềm kế toán MISA SME.NET có tính năng đối trừ công nợ cho các chứng từ mua hàng và chứng từ thanh toán.

- Tại phân hệ **Mua hàng**, NSD chọn chức năng **Đổi trừ chứng từ**(hoặc vào **Nghiệp vụ\Mua hàng\Đổi trừ chứng từ**):
- TK phải trả: TK 331 (phần mềm tự mặc định sẵn).
- Chọn ngày đổi trừ và loại tiền sau đó nhấn <<**Lấy dữ liệu**>>:

Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Mã số thuế	Địa chỉ	Số thanh toán chưa đổi trừ	Số công nợ chưa đổi trừ
CT_PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thế		Số 86, Nguyễn Trãi, Hà Nội	185.000.000	526.000.000
Số đóng				185.000.000	526.000.000

- NSD tích chọn nhà cung cấp sẽ được đổi trừ chứng từ (VD: Công ty Phú Thế), sau đó nhấn <<**Thực hiện**>>, hệ thống đã tự động thiết lập các chứng từ sẽ được chứng từ theo trật tự chứng từ nào phát sinh trước thì đổi trừ trước. Trường hợp muốn thay đổi lại chứng từ sẽ được đổi trừ, NSD nhấn chọn chức năng **Xem chi tiết**:



- Sau khi sửa đổi lại chứng từ đối trừ, NSD nhấn <<**Đồng ý**>>:
- Tại màn hình Kết quả đối trừ, nhấn <<**Hoàn thành**>> để hoàn thành chức năng đối trừ chứng từ.

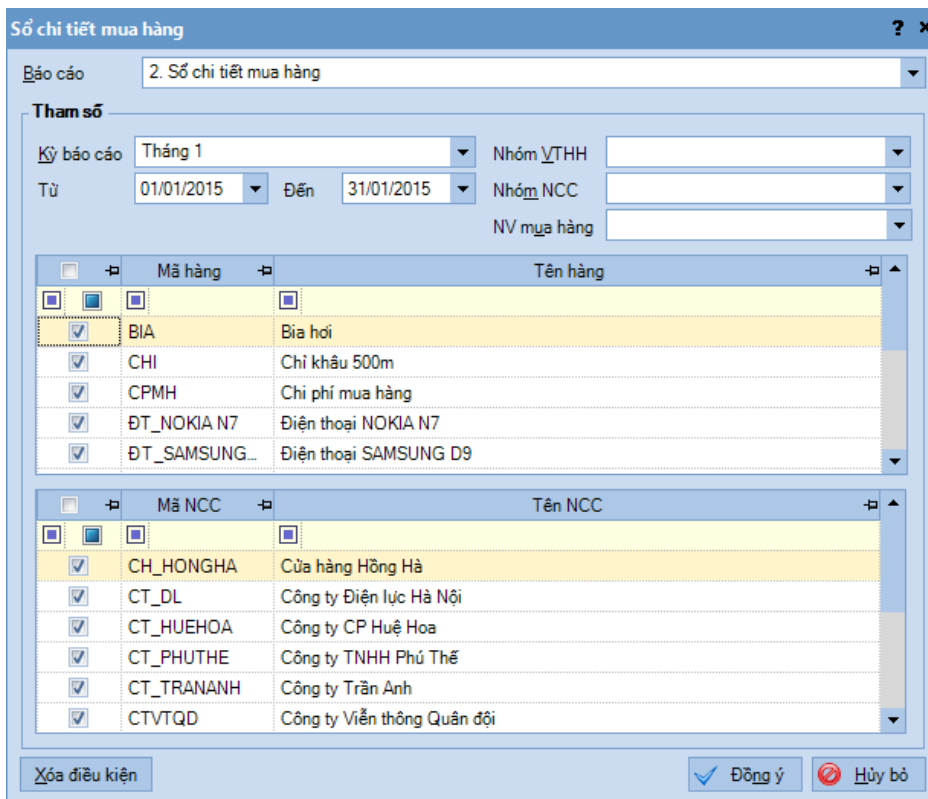
*Để xóa bỏ việc đối trừ giữa các chứng từ thành toán và chứng từ công nợ của nhà cung cấp đã được lập trước đó, NSD sẽ chọn chức năng **Bỏ đối trừ** trên phân hệ **Mua hàng**.*

1.42.12 Xem và in báo cáo liên quan đến mua hàng và công nợ phải trả

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ mua hàng và công nợ phải trả, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo mua hàng và công nợ.

►► Sổ chi tiết mua hàng

- Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Mua hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Sổ chi tiết mua hàng**, sau đó khai báo các tham số báo cáo như: khoảng thời gian, nhóm VTHH, Nhóm NCC, NV mua hàng, mặt hàng, nhà cung cấp:



Sổ chi tiết mua hàng

Báo cáo: 2. Sổ chi tiết mua hàng

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 | Nhóm VTHH: | Từ: 01/01/2015 | Đến: 31/01/2015 | Nhóm NCC: | NV mua hàng: |

Mã hàng	Tên hàng
<input checked="" type="checkbox"/>	BIA Bia hơi
<input checked="" type="checkbox"/>	CHI Chi khâu 500m
<input checked="" type="checkbox"/>	CPMH Chi phí mua hàng
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_NOKIA N7 Điện thoại NOKIA N7
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_SAMSUNG... Điện thoại SAMSUNG D9

Mã NCC	Tên NCC
<input checked="" type="checkbox"/>	CH_HONGHA Cửa hàng Hồng Hà
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_DL Công ty Điện lực Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_HUEHOA Công ty CP Huệ Hoa
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_PHUTHE Công ty TNHH Phú Thế
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TRANANH Công ty Trần Anh
<input checked="" type="checkbox"/>	CTVTQD Công ty Viễn thông Quân đội

Xóa điều kiện | Đồng ý | Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Chọn báo cáo...

SỔ CHI TIẾT MUA HÀNG

Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Mã hàng	Tên hàng	DVT	Số lượng mua	Đơn giá	Giá trị mua	Chiết khấu
03/01/2015	03/01/2015	NK0115.001	03/01/2015	0012745	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 11	Chiếc	35,00	5.000.000,00	175.000.000	
03/01/2015	03/01/2015	NK0115.001	03/01/2015	0012745	TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 15	Chiếc	40,00	7.000.000,00	280.000.000	
08/01/2015	08/01/2015	XK0115.001	04/01/2015	0000015	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 11	Chiếc	0,00	5.000.000,00	0	
12/01/2015	12/01/2015	MH00001	12/01/2015	0012745	CHI	Chiều cao 500m	Cuộn	10,00	50.000,00	500.000	
16/01/2015	16/01/2015	MH00002	16/01/2015	0067850	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	10,00	4.200.000,00	42.000.000	
16/01/2015	16/01/2015	MH00002	16/01/2015	0067850	ĐT_SAMSUNG	Điện thoại SAMSUNG	Chiếc	15,00	4.000.000,00	60.000.000	
16/01/2015	16/01/2015	FC00005	16/01/2015	0012345	CPMH	Chi phí mua hàng		1,00	2.000.000,00	2.000.000	
17/01/2015	17/01/2015	XK0119.001	17/01/2015	0000003	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	0,00	4.200.000,00	0	
20/01/2015	20/01/2015	MH00003	20/01/2015	4590	BIA	Bia hơi	Lít	4.000,00	20.700,00	82.800.000	
Số dòng = 9								4.111,00	642.300.000		

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 | Tên DLKT: KE_TOAN_2015 | Người dùng: Admin | Tổng đài tư vấn: 1900-8677 | OVR | NUM | 10:33 SA | 12/01/2015

» Sổ nhật ký mua hàng

- Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Mua hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Sổ nhật ký mua hàng**, sau đó khai báo khoảng thời gian:

Sổ nhật ký mua hàng ? x

Báo cáo: 3. Sổ nhật ký mua hàng

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015

Chỉ hiển thị hóa đơn mua hàng chưa thanh toán ngay

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	Hàng hóa	Nguyên liệu, vật liệu	Tài khoản khác	Phải trả người bán
03/01/2015	03/01/2015	NK0115.001	03/01/2015	0012745	Mua hàng chưa thanh toán	455.000.000	0	0	455.000.000
12/01/2015	12/01/2015	MH00001	12/01/2015	0012745	Mua chỉ dùng cho phân xứ	0	0	621	500.000
16/01/2015	16/01/2015	MH00002	16/01/2015	0067850	Đặt mua hàng	102.000.000	0	0	102.000.000
16/01/2015	16/01/2015	PC00005	16/01/2015	0012345	Chi tiền mua hàng	2.000.000	0	0	2.000.000
20/01/2015	20/01/2015	MH00003	20/01/2015	4590	Mua hàng nhập khẩu	82.800.000	0	0	82.800.000
Số dòng = 5						641.800.000	0	500.000	642.300.000

► Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp

- Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Mua hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp**, sau đó khai báo khoảng thời gian:

Tổng hợp công nợ phải trả

Báo cáo: 4. Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp

Thống kê theo: <<Không chọn>>

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 | Tài khoản: 331 | Loại tiền: VND

Từ: 01/01/2015 | Đến: 31/01/2015 | Nhóm NCC: []

Mã NCC	Tên NCC	Địa chỉ
<input checked="" type="checkbox"/>	CH_HONGHA	Cửa hàng Hồng Hà
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_DL	Công ty Điện Lực Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_HUEHOA	Công ty CP Huệ Hoa
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thế
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TRANANH	Công ty Trần Anh
<input checked="" type="checkbox"/>	CTVTQD	Công ty Viễn thông Quân đội
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_FUJI	Công ty FUJI
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HA THANH	Công ty Cổ phần Hà Thành
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HONG HA	Công ty TNHH Hồng Hà

Xóa điều kiện | Đồng ý | Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Tệp Danh mục Nghiệp vụ Hệ thống Tiện ích Trợ giúp Đăng làm việc trên: Số tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC Thông báo

Chọn chi nhánh làm việc Tìm kiếm Báo cáo Ngày hạch toán Nạp Mẫu Báo cáo đã chốt Thu gọn Xuất khẩu In Giúp

Đơn mua hàng Hợp đồng mua hàng Mua hàng hóa, dịch vụ Nhận hóa đơn Trả lại hàng mua Giảm giá hàng Thay đổi so với MISA SME.NET 2012

Chọn báo cáo...

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Tài khoản: 331; Loại tiền: VND; Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	TK công nợ	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
CT_HUEHOA	Công ty CP Huệ Hoa	331	0	70.000.000	70.000.000	0	0	0
CT_PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thế	331	0	53.000.000	212.500.000	500.500.000	0	341.000.000
CTY_HONG HA	Công ty TNHH Hồng Hà	331	0	0	550.000	550.000	0	0
Số đồng = 3			0	123.000.000	283.050.000	501.050.000	0	341.000.000

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 Tên DLKT: KE_TOAN_2015 Người dùng: Admin Tổng đài tư vấn: 1900-8677 OVR NUM 10:43 SA 19/01/2015

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu nguyên tắc hạch toán kế toán mua hàng?
2. Nêu quy trình mua hàng của doanh nghiệp từ lúc có nhu cầu cho đến khi hàng nhập kho?
3. Đối với nghiệp vụ mua hàng nhập khẩu, trong trường hợp doanh nghiệp chưa nộp tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu thì kế toán hạch toán trên phần mềm MISA SME.NET như thế nào? Đến lúc nộp thuế sẽ hạch toán như thế nào?
4. Liệt kê một số chứng từ được sử dụng cho việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động mua hàng?

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động mua hàng như sau:

1. Ngày 03/01/2020, mua hàng của Công ty TNHH Hồng Hà. (VAT: 10%; chưa thanh toán tiền)
 - Tivi LG 21 inches SL: 10, ĐGCT: 2.700.000 (VND/chiếc)
 - Tivi LG 29 inches SL: 08, ĐGCT: 8.990.000 (VND/chiếc)Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0012745, ký hiệu AB/17P, ngày hóa đơn 02/01/2020.
2. Ngày 07/01/2020, trả lại hàng cho Công ty TNHH Hồng Hà
 - Tivi LG 21inches SL: 02Theo hóa GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000001, ký hiệu AB/17T

3. Ngày 08/01/2020, mua hàng của Công ty Cổ phần Phú Thái. Tỷ lệ CK với mỗi mặt hàng: 2%; VAT: 10%, chưa thanh toán tiền.

➤ Điện thoại NOKIA N6 SL: 20, ĐGCT: 4.100.000 (VND/chiếc)

➤ Điện thoại SAMSUNG E8 SL: 15, ĐGCT: 3.910.000 (VND/chiếc)

Theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0052346, ký hiệu AC/17E ngày 03/01/2020.

4. Ngày 15/01/2020, mua hàng của Công ty TNHH Lan Tân, VAT: 10%; chưa thanh toán tiền.

➤ Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU SL: 08 ĐGCT: 9.900.000 (VND/chiếc)

➤ Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU SL: 04 ĐGCT: 14.000.000 (VND/chiếc)

Theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0025857, ký hiệu AF/17P, ngày 15/01/2020.

Tổng phí vận chuyển: 990.000 VND (Đã bao gồm 10% thuế GTGT) phân bổ phí vận chuyển theo số lượng .

5. Ngày 24/01/2020, nhập khẩu 02 máy vi tính Compaq của Công ty FUJI, Đơn giá chưa thuế: 500 (USD/chiếc), tỷ giá 20.000 VND/USD chưa thanh toán tiền hàng.

Thuế nhập khẩu: 30%; Thuế GTGT: 10%;

Tờ khai hải quan số 2567, chưa thanh toán tiền

6. Ngày 25/01/2020, mua hàng của Công ty Cổ phần Phú Thái, tiền hàng chưa thanh toán gồm:

➤ Tivi LG 19 inches SL: 10, ĐGCT: 2.400.000 (VND/chiếc)

➤ Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCT: 2.800.000 (VND/chiếc)

VAT 10% theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0085126, ký hiệu NT/17P, ngày 25/01/2020

7. Ngày 26/01/2020, chuyển tiền gửi ngân hàng Công thương mua hàng của Công ty TNHH Hà Liên

- Điện thoại NOKIA N7 SL: 05, ĐGCT: 4.200.000 (VND/chiếc)
- Điện thoại NOKIA D9 SL: 06, ĐGCT: 4.000.000 (VND/chiếc)

VAT 10% theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0052185, ký hiệu DK/17E, ngày 26/01/2020

8. Ngày 28/01/2020, mua hàng của Công ty cổ phần Hà Thành chưa trả tiền, gồm:

- Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU SL: 08 ĐGCT: 13.500.000 (VND/chiếc)

VAT 10%, theo hóa đơn GTGT 01GTKT3/001, số 0053162, ký hiệu NT/17P, ngày 28/01/2020.

▶▶ Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 và khai báo thêm danh mục (nếu cần).
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- In Bảng kê mua hàng; Nhật ký mua hàng; Tổng hợp công nợ phải trả,...

CHƯƠNG 6

KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU

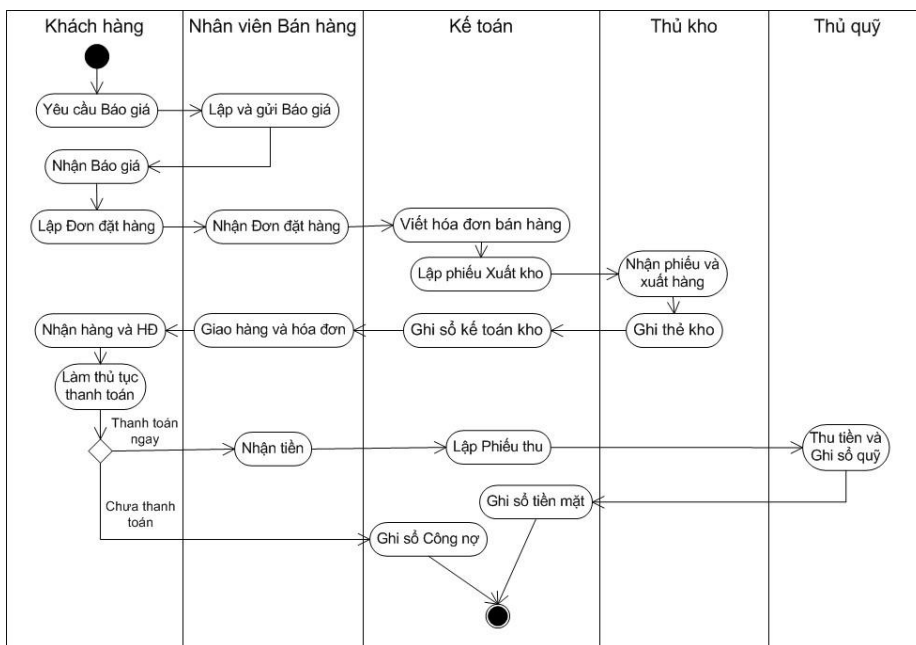
Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Nguyên tắc hạch toán
- Mô hình hoạt động bán hàng, công nợ phải thu
- Sơ đồ hạch toán kế toán bán hàng, công nợ phải thu
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nguyên tắc hạch toán

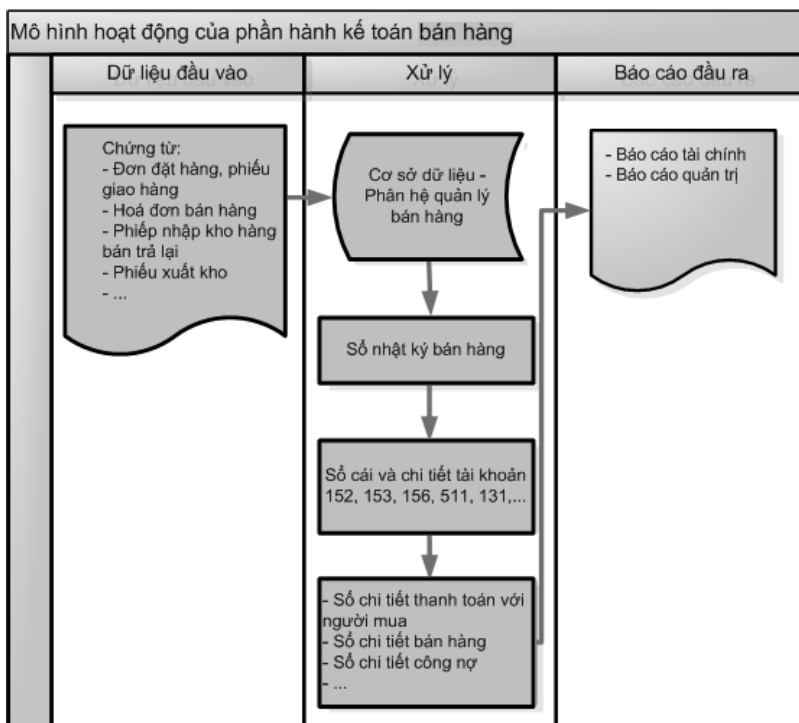
- Việc ghi nhận doanh thu và chi phí bán hàng phải tuân theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.
- Chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng hóa khi thỏa mãn đồng thời năm điều kiện sau:
 - Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng.
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
 - Trường hợp hàng hóa hoặc dịch vụ trao đổi lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất thì không được ghi nhận doanh thu.
 - Phải theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, doanh thu từng mặt hàng, ngành hàng, từng sản phẩm,... theo dõi chi tiết từng khoản giảm trừ doanh thu để xác định doanh thu thuần của từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm,... để phục vụ cho cung cấp thông tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập Báo cáo tài chính.

Mô hình hóa hoạt động bán hàng và công nợ phải thu



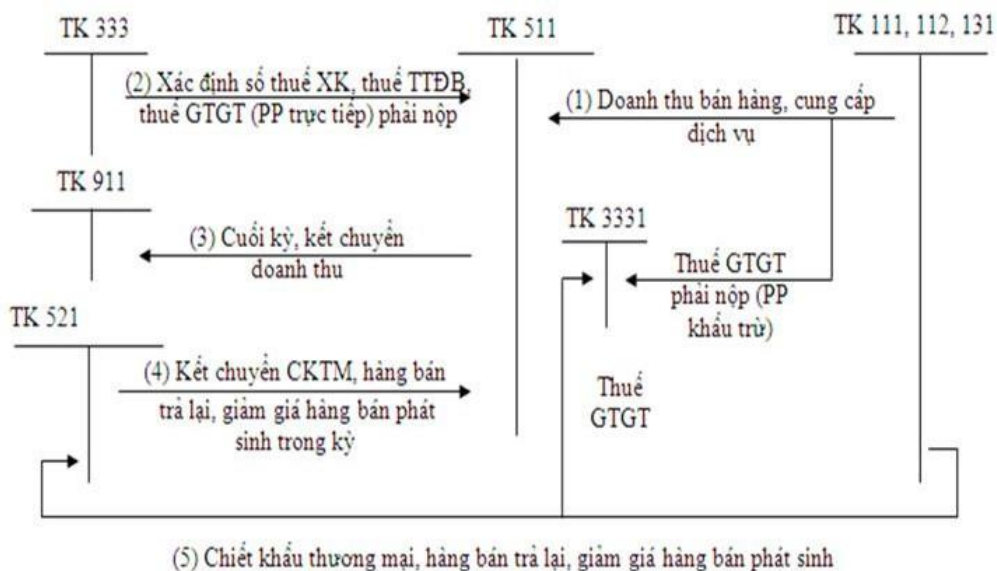
Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.13 Quy trình xử lý trên phần mềm



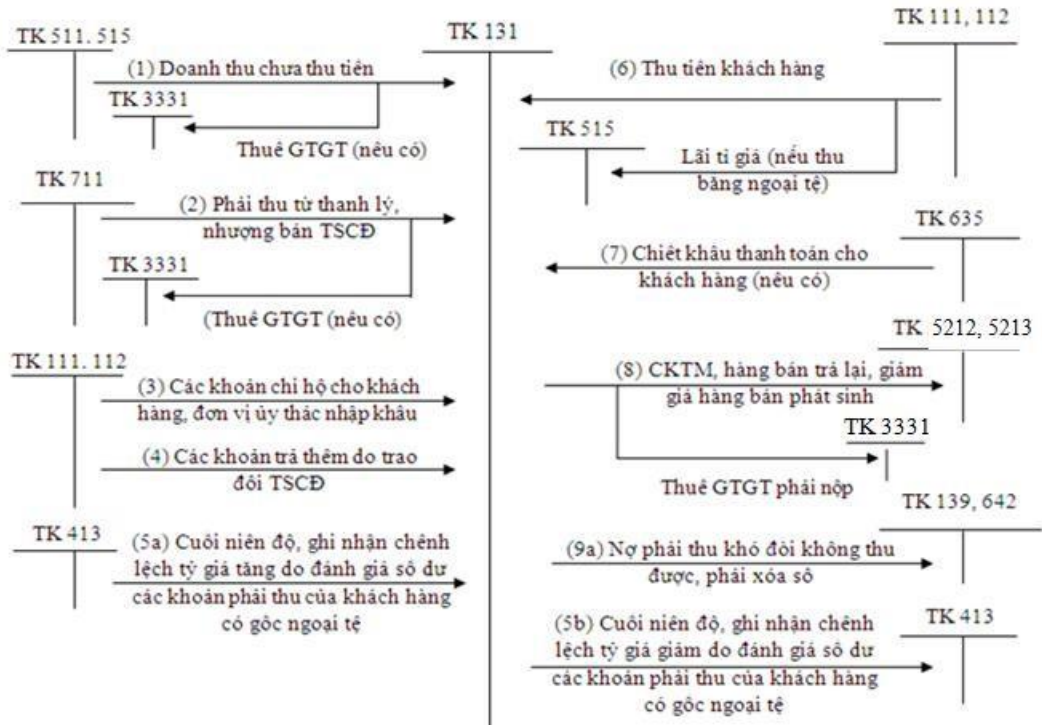
1.42.14 Sơ đồ hạch toán kế toán bán hàng và công nợ phải thu

1.42.14.1 Sơ đồ hạch toán kế toán bán hàng



Đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn hàng bán khi bán hàng.

1.42.14.2 Sơ đồ hạch toán kế toán công nợ phải thu



1.42.15 Hướng dẫn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1.42.15.1 Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán bán hàng bao gồm:

- Đơn đặt hàng, Phiếu giao hàng.
- Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu nhập hàng bán trả lại.
- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ phản ánh thu hồi công nợ.
-

Một số mẫu chứng từ điển hình:

- ▶▶ Hóa đơn GTGT lập cho người mua

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 25 Tháng 02 Năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AB/11T
Số: 0000005

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ABC
Mã số thuế:
Địa chỉ: 218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Số tài khoản:
Điện thoại: 04-762 7891
Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Thái Lan
Mã số thuế:
Địa chỉ: 599 Thanh Nhân, Hà Nội
Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Điện thoại SAMSUNG ES		6.00	6.000.000.00	36.000.000
2	Điện thoại NOKIA N6		5.00	6.200.000.00	31.000.000
Cộng tiền hàng:					67.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		6.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					73.700.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

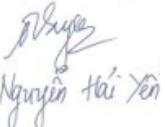
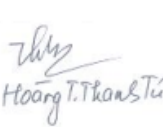
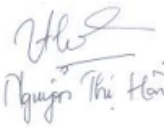

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In bởi Phần mềm MISA SME-ERP 2012 - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com)

►► Phiếu giao hàng

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Đơn vị: Công ty TNHH ABC Bộ phận: Bán hàng						
PHIẾU GIAO HÀNG <i>(Kèm phiếu bảo hành)</i>						
Tên khách hàng: Hoàng Thanh Mai				Ngày: 08/03/2010		
Địa chỉ: 42 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, HN				Số: GH00015		
Mã số thuế: 1021054210				Loại tiền: VNĐ		
Mã hàng	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời hạn bảo hành
CAC_MH	Bán hàng chưa thu tiền	Cái	1	200.000	200.000	12 tháng
CHUOT	Bán hàng chưa thu tiền	Cái	1	220.000	220.000	12 tháng
Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT: 42.0000			
Chiết khấu:			Tổng cộng tiền thanh toán: 462.000			
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn.						
ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH						
Điều kiện bảo hành 1:						
Điều kiện bảo hành 2:						
Điều kiện bảo hành 3:						
Điều kiện bảo hành 4:						
NV Kinh doanh	Kế toán trưởng	Thủ kho	Người mua hàng			
						
Nguyễn Hải Yến	Hoàng T. Thanh Tú	Nguyễn Thị Hồng	Hoàng Thanh Mai			

1.42.15.2 Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

Để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý công tác bán hàng công nợ phải thu khách hàng, phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép NSD thực hiện tuần tự các bước từ Lập báo giá, lập đơn đặt hàng, lập hóa đơn bán hàng, tính lại nợ và thông báo công nợ cho khách hàng....

Kế toán bán hàng

- ▶▶ **Lập Báo giá:** Phần mềm MISA SME.NET cho phép NSD lập và in báo giá gửi cho khách hàng. Đồng thời, phần mềm cho phép chuyển các thông tin trên báo giá đã lập lên đơn đặt hàng hoặc hóa đơn bán hàng nhằm giảm bớt các thao tác nhập số liệu.

VD: Ngày 09/01/2015 gửi báo giá cho công ty Hòa Anh: 3 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 5.000.000 VND và 4 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.500.000 VND, VAT 10%.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Báo giá** (hoặc trên tab **Báo giá** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK	Tiền chiết khấu	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	3.00	5.000.000,00	15.000.000	0,00	0	10%	1.500.000
ĐT_SAMSUNG D	Điện thoại SAMSUNG	Chiếc	4.00	4.500.000,00	18.000.000	0,00	0	10%	1.800.000
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 2			7.00		33.000.000		0		3.300.000
Tiền hàng					33.000.000				3.300.000
Tiền chiết khấu					0				
Tổng tiền									36.300.000

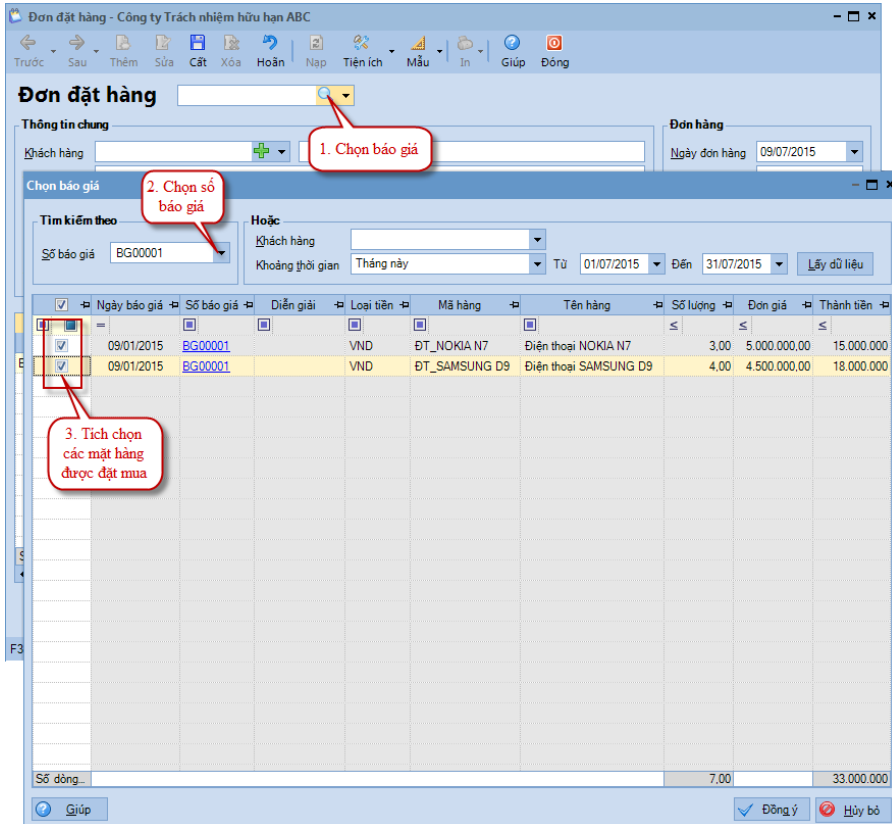
- Khách hàng: Chọn mã khách hàng tương ứng với công ty Hoà Anh, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Ngày báo giá: 09/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Chọn mã hàng tương ứng với điện thoại NOKIA N7 và SAMSUNG D9, phần mềm tự động hiển thị các thông tin tương ứng
- NSD nhập số lượng và đơn giá tương ứng.
- Nhấn <<Cắt>> để lưu báo giá vừa nhập.
 - ▶▶ Lập Đơn đặt hàng: Căn cứ vào Báo giá doanh nghiệp gửi cho khách hàng, khách hàng sẽ lập Đơn đặt hàng gửi lại cho doanh nghiệp yêu cầu

mua với các thông tin: mặt hàng, số lượng, mức giá... Kế toán nhập các thông tin trên vào phần mềm nhằm theo dõi chi tiết từng đơn đặt hàng cụ thể của mỗi khách hàng.

VD: Ngày 12/01/2015 Công ty Hòa Anh gửi đơn đặt hàng gồm: 3 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 5.000.000 VND và 4 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.500.000 VND, VAT 10%.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Đơn đặt hàng** (hoặc trên tab **Đơn đặt hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Trường hợp 1: Nếu đã lập báo giá gửi đến khách hàng:
 - Chọn báo giá có phát sinh hàng được khách hàng đặt mua:



- Nhấn <<Đồng ý>>, thông tin hàng trên báo giá sẽ được tự động lấy lên đơn đặt hàng:

- Ngày chứng từ: 17/01/2015

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Số lượng đã giao	Đơn giá	Thành tiền	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	3.00	0.00	5.000.000.00	15.000.000	10%	1.500.000
ĐT_SAMSUNG D	Điện thoại SAMSUNG D9	Chiếc	4.00	0.00	4.500.000.00	18.000.000	10%	1.800.000
Số dòng = 2			7.00	0.00		33.000.000		3.300.000
Tổng tiền hàng						33.000.000		3.300.000
Tổng chiết khấu						0		
Tổng tiền thanh toán								36.300.000

- Nhấn <<Cắt>> để lưu đơn đặt hàng vừa lập.
- Trường hợp 2: Nếu chưa có lập báo giá, NSD sẽ khai báo trực tiếp trên đơn đặt hàng:
 - Khách hàng: Chọn mã khách hàng tương ứng với công ty Hoà Anh, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
 - Ngày đơn hàng: 12/01/2015
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - Chọn mã hàng tương ứng với điện thoại NOKIA N7 và SAMSUNG D9, phần mềm tự động hiển thị các thông tin tương ứng
 - NSD nhập số lượng và đơn giá tương ứng.
 - Nhấn <<Cắt>> để lưu đơn đặt hàng vừa nhập.
- ▶▶ Nghiệp vụ 1: Doanh thu hàng bán.

Khi xác định được doanh thu, kế toán lập chứng từ bán hàng căn cứ vào thông tin trên đơn đặt hàng (nếu có) hoặc có thể lập trực tiếp chứng từ

bán hàng căn cứ vào thực tế phát sinh của hoạt động bán hàng. Để thuận tiện trong việc theo dõi công nợ, phần mềm kế toán MISA SME.NET chia ra hai loại bán hàng chưa thu tiền và bán hàng thu tiền ngay

• **Bán hàng chưa thu tiền:**

VD: Ngày 17/01/2015 bán hàng cho công ty Công ty Hòa Anh: 3 điện thoại NOKIA N7 với đơn giá chưa thuế là 5.000.000 VND và 4 điện thoại SAMSUNG D9 giá chưa thuế 4.500.000 VND. Thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, mẫu số AB/15T, số 0000004. Chưa thu tiền.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Chứng từ bán hàng** (hoặc trên tab **Bán hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ bán hàng là “*Bán hàng hoá, dịch vụ trong nước*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Chưa thu tiền*”.
- Ngày chứng từ: 17/01/2015
- Nếu chứng từ bán hàng được lập từ báo giá hoặc đơn đặt hàng, NSD chọn số báo giá/đơn đặt hàng => phần mềm sẽ tự động lấy thông tin tương ứng lên chứng từ bán hàng
- Nếu chưa có báo giá hoặc đơn đặt hàng, NSD sẽ chọn mã hàng tương ứng với điện thoại NOKIA N7 và SAMSUNG D9, phần mềm tự động hiển thị các thông tin phù hợp => NSD nhập thông tin số lượng và đơn giá ứng với mỗi mặt hàng:

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Lưu Hoãn Ghi số Lập HD Lập phiếu xuất Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chọn đơn đặt hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước Kiểm phiếu xuất kho Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

DDH000001 Chưa thu tiền Thu tiền ngay Tiền mặt Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ

Thông tin chung

Khách hàng CTY_HOÀ ANH Công ty Cổ phần Hòa Anh

Người nhận

NV bán hàng Đã lập hóa đơn

Tham chiếu DDH000001 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán 17/01/2015

Ngày chứng từ 17/01/2015

Số chứng từ BH00003

Điều khoản TT Số ngày được nợ (ngày) Hạng thanh toán

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Thống kê Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chỉ phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	131	5111	Chiếc	3.00	5.000.000,00	15.000.000
ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9	131	5111	Chiếc	4.00	4.500.000,00	18.000.000
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 2					7,00		33.000.000

Phân bổ chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 33.000.000 **Tiền thuế GTGT** 3.300.000

Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 36.300.000

- Nếu muốn lập luôn phiếu xuất kho bán hàng, NSD tích chọn mục “Kiểm phiếu xuất kho”, đồng thời khai báo thông tin trên phiếu xuất:

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Lưu Hoãn Ghi số Lập HD Lập phiếu xuất Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chọn đơn đặt hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước **Kiểm phiếu xuất kho** Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

DDH000001 Chưa thu tiền Thu tiền ngay Tiền mặt Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ **Phiếu xuất**

Thông tin chung

Khách hàng CTY_HOÀ ANH Công ty Cổ phần Hòa Anh

Người nhận

Địa chỉ 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Lý do xuất Xuất bán hàng

NV bán hàng Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán 17/01/2015

Ngày chứng từ 17/01/2015

Số phiếu xuất XK00001

Điều khoản TT Số ngày được nợ (ngày) Hạng thanh toán

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Giá vốn 4. Thống kê Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chỉ phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	131	5111	Chiếc	3.00	5.000.000,00	15.000.000
ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9	131	5111	Chiếc	4.00	4.500.000,00	18.000.000
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 2					7,00		33.000.000

Phân bổ chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 33.000.000 **Tiền thuế GTGT** 3.300.000

Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 36.300.000

- Trường hợp xuất luôn hoá đơn cho khách hàng, NSD tích chọn “*Lập kèm hoá đơn*”.
- Nhấn <<Cát>> để lưu chứng từ bán hàng vừa lập.
- Chọn chức năng **Cấp số hoá đơn** trên thanh công cụ (đối với đơn vị có sử dụng quản lý phát hành hóa đơn trên phần mềm):

- Nhấn <<Đồng ý>>, thông tin mẫu, ký hiệu, số và ngày hoá đơn sẽ được hệ thống tự động lấy lên tab **Hoá đơn** của chứng từ bán hàng:

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chi phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	131	5111	Chiếc	3,00	5.000.000,00
ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9	131	5111	Chiếc	4,00	4.500.000,00
Số dòng = 2						7,00

Tổng tiền hàng	33.000.000	Tiền thuế GTGT	3.300.000
Tiền chiết khấu	0	Tổng tiền thanh toán	36.300.000

- **Bán hàng thu tiền ngay**

VD: Ngày 19/01/2015 bán hàng cho công ty Tiến Đạt, thu bằng chuyển khoản vào ngân hàng BIDV: 3 điện thoại NOKIA N7, đơn giá chưa thuế 5.000.000 VND. Thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, mẫu số AB/11T, số 0000005. Chiết khấu thương mại 2% NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Chứng từ bán hàng** (hoặc trên tab **Bán hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ bán hàng là “*Bán hàng hoá, dịch vụ trong nước*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Lựa chọn phương thức thanh toán là “*Thu tiền ngay\Chuyển khoản*”.
- Khách hàng: Chọn mã khách hàng tương ứng với công ty Tiến Đạt, phần mềm sẽ tự động hiển thị
- Nộp vào TK: chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV.
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Ngày chứng từ: 19/01/2015
- Tab **Hàng tiền**: Chọn mã hàng tương ứng là điện thoại NOKIA N7, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan:
 - TK Nợ: 1121/TK Có: 5111 (Phần mềm tự hạch toán)
 - Nhập số lượng: 3 và đơn giá: 5.000.000 VND
 - Nhập tỷ lệ chiết khấu 2%, phần mềm tự động tính ra tiền chiết khấu

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước - Chuyển khoản - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Cấp số HD Lập phiếu xuất Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ bán hàng 1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước Kiểm phiếu xuất kho Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

Nhập số đơn hàng Chưa thu tiền Thu tiền ngay Chuyển khoản Lập kèm hóa đơn

Thu tiền gửi Phiếu xuất Hóa đơn

Thông tin chung

Khách hàng CT_TIENDAT Công ty TNHH Tiến Đạt
 Địa chỉ Số 26, Đồi Cẩn, Ba Đình, Hà Nội
 Nhập vào TK 05401111970032 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 Lý do nộp Thu tiền bán hàng
 NV bán hàng
 Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán 19/01/2015
 Ngày chứng từ 19/01/2015
 Số chứng từ NTTK00003

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Giá vốn 4. Thống kê 5. Khác Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

Mã hàng	Tên hàng	TK tiền/chi phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)	Tiền chiết khấu
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA	1121	5111	Chiếc	3.00	5.000.000,00	15.000.000	2,00	300.000
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 1					3.00		15.000.000		300.000

Phần bố chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 15.000.000 **Tiền thuế GTGT** 0
Tiền chiết khấu 300.000 **Tổng tiền thanh toán** 14.700.000

F6 - chọn mã quy cách, Ctrl+F2 - Xem số tiền

- Tab **Thuế**: nhập thuế suất 10% phần mềm tự động tính ra tiền thuế:

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước - Chuyển khoản - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Cấp số HD Lập phiếu xuất Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ bán hàng 1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước Kiểm phiếu xuất kho Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

Nhập số đơn hàng Chưa thu tiền Thu tiền ngay Chuyển khoản Lập kèm hóa đơn

Thu tiền gửi Phiếu xuất Hóa đơn

Thông tin chung

Khách hàng CT_TIENDAT Công ty TNHH Tiến Đạt
 Địa chỉ Số 26, Đồi Cẩn, Ba Đình, Hà Nội
 Nhập vào TK 05401111970032 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 Lý do nộp Thu tiền bán hàng
 NV bán hàng
 Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán 19/01/2015
 Ngày chứng từ 19/01/2015
 Số chứng từ NTTK00003

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Giá vốn 4. Thống kê 5. Khác Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

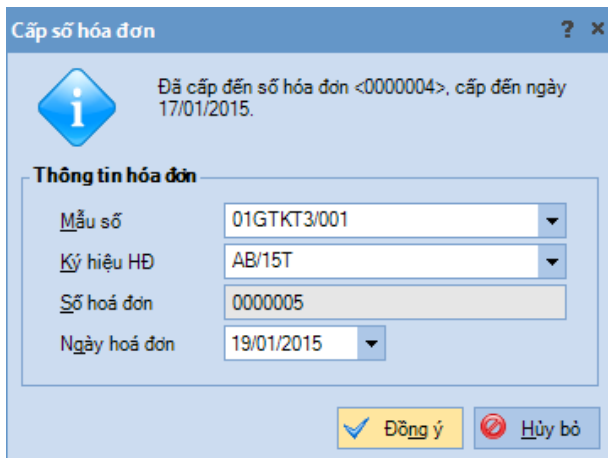
Mã hàng	Tên hàng	Diễn giải thuế	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Thuế giá trị gia tăng	10%	1.470.000	33311
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 1				1.470.000	

Phần bố chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 15.000.000 **Tiền thuế GTGT** 1.470.000
Tiền chiết khấu 300.000 **Tổng tiền thanh toán** 16.170.000

F6 - chọn mã quy cách, Ctrl+F2 - Xem số tiền

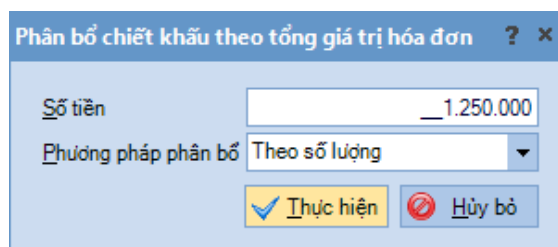
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ bán hàng vừa lập.

- Chọn chức năng **Cấp số hoá đơn** trên thanh công cụ:



- Nhấn <<**Đồng ý**>>, thông tin mẫu, ký hiệu, số và ngày hoá đơn sẽ được hệ thống tự động lấy lên tab **Hoá đơn** của chứng từ bán hàng.

*Khi bán hàng có phát sinh chiết khấu thương mại cho từng mặt hàng, NSD sẽ nhập tỷ lệ hoặc số tiền chiết khấu trên tab **Hàng tiền** (tương ứng với từng mặt hàng). Trường hợp chỉ có tỷ lệ chiết khấu chung cho cả hoá đơn bán hàng, NSD sẽ chọn chức năng **Phân bổ chiết khấu**:*



*Nhập số tiền, lựa chọn phương pháp phân bổ, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm sẽ tự động phân bổ số tiền chiết khấu theo phương pháp đã chọn.*

- **Bán hàng trả chậm, trả góp**

VD: Ngày 21/01/2015, khách hàng lẻ - Nguyễn Văn Khánh mua trả góp điện thoại Iphone 6, đơn giá 24.000.000 VND. Thuế GTGT 10%. Khách hàng trả đều trong 6 kỳ. Kỳ đầu tiên được trả ngay sau khi nhận hàng, 5 kỳ tiếp theo có tổng lãi trả chậm là 1.000.000 VND (chia đều cho 5 kỳ).

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Khi khách hàng mua hàng, NSD hạch toán như sau:
 - Hạch toán nghiệp vụ bán hàng chưa thu tiền trên phân hệ thông qua chức năng lập **Chứng từ bán hàng** thuộc phân hệ **Bán hàng** (hướng dẫn chi tiết nghiệp vụ này, xem tại nghiệp vụ bán hàng chưa thu tiền ở trên):

The screenshot shows the 'Chứng từ bán hàng' (Sales Invoice) form in the MISA JSC software. The form is titled 'Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước - Công ty Cổ phần ABC'. It includes fields for customer name (NVKHANH), name (Nguyễn Văn Khánh), and invoice date (21/01/2015). The 'Thông tin chung' section contains fields for 'Khách hàng', 'Dựn giải', 'NV bán hàng', and 'Tham chiếu'. The 'Chứng từ' section contains 'Ngày hạch toán', 'Ngày chứng từ', and 'Số chứng từ'. Below these are fields for 'Điều khoản TT', 'Số ngày được nợ', and 'Hạn thanh toán'. The main table lists items with columns for 'Mã hàng', 'Tên hàng', 'TK công nợ chi', 'TK doanh thu', 'ĐVT', 'Số lượng', 'Đơn giá', 'Thành tiền', and 'Tỷ lệ CK'. The first item is 'IPHONE6 Điện thoại Iphone 6' with a quantity of 1.00 and a unit price of 24,000.000. A red box highlights the account codes '131' and '5111' in the 'TK công nợ chi' column. The summary section shows 'Tổng tiền hàng' (24,000,000), 'Tiền thuế GTGT' (2,400,000), and 'Tổng tiền thanh toán' (26,400,000).

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ chi	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK
IPHONE6	Điện thoại Iphone 6	131	5111	Chiếc	1,00	24.000.000	24.000.000	
Số đồng = 1					1,00		24.000.000	
Tổng tiền hàng						24.000.000		
Tiền thuế GTGT							2.400.000	
Tổng tiền thanh toán							26.400.000	

- Hạch toán chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp với giá bán trong trường hợp trả tiền ngay trên phân hệ **Tổng hợp** (chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác**):

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Chứng từ nghiệp vụ khác - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ nghiệp vụ khác

Hiện thị trên số **Số tài chính và quản trị**

Thông tin chung

Diễn giải: Chênh lệch doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp cho khách hàng Nguyễn Văn Khánh

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 21/01/2015

Ngày chứng từ: 21/01/2015

Số chứng từ: NVK00038

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nhân viên
Chênh lệch doanh thu bán hàng trả chậm	131	3387	1.000.000			
Số dòng = 1						
			1.000.000			

- Do khách hàng đã trả ngay một phần tiền ngay sau khi nhận được hàng, nên NSD thực hiện nghiệp vụ **Thu tiền khách hàng** trên phân hệ **Bán hàng** (hướng dẫn chi tiết nghiệp vụ này, xem tại nghiệp vụ 6 thuộc phần Kế toán công nợ phải thu

Phiếu thu tiền mặt khách hàng - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Phiếu thu tiền mặt khách hàng

Hiện thị trên số **Số tài chính**

Thông tin chung

Khách hàng: NVKHXANH Nguyễn Văn Khánh

Người nộp: Nguyễn Văn Khánh

Địa chỉ: 1254 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

Lý do nộp: Thu tiền khách hàng

NV thu nợ: Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu: BH00034

Chứng từ

Ngày hạch toán: 21/01/2015

Ngày chứng từ: 21/01/2015

Số chứng từ: PT00019

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đơn vị	Hợp đồng bán
Thu tiền khách hàng	1111	131	4.400.000			
Số dòng = 1						
			4.400.000			

- Tới kỳ trả lại đầu tiên:
 - NSD sẽ hạch toán nghiệp vụ thu tiền khách hàng, trong đó số tiền thu được sẽ bao gồm cả lãi trả chậm, trả góp. NSD thực hiện nghiệp vụ **Thu tiền khách hàng** trên phân hệ **Bán hàng** (hướng dẫn chi tiết nghiệp vụ này, xem tại nghiệp vụ 6 thuộc phần **Kế toán công nợ phải thu**).

Phiếu thu tiền mặt khách hàng - Công ty Cổ phần ABC

Hiện thị trên số: **Số tài chính**

Thông tin chung

Khách hàng: NVKHANH Nguyễn Văn Khánh
 Người nộp: Nguyễn Văn Khánh
 Địa chỉ: 1254 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội
 Lý do nộp: Thu tiền khách hàng
 NV thu nợ: [+] Kèm theo: [] chứng từ gốc
 Tham chiếu: BH00034

Chứng từ

Ngày hạch toán: 21/02/2015
 Ngày chứng từ: 21/02/2015
 Số chứng từ: PT00020

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đơn vị	Hợp đồng bán
Thu tiền khách hàng	1111	131	4.600.000			
Số đồng = 1			4.600.000			

- Đồng thời xác định và kết chuyển doanh thu tiền lãi bán trả chậm, trả góp trên chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** thuộc phân hệ **Tổng hợp**:
- Do khách hàng đã trả ngay một phần tiền ngay sau khi nhận được hàng, nên NSD thực hiện nghiệp vụ **Thu tiền khách hàng** trên phân hệ **Bán hàng** (hướng dẫn chi tiết nghiệp vụ này, xem tại nghiệp vụ 6 thuộc phần **Kế toán công nợ phải thu**).

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Loại tiền	Tỷ giá
Kết chuyển lãi do bán hàng trả chậm, trả góp	3387	515	200.000	VND	1,00
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 1			200.000		

- Với các kỳ trả lãi tiếp theo, NSD thực hiện tương tự như kỳ trả lãi đầu tiên.

▶▶ Nghiệp vụ 2: Xác định thuế XK và thuế TTĐB phải nộp:

VD: Ngày 21/01/2015, doanh nghiệp bán hàng xuất khẩu cho công ty Tân Hoà các mặt hàng sau:

- Áo sơ mi Nam, số lượng 1000, đơn giá 18 USD
- Áo sơ mi Nữ, số lượng 1000, đơn giá 21 USD

Thuế xuất khẩu 25%, tỷ giá 21.250 VND => doanh nghiệp chưa thu được tiền của khách hàng

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Chứng từ bán hàng** (hoặc trên tab **Bán hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ bán hàng là “*Bán hàng xuất khẩu*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

- Lựa chọn phương thức thanh toán là “Chưa thu tiền”.
- Khách hàng: Chọn mã khách hàng tương ứng với công ty Tân Hoà, phần mềm sẽ tự động hiển thị
- Chọn loại tiền hạch toán: USD và nhập tỷ giá: 21.250 VND
- Ngày chứng từ: 21/01/2015
- Tab **Hàng tiền**: Chọn mã hàng tương ứng là điện thoại Áo sơ mi nam và Áo sơ mi nữ, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan:
 - TK Nợ: 131/TK Có: 5111 (Phần mềm tự hạch toán)
 - Nhập số lượng số lượng và đơn giá tương ứng với từng mặt hàng

Chứng từ bán hàng

Thông tin chung

Khách hàng: CT_TANHOA | Công ty TNHH Tân Hoà

Dịch vụ: Bán hàng cho công ty Tân Hoà

NV bán hàng: []

Tham chiếu: []

Ngày hạch toán: 21/01/2015

Ngày chứng từ: 21/01/2015

Số chứng từ: BH00005

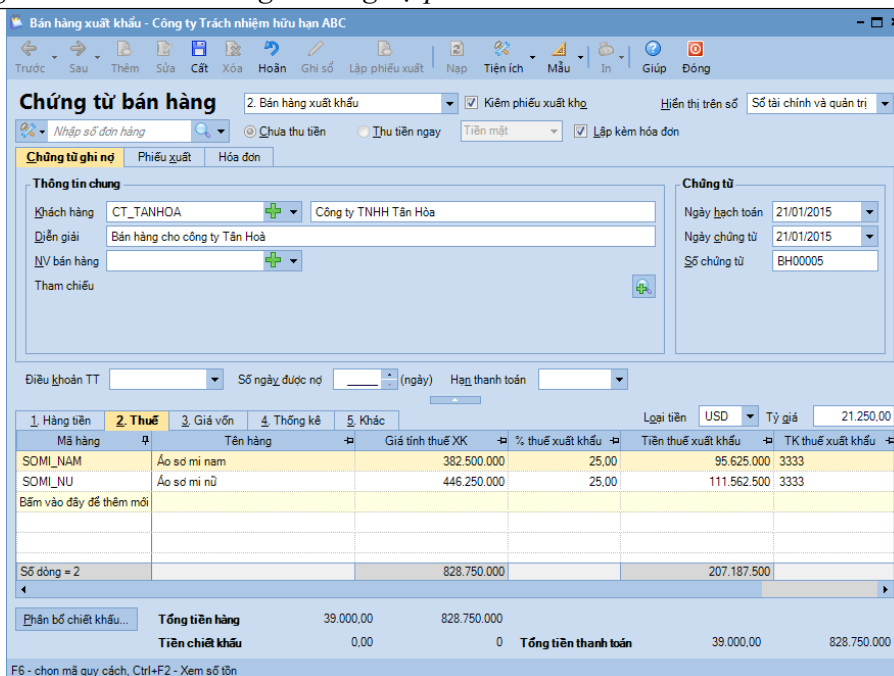
Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chi phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền quy đổi
SOMI_NAM	Áo sơ mi nam	131	5111	Cái	1.000,00	18,00	18.000,00	382.500.000
SOMI_NU	Áo sơ mi nữ	131	5111	Cái	1.000,00	21,00	21.000,00	446.250.000
Bấm vào đây để thêm mới								
Số dòng = 2					2.000,00		39.000,00	828.750.000

Tổng tiền hàng: 39.000,00 | 828.750.000

Tiền chiết khấu: 0,00 | 0

Tổng tiền thanh toán: 39.000,00 | 828.750.000

- Tab **Thuế**: nhập thông tin liên quan đến thuế xuất khẩu:
 - Giá tính thuế xuất khẩu: Nhập thành tiền quy đổi của từng mặt hàng giống như bên tab Hàng tiền.
 - % thuế xuất khẩu: 25%



- Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ bán hàng vừa lập.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 3: CKTM, DT hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh:

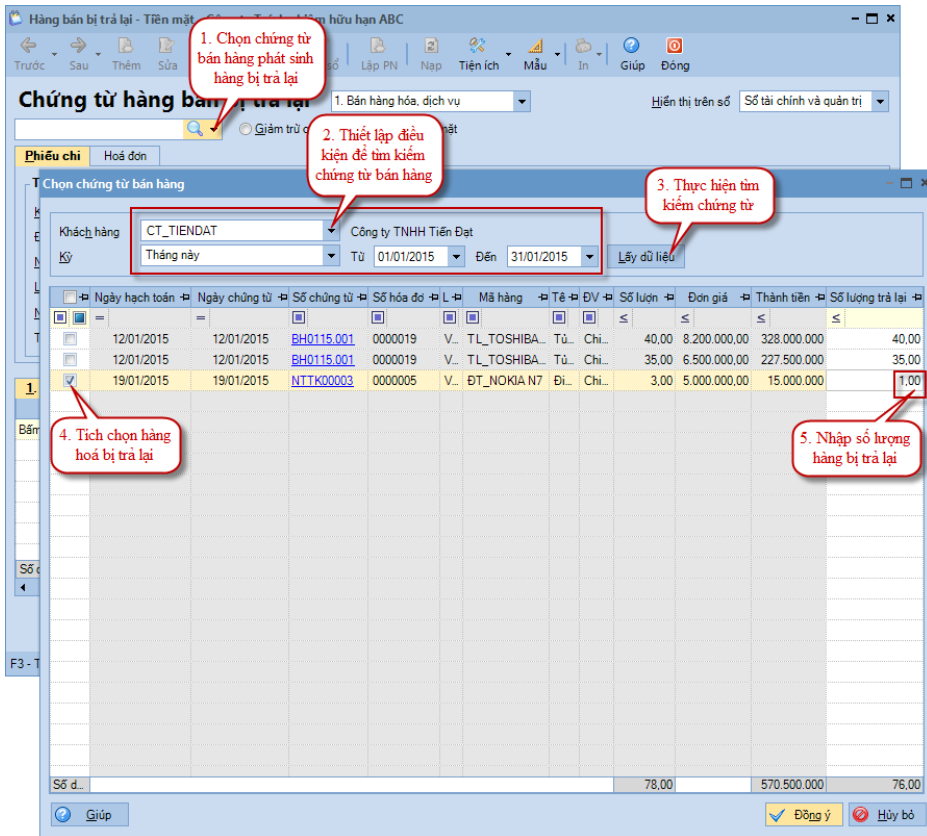
Trong quá trình bán hàng, sản phẩm, hàng hóa có thể bị khách hàng trả lại hoặc giảm giá cho khách hàng do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng hay hàng bị kém, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách theo quy định trong hợp đồng. Khi đó, doanh nghiệp phải hạch toán các bút toán giảm giá, hoặc trả lại hàng dựa vào hóa đơn GTGT mà khách hàng xuất trả lại.

VD: Ngày 20/01/2015 Công ty Tiến Đạt trả lại hàng theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AC/15P, số 0000217 ngày 20/01/2015: 1 điện thoại NOKIA N7 đơn giá chưa thuế 5.000.000 VND/cái, thuế GTGT 10%. Công ty trả lại tiền mặt cho khách hàng.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Trả lại hàng bán** (hoặc trên tab **Trả lại hàng bán** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
- Lựa chọn loại chứng từ bán hàng bị trả lại là “*Bán hàng hoá, dịch vụ*”.

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Lựa chọn phương thức giảm trừ cho chứng từ trả lại hàng bán là “*Trả lại tiền mặt*”.
- Chọn chứng từ bán hàng có phát sinh hàng bán bị trả lại:



- Nhấn <<**Đồng ý**>>, thông tin hàng bị trả lại sẽ được tự động lấy lên chứng từ trả lại hàng bán:
- Ngày chứng từ: 20/01/2015

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Hàng bán bị trả lại - Tiền mặt - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Lập PN Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ hàng bán bị trả lại 1. Bán hàng hóa, dịch vụ Hiện thị trên số Số tài chính và quản trị

Nhập số HĐ/số CT bán hàng Giảm trừ công nợ Trả lại tiền mặt

Phiếu chi Hoá đơn

Thông tin chung

Khách hàng: CT_TIENDAT Công ty TNHH Tiến Đạt

Địa chỉ: Số 26, Đồi Cấm, Ba Đình, Hà Nội

Người nhận:

Lý do chi: Trả lại tiền hàng cho khách hàng

NV bán hàng: Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu: NTTK00003

Chứng từ

Ngày hạch toán: 20/01/2015

Ngày ghi sổ: 20/01/2015

Số chứng từ: PC00007

1. Hàng tiền		2. Thuế		3. Thống kê		Loại tiền VND		Tỷ giá 1.00	
Mã hàng	Tên hàng	TK trả lại	TK tiền	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	5212	1111	Chiếc	1.00	5.000.000,00	5.000.000		
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 1						1.00	5.000.000		
Tổng tiền hàng		5.000.000		Tiền thuế GTGT		490.000			
Tổng chiết khấu		100.000		Tổng tiền thanh toán		5.390.000			

- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ trả lại hàng bán vừa lập.
- ▶▶ Nghiệp vụ 4: Kết chuyển kinh doanh cuối kỳ.
- ▶▶ Nghiệp vụ 5: Kết chuyển chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán.

Kế toán công nợ phải thu

- ▶▶ Nghiệp vụ 1: Doanh thu chưa thu tiền => xem hướng dẫn chi tiết tại nghiệp vụ *Bán hàng chưa thu tiền* thuộc phần Kế toán bán hàng và công nợ phải thu.
- ▶▶ Nghiệp vụ 2: Phải thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ => xem hướng dẫn chi tiết tại nghiệp vụ 8, thuộc chương Tài sản cố định
- ▶▶ Nghiệp vụ 3: Các khoản chi hộ khách hàng, đơn vị ủy thác nhập khẩu:
VD: Ngày 17/01/2015 Bán hàng cho công ty Tiến Đạt, giao hàng tận kho cho khách hàng. Chi phí vận chuyển công ty đã chi hộ bằng tiền mặt cho công ty Tiến Đạt là 2.000.000 VND

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Phiếu chi - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Hiện thị trên sổ: Sổ tài chính

Thông tin chung

Đối tượng: CT_TIENDAT | Công ty TNHH Tiến Đạt

Người nhận: _____

Địa chỉ: Số 26, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Lý do chi: Chi khác | Chi hộ phí vận chuyển cho công ty Tiến Đạt

Nhân viên: _____ | Kèm theo _____ chứng từ gốc

Tham chiếu: _____

Chi tiết

Ngày hạch toán: 17/01/2015

Ngày chứng từ: 17/01/2015

Số chứng từ: PC00008

Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1,00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản mục CP	Đơn vị	E
Chi hộ phí vận chuyển cho công ty Tiến Đạt	131	1111	2.000.000	CT_TIENDAT			
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1			2.000.000				

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Đối tượng: Chọn đối tượng là mã công ty Tiến Đạt, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.
- Lý do chi: Chọn lý do là “Chi khác”, sau đó nhập nội dung chi tiết lý do chi tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 17/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK: chọn TK 131/Có TK 1121 (Phần mềm đã tự mặc định)
- Số tiền: 2.000.000 VND
- Nhấn <<Cất>> để lưu phiếu chi vừa nhập.

- ▶▶ Nghiệp vụ 4: Các khoản trả thêm do trao đổi TSCĐ => nhập liệu tương tự nghiệp vụ 3.
- ▶▶ Nghiệp vụ 5a và 5b: Xem hướng dẫn chi tiết tại chương Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính trang 410.

- ▶▶ Nghiệp vụ 6: Thu tiền khách hàng:

Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép kế toán theo dõi số tiền phải thu của từng khách hàng chi tiết theo từng Hóa đơn bán hàng (thu tiền bán hàng của Hóa đơn nào và với giá trị bằng bao nhiêu).

Căn cứ vào phương thức thanh toán mà NSD lựa chọn (Tiền mặt hoặc Chuyển khoản), phần mềm sẽ sinh Phiếu thu hoặc Chứng từ thu tiền gửi ngay sau khi kế toán thực hiện Thu tiền khách hàng

VD 1: Ngày 20/01/2015 Công ty Hoà Anh thanh toán tiền hàng còn nợ của hóa đơn ngày 17/01/2015 bằng chuyển khoản vào tài khoản tại ngân hàng BIDV, được hưởng chiết khấu thanh toán 2%. NSD tiến hành nhập liệu như sau:

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn chức năng **Thu tiền khách hàng** (hoặc vào **Nghiệp vụ\Bán hàng\Thu tiền khách hàng**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Thu tiền khách hàng

Thu tiền khách hàng

Phương thức thanh toán Tiền mặt Tiền gửi Loại tiền VND Tỷ giá 1,00

Khách hàng CTY_HOÀ ANH Ngày thu tiền 20/01/2015 NV bán hàng [] Lấy dữ liệu

Số tiền 23.650.000

Chứng từ công nợ

	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Số phải thu	Số chưa thu	Số thu	TK phải thu	Tỷ lệ CK	Tiền chiết khấu	TK chiết k
	16/01/2015	BH00001	0000001	45.100.000	45.100.000	0	131	0,00	0	635
<input checked="" type="checkbox"/>	17/01/2015	BH00003	0000004	36.300.000	36.300.000	23.650.000	131	2,00	473.000	635
Số đơn				81.400.000	81.400.000	23.650.000			473.000	

Giúp Thu tiền Hủy bỏ

- Phương thức thanh toán: Chọn là Tiền gửi
- Chọn loại tiền thanh toán: VND
- Khách hàng: Chọn khách hàng là công ty Hoà Anh
- Ngày thu tiền: 20/01/2015
- Nhấn <<Lấy dữ liệu>>, hệ thống sẽ tự động liệt kê các chứng từ bán hàng chưa thanh toán đối với công ty Hoà Anh trên tab **Chứng từ công nợ**.
- Tích chọn chứng từ bán hàng thu được tiền, hệ thống sẽ tự động cập nhật số tiền thu được => trường hợp số tiền thu được < số phải thu của chứng từ bán hàng, NSD nhập lại giá trị tại cột Số thu.
- Tỷ lệ CK: nhập tỷ lệ 2%, phần mềm tự động tính ra tiền chiết khấu được hưởng của khách hàng khi thanh toán công nợ.
- Nhấn <<Thu tiền>>, hệ thống tự động sinh chứng từ Thu tiền gửi khách hàng:

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Thu tiền gửi từ khách hàng

Thông tin chung

Khách hàng: CTY_HOÀ ANH Công ty Cổ phần Hòa Anh

Địa chỉ: 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Nộp vào TK: 05401111970032 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Lý do thu: Thu tiền khách hàng

NV thu nợ:

Tham chiếu: BH00003

Chứng từ

Ngày hạch toán: 20/01/2015

Ngày chứng từ: 20/01/2015

Số chứng từ: NTKK00004

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đơn vị	Đơn hàng	Hợp đồng
Thu tiền khách hàng	1121	131	23.177.000				
Chiết khấu thanh toán	635	131	473.000				
Số đồng = 2			23.650.000				

- Nộp vào TK: Chọn tài khoản của Ngân hàng BIDV
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ thu tiền khách hàng vừa lập.

Để tìm lại chứng từ thu tiền khách hàng đã lập, NSD chọn sang tab **Thu, chi tiền** của phân hệ **Quỹ** hoặc **Ngân hàng** tùy thuộc vào phương thức thanh toán đã chọn.

VD 2: Ngày 19/01/2015, Công ty Huệ Hoa đặt trước tiền hàng bằng tiền mặt: 5.000 USD. Tỷ giá ghi nhận là 20.5000 VND/USD

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Đối tượng: Chọn đối tượng là mã công ty Huệ Hoa, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.
- Lý do nộp: Chọn lý do là “Thu khác”, sau đó nhập nội dung chi tiết lý do chi tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 19/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: USD và nhập tỷ giá: 20.500 VND
- Nợ TK: chọn TK 1112/Có TK: chọn TK 131
- Số tiền: 5.000 USD, phần mềm tự động tính ra tiền quy đổi
- Nhấn <<Cắt>> để lưu phiếu thu vừa nhập.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 7: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng => xem chi tiết tại nghiệp vụ 6 - Ví dụ 1 như trên.

▶▶ Nghiệp vụ 8: Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh => xem chi tiết hướng dẫn tại nghiệp vụ 5, thuộc chương Kế toán bán hàng và công nợ phải thu.

▶▶ Nghiệp vụ 9: Nợ phải thu khó đòi không thu được, phải xóa sổ.

VD: Ngày 31/01/2015 xác định khoản phải thu 60.510.000VND của công ty Tân Hòa là không đòi được (chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi). Kế toán tiến hành xóa sổ và hạch toán vào chi phí QLDN.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ nghiệp vụ khác**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	TK ngân hàng	Khoản
Xóa sổ khoản nợ của công ty Tân Hoà	6426	131	60 510.000		CT_TANHOA		
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1			60 510.000				

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ
- Ngày chứng từ: 31/01/2015

- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK: chọn TK 6426/Có TK: chọn TK 131
- Số tiền: 60.510.000 USD.
- Đối tượng: chọn mã công ty Tân Hoà
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập..

1.42.15.3 Chức năng bổ sung khác

▶▶ Đối trừ chứng từ

Chức năng này cho phép kế toán thực hiện bù trừ công nợ giữa các khoản phải thu của khách hàng với các khoản khách hàng đã trả. VD: bù trừ giữa hóa đơn bán hàng với phiếu thu của khách hàng hoặc giữa hóa đơn bán hàng với chứng từ hàng bán trả lại, giảm giá.

Phần này tương tự như phần đối trừ chứng từ phải trả người bán thuộc chương Mua hàng và công nợ phải trả.

▶▶ Thiết lập Chính sách giá bán

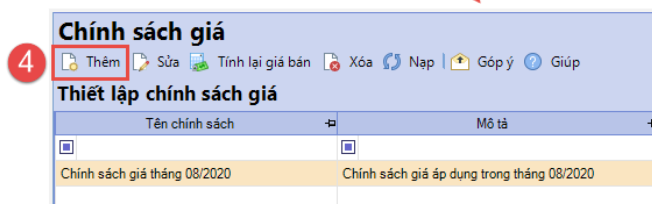
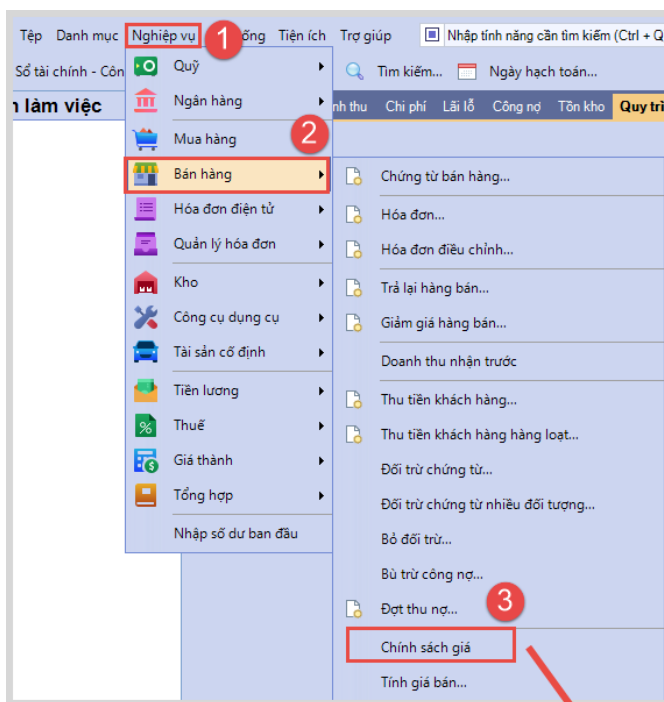
Việc thiết lập các chính sách giá cho các nhóm khách hàng giúp cho doanh nghiệp theo dõi và quản lý được các chính sách giá áp dụng cho từng nhóm đối tượng khác nhau như khách hàng bán buôn, khách hàng bán lẻ, khách hàng đại lý...

Việc thiết lập chính sách giá được thực hiện tuần tự theo 5 bước:

- Xây dựng chính sách giá
- Xác định hàng hoá
- Xác định khách hàng
- Xây dựng giá bán
- Xây dựng chiết khấu.

NSD tiến hành thiết lập chính sách giá như sau:

- Vào menu **Nghiệp vụ\Bán hàng\Chính sách giá**, nhấn **Thêm**.



- Khai báo thông tin chung của chính sách giá:
 - Thời gian **Từ ngày Đến ngày**: Là khoảng thời gian áp dụng chính sách giá, nếu bán hàng ngoài khoảng thời gian trên thì chính sách giá sẽ không còn hiệu lực
 - Chọn **Loại chính sách** áp dụng. (Nếu chỉ chọn **Thay đổi giá bán** thì sẽ không thiết lập được **Chiết khấu** và ngược lại)
 - Chọn **Đơn vị tính/Loại tiền** áp dụng. (Nếu khi bán hàng sử dụng **Đơn vị tính/Loại tiền** khác thì sẽ không áp dụng được chính sách giá).
 - Tại mục **Áp dụng cho**: Nếu chọn **Mặt hàng** thì có thể thiết lập chính sách giá cho từng mặt hàng chi tiết; Nếu chọn **Nhóm mặt hàng** thì chính sách giá sẽ được thiết lập chung cho từng nhóm mặt hàng.

Xây dựng chính sách giá

THIẾT LẬP THÔNG TIN VÀ CHON HÀNG HÓA **CHON NHÓM KH VÀ THIẾT LẬP CHÍNH SÁCH**

Tên chính sách: Chính sách giá tháng 10/2020 Loại chính sách: Thay đổi giá bán và chiết khấu

Từ ngày: 01/10/2020 Đến ngày: 31/10/2020 Đơn vị tính: Đơn vị tính chính Loại tiền: VND

Mô tả chi tiết: Chính sách giá áp dụng cho đại lý Áp dụng cho: Mặt hàng Nhóm mặt hàng

- Chọn Hàng hóa áp dụng chính sách giá:
 - Nếu **Đối tượng áp dụng là Mặt hàng**: Chọn từng mặt hàng áp dụng chính sách giá.

Xây dựng chính sách giá

THIẾT LẬP THÔNG TIN VÀ CHON HÀNG HÓA **CHON NHÓM KH VÀ THIẾT LẬP CHÍNH SÁCH**

Tên chính sách: Chính sách giá tháng 10/2020 Loại chính sách: Thay đổi giá bán và chiết khấu

Từ ngày: 01/10/2020 Đến ngày: 31/10/2020 Đơn vị tính: Đơn vị tính chính Loại tiền: VND

Mô tả chi tiết: Chính sách giá áp dụng cho đại lý Áp dụng cho: Mặt hàng Nhóm mặt hàng

Danh sách hàng hóa Lấy lên tất cả hàng hóa

Mã hàng	Tên hàng	Nhóm VTHH	Đơn vị tính	Giá bán cố định	Giá nhập gần nhất	Giá bán 1	Giá bán 2
XM_EXCITER	Xe máy Exciter	XEMAY	Chiếc	0	45.000.000	45.000.000	45.500.000
XM_JUPITER	Xe máy Jupiter	XEMAY	Chiếc	0	36.000.000	28.000.000	28.200.000
XM_NOUVO	Xe máy Nouvo	XEMAY	Chiếc	0	36.000.000	36.000.000	36.300.000
XM_NOZZA	Xe máy Nozza	XEMAY	Chiếc	0	40.000.000	38.000.000	38.100.000
XM_WAVERSX	Xe máy Wave RSX	XEMAY	Chiếc	0	25.000.000	23.000.000	23.500.000
				0	0	0	0

Mã hàng: XM_EXCITER Tên hàng: Xe máy Exciter

Giúp F9 - Thêm nhanh, F3 - Tìm nhanh Quay lại Tiếp theo Cất Hủy bỏ

- Nếu **Đối tượng áp dụng là Nhóm mặt hàng**: Chọn từng nhóm mặt hàng áp dụng chính sách giá.

Xây dựng chính sách giá

THIẾT LẬP THÔNG TIN VÀ CHON HÀNG HÓA **CHON NHÓM KH VÀ THIẾT LẬP CHÍNH SÁCH**

Tên chính sách: Chính sách giá tháng 10/2020 Loại chính sách: Thay đổi giá bán và chiết khấu

Từ ngày: 01/10/2020 Đến ngày: 31/10/2020 Đơn vị tính: Đơn vị tính chính Loại tiền: VND

Mô tả chi tiết: Chính sách giá áp dụng cho đại lý Áp dụng cho: Mặt hàng Nhóm mặt hàng

Danh sách hàng hóa Lấy lên tất cả nhóm hàng hóa

Nhóm VTHH: XEMAY Tên nhóm VTHH: Xe hai bánh gắn máy

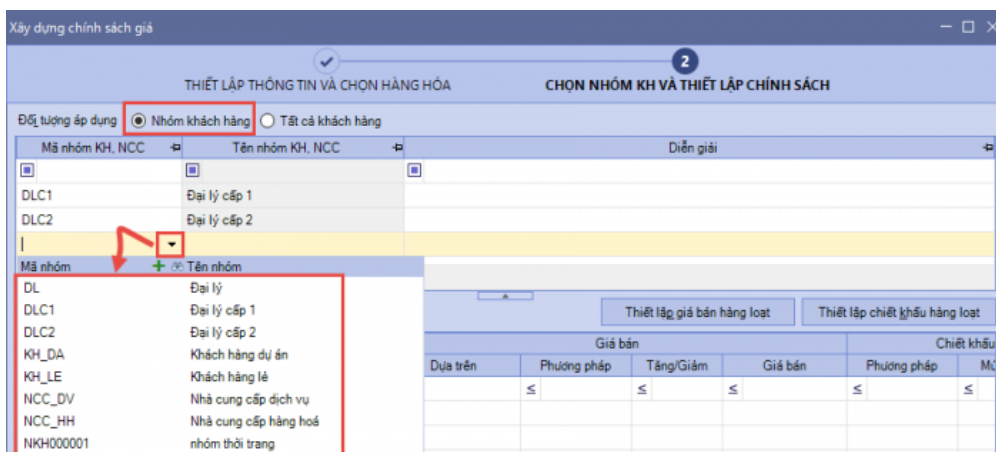
Mã nhóm: CCDC Tên nhóm: Công cụ dụng cụ

Giúp F9 - Thêm nhanh, F3 - Tìm nhanh Quay lại Tiếp theo Cất Hủy bỏ

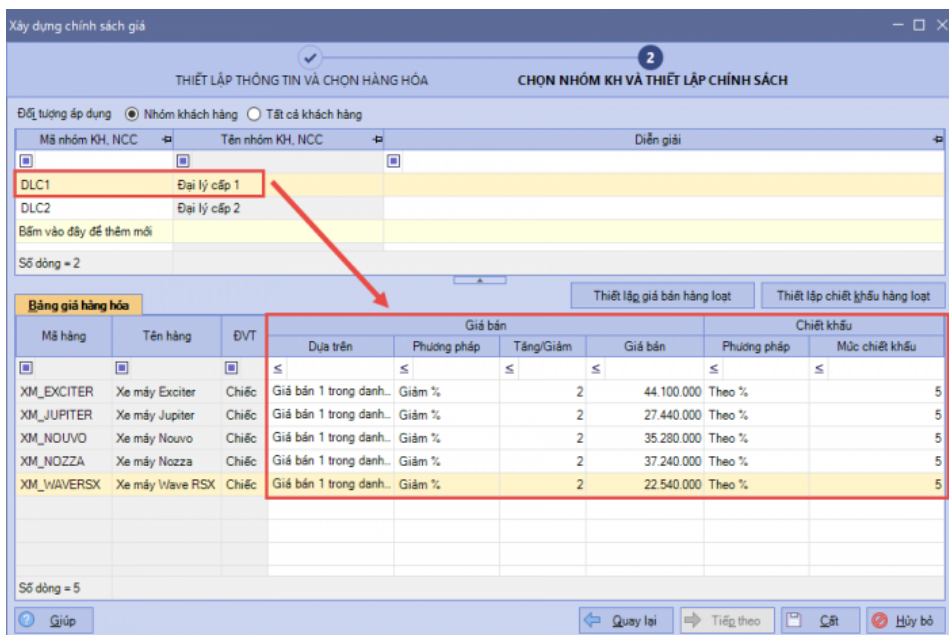
Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

• Nhân Tiếp theo.

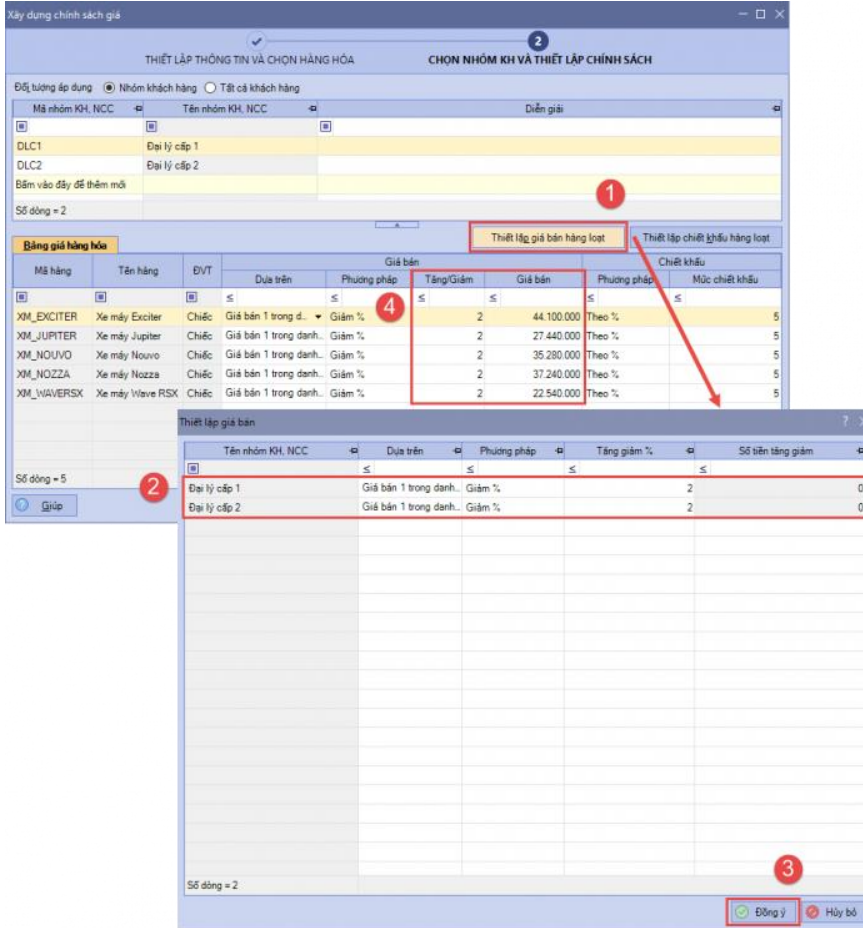
- Nếu mỗi nhóm khách hàng khác nhau áp dụng chính sách giá khác nhau thì tích chọn **Nhóm khách hàng** và chọn danh sách nhóm khách hàng áp dụng chính sách giá.
- Nếu tất cả khách hàng áp dụng chung 1 chính sách giá thì tích chọn **Tất cả khách hàng**.



- Thiết lập chính sách giá bán, chiết khấu (*Thiết lập lần lượt cho từng nhóm khách hàng*)
 - Có thể thiết lập giá bán, chiết khấu cho từng mặt hàng/nhóm mặt hàng



- Hoặc thiết lập giá bán, chiết khấu cho hàng loạt mặt hàng/nhóm hàng cùng lúc bằng cách:



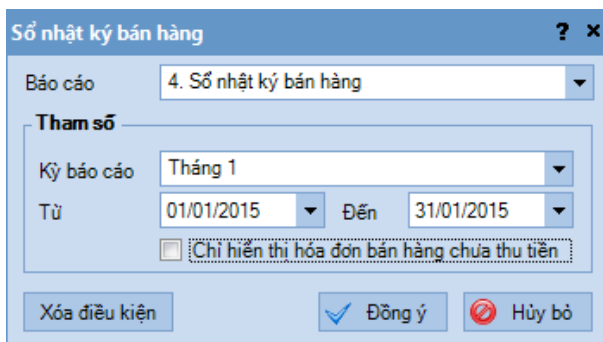
- **Nhấn Cát** => Khi lập chứng từ bán hàng có Khách hàng; Hàng hóa bán ra thuộc chính sách giá và ngày chứng từ trong khoảng thời gian hiệu lực của chính sách giá thì chương trình sẽ tự động lấy lên giá bán và chiết khấu theo chính sách giá đã thiết lập.

1.42.16 Xem và in báo cáo liên quan đến bán hàng

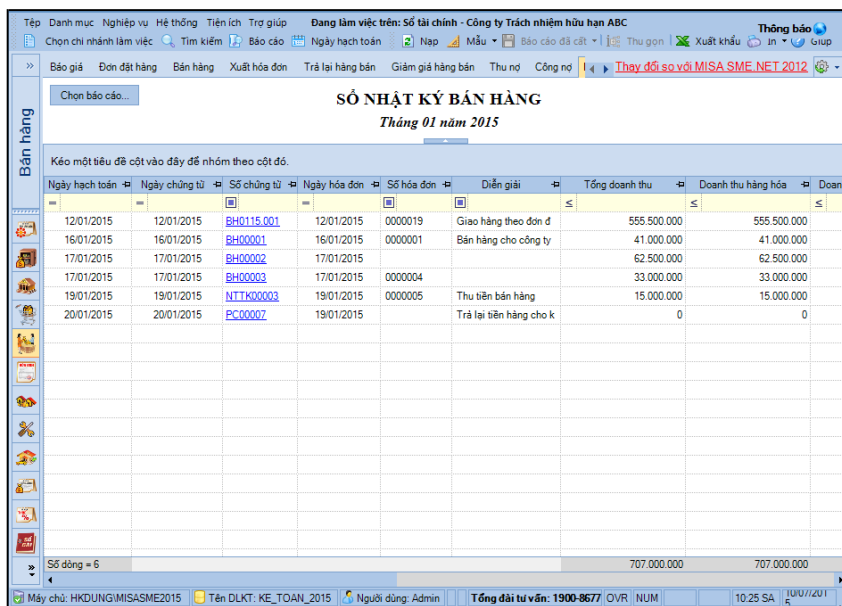
Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến bán hàng, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo bán hàng.

- ▶ Sổ nhật ký bán hàng

- Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Bán hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Sổ nhật ký bán hàng**, sau đó khai báo tham số thời gian in báo cáo:



- Xem báo cáo



Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	Tổng doanh thu	Doanh thu hàng hóa	Doanh
12/01/2015	12/01/2015	BH0115.001	12/01/2015	0000019	Giao hàng theo đơn đ	555.500.000	555.500.000	
16/01/2015	16/01/2015	BH00001	16/01/2015	0000001	Bán hàng cho công ty	41.000.000	41.000.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00002	17/01/2015			62.500.000	62.500.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00003	17/01/2015	0000004		33.000.000	33.000.000	
19/01/2015	19/01/2015	NTTK00003	19/01/2015	0000005	Thu tiền bán hàng	15.000.000	15.000.000	
20/01/2015	20/01/2015	PC00007	19/01/2015		Trả lại tiền hàng cho k		0	0
Số đồng = 6						707.000.000	707.000.000	

» Sổ chi tiết bán hàng

- Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Bán hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Sổ chi tiết bán hàng**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, nhóm VTHH, đơn vị, nhân viên, nhóm khách hàng, vật tư, hàng hoá, khách hàng:

Sổ chi tiết bán hàng

Báo cáo: 2. Sổ chi tiết bán hàng

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 Đơn vị:
 Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015 Nhân viên:
 Nhóm V/THH Nhóm KH:

Mã hàng	Tên hàng
✓ BIA	Bia hơi
✓ CHI	Chi khâu 500m
✓ CPMH	Chi phí mua hàng
✓ ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7
✓ ĐT_SAMSUNG D9	Điện thoại SAMSUNG D9

Mã khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ
✓ CT_HUEHOA	Công ty CP Huệ Hoa	Số 86, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
✓ CT_TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	Số 32, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội
✓ CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	Số 26, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
✓ CTY_BAO OANH	Công ty TNHH Bảo Oanh	1024 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
✓ CTY_HOA ANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh	1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Tệp Danh mục Nghiệp vụ Hệ thống Tiện ích Trợ giúp **Dang làm việc trên: Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC** Thông báo

Chọn chi nhánh làm việc Tìm kiếm Báo cáo Ngày hạch toán Nạp Mẫu Báo cáo đã cắt Thu gọn Xuất khẩu In Giúp

Báo giá Đơn đặt hàng Bán hàng Xuất hóa đơn Trả lại hàng bán Giảm giá hàng bán Thu nợ Công nợ Thay đổi so với MISA SME.NET 2012

Chọn báo cáo...

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tháng 01 năm 2015

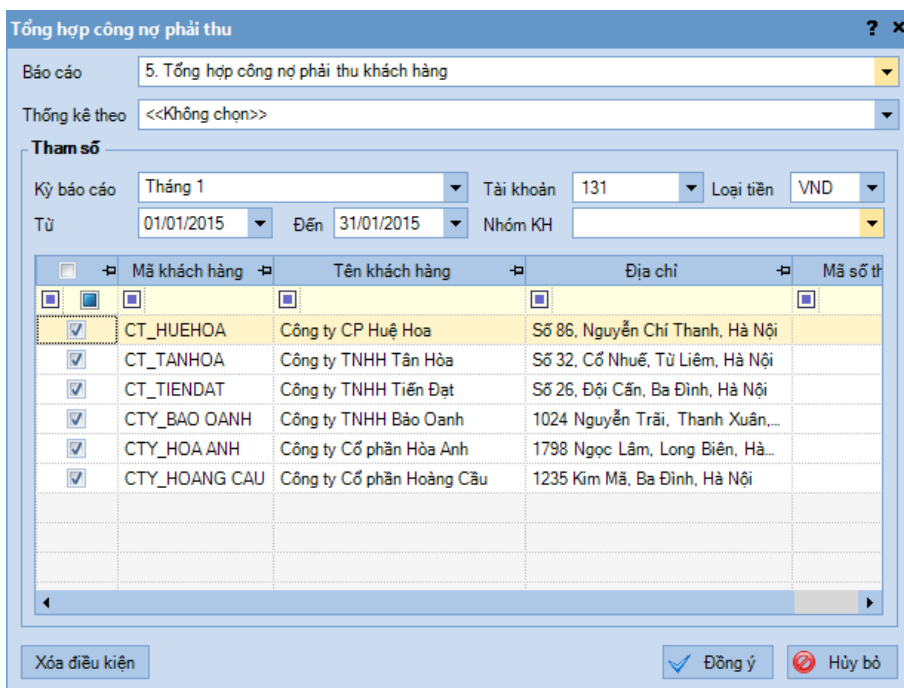
Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Diễn giải	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng bán	Đơn giá	Doanh số bán	Ch
12/01/2015	12/01/2015	BH0115.001	12/01/2015	0000019	Giao hàng t	TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 150 li	Chiếc	40,00	8.200.000,00	328.000.000	
12/01/2015	12/01/2015	BH0115.001	12/01/2015	0000019	Giao hàng t	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 li	Chiếc	35,00	6.500.000,00	227.500.000	
16/01/2015	16/01/2015	BH00001	16/01/2015	0000001	Bán hàng c	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 li	Chiếc	3,00	5.000.000,00	15.000.000	
16/01/2015	16/01/2015	BH00001	16/01/2015	0000001	Bán hàng c	TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 150 li	Chiếc	4,00	6.500.000,00	26.000.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00002	17/01/2015			TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 li	Chiếc	10,00	6.250.000,00	62.500.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00003	17/01/2015	0000004		ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	3,00	5.000.000,00	15.000.000	
17/01/2015	17/01/2015	BH00003	17/01/2015	0000004		ĐT_SAMSUNG	Điện thoại SAMSUNG	Chiếc	4,00	4.500.000,00	18.000.000	
19/01/2015	19/01/2015	NTTK00003	19/01/2015	0000005	Thu tiền bán	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	3,00	5.000.000,00	15.000.000	
20/01/2015	20/01/2015	PC00007	19/01/2015		Trả lại tiền h	ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	0,00	5.000.000,00	0	
Số dòng = 9										102,00	707.000.000	

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 Tên DLKT: KE_TOAN_2015 Người dùng: Admin Tổng đài tư vấn: 1900-8677 OVR NUM 10:32 SA 10/01/2015

» Tổng hợp công nợ phải thu khách hàng

- Tại phân hệ **Bán hàng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Bán hàng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Tổng hợp công nợ phải thu khách hàng**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, tài khoản, loại tiền, nhóm khách hàng, khách hàng:



Mã khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ	Mã số thuế
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_HUEHOA	Công ty CP Huệ Hoa	Số 86, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	Số 32, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	Số 26, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_BAO OANH	Công ty TNHH Bảo Oanh	1024 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân...
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HOA ANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh	1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà...
<input checked="" type="checkbox"/>	CTY_HOANG CAU	Công ty Cổ phần Hoàng Cầu	1235 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Xem báo cáo:

Chương 5: Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU
Tài khoản: 131; Loại tiền: VND; Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã khách hàng	Tên khách hàng	TK công nợ	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
CT_TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	131	80.000.000	0	0	60.510.000	19.490.000	0
CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiến Đạt	131	80.000.000	0	681.244.500	610.494.500	150.750.000	0
CTY_HOANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh	131	0	0	81.400.000	23.650.000	57.750.000	0
Số đóng = 3			160.000.000	0	762.644.500	694.654.500	227.990.000	0

Câu hỏi ôn tập

1. Hãy nêu các khoản giảm trừ doanh thu và cách hạch toán trên phần mềm kế toán MISA SME.NET
2. Nêu quy trình bán hàng thông thường của một doanh nghiệp?
3. Các danh mục phải khai báo khi hạch toán các chứng từ liên quan đến bán hàng?
4. Liệt kê một số chứng từ được sử dụng cho việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động bán hàng?

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động bán hàng như sau:

1. Ngày 07/01/2020, bán hàng cho Công ty TNHH Tiến Đạt (VAT: 10%; chưa thu tiền). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000002, ký hiệu AB/17T
 - Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCTCT: 4.000.000 (VND/chiếc)
 - Tivi LG 29 inches SL: 03, ĐGCTCT: 9.800.000 (VND/chiếc)

2. Ngày 11/01/2020, bán hàng thu tiền gửi ngân hàng Công thương của Công ty TNHH Trà Anh (VAT:10%). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000003, ký hiệu AB/17T
 - Điện thoại NOKIA N6 SL: 05, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại SAMSUNG E8 SL: 05, ĐGCTCT:5.410.000 (VND/chiếc)
3. Ngày 27/01/2020, Công ty cổ phần Hoa Nam đặt hàng gồm (VAT 10%).
 - Điện thoại NOKIA N7 SL: 02, ĐGCTCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại NOKIA D9 SL: 04, ĐGCTCT:5.500.000 (VND/chiếc)
4. Ngày 28/01/2020, chuyển hàng cho Công ty cổ phần Hoa Nam theo đơn hàng ngày 27/01/2020, chưa thu tiền (Tỷ lệ chiết khấu 2% với mỗi mặt hàng). Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000004, ký hiệu AB/17T
 - Điện thoại NOKIA N7 SL: 02, ĐGCT:5.800.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại NOKIA D9 SL: 04, ĐGCT:5.500.000 (VND/chiếc)
5. Ngày 29/01/2020, Công ty Cổ phần Hoa Nam trả lại hàng. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0001234, ký hiệu AC/17P
 - Điện thoại NOKIA N7 SL: 01
6. Ngày 27/02/2020, bán hàng cho Công ty TNHH Tân Hòa, thu bằng tiền gửi tại ngân hàng Công thương, VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000005, ký hiệu AB/17T
 - Tivi LG 19 inches SL: 03, ĐGCT: 3.400.000 (VND/chiếc)
 - Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCT: 3.800.000 (VND/chiếc)
7. Ngày 28/02/2020, bán hàng cho Công ty cổ phần Thái Lan chưa thu tiền. VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000006, ký hiệu AB/17T
 - Tivi LG 19 inches SL: 02, ĐGCT: 3.400.000 (VND/chiếc)

8. Ngày 06/03/2020, bán hàng cho khách lẻ thu tiền mặt, VAT 10%. Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000007, ký hiệu AB/17T

➤ ĐH SHIMAZU 24000BTU SL: 03, ĐGCT:16.600.000 (VND/chiếc)

▶▶ Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 trang. và khai báo thêm danh mục (nếu cần).
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- In Sổ chi tiết bán hàng, Nhật ký bán hàng, Tổng hợp công nợ phải thu,...

CHƯƠNG 7

KẾ TOÁN KHO

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

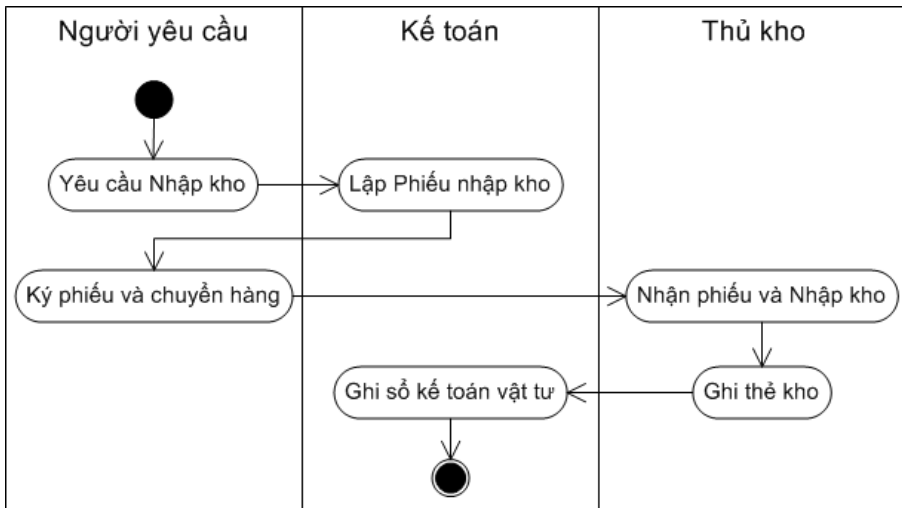
- Nguyên tắc hạch toán
- Mô hình hoạt động nhập, xuất kho
- Sơ đồ hạch toán kế toán kho
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nguyên tắc hạch toán

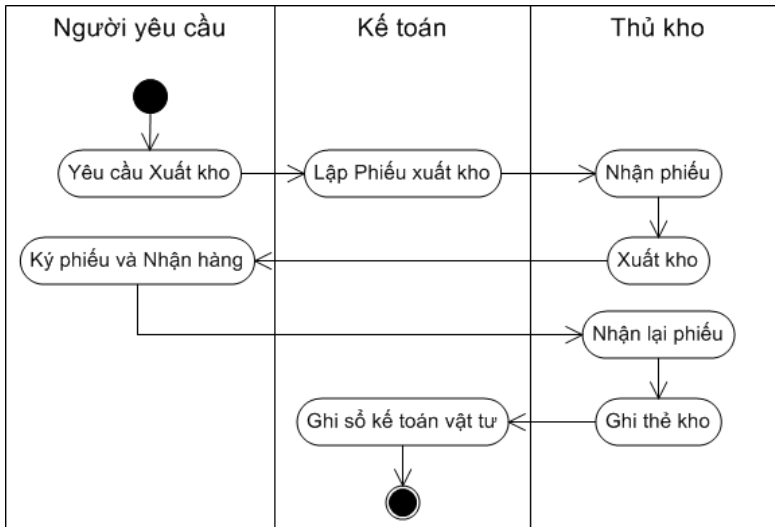
- Kế toán nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”.
- Việc tính giá trị của vật tư xuất kho được thực hiện theo một trong các phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán 02 “Hàng tồn kho”:
- Phương pháp giá đích danh.
- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước.
 - Kế toán chi tiết vật tư phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm vật tư.

Mô hình hóa hoạt động nhập, xuất kho

1.42.17 Mô hình hóa hoạt động nhập kho

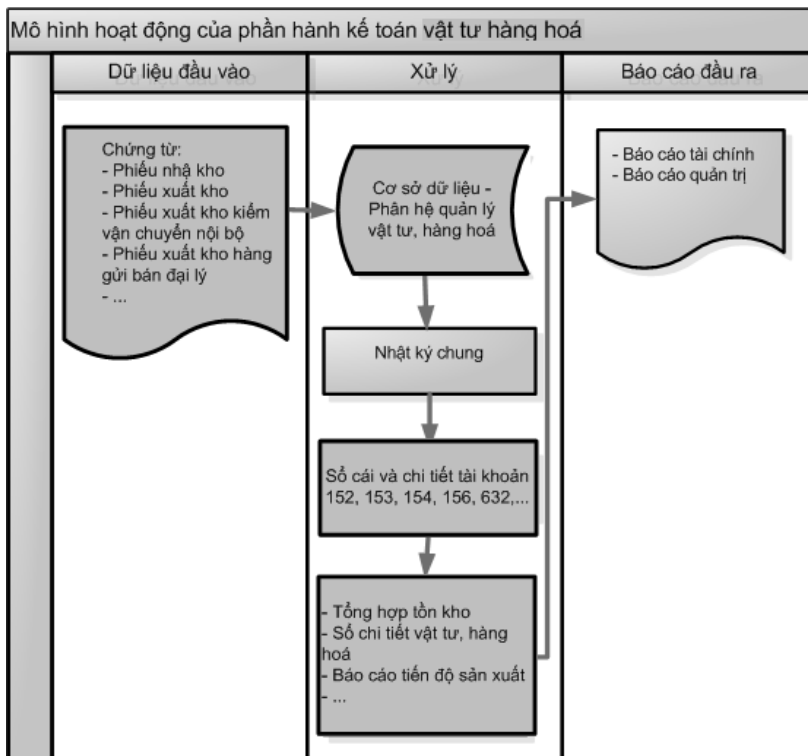


1.42.18 Mô hình hóa hoạt động xuất kho

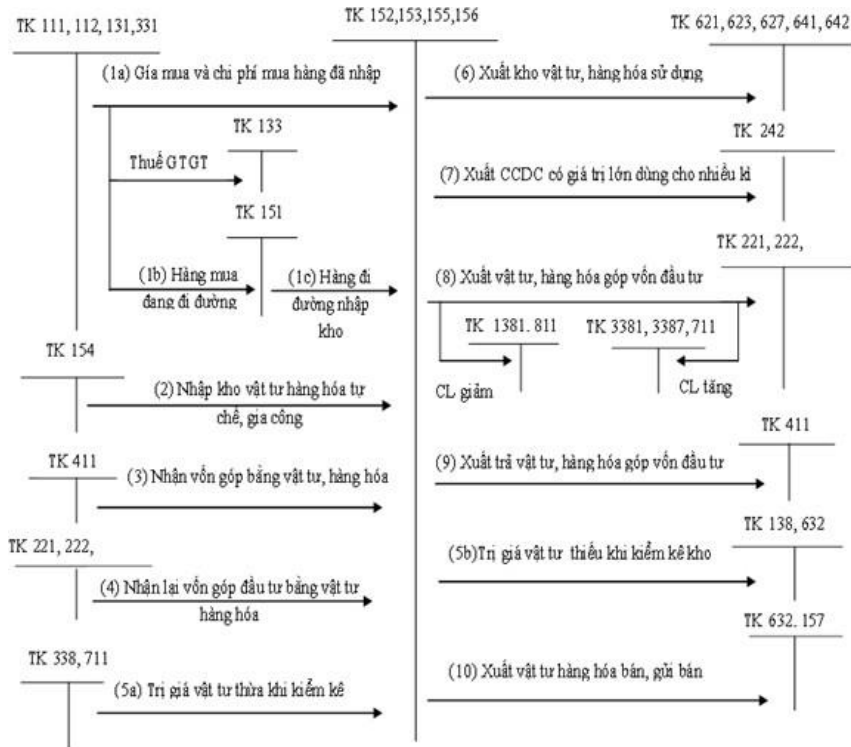


Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.19 Quy trình xử lý trên phần mềm



1.42.20 Sơ đồ hạch toán kế toán kho.



1.42.21 Hướng dẫn nhập các nghiệp vụ kinh tế

1.42.21.1 Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán kho bao gồm:

- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý

Một số mẫu chứng từ điển hình:

▶▶ Phiếu nhập kho

Mẫu số: 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH XYZ
Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 03 tháng 01 năm 2015 Ng: 1561
Số: NK0115.001 C: 331

- Họ và tên người giao: Công ty TNHH Phú Thế
- Theo hóa đơn số 0012745 ngày 03 tháng 01 năm 2015 của Công ty TNHH Phú Thế
- Nhập tại kho: Kho Hàng hóa Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lit	TL_TOSHIBA 110	Chiếc	35,00		5.000.000,00	175.000.000
2	Tủ lạnh TOSHIBA 150 lit	TL_TOSHIBA 150	Chiếc	40,00		7.000.000,00	280.000.000
Cộng							455.000.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn.**
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày tháng năm

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)
Người giao hàng
(Ký, họ tên)
Thủ kho
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

►► Phiếu xuất kho

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH XYZ
Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 17 tháng 01 năm 2015 Ng: 632
Số: XK00001 C: 1561

- Họ và tên người nhận hàng: Công ty Cổ phần Hòa Anh
- Địa chỉ (bộ phận): 1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
- Lý do xuất kho:
- Xuất tại kho (ngân lô): Kho Hàng hóa Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Điện thoại NOKIA N7	ĐT_NOKIA N7	Chiếc	3,00		4.288.888,89	12.866.667
2	Điện thoại SAMSUNG D9	ĐT_SAMSUNG D9	Chiếc	4,00		4.080.000,00	16.320.000
Cộng							29.186.667

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **Hai mươi chín triệu một trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng chẵn.**
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày tháng năm

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)
Người nhận hàng
(Ký, họ tên)
Thủ kho
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

1.42.21.2 Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến phân hệ Kho trong phần mềm kế toán MISA SME.NET, NSD thực hiện như sau:

▶▶ Nghiệp vụ 1a: Giá mua và chi phí mua hàng đã nhập kho => xem nghiệp vụ 2 - chương Kế toán mua hàng và công nợ phải trả (trang 158).

▶▶ Nghiệp vụ 1b: Hàng mua đi đường

VD: Ngày 20/01/2015, mua của công ty Hồng Hà 20 điện thoại Nokia N7, đơn giá 4.500.000 VND. (VAT 10%, ký hiệu AA/15P, số 7654321.

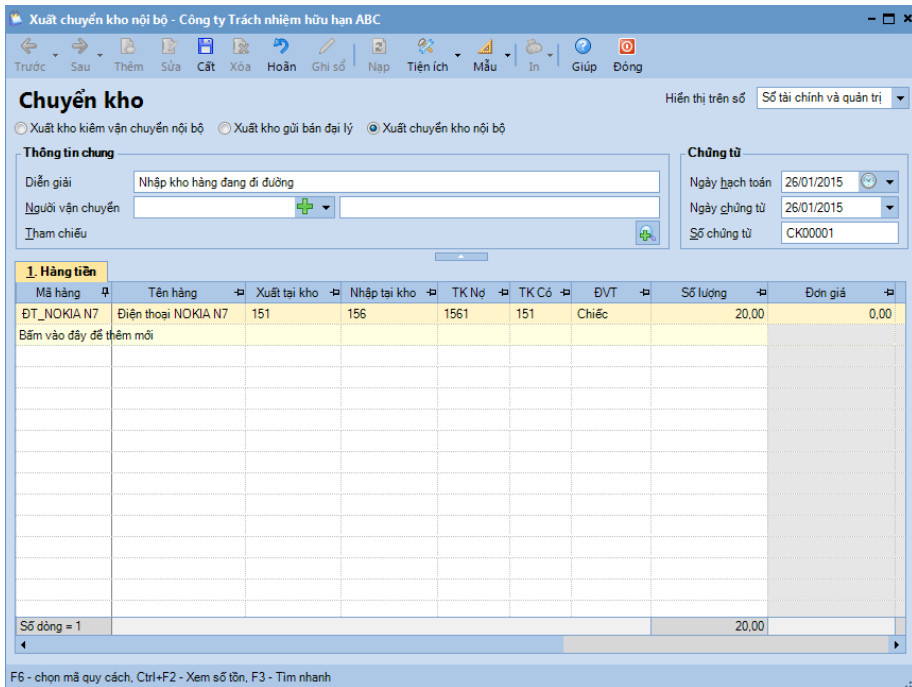
Chưa thanh toán cho người bán. Hóa đơn đã về nhưng hàng chưa về.

NSD nhập liệu như đã hướng dẫn ở chương Kế toán mua hàng và công nợ phải trả:

▶▶ Nghiệp vụ 1c: Hàng đang đi đường nhập kho

VD: Ngày 26/01/2015 số hàng ở nghiệp vụ (1b) đã về nhập kho.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Chuyển kho** (hoặc trên tab **Chuyển kho** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:



- Lựa chọn loại chứng từ nhập kho là “*Xuất chuyển kho nội bộ*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ chuyển kho.
- Ngày chứng từ: 26/01/2015
- Tab Hàng tiền: Chọn mã hàng tương ứng là điện thoại Nokia N7, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Xuất tại kho: Chọn kho 151/Nhập tại kho: Chọn kho 156.
- TK Nợ: Chọn TK 1561/TK Có: Chọn TK 151.
- Số lượng: 20
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ chuyển kho vừa nhập.

Giá xuất kho của lô hàng này sẽ được cập nhật sau khi thực hiện tính giá xuất kho vật tư, hàng hóa.

►► Nghiệp vụ 2: Nhập kho hàng hóa tự chế, gia công:

VD: Ngày 31/01/2015 phân xưởng 1 và 2 hoàn thành sản xuất, phân xưởng 1 nhập kho 150 quần nam và 160 quần nữ, phân xưởng 2 nhập kho 150 sơ mi nam, 160 sơ mi nữ.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Nhập kho** (hoặc trên tab **Nhập, xuất kho** chức năng **Thêm\Nhập kho**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Phiếu nhập kho 1. Thành phẩm sản xuất Nhập số lệnh sản xuất

Thông tin chung

Người giao hàng:

Diễn giải: Sản xuất sản phẩm hoàn thành nhập kho

Kiểm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015

Ngày chứng từ: 31/01/2015

Số chứng từ: MH00006

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	
QUAN_NAM	Quần nam	K155	1551	154	Cái	150,00		
QUAN_NU	Quần nữ	K155	1551	154	Cái	160,00		
SOMI_NAM	Áo sơ mi nam	K155	1551	154	Cái	150,00		
SOMI_NU	Áo sơ mi nữ	K155	1551	154	Cái	160,00		
Số dòng = 4							620,00	

- Lựa chọn loại chứng từ nhập kho là “Thành phẩm sản xuất”.
- Hiện thị trên số: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ nhập kho.
- Ngày chứng từ: 31/01/2015
- Tab Hàng tiền:
 - Chọn mã hàng tương ứng là quần nam, quần nữ, áo sơ mi nam và áo sơ mi nữ, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
 - TK Nợ: Chọn TK 1551/TK Có: Chọn TK 154.

- Nhập số lượng quần, áo cần nhập kho tương ứng
- Tab Thống kê: Chọn mục đối tượng tập hợp chi phí là Phân xưởng 1 và 2 tương ứng với các sản phẩm.
- Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ nhập kho vừa nhập.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 3: Nhận vốn góp bằng vật tư, hàng hóa

VD: Ngày 24/01/2015 công ty Hà Thành tham gia góp vốn liên doanh vào công ty bằng 10 máy tính Intel, giá trị được đánh giá là 8.500.000 VND/cái NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Nhập kho** (hoặc trên tab **Nhập, xuất kho** chức năng **Thêm\Nhập kho**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

The screenshot shows the 'Phiếu nhập kho' (Purchase Receipt) form in the MISA JSC software. The form is titled 'Phiếu nhập kho' and is for 'Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC'. It includes a 'Thông tin chung' (General Information) section with fields for 'Đối tượng' (Counterparty) set to 'CTY_HA THANH', 'Người giao hàng' (Supplier), 'Diễn giải' (Description) set to 'Công ty Hà Thành góp vốn bằng hàng hoá', and 'Kèm theo' (Attachments) set to 'chứng từ gốc'. The 'Chứng từ' (Receipt) section shows 'Ngày hạch toán' (Accounting Date) as 24/01/2015, 'Ngày chứng từ' (Receipt Date) as 24/01/2015, and 'Số chứng từ' (Receipt Number) as MH00007. Below the form is a table with columns: Mã hàng (Item Code), Tên hàng (Item Name), Kho (Warehouse), TK No (Account No), TK Có (Account No), ĐVT (Unit), Số lượng (Quantity), Đơn giá (Unit Price), and Thành tiền (Amount). The table contains one row for 'MÁY TÍNH INTEL' with a quantity of 10, a unit price of 8,500,000, and a total amount of 85,000,000. The bottom of the form shows 'Số dòng = 1' (Number of rows = 1) and the total amount '85.000.000'.

- Lựa chọn loại chứng từ nhập kho là “*Khác (NVL thừa, HH thuê gia công...*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Đối tượng: Chọn mã đối tượng tương ứng với công ty Hà Thành, phần mềm sẽ tự động hiện thị các thông tin liên quan.
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ nhập kho.
- Ngày chứng từ: 24/01/2015

- Chọn mã hàng tương ứng là máy tính Intel, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Kho: Chọn kho 153
- TK Nợ: Chọn TK 1531/TK Có: Chọn TK 41111
- Nhập số lượng 10, đơn giá 8.500.000 VND
- Nhấn <<**Cất**>> để lưu chứng từ nhập kho vừa nhập.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 4: Tương tự các nghiệp vụ trên
 - ▶▶ Nghiệp vụ 5a, 5b: Trị giá vật tư hàng hóa thiếu, thừa khi kiểm kê
 VD: Ngày 02/02/2015 kiểm kê kho phát hiện: trong kho chỉ có 09 điện thoại Samsung D9, thiếu 02 điện thoại so với trong sổ sách. Chưa phát hiện rõ nguyên nhân.
 NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Kiểm kê** (hoặc trên tab **Kiểm kê** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Kiểm kê kho: Chọn kho cần kiểm kê là kho hàng hoá
- Đến ngày: Chọn ngày làm căn cứ để kiểm kê
- Nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm hiển thị chứng từ xử lý chênh lệch kiểm kê hàng hoá:

Bảng kiểm kê vật tư, hàng hóa - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Lập PN Lập PX Nap Đính kèm Giúp Đóng

Bảng kiểm kê vật tư, hàng hóa

Kiểm kê Thành viên tham gia Kết quả xử lý

Thông tin chung

Mục đích: Kiểm kê kho hàng hoá
 Kiểm kê kho: 156 Đến ngày: 02/02/2015
 Tham chiếu:

Chứng từ

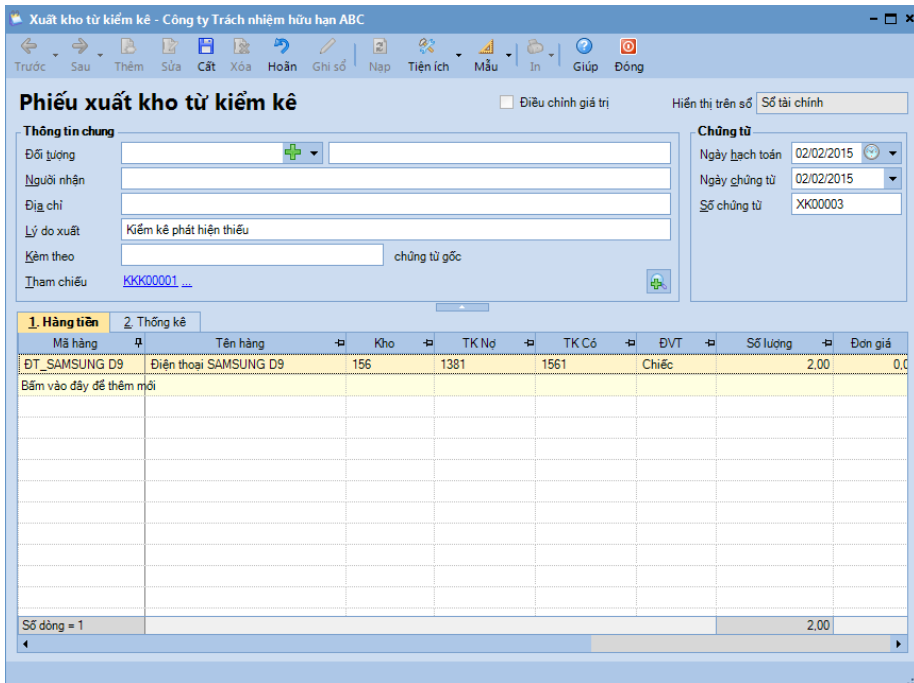
Số: KKK00001
 Ngày: 02/02/2015
 Giờ: 14:25:05

Kiểm kê giá trị

1. Vật tư, hàng hóa cần điều chỉnh

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng			Xử lý
			Theo sổ kế toán	Theo kiểm kê	Chênh lệch	
ĐT_SAMSUNG D	Điện thoại SAMSUNG D9	Chiếc	11,00	9,00	(2,00)	Xuất kho
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			11,00	9,00	(2,00)	

- Mục đích: Nhập nội dung chi tiết của việc kiểm kê kho
- Ngày: 02/02/2015
- Tab Hàng tiền: Chọn mã hàng phát sinh thừa hoặc thiếu khi kiểm kê => chọn điện tại Samsung D9.
- Số lượng (theo kiểm kê): 9
- Nhấn <<Cắt>>, để lưu bảng kiểm kê hàng hoá vừa lập.
- Chọn chức năng **Lập phiếu xuất** trên thanh công cụ, phần mềm sẽ tự động lập phiếu xuất kho tương ứng với 02 điện thoại Samsung D9 bị thiếu:



- Nhấn <<Cắt>> để lưu phiếu xuất kho vừa lập.

*Nếu muốn kiểm kê cả giá trị của hàng hoá trong kho, NSD tích chọn mục **Kiểm kê giá trị**.*

*Trường hợp muốn lấy danh sách vật tư, hàng hoá trên sổ để đi đối chiếu với thực tế, NSD có thể sử dụng chức năng **Xuất khẩu danh sách VTHH**.*

» Nghiệp vụ 6: Xuất kho vật tư sử dụng

VD: Ngày 21/01/2015 xuất kho 500m vải kaki khổ 1.4m và 500m vải kaki khổ 1,5m phục vụ cho sản xuất ở phân xưởng 2.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Xuất kho** (hoặc trên tab **Nhập**, **xuất kho** chức năng **Thêm**(**Xuất kho**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Lựa chọn loại chứng từ xuất kho là “*Sản xuất*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
- Lý do xuất: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ xuất kho.
- Ngày chứng từ: 21/01/2015
- Tab Hàng tiền:
 - Chọn mã hàng tương ứng là vải kaki khổ 1,4 m và khổ 1,5 m, phần mềm sẽ tự động hiện thị các thông tin liên quan.
 - Kho: Chọn kho K152
 - TK Nợ: Chọn TK 621/TK Có: Chọn TK 152
 - Nhập số lượng tương ứng với từng loại vải
- Tab Thống kê: Chọn đối tượng tập hợp chi phí là Phân xưởng 2 tương ứng với từng loại vải
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ xuất kho vừa nhập.

► Nghiệp vụ 7: Xuất dùng CCDC có giá trị lớn dùng trong nhiều kì.

VD: Ngày 21/01/2015, xuất kho máy tính Intel, dùng cho phòng Kế toán.
Được phân bổ trong 3 kỳ.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Kho**, chọn chức năng **Xuất kho** (hoặc trên tab **Nhập, xuất kho** chức năng **Thêm\Xuất kho**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

The screenshot shows the 'Phiếu xuất kho' form with the following details:

- Thông tin chung:**
 - Đối tượng: (empty)
 - Người nhận: (empty)
 - Địa chỉ: (empty)
 - Lý do xuất: Xuất cho phòng Kế toán
 - Kèm theo: (empty)
 - Tham chiếu: (empty)
- Chứng từ:**
 - Ngày hạch toán: 21/01/2015
 - Ngày chứng từ: 21/01/2015
 - Số chứng từ: XK00005
- Table:**

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
MT_INTEL	Máy tính Intel	153	242	1531	Chiếc	1.00	
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1						1.00	

- Lựa chọn loại chứng từ xuất kho là “*Khác (Xuất sử dụng, góp vốn...*”.
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Lý do xuất: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ xuất kho.
- Ngày chứng từ: 21/01/2015
- Chọn mã hàng tương ứng là máy tính Intel, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan.
- Kho: Chọn kho 153

- TK Nợ: Chọn TK 242/TK Có: Chọn TK 1531
- Nhập số lượng: 1
- Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ xuất kho vừa nhập.

▶▶ Nghiệp vụ 8: Xuất vật tư góp vốn đầu tư

VD: Ngày 22/01/2015, góp vốn liên kết vào công ty Hà Liên. Gồm: 4 Điện thoại Nokia N7. Đơn giá xuất kho là 4.500.000 VND/cái. Giá được công ty Hà Liên chấp nhận là 5.000.000 VND/cái. Như vậy tổng giá trị điện thoại được đánh giá cao hơn thực tế là 2.000.000 VND.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Để phản ánh giá trị hàng hóa xuất kho: thực hiện ở mục **Xuất kho** tại phân hệ **Kho**, tương tự như ở các nghiệp vụ trên. (Giá xuất kho được cập nhật sau khi thực hiện tính giá xuất kho, giả sử trong trường hợp này giá xuất kho là 4.500.00 VND)
- Để phản ánh số chênh lệch tăng giá trị hàng hóa được đánh giá tăng, NSD chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** tại phân hệ **Tổng hợp**, sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

The screenshot shows the 'Chứng từ nghiệp vụ khác' (Other Business Voucher) form in the MISA JSC software. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung (General Information):**
 - Diễn giải (Description): Lãi đánh giá chênh lệch tăng giá trị hàng hoá mang đi góp vốn
 - Nhân viên (Employee): [Empty field]
 - Tham chiếu (Reference): [Empty field]
- Chứng từ (Voucher):**
 - Ngày hạch toán (Accounting Date): 22/01/2015
 - Ngày chứng từ (Voucher Date): 22/01/2015
 - Số chứng từ (Voucher Number): NVK00004
- Loại tiền (Currency):** VND
- Tỷ giá (Exchange Rate):** 1.00
- Table:**

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	TK ngân hàng	Khoá
Lãi đánh giá chênh lệch tăng giá trị hàng	222	711	2.000.000				
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1			2.000.000				

- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ cần lập.
 - Ngày chứng từ: 22/01/2015
 - TK Nợ: Chọn TK 222/ TK Có: Chọn TK 711
 - + Số tiền: 2.000.000 VND
 - Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- ▶▶ Nghiệp vụ 9: Tương tự nghiệp vụ trên.
- ▶▶ Nghiệp vụ 10:
- Xuất hàng đi gửi bán => thực hiện tương tự nghiệp vụ xuất kho 1c
 - Xuất hàng bán: phần mềm tự động lập phiếu xuất kho khi NSD khai báo chứng từ ở phân hệ **Bán hàng**.

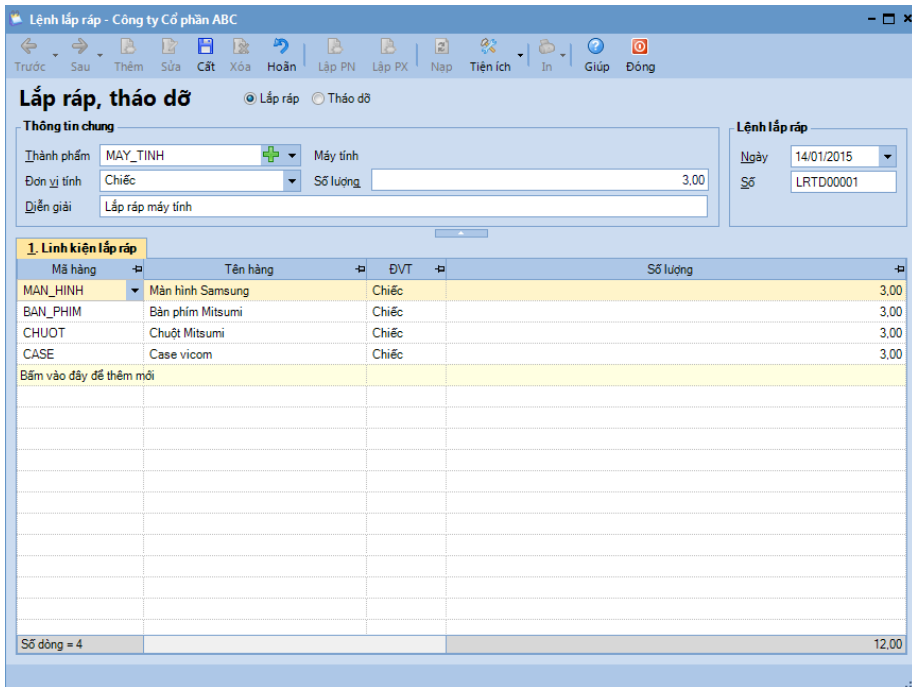
1.42.21.3 Chức năng bổ sung khác

- ▶▶ Tính giá xuất kho
- Phần mềm kế toán MISA SME.NET có chức năng tự động tính giá xuất kho tùy theo phương pháp tính giá mà doanh nghiệp chọn.
- Nếu doanh nghiệp chọn phương pháp bình quân cuối kỳ thì định kỳ kế toán mới thực hiện tính giá xuất kho. NSD chọn chức năng **Tính giá xuất kho** trên phân hệ **Kho**, phần mềm sẽ tự động tính giá xuất kho cho vật tư, hàng hoá.

***Vật tư hàng hoá:** Có thể thực hiện tính giá cho tất cả các vật tư, hàng hoá hoặc cho từng vật tư, hàng hoá*

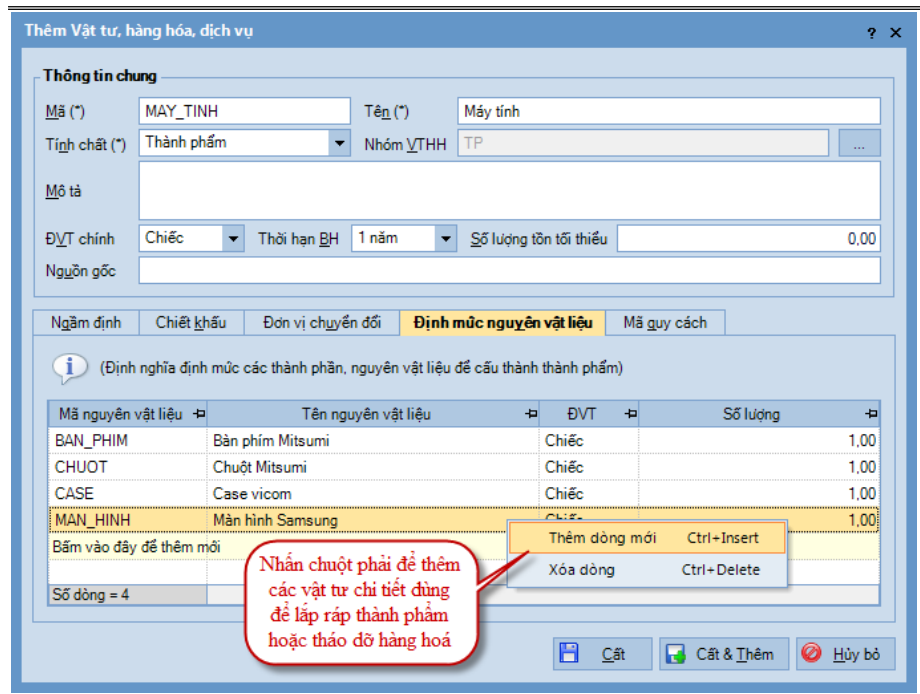
***Kỳ tính giá:** Tính giá xuất theo kỳ là tháng, quý... hoặc tùy chọn, thì phần mềm sẽ tự động tính theo kỳ trong khoảng thời gian đã chọn*

- Nếu doanh nghiệp chọn phương pháp Giá đích danh, với mỗi lần xuất kho, phần mềm cho phép NSD chọn chứng từ nhập tương ứng của vật tư hàng hóa cần xuất và xác định được ngay giá xuất kho.
- Nếu doanh nghiệp áp dụng phương pháp Bình quân tức thời hoặc Nhập trước-xuất trước, phần mềm cho phép NSD chọn thời điểm tính giá xuất kho. Nếu NSD chọn thời điểm tính giá ngay sau khi lập chứng từ thì phần mềm sẽ tự động tính ra giá xuất kho ngay khi lập chứng từ.
 - ▶ **Lắp ráp, tháo dỡ vật tư, thành phẩm, CCDC**
Phần mềm kế toán MISA SME.NET còn hỗ trợ các đơn vị thực hiện lắp ráp 1 thành phẩm từ nhiều vật tư chi tiết hoặc tháo dỡ 1 vật tư thành nhiều bộ phận chi tiết khác nhau.
NSD chọn chức năng **Lệnh lắp ráp, tháo dỡ** trên phân hệ **Kho** (hoặc trên tab **Lắp ráp, tháo dỡ**, chọn chức năng **Thêm**) để thực hiện lắp ráp hoặc tháo dỡ vật tư hàng hóa tương ứng:
- Sau khi khai báo xong Lệnh lắp ráp, NSD sẽ chọn chức năng **Lập Phiếu nhập** trên thanh công cụ để nhập kho thành phẩm được lắp ráp và chức năng **Lập Phiếu xuất** để xuất các linh kiện tương ứng tạo thành thành phẩm. Đơn giá xuất kho sẽ được chương trình tự động tính theo phương pháp tính mà người dùng mà NSD đã chọn:



- Khi khai báo Lệnh tháo dỡ, NSD thực hiện tương tự => chọn chức năng Lập Phiếu xuất để xuất kho vật tư cần tháo dỡ và chức năng Lập Phiếu nhập để nhập kho bộ phận chi tiết (thành phẩm) được tháo dỡ, NSD cần phải tự nhập đơn giá cho các bộ phận được tháo dỡ thành.

*Đối với các vật tư hàng hóa được đưa đi lắp ráp, tháo dỡ, khi khai báo trên danh mục VTHH, NSD cần chọn tính chất cho các VTHH này là **Thành phẩm**. Đồng thời thực hiện khai báo định mức lắp ráp, tháo dỡ trên tab **Định mức nguyên vật liệu**:*

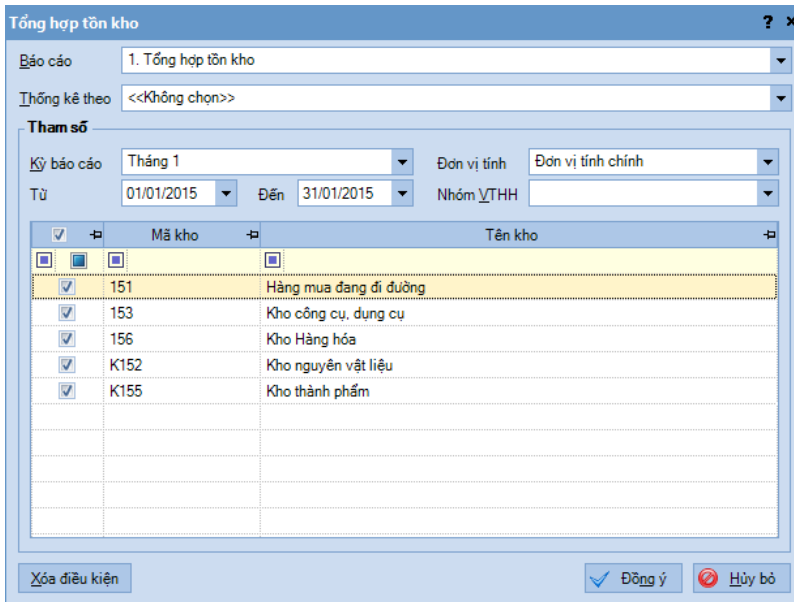


1.42.22 Xem và in báo cáo kho

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến nhập, xuất kho, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo liên quan đến phần nhập, xuất kho.

►► Tổng hợp tồn kho.

- Tại phân hệ **Kho**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Kho** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>
- Chọn báo cáo là **Tổng hợp tồn kho**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, đơn vị tính, nhóm VTHH, kho:



- Xem báo cáo

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tên kho : Hàng mua đang đi đường (1)			0,00	0	20,00	90.000.000	20,00	90.000.000	0,00	0
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	0,00	0	20,00	90.000.000	20,00	90.000.000	0,00	0
Tên kho : Kho công cụ, dụng cụ (1)			0,00	0	10,00	85.000.000	1,00	8.500.000	9,00	76.500.000
MT_INTEL	Máy tính Intel	Chiếc	0,00	0	10,00	85.000.000	1,00	8.500.000	9,00	76.500.000
Tên kho : Kho Hàng hóa (5)			98,00	574.000.000	4.121,00	809.512.483	112,00	637.864.827	4.107,00	745.647.656
BIA	Bia hơi	Lít	0,00	0	4.000,00	156.078.000	0,00	0	4.000,00	156.078.000
ĐT_NOKIA N7	Điện thoại NOKIA N7	Chiếc	0,00	0	31,00	137.234.483	11,00	48.544.827	20,00	88.689.656
ĐT_SAMSUNG	Điện thoại SAMSUNG D9	Chiếc	0,00	0	15,00	61.200.000	4,00	16.320.000	11,00	44.880.000
TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	Chiếc	56,00	280.000.000	35,00	175.000.000	53,00	265.000.000	38,00	190.000.000
TL_TOSHIBA150	Tủ lạnh TOSHIBA 150 lít	Chiếc	42,00	294.000.000	40,00	280.000.000	44,00	308.000.000	38,00	266.000.000
Tên kho : Kho nguyên vật liệu (2)			0,00	0	0,00	0	1.000,00	0	(1.000,00)	0
KAKI 1.4	Vải kaki khổ 1.4m	m	0,00	0	0,00	0	500,00	0	(500,00)	0
KAKI 1.5	Vải kaki khổ 1.5m	m	0,00	0	0,00	0	500,00	0	(500,00)	0
Tên kho : Kho thành phẩm (4)			0,00	0	620,00	0	0,00	0	620,00	0
QUAN_NAM	Quần nam	Cái	0,00	0	150,00	0	0,00	0	150,00	0
QUAN_NU	Quần nữ	Cái	0,00	0	160,00	0	0,00	0	160,00	0
SOMI_NAM	Áo sơ mi nam	Cái	0,00	0	150,00	0	0,00	0	150,00	0
SOMI_NU	Áo sơ mi nữ	Cái	0,00	0	160,00	0	0,00	0	160,00	0
Số đồng = 13			98,00	574.000.000	4.771,00	984.512.483	1.133,00	736.364.827	3.796,00	822.147.656

» Sổ chi tiết vật tư hàng hóa

- Tại phân hệ **Kho**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Kho** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.

- Chọn báo cáo là **SỔ chi tiết vật tư, hàng hoá**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, kho, đơn vị tính, nhóm VTHH, VTHH:

Sổ chi tiết vật tư hàng hóa

Báo cáo: 2. Sổ chi tiết vật tư hàng hóa

Thống kê theo: <<Không chọn>>

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 Kho: <<Tất cả>>

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015 Đơn vị tính: Đơn vị tính chính

Nhóm VTHH: []

Mã hàng	Tên hàng
<input checked="" type="checkbox"/>	BI A Bia hơi
<input checked="" type="checkbox"/>	CHI Chi khâu 500m
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_NOKIA N7 Điện thoại NOKIA N7
<input checked="" type="checkbox"/>	ĐT_SAMSUNG D9 Điện thoại SAMSUNG D9
<input checked="" type="checkbox"/>	KAKI 1.4 Vải kaki khổ 1.4m
<input checked="" type="checkbox"/>	KAKI 1.5 Vải kaki khổ 1.5m
<input checked="" type="checkbox"/>	MT_INTEL Máy tính Intel
<input checked="" type="checkbox"/>	QUAN_NAM Quần nam
<input checked="" type="checkbox"/>	QUAN_NU Quần nữ

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo:

Đang làm việc trên: **Sổ tài chính - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC**

Chọn chi nhánh làm việc: [] Tìm kiếm: [] Báo cáo: [] Ngày hạch toán: [] Nạp: [] Mẫu: [] Báo cáo đã cắt: [] Thu gọn: [] Xuất khẩu: [] In: [] Thống báo: [] Giúp: []

Nhập, xuất kho Chuyển kho Lệnh sản xuất Lắp ráp, tháo dỡ Kiểm kê **Báo cáo phân tích** Quy trình Thay đổi so với MISA SME.NET 2012

Chọn báo cáo...

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA
Kho: <<Tất cả>>; Tháng 01 năm 2015

Mã kho	Mã hàng	Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: 151 (1)								20,00	90.000.000	20,00	90.000.000		
Mã hàng: ĐT_NOKIAN7 (2)								20,00	90.000.000	20,00	90.000.000		
		Hàng mua đang	Điện thoại NOKI	20/01/2015	20/01/2015	MH00005	4.500.000,00	20,00	90.000.000	0,00	0	20,00	90.000.000
		Hàng mua đang	Điện thoại NOKI	26/01/2015	26/01/2015	CK00001	4.500.000,00	0,00	0	20,00	90.000.000	0,00	0
Mã kho: 153 (1)								10,00	85.000.000	1,00	8.500.000		
Mã hàng: MT_INTEL (2)								10,00	85.000.000	1,00	8.500.000		
		Kho công cụ, du	Máy tính Intel	21/01/2015	21/01/2015	XK00005	8.500.000,00	0,00	0	1,00	8.500.000	(1,00)	(8.500.000)
		Kho công cụ, du	Máy tính Intel	24/01/2015	24/01/2015	MH00007	8.500.000,00	10,00	85.000.000	0,00	0	9,00	76.500.000
Mã kho: 156 (5)								4.121,00	809.512.483	112,00	637.864.827		
Mã hàng: BIA (1)								4.000,00	156.078.000	0,00	0		
		Kho Hàng hóa	Bia hơi	20/01/2015	20/01/2015	MH00003	39.019,50	4.000,00	156.078.000	0,00	0	4.000,00	156.078.000
Mã hàng: ĐT_NOKIAN7 (7)								31,00	137.234.483	11,00	48.544.827		
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	16/01/2015	16/01/2015	MH00002	4.280.000,00	10,00	42.800.000	0,00	0	10,00	42.800.000
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	17/01/2015	17/01/2015	XK00001	4.434.482,76	0,00	0	3,00	13.303.448	7,00	29.496.552
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	17/01/2015	17/01/2015	XK0119_001	4.200.000,00	0,00	0	1,00	4.200.000	6,00	25.296.552
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	19/01/2015	19/01/2015	XK00002	4.434.482,76	0,00	0	3,00	13.303.448	3,00	11.993.104
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	20/01/2015	20/01/2015	MH00004	4.434.482,76	1,00	4.434.483	0,00	0	4,00	16.427.587
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	22/01/2015	22/01/2015	XK00006	4.434.482,76	0,00	0	4,00	17.737.931	0,00	(1.310.344)
		Kho Hàng hóa	Điện thoại NOKI	26/01/2015	26/01/2015	CK00001	4.500.000,00	20,00	90.000.000	0,00	0	20,00	88.689.656
Số đồng = 30								4.771,00	984.512.483	1.133,00	736.364.827		

Máy chủ: HKDJUNG MISA SME 2015 Tên DLKT: KE_TOAN_2015 Người dùng: Admin Tổng dài tư vấn: 1900-9677 OVR NUM 4:19 CH 10/01/2015

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu trình tự kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến kế toán vật tư?
2. Trình bày lại mô hình hóa hoạt động nhập, xuất kho?
3. Các danh mục cần phải khai báo khi hạch toán các chứng từ liên quan đến vật tư, CCDC?
4. Liệt kê một số chứng từ được sử dụng cho việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến vật tư, CCDC?

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến kho vật tư, hàng hóa như sau:

1. Ngày 05/01/2020, Công ty TNHH Hà Liên biểu tặng:
 - Kéo SL: 10 ĐGCT trên thị trường: 50.000
 - Kim SL: 20 ĐGCT trên thị trường: 200.000
2. Ngày 15/01/2020, xuất vật tư cho phân xưởng 1 để sản xuất áo sơ mi, bao gồm:
 - Vải lon trắng SL: 1.600
 - Vải lon kẻ SL: 500
 - Cúc hộp 500 SL: 15
 - Chỉ khâu 500m SL: 100
3. Ngày 13/01/2020, công ty TNHH Hồng Hà góp vốn kinh doanh:
 - ĐH SHIMAZU 24000BTU SL: 10, ĐGCT: 15.000.000 VND
 - Điện thoại Nokia N7 SL: 20, ĐGCT: 7.000.000 VND
4. Ngày 25/01/2020, Xuất kho hàng hóa gửi bán cho công ty Hoa Nam

- Điện thoại Nokia N6 SL: 10, ĐGCT: 6.000.000 VND
- Điện thoại Samsung E8 SL: 5, ĐGCT: 5.500.000 VND

5. Ngày 30/01/2020, tiến hành kiểm kê kho, phát hiện thiếu 05 Hộp cục hộp, chưa rõ nguyên nhân.

▶▶ Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 và khai báo thêm danh mục (nếu cần).
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- Cập nhật giá xuất kho (bút toán tự động).
- In Báo cáo tổng hợp tồn kho; Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Thẻ kho, ...

CHƯƠNG 8

KẾ TOÁN CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

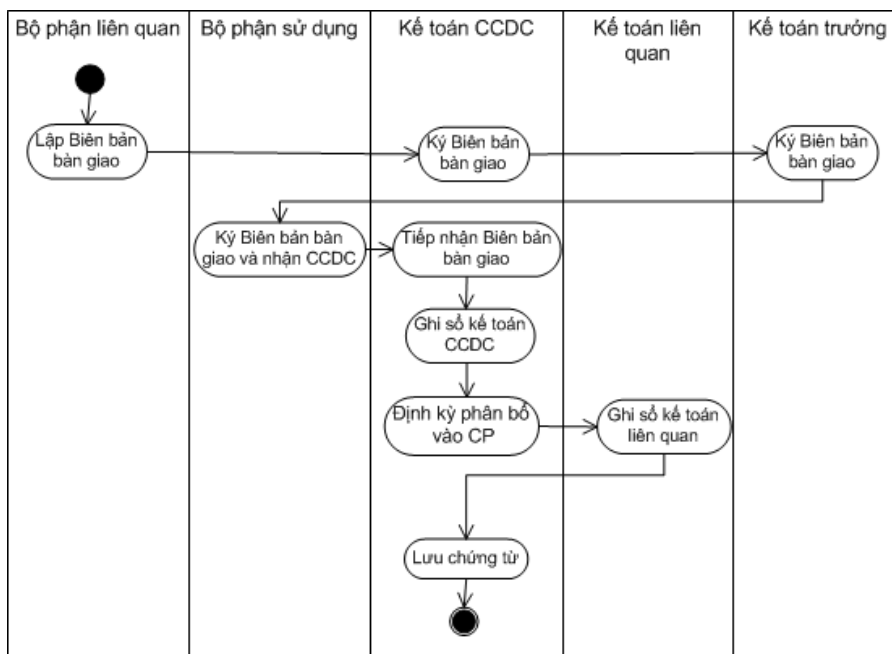
- Nguyên tắc hạch toán
- Mô hình hoạt động tăng, giảm Công cụ dụng cụ
- Sơ đồ hạch toán kế toán công cụ dụng cụ
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nguyên tắc hạch toán

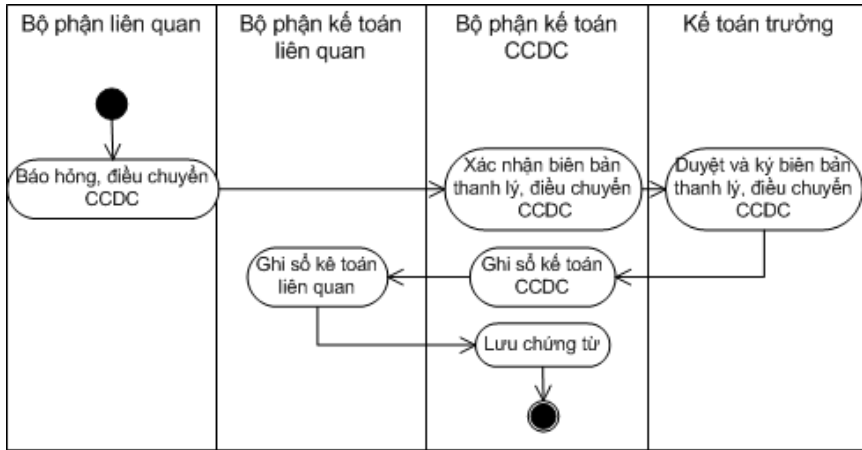
- CDCD xuất dùng cho sản xuất, kinh doanh phải được theo dõi về hiện vật và giá trị trên sổ kế toán chi tiết theo nơi sử dụng và người chịu trách nhiệm vật chất.
- Đối với các CCDC có giá trị nhỏ khi xuất dùng cho sản xuất, kinh doanh phải ghi nhận toàn bộ một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- Trường hợp xuất CCDC một lần có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài hoặc trong nhiều chu kỳ kinh doanh thì giá trị CCDC xuất dùng được ghi vào TK 142, 242 và phân bổ dần vào chi phí SX cho các kỳ kế toán.

Mô hình hóa hoạt động quản lý công cụ dụng cụ

1.42.23 Kế toán tăng CCDC

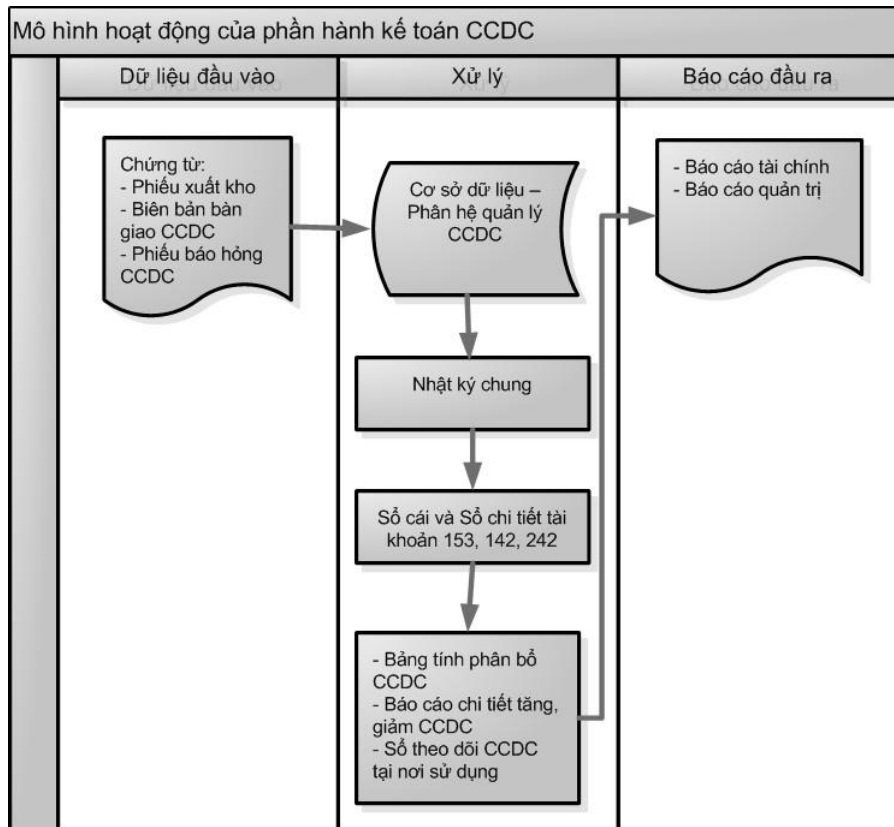


1.42.24 Kế toán giảm CCDC

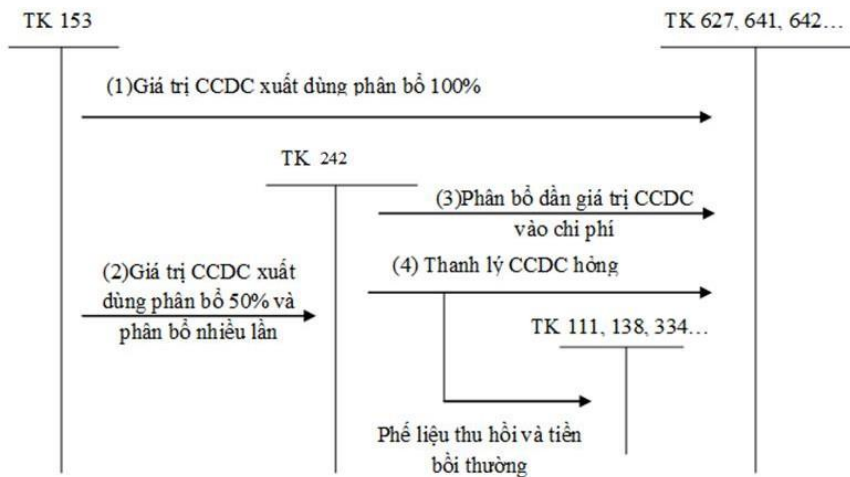


Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.25 Quy trình xử lý trên phần mềm



1.42.26 Sơ đồ hạch toán kế toán công cụ dụng cụ



1.42.27 Hướng dẫn nhập các nghiệp vụ kinh tế

1.42.27.1 Các chứng từ đầu vào liên quan

Chứng từ dùng cho việc hạch toán CCDC là Phiếu xuất kho, Hóa đơn mua hàng, Phiếu báo hỏng CCDC, biên bản bàn giao CCDC...

Mẫu chứng từ điển hình:

►► Phiếu xuất kho

Công ty TNHH XYZ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	Mẫu số: 02 - VT <i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>						
PHIẾU XUẤT KHO Ngày 21 tháng 01 năm 2015							
Số: XK00005	Nợ: 242 Có: 1531						
- Họ và tên người nhận hàng: - Địa chỉ (bộ phận): - Lý do xuất kho: Xuất cho phòng Kế toán - Xuất tại kho (ngăn ló): Kho công cụ, dụng cụ							
Địa điểm:							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính Intel	MT_INTEL	Chiếc	1,00		8.500.000,00	8.500.000
	Cộng						8.500.000
- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn. - Số chứng từ gốc kèm theo:		Ngày tháng năm					
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>			

1.42.27.2 Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến phân hệ Công cụ dụng cụ trong phần mềm kế toán MISA SME.NET, NSD thực hiện như sau:

►► Nghiệp vụ 1 và 2: Ghi tăng CCDC

VD: Ngày 24/01/2015 xuất máy tính Intel dùng cho phòng giám đốc, phân bổ trong 3 kỳ.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên: tiến hành xuất kho máy tính Intel. Cách thực hiện tương tự nghiệp vụ 7 thuộc phân hệ **Kho**.

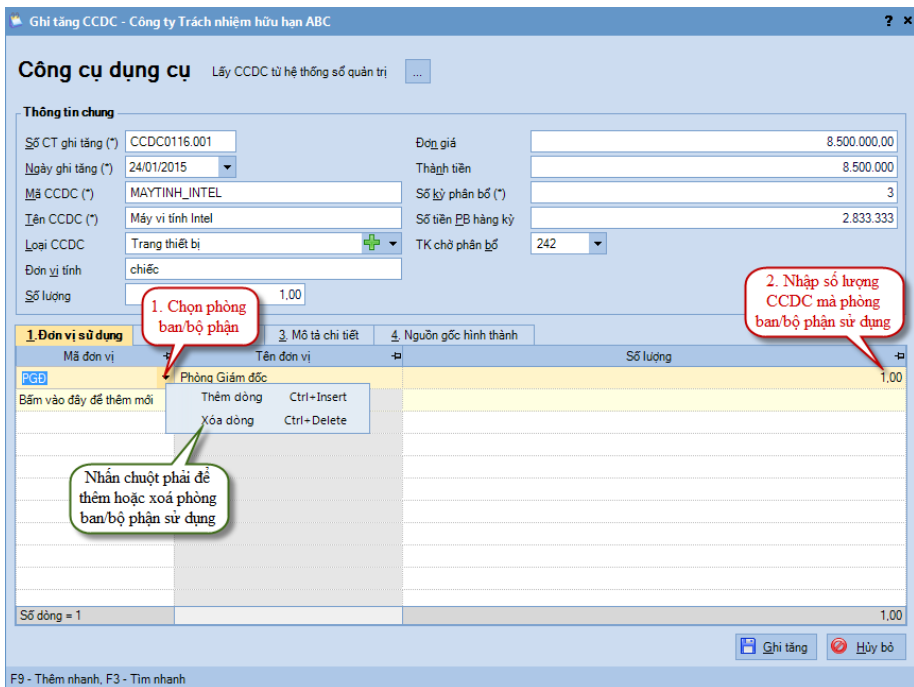
Chương 8: Kế toán công cụ dụng cụ

- Tiếp theo, NSD tiến hành ghi tăng CCDC => Tại phân hệ **Công cụ dụng cụ**, chọn chức năng **Ghi tăng** (hoặc trên tab **Ghi tăng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Khai báo các thông tin về CCDC tại phần **Thông tin chung**:

- Ngày ghi tăng: 24/01/2015

- Nhập mã và tên CCDC
- Số lượng: 1
- Đơn giá: 8.500.000 VND, phần mềm tự động tính ra thành tiền.
- Số kỳ phân bổ: 3, phần mềm tự động tính ra số tiền phân bổ trong từng kỳ.
- TK chờ phân bổ: 242 (phần mềm tự mặc định).
- Khai báo các phòng ban/bộ phận sử dụng CCDC trên tab **Đơn vị sử dụng**:



- Đơn vị: Chọn mã đơn vị là phòng Giám đốc
- Số lượng: 1
- Khai báo tỷ lệ phân bổ CCDC cho các đối tượng phân bổ (như: công trình, đối tượng tập hợp chi phí, đơn vị, đơn hàng, hợp đồng) trên tab **Thiết lập phân bổ**:

Chương 8: Kế toán công cụ dụng cụ

Ghi tăng CCDC - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Công cụ dụng cụ Lấy CCDC từ hệ thống số quản trị ...

Thông tin chung

Số CT ghi tăng (*)	CCDC0116.001	Đơn giá	8.500.000,00
Ngày ghi tăng (*)	24/01/2015	Thành tiền	8.500.000
Mã CCDC (*)	MAYTINH_INTEL	Số kỳ phân bổ (*)	3
Tên CCDC (*)	Máy vi tính Intel	Số tiền PB hàng kỳ	2.833.333
Loại CCDC	Trang thiết bị	TK chờ phân bổ	242
Đơn vị tính	chiếc		
Số lượng	1,00		

1. Đơn vị sử dụng 2. Thiết lập phân bổ 3. Mô tả chi tiết 4. Nguồn gốc hình thành

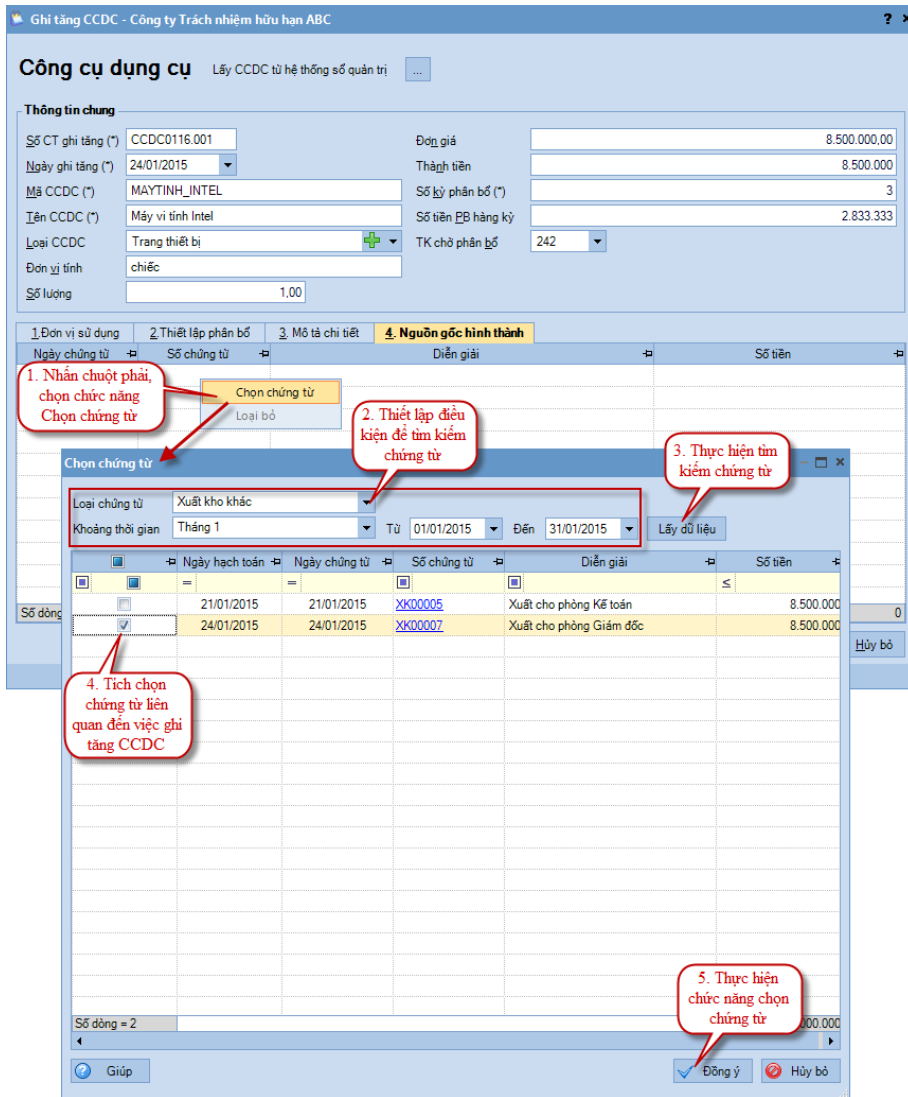
Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỷ lệ PB (%)	TK chi phí
PGĐ	Phòng Giám đốc	100,00	6423
Bấm vào đây để thêm mới			
Thêm dòng Ctrl+Insert			
Xóa dòng Ctrl+Delete			
Số dòng = 1			

Nhấn chuột phải để thêm hoặc xóa phòng ban/bộ phận được phân bổ

Ghi tăng Hủy bỏ

F3 - Tim nhanh

- Đối tượng phân bổ: Phòng Giám đốc (phần mềm tự động hiển thị theo phòng ban/bộ phận chọn bên tab **Đơn vị sử dụng**).
- Tỷ lệ phân bổ: 100%
- TK chi phí: TK 6423
- Khai báo các bộ phận chi tiết cấu thành nên CCDC (nếu có) trên tab **Mô tả chi tiết**.
- Chọn chứng từ hạch toán phát sinh liên quan đến CCDC đang khai báo trên tab **Nguồn gốc hình thành**:



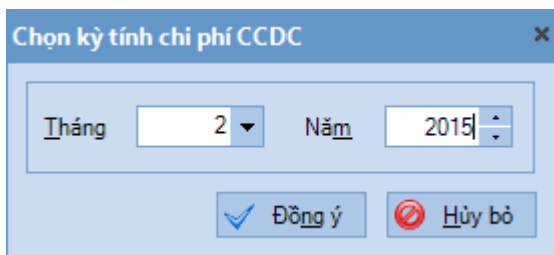
- Sau khi khai báo xong, nhấn <<**Ghi tăng**>> để lưu chứng từ vừa nhập.

*NSD cần thực hiện tính giá xuất kho trước khi thực hiện chức năng chọn chứng từ liên quan trên tab **Nguồn gốc hình thành**.*

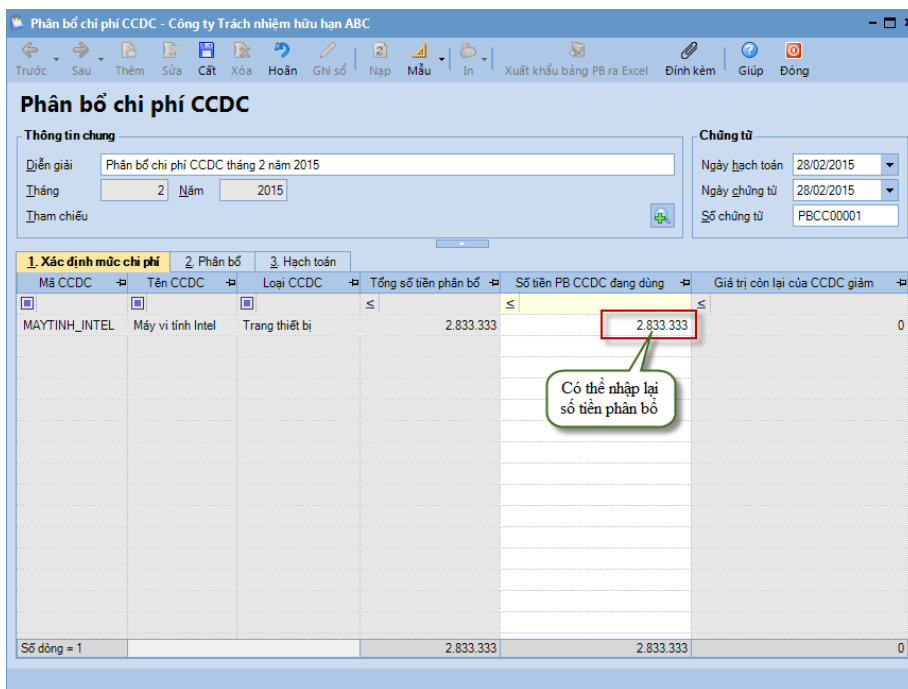
► **Nhiệm vụ 3: Phân bổ dần giá trị CCDC vào chi phí**

Chức năng phân bổ CCDC giúp kế toán định kỳ tiến hành phân bổ giá trị CCDC vào chi phí. Để thực hiện phân bổ, NSD tiến hành như sau:

- Tại phân hệ **Công cụ dụng cụ**, chọn chức năng **Phân bổ chi phí** (hoặc trên tab **Phân bổ chi phí** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

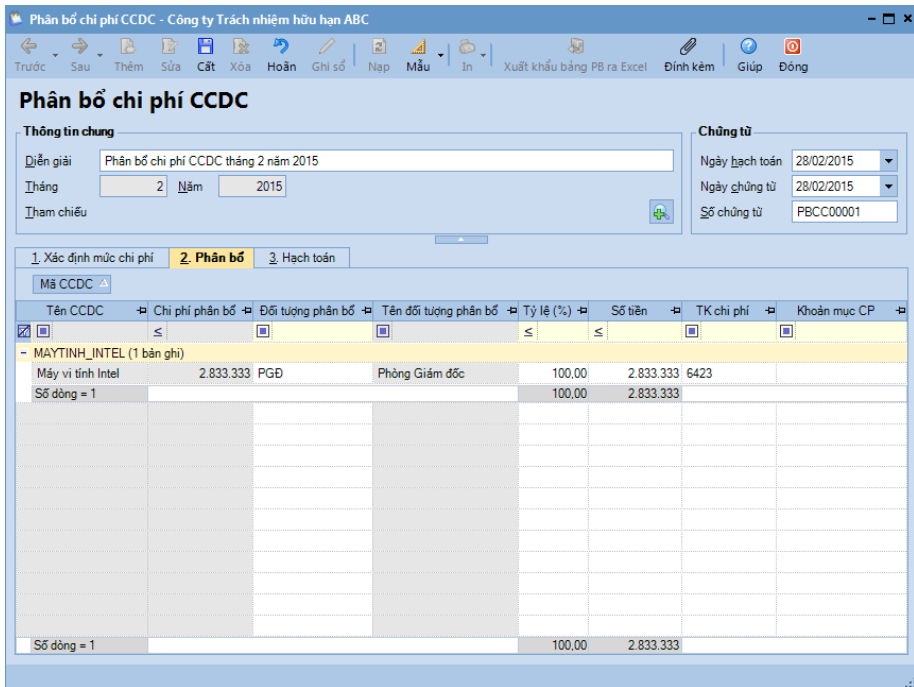


- Tháng/Năm: Chọn tháng phân bổ là 2 và năm phân bổ là 2020.
- Nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ phân bổ CCDC:
 - Tab **Xác định mức chi phí**: phần mềm tự động tính ra số tiền phân bổ cho các CCDC đang được sử dụng tại phòng ban/bộ phận:

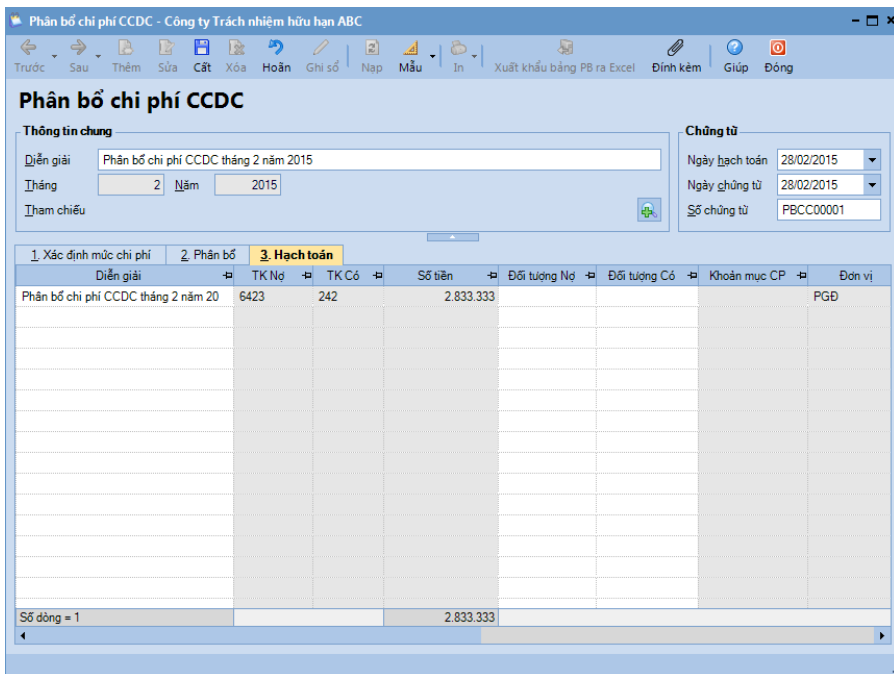


Mã CCDC	Tên CCDC	Loại CCDC	Tổng số tiền phân bổ	Số tiền PB CCDC đang dùng	Giá trị còn lại của CCDC giảm
MAYTINH_INTEL	Máy vi tính Intel	Trang thiết bị	2.833.333	2.833.333	0
Số đóng = 1			2.833.333	2.833.333	0

- Tab **Phân bổ**: liệt kê chi phí sẽ được phân bổ cho các đối tượng nào, theo tỷ lệ phân bổ đã được thiết lập khi ghi tăng CCDC:



- Tab **Hạch toán**: liệt kê các bút toán hạch toán nghiệp vụ phân bổ chi phí CCDC:



Chương 8: Kế toán công cụ dụng cụ

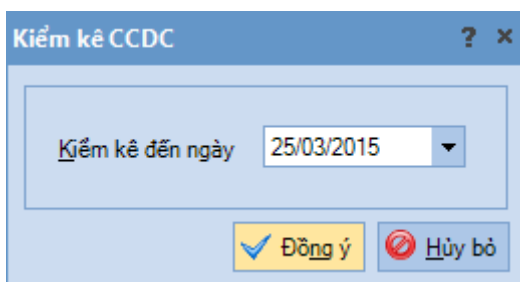
- Kiểm tra thông tin phân bổ CCDC, sau đó nhấn <<Cắt>>.

▶▶ Nghiệp vụ 4: CCDC bảo mất, hỏng

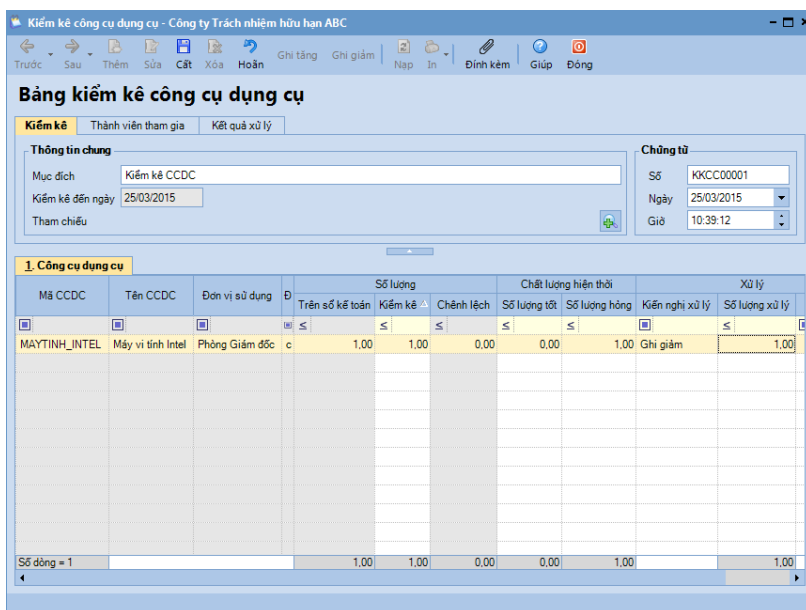
VD: Ngày 25/03/2015 doanh nghiệp tiến hành kiểm kê và phát hiện máy tính Intel dùng ở phòng giám đốc hỏng không sử dụng được. Máy tính đã được tiến hành thanh lý, giá trị phế liệu bán thu hồi bằng tiền mặt là 1.500.000 VND.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên tiến hành kiểm kê CCDC => Tại phân hệ **Công cụ, dụng cụ**, chọn chức năng **Kiểm kê** (hoặc trên tab **Kiểm kê** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:



- Kiểm kê đến ngày: 25/03/2015
- Nhấn <<Đồng ý>>, phần mềm tự động lập bảng kiểm kê kho:



Thông tin chung

Mục đích: Kiểm kê CCDC
Kiểm kê đến ngày: 25/03/2015
Thành viên tham gia: []
Kết quả xử lý: []

Thông tin chi tiết

Mã CCDC: [] Tên CCDC: [] Đơn vị sử dụng: []

1. Công cụ dụng cụ

Mã CCDC	Tên CCDC	Đơn vị sử dụng	Đ	Số lượng			Chết lượng hiện thời		Xử lý
				Trên sổ kế toán	Kiểm kê	Chênh lệch	Số lượng tốt	Số lượng hỏng	
MAYTINH_INTEL	Máy vi tính Intel	Phòng Giám đốc	c	1.00	1.00	0.00	0.00	1.00	Ghi giảm
Số dòng = 1				1.00	1.00	0.00	0.00	1.00	

- Mục đích: Nhập nội dung kiểm kê
 - + Ngày: 25/03/2015
 - Kiểm kê: Nhập số lượng CCDC thực tế đã được kiểm kê
 - Số lượng hỏng: 1
 - Kiến nghị xử lý: Chọn giá trị là “Ghi giảm”.
 - Số lượng xử lý: 1
 - Nhấn <<Cắt>> để lưu thông tin bảng kiểm kê CCDC vừa lập.
- Tiếp theo thực hiện ghi giảm CCDC bị hỏng => Tại bảng kiểm kê CCDC chọn chức năng Ghi giảm trên thanh công cụ (hoặc trên tab **Ghi giảm** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Mã CCDC	Tên CCDC	Đơn vị sử dụng	Số lượng đang dùng	Số lượng ghi giảm	Giá trị còn lại của CCDC ghi giảm
MAYTINH_INTEL	Máy vi tính Intel	PGĐ	1,00	1,00	5.666.667
Số dòng = 1					
			1,00	1,00	5.666.667

- Các thông tin khác về máy Intel bị hỏng sẽ được phần mềm tự động hiển thị
 - Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- Cuối cùng thực hiện ghi nhận giá trị được thu hồi => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 90).
- Lý do nộp: Chọn lý do nộp là “Thu khác” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 25/03/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: TK 1111 (Phần mềm tự mặc định)/TK Có: chọn TK 242 và nhập số tiền là 1.500.000 VND
- Nhấn <<Cắt>> để lưu phiếu thu vừa nhập.

Với những CCDC khi ghi giảm vẫn còn giá trị chưa phân bổ hết, NSD sẽ thực hiện phân bổ 1 lần vào tháng sau (thực hiện tương tự như nghiệp vụ 3 ở trên).

1.42.27.3 Một số chức năng bổ sung khác

- ▶▶ Điều chuyển CCDC

Trong quá trình sử dụng CCDC tại các đơn vị có thể thực hiện điều chuyển từ phòng ban, bộ phận này sang phòng ban, bộ phận khác. Với chức năng Điều chuyển CCDC phần mềm kế toán MISA SME.NET 2020 cho phép NSD theo dõi, quản lý được việc điều chuyển CCDC tại đơn vị.

VD: Ngày 26/01/2015 Ghi tăng 02 máy tính Intel ở phòng hành chính. Đến ngày 20/02/2015, điều chuyển 1 máy tính đó từ phòng hành chính sang phòng kế toán.

Với nghiệp vụ ghi tăng CCDC cho phòng hành chính, NSD thực hiện tương tự nghiệp vụ 1 ở trên.

Còn với nghiệp vụ điều chuyển CCDC, NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Công cụ dụng cụ**, chọn chức năng **Điều chuyển** (hoặc trên tab **Điều chuyển** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Mã CCDC	Tên CCDC	Từ đơn vị	Đến đơn vị	Số lượng đang dùng	Số lượng điều chuyển
MT_INTEL	Máy vi tính Intel	Phòng Hành chính Tổng hợp	Phòng Kế toán	2,00	1,00
Số đồng = 1				2,00	1,00

- Ngày: 20/02/2015
- Lý do điều chuyển: nhập nội dung chi tiết của việc điều chuyển.

Chương 8: Kế toán công cụ dụng cụ

- Mã CCDC: Chọn mã CCDC là máy vi tính Intel, phần mềm tự động lấy lên các thông tin liên quan.
- Đến đơn vị: Chọn mã đơn vị là phòng Kế toán
- Số lượng điều chuyển: 1
- Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ điều chuyển vừa lập.

► Điều chỉnh CCDC

Điều chỉnh CCDC được sử dụng khi có đánh giá lại, sửa chữa, nâng cấp hay tháo dỡ một bộ phận CCDC dẫn đến tăng, giảm giá trị của CCDC hoặc thay đổi thời gian sử dụng.

VD: Ngày 25/02/2015 tiến hành nâng cấp máy tính Intel ở phòng Kế toán, chi phí phát sinh tăng thêm bằng tiền mặt là 1.000.000 VND.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán chi phí nâng cấp máy tính ở phòng Kế toán => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu**, **chi tiền** chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

The screenshot shows the 'Phiếu chi' (Journal Entry) form in the MISA JSC software. The form is titled 'Phiếu chi - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC'. It contains the following fields and data:

- Thông tin chung:**
 - Đối tượng: (Empty)
 - Người nhận: (Empty)
 - Địa chỉ: (Empty)
 - Lý do chi: Chi khác
 - Nhân viên: (Empty)
 - Tham chiếu: (Empty)
- Chi phí sửa chữa máy tính thuộc phòng Kế toán**
- Chứng từ:**
 - Ngày hạch toán: 25/02/2015
 - Ngày chứng từ: 25/02/2015
 - Số chứng từ: PC00009
- Hạch toán:**
 - Loại tiền: VND
 - Tỷ giá: 1.00
- Table:**

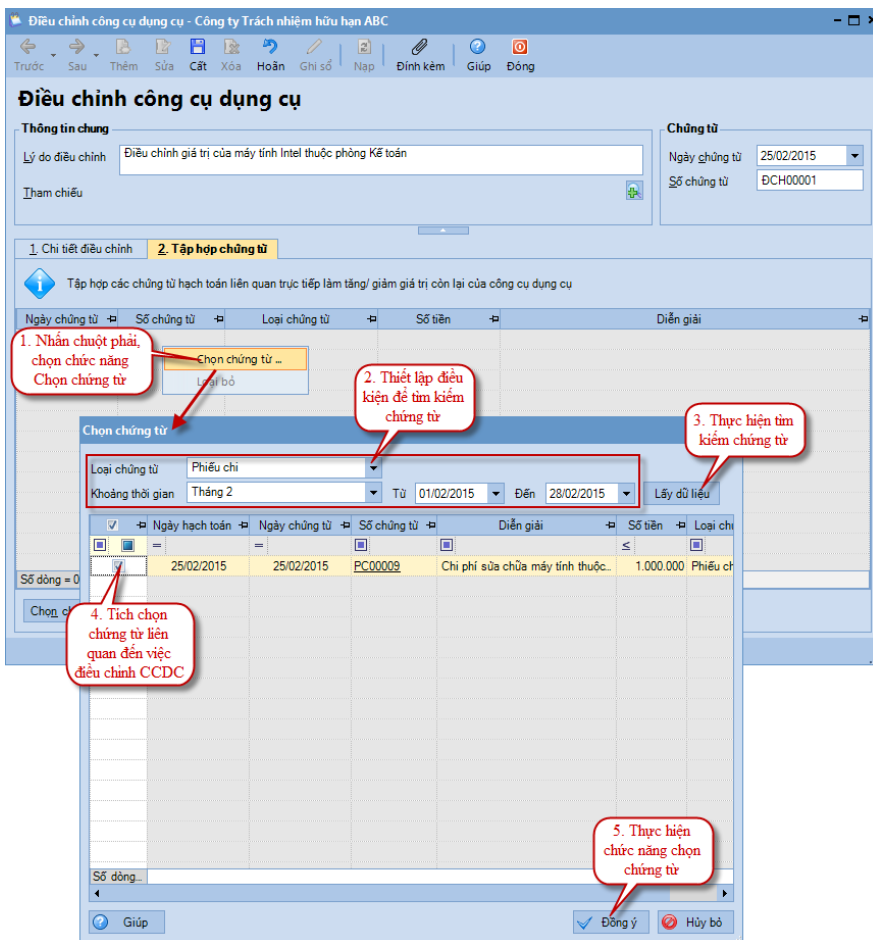
Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản mục CP	Đơn vị
Chi phí sửa chữa máy tính thuộc phòng	242	1111	1.000.000			PKT
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 1			1.000.000			

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc (xem hướng dẫn việc quản lý hệ thống sổ kế toán trên phần mềm tại trang 90).
 - Lý do chi: Chọn lý do chi là “Chi khác” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
 - Ngày chứng từ: 25/02/2015
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - TK Nợ: Chọn TK 242/TK Nợ: TK 1111 (Phần mềm tự mặc định) và nhập số tiền là 1.000.000 VND
 - Nhấn <<Cắt>> để lưu phiếu chi vừa nhập.
- Tiếp theo hạch toán nghiệp vụ điều chỉnh giá trị của CCDC => Tại phân hệ **Công cụ, dụng cụ**, chọn chức năng **Điều chỉnh** (hoặc trên tab **Điều chỉnh** chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
- Lý do điều chỉnh: Nhập nội dung chi tiết của việc điều chỉnh giá trị CCDC.
 - Ngày chứng từ: 25/02/2015
 - Tab **Chi tiết điều chỉnh**: khai báo thông tin về CCDC được điều chỉnh:

Mã CCDC	Tên CCDC	Số lượng	TK chờ phân bổ	Giá trị còn lại			Trước điều chỉnh
				Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch	
MT_INTEL	Máy vi tính Intel	2.00	242	17.000.000	18.000.000	1.000.000	
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1		2.00		17.000.000	18.000.000	1.000.000	

Chương 8: Kế toán công cụ dụng cụ

- Mã CCDC: Chọn mã CCDC là máy vi tính intel, phần mềm tự động lấy lên các thông tin liên quan.
- Giá trị còn lại sau điều chỉnh: 18.000.000
- Chênh lệch: phần mềm tự động tính ra giá trị = Giá trị còn lại sau điều chỉnh - Giá trị còn lại trước điều chỉnh.
- Số tiền PB hàng kỳ: phần mềm tự động tính ra giá trị = Giá trị còn lại sau điều chỉnh/Số kỳ phân bổ còn lại sau điều chỉnh.
- Tab **Tập hợp chứng từ**: cho phép chọn các chứng từ hạch toán liên quan đến việc thay đổi giá trị (tăng/giảm) của CCDC được điều chỉnh:
- Tab **Chi tiết điều chỉnh**: khai báo thông tin về CCDC được điều chỉnh:



- Nhấn <<Cất>> để lưu thông tin điều chỉnh CCDC vừa lập.

1.42.28 Xem và in báo cáo công cụ dụng cụ

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến ghi tăng, ghi giảm CCDC phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo liên quan.

► SỔ theo dõi CCDC

- Tại phân hệ **Công cụ dụng cụ**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Công cụ dụng cụ** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<Chọn tham số>>.
- Chọn báo cáo là SỔ theo dõi công cụ dụng cụ, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, loại CCDC:

Chương 8: Kế toán công cụ dụng cụ

- Xem báo cáo

SỔ THEO DÕI CÔNG CỤ DỤNG CỤ
Tháng 02 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã CCDC	Tên CCDC	Loại CCDC	Ngày ghi tăng	Số CT ghi tăng	Số kỳ phân bổ	Số kỳ PB còn lại	SL ghi tăng	Lũy kế SL đã giảm	SL còn lại	Giá trị CCDC	Giá trị PB hàng kỳ
MAYTINH_INT	Máy vi tính Intel	Trang thiết bị	24/01/2015	CCDC0116.001	3	2	1,00	0,00	1,00	8.500.000	2.833.333
MT_INTEL	Máy vi tính Intel	Trang thiết bị	26/01/2015	CCDC0117.001	3	3	2,00	0,00	2,00	18.000.000	6.000.000

Số dòng = 2

Câu hỏi ôn tập

1. Tại sao công cụ dụng cụ có nhiều đặc điểm giống TSCĐ nhưng lại không được xem là TSCĐ?
2. Nêu các phương pháp phân bổ giá trị công cụ dụng cụ?
3. Đối với các CCDC đang sử dụng, chưa phân bổ hết mà bị hư hỏng không sử dụng được nữa thì kế toán xử lý như thế nào? Nêu cách hạch toán trên phần mềm MISA SME.NET

Bài tập thực hành

1. Ngày 07/01/2020, xuất công cụ dụng cụ sử dụng cho sản xuất ở phân xưởng 1, phân bổ trong 3 kỳ:
 - Kéo SL: 5
 - Kim SL: 10
2. Ngày 10/01/2020, xuất công cụ dụng cụ sử dụng cho sản xuất ở phân xưởng 2, phân bổ trong 3 kỳ:

➤ Kéo SL: 4

➤ Kim SL: 8

3. Ngày 20/01/2020 phát hiện thấy 02 kéo sử dụng ở phân xưởng 2 có dấu hiệu hư hỏng nặng, không sử dụng được nữa. Công ty tiến hành thanh lý, thu về 20.000 VND tiền bán phế liệu.

4. Ngày 31/01/2020 tiến hành phân bổ giá trị CCDC sử dụng trong tháng vào chi phí.

▶▶ Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 và khai báo thêm danh mục (nếu cần).
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- Cập nhật giá xuất kho (bút toán tự động).
- In Sổ theo dõi CCDC tại nơi sử dụng

CHƯƠNG 9

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

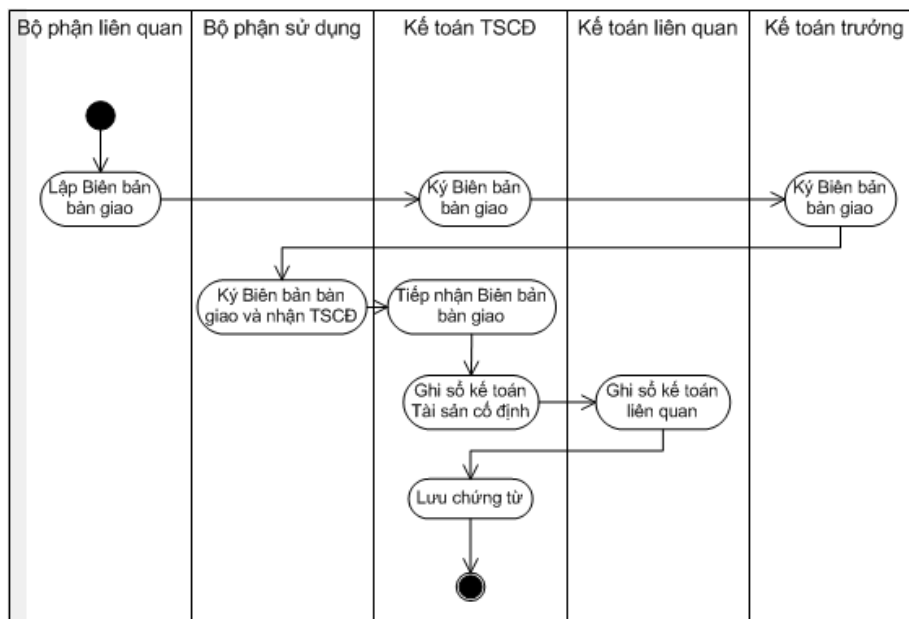
- ⇒ Nguyên tắc hạch toán
- ⇒ Mô hình hoạt động tăng, giảm tài sản cố định
- ⇒ Sơ đồ hạch toán kế toán tài sản cố định
- ⇒ Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nguyên tắc hạch toán

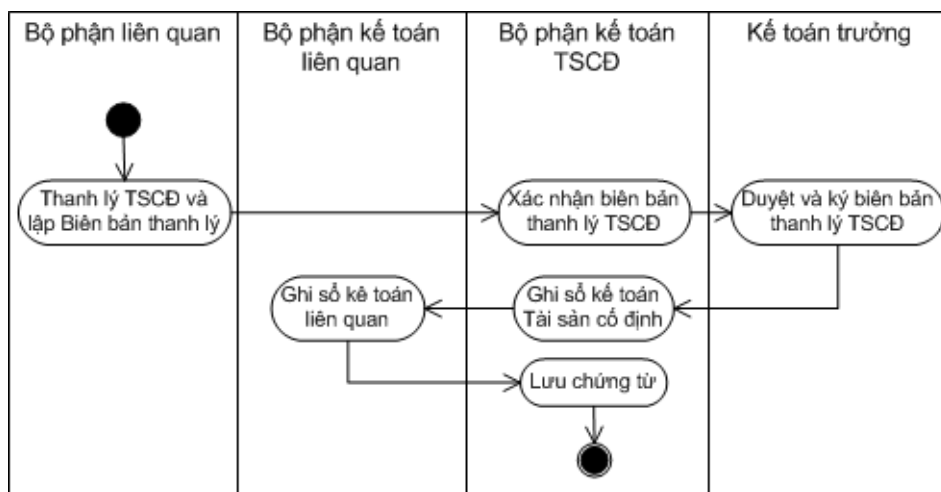
- Đánh giá TSCĐ phải theo nguyên tắc đánh giá giá thực tế hình thành TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ.
- Kế toán TSCĐ phải phản ánh được 3 chỉ tiêu giá trị của TSCĐ:
Nguyên giá, giá trị khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ.
Giá trị còn lại = Nguyên giá - Giá trị khấu hao lũy kế của TSCĐ

Mô hình hóa hoạt động tăng, giảm tài sản cố định

1.42.29 Kế toán tăng tài sản cố định

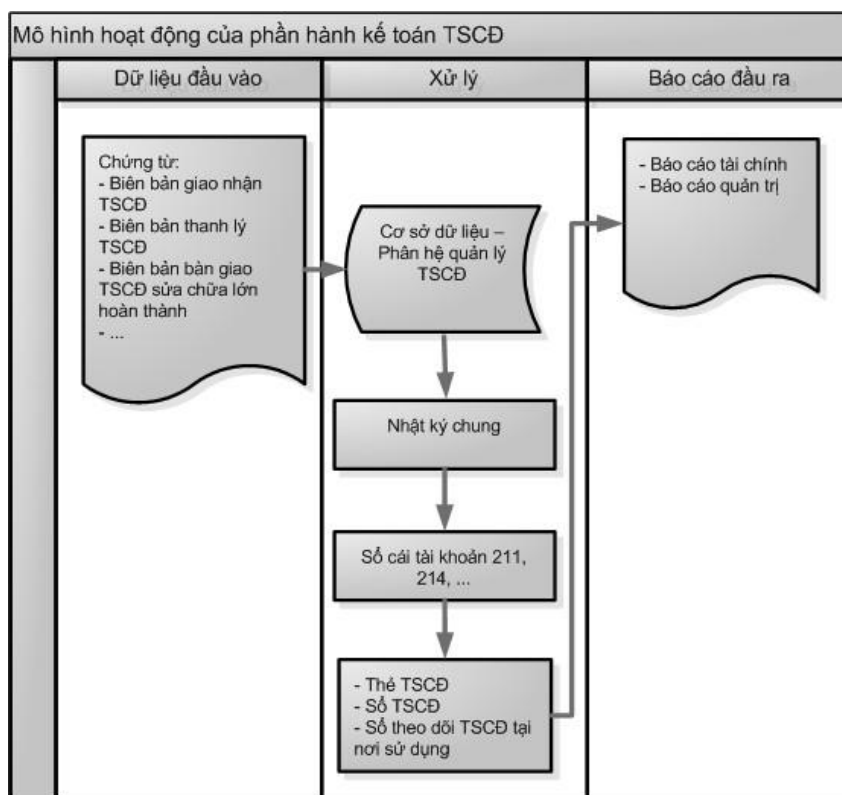


1.42.30 Kế toán giảm tài sản cố định

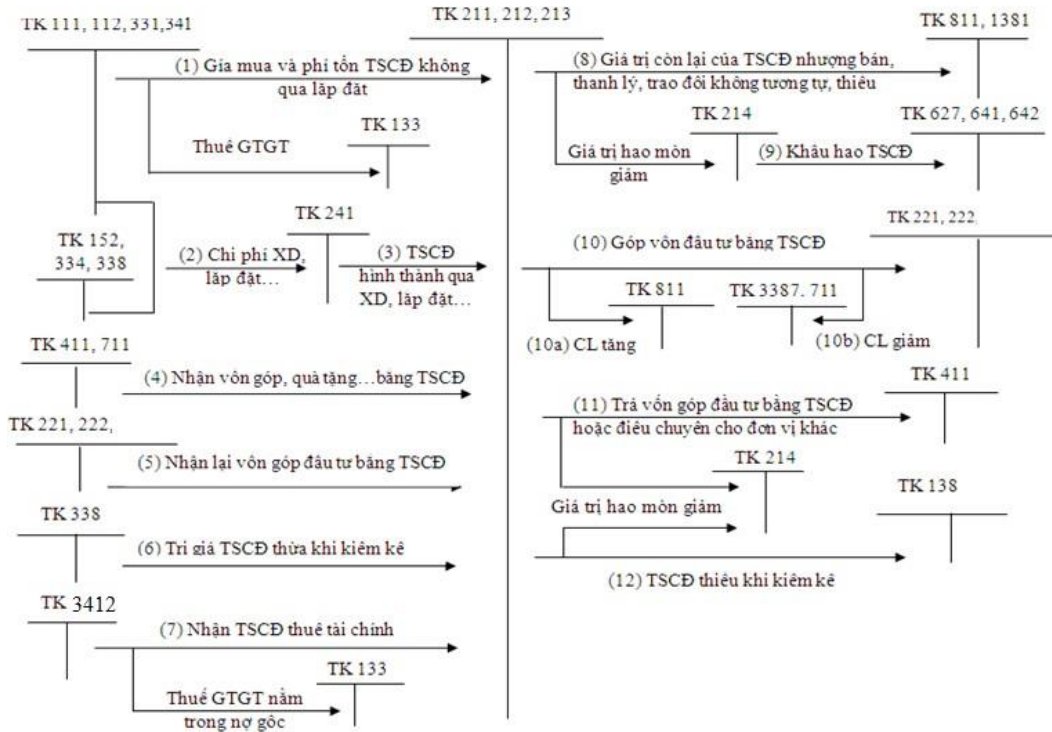


Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.31 Quy trình xử lý trên phần mềm



1.42.32 Sơ đồ hạch toán kế toán tài sản cố định



1.42.33 Hướng dẫn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1.42.33.1 Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán tài sản cố định bao gồm:

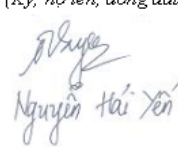
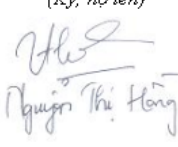
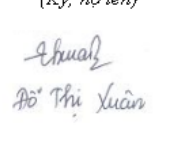
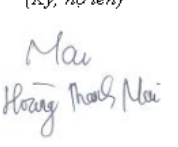
- Các chứng từ gốc liên quan đến TSCĐ như: Phiếu chi, phiếu thu của hoạt động mua, bán, thanh lý TSCĐ.
- Biên bản giao nhận TSCĐ.
- Biên bản thanh lý TSCĐ.
- Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành.
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

Một số mẫu điển hình:

►► Biên bản giao nhận TSCĐ

Công ty TNHH ABC Phòng Kế toán						Mẫu số: 01-TSCĐ (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)						
BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ												
Ngày 12 tháng 03 năm 2010						Số: GN102/2010						
						Nợ TK 211						
						Có TK 331						
- Căn cứ Quyết định số: QĐ/2010 ngày 10 tháng 03 năm 2010 của Giám đốc về việc bàn giao TSCĐ												
Ban giao nhận TSCĐ gồm:												
- Ông/Bà: Hoàng Thanh Mai				chức vụ: NV Kinh doanh (Pico Plaza)				Đại diện bên giao				
- Ông/Bà: Đỗ Thị Xuân				chức vụ: Nhân viên kế toán				Đại diện bên nhận				
- Ông/Bà:				chức vụ:				Đại diện				
Địa điểm giao nhận TSCĐ: Tại công ty TNHH ABC												
Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:												
Số TT	Tên, ký hiệu, quy cách (cấp hạng TSCĐ)	Số hiệu TSCĐ	Nước sản xuất (XD)	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Công suất (diện tích thiết kế)	Tính nguyên giá TSCĐ					
							Giá mua (ZSX)	Chi phí vận chuyển	Chi phí chạy thử	...	Nguyên giá TSCĐ	Tài liệu kỹ thuật kèm theo
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	E
1	Điều hòa nhiệt độ	ĐH01	Nhật	2001	2010		26.000.000	1.000.000			27.000.000	
	Cộng	x	x	x	x	x	26.000.000	1.000.000			27.000.000	x

DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO				
STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Giám đốc bên nhận (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng bên nhận (Ký, họ tên)	Người nhận (Ký, họ tên)	Người giao (Ký, họ tên)
 Nguyễn Hải Yến	 Nguyễn Thị Hồng	 Đỗ Thị Xuân	 Hoàng Thanh Mai

►► Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty TNHH ABC
Phòng Kế toán

Mẫu số: 02-TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 01 tháng 06 năm 2010

Số: TL96/2010

Nợ:

Có:

- Căn cứ Quyết định số: 78/TS ngày 28 tháng 02 năm 2010 của Giám đốc công ty về việc thanh lý tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông /Bà: Lê Thị Tâm	Chức vụ: NV Kinh doanh	Đại diện: Công ty ABC	Trưởng ban
- Ông /Bà: Đỗ Thị Xuân	Chức vụ: NV kế toán	Đại diện: Phòng Kế toán	Ủy viên
- Ông /Bà: Hoàng Thanh Mai	Chức vụ: NV Kinh doanh	Đại diện: Bên mua	Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng TSCĐ): Máy may 02
 - Số hiệu TSCĐ: MM02
 - Nước sản xuất (xây dựng):.....
 - Năm sản xuất:.....
 - Năm đưa vào sử dụng: 01/01/2008 Số thẻ TSCĐ: TTS201
 - Nguyên giá TSCĐ: 15.000.000^d
 - Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 9.062.500^d
 - Giá trị còn lại của TSCĐ: 5.937.500

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Giá trị thu hồi từ thanh lý TSCĐ nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ

Ngày 01 tháng 06 năm 2010

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

Lê Thị Tâm

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 50.000^d (viết bằng chữ) Năm mươi nghìn đồng.
 - Giá trị thu hồi: 4.000.000^d (viết bằng chữ) Bốn triệu đồng.
 - Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 01 tháng 06 năm 2010

Ngày 01 tháng 06 năm 2010

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Hải Sơn

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hồng

1.42.33.2 Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

Danh mục TSCĐ dùng để quản lý các TSCĐ mà doanh nghiệp sử dụng. Mỗi TSCĐ được mang một mã hiệu riêng và cùng với các thông tin về tài sản như: tỷ lệ khấu hao, cách tính khấu hao, nguyên giá, giá trị khấu

hao năm, hao mòn lũy kế... Căn cứ vào các thông tin khai báo để theo dõi TSCĐ từ lúc ghi tăng cho đến khi tính khấu hao và thanh lý, nhượng bán. Việc đặt mã này cũng do NSD quyết định. Việc đặt mã hiệu cho TSCĐ trong bảng mã tài sản cố định tương ứng với việc mở thẻ (sổ) chi tiết TSCĐ để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến TSCĐ trong kế toán thủ công

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tài sản cố định trong phần mềm kế toán MISA SME.NET, NSD thực hiện chọn đến phân hệ Tài sản cố định. Sau đây là hướng dẫn nhập liệu một số nghiệp vụ cụ thể:

►► Nghiệp vụ 1: Mua TSCĐ không qua lắp đặt, chạy thử

VD: Ngày 20/02/2015, mua mới màn hình Samsung 40 inches của công ty Hà Thành sử dụng tại phòng Giám đốc. Giá mua chưa thuế là 56.000.000 VND, thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AB/15P, số 0001334. Ngày bắt đầu sử dụng 01/03/2015. Thời gian sử dụng 5 năm. Đã chuyển khoản thanh toán.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán nghiệp vụ mua TSCĐ => Tại phân hệ **Ngân hàng**, NSD chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
 - Phương thức thanh toán: Chọn phương thức là lập Séc chuyển khoản
 - Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
 - Tài khoản chi: chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV
 - Nội dung TT: Chọn lý do là “*Chi khác*”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
 - Đối tượng: Chọn đối tượng là Công ty Hà Thành => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiện thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.
 - Ngày chứng từ: 20/02/2015

- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 2112/Có TK 1121 và nhập số tiền tương ứng là 56.000.000 VND
- Thêm dòng phản ánh thuế GTGT: Nợ TK 1331/Có TK 1121 và số tiền là 5.600.000 VND

Séc chuyển khoản Phương thức thanh toán: Séc chuyển khoản

Thông tin chung

Tài khoản chi: 05401111970032 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 Nội dung TT: Chi khác Chi mua TSCĐ
 Đối tượng: CTY_HA THANH Công ty Cổ phần Hà Thành
 Địa chỉ: 1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
 Tài khoản nhận: 0215468975558 Ngân hàng Vietcombank
 Nhân viên: Tham chiếu

Chương từ

Ngày hạch toán: 20/02/2015
 Ngày ghi sổ từ: 20/02/2015
 Số chứng từ: SCK00002

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản mục CP	Đơn vị
Chi mua TSCĐ	2112	1121	56.000.000	CTY_HA THAN		PGĐ
Thuế GTGT	1332	1121	5.600.000	CTY_HA THAN		PGĐ
Số dòng = 2			61.600.000			

- Ở tab **Thuế**, nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế. NSD nhập các thông tin về hóa đơn như: ký hiệu hóa đơn AB/15P, số 0001334. Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1

Séc chuyển khoản Phương thức thanh toán: Séc chuyển khoản

Thông tin chung

Tài khoản chi: 05401111970032 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 Nội dung TT: Chi khác Chi mua TSCĐ
 Đối tượng: CTY_HA THANH Công ty Cổ phần Hà Thành
 Địa chỉ: 1254 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
 Tài khoản nhận: 0215468975558 Ngân hàng Vietcombank
 Nhân viên: Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 20/02/2015
 Ngày ghi sổ: 20/02/2015
 Số chứng từ: SCK00002

Diễn giải	TK thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	% thuế GTGT	Giá trị HHĐV chưa thuế	Mẫu số HĐ	Ký hiệu HĐ	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn
Thuế giá trị gia tăng	1332	5.600.000	10%	56.000.000	01GTKT3/001	AB/15P	0001334	20/07/201
Bấm vào đây để thêm mới								
Số đồng = 1		5.600.000		56.000.000				

- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- Tiếp theo, NSD tiến hành ghi tăng TSCĐ => Tại phân hệ **Tài sản cố định**, chọn chức năng **Ghi tăng** (hoặc trên tab **Ghi tăng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

- Khai báo các thông tin về TSCĐ tại tab **Thông tin chung**:

Tài sản cố định

1. TT chung 2. TT khấu hao 3. Thiết lập phân bổ 4. Nguồn gốc hình thành 5. Bộ phận cấu thành 6. Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

Lấy TSCĐ từ hệ thống quản trị: ...

Số CT ghi tăng (*): GTTS00001 Đơn vị sử dụng (*): Phòng Giám đốc
 Ngày ghi tăng (*): 01/03/2015 Nhà sản xuất:
 Mã tài sản (*): MH_SAMSUNG 40 Năm sản xuất: 2015 Số hiệu:
 Tên tài sản (*): Màn hình Samsung 40 inches Quốc sản xuất:
 Loại tài sản (*): Máy móc, thiết bị Thời gian BH: 2
 Điều kiện BH:

Nhà cung cấp: CTY_HA THANH Công ty Cổ phần Hà Thành
 BB giao nhận số: Ngày: 20/02/2015
 Tình trạng ghi tăng: Mới Chế độ khấu hao: Hoạt động tốt
 Không tính khấu hao

Định kèm: ...

Ghi tăng Hủy bỏ

- Ngày ghi tăng: 01/03/2015
- Nhập mã và tên TSCĐ
- Loại tài sản: Máy móc, thiết bị
- Đơn vị sử dụng: Phòng Giám đốc
- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp là công ty Hà Thành
- Tình trạng: Mới
- Chất lượng hiện thời: Hoạt động tốt

*Đối với các tài sản cũ đã hết khấu hao nhưng vẫn được sử dụng nếu NSD vẫn muốn theo dõi trên sổ tài sản, thì khi thực hiện ghi tăng sẽ chọn trạng thái của tài sản là **Cũ**, đồng thời tích chọn vào thông tin **Không tính khấu hao**.*

- Khai báo các thông tin phục vụ cho việc khấu hao TSCĐ tại tab

Thông tin khấu hao:

Ghi tăng tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Tài sản cố định

1. TT chung 2. TT khấu hao 3. Thiết lập phân bổ 4. Nguồn gốc hình thành 5. Bộ phận cấu thành 6. Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

Tài khoản

TK nguyên giá (*) 2112

TK khấu hao (*) 2141

Nguyên giá và khấu hao

Nguyên giá	56.000.000	Tỷ lệ tính khấu hao tháng (%)	1,67
Giá trị tính khấu hao	56.000.000	Tỷ lệ tính khấu hao năm (%)	20,04
Ngày bắt đầu tính KH (*)	01/03/2015	Giá trị khấu hao tháng	933.333
Thời gian sử dụng	Năm 5,00	Giá trị khấu hao năm	11.199.996
		Hao mòn lũy kế	0
		Giá trị còn lại	56.000.000

Giới hạn giá trị tính KH theo luật thuế TNDN

Giá trị tính KH theo luật 0 Giá trị KH tháng theo luật 0

Nếu nhập Giá trị tính KH theo luật thì khi tính KH, chương trình sẽ hạch toán phần chi phí KH tương ứng với Giá trị tính KH theo luật vào chi phí hợp lý, phần chi phí KH vượt quá giới hạn được hạch toán vào chi phí không hợp lý. VD: Theo quy định, xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống thì chi được tính KH vào chi phí hợp lý tương ứng với phần Giá trị tính KH theo luật tối đa là 1,5 tỷ đồng, phần chi phí KH vượt 1,5 tỷ đồng sẽ hạch toán vào chi phí không hợp lý

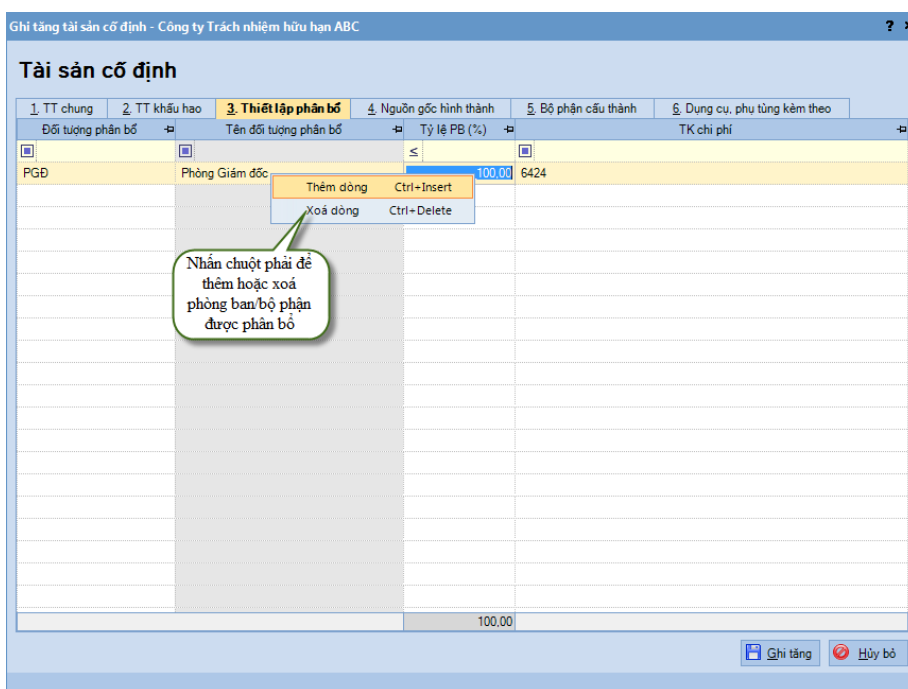
Ghi tăng Hủy bỏ

- TK nguyên giá: TK 2112, TK khấu hao: TK 2141 (phần mềm tự mặc định).

- Nguyên giá: 56.000.000 VND
- Ngày bắt đầu tính KH: 01/03/2015
- Thời gian sử dụng: 5 năm
- Phần mềm sẽ tự động tính ra tỷ lệ và giá trị khấu hao hàng tháng và năm.

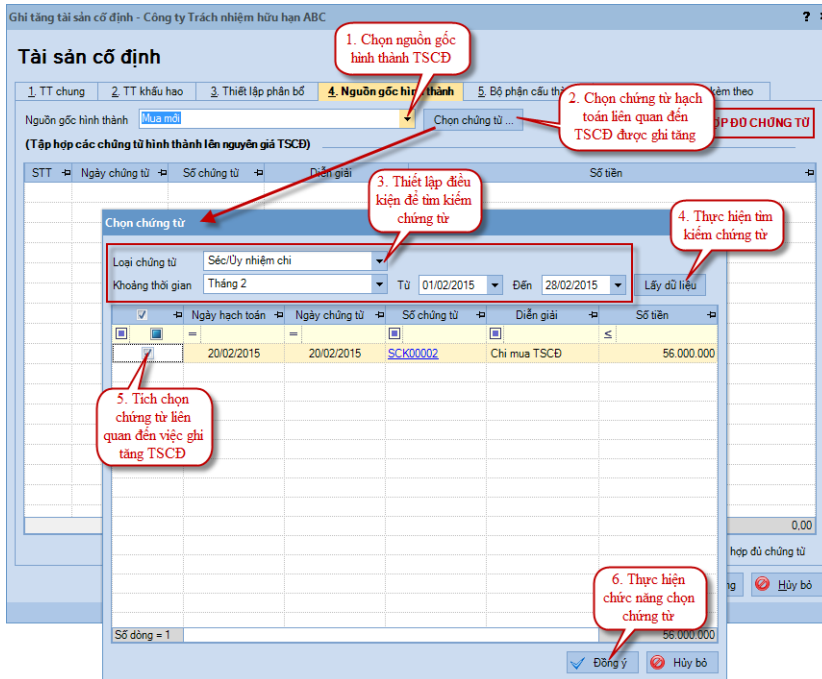
*Đối với những TSCĐ có quy định về mức tối đa khi tính khấu hao, nếu NSD tích chọn thông tin **Giới hạn giá trị tính KH theo luật thuế TNDN** và nhập **Giá trị tính KH theo luật**, thì khi thực hiện tính khấu hao TSCĐ hàng tháng, phần chênh lệch giữa **Giá trị KH hàng tháng** với **Giá trị tính KH theo luật** (chênh lệch > 0) sẽ được tính vào chi phí không hợp lý.*

- Khai báo tỷ lệ phân bổ TSCĐ cho các đối tượng phân bổ (như: công trình, đối tượng tập hợp chi phí, đơn vị, đơn hàng, hợp đồng) trên tab **Thiết lập phân bổ**:



- Đối tượng phân bổ: Phòng Giám đốc (phần mềm tự động hiển thị theo phòng ban/bộ phận chọn bên tab **Thông tin chung**).

- Tỷ lệ phân bổ: 100%
- TK chi phí: TK 6424
- Chọn chứng từ hạch toán phát sinh liên quan đến TSCĐ đang khai báo trên tab **Nguồn gốc hình thành**:



- Khai báo các bộ phận chi tiết cấu thành nên TSCĐ và số lượng (nếu có) trên tab **Bộ phận cấu thành**.
 - Khai báo các dụng cụ, phụ tùng kèm theo TSCĐ trên tab **Dụng cụ, phụ tùng kèm theo**.
 - Sau khi khai báo xong, nhấn <<**Ghi tăng**>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- ▶▶ Nghiệp vụ 2, 3: TSCĐ được hình thành qua quá trình xây dựng, lắp đặt, chạy thử:
- VD: Ngày 20/01/2015, mua các thiết bị của máy phát điện của công ty Phú Thế, giá đã có thuế GTGT (10%) là 33.200.000 VND theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AE/15P, số 0005634, đã thanh toán bằng

tiền mặt. Công ty tiến hành lắp đặt, chạy thử với tổng chi phí là 250.000 VND chưa bao gồm 10% thuế GTGT. Đến ngày 22/01/2015 công ty mang vào sử dụng cho phòng hành chính, thời gian sử dụng 5 năm.

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán chi phí lắp đặt, chạy thử TSCĐ qua các chứng từ khác như phiếu chi, mua hàng chưa thành toán trên các phân hệ Tiền mặt, Tiền gửi, Tổng hợp.... VD trong trường hợp này là phiếu chi => Tại phân hệ **Quỹ**, NSD chọn chức năng **Chi tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
 - Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
 - Đối tượng: Chọn đối tượng là Công ty Phú Thế => sau đó, phần mềm sẽ tự động hiển thị ở mục tên đối tượng và cột Đối tượng.
 - Lý do chi: Chọn lý do là “*Chi khác*”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
 - Ngày chứng từ: 20/01/2015
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - Tab **Hạch toán**:
 - Mua thiết bị về lắp đặt chạy thử : Nợ TK 2411/Có TK 1111 số tiền: 33.200.000 VND
 - Chi phí chạy thử: Nợ TK 2411/Có TK 1111 số tiền 250.000 VND
 - Thuế GTGT: Nợ TK 1332/Có TK 1111 số tiền 3.345.000 VND

Phiếu chi - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Tiền ích Mẫu In Giúp Đóng

Phiếu chi Hiện thị trên sổ Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Đối tượng: CT_PHUTHE + Công ty TNHH Phú Thế

Người nhận:

Địa chỉ: Số 86, Nguyễn Trãi, Hà Nội

Lý do chi: Chi khác + Mua thiết bị TSCĐ về chạy thử

Nhân viên: + Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 20/01/2015

Ngày chứng từ: 20/01/2015

Số chứng từ: PC00010

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản mục CP	Đơn vị
Mua thiết bị TSCĐ về chạy thử	2411	1111	33.200.000	CT_PHUTHE		
Chi phí lắp đặt chạy thử	2411	1111	250.000	CT_PHUTHE		
Thuế GTGT	1332	1111	3.345.000	CT_PHUTHE		
Bấm vào đây để thêm mới						
Số đồng = 3			36.795.000			

- Tab **Thuế**, nhập mức thuế suất: 10% phần mềm tự động tính ra giá tính thuế. NSD nhập các thông tin về hóa đơn như: ký hiệu hóa đơn AE/15P, số 0005634. Nhóm hàng hóa dịch vụ: 1
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- Tiếp theo NSD hạch toán chi phí mua TSCĐ sau khi đã lắp đặt chạy thử xong => Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác**, chọn chức năng **Thêm\Chứng từ nghiệp vụ khác**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Chứng từ nghiệp vụ khác

Hiện thị trên sổ: Sổ tài chính và quản trị

Thông tin chung

Diễn giải: Chuyển chi phí lắp đặt chạy thử TSCĐ thành TSCĐ

Nhân viên:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 20/01/2015

Ngày chứng từ: 20/01/2015

Số chứng từ: NVK00005

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	TK ngân hàng	Khoá
Chuyển chi phí lắp đặt chạy thử TSCĐ	2112	2411	33.450.000				
Bấm vào đây để thêm mới							
Số dòng = 1			33.450.000				

F9 - Thêm nhanh, F3 - Tìm nhanh

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
 - Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ.
 - Ngày chứng từ: 20/01/2015
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - TK Nợ: Chọn TK 2112/TK Có: Chọn TK 2411
 - + Số tiền: 33.450.000 VND
 - Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- Cuối cùng, thực hiện ghi tăng TSCĐ => thực hiện tương tự bước ghi tăng TSCĐ thuộc nghiệp vụ 1 trên:

Ghi tăng tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Tài sản cố định

1. TT chung 2. TT khấu hao 3. Thiết lập phân bổ 4. Nguồn gốc hình thành 5. Bộ phận cấu thành 6. Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

Lấy TSCĐ từ hệ thống quản trị ...

Số CT ghi tăng (*) GTTS00002 Đơn vị sử dụng (*) Phòng Hành chính Tổng hợp

Ngày ghi tăng (*) 22/01/2015 Nhà sản xuất

Mã tài sản (*) MPDIEN Năm sản xuất 2015 Số hiệu

Tên tài sản (*) Máy phát điện Nước sản xuất

Loại tài sản (*) Máy móc, thiết bị Thời gian BH 2

Điều kiện BH

Nhà cung cấp CT_PHUTHE Công ty TNHH Phú Thế

BB giao nhận số Ngày 22/01/2015

Tình trạng ghi tăng Mới Chất lượng hiện thời Hoạt động tốt

Không tính khấu hao

Đính kèm ...

Ghi tăng Hủy bỏ

▶ Nghiệp vụ 4, 5, 6: khai báo tương tự nghiệp vụ 1 => lưu ý khi ghi tăng TSCĐ, trên tab **Nguồn gốc hình thành** NSD cần chọn nguồn gốc tương ứng với nghiệp vụ phát sinh

▶ Nghiệp vụ 8: Nhượng bán, thanh lý TSCĐ

VD: Ngày 22/01/2015 tiến hành thanh lý, nhượng bán máy may 3 ở phân xưởng 1, giá chưa thuế là 8.000.000 VND. Đã thu bằng chuyển khoản. NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ => Tại phân hệ **Tài sản cố định**, NSD chọn chức năng **Ghi giảm** (hoặc trên tab **Ghi giảm**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
 - Lý do ghi giảm: Chọn lý do là “*Nhượng bán, thanh lý*”.
 - Ngày chứng từ 22/01/2015
 - Mã TSCĐ: Chọn mã của tài sản máy may 3, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan

Ghi giảm tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Thông tin chung
 Lý do ghi giảm:
 Tham chiếu:

Chứng từ
 Ngày hạch toán: 22/01/2015
 Ngày chứng từ: 22/01/2015
 Số chứng từ: GGTS00001

Mã tài sản	Tên tài sản	Đơn vị	Nguyên giá	Giá trị tính khấu hao	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	TK nguyên giá	TK hao mòn	TK xử lý giá
MM3	Máy may 3	PX1	45.800.000	45.800.000	11.203.764	34.596.236	2112	2141	811
Bấm vào đây để thêm mới									
Số dòng = 1				45.800.000	11.203.764	34.596.236			

- Tab **Hạch toán**: Phần mềm tự động hạch toán nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ theo lý do đã chọn ở trên:

Ghi giảm tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Thông tin chung
 Lý do ghi giảm:
 Tham chiếu:

Chứng từ
 Ngày hạch toán: 22/01/2015
 Ngày chứng từ: 22/01/2015
 Số chứng từ: GGTS00001

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Khoản mục CP	Đối tượng	Đơn vị
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản	2141	2112	11.203.764			
Xử lý giá trị còn lại	811	2112	34.596.236			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 2			45.800.000			

- Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- Tiếp theo NSD hạch toán nghiệp vụ ghi nhận giá trị thu hồi của TSCĐ được thanh lý => Tại phân hệ **Ngân hàng**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền**, chọn chức năng **Thêm\Chi tiền**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Đơn vị	Công trình
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1121	711	8.000.000			
Số dòng = 1						
			8.000.000			

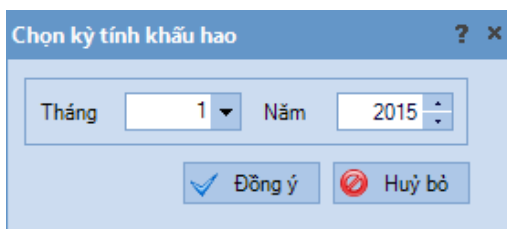
- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Nộp vào TK: Chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV
- Lý do thu: Chọn lý do là “Thu khác”, sau đó nhập nội dung chi tiết ở mục bên cạnh
- Ngày chứng từ: 22/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: TK 1121 (phần mềm tự mặc định)/TK Có: Chọn TK 711
- Nhập số 8.000.000 VND

- Nhấn <<Cát>> để lưu chứng từ vừa nhập.

► Nghiệp vụ 9: Khấu hao TSCĐ

Hàng tháng, kế toán tiến hành tính khấu hao TSCĐ. Để tính khấu hao tự động trên MISA SME.NET, NSD thực hiện như sau:

- Tại phân hệ **Tài sản cố định**, chọn chức năng **Tính khấu hao** (hoặc trên tab **Tính khấu hao**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:



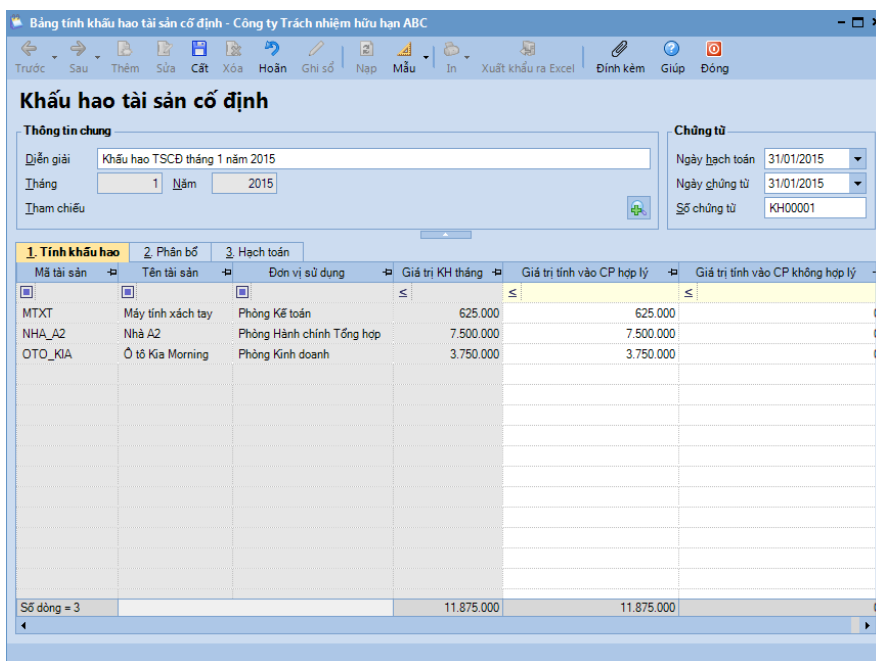
Chọn kỳ tính khấu hao

Tháng: 1 Năm: 2015

Đồng ý Hủy bỏ

- Chọn kỳ cần tính khấu hao và nhấn <<Đồng ý>>, phần mềm sẽ tự động sinh ra bảng khấu hao TSCĐ:

- Tab **Tính khấu hao**: liệt kê giá trị tính khấu hao của từng tài sản:



Bảng tính khấu hao tài sản cố định - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Thông tin chung: Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015; Tháng: 1 Năm: 2015; Ngày hạch toán: 31/01/2015; Ngày ghi sổ: 31/01/2015; Số chứng từ: KH00001

Mã tài sản	Tên tài sản	Đơn vị sử dụng	Giá trị KH tháng	Giá trị tính vào CP hợp lý	Giá trị tính vào CP không hợp lý
MTXT	Máy tính xách tay	Phòng Kế toán	625.000	625.000	
NHA_A2	Nhà A2	Phòng Hành chính Tổng hợp	7.500.000	7.500.000	
OTO_KIA	Ô tô Kia Morning	Phòng Kinh doanh	3.750.000	3.750.000	
Số dòng = 3			11.875.000	11.875.000	

- Tab **Phân bổ**: liệt kê giá trị khấu hao của từng tài sản sẽ được phân bổ cho các đối tượng nào:

Khấu hao tài sản cố định

Thông tin chung: Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015; Tháng: 1 Năm: 2015; Chung từ: Ngày hạch toán: 31/01/2015; Ngày chứng từ: 31/01/2015; Số chứng từ: KH00001

Tên tài sản	Đơn vị sử dụng	Giá trị KH tháng	Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỷ lệ %	Chi phí phân bổ	Tài khoản CP
1. MTXT (1)							
Máy tính xách tay	Phòng Kế toán	625.000	PKT	Phòng Kế toán	100,00	625.000	6424
Số dòng = 1					100,00	625.000	
2. NHA_A2 (1)							
Nhà A2	Phòng Hành chính Tổng...	7.500.000	PHCTH	Phòng Hành chính Tổng h...	100,00	7.500.000	6424
Số dòng = 1					100,00	7.500.000	
3. OTO_KIA (1)							
Ô tô Kia Morning	Phòng Kinh doanh	3.750.000	PKD	Phòng Kinh doanh	100,00	3.750.000	6414
Số dòng = 1					100,00	3.750.000	
Số dòng = 3					300,00	11.875.000	

- Tab **Hạch toán**: liệt kê các bút toán hạch toán nghiệp vụ khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định

Thông tin chung: Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015; Tháng: 1 Năm: 2015; Chung từ: Ngày hạch toán: 31/01/2015; Ngày chứng từ: 31/01/2015; Số chứng từ: KH00001

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Khoản mục CP	Đơn vị
Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015	6424	2141	625.000				PKT
Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015	6424	2141	7.500.000				PHCTH
Khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2015	6414	2141	3.750.000				PKD
Số dòng = 3			11.875.000				

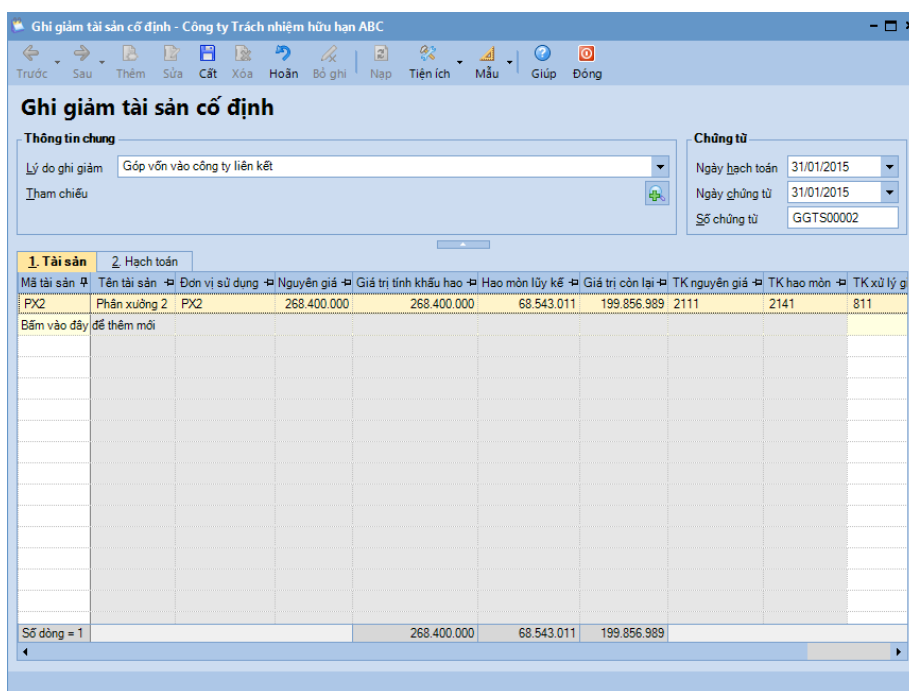
- Nhấn <<**Cắt**>> để lưu bảng tính khấu hao.

» Nghiệp vụ 10: Góp vốn đầu tư bằng TSCĐ

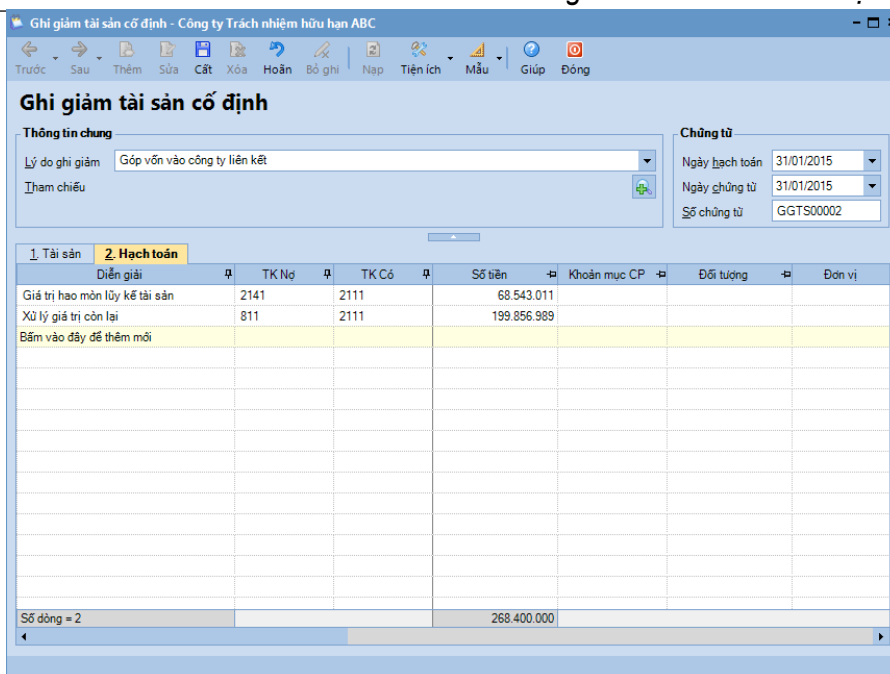
VD: Ngày 31/01/2015, đầu tư góp vốn kinh doanh vào công ty Phú Thái bằng nhà xưởng 2. Giá trị tài sản được công ty Phú Thái chấp nhận là 150.000.000 VND

NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Đầu tiên hạch toán nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ => Tại phân hệ **Tài sản cố định**, NSD chọn chức năng **Ghi giảm** (hoặc trên tab **Ghi giảm**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
 - Lý do ghi giảm: Chọn lý do là “*Góp vốn vào công ty liên kết*”.
 - Ngày chứng từ 31/01/2015
 - Mã TSCĐ: Chọn mã của tài sản phân xưởng 2, phần mềm sẽ tự động hiển thị các thông tin liên quan



- Tab **Hạch toán**: Phần mềm tự động hạch toán nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ theo lý do đã chọn ở trên:



- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- Tiếp theo để phản ánh được giá trị tài sản được đánh giá tăng, NSD thực hiện khai báo trên **Chứng từ nghiệp vụ** khác thuộc phân hệ **Tổng hợp** => Việc nhập liệu tương tự nghiệp vụ Xuất vật tư góp vốn đầu tư, thuộc chương Kế toán kho.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 11: Trả vốn góp đầu tư bằng TSCĐ hoặc điều chuyển cho đơn vị khác => NSD hạch toán tương tự các nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ khác.

1.42.33.3 Một số chức năng bổ sung khác

- ▶▶ Đánh giá lại tài sản cố định

Đánh giá lại TSCĐ được sử dụng khi có đánh giá lại, sửa chữa, nâng cấp hay tháo dỡ một bộ phận TSCĐ dẫn đến tăng, giảm giá trị tính khấu hao của TSCĐ hoặc thay đổi thời gian sử dụng của tài sản. Tùy từng trường hợp phát sinh mà có thể đánh giá Giá trị còn lại, Thời gian sử dụng hoặc Hao mòn lũy kế.

Để tiến hành điều chỉnh TSCĐ, tại phân hệ **Tài sản cố định**, NSD chọn chức năng **Đánh giá lại** (hoặc trên tab **Đánh giá lại**, chọn chức năng **Thêm**), phần mềm sẽ căn cứ vào thông tin TSCĐ được theo dõi tính ra giá

Chương 9: Kế toán tài sản cố định

trị còn lại, thời gian sử dụng còn lại tính đến khi đánh giá lại. NSD nhập Giá trị còn lại sau khi đánh giá lại, nhập thời gian sử dụng còn lại sau khi đánh giá lại (nếu có thay đổi) hoặc hao mòn lũy kế thay đổi sau khi đánh giá. Trường hợp đánh giá lại làm thay đổi Giá trị khấu hao, NSD nhập tài khoản đánh giá lại tương ứng.

Đánh giá lại tài sản cố định - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Định kèm Mẫu In Giúp Đóng

Đánh giá lại tài sản cố định

Đánh giá Thành viên tham gia

Thông tin chung

Biên bản số: BBDGTS15/0001 Ngày: 15/01/2015

Lý do: Sửa chữa tài sản làm tăng giá trị của tài sản

Kết luận:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 19/01/2015

Ngày chứng từ: 19/01/2015

Số chứng từ: BGL00001

1. Chi tiết điều chỉnh

2. Hạch toán

Mã tài sản	Tên tài sản	Đơn vị sử dụng	Giá trị còn lại			Thời gian sử dụng còn lại (tháng)			Trước điều chỉnh
			Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch	
OTTO12	Xe ô tô 12 chỗ	Phòng Hành chính	690.625.000	720.185.000	29.560.000	78,00	82,00	4,00	159.375,00
Số đóng			690.625.000	720.185.000	29.560.000				159.375,00

Đánh giá lại tài sản cố định - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Định kèm Mẫu In Giúp Đóng

Đánh giá lại tài sản cố định

Đánh giá Thành viên tham gia

Thông tin chung

Biên bản số: BBDGTS15/0001 Ngày: 15/01/2015

Lý do: Sửa chữa tài sản làm tăng giá trị của tài sản

Kết luận:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 19/01/2015

Ngày chứng từ: 19/01/2015

Số chứng từ: BGL00001

1. Chi tiết điều chỉnh

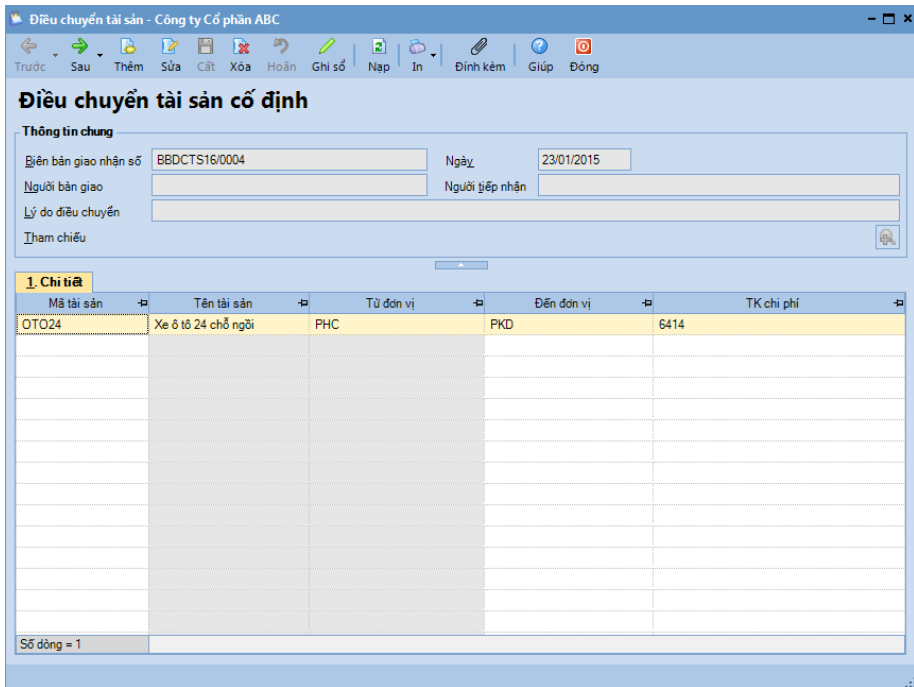
2. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Khoản m
Điều chỉnh tăng giá trị tính khấu hao của tài sản <Xe ô tô 12 chỗ>	2113	412	29.560.000		
Số đóng = 1			29.560.000		

►► Điều chuyển tài sản cố định

Trong quá trình sử dụng có thể có sự điều chuyển tài sản cố định giữa các bộ phận, phòng ban trong doanh nghiệp. Kế toán phải lập chứng từ điều chuyển tài sản cố định nhằm theo dõi chi tiết tình trạng tài sản cố định tại từng bộ phận, phòng ban.

- Khi phát sinh nghiệp vụ điều chuyển, tại phân hệ **Tài sản cố định**, NSD chọn chức năng **Điều chuyển** (hoặc trên tab **Điều chuyển**, chọn chức năng **Thêm**).
- Chọn tài sản cần điều chuyển, phòng ban điều chuyển đến, TK chi phí ở phòng ban mới (nếu có sự thay đổi so với phòng ban cũ)
- Nhấn <<**Cất**>> để lưu chứng từ vừa nhập



1.42.34 Xem và in báo cáo tài sản cố định

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến tài sản cố định, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo về tài sản cố định.

►► Sổ tài sản cố định

Chương 9: Kế toán tài sản cố định

- Tại phân hệ **Tài sản cố định**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo****Tài sản cố định** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Sổ tài sản cố định**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: thời gian, loại CCDC:

Sổ tài sản cố định

Báo cáo: 1. Sổ tài sản cố định

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1

Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015

Đơn vị sử dụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Loại TSCĐ: Máy móc, thiết bị

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị sử dụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC; Loại TSCĐ: Máy móc, thiết bị; Tháng...

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Đơn vị sử dụng	Ngày ghi tăng	Số CT ghi tăng	Ngày bắt đầu tính KH	Thời gian SD (tháng)	Thời gian SD còn lại (tháng)	Giá trị tính KH	Hao mòn trong kỳ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị	
MM3	Máy may 3	Phân xưởng 1	01/11/2013	OPN	01/11/2013	60.00	0.00	45.800.000		10.686.667	35.113.333		
MTXT	Máy tính xách tay	Phòng Kế toán	01/01/2014	OPN	01/01/2014	48.00	35.00	30.000.000	625.000	8.125.000	21.875.000		
MPDIEN	Máy phát điện	Phòng Hành chính T	22/01/2015	GTT\$00002	22/01/2015	60.00	60.00	33.345.000		0	33.345.000		
Số đồng:							168,00	95,00	109.145.000	625.000	18.811.667	90.333.333	

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 Tên DLKT: KE_TOAN_2015 Người dùng: Admin Tổng đài tư vấn: 1900-8677 OVR / NUM 10:32 SA 14/01/2015

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu nguyên tắc hạch toán kế toán TSCĐ?
2. Nêu quy trình kế toán trường hợp ghi tăng TSCĐ do mua ngoài?
3. Nêu quy trình kế toán trong trường hợp thanh lý, nhượng bán TSCĐ?

4. Các danh mục phải khai báo khi hạch toán các chứng từ liên quan đến TSCĐ?
5. Liệt kê một số chứng từ được sử dụng cho việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ?

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tài sản cố định như sau:

1. Ngày 12/01/2020 mua mới một máy tính Intel của Công ty Hà Thành cho phòng kế toán (chưa thanh toán tiền) theo hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001, số 0045612, ký hiệu: AB/17P. Số tiền chưa thuế: 30.000.000 VND. VAT: 10%.

Thời gian sử dụng 3 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 24/01/2020.

2. Ngày 02/02/2020, mua mới một máy phát điện của công ty Phú Thái đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng Công thương theo hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001, số 0078521, ký hiệu: BC/17P. Số tiền chưa thuế: 50.000.000 VND (VAT: 10%) dùng cho phân xưởng 1.

Thời gian sử dụng 7 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 05/02/2020.

3. Ngày 25/02/2020, nhượng bán máy may 2 cho công ty cổ phần Thái Lan thu bằng tiền mặt: 2.000.000 VND, VAT: 10%.

Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số: 0075495; ký hiệu: AB/17P.

4. Ngày 01/03/2020, công ty cổ phần Tân Văn bàn giao nhà xưởng 1 do sửa chữa hoàn thành, nguyên giá mới là: 480.000.000 VND (tăng 30.000.000 VND so với

nguyên giá cũ), thời gian sử dụng mới 17 năm. Thanh toán tiền cho công ty cổ phần Tân Văn bằng tiền mặt.

5. Ngày 12/03/2020, mua mới máy may 5 của công ty Hà Liên (chưa thanh toán tiền) cho phân xưởng 1 theo hóa đơn mẫu số 01GTKT3/001, số 0022145, ký hiệu: AD/17P, Số tiền chưa thuế: 38.000.000 VND, VAT 10%, thời gian sử dụng 5 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 14/03/2020.

6. Ngày 24/03/2020, điều chuyển máy may 1 từ phân xưởng 1 sang phân xưởng 2.

▶▶ Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 và khai báo thêm danh mục (nếu cần).
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- Tính khấu hao TSCĐ từng tháng (bút toán tự động).
- In Danh sách TSCĐ tại nơi sử dụng; Sổ tài sản cố định; Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng...

CHƯƠNG 10

KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG

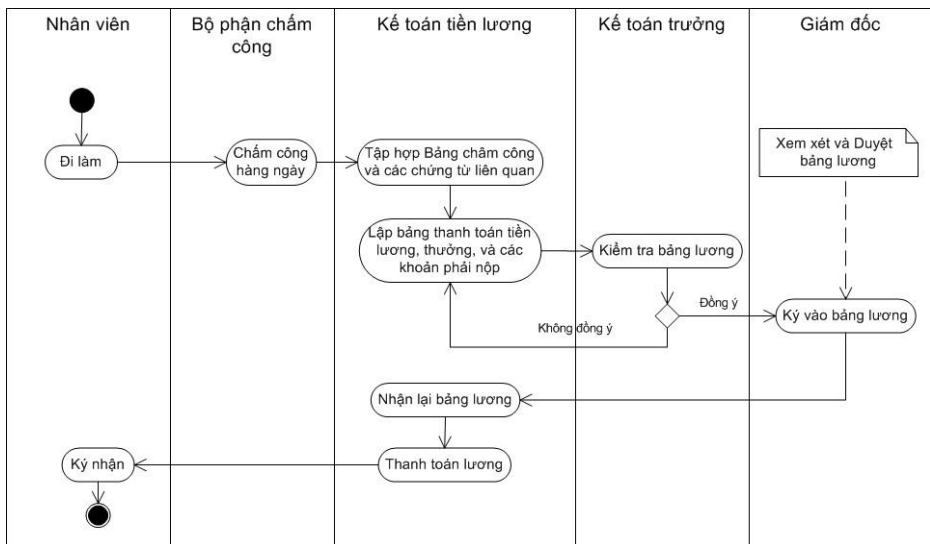
Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Nguyên tắc hạch toán
- Mô hình hoạt động tiền lương
- Sơ đồ hạch toán kế toán tiền lương
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nguyên tắc hạch toán

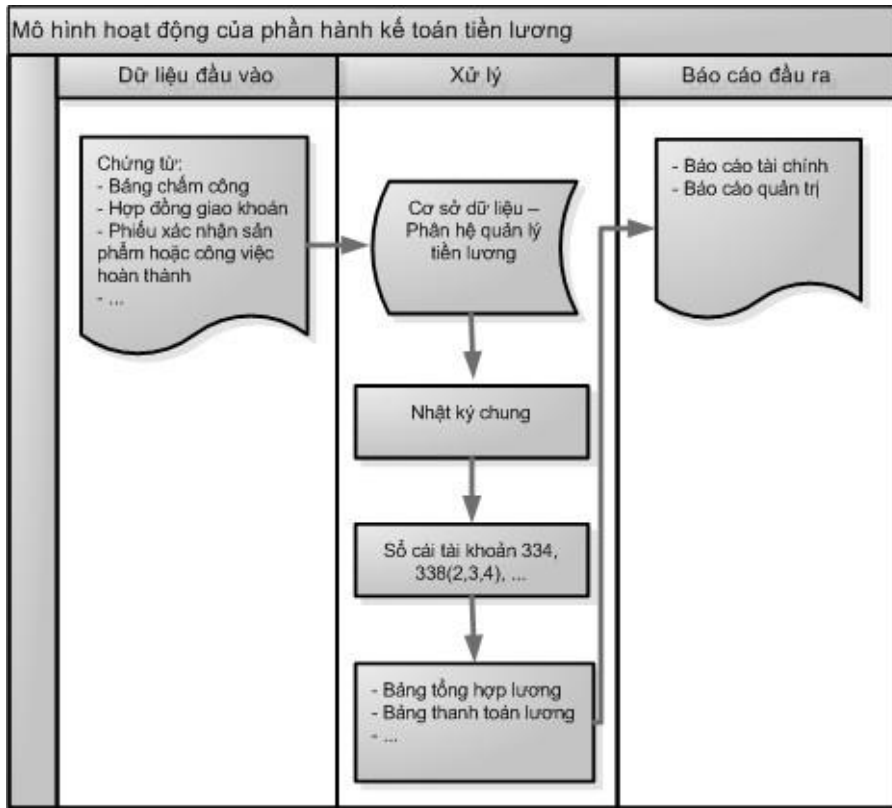
- Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương phải hạch toán chi tiết số lượng lao động, thời gian lao động và kết quả lao động.
- Căn cứ vào Bảng chấm công, Phiếu làm thêm giờ, Phiếu giao nộp sản phẩm, Hợp đồng giao khoán, Phiếu nghỉ hưởng BHXH,... để lập bảng tính và thanh toán lương và các khoản trích theo lương cho người lao động.
- Căn cứ vào Bảng tính lương kế toán lập Bảng tính và phân bổ chi phí tiền lương cùng các khoản trích theo lương vào chi phí của từng phân xưởng, bộ phận sử dụng lao động.

Mô hình hóa hoạt động tiền lương và các khoản trích theo lương

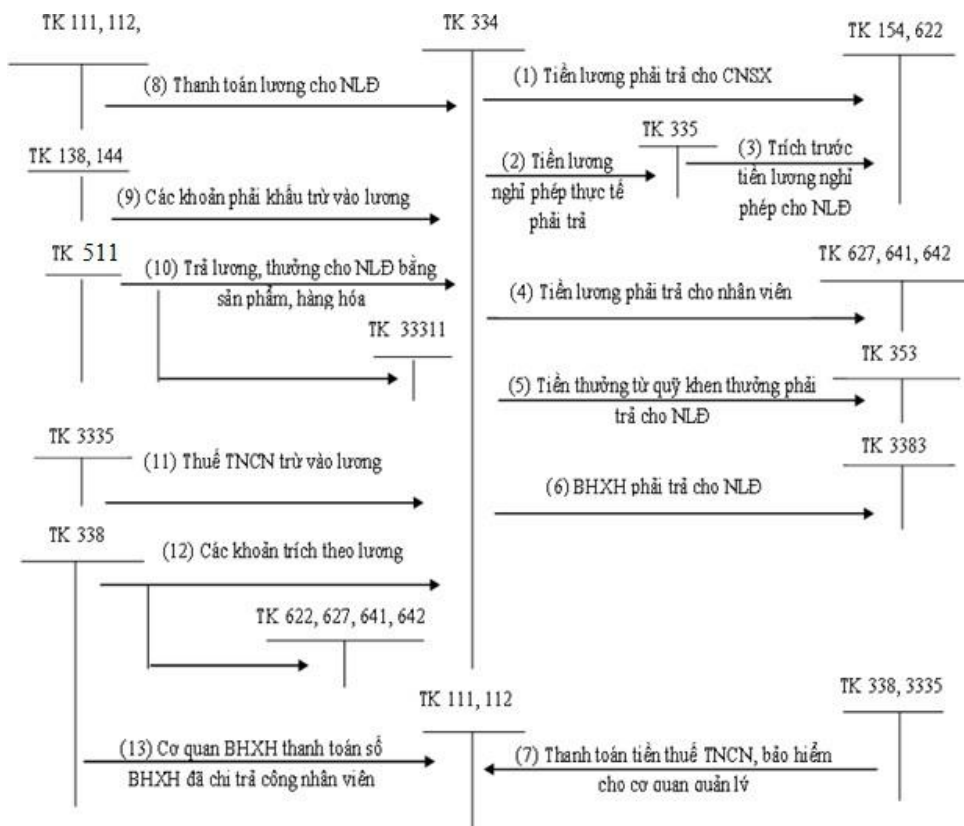


Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.35 Quy trình xử lý trên phần mềm



1.42.36 Sơ đồ hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương



1.42.37 Hướng dẫn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh




1.42.37.1 Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán tiền lương bao gồm:

- Bảng chấm công.
- Bảng chấm công làm thêm giờ.
- Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành...

Một số mẫu chứng từ điển hình:

►► Bảng chấm công

Đơn vị: Công ty TNHH ABC 218 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội			Mẫu số: 01a-LĐTL (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)									
BẢNG CHẤM CÔNG <i>Tháng 01 năm 2011</i>												
Số TT	Họ và tên	Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ	Ngày trong tháng					Quy ra công				
			1	2	3	...	31	Số công hưởng lương sản phẩm	Số công hưởng lương thời gian	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng 100% lương	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng ...% lương	Số công hưởng BHXH
A	B	C	1	2	3	...	31	32	33	34	35	36
1.	Hoàng Thanh Tú	Nhân viên	+	+	+	+	+		26	1		
2.	Nguyễn Hải Yến	Nhân viên	+	+	+	+	+		27	0		
...					
	Tổng	x	x	x	x	x	x					
<p style="text-align: center;">Người chấm công (Ký, họ tên)</p>  Hoàng Thanh Tú			<p style="text-align: center;">Phụ trách bộ phận (Ký, họ tên)</p>  Đỗ Thị Xuân					<p style="text-align: center;">Ngày 31 tháng 03 năm 2010</p> <p style="text-align: center;">Người duyệt (Ký, họ tên)</p>  Trần Bình Minh				
<p>Ký hiệu chấm công</p> - Lương thời gian: + - Ốm, điều dưỡng: Ô - Con ốm: CÔ - Thai sản: Ts - Tai nạn: T - Nghỉ phép: P								- Hội nghỉ, học tập: H - Nghỉ bù: Nb - Nghỉ không lương: No - Ngừng việc: N - Lao động nghĩa vụ: Lđ				

1.42.37.2 Khai báo danh mục có liên quan

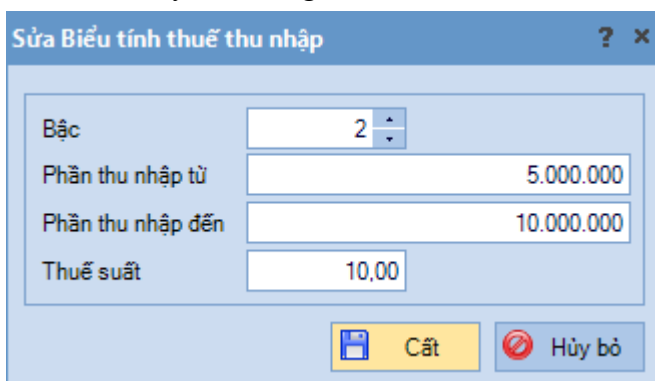
Phân hệ Tiền lương quản lý số công, tiền lương và các khoản chi phí lương của từng cán bộ nhân viên theo từng phòng ban. Do vậy, trước khi thực hiện chấm công, tính lương và thanh toán lương NSD cần phải khai báo các thông tin như: Danh mục phòng ban, nhân viên, ký hiệu chấm công, tỷ lệ tính bảo hiểm...

►► Biểu tính thuế thu nhập:

Phần mềm kế toán MISA SME.NET đã thiết lập sẵn biểu tính thuế thu nhập cá nhân theo quy định hiện hành của Nhà nước, NSD chỉ được phép sửa đổi lại thông tin đã có. Nếu Nhà nước có sự thay đổi quy định trong tương lai thì phần mềm sẽ được tự động cập nhật mới. Để tiến hành sửa lại thông tin Biểu tính thuế thu nhập NSD thực hiện như sau:

- Vào menu **Danh mục\Lương nhân viên\Biểu tính thuế thu nhập**

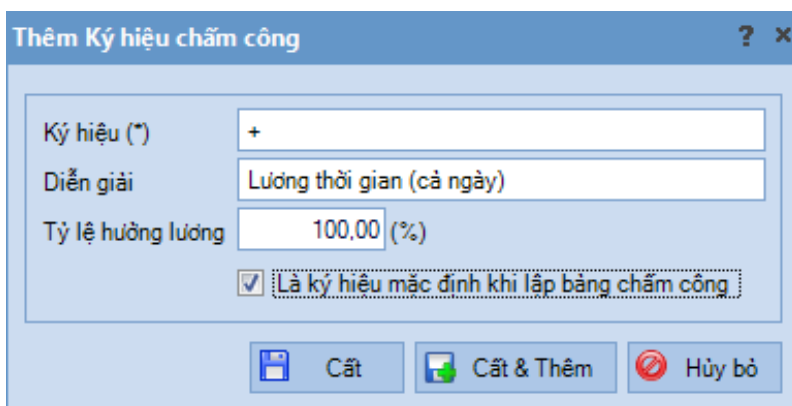
- Chọn **Sửa** để thay đổi thông tin biểu tính thuế đã có



- Sau khi thay đổi thông tin xong <<Cất.

▶▶ Ký hiệu chấm công:

Phần mềm kế toán MISA SME.NET đã thiết lập sẵn một số ký hiệu chấm công theo quy định của chế độ kế toán để phục vụ cho việc chấm công của doanh nghiệp. NSD cũng có thể thêm mới, sửa, xóa các ký hiệu này cho phù hợp với việc quản lý thời gian làm việc của nhân viên bằng cách vào menu **Danh mục\Lương nhân viên\Ký hiệu chấm công**.



Tỷ lệ hưởng lương: là căn cứ để phần mềm tự động tính lương dựa vào bảng chấm công nhân viên.

Là ký hiệu mặc định khi lập bảng chấm công: nếu tích chọn thông tin này, thì khi lập bảng chấm công phần mềm sẽ tự mặc định chấm công cho cán bộ nhân viên trong kỳ bằng ký hiệu này.

- ▶ Khai báo mức lương được hưởng, mức lương đóng bảo hiểm của từng nhân viên

Khi khai báo thông tin nhân viên trên **Danh mục\Đối tượng\Nhân viên**, NSD khai báo luôn thông tin về mức lương thỏa thuận, lương đóng bảo hiểm, số người phụ thuộc (nếu có) để phục vụ cho việc tính lương:

Thêm Nhân viên

Là khách hàng Là nhà cung cấp

1. Thông tin chung 2. Khác

Mã (*) NVANH Chức danh Nhân viên kinh doanh
 Tên (*) Nguyễn Văn Anh Đơn vị (*) Phòng Kinh doanh 1
 Giới tính Nam Nữ Mã số thuế 0101243150-015
 Ngày sinh 01/12/1996 Lương thỏa thuận 10.000.000
 Số CMND 038189000852 Hệ số lương 0,00
 Ngày cấp 25/09/2015 Lương đóng BH 5.000.000
 Nơi cấp Cục cảnh sát Loại hợp đồng (*) Cư trú và có HĐLĐ từ 3 tháng trở lên
 Số người phụ thuộc 1

Nhóm KH, NCC

Tài khoản ngân hàng

Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh	Tỉnh/TP của ngân hàng
453564564564	Ngân hàng TMCP Á Châu	Hai Bà Trưng	Hà Nội
Bấm vào đây để thêm mới			

Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

- ▶ Khai báo mức lương tối thiểu, giảm trừ bản thân, tỷ lệ các khoản trích...

- NSD vào menu **Nghiệp vụ\Tiền lương\Quy định lương**:

Quy định lương, bảo hiểm, thuế TNCN

Mức lương cơ sở	1.490.000	Số ngày tính công trong tháng	24,00
Mức lương tối đa đóng BHXH, BHYT, KPCĐ	29.800.000	Số giờ tính công trong ngày	8,00
Mức lương tối đa đóng BHTN	29.800.000		

Tỷ lệ hưởng lương làm thêm ban ngày		Tỷ lệ hưởng lương làm thêm ban đêm	
Làm thêm ngày thường (%)	150,00	Làm thêm ngày thường (%)	200,00
Thứ 7, chủ nhật (%)	200,00	Thứ 7, chủ nhật (%)	270,00
Ngày lễ, tết (%)	300,00	Ngày lễ, tết (%)	390,00

Bảo hiểm			
Tỷ lệ công ty phải đóng	Tỷ lệ nhân viên phải đóng		
Bảo hiểm xã hội (%)	17,50	Bảo hiểm xã hội (%)	8,00
Bảo hiểm y tế (%)	3,00	Bảo hiểm y tế (%)	1,50
Bảo hiểm thất nghiệp (%)	1,00	Bảo hiểm thất nghiệp (%)	1,00
Kinh phí công đoàn (%)	2,00	Kinh phí công đoàn (%)	0,00

Thuế TNCN			
Giảm trừ bản thân	11.000.000	Giảm trừ người phụ thuộc	4.400.000
Thuế suất cá nhân không cư trú (%)	20		
Thuế suất cá nhân cư trú và không ký HĐLĐ hoặc HĐLĐ dưới 03 tháng (%)	10		

Cắt Hủy bỏ

- Các thông tin như: mức lương tối thiểu, mức lương tối đa đóng BHXH, tỷ lệ các khoản trích... đã được chương trình tự động hiển thị theo chế độ hiện hành
- NSD có thể sửa các thông tin ngầm định này sau đó nhấn <<Cắt>> để cắt.

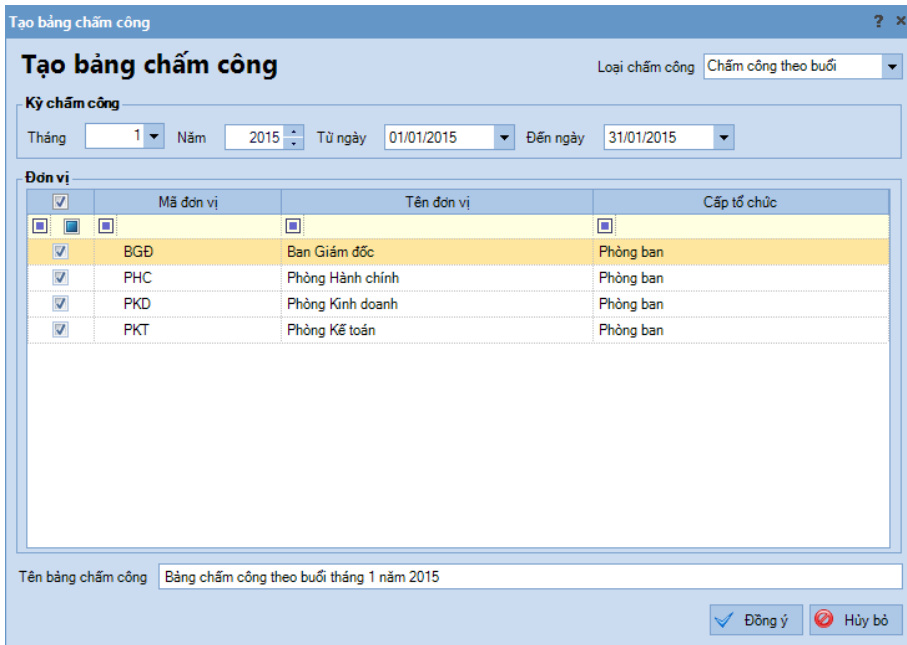
1.42.37.3 Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

Để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương trong phần mềm kế toán MISA SME.NET, NSD thực hiện chọn đến phân hệ Tiền lương. Sau đây là hướng dẫn nhập liệu một số nghiệp vụ cụ thể:

►► Chấm công

Cho phép chấm công theo ngày, tuần hoặc tháng cho từng nhân viên làm căn cứ theo dõi quá trình đi làm của nhân viên và căn cứ tính lương. NSD thực hiện theo hướng dẫn sau:

- Đầu tiên lập bảng chấm công chi tiết => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Chấm công** (hoặc trên tab **Chấm công**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

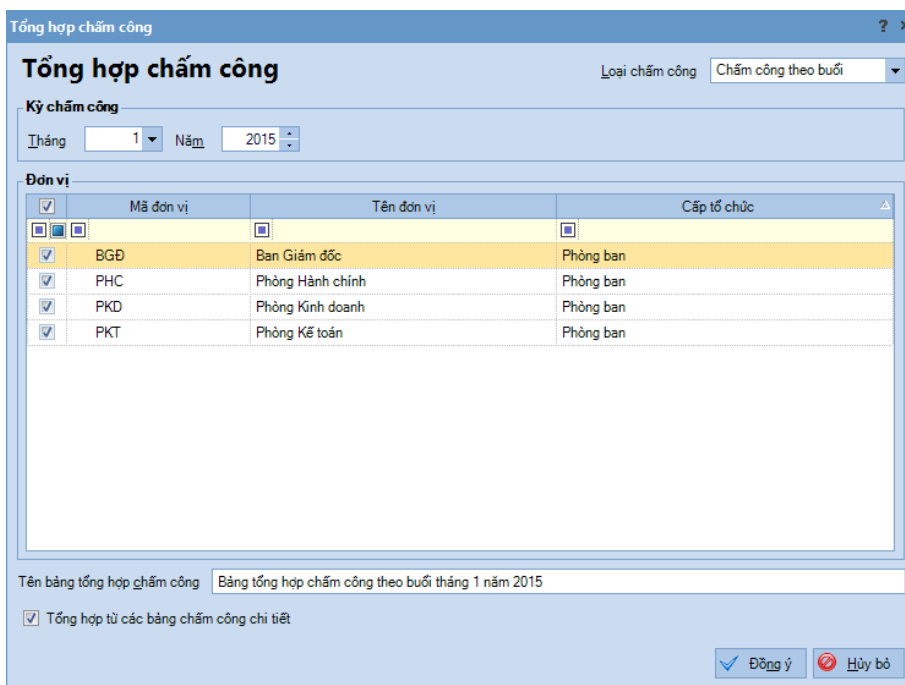


- Loại chấm công: Chọn chấm công theo buổi hoặc chấm công theo giờ.
- Chọn thời gian lập bảng chấm công
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng chấm công
- Nhấn <<Đồng ý>> phần mềm sẽ hiển thị bảng chấm công tương ứng:

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
- BGD - Ban Giám đốc															
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	+	+		+	+	+	+	+	+	+	+	+	+
- PKD - Phòng Kinh doanh															
2	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	+	+			+	+	+	+	+			+	+
3	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	+	+				+	+	+	+	+	+	+	+
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	+	+				+	+	+	+	+	+	+	+
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	+	+				+	+	+	+	+	+	+	+
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	+	+				+	+	+	+	+	+	+	+
- PKT - Phòng Kế toán															
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	+	+			+	+	+	+	+	+	+	+	+
8	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	+	+				+	+	+	+	+	+	+	+
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	+	+				+	+	+	+	+	+	+	+
- PHC - Phòng Hành chính															
10	NDOAN	Ngô Đức Toàn	+	+			+	+	+	+	+	+	+	+	+
11	VNTAN	Vũ Ngọc Tấn	+	+			+	+	+	+	+	+	+	+	+

Chương 10: Kế toán tiền lương

- Tích chọn các thông tin tương ứng về ngày công làm việc của mỗi nhân viên các ngày trong tháng.
- Nhấn <<Cất>> để lưu bảng chấm công vừa lập
- Tiếp theo lập bảng Tổng hợp chấm công để phục vụ cho việc tính lương => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Tổng hợp chấm công** (hoặc trên tab **Tổng hợp chấm công**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:



Đơn vị	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

- Loại chấm công: Chọn chấm công theo buổi hoặc chấm công theo giờ.
- Chọn thời gian lập bảng tổng hợp chấm công
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng tổng hợp chấm công
- Trường hợp muốn lập bảng tổng hợp chấm công từ các bảng chấm công chi tiết đã được lập trên tab **Chấm công**, NSD tích chọn vào thông tin “**Tổng hợp từ các bảng chấm công chi tiết**”.
- Nhấn <<Đồng ý>> phần mềm sẽ hiển thị bảng tổng hợp chấm công tương ứng:

Bảng tổng hợp chấm công theo buổi tháng 1 năm 2015

(Đơn vị tính: Ngày công)

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Lương thời gian (nửa ngày)	Ngủ việc	Nghỉ không lương	Lương thời gian (cả ngày)	Nghỉ bù	Ôm, điều dưỡng	Hội nghị, học tập	Tai nạn	Nghỉ phép	Lao động nghĩa vụ	Con ốm	Thai sản	Lương sản phẩm	Số công hưởng 100% lương	Số công không hưởng 100% lương	Làm thêm ban ngày (giờ công)	Ngày thường	Ngày chủ nhật	Ngày lễ, tết	Làm thêm đêm
- BGD - Ban Giám đốc																						
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Số...			0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
- PKD - Phòng Kinh doanh																						
2	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,50	0,00	0,00	0,00	0,00
3	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	1,00	0,00	0,00	0,00
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	2,00	0,00	0,00
Số...			0,00	0,00	0,00	110,...	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	110,...	0,00	0,50	3,00	0,00	0,00	0,00
- PKT - Phòng Kế toán																						
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Số...			0,00	0,00	0,00	66,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	66,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
- PHC - Phòng Hành chính																						
10	NDTOAN	Ngô Đức Toàn	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,50	1,00	0,00	0,00	0,00
Số...			0,00	0,00	0,00	242,...	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	242,...	0,00	1,00	4,00	0,00	0,00	0,00

- Nhập số ngày công tương ứng với từng ký hiệu chấm công (Trường hợp được lập từ bảng chấm công chi tiết, phần mềm sẽ tự động tổng hợp theo từng ký hiệu chấm công).
- Nhấn <<Cắt>> để lưu bảng tổng hợp chấm công vừa lập.

Để phục vụ cho công tác tính lương nhân viên, NSD chỉ cần lập bảng tổng hợp chấm công, không nhất thiết phải lập bảng chi tiết chấm công.

Đối với công làm thêm giờ, làm đêm thì phần mềm không tổng hợp từ bảng chấm công chi tiết, NSD tự nhập tổng số công làm thêm, làm đêm vào Bảng tổng hợp chấm công để phần mềm thực hiện tính các khoản lương này cho cán bộ

►► Tính lương

Phần mềm MISA SME.NET cho phép NSD lập 3 loại bảng lương: Bảng lương cơ bản cố định, bảng lương thời gian và bảng lương tạm ứng.

- **Lập bảng lương tạm ứng:** Cho phép lập và quản lý các Bảng lương tạm ứng được lập trong kỳ của doanh nghiệp để phục vụ việc trả lương nhiều lần trong tháng. Bảng lương tạm ứng là cơ sở để phần mềm lấy lên cột “Tạm ứng kỳ I” trên Bảng lương chính của tháng => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Tính lương** (hoặc trên tab **Tính lương**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

<input type="checkbox"/>	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input type="checkbox"/>			
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

- Loại bảng lương: Chọn loại bảng lương là “*Lương tạm ứng*”.
- Chọn thời gian lập bảng lương
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng lương
- NSD có thể lựa chọn tạo bảng tính lương từ một bảng lương đã có trên phần mềm hoặc tạo một bảng lương hoàn toàn mới.
- Nhấn <<**Đồng ý**>> phần mềm sẽ hiển thị bảng lương tạm ứng của nhân viên:

Chương 10: Kế toán tiền lương

Bảng lương tạm ứng tháng 1 năm 2015

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Chức danh	Số tiền tạm ứng
BGD - Ban Giám đốc				
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Giám đốc	5.000.000
Số đóng = 1				5.000.000
PKD - Phòng Kinh doanh				
2	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	Nhân viên	2.000.000
3	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Nhân viên	2.000.000
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Nhân viên	2.000.000
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	Nhân viên	2.000.000
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	Nhân viên	2.000.000
Số đóng = 5				10.000.000
PKT - Phòng Kế toán				
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	Nhân viên	2.500.000
8	NATUYET	Ngô Anh Tuyết	Nhân viên	2.500.000
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	Nhân viên	2.500.000
Số đóng = 3				7.500.000
PHC - Phòng Hành chính				
10	NDTOAN	Ngô Đức Toàn	Nhân viên	2.000.000
11	VNTAN	Vũ Ngọc Tấn	Nhân viên	2.000.000
Số đóng = 2				2.000.000
Số đóng = 11				24.500.000

- Nhập số tiền tạm ứng của nhân viên trong kỳ lên bảng lương tạm ứng
- Nhấn <<Cắt>> để lưu bảng lương vừa nhập
- **Lập bảng lương dựa trên bảng tổng hợp chấm công:** Cho phép lập và quản lý các bảng lương được tính dựa trên công làm việc của nhân viên trên bảng tổng hợp chấm công => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Tính lương** (hoặc trên tab **Tính lương**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Tạo bảng lương ? x

Loại bảng lương: Lương thời gian theo buổi

Kỳ tính lương

Tháng: 1 Năm: 2015

Đơn vị

	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input type="checkbox"/>			
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

Tên bảng lương: Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2015

Tạo mới dựa trên bảng lương khác
 Tạo mới hoàn toàn

Dựa trên bảng lương

Bảng lương: Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2014

Tự động thêm vào các nhân viên mới
 Lấy cả nhân viên đã ngừng theo dõi

- Loại bảng lương: Chọn loại bảng lương là “*Lương thời gian theo buổi*” hoặc “*Lương thời gian theo giờ*”.
- Chọn thời gian lập bảng lương
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng lương
- NSD có thể lựa chọn tạo bảng tính lương từ một bảng lương đã có trên phần mềm hoặc tạo một bảng lương hoàn toàn mới.
- Nhấn <<**Đồng ý**>> phần mềm sẽ hiển thị bảng lương của nhân viên:

Chương 10: Kế toán tiền lương

Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2014

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Chức danh	Lương cơ bản	Định giờ ngày công	Lương thời gian hưởng 100% lương		Nghỉ việc, ngừng việc không hưởng 100% lương		Lương làm thêm	Phụ cấp thuộc quỹ lương	Phụ cấp khác	Tổng số	Tạm ứng lương trong kỳ	Lương đóng BH	Các khoản khấu trừ										Thu nhập sau thuế TNCN	Số tiền còn được lĩnh
						Số ngày công	Số tiền	Số ngày công	Số tiền							BH04H	BHYT	BHTN	KPCGD	Thuế TNCN	Công	Giảm trừ gia đình					
BGD-Ban Giám đốc																											
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Giám đốc	18.000.000	790.000	22.00	16.500.000	0,00	0	0,00	0	0	16.500.000	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	163.500	793.500	12.600.000	3.270.000	15.706.500		15.706.500	
PKD-Phòng Kinh doanh																											
3	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Nhân viên	5.800.000	241.667	22.00	5.316.674	0,00	0	0,00	0	0	5.316.674	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.001.674		5.001.674	
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Nhân viên	5.800.000	249.167	22.00	5.481.674	0,00	0	0,00	0	0	5.481.674	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.166.674		5.166.674	
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	Nhân viên	6.800.000	283.333	22.00	6.233.326	0,00	0	0,00	0	0	6.233.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.918.326		5.918.326	
2	HNNAM	Hoàng Ngọc Mai	Nhân viên	5.600.000	233.333	19.00	4.433.327	3,00	699.999	0,00	0	0	5.133.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	4.818.326		4.818.326	
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	Nhân viên	5.100.000	212.500	17.00	3.612.500	5,00	1.062.500	0,00	0	0	4.675.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	4.360.000		4.360.000	
PKT-Phòng Kế toán																											
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	Nhân viên	7.800.000	325.000	22.00	7.150.000	0,00	0	0,00	0	0	7.150.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	6.835.000		6.835.000	
9	NTMAM	Nguyễn Tuyết Mai	Nhân viên	6.800.000	283.333	22.00	6.233.326	0,00	0	0,00	0	0	6.233.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.918.326		5.918.326	
8	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	Nhân viên	9.500.000	395.633	20.00	7.916.660	2,00	791.666	0,00	0	0	8.708.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	8.393.326		8.393.326	
PHC-Phòng Hành chính																											
10	NTCHAN	Ngô Đức Toàn	Nhân viên	6.200.000	258.333	22.00	5.683.326	0,00	0	0,00	0	0	5.683.326	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.368.326		5.368.326	
11	VANTAN	Vũ Ngọc Tấn	Nhân viên	4.500.000	187.500	22.00	4.125.000	0,00	0	0,00	0	0	4.125.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	3.810.000		3.810.000	
Tổng cộng																											
				72.686.813	2.554.165	0	75.239.978	0	36.000.000	2.880.000	540.000	360.000	0	163.500	3.943.500	102.600,0											71.296.478

- Nhấn <<Cắt>> để lưu bảng lương vừa lập
- **Lập bảng lương cố định (không dựa vào bảng chấm công):** Cho phép lập và quản lý các bảng lương được tính dựa trên thông tin lương cố định khi khai báo nhân viên => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Tính lương** (hoặc trên tab **Tính lương**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Tạo bảng lương

Loại bảng lương: **Lương cố định (không dựa trên bảng chấm công)**

Kỳ tính lương: Tháng **1** Năm **2015**

Đơn vị:

<input checked="" type="checkbox"/>	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Cấp tổ chức
<input checked="" type="checkbox"/>	BGD	Ban Giám đốc	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PHC	Phòng Hành chính	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKD	Phòng Kinh doanh	Phòng ban
<input checked="" type="checkbox"/>	PKT	Phòng Kế toán	Phòng ban

Tên bảng lương: **Bảng lương cố định tháng 1 năm 2015**

Tạo mới dựa trên bảng lương khác Tạo mới hoàn toàn

Dựa trên bảng lương: **Bảng lương**

Tự động thêm vào các nhân viên mới Lấy cả nhân viên đã ngừng theo dõi

Chương 10: Kế toán tiền lương

- Loại bảng lương: Chọn loại bảng lương là “*Lương cố định (không dựa trên bảng chấm công)*”.
- Chọn thời gian lập bảng lương
- Tích chọn phòng ban/bộ phận được lập bảng lương
- NSD có thể lựa chọn tạo bảng tính lương từ một bảng lương đã có trên phần mềm hoặc tạo một bảng lương hoàn toàn mới.
- Nhấn <<Đồng ý>> phần mềm sẽ hiển thị bảng lương của nhân viên:

Bảng lương cố định tháng 1 năm 2015

STT	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Chức danh	Lương cơ bản	Phụ cấp thuộc quỹ lương	Phụ cấp khác	Tổng số	Tạm ứng lương trong kỳ	Lương đóng BHXH	Các khoản khấu trừ					Giảm trừ gia cảnh	Thu nhập tính thuế TNCN	Số tiền còn được tính	
										BHXH	BHYT	BHTN	KPCD	Thuế TNCN				Cộng
BGD-Ban Giám đốc																		
1	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Giám đốc	18.000.000	0	0	18.000.000	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	238.500	868.500	12.600.000	4.770.000	17.131.500
S...							18.000.000	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	238.500	868.500	12.600.000		17.131.500
PKD-Phòng Kinh doanh																		
2	HNMAI	Hoàng Ngọc Mai	Nhân viên	5.600.000	0	0	5.600.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.285.000
3	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Nhân viên	5.800.000	0	0	5.800.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.485.000
4	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Nhân viên	5.980.000	0	0	5.980.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.665.000
5	VTDUNG	Vũ Tiến Dũng	Nhân viên	5.100.000	0	0	5.100.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	4.785.000
6	VTPHONG	Vũ Tuấn Phong	Nhân viên	6.800.000	0	0	6.800.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	6.485.000
S...							29.280.000	0	15.000.000	1.200.000	225.000	150.000	0	0	1.575.000	45.000.000		27.705.000
PKT-Phòng Kế toán																		
7	LTHUYEN	Lê Thị Huyền	Kế toán	7.800.000	0	0	7.800.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	7.485.000
8	NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	Nhân viên	9.500.000	0	0	9.500.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	9.250	324.250	9.000.000	185.000	9.175.750
9	NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	Nhân viên	6.800.000	0	0	6.800.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	6.485.000
S...							24.100.000	0	9.000.000	720.000	135.000	90.000	0	9.250	954.250	27.000.000		23.145.750
PHC-Phòng Hành chính																		
10	NDOAN	Ngô Đức Toàn	Nhân viên	6.200.000	0	0	6.200.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	5.885.000
11	VNTAN	Vũ Ngọc Tấn	Nhân viên	4.500.000	0	0	4.500.000	0	3.000.000	240.000	45.000	30.000	0	0	315.000	9.000.000	0	4.185.000
S...							10.700.000	0	6.000.000	480.000	90.000	60.000	0	0	630.000	18.000.000		10.070.000
S...							82.080.000	0	36.000.000	2.880.000	540.000	360.000	0	247.750	4.027.750	102.600.000		78.052.250

- Nhấn <<Cất>> để lưu bảng lương vừa lập.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 1, 4, 11 và 12: Tính lương và các khoản trích theo lương => NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Hạch toán chi phí lương** (hoặc trên tab **Hạch toán chi phí**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Chọn bảng lương ? x

Bảng lương: Bảng lương thời gian theo buổi tháng 1 năm 2015

✓ Đồng ý
✗ Hủy bỏ

Chương 10: Kế toán tiền lương

- Chọn bảng lương cần hạch toán chi phí lương, sau đó nhấn <<Đồng ý>>, phần mềm sẽ tự động sinh ra chứng từ hạch toán chi phí lương:

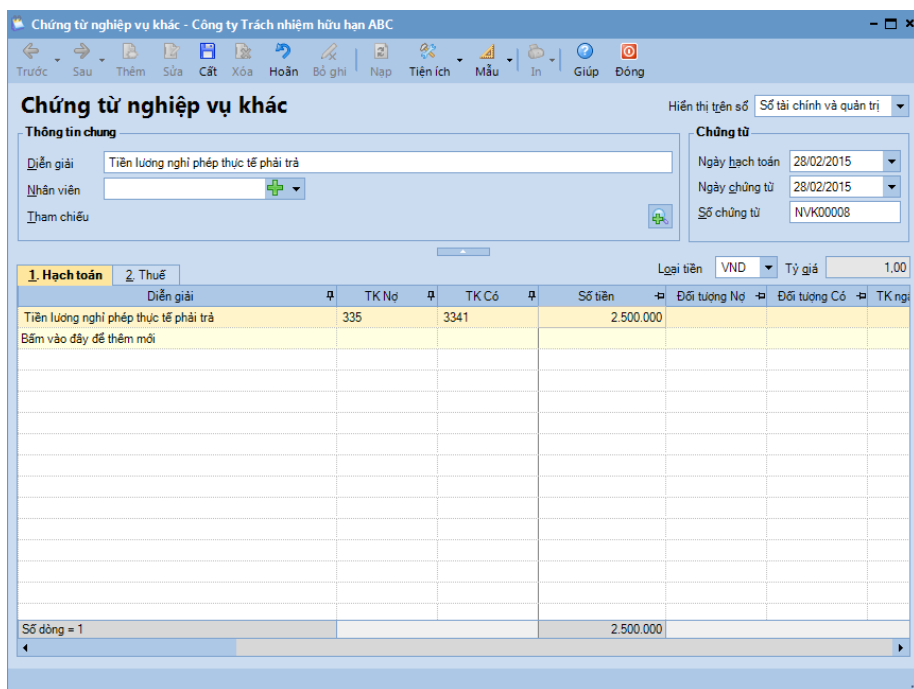
Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Đơn vị
BHTN công ty đóng	6421	3386	360.000			
BHTN nhân viên đóng	3341	3386	360.000			
BHXX công ty đóng	6421	3383	6.480.000			
BHXX nhân viên đóng	3341	3383	2.880.000			
BHYT công ty đóng	6421	3384	1.080.000			
BHYT nhân viên đóng	3341	3384	540.000			
KPCĐ công ty đóng	6421	3382	720.000			
Lương chính	6421	3341	75.239.978			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 8			87.659.978			

- NSD kiểm tra các bút toán về lương, các khoản trích theo lương và thuế TNCN của nhân viên
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa lập.

*Sau khi lập xong bảng lương, NSD cũng có thể hạch toán luôn chi phí lương bằng cách chọn chức năng **Hạch toán lương** trên thanh công cụ của bảng lương.*

- ▶▶ Nghiệp vụ 2, 3: Trích trước tiền lương nghỉ phép của nhân viên vào chi phí.
- VD: Ngày 28/01/2015 tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của nhân viên sản xuất phân xưởng 2 vào chi phí số tiền là 2.500.000 VND. NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc
 - Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ.
 - Ngày chứng từ: 28/01/2015
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - TK Nợ: Chọn TK 622/TK Có: Chọn TK 335
 - + Số tiền: 2.500.000 VND
 - Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- VD: Ngày 28/02/2015, tính tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả. NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:



- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
 - Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ.
 - Ngày chứng từ: 28/02/2015
 - Chọn loại tiền hạch toán: VND
 - TK Nợ: Chọn TK 335/TK Có: Chọn TK 3341
 - + Số tiền: 2.500.000 VND
 - Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
- » Nghiệp vụ 5: Tiền thưởng từ quỹ khen thưởng phải trả cho NLĐ
- VD: Ngày 30/01/2015 trích từ quỹ khen thưởng của doanh nghiệp thưởng cho nhân viên Trần Đức Chi 2.000.000 VND vì có thành tích xuất sắc.

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **TỔNG HỢP**, chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết của chứng từ.
- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: Chọn TK 3531/TK Có: Chọn TK 3341
- Số tiền: 2.000.000 VND
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 6: Hạch toán tương ứng nghiệp vụ 5
 - ▶▶ Nghiệp vụ 7: Thanh toán thuế, bảo hiểm cho cơ quan quản lý quỹ

VD: Ngày 31/01/2015 kế toán phải nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho cơ quan quản lý bằng ủy nhiệm chi qua ngân hàng BIDV

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Nộp bảo hiểm** (hoặc vào **Nghịệp vụ\Tiền lương\Nộp bảo hiểm**):

Thông tin chi tiết	Khoản phải nộp	Số phải nộp	Số nộp lần này
<input checked="" type="checkbox"/> Bảo hiểm xã hội		1.200.000	1.200.000
<input checked="" type="checkbox"/> Bảo hiểm y tế		5.000.000	5.000.000
<input checked="" type="checkbox"/> Kính phí công đoàn		3.000.000	3.000.000
Số đóng = 3		9.200.000	9.200.000

- Ngày nộp bảo hiểm: 31/01/2015
- Lựa chọn phương thức nộp là lập Ủy nhiệm chi
- Tích chọn các khoản bảo hiểm phải nộp
- Nhấn <<**Nộp bảo hiểm**>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ nộp các khoản bảo hiểm căn cứ vào phương thức thanh toán đã chọn:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mã thống kê
Bảo hiểm xã hội	3383	1121	1.200.000	
Bảo hiểm y tế	3384	1121	5.000.000	
Kính phí công đoàn	3382	1121	3.000.000	
Số đồng = 3			9.200.000	

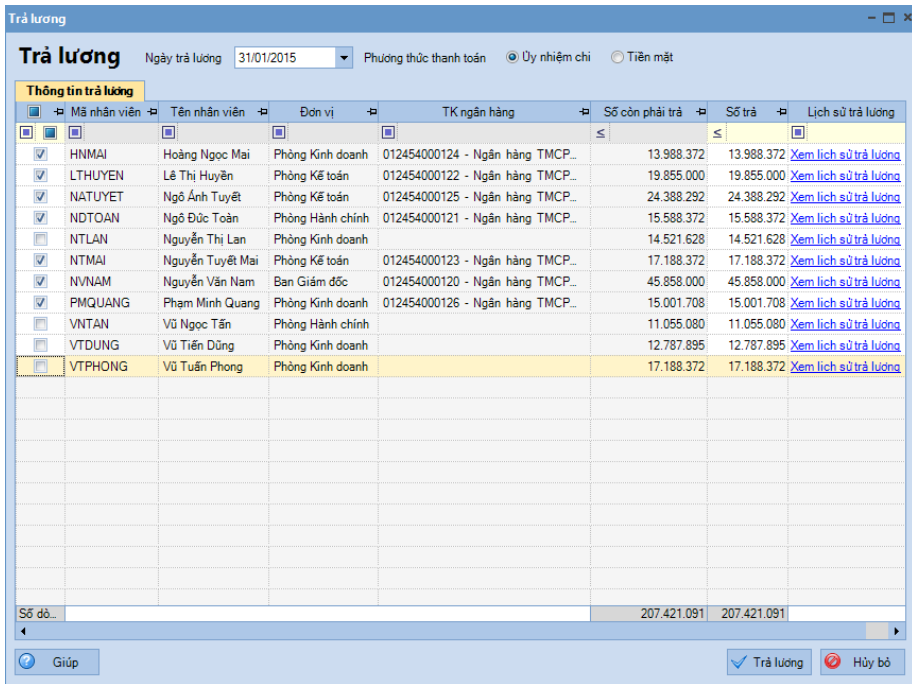
- Tài khoản chi: Chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV
- Kiểm tra thông tin uỷ nhiệm chi được lập, sau đó nhấn <<Cắt>>.

*NSD cũng có thể thực hiện chức năng nộp bảo hiểm trên phân hệ **Quỹ** hoặc **Ngân hàng** tùy thuộc vào phương thức thanh toán.*

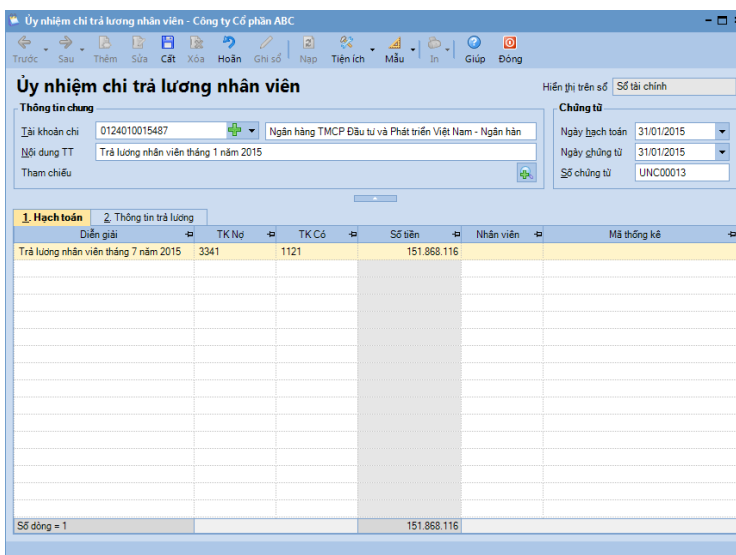
►► **Nhiệm vụ 8 : Thanh toán lương cho NLĐ**

VD: Ngày 31/01/2015 thanh toán tiền lương tháng 01/2015 cho cán bộ công nhân viên. Sau khi tính lương và các khoản trích theo lương, doanh nghiệp thực hiện trả lương cho nhân viên bằng chuyển khoản qua ngân hàng BIDV.

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tiền lương**, chọn chức năng **Trả lương** (hoặc vào **Nhiệm vụ\Tiền lương\Trả lương**):



- Ngày trả lương: 31/01/2015
- Lựa chọn phương thức trả là lập Ủy nhiệm chi
- Tích chọn những nhân viên sẽ được trả lương qua tài khoản
- Nhấn <<Trả lương>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ trả lương căn cứ vào phương thức thanh toán đã chọn:



Chương 10: Kế toán tiền lương

- Tài khoản chi: Chọn số tài khoản của ngân hàng BIDV
- Kiểm tra hạch toán nghiệp vụ trả lương cho nhân viên trên tab **Hạch toán** và chi tiết tiền lương đã trả cho từng nhân viên trên tab **Thông tin trả lương**:

Mã nhân viên	Tên nhân viên	Số tài khoản	Đơn vị	Số còn phải trả	Số trả
HINMAI	Hoàng Ngọc Mai	012454000124 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kinh doanh	13.988.372	13.988.372
LTHUYEN	Lê Thị Huyền	012454000122 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kế toán	19.855.000	19.855.000
NATUYET	Ngô Ánh Tuyết	012454000125 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kế toán	24.388.292	24.388.292
NDTOAN	Ngô Đức Toàn	012454000121 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Hành chính	15.588.372	15.588.372
NTMAI	Nguyễn Tuyết Mai	012454000123 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kế toán	17.188.372	17.188.372
NVNAM	Nguyễn Văn Nam	012454000120 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Ban Giám đốc	45.858.000	45.858.000
PMQUANG	Phạm Minh Quan	012454000126 - Ngân hàng TMCP Quân đội	Phòng Kinh doanh	15.001.708	15.001.708
Số dòng = 7				151.868.116	151.868.116

- Kiểm tra thông tin uỷ nhiệm chi được lập, sau đó nhấn <<Cắt>>.

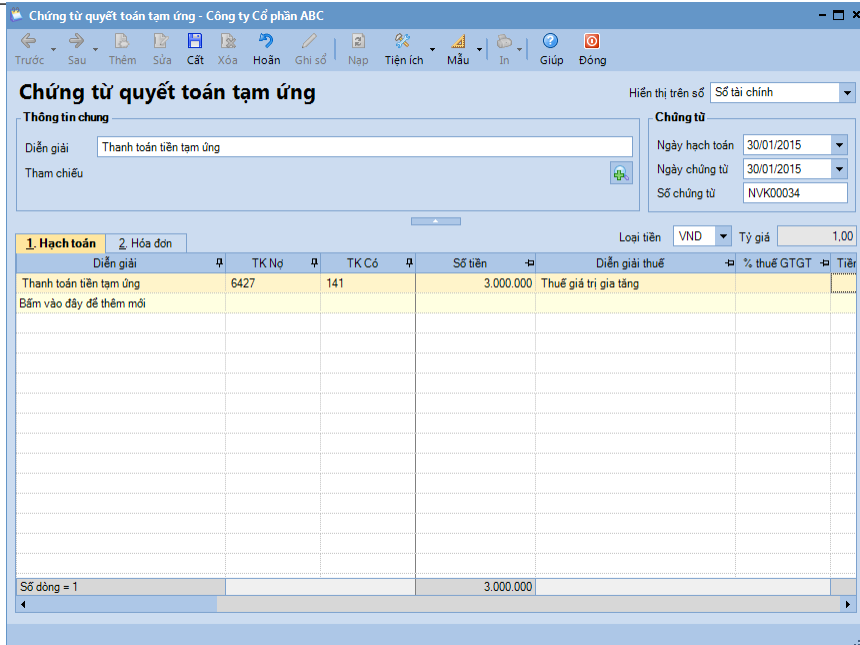
*NSD cũng có thể thực hiện chức năng trả lương trên phân hệ **Quy** hoặc **Ngân hàng** tùy thuộc vào phương thức chi trả.*

►► Nghiệp vụ 9: Các khoản khấu trừ vào lương.

VD: Ngày 30/01/2015, Nguyễn Tuyết Mai thanh toán tiền tạm ứng công tác phí 4.000.000 VND, tính vào chi phí QLDN. Số tiền còn lại là 1.000.000 VND, trừ vào tiền lương trong tháng.

NSD tiến hành nhập liệu nghiệp vụ trên như sau:

- Hạch toán nghiệp vụ quyết toán tạm ứng của nhân viên sau khi đi công tác về trên phân hệ **Tổng hợp**:
 - Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ quyết toán tạm ứng** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ quyết toán tạm ứng**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:



- Hiện thị trên số: Chọn chế độ số kế toán làm việc.
- Diễn giải: Nhập là “*Thanh toán tiền tạm ứng*”.
- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 6427/Có TK 141, số tiền 4.000.000 VND
- Tại cột Đối tượng có: chọn nhân viên là Nguyễn Tuyết Mai.
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
 - Hạch toán nghiệp vụ khấu trừ khoản khoản tạm ứng không chi hết của nhân viên vào tiền lương tháng 1 trên phân hệ **Tổng hợp**:
- Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác** chọn chức năng **Thêm\Chứng từ nghiệp vụ khác**):

Chương 10: Kế toán tiền lương

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có
Trú tiền tạm ứng của nhân viên Nguyễn Tuyết Mai vào tiền lương t	3341	141	1.000.000		NTMAI
Số dòng = 1					
			1.000.000		

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết chứng từ.
- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 3341/Có TK 141, số tiền 1.000.000 VND
- Tại cột Đối tượng có: chọn nhân viên là Nguyễn Tuyết Mai.
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 13: Cơ quan BHXH thanh toán số BHXH đã chi trả công nhân viên.
VD: Ngày 05/02/2015 Cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm thanh toán tiền bảo hiểm phải trả cho người lao động bằng tiền mặt: 2.500.000 VND
NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền**, chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Phiếu thu

Hiện thị trên sổ: Sổ tài chính và quản trị

Thông tin chung

Đối tượng:

Người nộp:

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thu khác | Cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm thanh toán

Nhân viên thu: | Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 05/02/2015

Ngày chứng từ: 05/02/2015

Số chứng từ: PT00011

1. Hạch toán

Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1,00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	TK ngân hàng	Đơn vị
Cơ quan quản lý quỹ bảo hiểm thanh toán	1111	3383	2.500.000			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số đồng = 1			2.500.000			

- + Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- + Lý do nộp: Chọn lý do là “Thu khác”, sau đó nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- + Ngày chứng từ: 05/02/2015
- + Chọn loại tiền hạch toán: VND
- + TK Nợ: TK 1111 (phần mềm tự mặc định)/TK Có: Chọn TK 3383
- + Số tiền: 2.500.000 VND
- + Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.

1.42.38 Xem và in bảng lương

Sau khi lập bảng tính lương, NSD chọn chức năng **In** trên bảng lương và chọn báo cáo cần in.

Chương 10: Kế toán tiền lương

Công ty TNHH XYZ Tầng 9 Technosoft, Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội		Mẫu số:02-LĐTL (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)												
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG														
Tháng 01 Năm 2015														
Chi nhánh: Công ty Cổ phần ABC														
STT	Họ và tên	Đơn giá công	Lương thời gian		Lương nghỉ việc không hưởng 100% lương		Phụ cấp	Tổng số	Các khoản phải khấu trừ vào lương					Số tiền thực lĩnh
			Số công	Số tiền	Số công	Số tiền			BHXH	BHYT	BHTN	Thuế TNCN phải nộp	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Mã phòng ban: BGD			Tên phòng ban: Ban Giám đốc											
1	Nguyễn Văn Nam	750.000	22,00	16.500.000				16.500.000	480.000	90.000	60.000		630.000	10.870.000
Cộng				16.500.000				16.500.000	480.000	90.000	60.000		630.000	10.870.000
Mã phòng ban: PHC			Tên phòng ban: Phòng Hành chính											
1	Ngô Đức Toàn	258.333	22,00	5.683.326				5.683.326	240.000	45.000	30.000		315.000	3.368.326
2	Vũ Ngọc Tấn	187.500	22,00	4.125.000				4.125.000	240.000	45.000	30.000		315.000	1.810.000
Cộng				9.808.326				9.808.326	480.000	90.000	60.000		630.000	5.178.326
Mã phòng ban: PKD			Tên phòng ban: Phòng Kinh doanh											
1	Hoàng Ngọc Mai	233.333	22,00	5.133.326				5.133.326	240.000	45.000	30.000		315.000	2.818.326
2	Nguyễn Thị Lan	241.667	22,00	5.316.674				5.316.674	240.000	45.000	30.000		315.000	3.001.674
3	Phạm Minh Quang	249.167	22,00	5.481.674				5.481.674	240.000	45.000	30.000		315.000	3.166.674
4	Vũ Tiến Dũng	212.500	22,00	4.675.000				4.675.000	240.000	45.000	30.000		315.000	2.360.000
5	Vũ Tuấn Phong	283.333	22,00	6.233.326				6.233.326	240.000	45.000	30.000		315.000	3.918.326
Cộng				26.840.000				26.840.000	1.200.000	225.000	150.000		1.575.000	15.265.000
Mã phòng ban: PKT			Tên phòng ban: Phòng Kế toán											
1	Lê Thị Huyền	325.000	22,00	7.150.000				7.150.000	240.000	45.000	30.000		315.000	4.335.000
2	Ngô Ánh Tuyết	395.833	22,00	8.708.326				8.708.326	240.000	45.000	30.000		315.000	5.893.326
3	Nguyễn Tuyết Mai	283.333	22,00	6.233.326				6.233.326	240.000	45.000	30.000		315.000	3.418.326
Cộng				22.091.652				22.091.652	720.000	135.000	90.000		945.000	13.646.652
Tổng cộng				75.239.978				75.239.978	2.800.000	540.000	360.000		3.700.000	44.959.978

Câu hỏi ôn tập

- Hãy nêu các chứng từ ban đầu làm căn cứ để lập bảng thanh toán lương, thanh toán bảo hiểm xã hội?
- Hãy nêu trình tự kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương?
- Hãy nêu quy trình kế toán tiền lương trong thực tế?
- Các danh mục phải khai báo khi hạch toán các chứng từ liên quan đến tiền lương.

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có danh sách các cán bộ như sau:

STT	Mã nhân viên	Họ và tên	Phòng ban	Hệ số lương	Phụ cấp
1	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Giám đốc	9	500.000
2	TNPHUONG	Tạ Nguyệt Phương	Giám đốc	8	500.000
3	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Kinh doanh	4	100.000
4	LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	Kinh doanh	4.2	100.000
5	TDCHI	Trần Đức Chi	Hành chính	4.6	200.000

Chương 10: Kế toán tiền lương

6	NVBINH	Nguyễn Văn Bình	Hành chính	4.5	200.000
7	PVMINH	Phạm Văn Minh	Kế toán	6	200.000
8	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Kế toán	5	100.000

►► Yêu cầu:

- Ngày 31/01/2020 tính lương, các khoản trích theo lương tháng 01 cho cán bộ nhân viên trong công ty và trả lương qua ngân hàng Công thương (Biết số công trong tháng 1 của tất cả cán bộ nhân viên là 26, lương tối thiểu là 1.150.000 VND)
- In Bảng thanh toán tiền lương...

CHƯƠNG 11

KẾ TOÁN GIÁ THÀNH

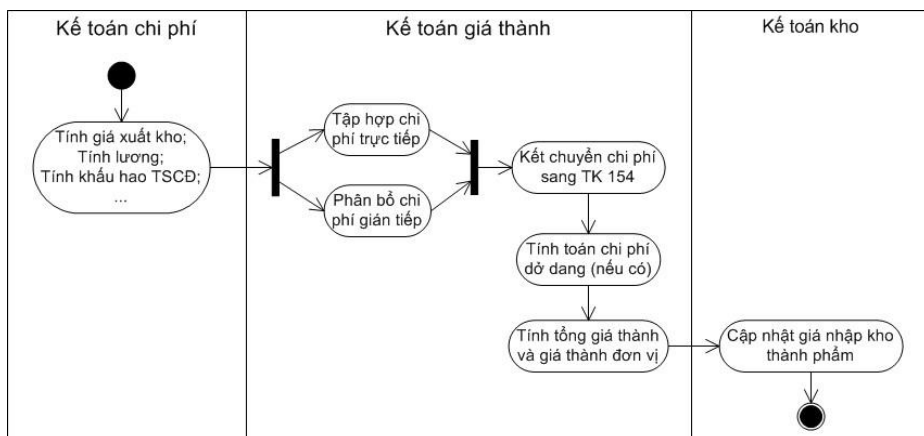
Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Nguyên tắc hạch toán
- Mô hình hoạt động kế toán giá thành
- Sơ đồ hạch toán kế toán giá thành
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nguyên tắc hạch toán

- Việc tính giá thành sản phẩm căn cứ vào chi phí sản xuất kinh doanh để tạo ra được sản phẩm đó.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh phải được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, đội sản xuất, công trường...); theo loại, nhóm sản phẩm, hoặc chi tiết, bộ phận sản phẩm; theo từng loại dịch vụ hoặc theo từng công đoạn dịch vụ.
- Chi phí sản xuất bao gồm:
 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp
 - Chi phí nhân công trực tiếp
 - Chi phí sử dụng máy thi công (đối với hoạt động xây lắp)
 - Chi phí sản xuất chung.
 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

Mô hình hóa hoạt động kế toán giá thành



Các phương pháp tính giá thành

1.42.39 Phương pháp trực tiếp

Phương pháp trực tiếp hay còn gọi là phương pháp giản đơn được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng, than, gỗ...). Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp này là từng loại sản phẩm hay dịch vụ.

$$\begin{array}{r} \text{Tổng giá} \\ \text{thành sản} \\ \text{phẩm hoàn} \\ \text{thành trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{dờ dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các} \\ \text{khoản ghi} \\ \text{giảm giá} \\ \text{thành} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

1.42.40 Phương pháp hệ số

Phương pháp hệ số được áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong quá trình sản xuất sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu chính, kết thúc quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính khác nhau và chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất.

Đối với phương pháp hệ số ta phải chọn 1 thành phẩm làm thành phẩm chuẩn với hệ số = 1, các thành phẩm khác phải quy về cùng hệ số theo thành phẩm chuẩn

Giả sử một quy trình sản xuất liên sản phẩm A, B, C. Sản lượng sản phẩm hoàn thành là Q_A, Q_B, Q_C. Hệ số tính giá thành: H_A, H_B, H_C.

Hệ số giá thành được xác định theo quy định của ngành hoặc xác định dựa trên cơ sở giá thành đơn vị, kế hoạch. Ví dụ, giá thành đơn vị kế

hoạch của sản phẩm A, B, C lần lượt là Z_{KA} , Z_{KB} , Z_{KC} . Chọn A là sản phẩm có số lượng lớn nhất có hệ số chuẩn $H_A = 1$, khi đó:

$$\begin{aligned} H_B &= \frac{Z_{KB}}{Z_{KA}} \\ H_C &= \frac{Z_{KC}}{Z_{KA}} \end{aligned}$$

Công thức tính Giá thành từng loại sản phẩm như sau:

$$Z_A = \frac{D_{dk} + C - D_{ck} - \text{Khoản giảm giá thành}}{Q_H} \times Q_A H_A$$

Trong đó:

$$Q_H = Q_A H_A + Q_B H_B + Q_C H_C$$

C: Tổng chi phí phát sinh trong kỳ

D_{dk} : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ

D_{ck} : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ

1.42.41 Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp mà quy trình sản xuất sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu chính, kết thúc tạo ra nhiều nhóm sản phẩm khác nhau về kích cỡ, quy cách, phẩm chất và không xác lập được hệ số quy đổi giữa các sản phẩm này. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc định mức), kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại.

Giả sử quy trình sản xuất n nhóm sản phẩm cùng loại: A_1, A_2, \dots, A_n

Xác định tiêu chuẩn phân bổ tính giá thành:

$$T_{Ai} = Q_i A_i \times Z_{đi}$$

Hoặc $T_{Ai} = Q_i A_i \times Z_{Ki}$

Xác định giá thành từng nhóm sản phẩm :

$$Z_{Ai} = \frac{D_{dk} + C - D_{ck} - \text{Khoản giảm giá thành}}{\sum T_{Ai}} \times T_{Ai}$$

Trong đó:

T_{Ai} : Tiêu chuẩn phân cho nhóm sản phẩm i

Q_{1Ai} : Sản lượng thực tế nhóm sản phẩm i

$Z_{đi}$: Giá thành định mức một sản phẩm i

Z_{Ki} : Giá thành kế hoạch một sản phẩm i

C: Tổng chi phí phát sinh trong kỳ

D_{dk} : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ

D_{ck} : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ

1.42.42 Phương pháp định mức

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức vật liệu, nhân công, chi phí chung cho từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành thực tế} = \text{Giá thành định mức} \pm \text{Chênh lệch do thay đổi định mức} \pm \text{Chênh lệch do thực hiện so với định mức}$$

1.42.43 Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

Đối với các doanh nghiệp mà trong quá trình sản xuất sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu chính, bên cạnh các sản phẩm chính thu được còn có thể thu được những sản phẩm phụ. Để tính giá trị sản phẩm chính phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Giá sản phẩm phụ có thể được xác định theo nhiều phương pháp như giá trị ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên liệu ban đầu...

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng giá thành SP chính} & = & \text{Giá trị SP chính dở dang đầu kỳ} & + & \text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} & - & \text{Giá trị SP phụ thu hồi} & - & \text{Giá trị SP chính dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

1.42.44 Phương pháp phân bước

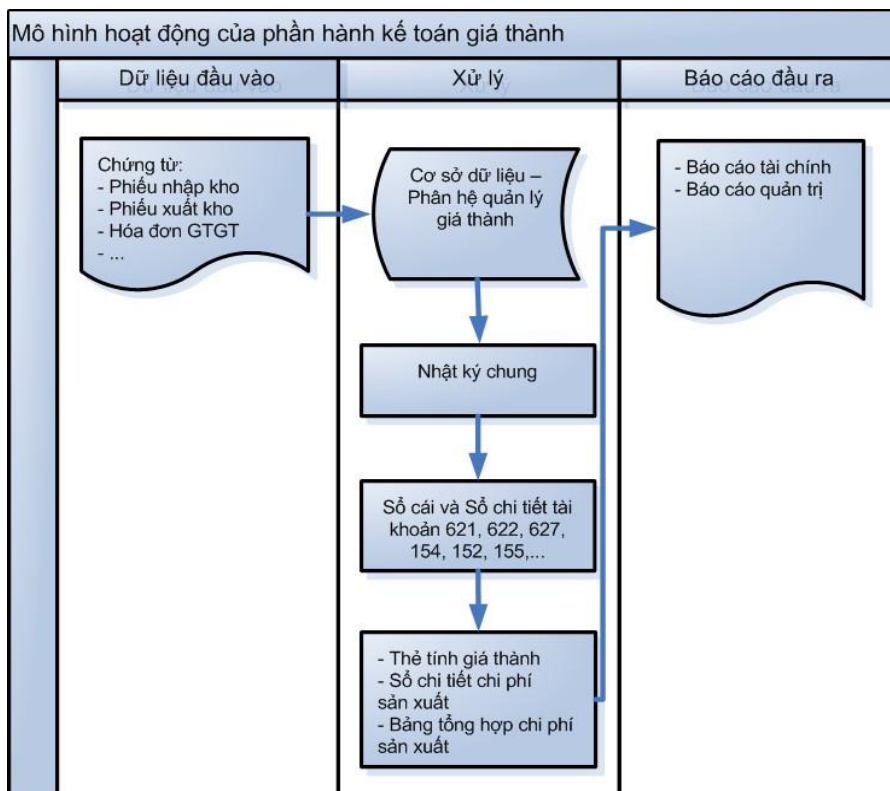
Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm phức tạp. Từ khi đưa nguyên liệu, vật liệu chính cho đến khi tạo ra thành phẩm phải trải qua nhiều giai đoạn công nghệ, kết thúc mỗi giai đoạn công nghệ tạo ra bán thành phẩm chuyển sang giai đoạn sau để tiếp tục chế biến. Trường hợp đối tượng tính giá thành là các bán thành phẩm và thành phẩm thì tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm (phương pháp phân bước liên tục). Trường hợp đối tượng tính giá thành chỉ là thành phẩm cuối cùng thì tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm (phương pháp phân bước song song).

Phân biệt chi phí và giá thành

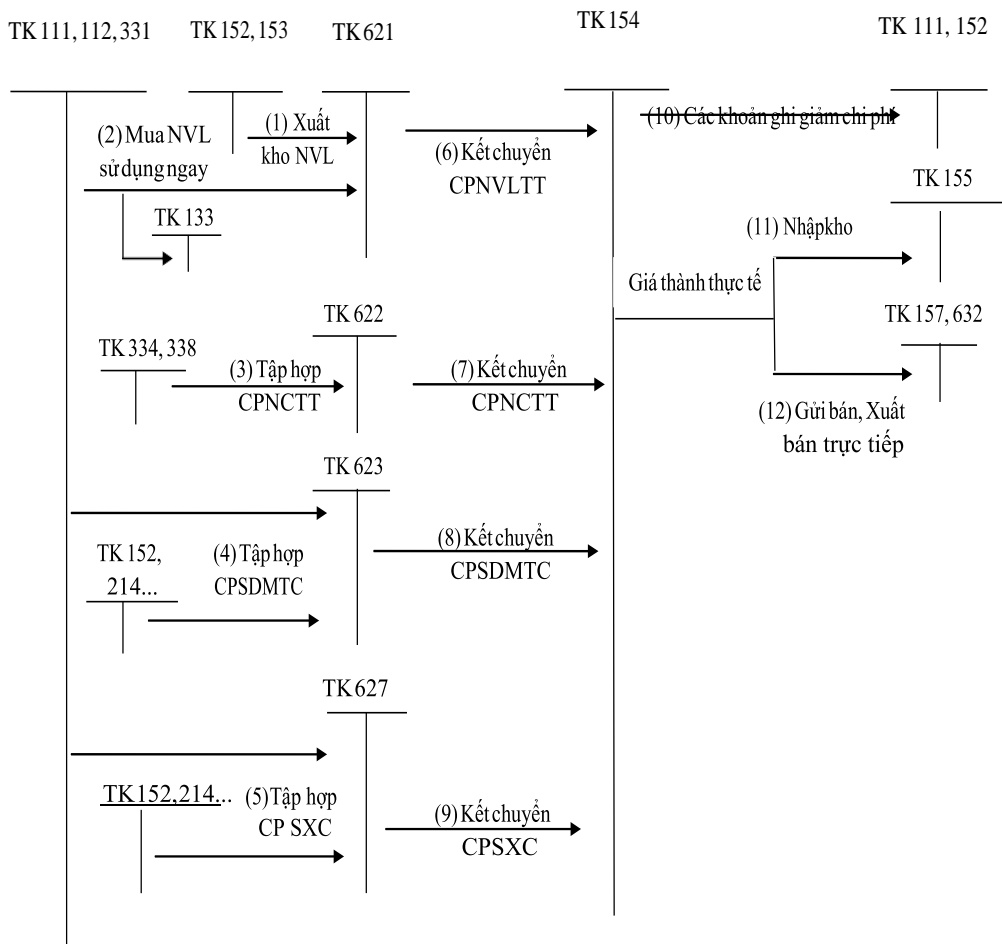
- ▶▶ Giống nhau: chi phí và giá thành đều là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra.
- ▶▶ Khác nhau:
 - Chi phí sản xuất: được giới hạn trong một kỳ kế toán nhất định, không phân biệt là cho loại sản phẩm nào, đã hoàn thành hay chưa.
 - Giá thành: không giới hạn cho 1 kỳ kế toán, xác định một lượng chi phí nhất định, tính cho một lượng kết quả hoàn thành nhất định.

Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.45 Quy trình xử lý trên phần mềm



1.42.46 Sơ đồ hạch toán kế toán giá thành (theo phương pháp kê khai thường xuyên – Thông tư 200/2014/TT-BTC)



1.42.47 Hướng dẫn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1.42.47.1 Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán kế toán giá thành bao gồm:

- Phiếu xuất kho nguyên vật liệu sản xuất
- Phiếu nhập kho thành phẩm, nhập lại nguyên vật liệu thừa
- Phiếu chi tiền điện, tiền nước
- Hóa đơn mua hàng không qua kho, mua dịch vụ

- Phân bổ Công cụ, dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng tính và phân bổ tiền lương...

1.42.47.2 Một số nghiệp vụ cụ thể

- ▶▶ Nghiệp vụ 1, 2, 3, 4, 5: Tập hợp chi phí.

Các nghiệp vụ này đã được trình bày ở các chương: kế toán vốn bằng tiền, mua hàng, tài sản cố định, kế toán tiền lương...

Chú ý: khi phát sinh các chi phí trong kỳ liên quan trực tiếp đến đối tượng nào thì thực hiện nhập liệu trên phần mềm, tại trang **Thống kê** NSD chọn đối tượng tập hợp chi phí tương ứng đó.

- ▶▶ Nghiệp vụ 6, 7, 8, 9: Kết chuyển chi phí

Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép kết chuyển chi phí trực tiếp. NSD xem hướng dẫn chi tiết tại các phần hành tính giá thành.

- ▶▶ Nghiệp vụ 10: Các khoản giảm chi phí

VD: Ngày 30/01/2015: Bán phế liệu của phân xưởng 1 trong quá trình sản xuất. Đã thu 250.000 VND bằng tiền mặt.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Quỹ**, chọn chức năng **Thu tiền** (hoặc trên tab **Thu, chi tiền** chọn chức năng **Thêm\Thu tiền**), sau đó nhập các thông tin chi tiết:

Phiếu thu - Công ty Cổ phần ABC

Hiện thị trên số: Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Đối tượng:

Người nộp:

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thu khác | Thu hồi từ bán phế liệu

Nhân viên thu: | Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 30/01/2015

Ngày chứng từ: 30/01/2015

Số chứng từ: PT00017

1. Hạch toán

Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng	Đơn vị	Công trình
Thu hồi từ bán phế liệu	1111	154	250.000			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số đóng = 1			250.000			

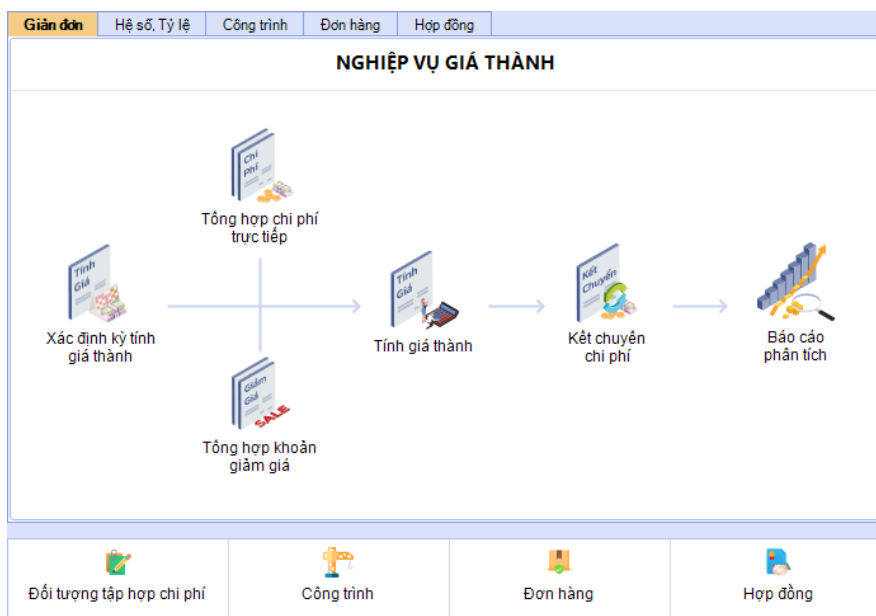
- Hiện thị trên số: Chọn chế độ số kế toán làm việc.
- Lý do nộp: Chọn lý do nộp là “Thu khác” và nhập nội dung chi tiết tại mục bên cạnh.
- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- TK Nợ: TK 1111 (Phần mềm tự mặc định)/TK Có: chọn TK 154 và nhập số tiền tương ứng là 250.000 VND
- Nhấn <<Cắt>> để lưu phiếu thu vừa nhập.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 11: Sản phẩm hoàn thành nhập kho => xem chi tiết tại nghiệp vụ 2 thuộc chương Kế toán kho.
 - ▶▶ Nghiệp vụ 12, 13: thực hiện tương tự các nghiệp vụ trên.

1.42.47.3 Thực hành tính giá thành trên phần mềm kế toán

Trong công việc tính giá thành sản phẩm, kế toán sẽ phải tiến hành tuần tự các bước, từ xác định kỳ tính giá thành, tập hợp chi phí, kết chuyển chi phí cho đến đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, ở một số doanh nghiệp khác nhau có đặc thù sản xuất khác nhau thì công việc tính giá cũng sẽ khác nhau. Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép NSD tính giá thành theo phương pháp giản đơn; hệ số, tỷ lệ; công trình vụ việc; đơn đặt hàng và hợp đồng.

Tính giá thành theo phương pháp giản đơn

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất liên tục, khép kín, kết thúc quy trình sẽ tạo ra 1 thành phẩm. Khi đó, đối tượng tập hợp chi phí sẽ là toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm và đối tượng tính giá thành là thành phẩm hoàn thành của quy trình sản xuất đó. VD: doanh nghiệp sản xuất bê tông, cọc bê tông, tấm cách nhiệt, bao bì xốp..



VD: Ngày 31/03/2015 tính giá thành cho các sản phẩm được sản xuất tại phân xưởng 1 và phân xưởng 2 trong quý I.

NSD tiến hành tính giá thành theo các bước sau:

► **Bước 1: Khai báo các nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và thành phẩm sản xuất ra**

- Vào **Danh mục\Vật tư hàng hoá\Vật tư hàng hoá**, chọn chức năng **Thêm**:

- Khai báo nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và thành phẩm được sản xuất ra => nếu khai báo nguyên vật liệu sẽ chọn tính chất là **Vật tư hàng hoá**, còn nếu khai báo sản phẩm được sản xuất ra thì chọn là **Thành phẩm**.
- Sau khi khai báo xong, nhấn <<**Cất**>>.

► **Bước 2: Khai báo đối tượng tập hợp chi phí được sử dụng để tính giá thành theo phương pháp giản đơn**

- Vào **Danh mục\Đối tượng tập hợp chi phí**, chọn chức năng **Thêm**:
- Do áp dụng phương pháp tính giá giản đơn nên khi khai báo đối tượng THCP, NSD chọn loại đối tượng THCP là **Sản phẩm**:

- Khai báo các thông tin bắt buộc về đối tượng tập hợp chi phí, sau đó nhấn <<Cắt>>.

Với phương pháp tính giá gián đơn, mỗi đối tượng tập hợp chi phí sẽ tương ứng với một thành phẩm cần sản xuất ra.

► Bước 3: Lập lệnh sản xuất thành phẩm

- Vào phân hệ **Kho**\tab **Lệnh sản xuất**, chọn chức năng **Thêm**:

Mã thành phẩm	Tên thành phẩm	Số lượng	ĐVT	Đơn đặt hàng	Hợp đồng bán	Đối tượng THCP
VT00020	Áo khoác Nam	150,00	Chiếc			VT00020
Số dòng = 1						
		150,00				

Mã nguyên vật liệu	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Số lượng NVL/1 đơn vị SP	Số lượng NVL	Đối tượng THCP
VT00018	Vải áo Khoác Nam	Cây	0.50	75,00	VT00020
VT00019	Chỉ may Áo khoác nam	Cuộn	2.00	300,00	VT00020
Số dòng = 2					
			2.50	375,00	

- Khai báo thông tin về thành phẩm được sản xuất và các nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất thành phẩm.

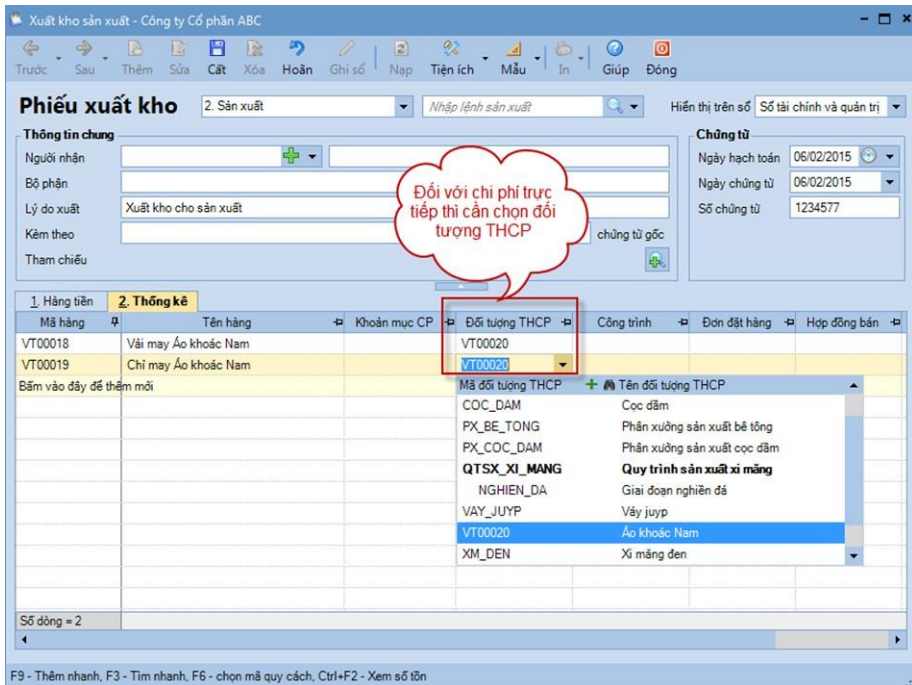
- Sau khi khai báo xong thông tin, nhất <<Cắt>>.

Với những doanh nghiệp không quản lý lệnh sản xuất có thể bỏ qua bước này mà thực hiện luôn bước tiếp theo => vào phân hệ **Kho**\tab **Nhập, xuất kho** để lập chứng từ xuất kho sản xuất.

► **Bước 4: Hạch toán các chi phí phát sinh**

- **Xuất kho nguyên vật liệu dùng để sản xuất**

- Sau khi lập lệnh sản xuất xong, chọn chức năng **Lập phiếu xuất** trên thanh công cụ để xuất kho nguyên vật liệu dùng để sản xuất:



- Đối với các chi phí trực tiếp thì NSD cần chọn đối tượng tập hợp chi phí tại cột **Đối tượng THCP**.

- Kiểm tra chứng từ xuất kho, sau đó nhấn <<Cắt>>.

- **Hạch toán chi phí nhân công, chi phí SXC**

- Trong quá trình hạch toán các chứng từ chi phí liên quan đến tính giá thành (phát sinh nợ TK 621, 622, 623, 627, 154), nếu khoản chi phí nào xác định được ngay là phát sinh cho đối tượng THCP nào, thì NSD chọn đối tượng tập

hợp chi phí tương ứng, còn khoản chi phí nào chưa xác định là phát sinh cho từng đối tượng THCP là bao nhiêu thì để trống thông tin cột Đối tượng THCP.

Đối với việc tính giá thành theo TT200 thì TK 623 chỉ áp dụng đối với các công ty xây dựng, các doanh nghiệp có loại hình khác sẽ không chọn tài khoản này.

►► **Bước 5: Nhập kho thành phẩm sản xuất ra**

- Vào phân hệ **Kho**\tab **Nhập, xuất kho**, chọn chức năng **Thêm\Nhập kho**:
- Chọn loại chứng từ là **Thành phẩm sản xuất**:

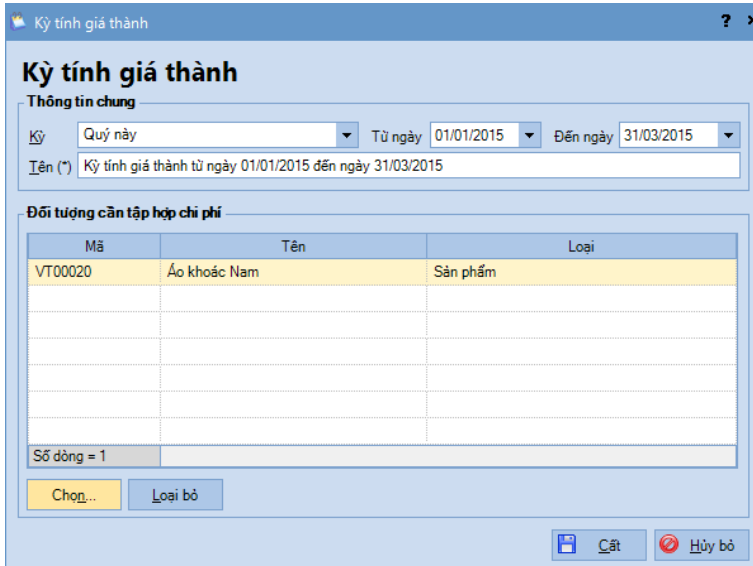
Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng
VT00020	Áo khoác Nam	KTP	155	154	Chiếc	150.00
Số dòng = 1						150.00

- Khai báo chứng từ nhập kho và số lượng thành phẩm hoàn thành được nhập kho.
- NSD chọn đối tượng THCP tương ứng với từng thành phẩm, sau đó nhấn <<Cắt>>.

*Đơn giá của thành phẩm nhập kho sẽ được hệ thống tính và cập nhật sau khi NSD thực hiện xong việc tính giá trên phân hệ **Giá thành**.*

►► **Bước 6: Xác định kỳ tính giá thành**

- Vào phân hệ **Giá thành**\tab **Sản xuất liên tục - Giản đơn**, chọn chức năng **Thêm** (hoặc chọn chức năng **Xác định kỳ tính giá thành** bên thanh tác nghiệp):

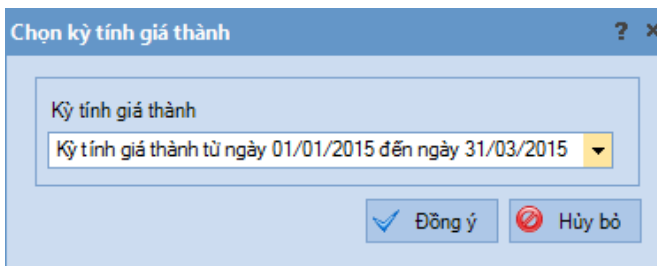


- Chọn kỳ tính giá thành và đối tượng tập hợp chi phí đã được khai báo ở bước 2.
- Sau khi khai báo xong, nhấn <<**Cắt**>>.

Một đối tượng tập hợp chi phí không thể cùng tồn tại trên các kỳ tính giá thành có thời gian trùng nhau.

►► **Bước 7: Tính giá thành sản phẩm**

Vào phân hệ **Giá thành**\tab **Sản xuất liên tục - Giản đơn**, chọn chức năng **Tính giá thành** bên thanh tác nghiệp:



Chọn kỳ tính giá thành, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm sẽ cho phép NSD thực hiện tính giá thành theo phương pháp giản đơn theo 3 bước sau:

- **Bước 1: Phân bổ chi phí chung:** phần mềm đã tự động tổng hợp các chứng từ xuất kho nguyên vật liệu (TK 621), hạch toán chi phí lương (TK 622), chi phí sản xuất chung (TK 627) chưa có thông tin Đối tượng THCP để thực hiện việc phân bổ chi phí:

Tính giá thành sản xuất liên tục giản đơn

1. Phân bổ chi phí chung 2. Đánh giá dở dang 3. Tính giá thành

Kỳ tính giá thành: Kỳ tính giá thành từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

1. Xác định chi phí phân bổ

Tài khoản	Tên tài khoản	Tổng số tiền	Số chưa phân bổ	% phân bổ lần này	Số phân bổ lần n
6271	Chi phí nhân viên phân xưởng	25.000.000	25.000.000	100,00	25.00
Số dòng = 1		25.000.000	25.000.000		25.00

Tiêu thức phân bổ: Nguyên vật liệu trực tiếp Phân bổ

2. Kết quả phân bổ

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	Tỷ lệ (%)	Tài khoản 6271	Tổng chi phí
VT00020	Áo khoác Nam	Sản phẩm	100,0000000000	25.000.000	25.00
Số dòng = 1			100,0000000000	25.000.000	25.00

Giúp Quay lại Tiếp theo Hủy bỏ

- Trên tab **Xác định chi phí phân bổ** hệ thống sẽ tự động tổng hợp từ các chứng từ hạch toán liên quan đến tài khoản 621, 622 và 627 có số tiền > 0 và chưa được chọn theo dõi chi tiết theo đối tượng THCP nào cả.
- NSD lựa chọn phân bổ chi phí theo 1 trong 4 tiêu thức sau: Nguyên vật liệu trực tiếp, Nhân công trực tiếp, Chi phí trực tiếp và Định mức.
- Sau khi lựa chọn xong, nhấn <<**Phân bổ**>>, phần mềm sẽ tự động phân bổ chi phí của từng tài khoản trên tab **Xác định chi phí phân bổ** cho các đối tượng THCP trên tab **Kết quả phân bổ** theo tiêu thức phân bổ đã chọn.
- Sau khi thực hiện phân bổ xong, nhấn <<**Tiếp theo**>>.

Phần mềm sẽ không tổng hợp các chứng từ hạch toán đã có thông tin về đối tượng THCP lên tab **Xác định chi phí phân bổ**.

NSD có thể kiểm tra danh sách chứng được tổng hợp để phân bổ chi phí chung bằng cách sử dụng chức năng **Xem** tại cột **Chi tiết chứng từ** trên tab **Xác định chi phí phân bổ**.

Để phân bổ được chi phí chung theo Định mức, NSD cần vào menu **Nghiệp vụ\Giá thành\Khai báo định mức phân bổ chi phí theo đối tượng THCP** để khai báo định mức chi phí cho từng đối tượng THCP.

Trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp giá vốn bình quân, trước khi thực hiện phân bổ chi phí chung cần phải thực hiện chức năng **Tính giá xuất kho** trên phân hệ **Kho**.

Sau khi tính giá thành xong, có thể kiểm tra thông tin chi phí chung được phân bổ trên tab **Bảng phân bổ chi phí chung** của màn hình danh sách kỳ tính giá thành.

- **Bước 2: Đánh giá dở dang cuối kỳ:** trường hợp kết thúc kỳ tính giá thành vẫn còn có các thành phẩm chưa sản xuất xong, NSD cần xác định giá trị dở dang cuối kỳ cho từng đối tượng THCP:

Tính giá thành sản xuất liên tục giản đơn

1. Phân bổ chi phí chung 2. **Đánh giá dở dang** 3. Tính giá thành

Kỳ tính giá thành: **Kỳ tính giá thành từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015**

1. Xác định dở dang

Sản phẩm hoàn thành tương đương Theo nguyên vật liệu trực tiếp Theo định mức

Mã thành phẩm	Tên thành phẩm	SL dở dang cuối kỳ	% hoàn thành	Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng
VT00020	Áo khoác Nam	5,00	80,00	VT00020	Áo khoác Nam
Số dòng = 1		5,00			

Tính chi phí dở dang

2. Kết quả chi phí dở dang cuối kỳ

Đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Tổng chi phí	NVL trực tiếp	NVL gián tiếp	Nhân công trực tiếp
020	Áo khoác Nam	95.600,142	45.600,120		0
Số dòng = 1		95.600,142	45.600,120	0	22

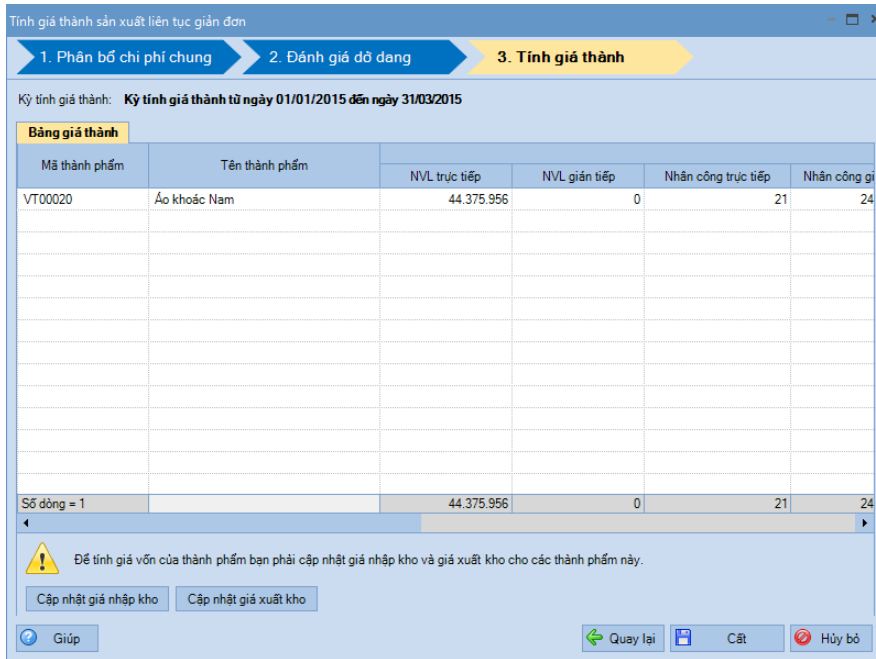
Giúp Quay lại Tính giá thành Hủy bỏ

- Trên tab **Xác định dở dang** NSD lựa chọn 1 trong 3 phương pháp xác định giá trị dở dang sau:
 - Sản phẩm hoàn thành tương đương: Với phương pháp này chi phí cho sản phẩm dở cuối kỳ sẽ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí sản xuất khác.
 - Theo nguyên vật liệu trực tiếp: Với phương pháp này chi phí dở dang cuối kỳ chỉ gồm nguyên vật liệu trực tiếp, các chi phí khác được tính hết vào giá thành thành phẩm trong kỳ.
 - Định mức: Với phương pháp này chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và định mức chi phí của nó.
- Sau khi lựa chọn phương pháp xác định giá trị dở dang, NSD nhập thông tin về Số lượng dở dang cuối kỳ và % hoàn thành.
- Sau đó nhấn <<**Tính chi phí dở dang**>>, phần mềm sẽ tự động tính ra chi phí dở dang cho từng đối tượng THCP trên tab **Kết quả chi phí dở dang cuối kỳ**.
- Kiểm tra kết quả chi phí dở dang cuối kỳ xong, sau đó nhấn <<**Tính giá thành**>>.

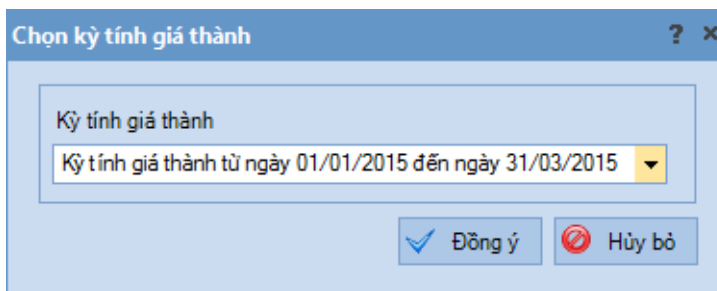
*Để đánh giá được chi phí dở dang cuối kỳ theo **Định mức**, NSD cần vào menu **Nghiệp vụ\Giá thành\Sản xuất liên tục giản đơn\Khai báo định mức giá thành thành phẩm** để khai báo định mức chi phí cho từng thành phẩm.*

*Sau khi tính giá thành xong, có thể kiểm tra thông tin dở dang cuối kỳ thông qua **Bảng tập hợp chi phí theo yếu tố** hoặc **Bảng tập hợp chi phí theo khoản mục** (chức năng chuột phải tại màn hình danh sách kỳ tính giá thành).*

- **Bước 3: Tính giá thành:** sau khi thực hiện chức năng tính giá thành ở bước đánh giá dở dang, hệ thống sẽ tự động lập bảng tính giá thành:



- Sau khi thực hiện tính giá thành xong, NSD sẽ thực hiện chức năng **Cập nhật giá nhập kho** để cập nhật giá thành vừa tính của các thành phẩm vào các chứng từ nhập kho đã lập ở bước 5. Ngoài ra NSD cũng có thể cập nhật luôn giá xuất kho cho các thành phẩm đó bằng cách chọn chức năng **Cập nhật giá xuất kho**.
- Kiểm tra lại bảng tính giá thành, sau đó nhấn <<Cắt>>.
 - ▶ **Bước 8: Kết chuyển các chi phí phát sinh trong kỳ tính giá thành để xác định tổng chi phí cho các sản phẩm hoàn thành**
- Vào phân hệ **Giá thành**\tab **Sản xuất liên tục - Giản đơn**, chọn chức năng **Kết chuyển chi phí** bên thanh tác nghiệp:



- Chọn kỳ tính giá thành, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>> phần mềm sẽ tự động tổng hợp chi phí của các tài khoản 621, 622, 627... để kết chuyển sang 154:

Chương 11: Kế toán giá thành

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	TK Nợ	TK Có	Số tiền
VT00020	Áo khoác Nam	Sản phẩm	154	621	451
VT00020	Áo khoác Nam	Sản phẩm	154	6271	251

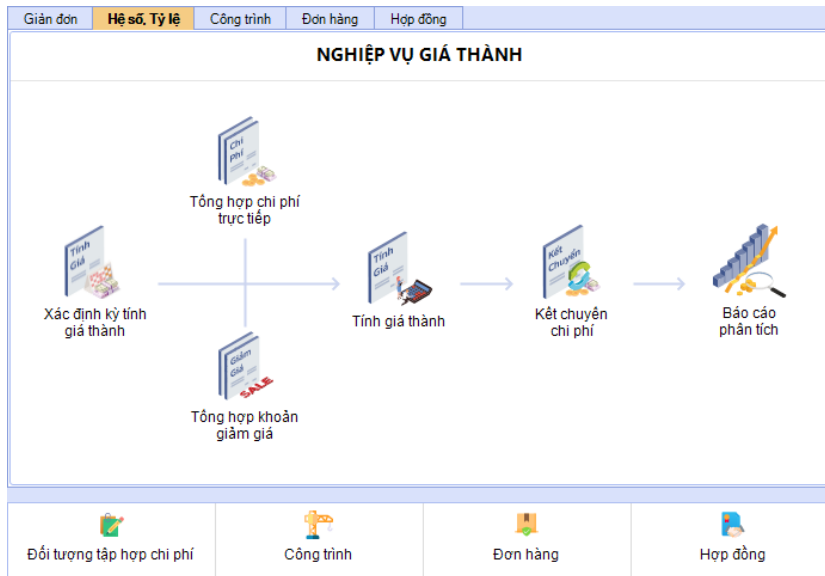
- Kiểm tra chứng từ kết chuyển, nếu phát hiện sai NSD có thể sửa lại trực tiếp trên chứng từ.
- Sau khi kiểm tra xong, nhấn <<Cắt>>.

*Trường hợp muốn xem lại các chứng từ kết chuyển chi phí đã lập trước đó, NSD chọn chức năng **Duyệt** trên chứng từ **Kết chuyển chi phí** để tìm kiếm.*

Với các doanh nghiệp áp dụng theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC, NSD sẽ không phải thực hiện thao tác này

Tính giá thành theo phương pháp hệ số, tỷ lệ

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp có quy trình sản xuất sử dụng cùng loại nguyên vật liệu chính và tạo ra nhiều sản phẩm/nhóm sản phẩm khác nhau. Trong đó, đối tượng THCP là toàn bộ quy trình công nghệ và đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm/nhóm sản phẩm hoàn thành. VD: doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng như sản xuất đá các loại, gạch các loại,...



NSD tiến hành tính giá thành theo khác bước sau:

- ▶ **Bước 1: Khai báo các nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và thành phẩm sản xuất ra** => thực hiện tương tự như Bước 1 của phương pháp tính giá giản đơn.
- ▶ **Bước 2: Khai báo đối tượng tập hợp chi phí được sử dụng để tính giá thành theo phương pháp hệ số, tỷ lệ ra** => thực hiện tương tự như Bước 2 của phương pháp tính giá giản đơn. Tuy nhiên khi khai báo NSD cần chọn loại đối là **Phân xưởng**.

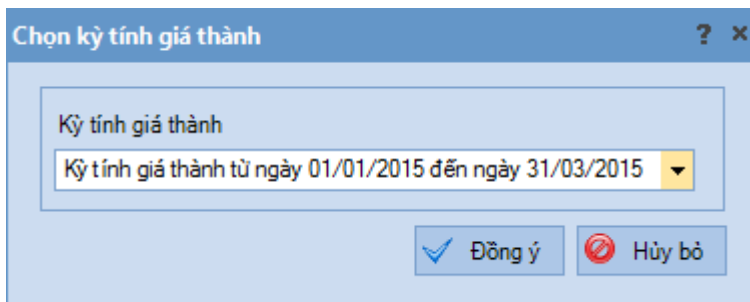
Với phương pháp tính giá theo hệ số, tỷ lệ, mỗi đối tượng THCP có thể bao gồm một hoặc nhiều thành phẩm cần sản xuất ra.

- ▶ **Bước 3: Lập lệnh sản xuất thành phẩm** => thực hiện tương tự như Bước 3 của phương pháp tính giá giản đơn.
- ▶ **Bước 4: Hạch toán các chi phí phát sinh** => thực hiện tương tự như Bước 4 của phương pháp tính giá giản đơn.
- ▶ **Bước 5: Nhập kho thành phẩm sản xuất ra** => thực hiện tương tự như Bước 5 của phương pháp tính giá giản đơn.
- ▶ **Bước 6: Xác định kỳ tính giá thành** => thực hiện tương tự như Bước 6

của phương pháp tính giá giản đơn.

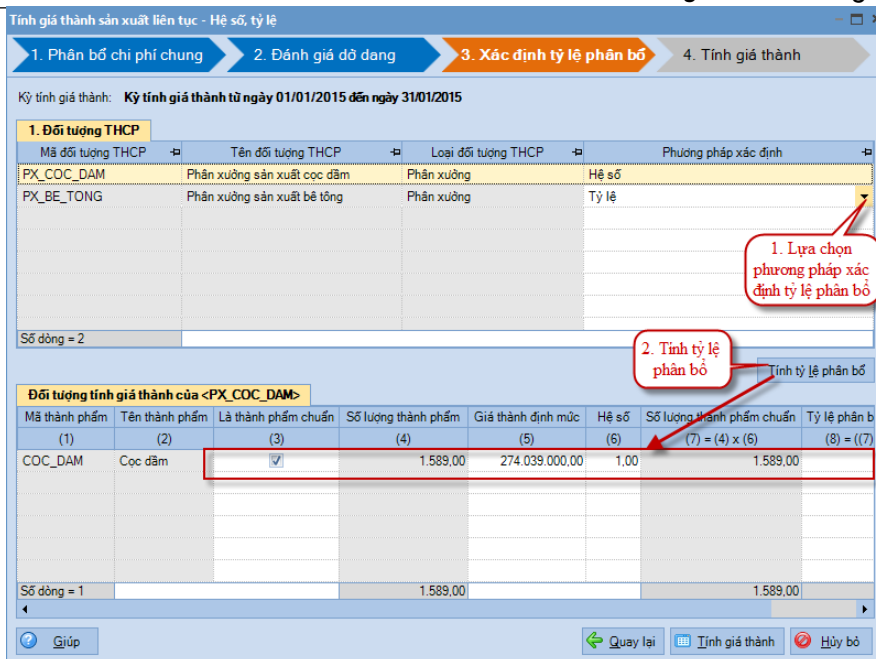
►► **Bước 7: Tính giá thành sản phẩm**

Vào phân hệ **Giá thành** \tab **Sản xuất liên tục - Hệ số, tỷ lệ**, chọn chức năng **Tính giá thành** bên thanh tác nghiệp:



Chọn kỳ tính giá thành, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm sẽ cho phép NSD thực hiện tính giá thành theo phương pháp giản đơn theo 4 bước sau:

- **Bước 1: Phân bổ chi phí chung:** => thực hiện tương tự như Phân bổ chi phí thuộc Bước 7 của phương pháp tính giá giản đơn.
- **Bước 2: Đánh giá dở dang cuối kỳ:** => thực hiện tương tự như Đánh giá dở dang thuộc Bước 7 của phương pháp tính giá giản đơn.
- **Bước 3: Xác định tỷ lệ phân bổ:** áp dụng trong trường hợp đối tượng THCP gồm nhiều thành phẩm cần sản xuất:



- Trên tab **Đối tượng THCP** NSD lựa chọn phương pháp xác định tỷ lệ phân bổ là Hệ số hoặc Tỷ lệ
- Sau đó nhấn chọn <<**Tính tỷ lệ phân bổ**>>, phần mềm sẽ tự động tính ra tỷ lệ phân bổ giá thành cho các thành phẩm theo phương pháp đã chọn trên tab **Đối tượng tính giá thành của ...**
- Kiểm tra thông tin tỷ lệ phân bổ, sau đó nhấn <<**Tính giá thành**>>.

*Nếu lựa chọn phương pháp phân bổ là **Hệ số**, sau khi thực hiện chức năng **Tính tỷ lệ phân bổ**, hệ thống sẽ chọn thành phẩm có số lượng lớn nhất trong kỳ tính giá thành làm **Thành phẩm chuẩn** và mặc định hệ số là 1 => trường hợp muốn thay đổi thông tin thành phẩm chuẩn,*

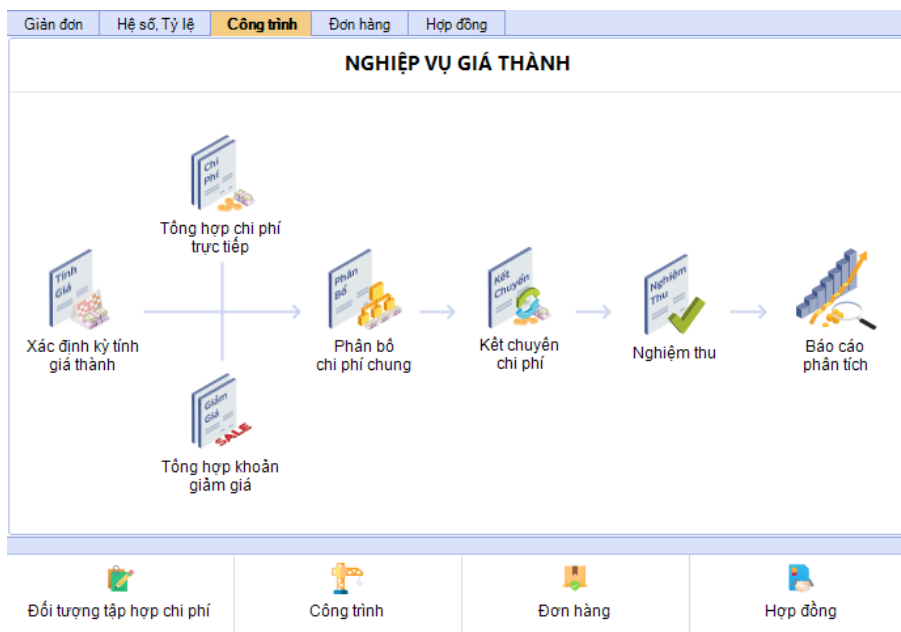
sau khi tích chọn một thành phẩm khác, NSD phải thực hiện lại chức năng **Tính tỷ lệ phân bổ** để hệ thống tự động tính lại tỷ lệ phân bổ giữa các thành phẩm.

Sau khi tính giá thành xong, có thể kiểm tra tỷ lệ phân bổ cho kỳ tính giá thành trên tab **Bảng xác định tỷ lệ phân bổ giá thành** của màn hình danh sách kỳ tính giá thành.

- **Bước 4: Tính giá thành:** => thực hiện tương tự như Tính giá thành thuộc Bước 7 của phương pháp tính giá giản đơn.
- ▶ **Bước 8: Kết chuyển các chi phí phát sinh trong kỳ tính giá thành để xác định tổng chi phí cho các sản phẩm hoàn thành** => thực hiện tương tự như Bước 8 của phương pháp tính giá giản đơn.

Tính giá thành theo công trình

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp xây dựng có các công trình như: nhà ở, đường xá, cầu đường... với nhiều hạng mục công trình con. Đối tượng THCP sẽ gắn với các các mục con, cuối cùng sẽ được tổng hợp lại thành giá thành chung của cả công trình.



NSD tiến hành tính giá thành theo khác bước sau:

► **Bước 1: Khai báo các nguyên vật liệu được sử dụng để xây dựng công trình**

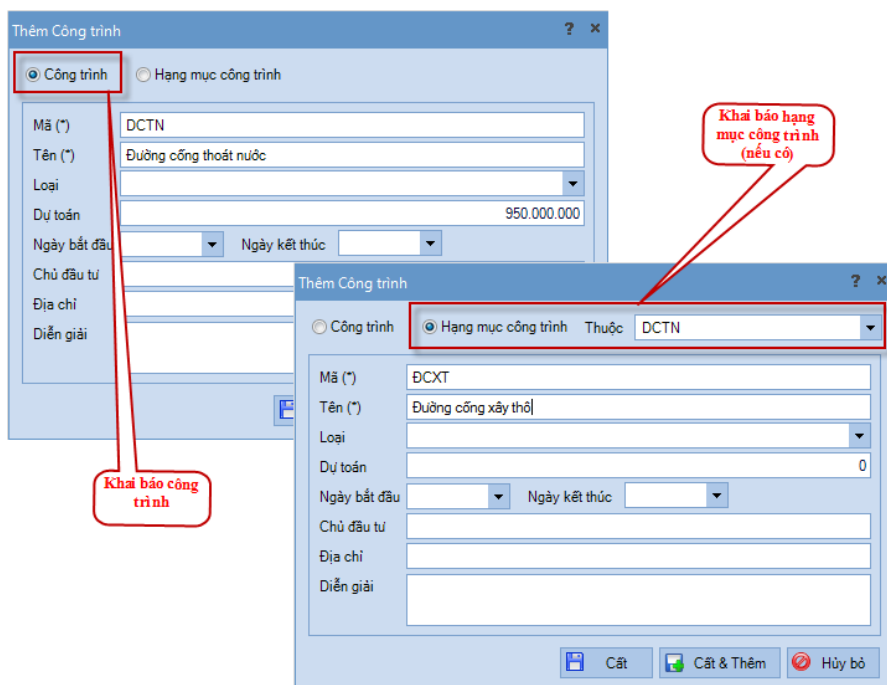
- Vào **Danh mục\Vật tư hàng hoá\Vật tư hàng hoá**, chọn chức năng **Thêm**:

- Khai báo nguyên vật liệu được sử dụng để xây dựng công trình với tính chất là Vật tư hàng hoá.

- Sau khi khai báo xong, nhấn <<**Cắt**>>.

► **Bước 2: Khai báo các công trình/hạng mục phục vụ cho việc tính giá thành theo công trình/vụ việc**

- Vào **Danh mục\Công trình\Công trình**, chọn chức năng **Thêm**.
- Tích chọn **Công trình** hoặc **Hạng mục công trình**:

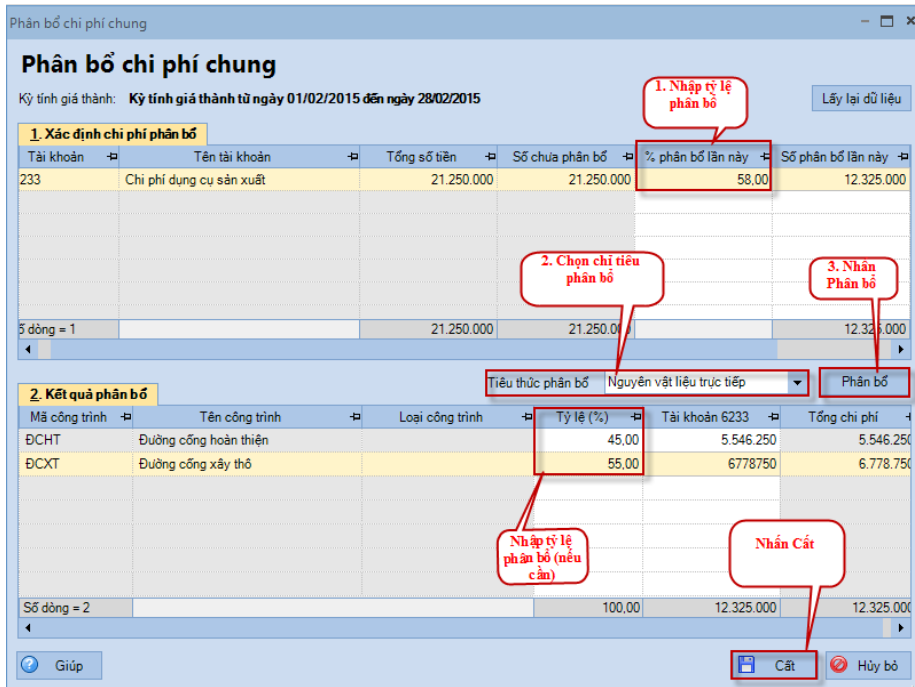


- Khai báo các thông tin bắt buộc về công trình/hạng mục công trình, sau đó nhấn <<Cắt>>.

*Trường hợp muốn quản lý các công trình theo từng loại khác nhau, NSD có thể khai báo các loại công trình trên menu **Danh mục\Loại công trình**.*

- ▶ **Bước 3: Hạch toán các chi phí phát sinh** => thực hiện tương tự như Bước 4 của phương pháp tính giá giản đơn.
 - ▶ **Bước 4: Xác định kỳ tính giá thành** => thực hiện tương tự như Bước 6 của phương pháp tính giá giản đơn.
 - ▶ **Bước 5: Phân bổ chi phí chung**
- Vào phân hệ **Giá thành**tab **Công trình**, chọn chức năng **Phân bổ chi phí chung** bên thanh tác nghiệp:
 - Chọn kỳ tính giá thành, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>> => hệ thống sẽ tự động tổng hợp các chứng từ xuất kho nguyên vật liệu (TK 621), hạch toán chi phí lương (TK 622), chi phí sản xuất chung (TK 627) chưa có thông tin Công trình để thực hiện việc phân bổ chi phí.

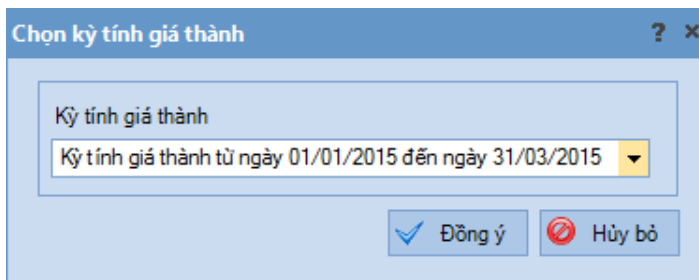
- NSD thực hiện phân bổ chi phí chung tương tự như Phân bổ chi phí thuộc Bước 7 của phương pháp tính giá giản đơn.



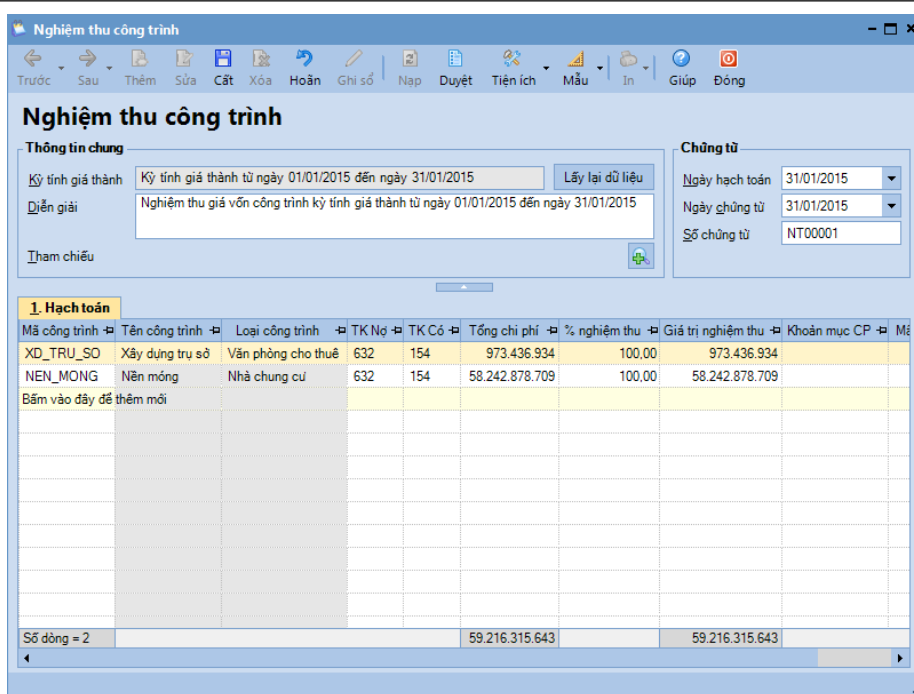
► **Bước 6:** Kết chuyển các chi phí phát sinh trong kỳ tính giá thành để xác định tổng chi phí cho công trình được xây dựng => thực hiện tương tự như Bước 8 của phương pháp tính giá giản đơn.

► **Bước 7:** Nghiệm thu công trình

- Vào phân hệ **Giá thành**\tab **Công trình**, chọn chức năng Nghiệm thu công trình bên thanh tác nghiệp:



- Chọn kỳ tính giá thành, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm sẽ tự động tổng hợp chi phí của từ TK 154 để kết chuyển sang TK 632:

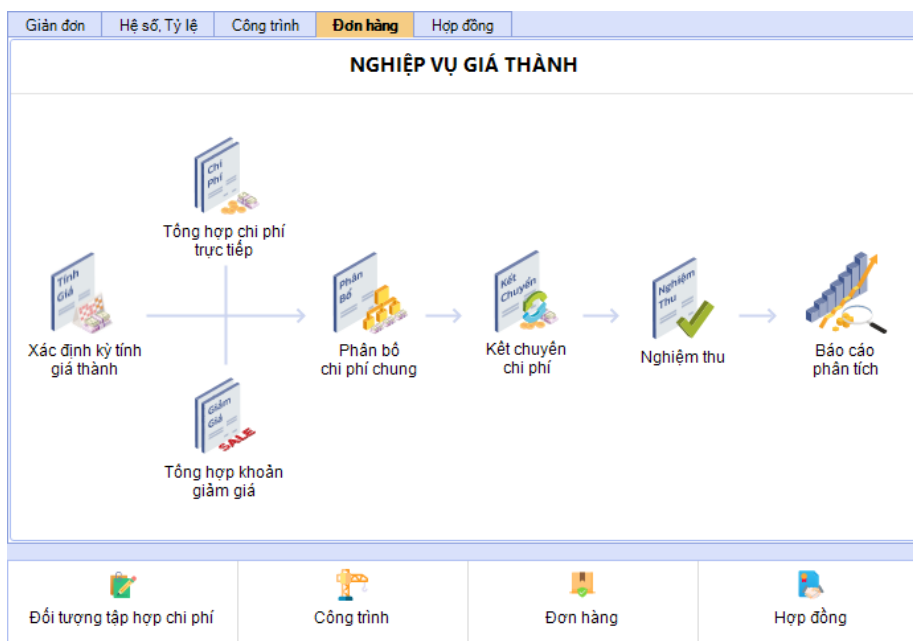


- Kiểm tra lại chứng từ nghiệm thu công trình, sau đó nhấn <<Cắt>>.

*Trường hợp muốn xem lại các chứng từ nghiệm thu công trình đã lập trước đó, NSD chọn chức năng **Duyệt** trên chứng từ **Nghiệm thu công trình** để tìm kiếm.*

Tính giá thành theo đơn hàng

Các bước thực hiện tính giá thành theo đơn đặt hàng cũng tương tự như tính giá thành theo công trình. Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp chỉ tính giá cho đơn đặt hàng nhất định. Và mục đích của việc tính giá thành là để xác định giá vốn của thương vụ là bao nhiêu, mà không quan tâm đến đơn giá của từng sản phẩm. VD: có đơn hàng đặt 30 bộ bàn ghế ăn, tính giá thành xong thì toàn bộ số bàn ghế này sẽ được bàn giao thẳng cho khách hàng mà không nhập kho



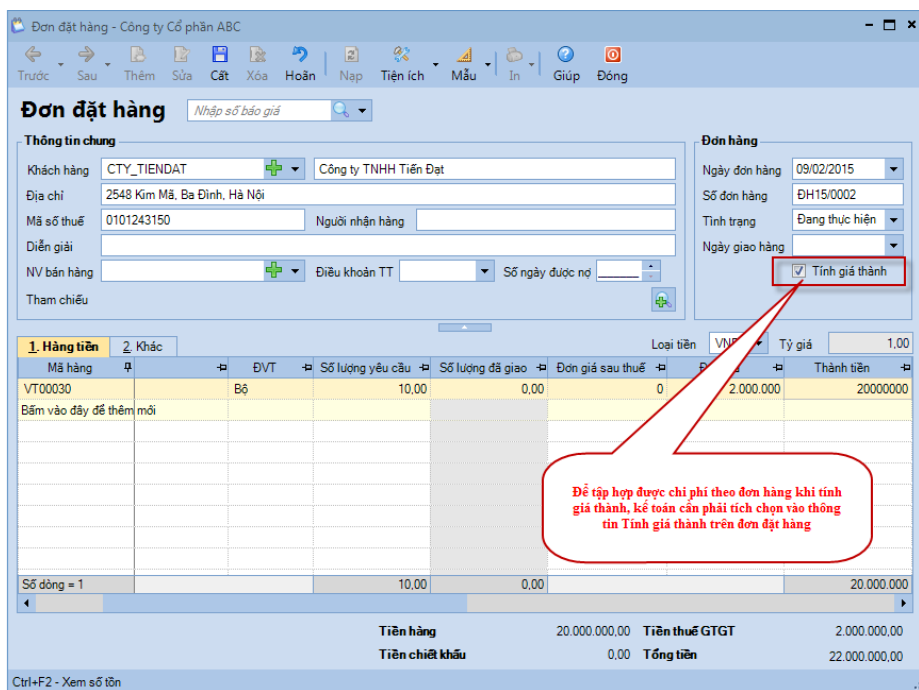
NSD tiến hành tính giá thành theo các bước sau:

- ▶ **Bước 1: Khai báo các hàng hóa được sản xuất theo đơn đặt hàng** => thực hiện tương tự như Bước 1 của phương pháp tính giá gián đơn.

*Khi khai báo thông tin hàng hoá sẽ chọn tính chất của hàng hoá là:
Vật tư hàng hoá, Thành phẩm hoặc Dịch vụ*

- ▶ **Bước 2: Khai báo đơn đặt hàng được sử dụng để tập hợp chi phí khi tính giá thành**

- Vào phân hệ **Bán hàng** \ tab **Đơn đặt hàng**, chọn chức năng **Thêm**.
- Khai báo thông tin về đơn đặt hàng:

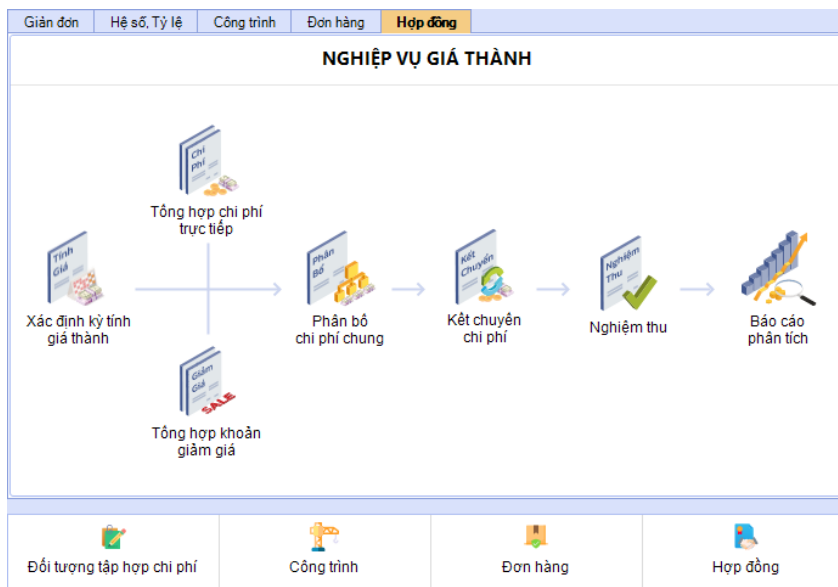


- Để tập hợp được chi phí theo đơn hàng khi tính giá thành, NSD cần phải tích chọn vào thông tin **Tính giá thành** trên đơn đặt hàng.
- Sau khi khai báo xong nhấn <<**Cất**>>.
 - ▶ **Bước 3: Lập lệnh sản xuất thành phẩm** => thực hiện tương tự như Bước 3 của phương pháp tính giá gián đơn.
 - ▶ **Bước 4: Hạch toán chi phí phát sinh tính giá thành** => thực hiện tương tự như Bước 4 của phương pháp tính giá gián đơn.
 - ▶ **Bước 5: Xác định kỳ tính giá thành** => thực hiện tương tự như Bước 6 của phương pháp tính giá gián đơn.
 - ▶ **Bước 6: Phân bổ chi phí chung**
- Vào phân hệ **Giá thành**\tab **Đơn hàng**, chọn chức năng **Phân bổ chi phí chung** bên thanh tác nghiệp:
- Chọn kỳ tính giá thành, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>>, hệ thống sẽ tự động tổng hợp các chứng từ xuất kho nguyên vật liệu (TK 621), hạch toán chi phí lương (TK 622), chi phí sản xuất chung (TK 627) chưa có thông tin Đơn hàng để thực hiện việc phân bổ chi phí:

- NSD thực hiện phân bổ chi phí chung tương tự như Phân bổ chi phí thuộc Bước 7 của phương pháp tính giá giản đơn.
 - ▶ **Bước 7: Kết chuyển các chi phí phát sinh trong kỳ tính giá thành để xác định tổng chi phí theo đơn hàng** => thực hiện tương tự như Bước 8 của phương pháp tính giá giản đơn.
 - ▶ **Bước 8: Nghiệm thu đơn hàng** => thực hiện tương tự như Bước 8 của phương pháp tính giá theo công trình

Tính giá thành theo hợp đồng

Các bước thực hiện tính giá thành theo đơn đặt hàng cũng tương tự như tính giá thành theo đơn hàng. Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất theo hợp đồng, với đối tượng THCP sẽ là các các hợp đồng cụ thể. Và mục đích của việc tính giá thành là để xác định giá trị của thương vụ là bao nhiêu, không quan tâm đến đơn giá của từng hàng hoá trên sản phẩm. VD: hợp đồng đặt 05 bức tranh hoa, 5 bức tranh chữ và 5 bức tranh chân dung, sau khi tính giá thành xong thì toàn bộ số tranh này sẽ được bàn giao thẳng cho khách hàng mà không nhập kho



NSD tiến hành tính giá thành theo khác bước sau:

- ▶ **Bước 1: Khai báo các hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng** => thực hiện tương tự như Bước 1 của phương pháp tính giá giản đơn.

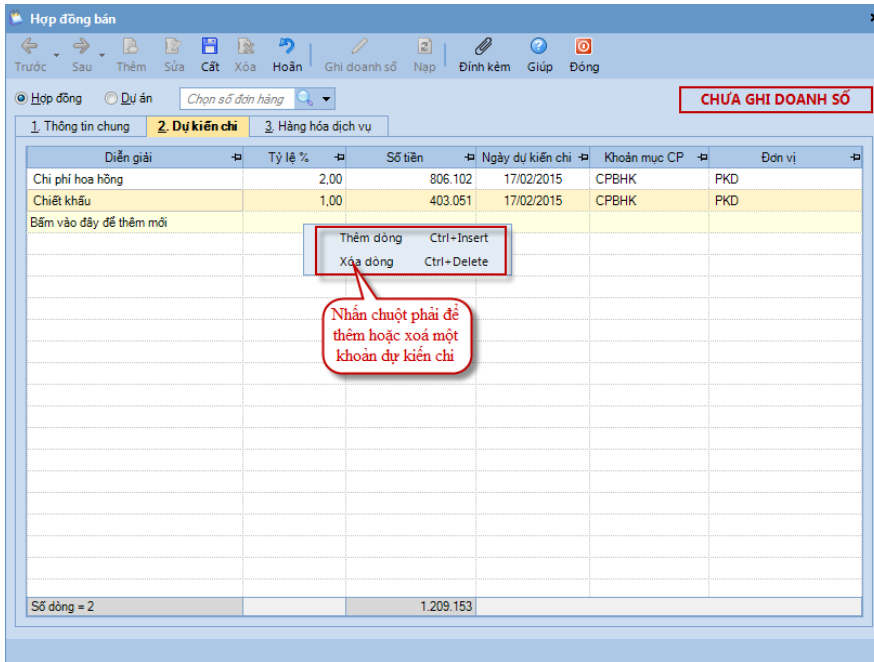
*Khi khai báo thông tin hàng hoá sẽ chọn tính chất của hàng hoá là:
Vật tư hàng hoá, Thành phẩm hoặc Dịch vụ*

- ▶ **Bước 2: Khai báo hợp đồng bán được sử dụng để tập hợp chi phí khi tính giá thành**

- Vào phân hệ **Hợp đồng**\tab **Hợp đồng bán**, chọn chức năng **Thêm**.
- Tích chọn thông tin **Hợp đồng**.
- Khai báo các thông tin chung về hợp đồng (các thông tin bắt buộc) trên tab **Thông tin chung** như: Số hợp đồng, Ngày ký, Giá trị hợp đồng, Đơn vị thực hiện, Người thực hiện, Tình trạng hợp đồng và các thông tin khác (nếu có):

- NSD có thể nhập thông tin Giá trị hợp đồng hoặc để hệ thống tự động lấy từ tab **Hàng hoá và dịch vụ** sang (sau khi kế toán khai báo các hàng hoá được bán theo hợp đồng).

- Thông tin khách hàng, Địa chỉ và Người liên hệ sẽ lấy theo thông tin đã khai báo trên danh mục khách hàng.
- Khai báo các khoản dự kiến chi của hợp đồng trên tab **Dự kiến chi**:



- Khai báo các hàng hoá, dịch vụ được bán theo hợp đồng trên tab **Hàng hoá, dịch vụ** (nhấn chuột phải và chọn chức năng **Thêm dòng** để khai báo một hàng hoá):

Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu	Số lượng đã giao	Đơn giá sau thuế		
VT00033	Tranh thêu hoa	Bộ	5,00	0,00	2.000.000		
VT00034	Tranh thêu chữ	Bộ	5,00	0,00	2.000.000		
VT00035	Tranh thêu chân dung	Bộ	5,00	0,00	2.000.000		
Bấm vào đây để thêm mới							
Số đồng = 3			15,00	0,00			
Tiền hàng		30.000.000		Tiền thuế GTGT		0	
Tiền chiết khấu		0		Tổng tiền thanh toán		30.000.000	

- Sau khi khai báo xong nhấn <<Cắt>>.
 - ▶ **Bước 3: Lập lệnh sản xuất thành phẩm** => thực hiện tương tự như Bước 3 của phương pháp tính giá gián đơn.
 - ▶ **Bước 4: Hạch toán chi phí phát sinh tính giá thành** => thực hiện tương tự như Bước 4 của phương pháp tính giá gián đơn.
 - ▶ **Bước 5: Xác định kỳ tính giá thành** => thực hiện tương tự như Bước 6 của phương pháp tính giá gián đơn.
 - ▶ **Bước 6: Phân bổ chi phí chung**
- Vào phân hệ **Giá thành**\tab **Hợp đồng**, chọn chức năng **Phân bổ chi phí chung** bên thanh tác nghiệp:
- Chọn kỳ tính giá thành, sau đó nhấn <<Đồng ý>> => hệ thống sẽ tự động tổng hợp các chứng từ xuất kho nguyên vật liệu (TK 621), hạch toán chi phí lương (TK 622), chi phí sản xuất chung (TK 627) chưa có thông tin hợp đồng để thực hiện việc phân bổ chi phí:
- NSD thực hiện phân bổ chi phí chung tương tự như Phân bổ chi phí thuộc Bước 7 của phương pháp tính giá gián đơn.

▶ **Bước 7: Kết chuyển các chi phí phát sinh trong kỳ tính giá thành để xác định tổng chi phí theo hợp đồng** => thực hiện tương tự như Bước 8 của phương pháp tính giá giản đơn.

▶ **Bước 8: Nghiệm thu hợp đồng** => thực hiện tương tự như Bước 8 của phương pháp tính giá theo công trình

1.42.48 Xem và in báo cáo liên quan đến kế toán giá thành

Sau khi cập nhật các chứng từ liên quan đến kế toán giá thành, phần mềm sẽ tự động xử lý và đưa ra các báo cáo.

▶ **Sổ chi tiết tài khoản chi phí sản xuất**

- Tại phân hệ **Giá thành**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Giá thành** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Sổ chi tiết tài khoản chi phí sản xuất**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: tiêu chí thống kê, chi nhánh, thời gian, đối tượng THCP, tài khoản:

Sổ chi tiết tài khoản theo đối tượng tập hợp chi phí

Báo cáo: 2. Sổ chi tiết tài khoản chi phí sản xuất

Thống kê theo: Đối tượng tập hợp chi phí

Chi nhánh: Công ty Cổ phần ABC Bao gồm số liệu chi nhánh phụ thuộc

Tham số

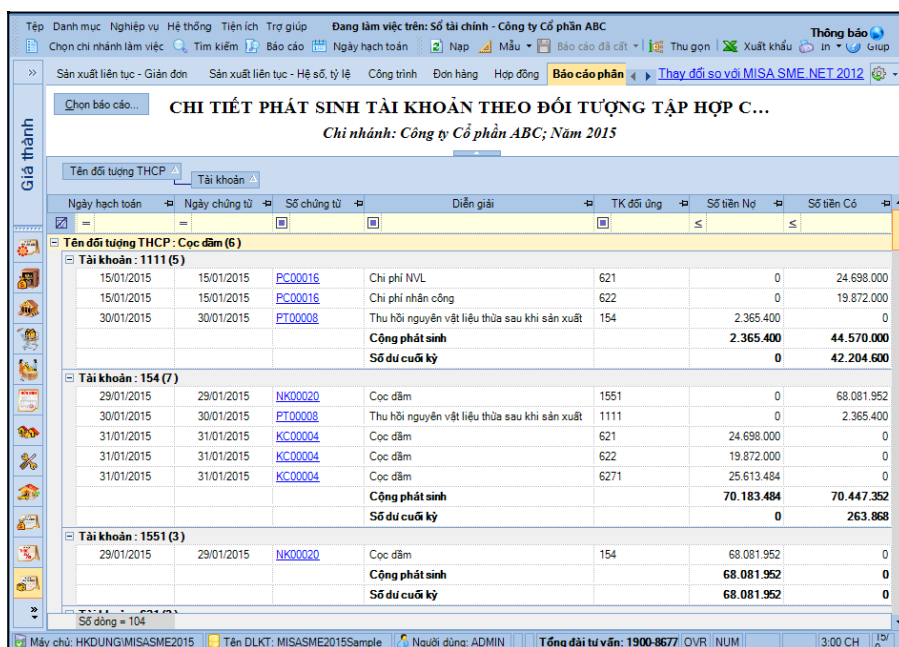
Kỳ báo cáo: Năm nay Từ 01/01/2015 Đến 31/12/2015

<input checked="" type="checkbox"/>	Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Bậc
<input checked="" type="checkbox"/>	AO_SOMI_NAM	Áo sơ mi Nam	≤
<input checked="" type="checkbox"/>	COC_DAM	Cọc dăm	
<input checked="" type="checkbox"/>	PX_BE_TONG	Phân xưởng sản xuất bê tông	
<input checked="" type="checkbox"/>	PX_COC_DAM	Phân xưởng sản xuất cọc dăm	
<input checked="" type="checkbox"/>	QTSX_XI_MANG	Quy trình sản xuất xi măng	

<input checked="" type="checkbox"/>	Số tài khoản	Tên tài khoản	Bậc
<input checked="" type="checkbox"/>	111	Tiền mặt	1
<input checked="" type="checkbox"/>	1111	Tiền Việt Nam	2
<input checked="" type="checkbox"/>	1112	Ngoại tệ	2
<input checked="" type="checkbox"/>	1113	Vàng tiền tệ	2
<input checked="" type="checkbox"/>	112	Tiền gửi Ngân hàng	1
<input checked="" type="checkbox"/>	1121	Tiền Việt Nam	2

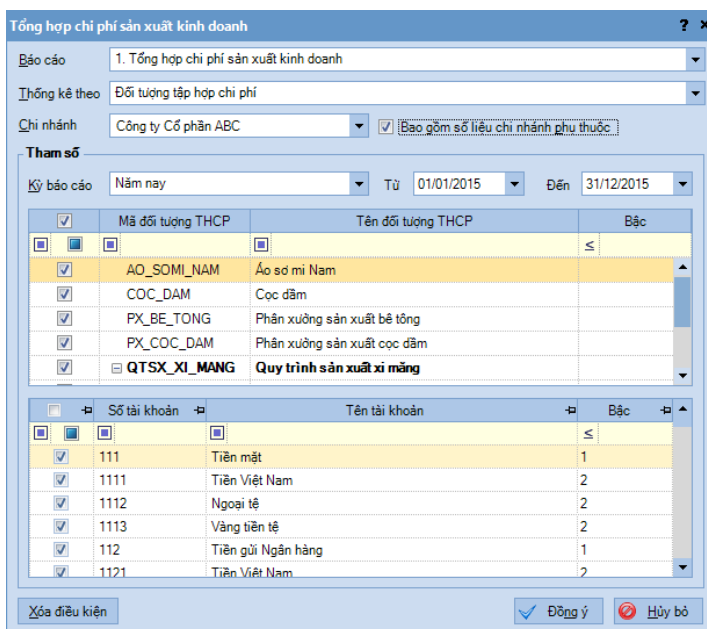
Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo



» Tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh

- Tại phân hệ **Giá thành**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Giá thành** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: tiêu chí thống kê, chi nhánh, thời gian, đối tượng THCP, tài khoản:



► Xem báo cáo

TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Chi nhánh: Công ty Cổ phần ABC; Năm 2015

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Đầu kỳ		Phát sinh		Cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Tài khoản: 111 (4)							
COC_DAM	Cọc dăm	0	0	2.365.400	44.570.000	0	42.204.600
PX_BE_TONG	Phần xưởng sản xuất bê tông	0	0	5.006.800	62.871.000	0	57.864.200
PX_COC_DAM	Phần xưởng sản xuất cọc dăm	0	0	3.217.000	71.539.000	0	68.322.000
XM_TRANG	Xi măng trắng	0	0	1.057.000	49.110.000	0	48.053.000
Tài khoản: 1111 (4)							
COC_DAM	Cọc dăm	0	0	2.365.400	44.570.000	0	42.204.600
PX_BE_TONG	Phần xưởng sản xuất bê tông	0	0	5.006.800	62.871.000	0	57.864.200
PX_COC_DAM	Phần xưởng sản xuất cọc dăm	0	0	3.217.000	71.539.000	0	68.322.000
XM_TRANG	Xi măng trắng	0	0	1.057.000	49.110.000	0	48.053.000
Tài khoản: 154 (6)							
COC_DAM	Cọc dăm	0	0	70.183.484	70.447.352	0	263.868
PX_BE_TONG	Phần xưởng sản xuất bê tông	0	0	68.006.956	12.796.407.400	0	12.728.400.444
PX_COC_DAM	Phần xưởng sản xuất cọc dăm	0	0	96.228.744	3.217.000	93.011.744	0
QTSX_XI_MANG	Quy trình sản xuất xi măng	235.720.000	0	0	0	235.720.000	0
NGHIEN_DA	Giai đoạn nghiên cứu	235.720.000	0	0	0	235.720.000	0
XM_TRANG	Xi măng trắng	0	0	82.256.516	81.164.462	1.092.054	0
Tài khoản: 155 (3)							
COC_DAM	Cọc dăm	0	0	68.081.952	0	68.081.952	0
PX_BE_TONG	Phần xưởng sản xuất bê tông	0	0	12.781.400.600	0	12.781.400.600	0

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu nguyên tắc hạch toán kế toán giá thành?
2. Nêu các phương pháp tính giá thành?
3. Trình bày về mô hình hóa hoạt động kế toán giá thành?
4. Các danh mục phải khai báo khi hạch toán các chứng từ liên quan đến kế toán giá thành?
5. Liệt kê quy trình tính giá thành trong phần mềm kế toán MISA SME.NET?

Bài tập thực hành

Tại Công ty TNHH ABC có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến kế toán giá thành như sau:

1. Ngày 05/01/2020, mua vật tư chưa thanh toán của Công ty TNHH Hà Liên sử dụng ngay cho Phân xưởng 1, bao gồm:
 - Vải kaki khổ 1,5 m SL: 2.500 ĐGCT: 65.000
 - Vải kaki khổ 1,4 m SL: 3.000 ĐGCT: 60.000 VND
 - Khóa 20 cm SL: 3.500 ĐGCT: 3.000 VND
 - Chỉ khâu 500 m SL: 100 ĐGCT: 20.000 VND

Chương 11: Kê toán giá thành

VAT 10%, theo HĐ GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0021550, ký hiệu AD/17P, ngày 05/01/2020.

2. Ngày 07/01/2020, xuất kho vật tư sử dụng cho Phân xưởng 2, bao gồm:

- Vải lon trắng SL: 2.000
- Vải lon kẻ SL: 3.000
- Chỉ khâu 500 m SL: 100

3. Ngày 15/01/2020, nhập kho thành phẩm:

- Phân xưởng 1: Quần nam: 1.000 cái
 Quần nữ: 675 cái
- Phân xưởng 2: Áo sơ mi nam: 900 cái
 Áo sơ mi nữ: 1.000 cái

4. Ngày 27/01/2020, chi tiền mặt thanh toán tiền điện phục vụ sản xuất của tháng 1 năm 2020 cho Công ty điện lực Hà Nội số tiền chưa thuế là 5.000.000 VND, VAT 10%, HĐ GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0012356, ký hiệu HK/17P, ngày 27/01/2020.

5. Ngày 27/01/2020, chi tiền mặt thanh toán tiền nước tháng 1 năm 2020 theo HĐ GTGT số 0136587 của Công ty nước sạch Hà Nội, số tiền chưa thuế GTGT là 2.000.000 VND, thuế GTGT là 200.000 VND, theo HĐ GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0136587, ký hiệu NT/17P, ngày 27/01/2020.

6. Ngày 28/01/2020, chi tiền mặt thanh toán tiền sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị Số tiền chưa thuế là 5.000.000 VND, VAT 10%, theo HĐ GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0075251, ký hiệu AB/17P, ngày 28/01/2020.

7. Ngày 28/01/2020, nhập kho thành phẩm:

- Phân xưởng 1: Quần nam: 1.203 cái
 Quần nữ: 1.000 cái
- Phân xưởng 2: Áo sơ mi nam: 900 cái
 Áo sơ mi nữ: 1.200 cái

8. Ngày 31/01/2020, tính tiền lương và các khoản trích theo lương cho công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên quản lý phân xưởng trong tháng 1 (tính

vào chi phí của doanh nghiệp)

- Công nhân trực tiếp sản xuất: Phân xưởng 1: 116.340.000 VND
Phân xưởng 2: 147.000.000 VND
- Nhân viên quản lý phân xưởng: 25.000.000 VND.

9. Ngày 31/01/2020, phân bổ chi phí trả trước tính vào chi phí sản xuất chung của 2 phân xưởng số tiền 5.000.000 VND.

10. Ngày 31/01/2020, tính khấu hao TSCĐ tháng 1 năm 2020.

11. Cập nhập giá xuất kho cho VT, HH xuất kho trong kỳ.

Thông tin về sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Phân xưởng 1: Tổng giá trị sản phẩm dở là 30.000.000 VND

Phân xưởng 2: Tổng giá trị sản phẩm dở là 22.000.000 VND

▶▶ Yêu cầu:

- Sử dụng thông tin khai báo danh mục trong bài tập thực hành chương 2 (nếu cần).
- Hạch toán các nghiệp phát sinh vào phần mềm.
- Tập hợp, phân bổ chi phí chung theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Tính giá thành từng sản phẩm theo phương pháp hệ số và phương pháp tỷ lệ. Biết giá thành định mức của từng sản phẩm như sau:

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	TK 621	TK 622	TK 6271	TK 6272	TK 6273	TK 6274	TK 6277	Tổng cộng
QUAN_NAM	Quần nam	94.000	30.000	2.000	2.000	1.000	1.500	1.200	131.700
QUAN_NU	Quần nữ	83.000	27.000	1.500	1.800	800	1.200	1.200	116.500
SOMI_NAM	Áo sơ mi nam	54.000	32.000	1.500	900	600	1.000	400	90.400
SOMI_NU	Áo sơ mi nữ	54.000	35.000	1.400	800	500	1.100	700	93.500

CHƯƠNG 12

KẾ TOÁN THUẾ

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Các khái niệm cơ bản về thuế
- Mô hình hóa hoạt động thuế GTGT, TTĐB
- Sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT, TTĐB
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Các khái niệm

1.42.49 Thuế GTGT

- Khái niệm: Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của HHDV phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.
- Đối tượng chịu thuế: là hàng hóa dịch vụ được sử dụng cho sản xuất kinh doanh, tiêu dùng ở Việt Nam
- Đối tượng nộp thuế:
 - Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT
 - Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế GTGT
 - Phương pháp tính thuế:
 - Phương pháp khấu trừ
 - Phương pháp trực tiếp
 - Đối tượng áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: các cơ sở SXKD có các điều kiện sau:
 - Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ
 - Đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế
 - Trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT
 - Đối tượng áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:
 - Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
 - Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
 - Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.
 - Chi tiết về thuế GTGT xem tại thông tư 219/2013/TT- BTC

1.42.50 Thuế TTĐB

- Khái niệm: Thuế TTĐB là loại thuế gián thu đánh vào sự tiêu dùng một số loại hàng hóa, dịch vụ đặc biệt (là hàng hóa, dịch vụ không thiết yếu) theo danh mục do Nhà nước qui định. Thuế được cấu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ và do người tiêu dùng chịu khi mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ
- Đối tượng chịu thuế: là các hàng hóa dịch vụ đặc biệt có trong danh mục do Nhà nước quy định
- Đối tượng nộp thuế:
 - Tổ chức, cá nhân sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB
 - Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế TTĐB
 - Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chịu thuế TTĐB
 - Chi tiết về thuế TTĐB xem tại thông tư 05/2012/TT- BTC

1.42.51 Thuế TNDN

- Khái niệm: Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.
- Chi tiết về thuế TNDN xem tại thông tư 78/2014/TT- BTC
- Các hướng dẫn về xác định thuế TNDN phải nộp trong kỳ xem chi tiết tại trang 404

1.42.52 Thuế TNCN

- Khái niệm: Thuế thu nhập cá nhân là loại thuế trực thu đánh vào phần thu nhập của từng cá nhân
- Đối tượng nộp thuế: cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế
- Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

- Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập
 - Căn cứ tính thuế:
- Căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú là Thu nhập tính thuế và thuế suất. Thu nhập tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ đi các khoản:

Các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc và các khoản bảo hiểm bắt buộc khác theo quy định của pháp luật

Các khoản giảm trừ gia cảnh

Các khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học

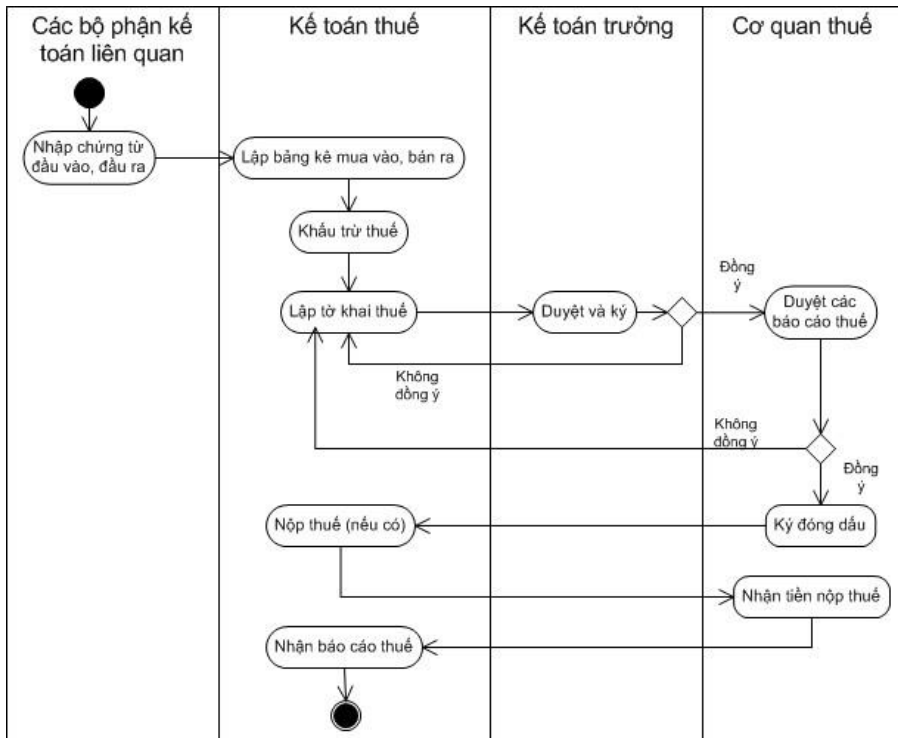
- Căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân không cư trú là thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và thuế suất
 - Việc tính thuế TNCN sẽ được chương trình tự tính ở phần Lập bảng lương của Phân hệ tiền lương, NSD xem hướng dẫn chi tiết tại trang 304.
 - Chi tiết về thuế TNCN xem tại thông tư 111/2013/TT- BTC
- Phần thuế TNDN và thuế TNCN được đề cập đến ở chương kế toán tiền lương và kế toán tổng hợp. Bên cạnh đó, các nghiệp vụ hạch toán về Thuế GTGT và TTĐB đã được đề cập đến ở các phân hệ Mua hàng, Bán hàng, TSCĐ.... Vì vậy, ở phân hệ Thuế chúng tôi chỉ trình bày phần Hướng dẫn lập hồ sơ kê khai thuế, nộp thuế GTGT và TTĐB.

Nguyên tắc hạch toán

- Doanh nghiệp chủ động tính và xác định số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp cho Nhà nước theo luật định và kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp

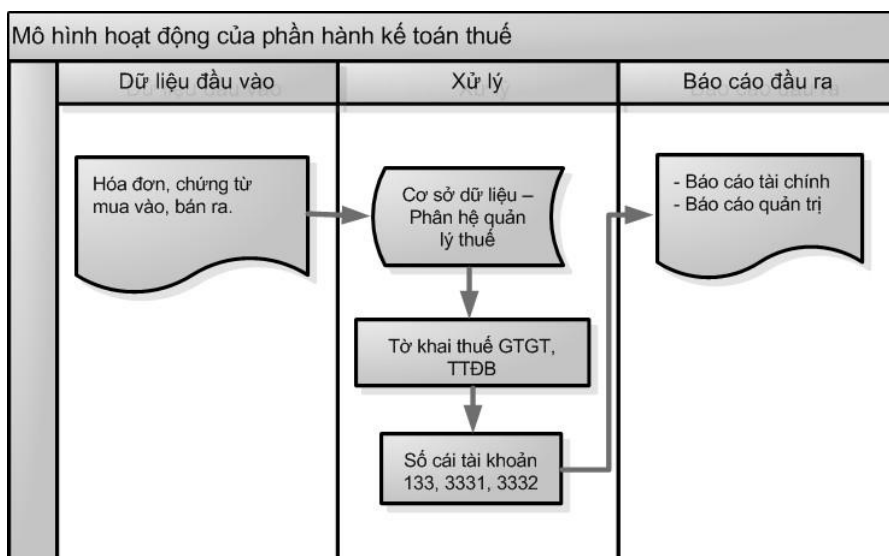
- Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh việc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, phí và lệ phí cho Nhà nước
- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp và còn phải nộp

Mô hình hóa hoạt động kế toán thuế



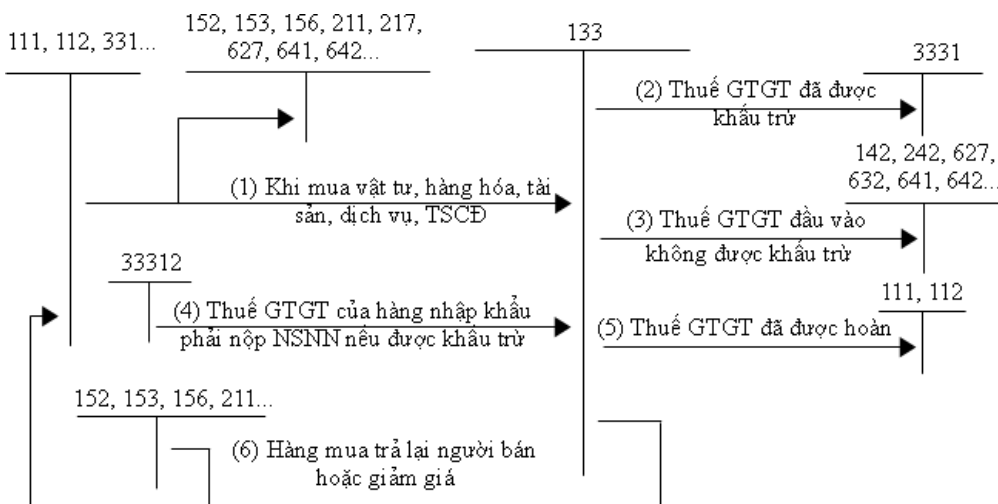
Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.53 Quy trình xử lý trên phần mềm

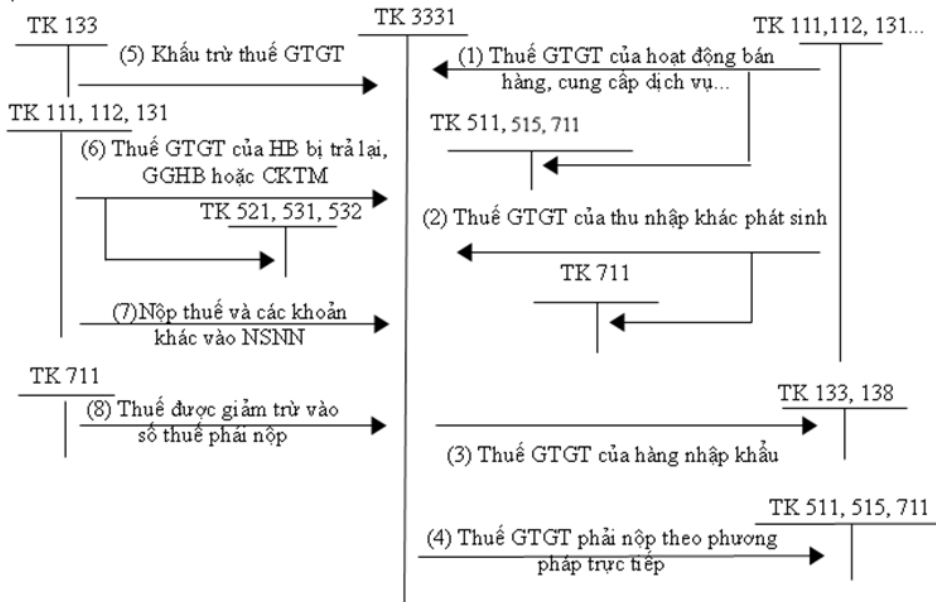


1.42.54 Sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT

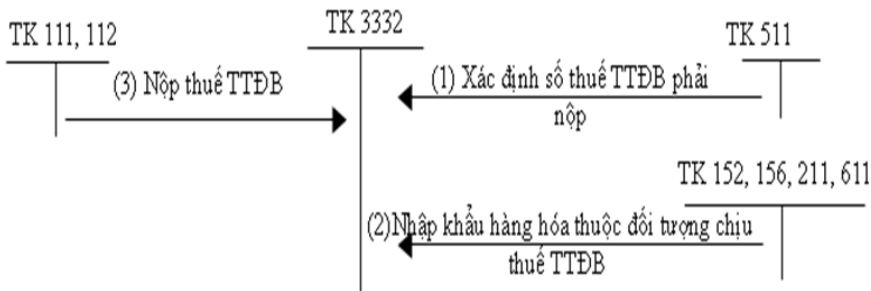
1.42.54.1 Thuế GTGT đầu vào



1.42.54.2 Thuế GTGT phải nộp



1.42.55 Sơ đồ hạch toán thuế TTĐB



1.42.56 Hướng dẫn lập hồ sơ kê khai thuế và nộp thuế

1.42.56.1 Các chứng từ đầu vào liên quan

Các chứng từ dùng cho việc hạch toán thuế bao gồm:

- Hóa đơn mua hàng do nhà cung cấp lập: hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng cho khách hàng bao gồm: hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng....

- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu
-

1.42.56.2 Thuế GTGT

► **Lập tờ khai thuế GTGT lần đầu:** Phần mềm MISA SME.NET cho phép lập tờ khai thuế GTGT theo từng tháng/từng quý.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)** (hoặc chọn chức năng **Thêm\Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT trên thanh công cụ)**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Chọn kỳ tính thuế

Tờ khai tháng Tờ khai quý

Tháng Năm

Tờ khai lần đầu
 Tờ khai bổ sung Lăn Ngày lập KHBS

Danh mục ngành nghề

Chọn phụ lục kê khai		
<input type="checkbox"/>	Mã phụ lục	Tên phụ lục
<input checked="" type="checkbox"/>	PL 01-1/GTGT	Bảng kê bán ra thuế GTGT
<input checked="" type="checkbox"/>	PL 01-2/GTGT	Bảng kê mua vào thuế GTGT
<input type="checkbox"/>	PL 01-5/GTGT	Bảng kê số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh XD, lắp đặt, bán hàng bất động sản ngoại tỉnh
<input type="checkbox"/>	PL 01-6/GTGT	Bảng phân bổ thuế GTGT cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và CSSX trực thuộc không hạch toán kế toán

- Chọn kỳ tính thuế: Tháng 1/2015
- Tích chọn lập “Tờ khai lần đầu”.
- Tích chọn các phụ lục kèm theo => In kèm theo Bảng kê mua vào và Bảng kê bán ra.
- Nhấn <<**Đồng ý**>>, xuất hiện giao diện chi tiết tờ khai thuế GTGT và các bảng kê kèm theo:

Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy dữ liệu Nạp Xuất khẩu In Giúp Đóng

Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (01/GTGT)
 (Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 1 năm 2015
 [02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC.DEF
 [05] Mã số thuế: 0101243150

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [13] Mã số thuế đại lý:
 Gia hạn
 Trường hợp được gia hạn:

STT	CHỈ TIÊU		GIÁ TRỊ HHDV		THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	<input type="checkbox"/>		
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang			[22]	2.584.100
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước				
I Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ					
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	488.310.746	[24]	48.835.267
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này			[25]	48.835.267
II Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ					
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0		
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27] = [29] + [30] + [32]; [28] = [31] + [33])	[27]	3.395.961.000	[28]	166.006.100
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	1.735.900.000		
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	1.660.061.000	[33]	166.006.100
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34]	3.395.961.000	[35]	166.006.100
III Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])				[36]	117.170.833
IV Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước					
1	Điều chỉnh giảm			[37]	0
2	Điều chỉnh tăng			[38]	0
V Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoài tỉnh				[39]	0
VI Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:					
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a] = [36] - [22] - [37] - [38] - [39]) ≥ 0			[40a]	114.586.733

Chương 12: Kế toán thuế

Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy dữ liệu Nạp Xuất khẩu In Giúp Đóng

Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán ra		Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):							
1					0	0	
Tổng					0	0	
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:							
1	0000061	16/01/2015	Công ty TNHH Bảo Oanh	0101243150	78.400.000	0	
2	0000059	21/01/2015	Công ty TNHH Bảo Ngọc		828.750.000	0	
3	0000060	21/01/2015	Công ty TNHH Bảo Ngọc		828.750.000	0	
Tổng					1.735.900.000	0	
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:							
1					0	0	
Tổng					0	0	
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:							
1	0000061	05/01/2015	Đại lý Thanh Xuân		17.000.000	1.700.000	
2	0037	08/01/2015	Công ty TNHH Phú Thái	0101243150	(4.215.000)	(421.500)	
3	0000038	15/01/2015	Công ty TNHH Bảo Oanh	0101243150	(4.526.000)	(452.600)	
4	0000001	22/01/2015	Công ty TNHH Tiến Đạt	0101243150	37.794.000	3.779.400	

Ctrl + Insert: Thêm dòng; Ctrl + Delete: Xóa dòng

Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy dữ liệu Nạp Xuất khẩu In Giúp Đóng

Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế		Tên người bán	Mã số thuế người bán	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế GTGT	Ghi chú
	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
1	0045	10/01/2015	Công ty vận tải Sông Công	0101243150	1.000.000	100.000	
2	0000029	16/01/2015	Công ty TNHH Hồng Hà	0101243150	42.000.000	4.200.000	
3	1254	21/01/2015	Công ty cổ phần Thiên Tân	0101243150	117.530.266	11.753.027	
4	0000068	31/01/2015	Công ty TNHH Minh Anh	0101243150	87.780.480	8.782.240	
5	0125410	31/01/2015	Công ty TNHH Minh Anh	0101243150	240.000.000	24.000.000	
Tổng					488.310.746	48.835.267	
2. Hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
1					0	0	
Tổng					0	0	
3. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:							
1					0	0	
Tổng					0	0	

Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT:

Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ:

Có một số chứng từ không lên bảng kê do thiếu một trong các thông tin: Số hóa đơn, ngày hóa đơn, nhóm HHDV mua vào.
[Bấm vào đây để xem chi tiết...](#)

Ctrl + Insert: Thêm dòng; Ctrl + Delete: Xóa dòng

- Phần mềm tự động lấy dữ liệu lên bảng kê và tờ khai, NSD có thể tự thêm dòng hoặc xóa dòng trên Bảng kê và nhập dữ liệu vào một số chỉ tiêu trên Tờ khai
- Trường hợp muốn thêm phụ lục, NSD nhấn **Thêm phụ lục** trên thanh công cụ và tích chọn phụ lục cần thêm.
- Trường hợp muốn xóa phụ lục khỏi tờ khai, NSD chọn vào tab của phụ lục cần xóa, sau đó nhấn **Xóa phụ lục** trên thanh công cụ.
- Nhấn <<Cất>> để lưu tờ khai vừa lập.
- Sau khi tờ khai được cất, NSD có thể chọn chức năng **In** để in tờ khai nộp cho cơ quan thuế.

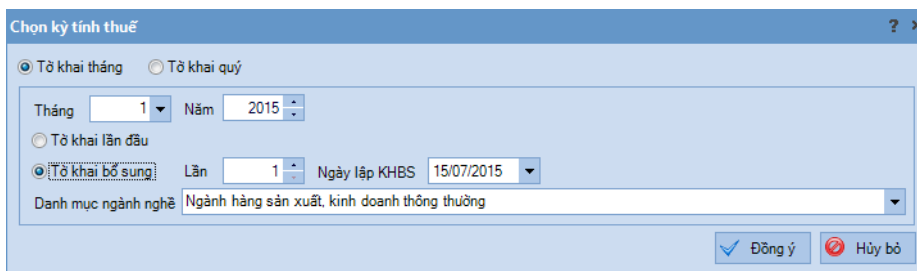
*Trường hợp một số hóa đơn không đủ điều kiện lên bảng kê do thiếu các thông tin như: ngày hóa đơn, số hóa đơn, nhóm HHDV mua vào hoặc thuế suất GTGT => NSD nhấn chọn "**Bấm vào đây để xem chi tiết...**", phần mềm sẽ liệt kê ra danh sách các hóa đơn không đủ điều kiện lên bảng kê:*

Ngày chứng từ	Số chứng từ	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Ký hiệu mẫu HD	Tên người bán	Mã số thuế	%
31/01/2015	MDV00002					Công ty điện lực	0101243150	
26/01/2015	MDV00006					Công ty vận tải S	0101243150	
13/01/2015	MDV00002					Công ty vận tải S	0101243150	

NSD có thể kích chọn vào link liên kết tại cột **Số chứng từ** để sửa lại thông tin còn thiếu. Sau khi sửa xong, trên giao diện Tờ khai thuế, NSD chọn chức năng **Lấy dữ liệu** trên thanh công cụ để cập nhật lại thông tin vừa sửa.

► Lập tờ khai thuế GTGT bổ sung

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)** (hoặc chọn chức năng **Thêm\Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT** trên thanh công cụ), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:



- Chọn kỳ tính thuế: Tháng 1/2015
- Tích chọn lập “Tờ khai bổ sung”.
- Nhấn <<Đồng ý>>, xuất hiện giao diện chi tiết tờ khai thuế GTGT và bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh.
- Trên tab Tờ khai, phần mềm sẽ tự động lấy dữ liệu như tờ khai được lập lần đầu, NSD tự nhập thông tin điều chỉnh vào từng chỉ tiêu trên tờ khai (VD: Thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ,...)
- Sau đó, nhấn **Tổng hợp KHBS** trên thanh công cụ, phần mềm sẽ tự động lấy các chỉ tiêu bị điều chỉnh lên tab Bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh.:

Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ

Sửa Cắt Xóa Hoàn Tổng hợp KHBS Lấy dữ liệu Hạch toán ĐC Nạp Xuất khẩu In Giúp Đóng

Tờ khai / 01/KHBS

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại
Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ tính thuế: Tháng 1 năm 2015 ngày 16 tháng 7 năm 2015)

A. Nội dung bổ sung, điều chỉnh thông tin đã kê khai:

STT	Chi tiêu điều chỉnh	Mã số chi tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
I. Chi tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp					
1			0	0	0
II. Chi tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp					
1	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	25	48.835.267	49.658.258	822.991
III. Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng: +; giảm: -):					
1	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ	40	114.586.733	113.763.742	(822.991)
2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	43	0	0	0

B. Tính số tiền chậm nộp:

Số ngày nộp chậm

Số tiền chậm nộp

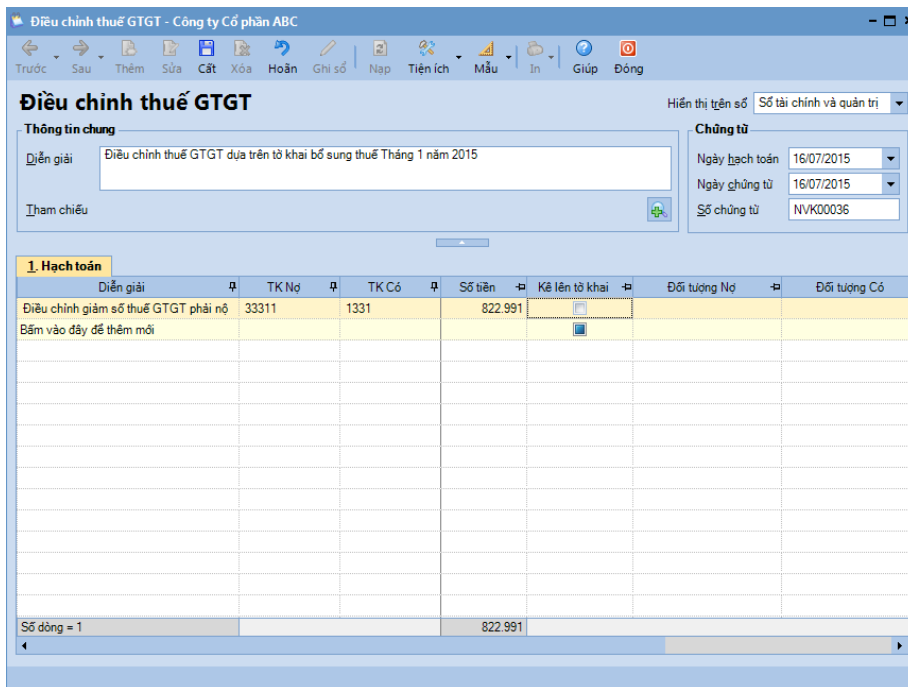
C. Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

1. Người nộp thuế tự phát hiện số tiền thuế đã được hoàn phải nộp trả NSNN:

Số tiền

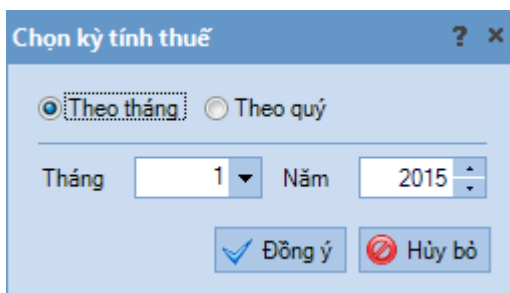
Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Lệnh hoàn trả kiểm bù trừ khoản thu NSNN số

- Nếu phải nộp thêm thuế, phần mềm sẽ tự động hiển thị số ngày nộp chậm và số tiền chậm nộp.
- Nhập thêm các thông tin khác và nhấn <<Cắt>>.
- NSD có thể chọn chức năng **In** để in tờ khai nộp cho cơ quan thuế.
- Sau khi tờ khai bổ sung được cất giữ, NSD chọn chức năng **Hạch toán ĐC** trên thanh công cụ, phần mềm sẽ tự động sinh ra chứng từ hạch toán điều chỉnh thuế:



- ▶ **Thực hiện khấu trừ thuế:** Phần mềm kế toán cho phép thực hiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào và thuế GTGT đầu ra để xác định số thuế phải nộp trong kỳ hay còn được khấu trừ chuyển kỳ sau.

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Khấu trừ thuế GTGT** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Thuế\Khấu trừ thuế GTGT**):



- Chọn kỳ cần khấu trừ thuế: Tháng 1/2015.
- Nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm tự động sinh chứng từ khấu trừ thuế:

Khấu trừ thuế - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi sổ Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Hiện thị trên số **Số tài chính và quản trị**

Thông tin chung

Diễn giải: Khấu trừ thuế GTGT tháng 1 năm 2015

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: 23.175.000 Thuế GTGT đầu ra: 18.394.500

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015
 Ngày chứng từ: 31/01/2015
 Số chứng từ: NVK00009

1. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	33311	1332	3.345.000
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	33311	1331	15.049.500
Bấm vào đây để thêm mới			
Số dòng = 2			18.394.500

- Kiểm tra lại thông tin chứng từ khấu trừ, sau đó nhấn <<**Cắt**>>.

►► **Lập chứng từ nộp thuế đầu ra:**

VD: Ngày 04/11/2020 nộp Thuế GTGT tháng 1 cho chi cục thuế Cầu Giấy bằng tiền gửi

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Nộp thuế** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Thuế\Nộp thuế**):

Chương 12: Kế toán thuế

The screenshot shows the 'Nộp thuế' (Pay Tax) window. At the top, there are fields for 'Loại thuế' (Tax Type) set to 'Thuế khác' (1), 'Ngày nộp thuế' (Tax Payment Date) set to '04/11/2020' (2), and 'Phương thức thanh toán' (Payment Method) with 'Tiền gửi' (Deposit) selected. A warning message is displayed below. The main table, titled '1. Chi tiết khoản thuế' (3), lists tax items with columns for 'Khoản phải nộp' (Tax Due Item), 'Số phải nộp' (Total Tax Due), and 'Số nộp lần này' (This Time Payment). The items listed are: Thuế GTGT đầu ra (1,003,038,240), Thuế thu nhập cá nhân (3,080,250), Thuế thu nhập doanh nghiệp (5,000,000), Thuế tiêu thụ đặc biệt (276,672,000), and Thuế xuất, nhập khẩu (273,520,000). The 'Số nộp lần này' column shows values of 500,000,000, 3,080,250, 5,000,000, 276,672,000, and 273,520,000 respectively. At the bottom, the total 'Số dòng = 5' is 1,561,310,490, and the total 'Số nộp lần này' is 1,058,272,250. A 'Giúp' (Help) button is on the left, and 'Nộp thuế' (Pay Tax) (5) and 'Hủy bỏ' (Cancel) buttons are on the right.

Khoản phải nộp	Số phải nộp	Số nộp lần này
Thuế GTGT đầu ra	1.003.038.240	500.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	3.080.250	3.080.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.000.000	5.000.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	276.672.000	276.672.000
Thuế xuất, nhập khẩu	273.520.000	273.520.000

- Lựa chọn loại thuế phải nộp là “Thuế khác”.
- Ngày nộp thuế 04/11/2020
- Lựa chọn phương thức thanh toán: Tiền gửi
- Tích chọn loại thuế phải nộp là Thuế GTGT đầu ra
- Nhấn <<Nộp thuế>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ nộp thuế GTGT:

Chi tiền gửi nộp thuế

Thông tin chung

Tài khoản chi: 0011000000083 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Nội dung TT: Chi nộp thuế

Kho bạc: Kho bạc Nhà nước

Địa chỉ: 15 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Tài khoản nhận: 1256656554 Ngân hàng TMCP Á Châu

Tham chiếu:

Hiển thị trên số: Số tài chính và quản trị

Chứng từ

Ngày hạch toán: 04/11/2020

Ngày chứng từ: 04/11/2020

Số chứng từ: UNC00101

1. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đơn vị	Đơn mua hàng	Mục thuế chi
Thuế GTGT đầu ra	33311	1121	500.000.000			
Thuế thu nhập cá nhân	3335	1121	3.080.250			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	1121	5.000.000			
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3332	1121	276.672.000			
Thuế xuất, nhập khẩu	3333	1121	273.520.000			
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 5			1.058.272.250			

- Kiểm tra lại thông tin chứng từ nộp thuế, sau đó nhấn <<Cất>>.

*NSD cũng có thể thực hiện chức năng **Nộp thuế** trên phân hệ **Quy** hoặc **Ngân hàng** tùy theo phương thức thanh toán.*

► Lập chứng từ nộp thuế hàng nhập khẩu

Đối với nghiệp vụ hàng nhập khẩu, trong trường hợp doanh nghiệp thanh toán ngay thuế GTGT, tại tab **Thuế** chứng từ mua hàng nhập khẩu, NSD nhập TK thuế là 1331, nếu chưa nộp thuế NSD nhập TK Nợ 1388

Chương 12: Kế toán thuế

Mua hàng nhập khẩu nhập kho chưa thanh toán - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nhận HD Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ mua hàng 3. Mua hàng nhập khẩu nhập kho Hiển thị trên số Số tài chính và quản trị

Chứng thanh toán Thanh toán ngay

ĐĂNG NHẬP HÓA ĐƠN

Phiếu nhập **Hóa đơn**

Thông tin chung

Nhà cung cấp CTY_FUJI Công ty FUJI

Địa chỉ Nhật Bản

Mã số thuế

Tham chiếu

Hóa đơn

Mẫu số HD

Ký hiệu HD

Số hóa đơn 4590

Ngày hóa đơn 20/01/2015

Điều khoản TT Số ngày được nợ (ngày) Hạn thanh toán

1. Hàng tiền	2. Thuế	3. Phí trước hải quan	4. Phí hàng về kho	Loại tiền USD Tỷ giá 20.700,00	
Mã hàng	Diễn giải thuế	% thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TKĐƯ thuế GTGT	TK thuế GTGT
BIA	Thuế giá trị gia tăng	10%	15.607.800	1388	33312
Số dòng = 1			15.607.800		

Phân bổ chiết khấu...	Tổng tiền hàng	4.000,00	82.800,000	Thuế NK	24.840,000
	Tiền chiết khấu	0,00	0	Thuế TTBB	48.438,000
	Tổng tiền thanh toán	4.000,00	82.800,000	Tiền thuế GTGT	15.607.800

Đến lúc thực hiện nộp thuế hàng nhập khẩu, NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Nộp thuế** (hoặc vào menu **Nghị vụ**(**Thuế**(**Nộp thuế**)):

Nộp thuế

Loại thuế **Thuế hàng nhập khẩu** Ngày nộp thuế 04/11/2020 Phương thức thanh toán Tiền gửi Tiền mặt

Chon Thuế hàng nhập khẩu nếu đơn vị quản lý nộp thuế hàng nhập khẩu theo từng tờ khai hải quan.

Thuế nhập khẩu Thuế TTBB Thuế B/MT Thuế GTGT

Không lấy thuế GTGT hàng nhập khẩu có TKĐƯ thuế GTGT là 133

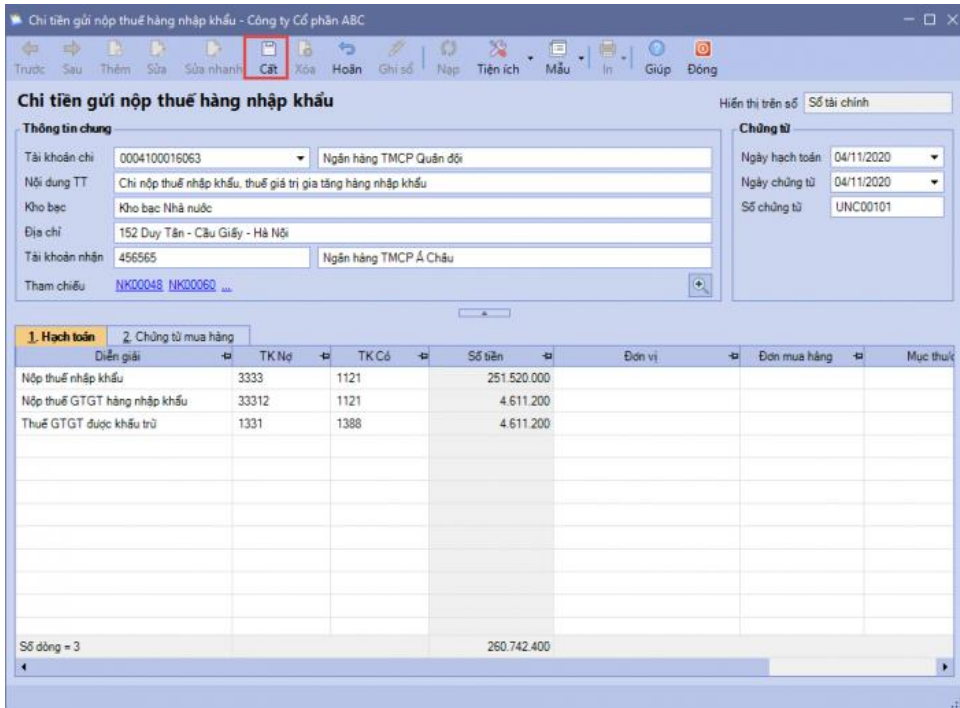
1. Chứng từ mua hàng

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Thuế nhập khẩu			Thuế GTGT					
				Số phải nộp	Số nộp lần này	TK thuế NK	Số phải nộp	Số nộp lần này	TKĐƯ thuế GTGT	TK thuế GTGT khấu trừ	TK thuế GTGT	
<input checked="" type="checkbox"/>	16/07/2020	16/07/2020	NK00028	132746	41.920.000	41.920.000	3333	4.611.200	4.611.200	1388	1331	33312
<input checked="" type="checkbox"/>	04/11/2020	04/11/2020	NK00020	123	209.600.000	209.600.000	3333	0	0	1331	1331	33312
Số dòng...				251.520.000	251.520.000			4.611.200	4.611.200			

Nộp thuế Hủy bỏ

- Lựa chọn loại thuế phải nộp là “Thuế hàng nhập khẩu”.
- Tích chọn loại thuế muốn nộp theo từng lần nhập khẩu
- Ngày nộp thuế 04/11/2020
- Lựa chọn phương thức thanh toán: Tiền gửi

- Tích chọn chứng từ mua hàng nhập khẩu cần nộp thuế
- Nhấn <<**Nộp thuế**>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ nộp thuế hàng nhập khẩu:



- Kiểm tra lại thông tin chứng từ nộp thuế, sau đó nhấn <<**Cắt**>>.

1.42.56.3 Thuế TTĐB

Hàng tháng, các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB phải thực hiện kê khai thuế TTĐB. Hồ sơ khai thuế gồm: Bảng kê mua vào, bảng kê bán ra, tờ khai thuế.... Để thực hiện được các chức năng kê khai thuế TTĐB trên phần mềm kế toán MISA SME.NET, trước tiên NSD phải thực hiện khai báo các danh mục có liên quan:

► Khai báo các danh mục liên quan:

- Danh mục Biểu thuế TTĐB: phần mềm đã thiết lập sẵn danh sách biểu thuế TTĐB theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, NSD vẫn có thể chỉnh sửa khi quy định thay đổi:
- Vào menu **Danh mục\Khác\Biểu thuế tiêu thu đặc biệt:**

Chương 12: Kế toán thuế

Mã	Tên nhóm HHDV chịu thuế TTĐB	Đơn vị tính	Thuế suất (%)	Ngũng theo dõi
1	Hàng hóa		0,00	
101	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá		0,00	
10100	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	Bao	70,00	
10104	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá nhập...	Bao	70,00	
102	Rượu		0,00	
10200	Rượu từ 20 độ trở lên	Lít	65,00	
10204	Rượu dưới 20 độ	Lít	35,00	
10205	Rượu từ 20 độ trở lên nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	65,00	
10206	Rượu dưới 20 độ nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	35,00	
10300	Bia	Lít	65,00	
10304	Bia nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	65,00	
104	Ô tô		0,00	
10404	Xe ô tô dưới 24 chỗ		0,00	
1040401	Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống		0,00	
104040104	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống	Cái	35,00	
104040105	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	Cái	40,00	
104040106	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3	Cái	50,00	
104040107	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	Cái	60,00	
104040108	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3	Cái	90,00	
104040109	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3	Cái	110,00	
104040110	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3	Cái	130,00	
104040111	Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm3	Cái	150,00	
104040112	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra...	Cái	35,00	
104040113	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu...	Cái	40,00	
104040114	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3 nhập khẩu...	Cái	50,00	
104040115	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu...	Cái	60,00	

- Danh mục hàng hóa chịu thuế TTĐB
- NSD vào menu **Danh mục\Vật tư hàng hóa\Vật tư hàng hoá**:
- Nhấn <<**Thêm**>> trên thanh công cụ để tiến hành khai báo hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB:

Mã nhóm	Tên nhóm	Thuế suất (%)
1	Hàng hóa	0,0000
101	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm k	0,0000
10101	Xì gà	65,0000
10102	Thuốc lá điếu	65,0000
10103	Các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	65,0000
11100	Du thuyền	30,0000
102	Rượu	0,0000
10200	Rượu từ 20 độ trở lên	45,0000

- Nhập các thông tin: mã, tên, tính chất, loại... phù hợp với hàng hóa

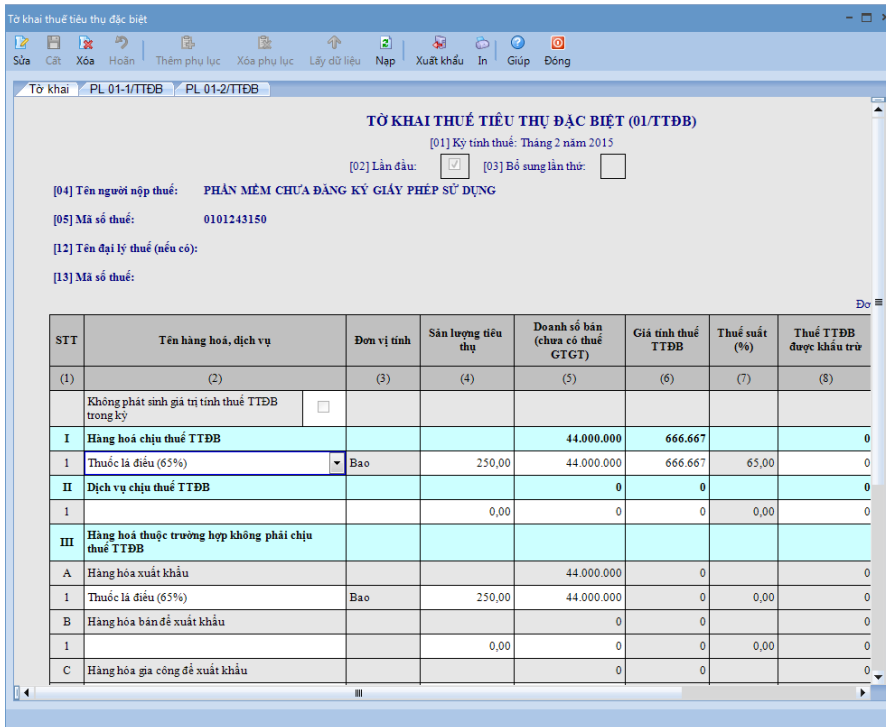
- Chọn Nhóm HHDV chịu thuế TTĐB tương ứng với hàng hóa đang khai báo
- Nhấn <<Cắt>> để lưu vật tư, hàng hóa vừa nhập.

► **Lập tờ khai thuế TTĐB lần đầu:** Phần mềm MISA SME.NET cho phép lập tờ khai thuế GTGT theo từng tháng/từng quý.

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (01/TTĐB)** (hoặc chọn chức năng **Thêm\Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (01/TTĐB)** trên thanh công cụ), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Chọn phụ lục kê khai		
<input checked="" type="checkbox"/>	Mã phụ lục	Tên phụ lục
<input checked="" type="checkbox"/>	PL 01-1/TTĐB	Bảng kê hoá đơn hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt
<input checked="" type="checkbox"/>	PL 01-2/TTĐB	Bảng kê hoá đơn hàng hoá mua vào chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

- Chọn kỳ tính thuế: Tháng 2/2015
- Tích chọn lập “Tờ khai lần đầu”.
- Tích chọn các phụ lục kèm theo => In kèm theo Bảng kê mua vào và Bảng kê bán ra.
- Nhấn <<Đồng ý>>, xuất hiện giao diện chi tiết tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt và các bảng kê kèm theo:



- Phần mềm tự động lấy dữ liệu lên bảng kê và tờ khai, NSD có thể tự thêm dòng hoặc xóa dòng trên Bảng kê và nhập dữ liệu vào một số chỉ tiêu trên Tờ khai
- Trường hợp muốn thêm phụ lục, NSD nhấn **Thêm phụ lục** trên thanh công cụ và tích chọn phụ lục cần thêm.
- Trường hợp muốn xóa phụ lục khỏi tờ khai, NSD chọn vào tab của phụ lục cần xóa, sau đó nhấn **Xóa phụ lục** trên thanh công cụ.
- Nhấn <<**Cất**>> để lưu tờ khai vừa lập.
- Sau khi tờ khai được cất, NSD có thể chọn chức năng **In** để in tờ khai nộp cho cơ quan thuế.

*Trường hợp một số hóa đơn không đủ điều kiện lên bảng kê do thiếu các thông tin như: ngày hóa đơn, số hóa đơn, nhóm HHDV mua vào hoặc thuế suất TTĐB => NSD nhấn chọn "**Bấm vào đây để xem chi tiết...**", phần mềm sẽ liệt kê ra danh sách các hóa đơn không đủ điều kiện lên bảng kê.*

Sau khi sửa xong, trên giao diện Tờ khai, NSD chọn chức năng **Lấy dữ liệu** trên thanh công cụ để cập nhật lại thông tin vừa sửa.

► Lập tờ khai thuế TTĐB bổ sung

NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (01/TTĐB)** (hoặc chọn chức năng **Thêm\Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (01/TTĐB)** trên thanh công cụ), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Chọn kỳ tính thuế

Tờ khai tháng Tờ khai lần phát sinh

Tháng: 2 Năm: 2015

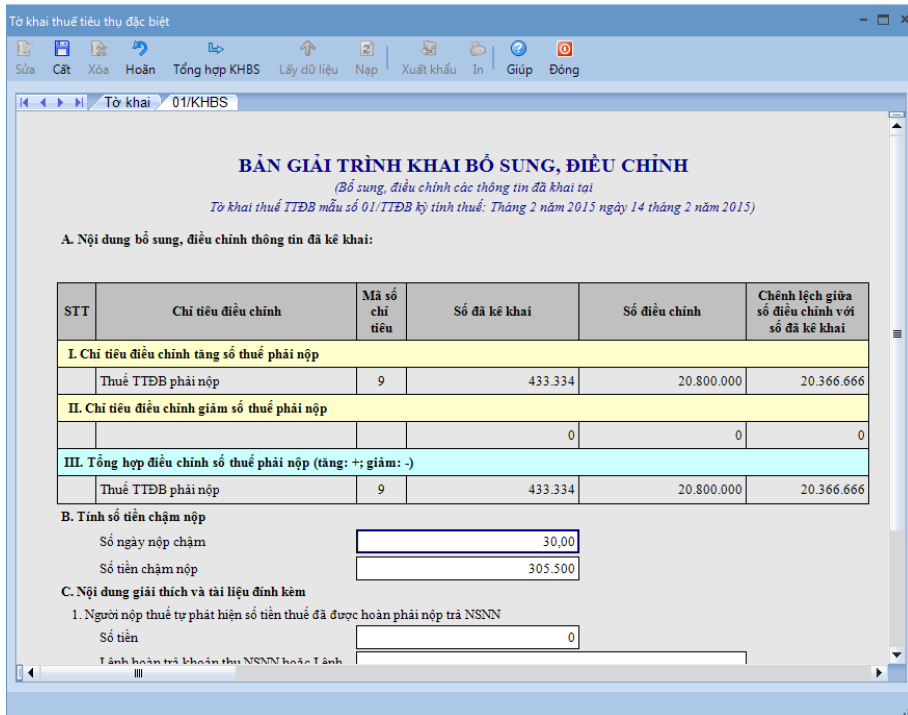
Tờ khai lần đầu

Tờ khai bổ sung Lần: 1 Ngày lập KHBS: 28/02/2015

Danh mục ngành nghề: Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường

Đồng ý Hủy bỏ

- Chọn kỳ tính thuế: Tháng 2/2015
- Tích chọn lập “Tờ khai bổ sung”.
- Nhấn <<Đồng ý>>, xuất hiện giao diện chi tiết tờ khai thuế TTĐB và bảng giải trình khai bổ sung, điều chỉnh.
- Trên tab Tờ khai, phần mềm sẽ tự động lấy dữ liệu như tờ khai được lập lần đầu, NSD tự nhập thông tin điều chỉnh vào từng chỉ tiêu trên tờ khai (VD: Thuế TTĐB phải nộp,...)
- Sau đó, nhấn **Tổng hợp KHBS** trên thanh công cụ, phần mềm sẽ tự động lấy các chỉ tiêu bị điều chỉnh lên tab Bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh.:



- Nếu phải nộp thêm thuế, phần mềm sẽ tự động hiển thị số ngày nộp chậm và số tiền chậm nộp.
- Nhập thêm các thông tin khác và nhấn <<Cất>>.
- NSD có thể chọn chức năng **In** để in tờ khai nộp cho cơ quan thuế.

► Hạch toán thuế TTĐB phải nộp

Đầu tiên, NSD hạch toán nghiệp vụ bán hàng đối với các mặt hàng chịu thuế TTĐB trên phân hệ Bán hàng.

Đến lúc thực hiện nộp thuế TTĐB, NSD thực hiện theo hướng dẫn sau

=> Tại phân hệ **Thuế**, chọn chức năng **Nộp thuế** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Thuế\Nộp thuế**):

Chương 12: Kế toán thuế

Nộp thuế Loại thuế: Thuế khác Ngày nộp thuế: 31/01/2015 Phương thức thanh toán: Tiền gửi Tiền mặt

1. Chi tiết khoản thuế

Khoản phải nộp	Số phải nộp	Số nộp lần này
Thuế tiêu thụ đặc biệt	53.438.000	53.438.000
Thuế xuất, nhập khẩu	26.840.000	0
Số đồng = 2	80.278.000	53.438.000

Giúp Nộp thuế Hủy bỏ

- Lựa chọn loại thuế phải nộp là “Thuế khác”.
- Ngày nộp thuế 31/01/2015
- Lựa chọn phương thức thanh toán: Tiền mặt
- Tích chọn thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp.
- Nhấn <<Nộp thuế>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ nộp thuế TTĐB:

Phiếu chi nộp thuế - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC

Hiện thị trên số: Số tài chính và quản trị

Thông tin chung

Người nhận: _____
Địa chỉ: _____
Lý do chi: Chi nộp thuế
Kèm theo: _____ chứng từ gốc
Tham chiếu: _____

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/01/2015
Ngày chứng từ: 31/01/2015
Số chứng từ: PC00013

1. Hạch toán

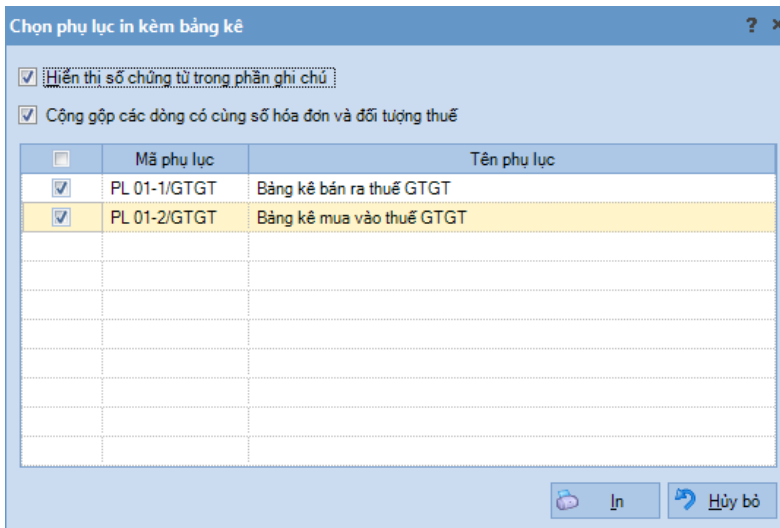
Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đơn vị	Mã thống kê
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3332	1111	53.438.000		
Bấm vào đây để thêm mới					
Số đồng = 1			53.438.000		

- Kiểm tra lại thông tin chứng từ nộp thuế, sau đó nhấn <<Cất>>.

1.42.57 Xem và in các báo cáo liên quan đến hoạt động quản lý thuế

1.42.57.1 Tờ khai thuế GTGT

Sau khi lập xong tờ khai thuế GTGT, NSD chọn chức năng **In** trên thanh công cụ:



Tích chọn các phụ lục kèm theo bảng kê, sau đó nhấn <<**In**>>:

Chương 12: Kế toán thuế

- Tờ khai thuế GTGT

Tờ khai Thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)

In Xuất khẩu Sửa trang Tìm kiếm Nạp Ký điện tử Nộp báo cáo thuế qua MTAX.VN

Xuất khẩu XML Sửa mẫu Máy tính Đóng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Dành cho người nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)

Mẫu số: 01/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2015
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Công ty T trách nhiệm hữu hạn ABC-DEF

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ: Tầng 9 Technosoft, Doy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam - 01

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: 043 762 7891 [10] Fax: 043 762 9746 [11] Email:

Gia hạn Trường hợp được gia hạn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị HDDV (Chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (dánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 2.584.100
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23] 488.310.746	[24] 48.835.267
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25] 48.835.267
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ((27)= [29]-[30]-[32]; [28]= [31]-[33])	[27] 3.395.961.000	[28] 166.006.100
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29] 1.735.900.000	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 9%	[30]	[31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 1.660.061.000	[33] 166.006.100
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ((34)= [26] + [27]; [35]= [28])	[34] 3.395.961.000	[35] 166.006.100
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36]= [35] - [25])		[36] 117.170.833
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37]
2	Điều chỉnh tăng		[38]
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoài tỉnh		[39]
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu [40a]= [36] - [22] + [37] - [38] - [39] ≥ 0)		[40a] 114.586.733
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế		[40b]
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]= [40a]-[40b])		[40] 114.586.733
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu ([41]= [36] - [22] + [37] - [38] - [39] < 0)		[41]
4.1	Tổng số thuế GTGT để nghị hoàn		[42]
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]= [41]-[42])		[43]

Trang 1 của tổng 6 Trang

- Bảng kê mua vào:

Tờ khai Thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỬ CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

Mẫu số: 01.2-GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH niềm hữu hạn ABC-DEF
[03] Mã số thuế: 0 1 0 1 2 4 3 1 5 0

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2015

STT	Hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế Số hóa đơn Ngày, tháng, năm lập hóa đơn	Tên người bán	Mã số thuế người bán	Giá trị HHĐV mua vào chưa có thuế	Thuế GTGT đầu vào tính khấu trừ thuế	Chi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đầu vào tính khấu trừ thuế						
1	0045	10/01/2015	Công ty vận tải Sông Công	0101243150	1.000.000	100.000
2	0000029	16/01/2015	Công ty TNHH Hàng Hải	0101243150	42.000.000	4.200.000
3	1254	21/01/2015	Công ty cổ phần Thiên Tân	0101243150	117.530.266	11.753.027
4	0000068	31/01/2015	Công ty TNHH Minh Anh	0101243150	87.780.480	8.782.240
5	0125410	31/01/2015	Công ty TNHH Minh Anh	0101243150	240.000.000	24.000.000
Tổng				488.310.746	48.833.267	
2. Hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đầu vào tính khấu trừ thuế						
1						
Tổng						
3. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đầu vào tính khấu trừ thuế (*)						
1						
Tổng						

- Bảng kê bán ra:

Tờ khai Thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỬ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

Mẫu số: 01.3-GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH niềm hữu hạn ABC-DEF
[03] Mã số thuế: 0 1 0 1 2 4 3 1 5 0

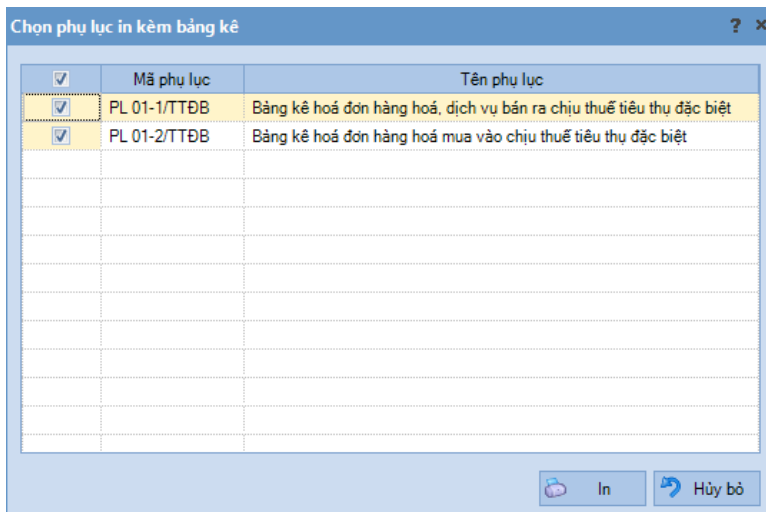
[01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2015

STT	Hóa đơn, chứng từ bán ra Số hóa đơn Ngày, tháng, năm lập hóa đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Chi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT)						
1						
Tổng						
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%						
1	0000061	16/01/2015	Công ty TNHH Bảo An	0101243150	78.400.000	BH000039
2	0000059	21/01/2015	Công ty TNHH Bảo Ngọc	0101243150	828.750.000	BH000021
3	0000060	21/01/2015	Công ty TNHH Bảo Ngọc	0101243150	828.750.000	BH000022
Tổng				1.735.900.000		
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%						
1						
Tổng						
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%						
1	0000061	05/01/2015	Đầu tư Thanh Niên	0101243150	17.000.000	BH000023
2	0057	08/01/2015	Công ty TNHH Phú Thái	0101243150	8.215.000	821.500
3	0000038	15/01/2015	Công ty TNHH Bảo An	0101243150	44.538.000	4.453.800
4	0000001	22/01/2015	Công ty TNHH Tiến Đạt	0101243150	37.194.000	3.719.400
5	0000002	31/01/2015	Công ty TNHH Tiến Đạt	0101243150	22.500.000	2.250.000
6	0000009	31/01/2015	Công ty TNHH Phú Thái	0101243150	21.508.000	2.150.800
7	0000039	31/01/2015	Công ty TNHH Tiến An	0101243150	340.000.000	34.000.000
8	0000041	31/01/2015	Công ty TNHH Tiến An	0101243150	340.000.000	34.000.000
9	0000042	31/01/2015	Công ty TNHH Tiến An	0101243150	340.000.000	34.000.000
10	0000043	31/01/2015	Công ty TNHH Phú Thái	0101243150	550.000.000	55.000.000
Tổng				1.660.061.000	166.061.100	

1.42.57.2 Tờ khai thuế TTĐB

Chương 12: Kế toán thuế

Sau khi lập xong tờ khai thuế TTĐB, NSD chọn chức năng **In** trên thanh công cụ:



Tích chọn các phụ lục kèm theo bảng kê, sau đó nhấn <<**In**>>:

- Tờ khai thuế TTĐB

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Sản lượng tiêu thụ	Doanh số bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Thuế TTĐB phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (6) x (7) - (8)
Không phát sinh trị giá tính thuế TTĐB trong kỳ								
I	Hàng hóa chịu thuế TTĐB			28.570.000	19.703.448			8.866.552
1	Bia (45%)	Lit	1.000,00	28.570.000	19.703.448	45,00		8.866.552
II	Dịch vụ chịu thuế TTĐB							
1								
III	Hàng hóa thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB							
A	Hàng hóa xuất khẩu							
1								
B	Hàng hóa bán để xuất khẩu							
1								
C	Hàng hóa gia công để xuất khẩu							
1								
Tổng cộng				28.570.000	19.703.448			8.866.552

- Bảng kê bán ra:

Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (01/TTĐB)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT
 (Kèm theo Tờ khai Thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)
 [01] Kỳ tính thuế: Tháng 01 năm 2015

Mẫu số: 01/TTĐB
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 136/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH XYZ
 [03] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hóa đơn bán hàng			Tên khách hàng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Doanh số bán có thuế TTĐB (không có thuế GTGT)
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)x(8)
1	AB15T	0000006	26/01/2015	Công ty TNHH Tấn Đạt	Bia hơi	1.000,00	28.570,00	28.570.000
Tổng cộng:					Bia (45%)		1.000,00	28.570.000

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)
 Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

NGƯỜI ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:
 Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 16 tháng 7 năm 2015
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (K): *ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*
 Nguyễn Văn An

Câu hỏi ôn tập

1. Thế nào là thuế GTGT và thuế TTĐB?
2. Nếu doanh nghiệp mua hàng hóa phục vụ cho SXKD thuộc loại chịu thuế GTGT được khấu trừ, giá trị mua hàng trên 20 triệu nhưng trong kỳ chưa thanh toán cho người bán thì hóa đơn GTGT đó có được kê khai lên bảng kê mua vào thuế GTGT không?
3. Nêu quy trình lập hồ sơ kê khai thuế GTGT, thuế TTĐB?
4. Liệt kê một số chứng từ được sử dụng cho việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến thuế GTGT và thuế TTĐB?

Bài tập thực hành

►► Yêu cầu:

- Lập tờ khai thuế GTGT (căn cứ vào bài tập chương 5 trang 177 và chương 6 trang 219)
- Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ đã nhập, thực hiện khấu trừ thuế GTGT (bút toán tự động).
- In Tờ khai thuế GTGT, Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn...

CHƯƠNG 13

KẾ TOÁN TỔNG HỢP VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

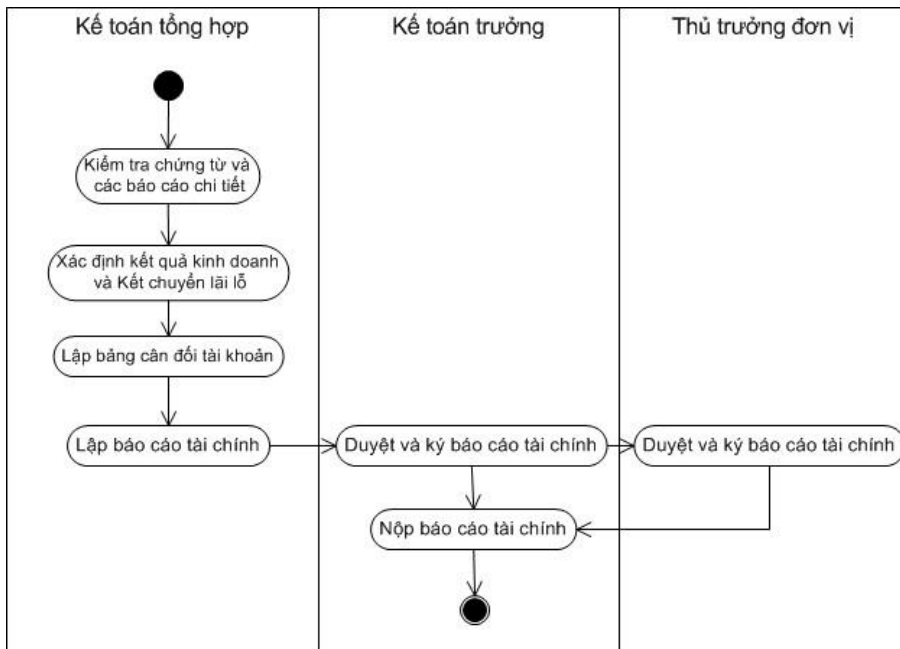
Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Nhiệm vụ của kế toán tổng hợp
- Mô hình hoạt động kế toán tổng hợp
- Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán

Nhiệm vụ kế toán tổng hợp

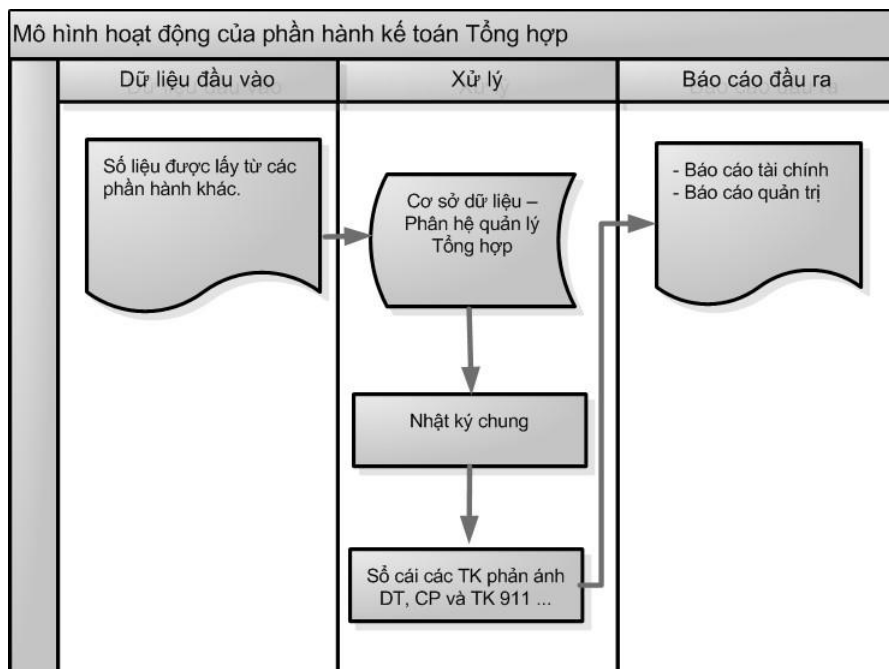
- Quản lý và rà soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Kiểm tra và thực hiện yêu cầu kế toán chi tiết.
- Tổng hợp và làm công tác kế toán cuối kỳ: phân bổ định kỳ, kết chuyển tự động để xác định kết quả kinh doanh, xác định số thuế TNDN phải nộp....
- Thực hiện công tác sổ sách hàng tháng, báo cáo tài chính quý, năm...

Mô hình hóa hoạt động kế toán tổng hợp

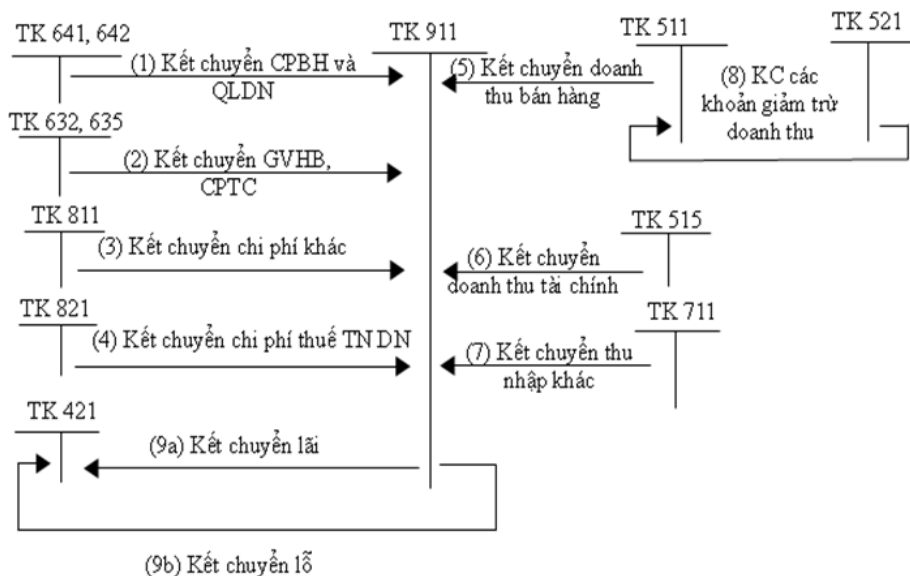


Thực hành trên phần mềm kế toán

1.42.58 Quy trình xử lý trên phần mềm



1.42.59 Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp



1.42.60 Xác định thuế TNDN và kết quả kinh doanh

1.42.60.1 Xác định thuế TNDN phải nộp

- Hàng quý, doanh nghiệp phải tạm tính số thuế TNDN phải nộp cho cơ quan thuế. Để hạch toán số thuế TNDN tạm tính, NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Tổng hợp** chọn chức năng **Chứng từ nghiệp vụ khác** (hoặc trên tab **Chứng từ nghiệp vụ khác**, chọn chức năng **Thêm\Chứng từ nghiệp vụ khác**), sau đó đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

The screenshot displays the 'Chứng từ nghiệp vụ khác' form in the MISA JSC software. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung:** Diễn giải: Tạm tính thuế TNDN; Hạn thanh toán; Tham chiếu.
- Chứng từ:** Ngày hạch toán: 30/09/2020; Ngày chứng từ: 30/09/2020; Số chứng từ: NVK00049.
- 1. Hạch toán:** A table with columns: Diễn giải, TK Nợ, TK Có, Số tiền, Nghiệp vụ, Đối tượng Nợ, Tài. The table contains one row: Tạm tính thuế TNDN, 8211, 3334, 5.000.000.

The bottom of the table shows 'Số dòng = 1' and a total of 5.000.000. The interface also shows a toolbar with various icons and a status bar at the bottom with 'F3 - Tìm nhanh'.

- Hiện thị trên sổ: Chọn chế độ sổ kế toán làm việc.
- Diễn giải: Nhập nội dung chi tiết chứng từ.
- Ngày chứng từ: 30/09/2020
- Chọn loại tiền hạch toán: VND
- Nợ TK 8211/Có TK 3334, số tiền 5.000.000 VND

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa nhập.
 - Khi nộp thuế TNDN theo số tạm tính vào Ngân sách nhà nước: NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Tại phân hệ **Thuế** chọn chức năng **Nộp thuế** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Thuế\Nộp thuế**), sau đó đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

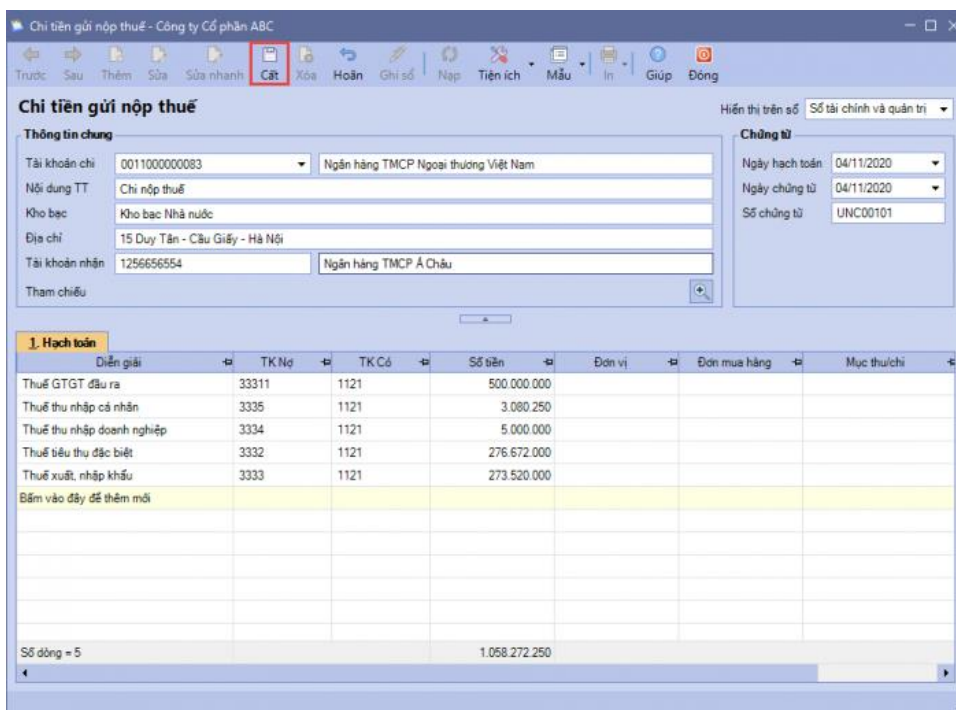
Chon Thuế hàng nhập khẩu nếu đơn vị quản lý nộp thuế hàng nhập khẩu theo từng tờ khai hải quan.

Khoản phải nộp	Số phải nộp	Số nộp lần này
<input checked="" type="checkbox"/> Thuế GTGT đầu ra	1.003.038.240	500.000.000
<input checked="" type="checkbox"/> Thuế thu nhập cá nhân	3.080.250	3.080.250
<input checked="" type="checkbox"/> Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.000.000	5.000.000
<input checked="" type="checkbox"/> Thuế tiêu thu đặc biệt	276.672.000	276.672.000
<input checked="" type="checkbox"/> Thuế xuất, nhập khẩu	273.520.000	273.520.000

Số dòng = 5 1.561.310.490 1.058.272.250

Giúp

- Lựa chọn loại thuế phải nộp là “Thuế khác”.
- Ngày nộp thuế 04/11/2020
- Lựa chọn phương thức thanh toán: Tiền gửi
- Tích chọn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Nhấn <<Nộp thuế>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ nộp thuế TNDN:



- Kiểm tra lại thông tin chứng từ nộp thuế, sau đó nhấn <<Cắt>>.

*NSD có thể thực hiện chức năng nộp thuế TNDN trên phân hệ **Quỹ** hoặc **Ngân hàng**, tùy thuộc vào phương thức nộp.*

- Cuối năm tài chính, doanh nghiệp tiến hành tính thuế TNDN phải nộp dựa vào thu nhập tính thuế theo công thức:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Trường hợp doanh nghiệp nếu có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KH\&CN} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Căn cứ vào số thuế tính được:

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

- Nếu số Thuế TNDN phải nộp > số Thuế TNDN tạm tính, NSD phản ánh bổ sung: Nợ TK 8211/Có TK 3334 và tiến hành nộp bổ sung.
- Nếu số Thuế TNDN phải nộp < số Thuế TNDN tạm tính, NSD ghi giảm chi phí Thuế TNDN hiện hành: Nợ TK 3334/Có TK 8211
- Các nghiệp vụ này NSD thực hiện hạch toán tại **Chứng từ nghiệp vụ khác** ở phân hệ **Tổng hợp**.

1.42.60.2 Xác định kết quả kinh doanh

Thiết lập tài khoản kết chuyển

Thông thường, mỗi phần mềm kế toán thường thiết lập sẵn danh mục tài khoản kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh theo hệ thống tài khoản và theo quy định của chế độ kế toán. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có thể phát sinh những bút toán kết chuyển tự động khác. Vì vậy doanh nghiệp có thể thực hiện khai báo thêm cho phù hợp bằng cách vào menu **Danh mục\Tài khoản\Tài khoản kết chuyển**

Thứ tự kết chuyển	Mã kết chuyển	Kết chuyển từ	Kết chuyển đến	Điền giải
1	4131-515	4131	515	Có
5	4131-635	4131	635	Nợ
10	521-5111	521	5111	Nợ
15	531-5111	531	5111	Nợ
20	532-5111	532	5111	Nợ
25	511-911	511	911	Hai bên
30	512-911	512	911	Hai bên
35	515-911	515	911	Hai bên
40	632-911	632	911	Hai bên
45	635-911	635	911	Hai bên
50	641-911	641	911	Hai bên
55	642-911	642	911	Hai bên
60	711-911	711	911	Hai bên
65	811-911	811	911	Hai bên
70	8211-911	8211	911	Hai bên
75	8212-911	8212	911	Hai bên
80	911-4212	911	4212	Hai bên

Kết chuyển lãi lỗ

Sau khi thiết lập thêm những bút toán kết chuyển tự động, kế toán tiến hành kết chuyển lãi lỗ. Phần mềm kế toán MISA SME.NET sẽ tự động tổng hợp số liệu và xác định kết quả kinh doanh dựa vào thiết lập nói trên.

- NSD chọn chức năng **Kết chuyển lãi, lỗ** tại phân hệ **Tổng hợp**:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mã thống kê
Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111	5211	200.000	
Kết chuyển giảm giá hàng bán	5111	5212	5.000.000	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	911	167.870.000	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	121.857.000	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	131.492.413	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	10.473.000	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6417	1.000.000	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6423	911	625.000	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6426	60.510.000	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6427	4.500.000	
Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	711	911	10.000.000	
Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ	911	811	234.453.225	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	500.000	
Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	911	142.576.638	
Bấm vào đây để thêm mới				
Số dòng = 14			891.057.276	

- Nhập ngày hạch toán, phần mềm tự động hạch toán các bút toán kết chuyển
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ.

1.42.61 Một số chức năng bổ sung khác

1.42.61.1 Tính tỷ giá xuất quỹ

Phần mềm kế toán MISA SME.NET còn cho phép NSD thực hiện tính tỷ giá xuất quỹ cho từng loại ngoại tệ theo phương pháp bình quân cuối kỳ. Khi đó, phần mềm sẽ tự động sinh ra chứng từ xử lý để hạch toán số tiền chênh lệch lãi (lỗ) khi có chênh lệch giữa tỷ giá xuất quỹ và tỷ giá nhập liệu trên chứng từ..

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

VD: Ngày 30/01/2020, kế toán tiến hành tính tỷ giá xuất quỹ cho loại tiền ngoại tệ USD.

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Vào menu **Nghiệp vụ****Tổng hợp****Tính tỷ giá xuất quỹ**, sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

Tính tỷ giá xuất quỹ bình quân

Thao tác tính tỷ giá xuất quỹ được thực hiện một lần vào cuối kỳ. Sau khi tính tỷ giá xuất quỹ, phần mềm sẽ sinh ra chứng từ nghiệp vụ khác để phản ánh số tiền chênh lệch lãi (lỗ) khi có chênh lệch tỷ giá.

Kỳ tính giá xuất quỹ

Tháng: 1 Năm: 2015

Ngoại tệ

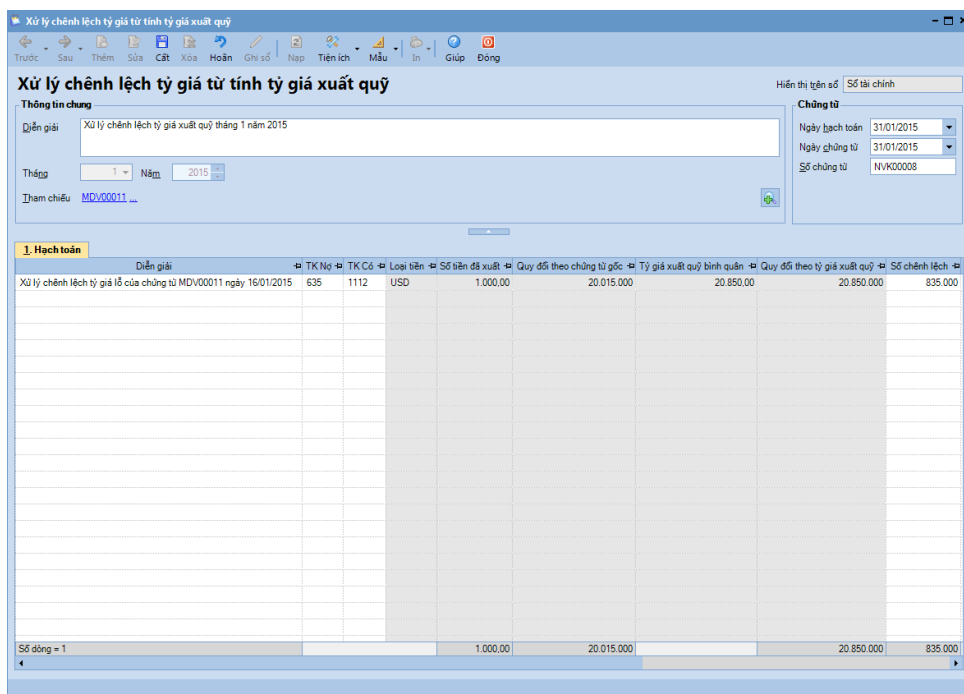
<input type="checkbox"/>	Mã loại tiền	Tên loại tiền
<input checked="" type="checkbox"/>	USD	Đô la Mỹ
<input type="checkbox"/>	UAH	Grip-na Ucraina
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		

Số dòng = 2

Thực hiện Hủy bỏ

- Kỳ đánh giá: Tháng 1/2015
- Tích chọn loại tiền ngoại tệ là USD
- Nhấn <<**Thực hiện**>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ xử lý chênh lệch tỷ giá từ tính tỷ giá xuất quỹ:

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính



- Kiểm tra lại chứng từ tính tỷ giá xuất quỹ, sau đó nhấn <<Cắt>>

1.42.61.2 Đánh giá lại tài khoản ngoại tệ

Phần mềm kế toán MISA SME.NET còn cho phép NSD thực hiện đánh giá lại các tài khoản có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm cuối năm tài chính.

VD: Ngày 30/01/2015, kế toán tiến hành đánh giá lại tài khoản ngoại tệ USD.

NSD thực hiện theo hướng dẫn sau => Vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Đánh giá lại tài khoản ngoại tệ**, sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

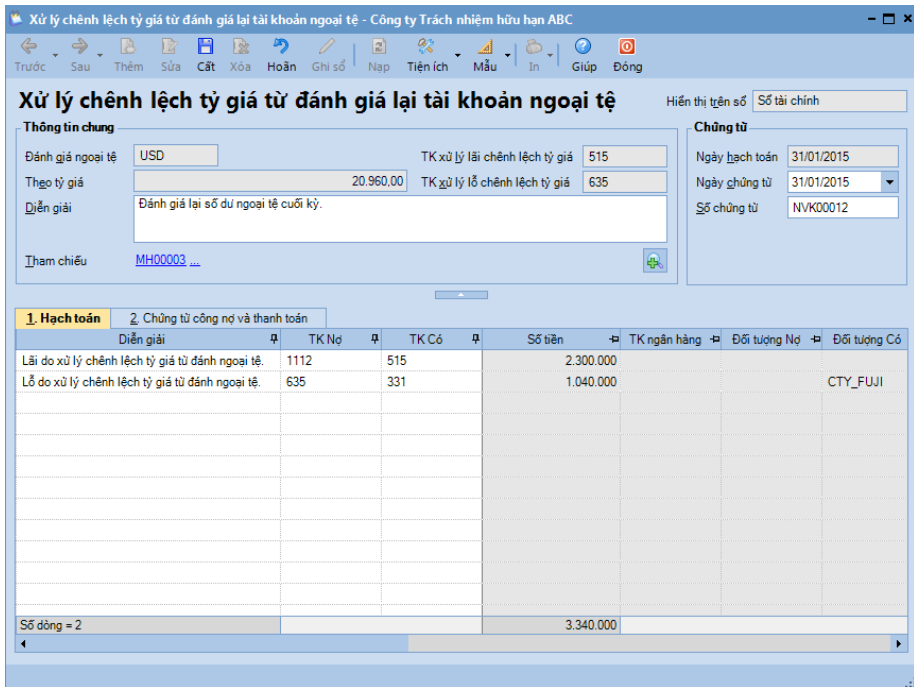
Đánh giá lại tài khoản ngoại tệ

Đánh giá ngoại tệ: USD Đến ngày: 31/01/2015 TK xử lý lãi chênh lệch tỷ giá: 515
 Theo tỷ giá: 20.960,00 TK xử lý lỗ chênh lệch tỷ giá: 635

1. Số dư ngoại tệ 2. Chứng từ công nợ và thanh toán

Tài khoản	TK ngân hàng	Đối tượng	Dư Nợ				Dư Có			
			Số tiền	Quy đổi	Đánh giá lại	Chênh lệch	Số tiền	Quy đổi	Đánh giá lại	Chênh lệch
1112			5.000,00	102.500.000	104.800.000	2.300.000	0,00	0	0	0
331		CTY_FUJI	0,00	0	0	0	4.000,00	82.800.000	83.840.000	1.040.000
Số đồng =...			5.000,00	102.500.000	104.800.000	2.300.000	4.000,00	82.800.000	83.840.000	1.040.000

- Đánh giá ngoại tệ: Chọn loại tiền là USD
- Ngày đánh giá: 31/01/2015
- Tỷ giá: 20.960 VND
- TK xử lý lãi chênh lệch tỷ giá: TK 515 và TK xử lý lỗ chênh lệch tỷ giá: TK 635 (phần mềm tự mặc định)
- Tab **Số dư ngoại tệ**: Phần mềm đã tự động thống kê số dư theo tài khoản tính đến ngày đánh giá.
- Tab **Chứng từ công nợ và thanh toán**: Phần mềm tự động liệt kê các chứng từ công nợ và thanh toán cần đánh giá lại:
- Nhấn <<**Thực hiện**>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tài khoản ngoại tệ:



- Kiểm tra lại chứng từ đánh giá lại, sau đó nhấn <<Cắt>>.

1.42.61.3 Lập chứng từ ghi sổ

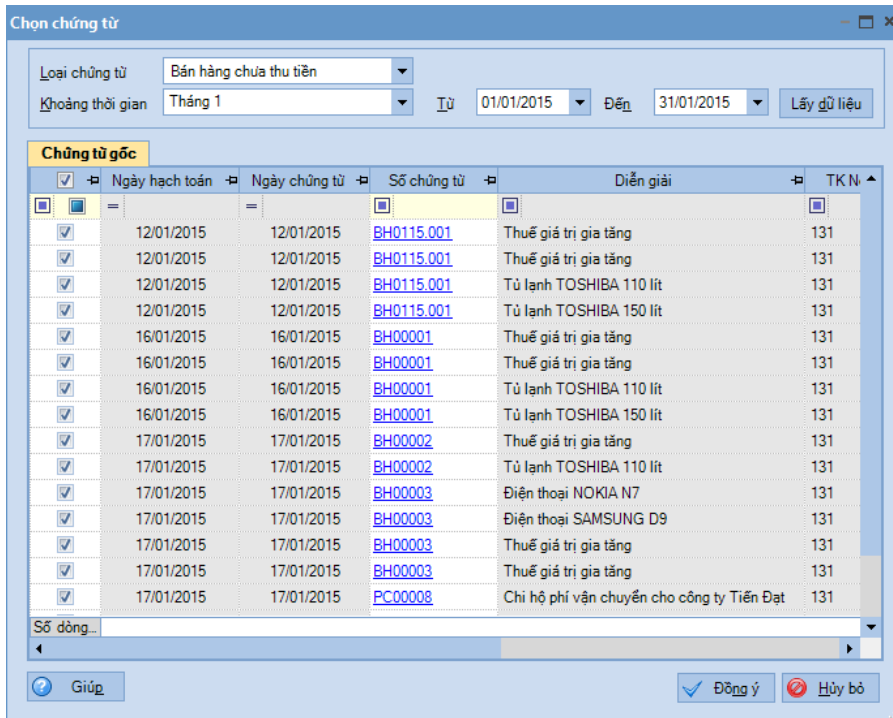
Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép NSD thực hiện lập chứng từ ghi sổ trong trường hợp doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Với mỗi loại chứng từ (VD: Phiếu thu, Phiếu chi,...), NSD phải lập một Chứng từ ghi sổ tương ứng.

VD: Ngày 30/01/2015 lập Chứng từ ghi sổ cho các hóa đơn bán hàng thu tiền mặt trong tháng 1.

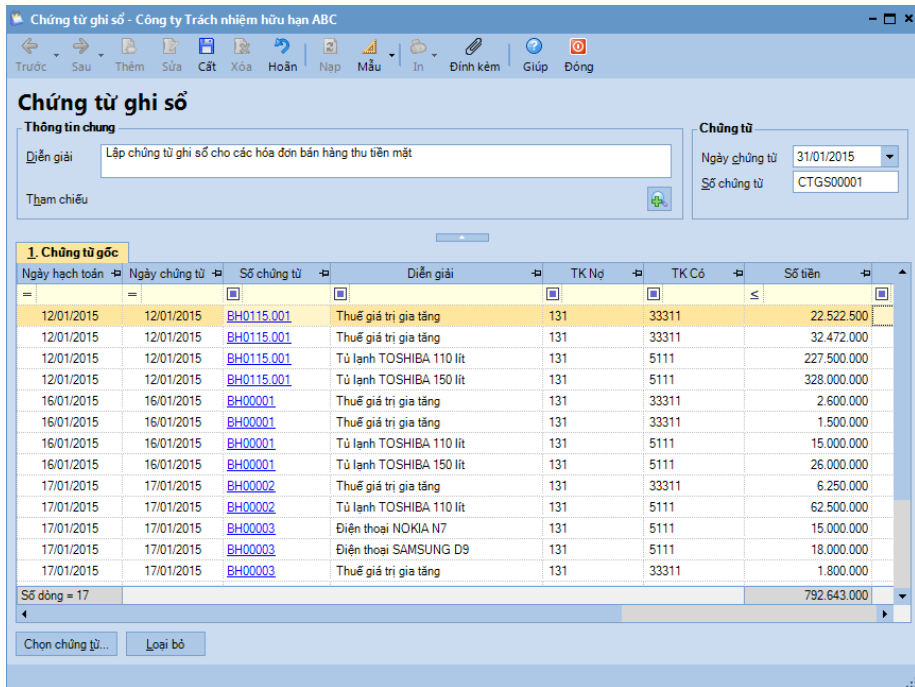
NSD tiến hành nhập liệu như sau => Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Chứng từ ghi sổ** (hoặc trên tab **Chứng từ ghi sổ**, chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:

- Diễn giải: Lập chứng từ ghi sổ cho các hóa đơn bán hàng thu tiền mặt
- Ngày chứng từ: 30/01/2015
- Trên tab **Chứng từ gốc**, nhấn <<Chọn chứng từ:



- Loại chứng từ: Chọn “Bán hàng chưa thu tiền”.
- Khoảng thời gian: Chọn tháng 1/2015
- Nhấn <<Lấy dữ liệu>>, phần mềm sẽ tự động liệt kê các chứng từ bán hàng chưa thu tiền phát sinh trong tháng 1 lên tab **Chứng từ gốc**.
- Tích chọn các chứng bán hàng được lập chung thành một chứng từ ghi sổ, sau đó nhấn <<Đồng ý>>:

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính



- Nhấn <<Cắt>> để lưu chứng từ vừa lập.

1.42.61.4 Chi phí trả trước

Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép NSD quản lý các chi khoản phí trả trước sẽ được phân bổ trong nhiều kỳ (như chi phí thuê văn phòng, chi phí lãi vay trả trước...). Đây là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng chưa được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ phát sinh và cần phải phân bổ để tính vào chi phí của từng kỳ.

►► Khai báo các khoản chi phí trả trước

NSD tiến hành khai báo như sau => Vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Chi phí trả trước\Danh sách chi phí trả trước**:

- Chọn chức năng **Thêm** trên thanh công cụ:

Thêm Chi phí trả trước

Chi phí trả trước Lấy từ hệ thống số quản trị ...

Thông tin chung

Mã CP trả trước: THUE VP Số kỳ phân bổ: 5

Tên CP trả trước: Thuê văn phòng Số tiền PB hàng kỳ: 2.000.000

Ngày ghi nhận: 31/01/2015 TK chờ phân bổ: 242

Số tiền: 10.000.000 Tham chiếu:

Thiết lập phân bổ

STT	Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỷ lệ PB (%)	TK chi phí
1	PKD	Phòng Kinh doanh	50,00	6427
2	BGD	Ban Giám đốc	20,00	6427
3	PKT	Phòng Kế toán	30,00	6427
Bấm vào đây để thêm mới				
			100,00	

Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

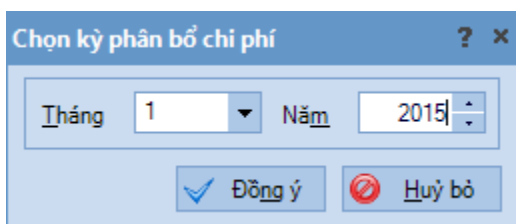
- Nhập các thông tin Mã CP trả trước và Tên CP trả trước
- Ngày ghi nhận: 18/12/2015
- Số tiền: 10.000.000 VND
- Số kỳ phân bổ: 5, phần mềm tự động tính ra số tiền phân bổ hàng kỳ
- TK chờ phân bổ: 242
- Đối tượng phân bổ: Chọn các đối tượng cần phân bổ là công trình/đơn hàng/hợp đồng/đơn vị.
- Tỷ lệ phân bổ: Nhập tỷ lệ phân bổ tương ứng với từng đối tượng phân bổ (Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%)
- TK chi phí: Chọn TK chi phí để làm căn cứ hạch toán chi phí phân bổ trong các kỳ.
- Nhấn <<Cắt>> để lưu chi phí đã khai báo.

» **Phân bổ chi phí trả trước**

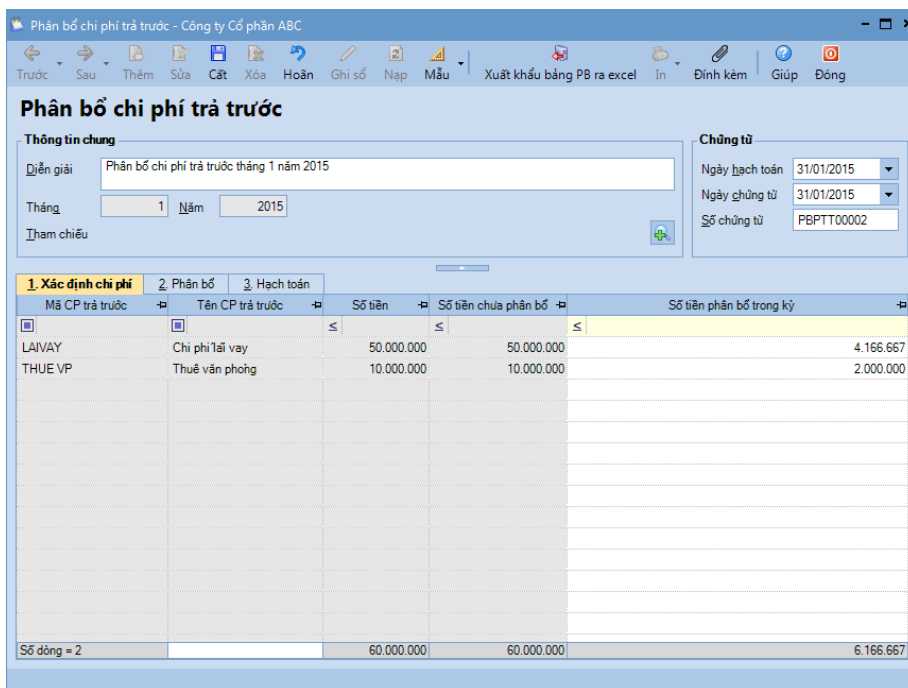
NSD tiến hành khai báo như sau => Vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Chi phí trả trước\Phân bổ chi phí trả trước:**

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

- Chọn chức năng **Thêm** trên thanh công cụ:



- Chọn kỳ phân bổ chi phí là Tháng 1/2015, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm tự động sinh ra chứng từ phân bổ chi phí trả trước:
- Tab **Xác định chi phí** => phần mềm tự động lấy lên các khoản chi phí trả trước và số tiền phân bổ trong kỳ



- Tab **Phân bổ** => phần mềm tự động phân bổ theo tỷ lệ đã được thiết lập ở bước khai báo chi phí trả trước trên:

Phân bổ chi phí trả trước - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi số Nạp Mẫu Xuất khẩu bảng PB ra excel In Dính kèm Giúp Đóng

Phân bổ chi phí trả trước

Thông tin chung

Giải thích:

Tháng: Năm:

Tham chiếu

Chung từ

Ngày hạch toán:

Ngày chứng từ:

Số chứng từ:

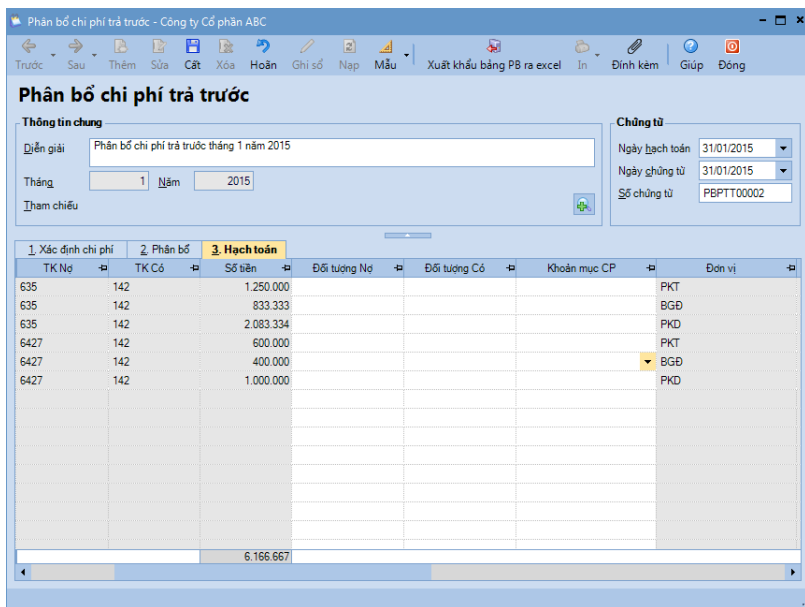
1. Xác định chi phí 2. **Phân bổ** 3. Hạch toán

Mã CP trả trước

Tên CP trả trước	Chi phí phân bổ	Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỷ lệ (%)	Số tiền	TK chi phí
Mã CP trả trước : LAIVAY (3)						
Chi phí lãi vay	4.166.667	PKT	Phòng Kế toán	30,00	1.250.000	635
Chi phí lãi vay	4.166.667	BGD	Ban Giám đốc	20,00	833.333	635
Chi phí lãi vay	4.166.667	PKD	Phòng Kinh doanh	50,00	2.083.334	635
Số đồng = 3				100,00	4.166.667	
Mã CP trả trước : THUÊ VP (3)						
Thuê văn phòng	2.000.000	PKT	Phòng Kế toán	30,00	600.000	6427
Thuê văn phòng	2.000.000	BGD	Ban Giám đốc	20,00	400.000	6427
Thuê văn phòng	2.000.000	PKD	Phòng Kinh doanh	50,00	1.000.000	6427
Số đồng = 3				100,00	2.000.000	
Số đồng = 6				200,00	6.166.667	

- NSD có thể thêm dòng để thêm đối tượng phân bổ, nhập tỷ lệ phân bổ của từng đối tượng phân bổ => phần mềm sẽ tự động tính ra số tiền phân bổ.
 - Nhập TK chi phí của đối tượng phân bổ.
- Tab **Hạch toán** => phần mềm tự động sinh hạch toán theo số tiền đã phân bổ:

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

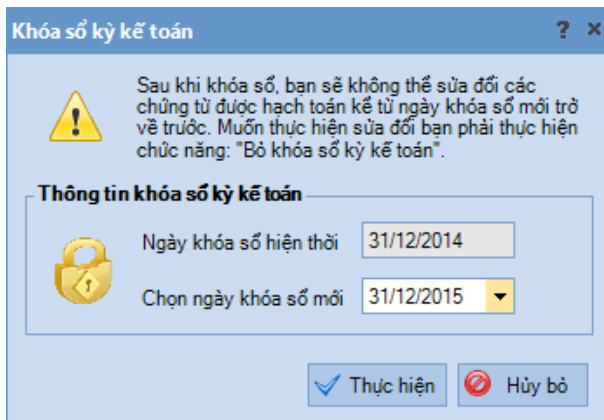


- Nhấn <<Cất>> để lưu chứng từ phân bổ vừa lập.

1.42.61.5 Khóa sổ cuối kỳ

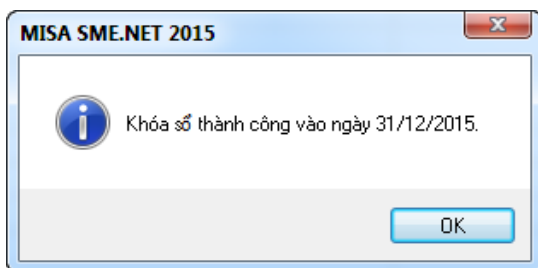
Sau khi thực hiện bút toán kết chuyển lãi lỗ, kế toán kiểm tra lại các báo cáo rồi tiến hành khóa sổ sau khi kết thúc kỳ kế toán. Sau khi khóa sổ, mọi chứng từ kê từ ngày khóa sổ trở về trước sẽ không thể sửa đổi, điều này tạo ra sự an toàn đối với dữ liệu kế toán của doanh nghiệp.

- Để tiến hành khóa sổ, NSD tiến hành như sau => Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Khoá sổ kỳ kế toán** (hoặc vào menu **Nghiệp vụ\Tổng hợp\Khoá sổ kỳ kế toán**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:



- Chọn ngày khoá sổ moi: 31/12/2015
- Nhấn <<**Thực hiện**>> để chương trình tiến hành khóa sổ

Trong trường hợp thực hiện khóa sổ, xuất hiện một sổ chứng từ không ghi được sổ, phần mềm sẽ yêu cầu NSD phải xử lý các chứng từ này trước khi khóa sổ. Khi tất cả các chứng từ đã được ghi sổ, phần mềm sẽ báo khóa sổ thành công.



1.42.62 Xem báo cáo tài chính

1.42.62.1 Báo cáo tài chính

- ▶▶ Nội dung: Cho phép lập báo tài chính theo quý, năm, 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm, bộ báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Đối với TT133 thì lập kèm theo Bảng cân đối tài khoản và Báo cáo tình hình tài chính thay cho Bảng cân đối kế toán). Thuyết minh báo cáo tài chính sẽ được lập riêng.

Việc lập báo cáo tài chính sẽ giúp lưu lại được số liệu đã chốt tại thời điểm cuối kỳ, các thay đổi của chứng từ sẽ không ảnh hưởng đến số liệu báo cáo tài chính đã lập, nếu NSD có nhu cầu lấy dữ liệu mới từ chứng từ thì vào thực hiện sửa báo cáo và nhấn nút Lấy lại dữ liệu.

- ▶▶ Nguyên tắc lập:

- Bảng cân đối kế toán:
 - Phải hoàn tất việc ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, tiến hành khoá sổ kế toán, tính số dư cuối kỳ.
 - Kiểm tra lại số liệu ghi trên cột "Số cuối kỳ" của Bảng cân đối kế toán ngày 31/12 năm trước.

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

- Không được bù trừ số dư giữa hai bên Nợ và Có của các tài khoản thanh toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước.
 - Sổ kế toán chi tiết, tổng hợp trong kỳ của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:
 - Theo phương pháp gián tiếp: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước; Các tài liệu khác.
 - Theo phương pháp trực tiếp: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước; Sổ kế toán thu chi vốn bằng tiền; Sổ kế toán theo dõi các khoản phải thu, phải trả.
 - Phần mềm kế toán MISA SME.NET chỉ trợ giúp NSD lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp.
- ▶▶ Cơ sở số liệu:
- Bảng cân đối kế toán:
 - Căn cứ vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết.
 - Căn cứ vào bảng cân đối kế toán kỳ trước (quý trước, năm trước).
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước.
 - Sổ kế toán chi tiết, tổng hợp trong kỳ của các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.
- ▶▶ Thiết lập công thức báo cáo trên máy:

Phần mềm kế toán đã thiết lập sẵn công thức của từng chỉ tiêu trên báo cáo. Hơn thế nữa, phần mềm MISA SME.NET có thêm phần thiết lập công thức linh động cho phép kế toán có thể sửa đổi một số chỉ tiêu trong trường hợp cần thiết.
- ▶▶ Xem báo cáo:
- Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn chức năng **Lập báo cáo tài chính** (hoặc trên tab

Lập BCTC chọn chức năng Thêm\Báo cáo tài chính):

Tham số báo cáo ? x

Kỳ báo cáo

Kỳ: Quý I Năm: 2015
(Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015)

Chọn phụ lục kê khai

<input checked="" type="checkbox"/>	Mã phụ lục	Tên phụ lục
<input checked="" type="checkbox"/>	B02-DN	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
<input checked="" type="checkbox"/>	B03-DN	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (PP trực tiếp)
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		

- Chọn kỳ báo cáo là Quý I/2015
- Tích chọn các phụ lục in kèm báo cáo tài chính là Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Nhấn <<**Đồng ý**>>, phần mềm sẽ tự động in ra các báo cáo:
 - Bảng cân đối kế toán:

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thiết lập công thức Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy lại dữ liệu Xuất khẩu In Nạp Giúp Đóng

B01-DN B02-DN B03-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.704.546.044	11.988.179.100
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		210.521.306.899	11.903.466.500
1. Tiền	111		210.521.306.899	11.903.466.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.000.000	0
1. Chứng khoán và công cụ tài chính kinh doanh	121		160.000.000	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư ngắn hạn khác	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.947.040.810	82.128.500
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.890.881.810	29.169.500
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		56.159.000	52.959.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		(57.962.665.684)	0
1. Hàng tồn kho	141		(57.962.665.684)	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		(961.135.981)	2.584.100
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(966.947.434)	2.584.100
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5.811.453	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		(35.000.421)	0
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		(35.000.421)	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221		(35.000.421)	0
- Nguyên giá	222		20.000	0
Số dòng = 116				

Người lập biểu (*) ADMIN Giám đốc(*) Vũ Ngọc Đức Ngày lập (*) 16/07/2015

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo tài chính

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thiết lập công thức Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy lại dữ liệu Xuất khẩu In Nạp Giúp Đóng

B01-DN B02-DN B03-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		210.080.326.500	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.193.994	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		210.074.132.506	0
4. Giá vốn hàng bán	11		59.692.650.993	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		150.381.481.513	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		378.572.000	0
7. Chi phí tài chính	22		(85.000.000.000)	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		106.033.028.833	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		71.293.991	0
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		129.655.730.689	0
11. Thu nhập khác	31		52.517.000	0
12. Chi phí khác	32		(795.849.403)	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		848.366.403	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		130.504.097.092	0
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		130.504.097.092	0
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0
Số dòng = 20				

Người lập biểu (*) ADMIN Giám đốc(*) Vũ Ngọc Đức Ngày lập (*) 16/07/2015

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính

Sửa Cắt Xóa Hoàn Thiệt lập công thức Thêm phụ lục Xóa phụ lục Lấy lại dữ liệu Xuất khẩu In Nạp Giúp Đóng

B01-DN B02-DN **B03-DN**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		301.921.000.000	0
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(508.418.221)	0
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		0	0
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.952.372.100	11.322.966.500
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(106.747.113.480)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		198.617.840.399	11.322.966.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của d.	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		198.617.840.399	11.322.966.500
Tiền và tương đương đầu kỳ	60		11.903.466.500	580.500.000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	210.521.306.899	11.903.466.500

Bấm vào đây để thêm mới

Chọn lại hoạt động LCTT cho các chứng từ ...

Người lập biểu (*) ADMIN Giám đốc(*) Vũ Ngọc Đức Ngày lập (*) 16/07/2015

- Nhấn <<Cắt>> để lưu báo cáo tài chính vừa lập.

1.42.62.2 Thuyết minh báo cáo tài chính

- ▶▶ Nội dung: Thuyết minh báo cáo tài chính là một báo cáo mô tả mang tính tường thuật hoặc phân tích chi tiết các thông tin số liệu đã được trình bày trong Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng như các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu kế toán cụ thể, Thuyết minh báo cáo tài chính cũng có thể trình bày những thông tin khác nếu doanh nghiệp xét thấy cần thiết trong việc trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính.
- ▶▶ Thuyết minh báo cáo tài chính gồm các phần sau:

- Phần I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.
- Phần II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.
- Phần III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng.
- Phần IV. Các chính sách kế toán áp dụng.
- Phần V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.
- Phần VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Phần VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Phần VIII. Những thông tin khác.
 - ▶▶ Cơ sở số liệu:
 - Các sổ kế toán kỳ báo cáo.
 - Bảng cân đối kế toán kỳ báo cáo.
 - Báo cáo kết quả kinh doanh kỳ báo cáo.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ trước, năm trước.
 - Sổ, thẻ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.
 - ▶▶ Xem báo cáo:
 - Tại phân hệ **Tổng hợp**, chọn tab **Lập BCTC**, sau đó chọn chức năng **Thêm\Thuyết minh báo cáo tài chính**:

Tham số báo cáo

Kỳ báo cáo

Kỳ Năm

(Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015)

- Chọn kỳ báo cáo là Quý I/2015

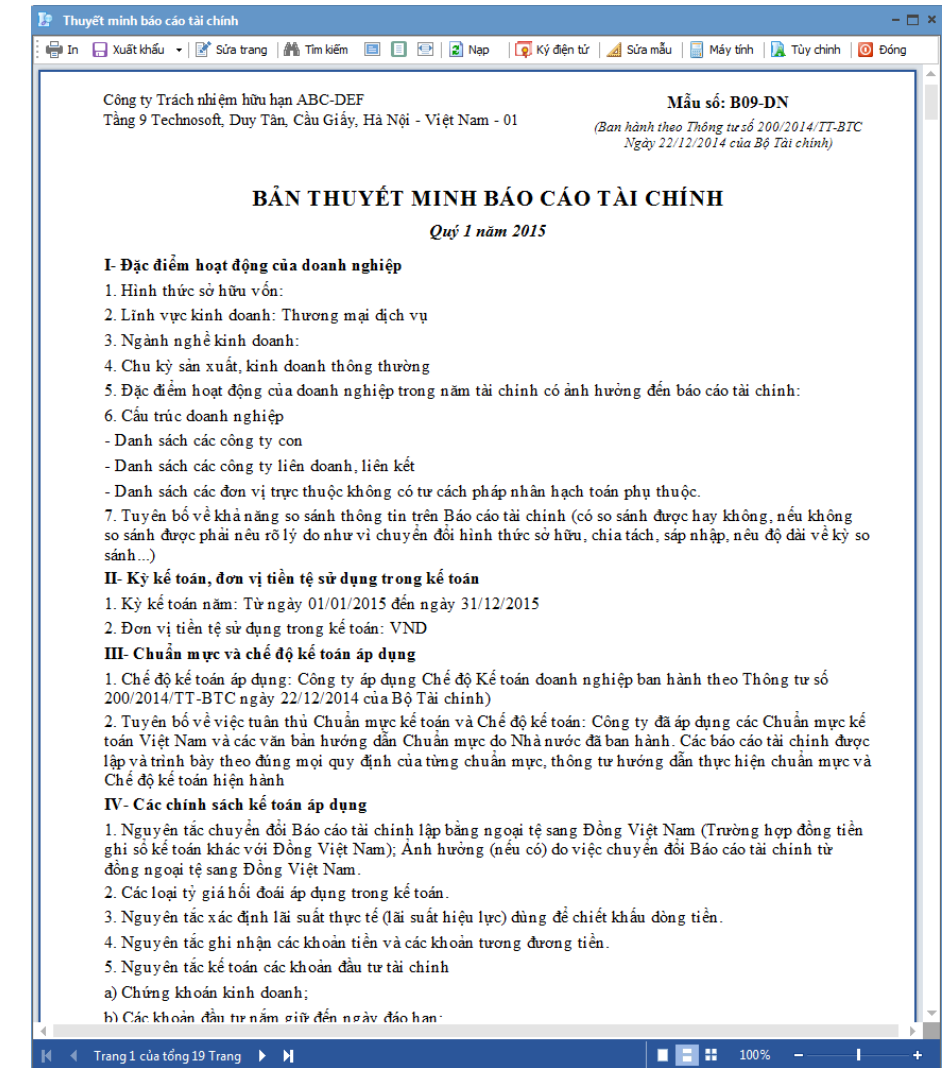
Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

- Nhấn <<Đồng ý>>, phần mềm sẽ tự động in ra thuyết minh báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2015

Tên chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu quý	Nội dung
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày			
01 - Tiền			
- Tiền mặt	208.969.067.460	11.042.075.300	
- Tiền gửi ngân hàng	1.552.239.439	861.391.200	
- Tiền đang chuyển	0	0	
03. Phải thu của khách hàng			
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.890.881.810	29.169.500	
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10...	0	0	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	0	0	
b) Phải thu của khách hàng dài hạn (tương tự ngắn hạn)	0	0	
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết t...	0	0	
13. Chi phí trả trước			
a) Ngân hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	0	0	
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	0	0	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	0	0	
- Chi phí đi vay	0	0	
- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có giá trị lớn)	0	0	
b) Dài hạn	0	0	
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	0	0	
- Chi phí mua bảo hiểm	0	0	
- Các khoản khác (nếu chi tiết nếu có giá trị lớn)	0	0	
14. Tài sản khác			
a) Ngân hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	0	0	
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	0	0	
18. Chi phí phải trả			
a) Ngân hạn	0	0	
Số đóng = 245			

- Nhấn <<In>> để xem báo cáo:



Câu hỏi ôn tập

1. Nhiệm vụ kế toán tổng hợp là gì?

2. Trình bày lại các bút toán cuối kỳ và xác định kết quả kinh doanh
3. Báo cáo tài chính năm bao gồm những báo cáo nào?

Bài tập thực hành – Bài tập tổng hợp

1.42.63 Thông tin chung

Công ty TNHH ABC sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET có các thông tin sau:

Ngày bắt đầu hạch toán	01/01/2020
Tháng đầu tiên của năm tài chính	Tháng 01
Đồng tiền hạch toán	VNĐ
Chế độ hạch toán	Áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Lĩnh vực hoạt động	Thương mại
Chế độ ghi sổ	Tức thời
Phương pháp tính giá xuất kho	Bình quân cuối kỳ

1.42.64 Khai báo danh mục

1.42.64.1 Danh mục Tài khoản ngân hàng

STT	Số tài khoản	Tên ngân hàng
1	0540111197032	Ngân hàng BIDV
2	711A16175235	Ngân hàng Công thương Việt Nam

1.42.64.2 Danh mục Phòng ban

STT	Mã phòng/ban	Tên phòng/ban
2	PGĐ	Phòng Giám đốc
3	PKT	Phòng Kế toán
4	PHC	Phòng Hành chính
5	PHD	Phòng kinh doanh

1.42.64.3 Danh mục Khách hàng

STT	Mã KH	Tên đơn vị	Địa chỉ
------------	--------------	-------------------	----------------

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

1	CT_TIENDAT	Công ty TNHH Tiên Đạt	1756 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
2	CT_TANHOA	Công ty TNHH Tân Hòa	2689 Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội
3	CT_TRAANH	Công ty TNHH Trà Anh	7533 Cầu Giấy, Hà Nội
4	CT_PHUTHE	Công ty TNHH Phú Thế	5211 Cầu Đuống, Hà Nội
5	CT_HOAAANH	Công ty Cổ phần Hòa Anh	1798 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
6	CT_HUEHOA	Công ty Cổ phần Huệ Hoa	1399 Lê Lai, Hà Nội
7	CT_HOANAM	Công ty Cổ phần Hoa Nam	831 Kim Ngưu, Hà Nội
8	CT_THAILAN	Công ty Cổ phần Thái Lan	599 Thanh Nhàn, Hà Nội

1.42.64.4 Danh mục Nhà cung cấp

STT	Mã NCC	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ
1	CT_LANTAN	Công ty TNHH Lan Tân	1633 Lê Lai, Ba Đình, Hà Nội
2	CT_HALIEN	Công ty TNHH Hà Liên	513 Gò Vấp, Hà Nội
3	CT_HONGHA	Công ty TNHH Hồng Hà	9241 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội
4	CT_HATHANH	Công ty Cổ phần Hà Thành	7212 Trần Cung, Từ Liêm, Hà Nội.
5	CT_TANVAN	Công ty Cổ phần Tân Văn	9556 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
6	CT_PHUTHAI	Công ty Cổ phần Phú Thái	8935 Hoàng Mai, Hà Nội
7	CT_NUOC	Công ty nước sạch Hà Nội	1256 Phạm Hùng, Hà Nội
8	CT_DIENLUC	Công ty điện lực Hà Nội	3689 Xuân Thủy, Hà Nội

1.42.64.5 Danh mục Vật tư, hàng hóa

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Nhóm	Thuế	Kho	TK
-----	-----------	------------	------	------	-----	----

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

			vật tư	suất (%)	ngâm định	ngâm định
1	TV_LG19	Tivi LG 19 inches	HH	10	156	1561
2	TV_LG21	Tivi LG 21 inches	HH	10	156	1561
3	TV_LG29	Tivi LG 29 inches	HH	10	156	1561
4	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít	HH	10	156	1561
5	TL_TOSHIBA60	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít	HH	10	156	1561
6	DD_NKN6	Điện thoại NOKIA N6	HH	10	156	1561
7	DD_NKN7	Điện thoại NOKIA N7	HH	10	156	1561
8	DD_SSE8	Điện thoại SAMSUNG E8	HH	10	156	1561
9	DD_SSD9	Điện thoại SAMSUNG D9	HH	10	156	1561
10	DH_SHIMAZU12	Điều hòa SHIMAZU 12kBTU	HH	10	156	1561
11	DH_SHIMAZU24	Điều hòa SHIMAZU 24kBTU	HH	10	156	1561

1.42.64.6 Danh mục Tài sản cố định

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Phòng ban	Ngày tính khấu hao	Thời gian sử dụng (năm)	Nguyên giá	HMLK
NHA1	Nhà A1	GĐ	01/01/2012	15	900.000.000	300.000.000
OTO	Xe TOYOTA	GĐ	01/01/2013	10	600.000.000	240.000.000
MVT1	Máy vi tính 1	KT	01/01/2015	4	32.000.000	16.000.000
MVT2	Máy vi tính 2	KD	01/01/2016	4	30.000.000	7.500.000
Tổng cộng					1.562.000.000	563.500.000

1.42.64.7 Danh sách nhân viên

STT	Mã nhân viên	Họ và tên	Phòng ban	Hệ số lương	Giảm trừ gia cảnh
1	PMQUANG	Phạm Minh Quang	Giám đốc	9	12.600.00
2	TNPHUONG	Tạ Nguyệt Phương	Giám đốc	8	12.600.00
3	NVNAM	Nguyễn Văn Nam	Hành chính	4	9.000.000
4	LMDUYEN	Lê Mỹ Duyên	Hành chính	4.2	9.000.000
5	TDCHI	Trần Đức Chi	Kinh doanh	4.6	12.600.00
6	NVBINH	Nguyễn Văn Bình	Kinh doanh	4.5	9.000.000
7	PVMINH	Phạm Văn Minh	Kế toán	6	9.000.000
8	NTLAN	Nguyễn Thị Lan	Kế toán	5	9.000.000

1.42.65 Khai báo số dư đầu năm

Số hiệu TK		Tên TK	Đầu kỳ	
Cấp 1	Cấp 2		Nợ	Có
111		Tiền mặt	36.250.500	
	1111	Tiền Việt Nam	36.250.500	
112		Tiền gửi NH	250.657.052	
	1121	Tiền Việt Nam	250.657.052	
	Chi tiết	Tại Ngân hàng BIDV	100.220.000	
		Tại Ngân hàng Công thương	150.437.052	
131		Phải thu của khách hàng	145.996.250	
	Chi tiết	Công ty TNHH Tân Hòa	60.510.000	
		Công ty Cổ phần Huệ Hoa	85.486.250	
156		Hàng hóa	102.600.000	
	Chi tiết	Điện thoại SAMSUNG E8; số lượng: 20	78.200.000	
		Tivi LG 19 inches; số lượng:	24.400.000	

Chương 13: Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính

211		Tài sản cố định hữu hình	1.562.000.000	
	2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	900.000.000	
	2112	Máy móc, thiết bị	62.000.000	
	2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	600.000.000	
214		Hao mòn TSCĐ		563.500.00
	2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		563.500.00 ₀
242		Chi phí trả trước	6.000.000	
311		Vay ngắn hạn		320.000.00
331		Phải trả cho người bán		181.100.00
	Chi tiết	Công ty TNHH Hồng Hà		100.200.00 ₀
		Công ty TNHH Hà Liên		80.900.000
333		Thuế và các khoản phải nộp		12.834.091
	33311	Thuế GTGT đầu ra phải nộp		12.834.091
411		Nguồn vốn kinh doanh		1.026.069.7
	4111	Vốn đầu tư của CSH		1.026.069.7 ₁₁

1.42.66 Thông tin hóa đơn sử dụng

Quyết định áp dụng hóa đơn tự in:

1. Ngày lập QĐ: 02/01/2020
2. Ngày áp dụng tự in: 02/01/2020
3. Ngày QĐ có hiệu lực: 02/01/2020

Khởi tạo hóa đơn

1. Tên mẫu hóa đơn: Hóa đơn giá trị gia tăng (3 liên)
2. Loại hóa đơn: Hóa đơn giá trị gia tăng
3. Mẫu số: 01GTKT3/001
4. Ký hiệu hóa đơn: AB/17T
5. Dựa trên mẫu: Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu tự in - 3 liên)

Thông báo phát hành hóa đơn

1. Ngày lập thông báo phát hành: 02/01/2020

2. Từ số: 0000001 đến 0001000.

Ngày bắt đầu sử dụng: 07/01/2020

1.42.67 Số liệu phát sinh

Trong Quý I/2020 có những nghiệp vụ phát sinh như sau:

1. Ngày 02/01/2020, hạch toán thuế môn bài vào chi phí quản lý doanh nghiệp, số tiền: 1.000.000 VND

2. Ngày 03/01/2020, mua hàng của Công ty TNHH Hồng Hà. (VAT: 10%; chưa thanh toán tiền)

➤ Tivi LG 21 inches SL: 10, ĐGCT: 2.700.000 (VND/chiếc)

➤ Tivi LG 29 inches SL: 08, ĐGCT: 8.990.000 (VND/chiếc)

Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000745, ký hiệu AB/17P, ngày hóa đơn 02/01/2020.

3. Ngày 08/01/2020, trả lại hàng cho Công ty TNHH Hồng Hà theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000001, ký hiệu AB/17T

➤ Tivi LG 21 inches SL: 02

4. Ngày 09/01/2020, bán hàng cho Công ty TNHH Tiến Đạt, VAT: 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000002, ký hiệu AB/17T, chưa thanh toán.

➤ Tivi LG 21inches SL: 05, ĐGCT: 4.500.000 (VND/chiếc)

➤ Tivi LG 29 inches SL: 06, ĐGCT: 10.990.000 (VND/chiếc)

5. Ngày 10/01/2020, bán hàng cho công ty TNHH Trà Anh (VAT:10%) Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000003, ký hiệu AB/17T. Đã thu bằng chuyển khoản ngân hàng BIDV.

➤ Điện thoại Nokia N6 SL: 10, ĐGCT: 6.200.000 (VND/chiếc)

➤ Điện thoại Samsung E8 SL: 08, ĐGCT: 5.910.000 (VND/chiếc)

6. Ngày 10/01/2020, mua hàng của Công ty Cổ phần Tân Văn (Tỷ lệ CK với mỗi mặt hàng: 2%; VAT: 10%, chưa thanh toán tiền)
- Điện thoại NOKIA N6 SL: 20, ĐGCT: 4.100.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại SAMSUNG E8 SL: 15, ĐGCT: 3.910.000 (VND/chiếc)
- Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0052346, ký hiệu AC/17P ngày 03/01/2020.
7. Ngày 12/01/2020 mua mới một máy tính Intel của Công ty Lan Tân cho phòng kế toán (chưa thanh toán tiền) theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000612, ký hiệu: AB/17P. Số tiền chưa thuế: 10.000.000 VND. VAT: 10%. Thời gian sử dụng 3 năm. Ngày bắt đầu sử dụng: 24/01/2020.
8. Ngày 15/01/2020, mua hàng của Công ty TNHH Lan Tân. (VAT: 10%; chưa thanh toán tiền).
- Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU SL: 08 ĐGCT: 9.900.000 (VND/chiếc)
 - Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU SL: 04 ĐGCT: 14.000.000 (VND/chiếc)
- Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000857, ký hiệu AB/17P, ngày 13/01/2020.
- Tổng phí vận chuyển: 990.000 VND (Đã bao gồm 10% thuế GTGT) phân bổ phí vận chuyển theo số lượng .
9. Ngày 15/01/2020, chi tiền tạm ứng công tác phí cho nhân viên Nguyễn Thị Lan, số tiền: 1.500.000 VND.
10. Ngày 16/01/2020, công ty cổ phần Tân Văn bàn giao xe TOYOTA INNOVA do sửa chữa hoàn thành, nguyên giá mới là: 620.000.000 VND (tăng 20.000.000 VND so với nguyên giá cũ), thời gian sử dụng mới 11 năm (tăng 1 năm so với thời gian cũ). Thanh toán tiền cho công ty cổ phần Tân Văn bằng tiền mặt

11. Ngày 20/01/2020 xuất hàng cho nhân viên kinh doanh sử dụng tính vào chi phí bán hàng.
 - Điện thoại Samsung E8 SL: 01
 - Điện thoại Nokia N6 SL: 02
12. Ngày 22/01/2020, chuyển tiền nộp thuế GTGT tháng 12/2016, số tiền: 12.834.091, thuế môn bài năm 2016, số tiền: 1.000.000 VND, theo giấy báo Nợ của Ngân hàng Công thương
13. Ngày 22/01/2020, mua mới một máy phát điện của công ty Hồng Hà đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng Công thương theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000765, ký hiệu AB/17P, ngày hóa đơn 02/01/2020. Số tiền chưa thuế: 50.000.000 VND. VAT: 10%. Thời gian sử dụng 5 năm, sử dụng cho phòng kinh doanh. Ngày bắt đầu sử dụng: 26/01/2020
14. Ngày 24/01/2020, Nhập khẩu 02 máy vi tính Intel của Công ty Phú Thái, Đơn giá chưa thuế: 10.000.000 VND (VND/chiếc). VAT 10% Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0001324, ký hiệu BC/17P. Thuế nhập khẩu: 30%; Thuế GTGT: 10%. Tờ khai hải quan số 2567, chưa thanh toán tiền
15. Ngày 24/01/2020, Phạm Văn Minh thanh toán tiền điện tháng 01/2020 tổng tiền thanh toán (đã có thuế VAT 10%): 1.650.000 VND. (Tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp). Hóa đơn tiền điện mẫu số 01GTKT3/001, số 0051245, ký hiệu AA/17P, ngày 24/01/2020.
16. Ngày 26/01/2020 xuất kho hàng gửi bán công ty Hoa Nam:
 - Tivi LG 19 inches SL: 05
 - Điện thoại Samsung E8 SL: 08
17. Ngày 28/01/2020 Góp vốn liên doanh vào công ty Hà Thanh bằng tiền gửi ngân hàng BIDV số tiền 100.000.000 VND
18. Ngày 29/01/2020 Công ty Hồng Hà góp vốn kinh doanh bằng hàng hóa:
 - Quạt điện cơ 91 SL: 15, ĐGCT: 300.000 (VND/chiếc)

- Điện thoại Nokia N7 SL: 10, ĐGCT: 6.000.000 (VND/chiếc)
- 19. Ngày 30/01/2020, Phạm Văn Minh thanh toán tiền phí vận chuyển mua hàng của Công ty TNHH Lan Tân ngày 15/01, số tiền: 990.000 VND.
- 20. Ngày 31/01/2020 tính lương, các khoản trích theo lương và trả lương tháng 01 cho công nhân viên trong công ty bằng chuyển khoản ngân hàng Công thương
- 21. Ngày 05/02/2020, mua hàng của Công ty Cổ phần Phú Thái, VAT 10% Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, 0001364, ký hiệu BC/17P bằng tiền gửi ngân hàng Công thương
 - Tivi LG 19 inches SL: 10, ĐGCT: 2.400.000 (VND/chiếc)
 - Tivi LG 21 inches SL: 02, ĐGCT: 2.800.000 (VND/chiếc)
- 22. Ngày 07/02/2020 Công ty Thái Lan đặt trước tiền hàng 150.000.000 VND bằng tiền mặt.
- 23. Ngày 12/02/2020 xuất Quạt điện cơ 91 sử dụng cho phòng kế toán, số lượng: 02, tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
- 24. Ngày 16/02/2020, chuyển tiền gửi ngân hàng mua văn phòng phẩm của Công ty Hồng Hà, Số tiền chưa thuế: 2.000.000 VND, VAT 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0033001, ký hiệu AB/17T. Tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Đã nhận được giấy báo Nợ của Ngân hàng Công thương.
- 25. Ngày 17/02/2020, bán hàng cho công ty TNHH Tân Hòa, chưa thu tiền. VAT 10% Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000004, ký hiệu AB/17T.
 - Điện thoại Nokia N7 SL: 05, ĐGCT: 6.700.000 (VND/chiếc)
 - ĐH SHIMAZU 24000 BTU SL: 04, ĐGCT: 16.800.000 (VND/chiếc)
- 26. Ngày 20/02/2020 Công ty Tiến Đạt thanh toán tiền hàng ngày 09/01/2020 bằng chuyển khoản ngân hàng Công thương.

27. Ngày 25/02/2020, bán hàng cho Công ty cổ phần Thái Lan chưa thu tiền, VAT 10% Theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000005, ký hiệu AB/17T
- Điện thoại Samsung E8 SL: 06, ĐGCT: 6.000.000 (VND/chiếc)
 - Điện thoại Nokia N6 SL: 05, ĐGCT: 6.200.000 (VND/chiếc)
28. Ngày 25/02/2020, nhượng bán máy vi tính 1 cho công ty cổ phần Thái Lan thu bằng tiền mặt: 5.000.000 VND, VAT: 10% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0000006, ký hiệu AB/17T
29. Ngày 28/02/2020, công ty cổ phần Tân Hòa trả tiền, số tiền 39.204.000 (đã trừ chiết khấu thanh toán 1% tức 396.000) theo Giấy báo Có của ngân hàng Công thương
30. Ngày 28/02/2020 tính lương, các khoản trích theo lương và trả lương tháng 02 cho công nhân viên trong công ty bằng chuyển khoản ngân hàng Công thương
31. Ngày 06/03/2020, thanh toán tiền nợ cho công ty Lan Tân bằng chuyển khoản ngân hàng BIDV. Đã nhận được giấy báo Nợ của Ngân hàng.
32. Ngày 06/03/2020, rút tiền gửi tại ngân hàng Công thương nhập quỹ tiền mặt: 40.000.000 VND.
33. Ngày 09/3/2020 chi tiếp khách tại nhà hàng Ana, Số tiền chưa thuế: 2.000.000 VND, VAT: 5% theo hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, số 0022301, ký hiệu AB/17T (Tính vào chi phí bán hàng)
34. Ngày 28/03/2020, xác định thuế TNDN tạm nộp quý I/2014, số tiền: 3.000.000 VND.
35. Ngày 31/03/2020 tính lương, các khoản trích theo lương và trả lương tháng 03 cho công nhân viên trong công ty bằng chuyển khoản ngân hàng Công thương.
36. Giả sử số công trong các tháng của tất cả cán bộ nhân viên là 26, lương tối thiểu là 830.000 VND, trong ba tháng không có ai nghỉ làm.

37. Ngày 31/03/2020, phân bổ chi phí trả trước tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp, số tiền: 1.500.000 VND.
38. Ngày 31/03/2020, ghi nhận doanh thu cho công ty Tiên Đạt thuê văn phòng, đã thu bằng tiền mặt Số tiền chưa thuế: 120.000.000 VND, VAT 10% theo hóa đơn số 01GTKT3/001, số 0000007, ký hiệu AB/17T.

1.42.68 Yêu cầu

1. Tạo cơ sở dữ liệu cho Công ty TNHH ABC theo những thông tin đã có.
2. Khai báo danh mục khách hàng, nhà cung cấp, vật tư hàng hóa, danh sách cán bộ nhân viên.
3. Nhập số dư ban đầu.
4. Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trên các phân hệ.
5. Các bút toán cuối kỳ (kế toán tổng hợp).
 - Cập nhật giá xuất kho.
 - Khấu trừ thuế GTGT từng tháng.
 - Tính khấu hao TSCĐ từng tháng.
 - Bù trừ công nợ cho từng đối tượng trong quý I/2020.
 - Kết chuyển lãi lỗ quý I/2020.
6. In các báo cáo liên quan đến các phân hành trong quý I.
7. In các báo cáo tài chính.
 - Bảng cân đối tài khoản.
 - Bảng cân đối kế toán.
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp trực tiếp).

CHƯƠNG 14
MỘT SỐ CHỨC NĂNG HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA
DOANH NGHIỆP

Sau khi hoàn thành chương này, bạn có thể nắm được:

- Hợp đồng là gì? Quản lý hợp đồng như thế nào?
- Vai trò của phân tích tài chính.
- Dự toán chi ngân sách, cấp phát ngân sách.
- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán.

Quản lý hợp đồng

1.42.69 Hợp đồng là gì?

Hợp đồng là một cam kết thỏa thuận giữa hai hay nhiều bên (thể nhân hay pháp nhân) để làm hoặc không làm một việc nào đó trong khuôn khổ pháp luật.

Nội dung cơ bản nhất cấu thành hợp đồng là chào mời của một bên và chấp thuận của bên kia. Thông thường, một hợp đồng được soạn thảo bằng văn bản.

1.42.70 Các loại hợp đồng

Theo Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật thương mại 2005 thì các giao dịch được xếp vào một trong hai loại hợp đồng: Hợp đồng dân sự xã hội và Hợp đồng kinh tế (về bản chất là Hợp đồng thương mại).

1.42.70.1 Hợp đồng dân sự

Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên trong mua bán, thuê, vay, mượn, tặng, cho tài sản; làm hoặc không làm một việc, dịch vụ hoặc các thỏa thuận khác nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng.

1.42.70.2 Hợp đồng kinh tế

Hợp đồng kinh tế là sự thỏa thuận bằng văn bản, tài liệu giao dịch giữa các bên ký kết về việc thực hiện công việc sản xuất, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và các thỏa thuận khác có mục đích kinh doanh với sự quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ mỗi bên để xây dựng và thực hiện kế hoạch của mình.

Cấu trúc Hợp đồng kinh tế

Một HĐKT được cấu trúc bởi các thành phần sau:

- Tên và thông tin địa chỉ các bên
- Thông điệp nêu rõ sự đồng ý trên thỏa thuận

- Nội dung và phạm vi công việc thực hiện/hàng hóa được mua bán
- Giá cả, số lượng và quy cách hàng hóa (nếu là hợp đồng mua bán hàng hóa)
- Thời điểm và phương thức giao hàng (nếu là hợp đồng mua bán hàng hóa)
- Phương thức giải quyết tranh chấp, luật áp dụng và tòa thụ lý nếu có tranh tụng
- Bảo mật thông tin
- Các điều khoản chung và thời hiệu hợp đồng

Phân loại Hợp đồng kinh tế

▶ Theo thời hạn hợp đồng, có thể chia HĐKT thành các loại sau:

- HĐKT ngắn hạn: là HĐKT có thời gian hiệu lực trong vòng 1 năm.
- HĐKT dài hạn: là những hợp đồng có thời hạn thực hiện từ 1 năm trở lên.

▶ Theo tính kế hoạch của HĐKT, có thể chia HĐKT thành 2 loại:

- HĐKT theo chỉ tiêu pháp lệnh: Đây là hợp đồng được ký kết dựa vào chỉ tiêu pháp lệnh nhà nước giao. Loại hợp đồng này ít nhiều mang tính chất mệnh lệnh hành chính, yếu tố thỏa thuận đôi khi bị hạn chế.
- HĐKT không theo chỉ tiêu pháp lệnh: Đây là hợp đồng được ký kết trên nguyên tắc tự nguyện giữa các bên.

▶ Căn cứ vào tính chất của mối quan hệ:

- HĐKT mang tính chất đền bù: Là HĐKT mà quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia. Chẳng hạn, trong một hợp đồng mua bán hàng hóa, một bên có nghĩa vụ giao hàng hóa, bên còn lại có nghĩa vụ nhận hàng hóa và trả tiền cho bên kia.
- HĐKT mang tính tổ chức: Là hợp đồng được xác lập trên cơ sở sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể thỏa thuận thành lập ra một tổ chức kinh tế hoạt động vì lợi ích chung. HĐKT mang tính tổ chức không phải

ánh mối quan hệ hàng hóa tiền tệ, nó được ký kết nhằm thực hiện các mục tiêu của liên kết kinh tế.

► Căn cứ vào nội dung cụ thể của các quan hệ kinh tế, có thể chia HĐKT thành các loại sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Hợp đồng bảo hiểm
- Hợp đồng phân phối, đại lý và trung gian
- Hợp đồng sở hữu trí tuệ
- Hợp đồng liên doanh
- Hợp đồng hàng hải
- Hợp đồng lao động
- Các loại hợp đồng dự án xây dựng

Tác dụng cơ bản của Hợp đồng kinh tế trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp

- Trước hết, HĐKT thể hiện quyền và nghĩa vụ ràng buộc giữa các bên với nhau, do vậy, nó quy định trách nhiệm của mỗi chủ thể trong một hoạt động kinh tế - thương mại từ khi ký kết hợp đồng cho đến khi hết hiệu lực hợp đồng.
- Thứ hai, tham gia ký kết hợp đồng nghĩa là các chủ thể đã bị ràng buộc về mặt pháp lý. Nhờ vậy, mỗi chủ thể tham gia sẽ có ý thức hơn trong việc thực hiện các điều khoản kinh tế. Nếu một bên vi phạm một trong các điều khoản này thì sẽ có sự can thiệp của pháp luật để giải quyết các tranh chấp một cách khách quan. Từ đó, quyền lợi của các chủ thể sẽ được bảo đảm. Điều này cũng tạo sự yên tâm cho các bên khi tham gia một giao dịch kinh tế.
- Đứng dưới góc độ quản trị doanh nghiệp, việc tham gia ký kết và tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản trong HĐKT sẽ tạo uy tín cho

Doanh nghiệp trên thị trường, điều này có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của một Doanh nghiệp.

- Mặt khác, việc soạn thảo HĐKT đòi hỏi khá nhiều kỹ năng. Người soạn thảo hợp đồng phải dự tính được những rủi ro có thể xảy đến trong tương lai để điều chỉnh các điều khoản cho phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn. Do đó, rủi ro vi phạm hợp đồng càng thấp càng thể hiện năng lực của nhà quản trị trong việc đánh giá về đối tác cũng như dự kiến về lợi ích và rủi ro kinh tế có thể xảy đến trong tương lai.

1.42.71 Cách thức quản lý hợp đồng kinh tế trên phần mềm MISA SME.NET

Phần mềm kế toán MISA SME.NET cho phép NSD thực hiện việc quản lý các hợp đồng mua, hợp đồng bán và đưa ra các báo cáo về tình hình thực hiện các hợp đồng này.

1.42.71.1 Thiết lập danh sách các hợp đồng cần quản lý

Căn cứ vào các Hợp đồng kinh tế đã được ký kết, NSD nhập các thông tin chính trên hợp đồng vào phần mềm kế toán.

►► Hợp đồng mua

VD: ngày 12/01/2015 công ty ký kết hợp đồng mua bán với công ty Lan Tân, NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Tại phân hệ **Mua hàng**, chọn chức năng **Hợp đồng mua hàng** (hoặc trên tab **Hợp đồng mua hàng** chọn chức năng **Thêm**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:

Hợp đồng mua Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Thông tin chung

Số hợp đồng (*)	HDM00001	Ngày ký (*)	12/01/2015	Nhà cung cấp	CTY LANTAN
Tịch yếu	Hợp đồng mua hàng với công ty Lan Tân			Địa chỉ	1254 Lê Lai, Ba Đình, Hà Nội
Giá trị hợp đồng (*)	28.500.000,00			Mã số thuế	0101243150
GT hợp đồng quy đổi	28.500.000			Người liên hệ	Vũ Ngọc Lan

Thông tin khác

Tình trạng (*)	Đang thực hiện	Hạn giao hàng	13/01/2015		
Giá trị thanh lý	28.500.000,00			Địa chỉ giao	
GT thanh lý quy đổi	28.500.000			Hạn thanh toán	27/01/2015
Ngày thanh lý/hủy bỏ				NV mua hàng	NĐTOAN
Lý do					
Điều khoản khác					

- Loại tiền: VND
- Ngày ký: 12/01/2015
- Giá trị hợp đồng: 28.500.000 VND
- Nhà cung cấp: Chọn mã nhà cung cấp là công ty Lan Tân, phần mềm sẽ tự động lấy lên các thông tin liên quan đến nhà cung cấp
- Tình trạng: Chọn tình trạng là “*Đang thực hiện*”.
- Ngày giao hàng: 13/01/2015
- Hạn thanh toán: 27/01/2015
- Nhấn <<Cắt>> để lưu hợp đồng vừa nhập.

»» Hợp đồng bán

- **Hợp đồng bán lẻ:** VD: ngày 03/02/2015 công ty bán hàng cho công ty Bảo Oanh gồm Tủ lạnh Toshiba 110 lít (SL: 4; ĐG: 5.319.000 VND) và Tủ lạnh Toshiba 60 lít (SL: 7; ĐG 2.195.000 VND). Các khoản chi phí phát sinh gồm chi phí hoa hồng 2% và chiết khấu 1%, NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Tại phân hệ **Hợp đồng**, chọn chức năng **Hợp đồng bán** (hoặc trên tab **Hợp đồng bán** chọn chức năng **Thêm**).
- Tích chọn vào phần thông tin là **Hợp đồng**.
- Khai báo các thông tin chung về hợp đồng => khai báo các thông tin bắt buộc như: Số hợp đồng, Ngày ký, Giá trị hợp đồng, Đơn vị thực hiện, Người thực hiện, Tình trạng hợp đồng và các thông tin khác (nếu có):

- NSD có thể nhập thông tin **Giá trị hợp đồng** hoặc để hệ thống tự động lấy từ tab **Hàng hoá và dịch vụ** sang (sau khi NSD khai báo các hàng hoá được bán theo hợp đồng).
 - Thông tin khách hàng, Địa chỉ và Người liên hệ sẽ lấy theo thông tin đã khai báo trên danh mục khách hàng.
- Khai báo các khoản dự kiến chi của hợp đồng:

Chương 14: Một số chức năng hỗ trợ công tác quản lý doanh nghiệp

Hợp đồng bán - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi doanh số Nạp Đính kèm Giúp Đóng

Hợp đồng Dự án Chọn số đơn hàng

CHƯA GHI DOANH SỐ

1. Thông tin chung 2. Dự kiến chi 3. Hàng hóa dịch vụ

Diễn giải	Tỷ lệ %	Số tiền	Ngày dự kiến chi	Khoản mục CP	Đơn vị
Chi phí hoa hồng	2.00	806.102	17/02/2015	CPBHK	PKD
Chiết khấu	1.00	403.051	17/02/2015	CPBHK	PKD
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 2		1.209.153			

- Khai báo các hàng hoá, dịch vụ được bán theo hợp đồng:

Hợp đồng bán - Công ty Cổ phần ABC

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Ghi doanh số Nạp Đính kèm Giúp Đóng

Hợp đồng Dự án Chọn số đơn hàng

CHƯA GHI DOANH SỐ

1. Thông tin chung 2. Dự kiến chi 3. Hàng hóa dịch vụ

Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu	Số lượng đã giao	Đơn giá	Thành tiền
TL_TOSHIBA 110	Tủ lạnh Toshiba 110 lít	Chiếc	4,00	0,00	5.319.000	21.276
TL_TOSHIBA 60	Tủ lạnh Toshiba 60 lít	Chiếc	7,00	0,00	2.195.000	15.365
Bấm vào đây để thêm mới						
Số dòng = 2			11,00	0,00	36.641	
Tiền hàng		36.641.000	Tiền thuế GTGT		3.664.100	
Tiền chiết khấu		0	Tổng tiền thanh toán		40.305.100	

- Sau khi khai xong thông tin hợp đồng, nhấn <<Cắt>>.

- **Hợp đồng theo dự án:** VD: ngày 13/01/2015 công ty bán hàng cho công ty Hoàng Cầu, giá trị của dự án là 1.254.800.000. Các khoản chi phí phát sinh gồm hoa hồng 2%, chi phí đấu thầu 15%, chi phí nghiệm thu 1.5%, NSD tiến hành nhập liệu như sau:
- Tại phân hệ **Hợp đồng**, chọn chức năng **Hợp đồng bán** (hoặc trên tab **Hợp đồng bán** chọn chức năng **Thêm**).
- Tích chọn vào phần thông tin là **Dự án**.
- Khai báo các thông tin chung về dự án => khai báo các thông tin bắt buộc như: Mã dự án, Ngày ký, Đơn vị thực hiện, Người thực hiện, Tình trạng dự án và các thông tin khác (nếu có):

The screenshot shows the 'Hợp đồng bán' (Sell Contract) form in the MISA JSC system. The form is divided into two tabs: '1. Thông tin chung' (General Information) and '2. Dự kiến chi' (Estimated Expenses). The '1. Thông tin chung' tab is active and contains the following fields:

Mã dự án (*)	DA00003	Khách hàng	CTY_HOANGCAU
Ngày ký (*)	13/01/2015	Địa chỉ	2105 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội
Trích yếu		Người liên hệ	
Loại tiền	VND	Đơn vị thực hiện	Phòng Kinh doanh
Giá trị dự án	1.254.800.000	Người thực hiện	PMQUANG
GTDA quy đổi	1.254.800.000	Tình trạng dự án (*)	Chưa thực hiện
Giá trị thanh lý	1.254.800.000	Ngày thanh lý/hủy bỏ	
GTTL quy đổi	1.254.800.000	Lý do	
Hạn thanh toán		Điều khoản khác	

Additional fields and options include:

- Tỷ giá: 1,00
- Hạn giao hàng: [Dropdown]
- Là hợp đồng/dự án phát sinh trước khi sử dụng phần mềm
- Tính giá thành
- Đã xuất hóa đơn

A red box highlights the 'CHỮA GHI DOANH SỐ' (Check Business Number) button in the top right corner of the form.

- NSD có thể nhập thông tin **Giá trị dự án** hoặc để hệ thống tự động lấy từ **Giá trị hợp đồng** của các hợp đồng con thuộc dự án.
 - Thông tin khách hàng, Địa chỉ và Người liên hệ sẽ lấy theo thông tin đã khai báo trên danh mục khách hàng.
- Khai báo các khoản dự kiến chi của dự án:

Diễn giải	Tỷ lệ %	Số tiền	Ngày dự kiến chi	Khoản mục CP	Đơn vị
Chi phí đầu thầu	15,00	188.220.000	03/12/2014	CPBHK	PKD
Chi phí hoa hồng	2,00	25.096.000	16/12/2014	CPBHK	PKD
Chi phí nghiệm thu	1,50	18.822.000	16/12/2014	CPBHK	PKD
Bấm vào đây để thêm mới					
Số dòng = 3		232.138.000			

Diễn giải	Tỷ lệ %	Số tiền	Ngày dự kiến chi	Khoản mục CP	Đơn vị
Số dòng = 0					
		0			

- Riêng khoản dự kiến chi của các hợp đồng sẽ được hệ thống tự động tổng hợp từ các hợp đồng con thuộc dự án lên.
- Sau khi khai xong thông tin dự án, nhấn <<Cắt>>.

Khi thực hiện các giao dịch bán hàng hóa dịch vụ theo hợp đồng bán nào đó hoặc theo dõi tình hình thanh toán công nợ phải trả theo hợp đồng bán, trên các chứng từ thanh toán như Phiếu thu, Ủy nhiệm thu... NSD phải chọn hợp đồng bán tương ứng trên các chứng từ.

1.42.71.2 Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng

- ▶▶ Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo hợp đồng
- Tại phân hệ **Hợp đồng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Hợp đồng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<Chọn tham số>>.
- Chọn báo cáo là Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo hợp đồng, sau đó khai báo tham số báo cáo như: đơn vị, thời gian, hợp đồng:

Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo hợp đồng ? x

Báo cáo: 2. Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo hợp đồng

Chi nhánh: Công ty Cổ phần ABC Bao gồm số liệu chi nhánh phụ thuộc

Tham số

Kỳ báo cáo: Tháng 1 Từ: 01/01/2015 Đến: 31/01/2015

<input type="checkbox"/>	Mã hợp đồng	Ngày ký	Trích yếu
<input checked="" type="checkbox"/>	HĐB00002	14/01/2015...	
<input checked="" type="checkbox"/>	HĐB00004	03/02/2015...	
<input checked="" type="checkbox"/>	DA00002	18/01/2015...	Công ty Phú Thái ký hợp đồng mua hàng
<input checked="" type="checkbox"/>	HĐB00001	12/01/2015...	
<input checked="" type="checkbox"/>	HĐB00003	31/01/2015...	
<input checked="" type="checkbox"/>	DA00001	13/01/2015...	
<input type="checkbox"/>	HĐB14/0001	02/12/2014...	Bán hàng cho công ty Hoàng Cầu
<input type="checkbox"/>	HĐB14/0002	17/12/2014...	Bán hàng cho công ty Tiến Đạt
<input type="checkbox"/>	HĐB14/0003	23/12/2014...	Bán hàng cho công ty Phú Thái

Xóa điều kiện Đồng ý Hủy bỏ

- Xem báo cáo

Tệp Danh mục Nghiệp vụ Hệ thống Tiện ích Trợ giúp **Đang làm việc trên: Số tài chính - Công ty Cổ phần ABC** Thông báo

Chọn chi nhánh làm việc Tìm kiếm Báo cáo Ngày hạch toán Nap Mẫu Báo cáo đã cắt Thu gọn Xuất khẩu In Giup

Hợp đồng bán Báo cáo phân tích Thay đổi so với MISA SME.NET 2012

Chọn báo cáo...

BÁO CÁO CHI TIẾT LÃI LỖ THEO HỢP ĐỒNG
Chi nhánh: Công ty Cổ phần ABC; Tháng 01 năm 2015

Hợp đồng/Dự án: DA00002 (6)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Số tiền
			DOANH THU	550.000.000
25/01/2015	25/01/2015	BH00019	Bán hàng theo hợp đồng bán cho công ty Phú Thái	550.000.000
			CHI PHÍ	0
			Giá vốn hàng bán	0
			Chi phí khác	0
			LỢI NHUẬN	550.000.000

Hợp đồng/Dự án: HĐB00002 (7)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Số tiền
			DOANH THU	18.197.000
31/01/2015	31/01/2015	BH00005		18.197.000
			CHI PHÍ	800.000
			Giá vốn hàng bán	0
			Chi phí khác	800.000
16/01/2015	16/01/2015	PC00012	Chi phí hoa hồng	800.000
			LỢI NHUẬN	17.397.000

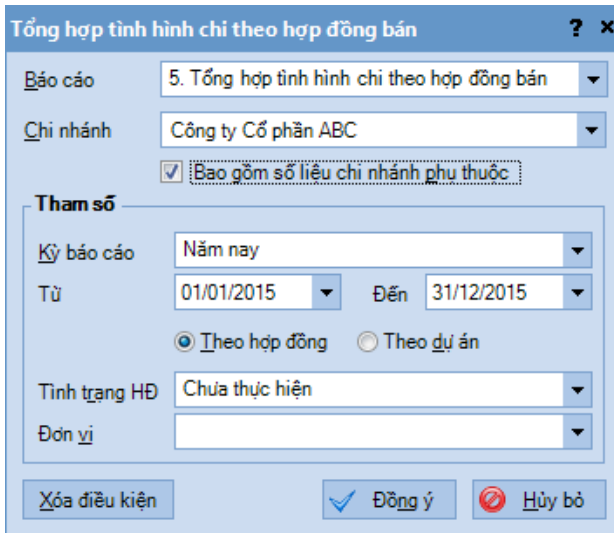
Số dòng = 13

Máy chủ: HKDUNG\MISASME2015 Tên DLKT: MISASME2015Sample Người dùng: ADMIN Tổng đài tư vấn: 1900-8677 OVR: NUM 2:48 CH 1/1

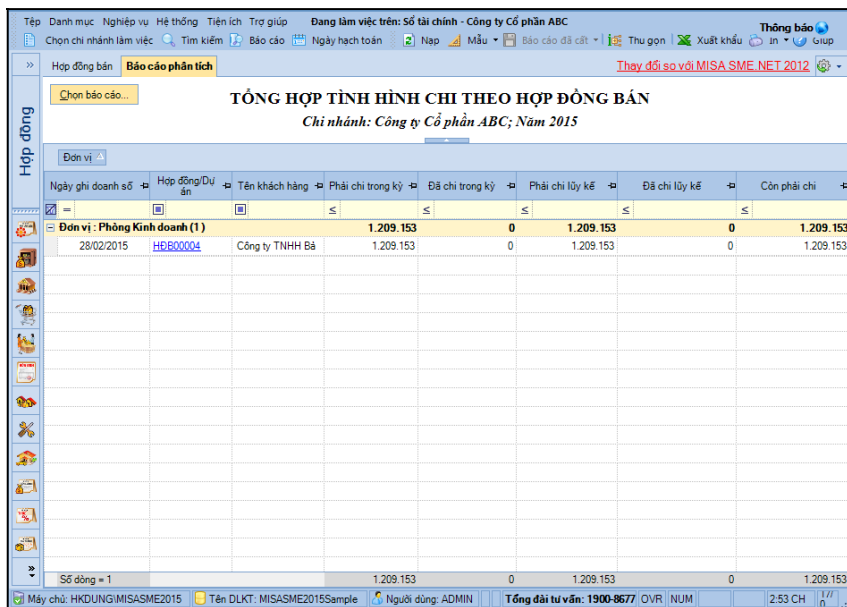
Chương 14: Một số chức năng hỗ trợ công tác quản lý doanh nghiệp

» Tổng hợp tình hình chi theo hợp đồng

- Tại phân hệ **Hợp đồng**, chọn tab **Báo cáo phân tích** (hoặc vào **Báo cáo\Hợp đồng** chọn báo cáo cần xem), sau đó nhấn <<**Chọn tham số**>>.
- Chọn báo cáo là **Tổng hợp tình hình chi theo hợp đồng**, sau đó khai báo tham số báo cáo như: đơn vị, thời gian, tiêu chí thống kê (hợp đồng/dự án), tình trạng thực hiện:



- Xem báo cáo



Phân tích tài chính

1.42.72 Vai trò phân tích tài chính

Trong nền kinh tế, có rất nhiều đối tượng quan tâm và sử dụng thông tin kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Mỗi đối tượng lại quan tâm theo góc độ khác nhau và đòi hỏi mức độ đáp ứng thông tin khác nhau để đưa ra quyết định với các mục đích khác nhau.

►► Đối với Nhà quản lý

Việc phân tích tài chính giúp nhà quản lý có cái nhìn chính xác nhất đối với tình hình tài chính của đơn vị mình, từ đó đưa ra những quyết định hoạt động đúng đắn. Cụ thể:

- Phân tích đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp giúp nhà quản lý tìm ra những chu kỳ đều đặn để đánh giá hoạt động quản lý trong giai đoạn đã qua, việc thực hiện cân bằng tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán và rủi ro tài chính trong doanh nghiệp.
- Định hướng cho Ban giám đốc trong việc đưa ra các quyết định theo chiều hướng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp như: quyết định về đầu tư, tài trợ, phân phối lợi nhuận...
- Là cơ sở để nhà quản lý đưa ra những dự đoán tài chính – nền tảng hoạt động quản lý.
- Phân tích tài chính doanh nghiệp là một công cụ để kiểm tra, kiểm soát hoạt động, quản lý trong doanh nghiệp.

►► Đối với các nhà đầu tư

Là người giao vốn của mình cho doanh nghiệp quản lý, nhà đầu tư có nhu cầu nắm bắt tình hình tài chính để đánh giá khả năng kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó dự tính được những lợi ích và rủi ro họ có thể nhận về khi đầu tư vào doanh nghiệp. Nói cách khác, phân tích tài chính đối với nhà đầu tư là để đánh giá doanh nghiệp và ước đoán giá trị cổ phiếu dựa vào việc nghiên cứu các báo biểu tài chính, khả năng sinh lời, phân tích rủi ro trong kinh doanh...

►► Đối với người cho vay

Đối với những người cho doanh nghiệp vay vốn để đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh thì khi cho vay, họ phải biết chắc được khả năng hoàn trả tiền vay cũng như thu nhập lãi vay nhận về từ khoản cho vay đó. Do vậy, phân tích tài chính đối với người cho vay là xác định khả năng hoàn trả nợ của người vay.

►► Đối với người được hưởng lương trong doanh nghiệp

Thu nhập của nhân viên trong công ty bao gồm 2 phần: tiền lương được trả và lợi nhuận được chia (nếu có cổ phần trong doanh nghiệp). Cả hai khoản thu nhập này đều phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc phân tích tài chính doanh nghiệp giúp họ định hướng việc làm ổn định của mình. Điều này có tác động to lớn đến hiệu quả công việc mà họ đem lại.

Như vậy, phân tích tài chính doanh nghiệp là công cụ hữu ích dùng để xác định giá trị kinh tế, để đánh giá các mặt mạnh, mặt yếu của một doanh nghiệp, tìm ra nguyên nhân khách quan và chủ quan, giúp cho từng đối tượng lựa chọn và đưa ra những quyết định phù hợp với mục đích mà họ quan tâm.

1.42.73 Một số chỉ tiêu phân tích tài chính

1.42.73.1 Các hệ số phản ánh cơ cấu tài chính và cơ cấu Tài sản

►► Hệ số nợ và hệ số vốn chủ sở hữu

- Hệ số nợ: Là chỉ tiêu phản ánh phần trăm số vốn từ bên ngoài (vốn vay) trên tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng số nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn của DN}}$$

- Hệ số vốn chủ sở hữu: Trái với hệ số nợ, hệ số vốn chủ sở hữu là chỉ tiêu đo lường mức vốn góp của chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp:

$$\text{Hệ số vốn chủ sở} = \text{Nguồn vốn CSH} = 1 - \text{Hệ số nợ}$$

hữu

Tổng nguồn vốn

Hệ số nợ càng thấp (hay hệ số vốn chủ sở hữu càng cao) thì sự phụ thuộc của doanh nghiệp vào nguồn vốn bên ngoài càng ít, món nợ của người cho vay càng được bảo đảm và do vậy việc cho vay càng an toàn và ngược lại sẽ kém an toàn.

►► Hệ số nợ dài hạn

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ phụ thuộc của doanh nghiệp vào chủ nợ, được đo bằng tỷ số giữa nợ dài hạn và nguồn vốn chủ sở hữu:

$$\text{Nợ dài hạn trên nguồn vốn CSH} = \frac{\text{Nợ dài hạn}}{\text{Nguồn vốn CSH}}$$

Chỉ tiêu này cao hay thấp tùy theo từng ngành hoạt động. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro tài chính, thường người cho vay chỉ chấp nhận chỉ tiêu này ở mức nhỏ hơn 1.

1.42.73.2 Các hệ số phản ánh khả năng thanh toán ngắn hạn

►► Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{TÀI SẢN ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đo lường khả năng mà các tài sản ngắn hạn có thể chuyển đổi thành tiền để hoàn trả các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số này cao, có thể đem lại sự an toàn về khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, một doanh nghiệp có hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn quá cao cũng có thể doanh nghiệp đó đã đầu tư quá đáng vào tài sản hiện hành, một sự đầu tư không mang lại hiệu quả.

►► Hệ số khả năng thanh toán nhanh

Hệ số khả năng thanh toán nhanh đo lường khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp bằng việc chuyển đổi các tài sản lưu động, không kể hàng tồn kho.

$$\text{Hệ số khả năng} = \text{TSNH} - \text{Hàng tồn kho}$$

thanh toán nhanh

Nợ ngắn hạn

- ▶▶ Hệ số khả năng thanh toán tức thời (thanh toán ngay)

Hệ số này cho biết khả năng thanh toán ngay của doanh nghiệp tại thời điểm xem xét.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền} + \text{Các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Thông thường, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức 2, hệ số khả năng thanh toán nhanh ở mức 1, hệ số khả năng thanh toán tức thời ở mức 0,5 được coi là hợp lý. Tuy nhiên, do đặc điểm và tính chất kinh doanh của mỗi ngành khác nhau, nên để có thể đưa ra những nhận xét đúng đắn về khả năng thanh toán của doanh nghiệp, cần so sánh các hệ số này của doanh nghiệp với các hệ số trung bình ngành.

- ▶▶ Hệ số khả năng thanh toán lãi tiền vay

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tiền vay} = \frac{\text{LN trước thuế} + \text{Lãi tiền vay phải trả}}{\text{Lãi tiền vay phải trả}}$$

Hệ số này nói lên trong kỳ doanh nghiệp đã tạo ra lợi nhuận gấp bao nhiêu lần lãi phải trả về tiền vay. Hệ số này càng cao thì rủi ro mất khả năng chi trả lãi tiền vay càng thấp và ngược lại. Thông thường hệ số này được các chủ nợ chấp nhận ở mức hợp lý khi nhỏ hơn hoặc bằng 2.

1.42.73.3 Các hệ số phản ánh năng khả năng hoạt động

- ▶▶ Vòng quay khoản phải thu

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh tốc độ thu hồi các khoản nợ của Doanh nghiệp.

- ▶▶ Vòng quay hàng tồn kho:

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức độ ứ đọng vốn của Doanh nghiệp trong khâu dự trữ và sản xuất.

▶▶ Vòng quay vốn lưu động

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

Số vòng quay lưu chuyển vốn lưu động càng lớn chứng tỏ tốc độ luân chuyển vốn lưu động càng nhanh, doanh thu bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ tăng, vốn lưu động của doanh nghiệp không bị ứ đọng,... giảm chi phí, tăng lợi nhuận.

1.42.73.4 Các hệ số phản ánh khả năng sinh lời

▶▶ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS)

$$\text{ROS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}}$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thể hiện trong một trăm đồng doanh thu mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ có bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

▶▶ Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)

$$\text{ROA} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Tỷ suất này phản ánh cứ một trăm đồng tài sản bỏ vào sản xuất kinh doanh đem lại bao nhiêu đồng lợi nhuận.

▶▶ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ hữu (ROE)

$$\text{ROE} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

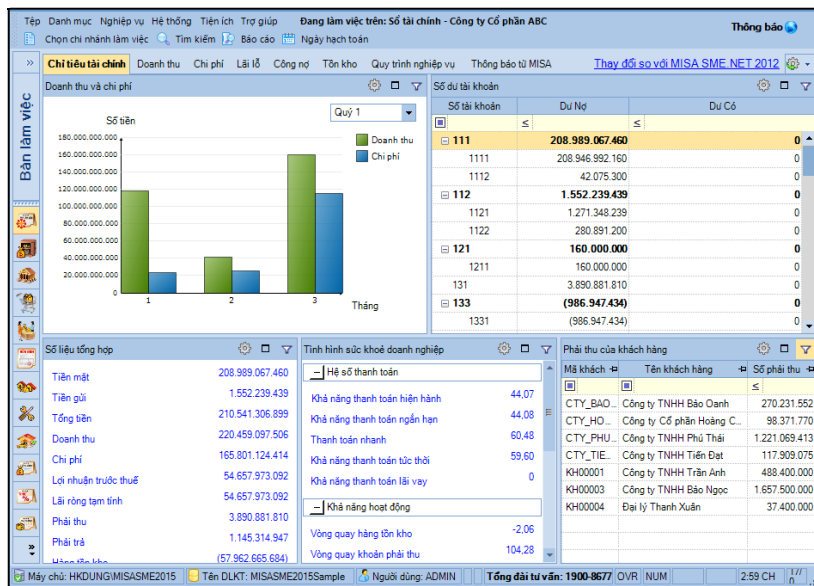
Chỉ tiêu này nói lên với một trăm đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra đầu tư thì đem lại bao nhiêu đồng lợi nhuận.

1.42.74 Chức năng phân tích tài chính trên phần mềm

Phần mềm kế toán MISA SME.NET được thiết lập sẵn công thức tính cho các hệ số phân tích tài chính. Căn cứ vào số liệu kế toán được nhập vào, phần mềm sẽ tự động tổng hợp và tính toán ra các hệ số này. Đồng thời, phần mềm cung cấp biểu đồ tình hình doanh thu và chi phí, doanh thu theo sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ, nhìn vào đó nhà quản lý có thể nhanh chóng đưa ra những đánh giá tổng quát về tình hình tài chính của doanh nghiệp tại bất cứ thời điểm nào. Bên cạnh đó, phần mềm MISA SME.NET còn có chức năng nhắc nhở NSD về những khoản nợ sắp đến hạn và quá hạn thanh toán.

Để theo dõi tình hình tài chính của Doanh nghiệp:

- NSD chọn **Phân tích tài chính** tại **Bàn làm việc**.
- Chọn kỳ cần theo dõi, ví dụ: Quý này



- Biểu đồ doanh thu theo sản phẩm: cho biết trong tổng doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thì mỗi mặt hàng chiếm bao nhiêu %, từ đó biết được mặt hàng nào chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất.

- Biểu đồ doanh thu và chi phí: cho phép NSD theo dõi được tình hình biến động doanh thu, chi phí của doanh nghiệp qua từng thời kỳ kinh doanh; đồng thời cho phép theo dõi sự biến động về lợi nhuận.
- Số dư tài khoản: cho phép xem số dư của tất cả các tài khoản thời điểm hiện tại.
- Số liệu tổng hợp: cho phép xem số dư tổng hợp về Tiền mặt, Tiền gửi, Tổng tiền, Doanh thu, Chi phí,theo từng khoảng thời gian cụ thể.
- Tình hình sức khỏe của doanh nghiệp: thông qua các hệ số về các chỉ tiêu tài chính mà phần mềm tự tổng hợp và tính toán ra như: hệ số thanh toán, khả năng hoạt động, khả năng sinh lời, cơ cấu tài chính và cấu trúc tài sản, nhà quản trị sẽ có cái nhìn tổng quát về tình hình tài chính của doanh nghiệp mình từ đó đưa ra các đánh giá cho phù hợp.
- Phải thu khách hàng: cho phép xem nhanh số dư công nợ còn phải thu thực tế của từng khách hàng.
- Phải trả nhà cung cấp: cho phép xem số dư công nợ còn phải trả thực tế đối với từng nhà cung cấp.
- Danh sách VTHH theo số lượng tồn tối thiểu: cho phép xem danh sách vật tư hàng hóa theo số lượng tồn tối thiểu.

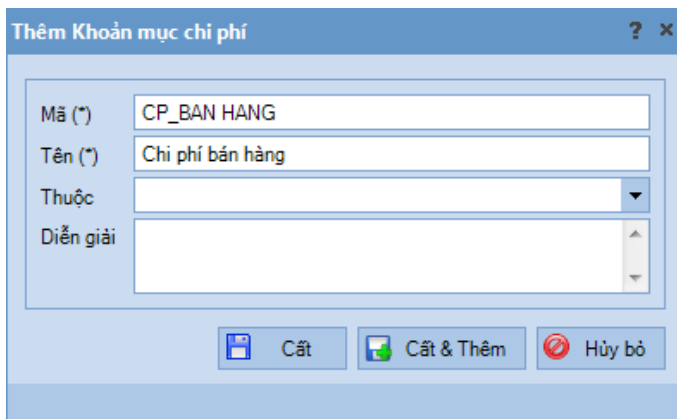
Ngân sách

Phân hệ Ngân sách cho phép các văn phòng, chi nhánh lập dự toán chi ngân sách đầu năm, phản ánh tình hình cấp phát ngân sách của tổng công ty cho các văn phòng, chi nhánh, giúp kiểm soát tình hình chi ngân sách theo từng tháng, quý, năm và cảnh báo khi chi vượt ngưỡng chi tiêu. Phân hệ này phù hợp với công ty đa chi nhánh, tổng công ty có nhu cầu kiểm soát chi tiêu của các chi nhánh, văn phòng đại diện.

1.42.75 Dự toán ngân sách

Đầu tiên, NSD phải thiết lập danh sách các khoản mục chi phí phục vụ cho việc lập dự toán đầu năm cho các khoản chi sẽ sử dụng trong năm:

- Vào menu **Danh mục\Khoản mục chi phí**, chọn chức năng **Thêm**, sau đó khai báo các thông tin chi tiết sau:



- Nhập các thông tin liên quan về khoản mục chi phí cần thêm mới: mã, tên...
- Nhấn <<**Cắt**>> để lưu Mục thu (chi) vừa nhập.

Tiếp theo, NSD sẽ tiến hành lập bảng dự toán ngân sách cho cá khoản dự kiến chi trong một năm hoạt động của doanh nghiệp. Bảng dự toán chi này thường được lập vào cuối kỳ kinh doanh trước hoặc đầu kỳ kinh doanh tới. Các khoản thu thường là: chi phí vận chuyển, chi phí bán hàng, chi phí văn phòng... NSD tiến hành nhập liệu như sau:

- Tại phân hệ **Ngân sách**, chọn chức năng **Dự toán chi phí** (hoặc trên tab **Dự toán**, chọn chức năng **Nhập dự toán**), sau đó khai báo các thông tin chi tiết:
- Vào menu **Nghiệp vụ\Ngân sách\Dự toán thu**, kích chuột vào biểu tượng <<**Nhập dự toán**>> trên thanh công cụ:

Dự toán chi phí

Năm: 2015 Dự toán chi phí chi tiết theo đơn vị

Mã khoản mục chi phí	Tên khoản mục chi phí	Tổng cộng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
CP_BAN HANG	Chi phí bán hàng	18.326.000	18.326.000	0	0	0	0	0
CP_BAO BI	Chi phí bảo bì	2.584.000	2.584.000	0	0	0	0	0
CP_VAN CHUYEN	Chi phí vận chuyển	5.487.200	5.487.200	0	0	0	0	0
CPBHK	Chi phí bán hàng khác	10.254.800	10.254.800	0	0	0	0	0
CP_QL	Chi phí quản lý	59.811.200	59.811.200	0	0	0	0	0
CP_NHAN CONG	Chi phí nhân công	38.752.100	38.752.100	0	0	0	0	0
CP_VAN PHONG	Chi phí văn phòng	14.217.000	14.217.000	0	0	0	0	0
CPQLK	Chi phí quản lý khác	6.842.100	6.842.100	0	0	0	0	0

Giúp | Xuất khẩu Excel | Cắt | Hủy bỏ

- Chọn Năm nhập dự toán.
- Nếu muốn nhập dự toán chi tiết theo từng phòng ban thì tích vào nút <<**Dự toán chi phí chi tiết theo đơn vị**>> và chọn phòng ban tương ứng.
- Sau đó, nhập số tiền dự toán thu theo từng tháng tương ứng với từng mục thu/chi
- Nhấn nút <<**Cắt**>> để lưu bảng dự toán đã lập.

1.42.76 Tình hình sử dụng ngân sách

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu, chi tiền theo dự toán, NSD cần chọn mục thu, chi ngân sách phù hợp:

Chương 14: Một số chức năng hỗ trợ công tác quản lý doanh nghiệp

Sau đó, NSD có thể kiểm tra, đối chiếu giữa số tiền dự toán với số tiền thực chi trong tháng bằng cách chọn phân hệ **Báo cáo\Ngân sách\Tình hình chi phí thực tế so với dự toán**:

- Nhập các tham báo cáo như: thời gian, đơn vị, sau đó nhấn <<**Đồng ý**>>:

Chương 14: Một số chức năng hỗ trợ công tác quản lý doanh nghiệp

Tình hình chi phí thực tế so với dự toán

BÁO CÁO CHI PHÍ THỰC TẾ SO VỚI DỰ TOÁN
Đơn vị: Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABC; Tháng 01 năm 2015

Kéo một tiêu đề cột vào đây để nhóm theo cột đó.

Mã khoản mục chi phí	Tên khoản mục chi phí	Dự toán	Thực tế	Chênh lệch	Tỷ lệ thực tế/dự toán (%)
CP_BAN HÀNG	Chi phí bán hàng	18.326.000	0	(18.326.000)	0,00
CP_BAO BI	Chi phí bao bì	2.584.000	0	(2.584.000)	0,00
CP_VAN CHUYEN	Chi phí vận chuyển	5.487.200	0	(5.487.200)	0,00
CPBHK	Chi phí bán hàng khác	10.254.800	0	(10.254.800)	0,00
CP_QL	Chi phí quản lý	59.811.200	20.000.000	(39.811.200)	33,44
CP_NHAN CONG	Chi phí nhân công	38.752.100	20.000.000	(18.752.100)	51,61
CP_VAN PHONG	Chi phí văn phòng	14.217.000	0	(14.217.000)	0,00
CPQLK	Chi phí quản lý khác	6.842.100	0	(6.842.100)	0,00
	Cộng	78.137.200	20.000.000	(58.137.200)	25,60

Số dòng = 9

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Help phần mềm MISA SME.NET: <https://helpsme2021.misa.vn/>
 2. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về **Chế độ kế toán doanh nghiệp** và Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính về **Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa**.
 3. Thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc **“Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”**.
 4. **“Những vấn đề Quan trọng khi đánh giá Phần mềm Kế toán và ERP tại Việt Nam”** của Mekong Capital Ltd, soạn thảo từ ngày 24/02/2004.
 5. Website: <http://www.pcworld.com.vn> của Tạp chí Thế giới Vi tính.
 6. Website: <http://www.webketoan.vn>
-

GIÁO TRÌNH KẾ TOÁN MÁY – KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Chịu trách nhiệm xuất bản

Công ty Cổ phần MISA

**Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Technosoft, Phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu,
Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội**

Website: <http://www.misa.vn>
